

LÊ QUÝ ĐÔN

# PHỤ BIÊN TẬP LỤC

Tập II

Quyển 4, 5 & 6



bản dịch của  
LÊ XUÂN GIAO

*Tìm sách*



TỦ SÁCH CỔ VĂN - ỦY BAN DỊCH THUẬT



**PHỦ BIÊN TẠP LỤC**  
*Tập II (trọn bộ)*





**PHỦ BIÊN TẠP LỤC**  
**Quyển bốn**





# Phủ Biên Tạp Lục

## Quyển Bốn

Lê-quý-Đôn tự là Doãn-hậu mới soạn <sup>1</sup>

### [1a] NÓI VỀ THUẾ KHOÁ

Thiên Chu-quan trong kinh Lê-ký có nói đến thuế quan thị và thuế sơn trạch ngày xưa.

Quan-thuế như thuế tuần ở nước ta ngày nay ; thị-thuế như thuế chợ ở nước ta bây giờ ; sơn thuế như thuế khai-thác các mỏ ở nước ta sau này ; và trạch-thuế như thuế chằm ở nước ta ngày nay vậy.

Về đời nhà Chu, tại những nơi núi-non, ao chằm, nhà-nước đều có đặt chức Ngu-quan để trông-coi.

Tại những nơi núi cao, chằm lớn, nhà-nước đều đặt bốn người trung-sĩ cùng tám người hạ-sĩ trông-coi.

Ở những nơi núi-non và ao chằm thuộc hạng trung, người ta đều đặt sáu người hạ-sĩ.

Còn ở những nơi núi-non và ao chằm vào hạng nhỏ thì chỉ đặt hai người hạ-sĩ.

---

1. Cuốn 4 trong bộ Phủ-biên tạp-lục được soạn thành sau các cuốn 1, cuốn 2, cuốn 3, cuốn 5 và cuốn 6.



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN BỐN

Cho đến các sông, các rừng đều đặt các nha-quan đề gin-giữ công-sản. Như ở những nơi rừng lớn, sông lớn, người ta đặt mười hai người hạ-sĩ.

Ở những nơi có rừng và sông vào hạng trung, người ta đặt sáu người hạ-sĩ.

Còn ở những nơi có sông và rừng vào hạng nhỏ, người ta chỉ đặt hai người hạ-sĩ.

Như vậy thì những người thuộc phủ lại ngày xưa cũng rất nhiều.

Nhưng người đời xưa há có nghĩ chẳng phải vì nhà-nước cùng nhân-dân tranh-giành mỗi lợi mà không đặt ra pháp-luật cho nghiêm-mật.

Hai xứ Thuận-hoà và Quảng-nam, về mỗi lợi chinh-các<sup>1</sup> rất lớn-lao. Căn-cứ vào các bản loại-khai của những viên Cai-bạ và Cai-hợp, thì năm Giáp-ngọ [tức năm 1774 là năm thứ 35 niên-hiệu Lê Cảnh-hưng], tất cả các ngạch thuế đầm, thuế chợ, thuế dò-ngang và dò-dọc, thuế dâng-dó tại các trèm nước thuộc các nguyên-đầu, tổng-cộng lĩnh theo tiền là [1b] 76.467 quan, 2 tiền, 40 chữ. Tính theo giá vàng là 14 thoi [hốt], 8 lượng, 3 đồng càn và 1 phân, còn tính theo giá bạc là 145 thoi, 2 đồng càn và 1 phân. Cùng với 9 chiếc tè-giác [sừng con tè-ngu], sáp-ong vàng, dầu nước [thủy-du], cây long-đẳng [cây mây rồng], thiết-đẳng [cây mây đen rất bền, cứng], trái cảm-lam [trái trám], mần-đường-đẳng (cái đèn lớn tỏa ánh sáng khắp nhà), chiếu đan bằng mây, mặt-ong trắng, hải-sâm [con đờn-đột), nước mắt, và

---

1. Chinh-các 征權, theo Tự-điền Từ-nguyên, là phép đánh thuế-khoá. Chinh-các ở đây có nghĩa là đánh, thâu thuế-khoá.





## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN BỐN

những hoá-vật linh-tinh các hạng, tính đến con số hàng trăm, hàng nghìn, tưởng cũng nhiều lắm vậy.

Trong các thứ thuế kể trên, những nơi có thuế chợ và thuế dò đều tăng thuế hơn trước quá nặng-nề. Cả đến mỡ heo, và trâu-cau cũng đều bị đánh thuế, thật là vụn-vặt!

Trong việc đánh thuế, quan [tức nhà-nước] chỉ được một phần, mà kẻ đi thầu thuế thủ lợi đến hai phần, vì thế mà nhân-dân ta-thán chính-phủ.

Nhưng ngày nay, nhà-nước nèn nhân đó mà sửa-đổi lại ngạch thuế cho thích-hợp, bỏ những thứ thuế mà nhân-dân không thể chịu được. Rồi đánh thuế những thứ đáng chịu thuế của những người sở-hữu, và qui-định phương-pháp đánh thuế một cách vừa-phải, giản-dị, như vậy mới mong nhân-dân được yên-nghỉệp làm ăn, mà nhà-nước cũng được lợi.

Nay nhà-nước lấy số thuế ruộng-nương đất-dai của hai xứ Thuận-hoá và Quảng-nam mà cấp lương cho quan-lại và quân-binh hai xứ ấy, cũng còn dư thừa thay.

Kìa bên nước Trung-Hoa, vốn-vẹn trong một nước Tề nhỏ bé, chỉ đánh có thuế núi, thuế biển, và thuế muối-hột, mà người ta cũng còn làm giàu được [2a], huống chi nguồn lợi của nước ta có đến gấp mười lần nguồn lợi của nước Tề?

Hai xứ Thuận-hoá và Quảng-nam, về số tiền thu thuế các chằm, núi và chợ-búa, cộng 76.467 quan 2 tiền 40 chữ. Riêng về xứ Quảng-nam đã chiếm đến 6 phần 10 số tiền thuế ấy, còn xứ Thuận-hoá chỉ có 11.222 quan 2 tiền 54 chữ mà thôi.

Khi chúng tôi gạn hỏi mọi người, họ đều cho biết: các thứ tạp-thuế ở xứ Quảng-nam đều do Trương-phúc-Loan mới đặt

## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN BỐN

thêm, chứ không phải đã có từ đời các vương công [tức các chúa Nguyễn] ngày trước.

Trong khoảng trời đất bao-la bát-ngát, dần dần người ta mở-mang khai-thác, cho nên từ núi sông, đất-cát cho đến nhân-vật, tài-hoá đều biến đổi. Có chỗ trước kia còn bỏ hoang, ngày nay đã được khai-khẩn, có chỗ trước kia còn ít-ỏi, ngày nay trở thành đông-dúc, tình-trạng trước sau thật khác nhau như vậy.

Như xứ Thuận-hoá, vào thời Hồng-đức [tức Lê Thánh-tông], mới chỉ thâu thuế điền-thổ, nên trong sách Thiên-nam dư-hạ tập<sup>1</sup> không thấy nói đến thề-lệ nạp thuế thóc.

Thế mà ngày nay trong bộ cũ của nhà Nguyễn đã thâu thóc thuế điền-thổ, thuế công ở xứ Thuận-hoá đến 3.533.360 thăng thóc.

Còn xứ Quảng-nam, từ đời Lê Hồng-đức đánh chiếm đất nước Chiêm-thành<sup>2</sup>, chỉ mới [2b] khai-khẩn được ba phủ mà thôi. Đến đời nhà Nguyễn, ngay lúc đầu, đã đánh lấy nước Chiêm-thành, và hơn nửa nước Chàn-lạp [tức nước Cao-miên], thâu dân-số của họ biên vào hộ-tịch nước ta, rồi thiết-lập thêm năm phủ, thâu thêm tô-thuế rất nhiều.

Châu Sa-bôi và châu Thuận-bình đều là những nơi dân Man

---

1. Sách Thiên-nam dư-hạ tập do ông Thân-nhân-Trung và ông Đỗ-Nhuận đời Lê Thánh-tông trước-thuật nói về việc chinh và hình-luật gồm 100 cuốn.

2. Năm Tân-mão (1471), vua Lê Thánh-tông tự làm tướng tiến binh vây thành Đồ-bàn của Chiêm-thành, bắt Chúa Chiêm-thành là Trà-Toàn. Tướng Chiêm-thành Bồ-Tri tự xưng Vương ở Phan-lung và vào cống vua ta. Nhà vua phong cho Bồ-Tri làm vua Chiêm-thành. Nhà vua lấy đất Đại-chiêm và đất Cồ-lụy của Chiêm-thành để đặt đạo Quảng-nam rồi kéo quân về.



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN BỐN

cu-ng. Còn Nguyên <sup>1</sup> Cam-lộ thuộc huyện Đãng-xương cùng Thượng-lưu Sái-nguyên [đến đời Hoan Quận - còn Nguyên-Hoàng mới đặt làm nguyên] thuộc huyện Hải-lăng, về đời Hồng-đức, đều có lệ triều-cống vua ta. Đến đời nhà Nguyên mới sai phái quan-chức trông coi các Man ở Sái-nguyên. Các Man này có đệ nạp thuế công cho nhà-nước, còn số thuế tư thi dành để cấp ng-lộc [tức lương] cho quan Tri-huyện.

Còn đối với hai Man Cha-bôn và Thượng-kế thuộc châu Sa-bôi thì nhà-nước sai phái một viên Đội-trưởng đi áp thâu các thứ thuế công như: voi đực một thớt, cao 5 thước 5 tấc; hai bức màn vải; hai mươi tấm vải trắng; gạo nếp một trăm lâu [mỗi lâu 30 thăng]; bốn bộ tề-giác; hoả-đao hai mươi chiếc; hai lâu nhỏ đá lửa [mỗi lâu 50 cân], nhà-nước phát cho mỗi lâu 3 tiền; mua một con trâu, phát cho 5 quan tiền; mua năm khối sáp-ong nặng 5 cân, phát [3a] 5 quan, 5 tiền.

Châu Thuận-bình nay được đổi làm châu Tĩnh-yên gồm có hai Man là Trầm-bôn và Xương-khâm. Đối với hai Man này, nhà-nước phái một viên Cai-đội đi áp thâu thuế công như voi đực một thớt cao 5 thước 5 tấc, một bức màn vải, mười tấm vải trắng, bảy mươi lâu gạo nếp. Còn thuế tư thi mua mười lâu gạo nếp, mỗi lâu 15 cân, phát tiền cứ tính mỗi lâu là 3 tiền. Gạo lễ về tiết Chánh-đán [tức ngày mừng một tháng giêng] và về ngày tư-ky [ngày giỗ riêng] mười lâu, mỗi lâu nặng 15 cân.

Bốn Man [Cha-bôn, Thượng-kế, Trầm-bôn và Xương-khâm] thuộc hai châu kể trên [Sa-bôi và Thuận-bình], hằng năm phải nạp đủ thuế lệ, thì nhà-nước phát cho ba quan cở tiền [tiền đồng xưa], một tấm đoạn hồng-cầm, hai tấm lụa thuế, tiền quản

1. Nguyên ở miền Thượng-du cũng như tổng ở miền hạ-bạ.



## PHỤ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN BỐN

tượng một quan, một con heo được thay-thế tiền là ba quan, nước mắm ba tĩn, rượu ba tĩn, gạo hai bao, muối hai lâu.

Nếu nơi nào nạp không đủ số thuế, thì không được cấp-phát những vật-hạng kể trên.

Ở Đạo Man-vanh, nhà-nước cũng sai quan Châu đi áp thâu thuế công : voi đực một thớt cao 5 thước 5 tấc, vải trắng bốn mươi tấm, chiêng đồng một chiếc [bề mặt rộng 2 thước 2 tấc], như không có chiêng đồng thì được nạp thay-thế bằng tiền là mười quan, ngà voi ba chiếc, hoả-đao ba mươi chiếc, đá-lửa [3b] hai mươi lâu, tẻ-giác năm bộ.

Còn thuế tư thì sáp-ong cân nặng bằng mười lăm quan tiền, thì phát mỗi quan là năm tiền ; còn trâu một con thì phát năm quan.

Man này, nếu hằng năm nạp đủ thuế-lệ thì được phát tiền mười quan, một tấm đoạn hồng-cầm, hai tấm lụa thuế, một tấm sa màu dương-liều, một quan tiền quản tượng, một con heo được thay-thế bằng một quan tiền, năm tĩn nước mắm, hai tĩn rượu, hai lâu muối và hai bao gạo.

Ngoài ra, tại man Cù-bông, quan Châu chiếu lệ đi áp thâu thuế công, lấy tám bức màn vải ; cùng thuế tư, lấy mười lăm quan tiền và một tấm vải trắng.

Tại sách Làng-Đề [hay Làng-Đề], thì nhà-nước biệt phái một viên Cai-đội đi áp thâu, theo lệ cứ ba năm phải nạp một thớt voi đực, cao 5 thước 5 tấc. Thuế tư thì cứ ba năm nạp một con trâu, một khối sáp-ong cân nặng bằng mười quan tiền, và được cấp-phát mỗi quan là năm tiền.

Tại sách Làng-Tông, cũng giao cho quan ở đấy áp thâu, chiếu lệ cứ đánh công thuế lấy bì gai tám mươi cuốn, bí-đao



## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN BỐN

bốn trăm trái, nhưng chỉ phải nộp một trăm trái, còn ba trăm trái thì được nộp tiền thay-thế là mười lăm quan tiền. Còn thuế tư thì phải nộp mười lâu gạo nếp. Nhà-nước lại mua hai mươi lâu gạo nếp, mỗi lâu nặng 15 cân, và được cấp-phát tiền cứ mỗi lâu là ba quan. [4a]

Tại sách Làng-Liên [hay Làng-sen], thì cho viên Đội-trưởng đi áp thâu, chiếu theo thuế-lệ thâu thuế công là bốn trăm trái bí-đao, nhưng chỉ phải nộp một trăm trái, còn ba trăm trái thì được nộp tiền thay-thế là mười lăm quan. Còn thuế tư, phải nộp mười lâu gạo nếp, mỗi lâu 30 thăng; mười bát mật-ong. Nhà-nước lại mua mười hai lâu gạo nếp, mỗi lâu 12 thăng, và được cấp-phát tiền cứ mỗi lâu là ba tiền. Lại mua, sáp-ong cân nặng bằng năm quan tiền, và được cấp-phát tiền cứ mỗi quan là năm tiền.

Tại khu-vực Tôi-ôi, lậu-dân có tám sách [cũng như thôn], Cồn-quan [quan ở đấy] đi áp thâu các thứ thuế. Chiếu theo lệ thuế công, thì khu-vực ấy phải nộp tám lâu gạo trắng, mỗi lâu 30 thăng, và sáu cuốn bì gai. Còn thuế của hai sách Làng-Tán và Làng-Mít thì được phép dành làm ngụ lộc cho các viên chức ở Tổa-án. Chỉ có thuế tư thì phải nộp gạo nếp bảy lâu, mỗi lâu 30 thăng; lại mua gạo nếp mười lâu, mỗi lâu 15 thăng, còn tiền lá thì mỗi lâu ba tiền.

Xã Cam-lộ thuộc huyện Đặng-xương ở về mạn Thượng-lưu sông Điếu-giang, phía dưới thông với cửa biển Việt-hải, phía trên tiếp-giáp với các sách thuộc vùng Sái-nguyên nước Ai-lao. Người Man đều theo con đường này mà đi. Qua các vùng như nước Lạc-hòn [nay là tỉnh Lạc-hòn thuộc nước Thái-lan], Vạn-tượng [nay là kinh-thành Vientiane, một trong hai thủ-đô của nước Ai-lao], phủ Trấn-ninh [thuộc tỉnh Nghệ-an, giáp-giới với nước Ai-lao], [4b] châu Qui-hợp, những bộ-lạc của người Lào đều có đường thông-hành ra đến nơi đây.



## PHỤ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN BỐN

Từ xã Cam-lộ này, người ta đi một ngày đường thì đến phường Khang-yên, có đồn-tuần được gọi là đồn Ba-trăng, cũng được gọi là đồn Hiếu-giang. Theo lệ, các khách buôn hoặc các người lãnh-trung phải đến đồn [đồn Ba-trăng] xin cấp giấy đề lên Thượng-nguyên mua bán các hàng-hóa và vật-dụng, mỗi năm mỗi người phải nộp 110 quan tiền.

Từ đồn Ba-trăng đi hai ngày rưỡi thì đến địa-giới nước Ai-lao, ở một bên sông Đại-giang, nhà Nguyễn có cho thiết-lập dinh-đồn, có sáu thuyền binh đóng ở nơi đây. Dinh này được gọi là dinh Ai-lao.

Ở về phía bên hữu sông xã Cam-lộ, có đồn-tuần Cây-lúa. Lệ ở đồn-tuần này cũng y như lệ ở đồn-tuần Hiếu-giang, thuế hàng năm, các khách buôn cứ đem vào đây dâng-nộp. Từ đây, người ta đi thông tới miền Man-vang và miền Vạn-tượng.

Ở về phía bên tả đồn Hiếu-giang, có đồn-tuần Ngưu-cước. Thề-lệ nộp thuế ở nơi đây cũng như ở đồn Hiếu-giang, thuế mỗi một năm là 120 quan tiền.

Từ bên trái đồn Hiếu-giang đi ngược trở lên, có các động sách, người Man cư-trú ở đây cày-cấy, chăn-nuôi rất nhiều. Những người khách buôn ở các nơi khác thường thường chuyên-chở muối, nước mắm, cá khô, các đồ sắt, nồi đồng, hột bạc, thoa, xuyến cùng các tạp-vật khác, đến các động sách người Man ở để đổi-chác lấy thóc, gạo, gà, trâu, gai, sáp-ong, mây, vỏ cây gió (để làm giấy), [5a] vải man, màn man, các hóa-vật..., rồi họ thuê voi chở về xã Cam-lộ.

Người Mán cũng có chuyên-chở các hàng-hóa và vật-hạng xuống xã Cam-lộ để bán-chác. Một con voi có thể chở được 30 gánh gạo, mỗi gánh chừng 20 bát gạo.



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN BỐN

Cũng có phiên chợ, họ lừa tới 300 con trâu đến bán, mỗi con trâu trị giá không quá 10 quan tiền, còn một con voi trị giá 2 thoi bạc.

Nếu người ta giảm nhẹ thuế luàn và đừng thâu thuế đầu voi, thì có thể chuyên-chở thóc từ nước Ai-lao xuống đủ cung-cấp cho nơi biên-giới dùng, và cũng có thể thâu được nhiều món lợi về các châu báu, hoá-hạng cùng gia-súc, sản-vật v.v...

Trước kia, nhà Nguyễn có sai-phái người đem tặng nước Lạc-hòn và nước Vạn-tượng các khí-dụng, vật-hạng. Các nước ấy đều vui-mừng vì có chỗ tiêu-thụ các thổ-sản của họ, rồi họ cũng mang lễ-vật vào cống-hiến nước ta, hai bên giao-thông đi lại mua bán, thuế-khoá nhà-nước đôi bên cũng được thêm phần dư-dự.

Trước đây, quan Hộ-bộ Thục-Thận-hầu là Nguyễn-đức-Lưu từng nói: «Ngày xưa, nước Vạn-tượng có sai-phái sứ-bộ đến dâng nạp lễ-vật là voi đực, sáp-ong và tê-giác cho nước ta. Họ chở vật-hạng bằng ghe, còn lễ-vật nhiều ít tùy ý, không có hạn định.

Khi sứ-bộ họ trở về, thì Chúa Nguyễn lại gửi cho Tù-trưởng nước họ hai cây song-đao, hai mươi khẩu súng, hai tấm gấm hoa, hai tấm nhung gấm, năm tấm sò, [5b] năm tấm sò trắng, năm tấm tơ màu hồng; lại cho riêng sứ-bộ năm tấm lụa thuế, năm bao gạo, mười quan tiền, năm tĩn nước mắm, hai lấu muối và năm tĩn rượu.

Các đồn-tuần Sái-nguyên, Hiếu-giang và Yên-khang đều có một số dân coi-giữ và hầu-hạ.

Hai phường Mai-hoa — phường chính và phường phụ — , cùng hai phường Trung-yên, Thạch-hãn đều phụng-thờ Thần



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN BỐN

Đại-Càn, có hai người lãnh-binh trông-coi miếu-sở. Đó là tùy theo phường nào yêu-cầu xin phái-viên thì cho, chứ không nhứt-định cho phường nào.

Chúng tôi tra-hỏi những người lính cũ, họ khai rằng: các lệ thuế xưa là do quan viên ở tại Nguyên đó và nhân-dân buôn-bán ở đầu Thượng-nguyên đi lại những nơi rừng núi làm ăn, lấy các thứ như mây hay vỏ cây gió để làm giấy, các hạng, rồi đem về dâng- nạp thuế đồn và thuế thổ-nghi được chia ra từng đẳng-hạng khác nhau.

Thuế đồn thì cứ mỗi một con voi của tư-nhân phải nạp hai quan tiền thuế và một quan tiền công-phác. Người nào nuôi riêng một đừa ở cũng phải dâng-nạp tiền thuế như vậy.

Người nào có một lượng vàng phải nạp năm tiền thuế đồn và năm tiền công-phác. Có một thoi bạc phải nạp thuế đồn tám tiền và tiền công-phác là bốn tiền. Có một quan tiền cở phải nạp thuế đồn là hai mươi bốn đồng và tiền công-phác mười hai đồng. [62] Sáp-ong cần nặng một quan tiền, đồng nát cần nặng một quan tiền, kén cần nặng một quan tiền, nôi đồng một chiếc, bông-gòn một sọt đều phải nạp thuế đồn đồng-đều như nhau cả. Vỏ cây làm giấy, trầu cau, vỏ cây gai, hột cây gai, thóc, gạo, đậu, lúa mạch [mì], mỗi gánh phải chịu thuế đồn như vậy.

Mây một gánh phải chịu thuế đồn là ba mươi cây mây [sợi mây], heo một con phải chịu thuế đồn bốn mươi đồng tiền và tiền công-phác mười hai đồng tiền. Có một con trâu phải nạp thuế hai tiền. Một cái bè gỗ tạp, một gánh trái sơn-tra tạp, tiền thuế và tiền công-phác cứ mỗi khoản là ba tiền. Một miếng [hay một tấm] ván thuyền, tiền thuế và tiền công-phác là ba mươi đồng tiền. Một con voi hoặc một chiếc thuyền chở những đồ-vật lật-vật sang ngang, tiền thuế và tiền công-phác là ba mươi đồng tiền.





## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN BỐN

Còn như bông gòn, kén, cùng sáp-ong, hay tiền đóng thành quan thì không cho chở bằng voi để đi bán. Nếu người nào đem nhiều những vật-hạng ấy, thì lại phải chịu thêm một khoản thuế là thuế thổ-nghi.

Theo thuế thổ-nghi thì mỗi con voi phải chịu tiền thuế là một quan bốn tiền. Thuế tiền đóng thành quan thì mỗi quan phải chịu hai mươi đồng tiền. Sáp-ong cân nặng bằng hai quan tiền, cùng với trâu một con, cây mây một gánh, lại phải chịu hai quan tiền thuế thổ-nghi. Một con heo phải chịu tiền thuế thổ-nghi là một quan một tiền. [6b] Mản tiền là tiền đóng thành quan thì phải chịu thuế thổ-nghi là một tiền và năm mươi bốn chữ.

Bán ba con trâu, ba con heo trở lên, cũng như bán hai con trâu, một con heo đều phải chịu tiền thuế «thổ-nghi» là tám tiền. Có một quan mãn tiền thì phải chịu thuế thổ-nghi là một tiền năm mươi bốn đồng. Bán hai gánh mây trở lên, bán một con trâu, bán hai gánh vỏ gai, và có một quan mãn tiền đều phải chịu thuế thổ-nghi. Các nhân-dân xã Mai-đàn làm hương [nhang], nhân-dân xã Phước-giang và xã Mỹ-cương làm nghề kéo cây, nhân-dân xã Yên-khang và xã Hương-cần làm nghề buôn vật đều được miễn thuế-lệ.

Những lệ và ngạch thuế đã kể ở trên thật là nặng-nề quá đáng. Ngày trước, ở nơi nào người ta xin ngồi thầu thuế ngay ở đấy. Còn ngày nay thì cho giảm đi nửa phần thuế-lệ, rồi yết-thị, và hiệu-thị cho các tuần ty biết những món tiền thuế hàng năm quá nặng nên phải giảm đi, nhất là đối với những người đi buôn-bán rong những vật-hạng rẻ-rúng đều được giảm thuế cả.



## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN BỐN

Đối với tuần Ngưu-cước, thuế-lệ cũng được giảm như thế.

Tại sách Cây-bồ Nghi-ngũ ở về phía bên hữu Sái-nguyên thuộc huyện Hải-lăng, thì quan ở đấy cứ chiếu theo thuế-lệ mà đi áp thâu thuế công, cộng sáu mươi quan cõ-tiền, có khi thiếu khi đủ, không như định.

Đi lên phía trên, có mười phường về thuộc <sup>1</sup> Hà-bá đều ở một bên các con sông nhỏ, theo ven Nguyên-đầu, ấy là :

- 1) Phường Yên-định,
- 2) Phường Yên-cư,
- 3) Phường Yên-cát,
- 4) Phường Mai-hoa,
- 5) Phường Trục-cóc,
- 6) Phường Cao-bôi,
- 7) Phường Tân-yên,
- 8) Phường Dĩ-Xuân,
- 9) Phường Mỹ-nhạc,
- 10) Phường Tầm-cáp.

Chiếu lệ, cứ theo nhân-đình hiện-cư mà thâu thuế, hạng nhất mỗi đình [7a] một quan tiền, hạng nhì mỗi đình năm tiền, hạng ba mỗi đình ba tiền, nhà-nước phái viên ký-thuộc cai-án phủ áp thâu.

---

1. Thuộc là những thôn hay ấp, làng, xóm ở gần rừng núi, hay gần khe suối, gần bãi biển.



## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN BỐN

Còn số dân từ các huyện ở hạ-bạn lên đây làm ăn, tùy theo năm nhiều, năm ít, không có nhất-định số đinh ngạch.

Đến thuế tư, như quan ở Sái-nguyên mua gạo nếp hai mươi lâu, mỗi lâu 30 thăng, thì cấp-phát tiền cứ mỗi lâu ba tiền. Mua sấp-ong cân nặng bằng năm quan tiền, thì cấp-phát tiền cứ mỗi quan là năm tiền.

[7b] Tại nguyên Viên-kiều ở về nguyên-đầu huyện Hải-lăng, thì quan ở nơi đây chiếu lệ đi áp thâu công thuế là một trăm bốn quan tiền; chiếu mây hai đôi; tạp-hương hai sọt nhỏ; mấn đường đặng [đèn lồng] hai chiếc; cơ-diệp [lá cơ] sáu vạn tào. Thuế tư dành làm ngu-lộc cho quan ở Sái-nguyên là hai vạn tào lá cơ, mây long-đăng tám cuốn, mây thiết-đăng tám cuốn, thịt khô một sọt, tạp-hương một sọt nhỏ, chiếu mây một đôi, gạo nếp mười lăm lâu, mỗi lâu nặng 15 cân. Lại còn gạo lương hai lâu, mỗi lâu nặng 30 cân.

Còn đôn-tuần Viên-kiều ở về địa-phận xã Trường-thuộc, số tiền thuế hằng năm là chín mươi tám quan một tiền thì được phép nạp riêng và thâu riêng.

[8a] Danh-sách của ba Nguyên là Nguyên Yên-đại, Nguyên Yên-niêu [hay Yên-nẻo], và Nguyên Cầm-ly ở về đầu nguồn thuộc địa-phận huyện Khang-lộc, mỗi người dân Man đều ở đấy. Chúng tôi tra hỏi viên Nghi-lễ-tử [người làm việc — có lẽ Nghi-lễ-tử] ở toà-án ba Nguyên ấy kê-khai, thì lệ thuế về năm Giáp-tý [tức năm 1744 — năm thứ 5 niên-hiệu Lê Cảnh-hưng], nhà-nước thâu tiền thuế quá nặng. Còn về trước, thâu thuế nặng nhẹ như thế nào, thì viên ấy không được biết.

## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN BỐN

Danh-sách Man-dân thuộc Nguyên Yên-đại cộng được 11 đình.

*Nhứt hạng đình ở sách Cây-bồ Nghi-ngũ là tên Phan-Triền* gồm cả vợ con phải nộp số tiền lễ năm mới là 15 quan, cùng với số tiền thuế là 45 quan, cộng thành số tiền phải nộp là 60 quan.

Ở sách Tổng-ngũ, tên *Phan-Đà* [cũng nhứt hạng đình] gồm cả vợ con phải nộp số tiền lễ năm mới 17 quan, cùng với tiền thuế 53 quan, cộng thành số tiền phải nộp là 70 quan.

*Nhị hạng đình ở sách Thượng-Trường-ngũ là tên Phan-Manh* gồm cả vợ phải nộp số tiền lễ năm mới 15 quan, cùng với tiền thuế 37 quan, cộng thành số tiền phải nộp là 52 quan.

*Tên Phan-Tinh* [cũng nhị hạng đình] gồm cả vợ phải nộp số tiền lễ năm mới 15 quan, cùng với tiền thuế 38 quan, cộng thành số tiền phải nộp là 53 quan.

*Tam hạng đình ở sách Cây-bồ Nghi-ngũ là tên Phan-Xung* gồm cả vợ phải nộp số tiền lễ năm mới 10 quan, cùng với tiền thuế 35 quan, tổng cộng số tiền phải nộp là 45 quan.

*Tên Phan-Đình* [cũng tam hạng đình] ở sách Thượng-trường-ngũ gồm cả vợ phải nộp số tiền lễ năm mới 10 quan, cùng với tiền thuế [8b] 34 quan, tổng cộng số tiền phải nộp là 44 quan.

*Tên Phan-Tinh* gồm cả vợ phải nộp số tiền năm mới 8 quan, cùng với tiền thuế 20 quan, tổng cộng số tiền phải nộp là 32 quan.



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN BỐN

Tên Phan-Ý phải nộp số tiền lễ năm mới 8 quan, cùng với tiền thuế 20 quan, tổng cộng số tiền phải nộp là 28 quan.

Tên Phan-Duyệt phải nộp số tiền lễ năm mới 8 quan, cùng với tiền thuế 14 quan, tổng cộng số tiền phải nộp là 22 quan.

Tên A-Ký-Ngũ phải nộp số tiền lễ năm mới 7 quan, cùng với tiền thuế 13 quan, tổng cộng số tiền phải nộp là 20 quan.

Tên Phan-Đức phải nộp số tiền lễ năm mới 5 quan, cùng với tiền thuế 10 quan, tổng cộng số tiền phải nộp là 15 quan.

Từ đây trở lên, tổng cộng số tiền là 441 quan.

Danh-sách hai ngũ [ngũ nhỏ hơn sách] là ngũ Cây-sanh và ngũ Cha-di thuộc Nguyên Yên - nẻo cộng được 31 nhân-dinh. Thuế nhân-dinh có người phải nộp 20 quan, có người nộp 15 quan, có người nộp 12 quan, hoặc 10 quan, 7 quan trở xuống đến 3 quan. Còn số tiền lễ năm mới cộng 253 quan.

Danh-sách hai ngũ Bản-sơ và Cửa-chuồn cộng 10 dinh, tính cả số tiền lễ năm mới và số tiền thuế cộng 38 quan.

Hai ngũ Đồng-vĩnh và Phan-bồng, tiền lễ năm mới và tiền thuế cộng 7 quan 6 tiền. Lại còn số tiền trước ngũ là 92 quan 3 tiền.

Từ đây trở lên, tổng cộng số tiền là [9a] 395 quan (tiền xưa).

Danh-sách Nguyên Cầm-lý có 10 nhân-dinh, tiền lễ năm mới và tiền thuế cộng là 38 quan 8 tiền.



## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN BỐN

Lại có những người dân phiêu-lưu đến ở tại hai xóm nhỏ thuộc địa-phận Nguyên Yên-đại : xóm Tổng-vượng phải nạp tiền thuế là 35 quan ; xóm Châu-báu gồm cả tên Phan-Kiên phải nạp tiền thuế là 33 quan 6 tiền.

Từ đây trở lên, tổng cộng các số tiền là 102 quan 4 tiền.

Còn các trang thuộc về dân nước Tiêm-la ở chỉ có 4 suất đinh. Số tiền lễ năm mới cùng với số tiền thuế cộng 15 quan.

Dân Man Y-ta và Man Đạo-hôi phải nạp tiền thuế 12 quan.

Tổng cộng số tiền là 994 quan 6 tiền 30 đồng. Trong số đó, thì người ta thâu tiền thuế là 612 quan, còn tiền lễ năm mới, chiếu theo lệ, là hơn 200 quan, thì cho dân chi-tiêu về các việc như lễ khai-sơn [mở núi], lễ kỳ-hoa [cầu hoa], lễ khao-xương [ăn mừng và hát-xương], lễ giao-tiếp các xã và quan-khách, cùng với những món tiền chi-dùng về những việc hịch thị, bạch ngành, nhiều-phu, hương-vị (?) vãn vãn.

Nguyên Sơn-bồ-trấn ở về mạn trên và mạn dưới đầu nguồn huyện Quảng-diên có 16 sách man-dinh là :

- 1) Sách A-la,
- 2) Sách A-xuống,
- 3) Sách A-tác,
- 4) Sách Huyền-đó,
- 5) Sách A-diên,
- 6) Sách A-ly,
- 7) Sách A-ty,
- 8) Sách Hãn-tôm,



## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN BỐN

- 9) Sách Câu-suất, [9b]
- 10) Sách Hãn-thâm,
- 11) Sách Quân-việt,
- 12) Sách Hãn-ty,
- 13) Sách Phụ-hồ,
- 14) Sách Ba-lăng,
- 15) Sách Tất-y,
- 16) Sách Huyền-đô.

[Trong số 16 sách kể trên, thì có 1 sách trùng tên, ấy là sách Huyền-đô].

16 sách ấy đều phải chịu thuế nhà-nước cộng 36 đinh-suất.

Trước kia, nhà Nguyễn sai-phái Minh-đức-hầu họ Lê [thiếu tên] làm chức quan Cồn-suất để đốc-suất dân Man tại các sách, lấy dân bản-nguyên [tức dân bản-xứ] làm lính để phòng-ngự bọn Man hung-ác và để trưng-thâu thuế-khóa theo lệ định.

Những người dân ở vùng hạ-lưu muốn đi lên mạn đầu nguồn để tìm nơi làm ăn sinh-sống thì phải khai trình với viên Đội-trưởng để xin đi và hẹn ngày về nộp thuế, không được đi quá kỳ-hạn phạm cấm, để đề-phòng khỏi sinh những việc lồi-thôi, rắc-rối về sau.

Cứ y xem những bản kê-khai 5 sách ở động Cây-tôm cùng dân Man ở đấy chịu thuế năm suất, 5 sách ở động A-la cùng dân Cao-miền chịu thuế năm suất, sách động Làng-côi cùng dân hạ-man chịu thuế bốn suất, sách động Làng-Thai cùng dân hạ-man chịu thuế năm suất, thì mỗi suất đinh phải chịu thuế



## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN BỐN

1.000 sợi mây, 20 đình suất phải chịu thuế hàng năm là 20.000 sợi mây.

Thường năm, quan Cồn-suất cứ đem muối, gạo tẻ cấp-phát cho các sách để đòi lấy các vật-hạng thổ-sản đem đi bán kiếm lời, cùng bán mây mà dân Man nộp thuế [10a] được khoản tiền đến 230 quan.

Trong số tiền 230 quan này, trừ số tiền mua trâu, mua heo, sắm rượu để khao mừng và bài-tạ thần-linh, cùng lễ-vật đón rước quan mới, tiền đưa quan cũ, với yến-hưởng [ăn tiệc] các man-đình hết 65 quan, lại còn cho các người thông-ngôn ở các sách hết 42 quan, hiện chỉ còn 111 quan đem nộp cho nhà-nước. Cũng có năm dư-thừa tiền được 170 quan, nhưng không có hạn định.

Về hạ-lưu xã Hiền-sĩ [ngoài Kinh-thành Huế hơn 20 cây số] có một sở đồn-tuần, thuế-lệ 160 quan, tiền đèn dầu đến 40 quan.

Những người đi buôn lên các Nguyên mạn trên thì mất 30 đồng tiền đi thuyền. Còn từ trên các Nguyên đi xuống, bất kỳ chuyên-chở vật gì cũng cứ thâu tiền thuyền là hai bó vật ấy. Còn như gỗ súc kiên-kiền thì cứ 10 cây thâu 7 tiền, gỗ súc thường thì cứ 10 cây thâu 2 tiền.

Tại con đường ở trên núi, có một cái lò rèn dao-quắm. Người nào đi buôn ở đấy ra, mang 100 con dao lớn phải chịu thuế là 1 quan 2 tiền, còn 100 con dao nhỏ thì phải chịu thuế 6 tiền. Thuyền chuyên-chở than gỗ cứ mỗi thuyền chở 200 cân thì phải đại nộp 7 tiền.





## PHỤ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN BỐN

Nguyên Tả-trạch ở về mạn thượng-lưu huyện Hương-trà, cứ mỗi suất đình, trước kia phải nộp thuế là 1.000 sợi mây cứng [thiết đẳng]. Ngoài trừ số tiền [10b] mua sắm lễ-vật cúng « Khai sơn-trường », còn số tiền thực nộp cho nhà-nước là 10 quan.

Đến năm Kỷ-sửu [tức năm 1769 là năm thứ 30 niên-hiệu Lê Cảnh-hưng], nhà-nước sai-phái viên Cai-đội (Chử-đức-Hầu) trông-coi việc buôn-bán nộp thuế, thâu được 47 quan 3 tiền 17 đồng tiền thuế.

Nguyên Hữu-trạch cũng ở về mạn thượng-lưu huyện Hương-trà. Năm Kỷ-sửu, người ta thâu số tiền thực-nộp thuế thâu được 488 quan 1 tiền 11 đồng. Lại còn hai sách ở ngoài Tả-trạch nguyên là sách A-la và A-nhuyên thực nộp tiền thuế là 20 quan.

Nguyên Hưng-bình ở về mạn thượng-lưu huyện Phú-vang. Nguyên ấy có 3 sách dân miền núi.

Năm Quý-ty [tức năm 1773 là năm thứ 31 niên-hiệu Lê Cảnh-hưng], nhân-số sách Cao-đồi [nay thuộc huyện Phú-lộc] là 31 người, sách Tân-yên 12 người, phụ sách 10 người, sách Mỹ-gia 57 người. Nội ngoại tịch đình có ba hạng: nhất hạng đình mỗi người 1 quan tiền thuế; nhị hạng đình mỗi người 7 tiền thuế; và tam hạng đình mỗi người 5 tiền thuế. Còn hạng cùng đình [bần cùng] thì được miễn cả tiền thuế cùng tiền tiêu-sai [tiền tạp dịch].

Ở trên ba sách [thuộc nguyên Hưng-bình] này, lại có các hạng dân Mán, dân Mọi. Căn-cứ vào bản kê-khai của viên Cai-đội thủ-ngự ở đây là Chử-đức-Hầu, thì năm Kỷ-sửu, [11a] thâu khắp cả tráng-hạng được 10 đình-suất, mỗi đình-suất phải nộp 2.000 sợi mây cứng. Mỗi đình lại phải phụ nộp số thuế sai-dư



## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN BỐN

là 20 sọt mây cứng, 500 sọt mây trắng, 7 cân gạo tiết-liệu được nạp thay-thế bằng 1.400 sọt mây cứng và mây trắng.

Hạng quân-nhân được 11 đình-suất. Mỗi đình-suất phải nạp thuế thổ-nghi là 2.000 sọt mây cứng, 400 sọt mây trắng, 1.500 sọt mây cứng về số tiền sai-dư, 5 thăng gạo tiết-liệu được nạp thay-thế bằng 1.200 sọt mây cứng, cùng với 500 sọt mây cứng về khoản tiền sưu.

Dân-hạng được 4 đình-suất. Mỗi đình-suất phải nạp thuế «thổ-nghi» là 5.000 sọt mây cứng, 500 sọt mây trắng, 1.000 sọt mây cứng về số tiền sai-dư, 800 sọt mây trắng để nạp thay-thế cho số gạo tiết-liệu, 500 sọt mây trắng về khoản nạp sưu.

Hạng tàn-dân [dân mới] được 2 đình-suất. Mỗi đình-suất phải nạp thuế thổ-nghi là 1.400 sọt mây trắng, và nạp tiền sai-dư là 1.000 sọt mây cứng, còn gạo tiết-liệu được nạp thay-thế bằng 800 sọt mây trắng, và tiền sưu bằng 500 sọt mây trắng.

Hạng lão-nhiều [từ 60 tuổi trở lên] được 3 đình-suất. Mỗi đình-suất phải nạp thuế thổ-nghi bằng nửa phần mây cứng.

Hạng nhiều-tật [già-nua và tàn-tật] được 5 đình-suất khỏi phải chịu thuế.

Nhà-nước thâu thừa mây vàng [hoàng dướng] được [11b] 156.900 sọt mây đem ra phát mãi. Còn mây cứng thì cứ 1.000 sọt trị giá 4 tiền 30 đồng. Mây trắng 1.000 sọt trị giá 4 tiền, hoặc 5 tiền, hoặc 3 tiền 30 đồng. Tổng cộng được 73 quan 51 đồng tiền. Trừ các món tiền chi-tiêu về các lễ cúng «khai sơn trường», «kỳ hoa», «tạ trường» hết 16 quan 5 tiền, mua gạo bạch cánh [gạo trắng ít nhựa, giống như gạo tám] và sấm dầu



## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN BỐN

đền hết 3 quan 7 tiền 44 đồng, chỉ còn số tiền thuế thực nộp là 52 quan 8 tiền 10 đồng.

Ba Nguyễn ở huyện Khang-lộc, về năm Mậu-tý [tức năm 1768 là năm thứ 29 niên-hiệu Lê Cảnh-hưng], đều phải nộp số tiền làm ngụ-lộc cho quan Trấn-thủ tỉnh Quảng-bình là Nguyễn-phước-Lý, và số tiền thuế lệ, cùng các khoản tiền khác cộng 600 quan.

Nguyễn Yên-đại, tiền thuế là 198 quan 3 tiền; sáp-ong 3 khối, mỗi khối cân nặng bằng 3 quan tiền, cộng 27 quan tiền; mặt trắng 41 tĩn, mỗi tĩn 2 tiền, cộng 8 quan 2 tiền; tiền hương-vị 3 quan; mướp đắng 87 tĩn, mỗi tĩn 1 tiền, cộng 8 quan 7 tiền. Tổng cộng các món tiền kể trên là 230 quan 2 tiền.

Nguyễn Yên-niêu [hay Yên-nẻo] phải nộp tiền thuế là 235 quan 9 tiền; tiền thuế tạn ngũ [12a] là 86 quan 3 tiền; sáp-ong 3 khối, mỗi khối cân nặng bằng 3 quan tiền, cộng 9 quan tiền; tiền mua hương-vị 31 quan; mướp đắng 50 tĩn, mỗi tĩn 7 tiền. Tổng cộng 280 quan 9 tiền.

Nguyễn Cầm-lý phải nộp tiền thuế là 64 quan; một khối sáp-ong cân nặng bằng 3 quan tiền; 30 tĩn mặt-ong, mỗi tĩn 1 tiền, cộng 3 quan. Tổng cộng các số tiền kể trên là 68 quan 9 tiền.

Còn số dân nước Tiêm-la ở các trang-trại đều phải nộp tiền thuế là 20 quan.

Lại trong năm Mậu-tý, viên Cai-dội là Như-triều-hầu dân nộp tiền thuế của đạo Y-ta là 12 quan.

## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN BỐN

Đối với các sách ở đầu Nguyên thuộc châu Nam Bố-chánh, trước kia, nhà nước giao cho quan Trấn-thủ lãnh-trung và đăng- nạp tiền thuế hàng năm cùng với số tiền hương đăng cộng 60 quan tiền.

Nguyên Câu-đê thuộc phủ Thăng-hoa [nay là quận Thăng-binh] xứ Quảng-nam, hàng năm phải nạp 300 quan tiền thuế và 2 tĩn dầu thơm.

Nguyên Đông-lô [cũng thuộc phủ Thăng-hoa] [12b] phải nạp số thuế 7 thoi vàng, và số tiền thuế thờ-nghi 198 quan tiền.

Các sách Hãn-gia và Y-xanh hàng năm phải nạp 60 bát sáp-ong.

Nguyên Hãn-gia hàng năm phải nạp thuế thân [tính theo đầu người] là 550 quan, và long-đăng 20 cuốn, thiết-đăng 3.500 sợi, đước cảm-lãm [cảm-lãm đăng] 3.700 bó, dầu thơm 73 tĩn.

Nguyên Thu-hồn [ở đầu sông Thu-hồn] hàng năm phải nạp thuế bằng vàng là 3 thoi 8 lượng 3 đồng-cân, 1 phàn, thuế thân cùng tiền trâu cau 713 quan tiền, sáp-ong cân nặng bằng 40 quan tiền, dầu nước [thủy du] 30 tĩn, cứ mỗi tĩn là 3 tiền, long-đăng 130 cuốn, cứ mỗi cuốn là 1 tiền, chiếu mây 2 đôi, mỗi đôi là 1 quan tiền, đước cảm-lãm 2.800 bó, mỗi bó là 9 đồng tiền, đèn mấn-đường [đèn lồng] 2 chiếc, mỗi chiếc là 5 tiền.

Nguyên Chiền-đàn phải nạp tiền thuế hàng năm là 2.060 quan. Trước kia, số thuế Nguyên Chiền-đàn này được dành để cấp ngụ-lộc cho quan Hữu-nội, nên nguyên ấy phải nạp [13a] giáp-ngân [bạc hạng nhứt] là 20 thoi 6 đồng cân.



## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN BỐN

Nguyên Bà-địa thuộc phủ Quảng-nghĩa hàng năm phải nộp tiền thuế là 610 quan tiền.

Nguyên Ba-tơ hàng năm phải nộp tiền thuế là 1.292 quan, 4 tiền, 3 đồng, cùng tiền thuế thổ-nghi là 91 quan.

Nguyên Cù-ba Cây-mít hàng năm phải nộp số thuế là 18 thoi bạc, 3.000 quan tiền, 2 đôi chiếu mây, 2 lâu [sọt] hương.

Nguyên Đà-bồng [hay Trà-bồng] hàng năm phải nộp số thuế là 1.851 quan tiền, cùng tiền thuế thổ-nghi 60 quan.

Nguyên Hà-nhiều thuộc phủ Qui-nhơn hàng năm phải nộp số tiền thuế là 166 quan 5 tiền, cùng thuế thổ-nghi 27 quan 5 tiền, mật-ong 3 tĩn, chiếu mây hạng nhỏ 4 cuốn, bông gòn 99 cân, kỳ-hoa miên-hoa 3 bao cân nặng bằng 105 quan tiền, cảm-lâm [trái trám] 25 lâu (sọt), long-đăng 60 cây, dầu thơm 2 tĩn, đèn lớn 3.325 chiếc, đèn nhỏ 60 chiếc, sáp-ong 70 bát.

[13b] Nguyên Trà-đình và nguyên Trà-vân hàng năm phải nộp số thuế là 2.550 quan tiền. Trước đây, tiền thuế nguyên Trà-đình và nguyên Trà-vân được dành để cấp ngụ-lộc cho quan Ngoại-hữu Trương-phúc-Loan, nên hai nguyên này phải nộp 5 thoi giáp-ngân.

Nguyên Trà-vân còn phải nộp riêng 590 cây đèn dầu cảm-lâm để cất chứa vào kho dầu.

Nguyên-Cầu bông hàng năm phải nộp số thuế là 150 quan. Trước đây, số thuế nguyên Cầu-bông được dành để cấp lương cho quan Nội-hữu-chưởng tên là Khoan, nên nguyên Cầu-bông này phải nộp 11 thoi 2 lượng giáp-ngân.



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN BỐN

Nguyên Đá-bàn phải nộp số thuế hàng năm là 1.000 quan tiền. Trước đây, số thuế nguyên Đá-bàn này được dành để cấp lương cho quan lưu-đồn đạo Chưởng-cơ là Trường-lộc-hầu, nên nguyên ấy phải nộp 8 thoi giáp-ngân, và tiền thuế thổ-nghi 50 quan.

Nguyên Ô-liêm hàng năm phải nộp số tiền thuế là 749 quan 5 tiền. Trước đây, số thuế nguyên Ô-liêm này được dành để cấp lương cho quan Nội-thủy-chưởng tên là Ái, nên nguyên ấy phải nộp 5 thoi giáp-ngân.

[14a] Nguyên Hà-di thuộc đạo Phú-yên hàng năm phải nộp số tiền thuế cùng với tiền trâu cau là 1.836 quan 2 tiền 13 đồng, sáp-ong 30 cân, mật-ong 3 tĩn. Nguyên này lại còn phải nộp ngà voi 4 chiếc (mỗi chiếc ngà voi được nộp thay-thế bằng 12 bát rưỡi sáp-ong) và 7 bộ tê-giác (mỗi bộ tê-giác được nộp thay-thế bằng 14 bát rưỡi sáp-ong).

Nguyên Nam-bàn hàng năm phải nộp số tiền thuế: 100 quan tiền.

Nguyên Đá-bạc hàng năm phải nộp số tiền thuế cùng tiền trâu cau là 1.500 quan, sáp-ong 200 cân, mật-ong 200 cân.

9 sách hoang-man dâng lễ xin hàng-phục, phải nộp thuế cho nhà-nước, gồm áo gấm cùng gạo, sáp-ong, mật, chần, và được nộp thay-thế bằng tiền là 20 quan 4 tiền, 36 đồng, mật-ong 1 lường.

Trước đây, để cấp lương cho quan Ngoại-hữu-chưởng tên là Hoán, các nguyên này phải nộp giáp-ngân là 28 thoi, 8 lạng, 7 đồng-cân.



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN BỐN

Nguyên Bình-gạo phải nộp thuế hàng năm cùng tiền trâu cau là 505 quan 2 tiền 4 đồng, tê-giác 2 bộ, mật-ong 30 tĩn, sáp-ong 30 cân, ngà voi 2 chiếc.

[14b] Tiều-nguyên Đồng-hương, Đồng-nảy thuộc phủ Bình-khang hàng năm phải nộp số tiền thuế là 2.229 quan 3 tiền 20 đồng, sáp-ong 727 bát, mật-ong 51 thùng, thuế tiết-liệu bằng sáp-ong 70 bát, ngà voi hạng trung 4 chiếc.

Trước đây, đề cấp thường-lộc cho quan Ngoại-hữu Trương-phúc-Loan, nên hai tiều-nguyên này phải nộp giáp-ngân là 22 thoi, 7 lượng, 9 đồng-cân, 2 phân.

Nguyên Nha-trang thuộc phủ Diên-khánh hàng năm phải nộp tiền thuế : 10.000 quan.

Nguyên Bao-bình thuộc phủ Gia-định hàng năm phải nộp tiền thuế : 430 quan.

Nguyên Thủy-bột hàng năm phải nộp tiền thuế : 360 quan.

Đầm Yên-xuân thuộc huyện Quảng-điền, xứ Thuận-hóa, hàng năm phải nộp thuế là 8 thoi giáp-ngân.

Đầm Vịnh-xung hàng năm phải nộp tiền thuế : 66 quan, 6 tiền, 40 đồng.

Đầm Vịnh-sỹ hàng năm phải nộp số thuế : 40 quan tiền.

Hai đầm Thanh-lam và Vịnh-lam thuộc huyện Phú-vang mỗi năm có hai kỳ bắt cá, cùng với 5 [15a] cống đặt đò-tre đơm cá hơn ba tháng [tức ba tháng mưa lụt trong một năm], hàng năm phải nộp thuế : 70 quan.

## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN BỐN

Đầm Mậu-tài hàng năm phải nộp số thuế : 175 quan tiền.

Đầm La-hồng hàng năm phải nộp khoản tiền thuế : 170 quan.

Đầm Tô-đà hàng năm phải nộp số tiền thuế : 175 quan.

Đầm Đả-dã hàng năm phải nộp số tiền thuế : 620 quan.

Đầm Ô-tề và đầm Vịnh-chinh do huyện Hoà-đa phải người đến phân-bổ và thâu thuế, mỗi năm cộng 30 quan tiền.

Đầm Thái-lai thuộc huyện Đăng-xương hàng năm phải nộp tiền thuế : 38 quan 3 tiền 20 đồng tiền.

Đầm Hà-cát hàng năm phải nộp số tiền thuế : 35 quan.

Đầm Thuộc vịnh Giáo-liêm thuộc huyện Hải-lăng hàng năm phải nộp tiền thuế : 14 quan.

Đầm Diêm-hà thuộc huyện Minh-linh [nay là phủ Vĩnh-linh] hàng năm phải nộp tiền thuế : 28 quan, 6 tiền, 40 đồng tiền.

Đầm Tử-lai [cũng thuộc huyện Minh-linh] hàng năm phải nộp số thuế : 14 quan, 6 tiền, 40 đồng tiền.

Đầm Duy-phiên [cũng thuộc huyện Minh-linh] hàng năm phải nộp tiền thuế : 14 quan.

Đầm Hàm-nhược thuộc huyện Khang-lộc hàng năm phải nộp tiền thuế : 26 quan.

[15b] Đầm Nhự-quế thuộc phủ Thăng-hoa xứ Quảng-nam hàng năm phải nộp số thuế : 40 quan, 3 tiền.





## **PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN BỐN**

Đầm Chiên-đàn hàng năm phải nộp số thuế : 67 quan, 5 tiền, 30 đồng tiền.

Đầm Dựng-khúc-vỹ thuộc phủ Điện-bàn hàng năm phải nộp khoản tiền thuế : 22 quan.

Đầm thuộc Đồng-vịnh ở phủ Quảng-nghĩa hàng năm phải nộp số thuế : 26 quan.

Đầm Cầm-kê [cũng thuộc phủ Quảng-nghĩa] hàng năm phải nộp số thuế : 272 quan, 8 tiền.

Đầm Cây-quất [hay Cây-quít] hàng năm phải nộp số thuế : 18 quan, 4 tiền.

Đầm La-hồng [cũng thuộc phủ Quảng-nghĩa] hàng năm phải nộp số tiền thuế : 26 quan.

Đầm Khang-hải hàng năm phải nộp khoản thuế : 115 quan.

Còn dân ở mạn Nga-sơn [miền Thượng-du] hàng năm phải nộp khoản tiền thuế : 35 quan.

Đầm Nha-phiên, đầm Hải-đông thuộc phủ Qui-nhân cùng với các phường, các vịnh thuộc phủ ấy hàng năm phải nộp khoản tiền thuế : 1.515 quan.

Đầm Trà-ô [thuộc phủ Qui-nhân] hàng năm phải nộp khoản tiền thuế : 290 quan.

Đầm Đạm-thủy [thuộc phủ Qui-nhân] hàng năm phải nộp khoản tiền thuế : 100 quan.

## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN BỐN

[16a] Đầm Vịnh-sò [thuộc phủ Qui-nhân] hàng năm phải nộp khoản tiền thuế : 38 quan, 5 tiền.

Đầm Thời-phú hàng năm phải nộp khoản tiền thuế : 135 quan.

Vịnh Cù-lao Xanh ở ngoài biển Qui-nhân hàng năm phải nộp khoản tiền thuế : 18 quan, 5 tiền.

Vịnh Quỳnh-bà [thuộc phủ Phú-yên] hàng năm phải nộp khoản thuế : 115 quan, 6 tiền.

Đầm Cù-mông tại cửa biển [thuộc phủ Phú-yên] hàng năm phải nộp số thuế : 101 quan, 3 tiền.

Đầm Vịnh-cười [thuộc phủ Phú-yên] hàng năm phải nộp số tiền thuế : 30 quan, 5 tiền.

Đầm Ô-luân [thuộc phủ Phú-yên] hàng năm phải nộp số tiền thuế : 160 quan.

Vịnh Ô-lư thuộc phủ Bình-khang hàng năm phải nộp số tiền thuế : 165 quan, cùng với 3 thoi bạc hạng nhất.

Hai vịnh Đậu-giã và Bưởi-truy [thuộc phủ Bình-khang] hàng năm phải nộp số tiền thuế : 70 quan.

Vịnh Bà-gia [thuộc phủ Bình-khang] hàng năm phải nộp số tiền thuế : 52 quan, 2 tiền.

Đầm Tác-cú [hay Tác-câu] và đầm Cửa-nhủ [đều thuộc phủ Bình-khang] hàng năm phải nộp 9 thoi bạc hạng nhất cùng với số tiền trâu cau là 100 quan.



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN BỐN

Đầm Đệ-tù [cũng thuộc phủ Bình-khang] hàng năm phải nộp số tiền thuế 93 quan.

[16b] Đầm Cam-linh thuộc phủ Diên-khánh [tức đầm Cam-ranh thuộc huyện Vĩnh-xương ngày nay] hàng năm phải nộp số tiền thuế : 155 quan, 6 tiền.

Vịnh Mô-ồ [thuộc phủ Diên-khánh] hàng năm phải nộp số tiền thuế : 89 quan, 2 tiền.

Vịnh Cát-thầm [thuộc phủ Diên-khánh] hàng năm phải nộp số tiền thuế : 195 quan.

Vịnh Cam-linh ngoại [giáp làng Thủy-triều tức làng Nò] hàng năm phải nộp số tiền thuế : 100 quan, 4 tiền, và 4 thoi vàng.

Hai vịnh Cam-linh và Chính-phủ hàng năm phải nộp số tiền thuế : 129 quan.

Đầm Nha-trang [ngày nay gần chợ Đầm thuộc làng Thủy-đầm Nha-trang] hàng năm phải nộp số tiền thuế : 182 quan.

Đầm Đại-mạo hàng năm phải nộp số tiền thuế : 19 thoi bạc và 150 quan tiền.

Cửa cù-lao Đậu ở ngoài biển hàng năm phải nộp tiền thuế : 350 quan.

Đầm Lưu-cạnh hàng năm phải nộp số tiền thuế : 900 quan, cùng 8 thoi vàng.

Giòng Vy-nai [tức Mũi-né thuộc quận Hải-long ngày nay]

## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN BỐN

thuộc phủ Bình-thuận hàng năm phải nộp số thuế : 176 quan, 6 tiền.

Đầm Đậu-chung [hay Đậu-chông] và đầm Vịnh-cạnh, cả hai sở hàng năm phải nộp số tiền thuế : 1.000 quan tiền.

Lũy Luru-xung thuộc phủ Gia-định hàng năm phải nộp số thuế : 50 quan tiền.

Lạch Tra, lạch Hiện và lạch Lam, các sở ấy hàng năm [17a] phải nộp số tiền thuế : 36 quan.

Đồn-tuần Tam-kỳ thuộc huyện Hương-trà, xứ Thuận-hoá hàng năm phải nộp số tiền thuế : 136 quan, 6 tiền.

Tiền thuế hàng năm đồn-tuần cửa Nại-hải : 25 quan.

Tiền thuế dò Phú-xuân thượng [tại cầu Bạch-hổ hiện nay] và dò Phú-xuân hạ [cầu Thanh-long hiện nay] đồng niên là 684 quan.

Tiền thuế dò bến Trường-tiền [tại cầu Trường-tiền hiện nay] thuộc Canh-thành hàng năm : 285 quan.

Tiền thuế dò Vỹ-dã-quỳnh bến Canh-thành hàng năm : 114 quan tiền.

Tiền thuế dò chợ dinh Xuân-dương [hay Dương-xuân] hàng năm : 258 quan.

Từ chợ dinh Xuân-dương đến chợ Sái ở dinh cũ, từ bến Cam-lộ đến bến Phồ-lại khứ hồi, tiền dò hàng năm : 64 quan, 6 tiền.



## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN BỐN

Đò dọc từ kinh-thành Phú-xuân đến cửa biển Tư-khách [nay là cửa biển Tư-hiền], tiền thuế hàng năm : 410 quan.

Tiền thuế chợ Phú-xuân : 30 quan.

Đồn-tuần Hiên-sĩ thuộc huyện Quảng-diên cùng với hai sở đò ngang, tiền thuế hàng năm : 71 quan 5 tiền.

[17b] Tuần-ty ở cửa Vinh-hải thuộc huyện Phú-vang phải nộp tiền thuế : 30 quan.

Tuần-ty ở ải-môn [cửa ải] [cũng thuộc huyện Phú-vang] phải nộp tiền thuế : 30 quan.

Đồn tuần-sát ải-vàn phải nộp tiền thuế : 30 quan.

Tiền thuế bến đò ải-vàn hàng năm : 285 quan.

Đồn-tuần Lâm-lang thuộc huyện Đăng-xương [ngày nay là phủ Triệu-phong tỉnh Quảng-trị] tiền thuế hàng năm phải nộp : 35 quan, 8 tiền.

Đồn-tuần Ngưu-cước [thuộc huyện Đăng-xương] phải nộp số tiền thuế hàng năm : 121 quan.

Đồn-tuần Yên-khang [cũng thuộc huyện Đăng-xương] phải nộp tiền thuế hàng năm : 110 quan.

Đồn-tuần Nguyên-lung thuộc xã Trường-phước, huyện Hải-lăng phải nộp tiền thuế hàng năm : 29 quan.

Đồn-tuần Kiều phải nộp số thuế hàng năm : 98 quan, 2 tiền.



## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN BỐN

Đồn-tuần Nguyễn Tân-yên thuộc huyện Minh-linh phải nộp tiền thuế : 39 quan.

Đồn-tuần Cồ-lâm [thuộc huyện Minh-linh] phải nộp tiền thuế : 40 quan, 3 tiền.

Từ chợ dinh [Quảng-trị] đến Hồ-xá, tiền thuế dò dọc hàng năm : 30 quan. [Tiền dò là dò đưa người, tức là dò dọc hiện nay].

Đồn-tuần Quảng-nam, và đồn-tuần Cầu-dê thuộc phủ Thăng-hoa cùng với dò Cầu-dê, tiền thuế hàng năm : 280 quan.

[18a] Tiền thuế dò Thanh-hà [nay thuộc phủ Điện-bàn] hàng năm : 190 quan, 5 tiền.

Tiền thuế dò Trà-lý-Tây hàng năm : 39 quan, 5 tiền.

Tiền thuế hàng năm tuần ty tại toà Tiều-áp : 600 quan.

Tiền thuế hàng năm dò Tam-kỳ : 35 quan.

Tiền thuế đồn-tuần cửa biển Đại-chiêm : 75 quan.

Tiền thuế tuần-ty cửa biển Đà-nẵng : 61 quan.

Tiền thuế đồn-tuần Hãn-gia : 275 quan.

Tiền thuế đồn-tuần Thu-bồn : 516 quan, 6 tiền.

Tiền thuế dò Thanh-chiêm : 241 quan.

Tiền thuế dò Phụ-lũy và tiền thuế dò ngang Trạch-nhứt : 200 quan.



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN BỐN

Tiền thuế đồn-tuần kênh nhỏ (tiểu-kinh) Hoa - nóng : 130 quan.

Tiền thuế tuần-ty toà Đại-áp : 64 quan, 5 tiền.

Tiền thuế bến đò chợ Hải-châu : 73 quan, 7 tiền.

Tiền thuế bến đò dưới làng Dưỡng-mông : 59 quan.

Tiền thuế chợ Hội-an : 49 quan.

Tiền thuế chợ Khánh-thọ : 40 quan.

Tiền thuế chợ Chiền-đàn : 48 quan.

Tiền thuế chợ Phú-điểm : 255 quan.

[18b] Tiền thuế chợ Tân-yên : 70 quan.

Tiền thuế các cống đánh cá [khâu đề] : 329 quan.

Tiền thuế bến đò Hoá-khuê Đông thuộc phủ Điện-bàn : 52 quan, 6 tiền.

Tiền thuế bến đò Cẩm-lệ : 38 quan.

Tiền thuế bến đò Cẩm-phồ : 36 quan.

Tiền thuế bến đò Lỗ-giản : 55 quan.

Tiền thuế các bến đò các chằm Lỗ-hương, Lam-thủy và Bào-bàng : 36 quan.

Tiền thuế bến đò nhỏ Hoá-khuê-Đông : 29 quan.

## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN BỐN

Tiền thuế chợ Thầm-lĩnh : 70 quan.

Bến dò Y-dề và bến dò Nghĩa-yên thuộc phủ Quảng-nghĩa, tiền thuế hàng năm : 40 quan.

Tiền thuế bến dò Đồng-yên : 34 quan, 4 tiền.

Tiền thuế đồn-tuần cửa biển Mỹ-ý : 37 quan, 5 tiền.

Tiền thuế đồn-tuần tại núi Mộ - nô thuộc vùng Cầm - khê : 275 quan.

Tiền thuế đồn-tuần cửa biển Sa-kỳ : 56 quan.

Tiền thuế cửa biển Đại-cổ-lũy : 150 quan.

Tiền thuế dò Trà-khúc : 34 quan.

Tiền thuế đồn-tuần cửa biển Cần-giờ : 84 quan, [19a] 5 tiền.

Tiền thuế các đồn-tuần Trà-đình, Ô-liêm và Tam-kỳ thuộc phủ Qui-nhơn : 35 quan.

Tiền thuế hàng năm các cửa đày đánh cá [khẩu đê] [thuộc phủ Qui-nhơn] : 550 quan.

Tiền thuế đồn - tuần cửa biển Kim - bông [thuộc phủ Qui-nhơn] : 470 quan.

Tiền thuế chợ Yên-khang : 36 quan.

Tiền thuế chợ Tiên-yên : 46 quan.

Tiền thuế chợ Phước-sơn : 176 quan.





## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN BỐN

Tiền thuế chợ Càn-dương : 51 quan.

Tiền thuế chợ Phước-yên : 50 quan.

Tiền thuế đèo Cù-mông cùng với tiền thuế bến đò thuộc phủ Phú-yên : 460 quan.

Tiền thuế bến đò Đình-căn ngã-ba và bến đò Hãn : 74 quan, 2 tiền.

Tuần-đồn cửa biển Đà-nẵng hai sở cộng số tiền thuế : 36 quan.

Tiền thuế bến đò Lôi-cối : 37 quan, 5 tiền.

Tiền thuế cửa biển Ô-luân : 62 quan.

Tuần-đồn cửa biển Xuân-dài [thuộc phủ Phú-yên] phải nộp thuế hàng năm : 30 quan.

Tuần-đồn cửa biển Đà-diên phải nộp thuế hàng năm : 134 quan.

Từ bến đò [19b] Quán-lư đến bến đò Hòn-khoi thuộc phủ Bình-khang [nay là phủ Ninh-hoà], tiền thuế hàng năm : 38 quan, 6 tiền.

Đồn-tuần Tắc-cú cửa Nhữ phải nộp tiền thuế hàng năm : 107 quan, 8 tiền.

Đồn - tuần Bình - khang phải nộp tiền thuế hàng năm : 155 quan.

Đèo Thạch-vọng [nay là đèo Rộ-tượng] phải nộp tiền thuế hàng năm : 156 quan, 2 tiền.



## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN BỐN

Tiền thuế hàng năm chợ Tân-yên : 31 quan, 4 tiền.

Tiền thuế hàng năm chợ Yên-cẩn : 31 quan, 2 tiền.

Tiền thuế hàng năm chợ Man-giã : 31 quan.

Tiền thuế hàng năm đèo Nha-trang [nay là đèo Rù-ri] :  
163 quan.

Tiền thuế hàng năm chợ dinh Bình-khang : 166 quan, 2 tiền.

Tiền thuế hàng năm đồn-tuần Đồ-khói [có lẽ Hòn-khói] :  
91 quan.

Cửa biển Bình-khang cùng với bến dò Bình-khang, tiền  
thuế hàng năm : 60 quan.

Tiền thuế hàng năm bến dò quán Cát : 50 quan, 5 tiền.

Tiền thuế chợ dinh Nha-trang thuộc phủ Diên-khánh : 60  
quan.

Tiền thuế hàng năm chợ Vĩnh-yên [thuộc phủ Diên-khánh] :  
52 quan.

Tiền thuế hàng năm đồn-tuần Cam-linh [nay là Cam-ranh] :  
105 quan.

Tiền thuế chợ dinh Phú-khang và bến dò Xuàn-hội : 37  
quan. [20a]

Đồn-tuần Cù-huàn [nay là Xương-huàn] và bến dò Cồn-cử,  
tiền thuế hàng năm : 206 quan.



## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN BỐN

Tiền thuế hàng năm đồn-tuần Phù-my thuộc phủ Bình-thuận : 12 quan.

Tiền thuế hàng năm đồn-tuần Đồng-tranh thuộc phủ Gia-định : 35 quan, 5 tiền.

Tiền thuế hàng năm chợ Lạch - cát [thuộc phủ Gia-định] : 81 quan.

Tiền thuế hàng năm bến dò đèn Quan-đế : 373 quan.

Tiền thuế hàng năm dò dọc từ Yên-lâm đến Saigon : 89 quan.

Tiền thuế hàng năm bến dò chợ Đồng-nai : 60. quan.

Tiền thuế hàng năm bến dò nhỏ Lò-chỉ [có lẽ Lò-giấy] : 55 quan.

Tiền thuế hàng năm bến dò chợ Dinh-Cũ : 30 quan, 2 tiền.

Tiền thuế hàng năm của ba sở là chợ Phú-lâm, chợ Lò-luyện và chợ quán Bình-khang thuộc xứ Saigon : 110 quan.

Tiền thuế hàng năm cả bến dò và chợ Saigon : 178 quan.

Tiền thuế hàng năm hai đồn-tuần đóng hai bèn làng Cồ-thố : 40 quan.

Tiền thuế hàng năm đồn-tuần Lôi-lạp : 55 quan.

Tiền thuế cửa biển Mỹ-tho cùng với tiền thuế đồn-tuần Y-hung : 64 quan.



## PHỤ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN BỐN

Tiền thuế hàng năm đôn-tuần cửa biển Ba-thiêm và cửa biển Cần-giờ : 300 quan.

Tiền thuế hàng năm đôn-tuần cửa biển Tác-khai : [20b] 320 quan.

Ngày trước, nhà Nguyễn dùng đồng rất hoang-phi. Như năm Canh-dần [tức năm 1770] và năm Tân-mão [tức năm 1771], hai Sở Tả-trung và Hữu-trung ngân-tượng đã nhận lãnh đồng đỏ và kẽm luyện hợp chế thành thau để làm những cái đinh, những bàn-lễ, những đinh bao, những cục-cước dùng vào việc trang-sức các công-đường, đình-sở và đài-các, cùng sửa-chữa các chiếc thuyền ghe thường dùng. Họ làm phi đồng đến một vạn 200 cân, phi kẽm đến 4.130 cân. Trong số này, ty ngân-tượng lãnh vào dịp Tết Chánh-dán : đồng 165 cân, 12 lượng, kẽm 165 cân. Ty ấy còn nhận lãnh đồng trắng [bạch đồng] để trang-sức ba toà nhà « Di-nhiên đường » đến 170 thoi. Há không phải là một sự xài-phi vô ích đó hay sao? Lúc này, theo lệ, hễ được phát đồng đỏ 1 cân, thì cho vào 6 lượng 1 đồng cân kẽm, và 20 đồng tiền than để chế thành thau, thì sắc thau cũng vàng, như thợ đúc ở chợ cho vị thuốc lò-cam-thạch vào làm thau vậy.

Thợ bạc tên là Võ-tôn-Nhàn có nói : Cứ 10 cân đồng đỏ thì cho vào [21a] 8 lượng kẽm, nấu lên để luyện thành thau thì thau mới tốt. Nhưng bọn thợ bạc thấy đồng đắt mà kẽm rẻ, nên nhân đó mới dùng kẽm nhiều hơn đồng, để ăn bớt đồng kiếm lời bỏ túi.

Hai xứ Thuận-hoá và Quảng-nam không có mỏ đồng. Nước Nhứt-bản thì thổ-sản có nhiều đồng đỏ, nên hàng năm tàu nước ấy chuyên-chở đồng đến nước ta bán, nhà-nước phái người đến thâu mua, cứ 100 cân trị giá 45 quan tiền đồng [thứ



## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN BỐN

tiền xưa]. Còn như tàu thuyền các khách buôn ở tỉnh Phúc-kiến và tỉnh Quảng-đông thuộc nước Trung-hoa có chuyên-chở đồng đỏ sang nước ta bán, thì phải khai-báo đầy-đủ giấy-tờ, bấy giờ Chính-phủ ta mới y theo giá định kê trên mà mua hết. Còn thừa bao nhiêu, các khách buôn mới được phép bán, đổi-chác cho người ngoài.

Các đồng-tiền niên-hiệu Khai - nguyên nhà Đường <sup>1</sup> cùng với các đồng-tiền niên-hiệu Thuần-hoá <sup>2</sup> và niên-hiệu Tường-phù <sup>3</sup> nhà Tống đều được đúc bằng thứ đồng thật tốt và đúc thật kỹ-lưỡng, nên chôn dưới đất cũng không hư-hỏng.

Đồng-tiền về đời nhà Tống phần nhiều có bốn chữ « Canh-thân-niên tạo » của nhà vua viết.

---

1. Khai-nguyên là niên hiệu đầu tiên của vua Đường Huyền-tông. Về sau, nhà vua đổi niên-hiệu là Thiên-bảo. Đường Huyền-tông tên là Long-cơ, là con của Đường Duệ-tông, tại vị 45 năm.

Vào triều Đường Huyền-tông, ông Mai-thúc-Loan người ở Hoan-châu nổi lên chiếm-cứ châu-ly, xưng Mai-hắc-đế. Đường Huyền-tông phái chức quan Nội-thị là Dương-tur-Húc mang quân đến đánh phá Mai-hắc-đế.

Huyền-tông truy thụy đức Khổng-tử là Văn-Tuyên-vương, và truy sùng Lão-tử làm Huyền-nguyên hoàng-đế.

2. Thuần-hoá là niên-hiệu Tống Thái-tông, tên Quang-nghĩa, là em của Tống Thái-tổ, ở ngôi được 22 năm.

Lúc tức vị, Tống Thái-tông lấy niên-hiệu là Thái-bình Hưng-quốc. Về sau, nhà vua đổi niên-hiệu đến ba lần là : Ung-hy, Đoan-củng và Chí-đạo.

3. Tường-phù là niên-hiệu Tống Chân-tông, tên Hằng, là con Tống Thái-tông, ở ngôi được 25 năm.

Lúc lên ngôi, nhà vua lấy niên-hiệu là Hàm-bình. Về sau nhà vua đổi niên-hiệu đến bốn lần, là : Cảnh-đức, Đại-trung, Thiên-hy và Càn-hung.



## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN BỐN

Trước kia, tại bốn trấn trong nước ta, thường còn nhiều thứ tiền này. Nhưng từ năm Quý-hợi [tức năm 1743 là năm thứ 4 niên-hiệu Lê Cảnh-hưng], và năm Giáp-tý [tức năm 1744 là năm thứ 5 niên-hiệu Lê Cảnh-hưng] về sau, thì người ta ít thấy hiệu tiền ấy lưu-hành ở trong đất nước, không hiểu lý do vì sao ?

Năm Giáp-tý, quân của Vương-thượng [tức chúa Trịnh-Sum] vào đất Thuận-hoá, tịch-thâu các kho công. Người ta tìm thấy số tiền xâu bằng lòi mây đến ngoài ba mươi vạn quan. Các thứ tiền này đã được lựa-chọn cẩn-thận, không lẫn-lộn một đồng tiền xấu nào. Như vậy chúng ta mới biết trước kia những thuyền khách buôn đã chuyên-chở trộm số tiền ấy vào nước ta rất nhiều vậy [21b].

Nay người tỉnh Nghệ-an gọi tiền ấy là tiền cái [thư tiền], họ ruồng-bỏ không dùng, rồi nhân-dân hạt Thuận-hoá cũng bắt-chước không tiêu dùng, há chẳng phải là họ quá ngu-xuẩn hay không.

Còn tiền của nhà Mạc đúc, thì ở giữa khoảng nhỏ có mấy chữ « Thái-bình yên pháp », được lưu-hành vào hạt Thuận-hoá. Theo lệ cũ nhà Nguyễn, người nào mới được lên nối ngôi chúa, thì cứ theo kiểu-mẫu tiền cũ mà đúc, ở khoảng nhỏ đồng tiền cũng đề hai chữ « Thái-bình ».

Ngày nay, ở trong dân-gian, thỉnh-thoảng cũng còn thấy một hai đồng tiền ấy, thường cứ ba đồng này mới ăn một đồng tiền.



## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN BỐN

Nhà Nguyễn cũng dùng tiền đồng cổ mang hiệu Khang-hy <sup>1</sup>.

Những kẻ gian-manh thường hay phá tiền đồng để làm các đồ vật, nên số tiền đồng cũ càng ngày càng hao-hụt đi.

Đĩnh Quốc-công [tức chúa Nguyễn-phúc-Chu] đã từng cho đúc tiền đồng, kể ra thì tốn phí rất nhiều.

Đến đời Hiền Quốc-công [tức chúa Nguyễn-phúc-Khoát] nghe theo lời người khách buôn họ Hoàng [người Trung-hoa], chúa mới mua kẽm của nước Hoà-lan về đúc tiền, đồng thời mở trường đúc tiền tại địa-phận xã Lương-quán. Cứ mỗi 100 cân kẽm giá-trị 8 quan tiền. Vậy ngoại trừ các phí-tồn về nhân-công và ăn uống, người ta còn được số tiền là 20 quan.

Về chữ và khuôn vành chung-quanh đồng tiền, người ta dùng kiểu-mẫu đồng tiền Tường-phù nhà Tống. Lúc mới đúc xong, đồng tiền trông có vẻ dày-dặn và bền-bỉ. Tuy người ta có thể đốt tiền này được, nhưng không thể bẻ gãy được.

Lúc bấy giờ, nhà nước lại bãi-bỏ cái lệ cấm đúc tiền riêng, nhưng cũng rất ít người [22a] dám đúc, cho nên công tư tiêu dùng tiền kẽm cũng rất tiện lợi. Còn về tiền đồng, người ta tích trữ lại, không cho cấp-phát ra nữa.

---

1. Khang-hy là niên-hiệu vua Thánh-tổ nhà Thanh, tên Huyền-diệp, là con của vua Thế-tổ nhà Thanh, ở ngôi được 61 năm, lâu năm nhất trong hàng Đế-vương nhà Thanh.

Khang-hy — vị vua thứ hai nhà Thanh — là người rất hiếu học và rất hay chữ.

## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN BỐN

Lâu ngày, những nhà có thế-lực tranh-giành nhau đúc thêm mãi ra, tính đến hơn 100 lò đúc tiền. Có thứ tiền gọi là tiền «Thiên minh thông bảo» pha lẫn cả thứ kẽm đen vào, nên đồng tiền ngày một mỏng-manh, dàn-gian chề-bại là tiền xấu-xi, nên mua bán không chạy, tiền không lưu-thông được.

Trước kia, một đồng tiền kẽm ăn một đồng tiền đồng, đến nay thì phải 3 đồng tiền kẽm mới đổi được một đồng tiền đồng, nhưng người ta vẫn không tin dùng tiền kẽm. Cho đến những khách có thuyền buôn của các nước ngoài đều không muốn lấy thứ tiền ấy. Họ cứ đem gạo muối để đổi lấy vàng, bạc và các hàng-hoá tạp-vật rồi dong thuyền đi nơi khác. Những nhà giàu đều nghĩ họ có để dành nhiều tiền cũng vô-dụng, nên họ cứ tích-trữ lúa thóc, không chịu bán ra ngoài. Vì vậy mà giá gạo đã nhảy vọt lên cao.

Triều-đình lại cho đúc tiền đồng mới, là có ý muốn thủ-tiêu dần dần thứ tiền kẽm cũ-rích ấy đi. Nhưng người ta nhận lãnh được đồng rất nhiều, mà tiền mới đúc thì không được bao-nhiều, nên mỗi khi có tiêu-pha hay mua hàng, thì người ta cứ tùy theo các thuyền buôn từ tỉnh Thanh-hoá, tỉnh Nghệ-an hoặc tỉnh Sơn-nam [tức Nam-định ngày nay] vào, nhận mua hàng-hoá, số tiền cũ ấy lại được xuất kho cho hết đi.

Hơn nữa, một xứ Quảng-nam không có tiền đồng, dàn-gian chỉ tiêu dùng tiền kẽm, cứ một đồng ăn một đồng, không kể tiền xấu-xi, sứt-mẻ. Những người đi buôn mỗi khi đem dầu, đường cùng các vật-hạng mới đến bán lấy tiền rồi đi, họ được lời gấp ba lần, [22b] nên họ không chịu lấy tiền đồng.

Và từ hai năm trở lại đây, người xứ Mã-cai thường chuyên-





## PHỬ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN BỐN

chở kềm đến, có khi họ chở tới 15 vạn cân kềm, không bị cấm-đoán gì cả, nên những kẻ gian-manh mua kềm về, rồi đúc trộm tiền ở những nơi đầu non, eo biển hẻo-lánh, không ai có thể khám-xét, hỏi-han đến. Vì thế trong những phiên chợ-búa, người ta thấy các đồng tiền kềm mới đúc thật mỏng-mạnh nhỏ-bé.

Gần đây, có người thư-sinh ở huyện Lệ-thủy tên là Lê-viết-Trình hiến bài thơ cho chúng tôi [tức Lê-quý-Đôn Tiên-sinh] trong đó có hai câu như sau :

« Tàn hình nhược chú Thương-vương tộ,  
Cự khí ưng tiêu Nguyễn-thị đồng ».

Nghĩa là :

« Tiền Thương <sup>1</sup> như đúc khuôn hình mới ;  
Đồng Nguyễn <sup>2</sup> nên tiêu khí vật xưa ».

Như vậy rõ cuộc chưa có cách gì để thủ-tiêu đồng tiền nhà Nguyễn.

Kềm là loài kim-khí có tánh mỏng-mảnh, mau hư-hỏng, nên không thể dùng làm ống-bệ thợ rèn được. Nếu người ta đốt kềm với ngọn lửa già, thì tự-nhiên lửa xanh và khói trắng

---

1. Theo sách Sử-ký [Bắc-sử, về Thương-kỷ] có nói: Vua Thang nhà Thương [hay nhà Ân] lấy đồng ở núi Trang-sơn đem đúc tiền cho nhân-dân trong nước tiêu-dùng.

2. Đồng Nguyễn là tiền đồng do họ Nguyễn đúc. Tác-giả bài thơ có ý nói nên thủ-tiêu đồng tiền nhà Nguyễn.



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN BỐN

bốc lên rồi bay đi mất. Chỉ có một cách là trước tiên người ta nấu đồng cho rữa chảy ra, rồi pha vào một ít kềm hoà-hợp với nhau, thì hợp-chất này không bay đi, mà trở thành thứ thau thật tốt. Nhưng nếu đem hợp-chất ấy đúc tiền thì lại khổ vì một nỗi là nó rít và cứng-rắn quá [khó rót].

Những kẻ gian-manh lấy kềm bỏ vào nồi đất, đun lửa từ-từ cho kềm chảy ra, rồi lấy muông múc đổ vào khuôn đúc tiền. Đến khi lấy tiền ra, người ta chỉ xoay qua một vòng. Công việc rất là giản dị, ngay đến những người xóm-giềng cũng không hay biết. Như vậy, những kẻ làm việc phạm-pháp kiếm lợi riêng không bao giờ chãm-dứt được.

[23a] Năm Bình-thân [tức năm 1776 là năm thứ 37 niên-hiệu Lê Cảnh-hung], mùa xuân, có lệnh truyền: đại-phàm những súng đồng bắt được ở xứ Thuận-hoá, hoả-môn rộng không dùng được nữa, cùng với các đồ đồng, đồng miếng, đồng vụn, nặng không tiện dùng, và không tiện chuyên-chở, thì nên phá-hủy để lấy đồng đúc tiền chứa vào kho. Đồng tiền ấy nặng một đồng cân, có khắc bốn chữ: « Cảnh-hung thuận bảo » « ». Nhưng phải xem tiền ấy được bao nhiêu, để làm giấy-tờ đăng- nạp, phòng chi-tiền về các việc ở biên-cương. Rồi Đoan Quận-công sai-phái chức Tả-tượng-cơ Thái-trung-hầu trông-coi về việc đúc tiền, và mở xưởng đúc tiền ngay ở bên hữu trấn-dinh. Đoan Quận-công lại phái cựu Cai-đội Luạn-bình-hầu Văn-thế-Nghị cũng phải trông-nom đốc-suất việc đúc tiền ấy. Người ta lựa-chọn những người thợ tại các làng đã quen-thạo việc đúc tiền vào làm công.

Nhà Nguyễn có những cái vạc lớn, những cái chỏ [một thứ nồi lớn để hấp bánh] lớn và những cái thùng lớn rộng đến bảy



## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN BỐN

thước, cao đến ba, bốn thước, nặng bảy, tám mươi cân trở xuống đều bị phá-hủy để lấy đồng đúc tiền.

Việc đúc tiền được khởi công làm từ ngày 20 tháng hai đến ngày 30 tháng sáu thì xong.

Cách chế-tạo tiền đồng thì cứ chiếu theo số-lượng các đồ khí-cụ bằng đồng bị phá-hủy cùng với các hạng đồng đỏ, cân được 790 tạ, pha thứ thiếc trắng vào. Cứ mỗi tạ đồng, thì pha 15 cân, 12 lượng thiếc, kềm đen 43 cân, 10 lượng, cộng các hạng đồng, thiếc và kềm là [23b] 159 cân, 6 lượng thì đúc thành tiền là 38 quan. Tính trừ hao mỗi tạ là 39 cân, đúc thành tiền mỗi tạ được 38 quan tiền, cộng tất cả thành tiền là 30.362 quan tiền. Trong số đó, người ta cấp-phát khẩu-lương cho các người thợ đúc tiền, cứ mỗi tạ 7 quan, cộng thành 5.593 quan tiền cấp cho các thợ.

Lại còn cấp-phát tiền mua sắm than và dầu cảm-lâm, cứ mỗi tạ mất 1 quan tiền, cộng thành 799 quan tiền. Như vậy chỉ còn thực tiền là 23.970 quan đều được thâu-trữ tại nhà Ngân-hàng Trung-quốc. Ở nơi đây, có nhiều tiền ngân-hàng, mà lại ít tiền hiệu Càn-long. Người ta bảo : tiền mới đúc một đồng thì ăn hai đồng, nhưng tiền mới đúc không được nhiều, mà tiền cũ cũng rất ít-ỏi, cho nên dân-gian, đàn-bà, con-trẻ có đi mua bán vật nhỏ gì đều phải tiêu tiền bằng bạc, và người ta cứ phải đem theo cái cân tiêu-ly để cân từng phân, từng hào. Thuế-khoá cũng chỉ thâu bằng bạc, chứ không có thâu tiền.

Ở xã Mẫu-tài thuộc huyện Phú-vang có nhiều người làm được dây thau và dây sắt. Khi nào có quan Cai-bạ truyền [24a] lệnh thi-hành, thì viên Thủ-hợp tại ty Lệnh-sử cùng với dân xã ấy làm giấy khai-đơn nhận-lãnh 1.000 cân đồng đỏ, 400 cân kềm,



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN BỐN

sắt tốt 500 khối, tiền mua than 45 quan. Khi nào luyện xong dây thau, dây sắt thì phải đem nạp. Theo lệ xưa nay, cứ 100 cân đồng, thì chế vào 40 cân kẽm, trừ hao đi 50 cân. Lành một khối sắt tốt thì phải đệ nạp 1 cân dây sắt.

Xứ Thuận-hoá lại có một xưởng được gọi là « Nội kim tương tượng cuộc » « 內金湘匠局 » là « Cục thợ làm vàng », cứ 10 lượng vàng thì được một thoi vàng nấu thành vàng 9 tuổi. Nhà Nguyễn lấy vàng trang-sức các khí-mãnh trong nội-cung, mỗi một năm thường dùng đến 40 thoi vàng.

Xã Nam-phố thuộc huyện Phú-vang có một dãy núi, gồm có bốn núi nhỏ là : La-thiết, Cây-tràm, Hoàn-bùi và Đồng-giá. Ở dưới chân núi đều có sản-xuất vàng. Người ta đào đất dài một trượng rưỡi, rộng cũng một trượng rưỡi, sâu hơn hai trượng thì đến chỗ có vàng. Nhưng một gánh đất, người ta chỉ đãi được một phân vàng, vàng rất tốt, chừng chín tuổi hay mười tuổi.

Theo thể-lệ xưa, nhà-nước cho dân làng Nam-phố ấy nhận lãnh tiền công và tiền ăn để đi tìm vàng, và những người đi tìm vàng đều được miễn trừ tiền thuế.

Mùa xuân năm Bình-thần [tức năm 1776], quan kiêm Đốc-suất là Đoan Quận-công [24b] sai thuộc-tướng Cơ-trung-hầu trông-coi việc đi lấy vàng. Viên tướng ấy triệu-tập người để thiết-lập đội Hoàng-sa, và thuê 65 người phu để đào đất lấy vàng, rồi đãi lọc và nấu vàng. Trong bốn tháng trời mà người ta chỉ thu được bốn lượng năm đồng cân vàng mà thôi. Vì số vàng tìm được không đủ để trả tiền công và tiền ăn cho những người thợ và phu, nên công-tác đi lấy vàng phải đình chỉ.



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN BỐN

Tại nguyên Phú-âu [tục danh nguyên Cò-hai] có trường Liêm-hộ. Nhân-dân thuộc nguyên ấy thường thường cứ lấy tháng giêng làm lễ khai-sơn, đến tháng tám thì dứt. Hễ tìm thấy nơi có vàng, họ đào đất lấy vàng sống lọc thành vàng tốt. Có khi gặp một chỗ đào được năm, sáu lượng vàng. Cũng có khi gặp một chỗ đào được hai, ba lượng vàng, nhiều ít không có nhứt-định.

Xứ Quảng-nam có nhiều núi sản-xuất vàng.

Nhà Nguyễn có lập tại các phủ thuộc xứ Quảng-nam một sở lọc vàng, sở ấy được gọi là « Liêm-hộ thuộc ». Một thuộc Liêm-hộ gồm hơn 400 thôn được miễn-trừ quân-dịch và thuế, để cho họ tùy đó mà tìm-kiếm vàng.

Kim-trường có ty Ngân-tượng [Ty thợ bạc], viên Chánh-cai quan phải trông-coi nấu vàng.

Lại có ty Nội-lệnh sử. Các quan viên ty này chia phiên nhau đi thâu nhận vàng. Người ta cứ chiếu theo sổ chánh-hộ và sổ khách-hộ có bao nhiêu người, mỗi năm mỗi người phải nạp thuế bằng vàng sống hoặc ba đồng-cán, hoặc hai đồng-cán, phải nạp cho viên quan tại thuộc ấy để đệ nạp lên cấp trên. Thợ bạc đem vàng sống ra nấu luyện thành [25a] từng thoi vàng, cán nghiệm đúng rồi mới đem đi nạp.

Hàng năm, người ta lấy ngày Đoan-ngọ [ngày mùng năm tháng năm âm-lịch] và ngày Trừ-tịch [ngày 30 tháng chạp âm-lịch] nạp vàng tại quan Cầu-kê [cũng như bộ Hộ hay bộ Tài-chánh sau này].

Như năm nào không tìm được vàng, thì cứ y theo giá vàng



## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN BỐN

mỗi thoi là 200 quan, mỗi suất đinh được nạp tiền thay-thế vàng 4 quan tiền.

Nếu tìm được nhiều vàng, thì lại phải nạp thêm thuế, nhưng không được phép tăng số người.

Người ta cứ chiếu theo đinh-suất mà thâu các số tiền : Sai-dư, tiền cước-mễ, tiền thế xoi canh đêm, tiền gạo tám, tiền suất sai-dư, tiền cước tiết-liệu, tiền gạo tám tiết-liệu, tiền nạp thay gạo tiết-liệu... theo như thường lệ đối với các xã thôn khác.

Nay tra-cứu bộ thuế năm Kỷ-sửu [tức năm 1769] về thuộc Kiềm-hộ phủ Thăng-hoa, cùng với số tiền biệt-nạp, số người và số tiền, gạo xã Như-dức, kể cả chánh-hộ và khách-hộ cộng 5.424 người.

Làng Đồ kể cả các viên-chức là 66 người, các hạng linh ở các thuyền là 202 người, 1 người tiêu-sai [được miễn các sai-dịch, về sau tiêu-sai được đổi là miễn-sai], 1 người nhiều-phu [được miễn công-tác di phu], cùng các phu thuyền là 766 người.

Khách-hộ thì hạng bản-cùng và hạng tại-đào [đi trốn] là 261 người, thuế này đề cấp ngu-lộc cho các viên-tử [con các quan viên]. Tổng cộng khách-hộ có 2.885 người, nhưng thực nạp tiền thuế chỉ có 1.242 người mà thôi. Thuế sai-dư bản hạng kim là 21 thoi, [25b] 8 lượng, 7 đồng cân. Nhà nước lại còn thâu các khoản tiền khác cộng 1.662 quan.

Xem trong các điều khoản nói về số tiền sai-dư, trừ số tiền cấp cho các viên-chức là 32 quan, 2 tiền, lại trừ các số tiền lợp và sửa-chữa hai miếu Dương-dàn, Trà-cam, tiền thuê gánh



## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN BỐN

rương [hòm] vàng, tiền mua than, tiền cấp cho các nha cúng lễ theo lệ định, trừ số tiền cấp-phát cho các sưu-suất đi công-vụ hết 336 quan. Lại trừ các khoản tiền về tạ trường, tiền lễ tạ các Linh-miếu, tiền lễ hành thuyền, lễ khai-xuân, lễ khai-kim [lễ khai vàng] hết 40 quan, 5 tiền. Còn tiền tiết-liệu, xã Đồ dùng về tế-lễ, tạ-lễ và khai-huyết, — xã ấy niêm tiền thuế lại, — tiền lễ các nha theo lệ định, cùng các khoản tiền sưu-suất cộng 148 quan, chỉ còn số tiền thực nạp: 1.204 quan, 6 tiền, 32 đồng mà thôi.

Người ta lại thâu số gạo tiết-liệu cộng 162 bao, 14 thăng. Rồi lại thâu thêm 19 thăng gạo về việc sửa lễ trong xã Đồ khai huyết, kính cáo miếu Thần, cùng cấp-phát khẩu-lương cho các thuyền buôn do các vệ-binh trưng-dụng chở thuế cho nhà-nước cộng 5 bao, 1 thăng. Chỉ còn số gạo thực nạp là 157 bao, 13 thăng.

Thuộc Liêm-hộ trong phủ Qui-nhàn, [26a] cùng với số thuế biệt nạp của thôn Ô-liêm và xã Du-hà, xã Thanh-diêm, các giáp thuộc phủ Qui-nhàn và phủ Phú-yên, cùng thôn Trung-chỉ xã Đốc-sơ, kể cả số người và số tiền như sau.

Số người thuộc Liêm-hộ là 1.348 người. Trừ số người tiêu-sai ở xã Đồ là 48 người, còn số người thực nạp là 1.300 người. Tính cả số thuế sai-dư các hạng là 21 thoi, 2 lượng, 2 đồng-cân vàng. Trong số đó thì người ta trừ số vàng về phần các chức Nhiêu-phu ở xã Đồ là 7 lượng, 7 đồng-cân, 1 phân vàng. Còn số vàng thực nạp là 20 thoi, 4 lượng, 3 đồng-cân vàng.

Về hai thuộc Liêm-hộ, Trai-du, và các giáp thuộc xã Du-hà và xã Thanh-diêm, cùng thôn Trung-chỉ thuộc xã Đốc-sơ, nhân số là 867 người. Trong số đó, người ta trừ các hạng tiêu-sai ở xã Đồ, và các hạng bần-cùng-đình phải đi trốn-tránh ở các nơi khác



## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN BỐN

là 177 người. Chỉ còn số người thực-trung [thực tình chịu thuế] là 690 người. Người ta thâu các hạng tiền về 690 người ấy cộng 2.116 quan, 43 đồng tiền. Trong số này, người ta trừ đi các chức nhiều-phu ở xã Đồ cùng số tiền tạ trường là 29 quan, 9 tiền. Chỉ còn số tiền thực nạp là 2.009 quan, 9 tiền, 43 đồng.

Người ta lại mua dầu chay 176 lạng, [26b] tiền sắm hồng-hoa nặng cân là 139 quan, 6 tiền, gạo 1 bao, giấy lớn 2.500 trương, giấy hạng trung-bình 32.000 trương.

Về các thuộc Liêm-hộ, Lũng-ba, Cảnh-dương, Phước-lộc và Tân-dân thuộc phủ Phú-yên, số dân-đình và số tiền, số gạo, kê cả chính-hộ và khách-hộ là 1.154 người. Trừ các viên-chức, lính ở các thuyền, các nhiều-phu, các học-sinh, các tiêu-sai, các hạng cùng-bần tại đảo, chỉ còn số người thực nạp là 96 người. Số vàng sai-dư là 10 thoi, 1 lạng, 5 đồng-cán, 7 phân. Số vàng về phu hầu hai lễ trong một năm là 2 lạng, 3 phân, 5 ly. Số vàng về tiết-liệu là 1 thoi, 5 lạng, 9 đồng-cán, 5 phân. Lại phụ thêm số vàng trong năm là 1 thoi, 5 lạng, 8 đồng-cán, 5 phân, 4 ly. Vàng nấu còn thừa là 3 lạng, 5 đồng-cán, 5 ly. Tổng cộng số vàng là 14 thoi, 2 lạng, 9 đồng-cán, 1 phân, 9 ly. Trong số vàng này, người ta trừ đi số vàng các viên-chức là 2 lạng, 7 đồng-cán, 6 phân, số vàng bị hao khi nấu, và lọc cát đá là 1 thoi, 9 lạng, 8 đồng-cán, 4 phân, 5 ly. Còn số vàng thực nạp là 12 thoi, 2 đồng-cán.

[27a] Lại thâu các số tiền thay-thế công-tác sai-dư và gạo cước, tiền nạp thay gạo tiết-liệu, nạp thay tiền thuế lãnh-canh là 458 quan, 6 tiền, 40 đồng.

Lại thâu hai khoản bạc sưu về tiền sai-dư và tiết-liệu là 42





## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN BỐN

quan, cùng tiền suất thập-vật [những vật linh-tinh] là 131 quan, 1 tiền, 30 đồng tiền.

Về hai tổng Đồng-xuân thượng và Đồng-xuân hạ thuộc phủ Phú-yên, nhân-số khách-hộ là 59 người. Trừ số lính ở các thuyền không kể, còn thực nạp 51 người. Thuế vàng sai-dư là 7 phân, thuế trùng-phụ là 9 ly vàng, vàng nấu thừa là 3 hào. Cộng vàng 7 phân, 9 ly, 3 hào. Trừ nấu hao mất 9 ly vàng, chỉ còn 3 phân, 3 hào vàng.

Lại thâu số tiền nạp thay cho công-tác sai-dư và gạo tiết-liệu cộng 79 quan, 8 tiền. Tiền sưu và tiền thuế-mướn cộng 22 quan, 9 tiền.

Các hòn núi Yêm-nô, Trà-tế thuộc nguyên Thu-bồn, huyện Duy-xuyên, phủ Thăng-hoa, xứ Quảng-nam có sản-xuất vàng.

Năm trước, tại đấy, có khi vàng bốc lên rất mạnh. Khi vàng thường luồn theo đường ngầm quanh-co, khúc-khuyết ở dưới đất, rồi bốc hơi lên. Đường này cũng có khi [27b] đi thẳng, có khi đi ngang thông suốt với hòn núi khác. Chỗ đất nào có vàng thì mềm-dẻo. Chỗ nào không có vàng thì đất cứng-rắn. Những thuộc dân ở đấy cứ đến đầu núi tìm mạch đất chứa vàng, đào lấy đất, rồi làm nhà che chỗ đào đất. Họ chứa đất thành từng đống lớn, lấy nước dội vào chỗ vừa đào để đãi vàng lẫn lộn với đất.

Có chỗ họ đào đến hơn 1.000 thước, dội lọc ròng một ngày, được vàng vụn chứa đầy cái bong-bóng trâu, rồi đem nạp vào trường đúc để nấu lại và đúc đồ.

Đôi khi cũng có người làm vàng giả, họ lấy hiệu tiền Khang-



## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN BỐN

hy nhà Thanh, giã nhỏ rồi trộn với vụn vàng để cho nặng cân lượng. Nhưng người ta có thể dùng bông gòn lau chùi, bột vụn tiền nhẹ sẽ dính vào bông gòn, còn bột vụn vàng nặng không thể dính được, như thế sẽ thấy rõ số vàng thật còn lại.

Trước đây, quan Tả-ngoại Trương-phúc-Loan thường được cấp nguyên này [nguyên Thu-bồn] làm ngu-lộc, rồi Trương-phúc-Loan khiến người nhà là tên Ân-diện trung-thâu nguyên ấy hơn 20 năm, được vàng không biết bao nhiêu mà kể.

Có người Thổ tên là Giang-Huyền kết nghĩa thông-gia với tên Ân-diện, nên tên Điện đem bán riêng cho tên Giang-Huyền một ngọn núi để Huyền tự-do đào núi khai-thác vàng. Tên này thường đem vàng ra phố Hội-an bán cho những người khách buôn, hàng năm bán không dưới một nghìn thoi vàng.

Những người ở phường Liêm-hộ đều là đầy-tớ bọn Trương-Phúc-Loan cả, nên họ thâu được mười phần, thì chỉ nạp [28a] thuế công một hay hai phần mà thôi.

Nay cứ theo Văn-thế-Nghị ở Qui-nhân nói về thề-lệ nguyên Thu-bồn, thì các người buôn vàng cứ chiếu theo số thuế vàng mỗi năm là bao nhiêu, trừ tính chia nhau mà nạp cho quan Hộ-bộ. Rồi họ tìm đến các hòn núi ở đầu nguyên để kiếm vàng. Hễ dải cát kiếm được nhiều vàng thì cứ theo phần mình mà nạp thuế. Nếu kiếm không được vàng cũng phải mua vàng để bồi nạp số thuế ấy. Các người buôn vàng được tự-do đào kiếm vàng, không có một điều-kiện nào hạn-chế cả, chỉ cốt làm sao đăng-nạp cho đủ thuế-khoá là được.

Trường [nơi] nạp thuế ở thôn Trà-nò. Từ trường nạp thuế đi lên đến chợ Hoa-viên mất bốn trống-canh. Từ chợ Hoa-viên



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN BỐN

lên đến hòn núi Yêm-nô phải mất một ngày. Từ Hoa-viên lên núi Trà-tế phải đi mất ba ngày đường.

Tại đạo Trà-nô, vàng tụ ở sông nhiều, mà vàng tụ ở núi ít. Còn tại đạo Hoa-du, vàng ở núi lại nhiều, mà vàng ở sông lại ít. Những người ở thuộc Liêm-hộ cùng tông này muốn vào địa-phận nguyên Thu-bồn tìm-kiếm vàng, họ phải chịu nộp thuế mỗi người một đồng-cân vàng, và người ta chỉ cho họ tìm đãi lấy vàng ở sông, chứ không cho họ được đào kiếm vàng ở núi,

Những người phải chịu thuế vàng mà muốn nộp thế tiền sai-dur bản-thân, thì họ chỉ được phép tìm kiếm vàng tại địa-phận trong thuộc của họ ở, chứ không được đi lên đầu nguyên khác mà tìm vàng.

Đến như vàng ở nguyên Chiên-dân thì do ty Lệnh-sử thâu nạp, thuế-lệ cũng vậy.

[28b] Nguyên Hãn-da cũng có thuế-lệ vàng, nhưng nguyên này sản-xuất ít vàng. Đường đi lên đầu nguyên này rất xa-xôi, lại có nhiều người Man gian-ác, nên các khách buôn chỉ tìm vàng ở sông.

Trong phủ Thăng-hoa, những người khách buôn bán đều nói các hòn núi trong phủ ấy đều sản-xuất vàng tốt, nhưng chỗ nào có nước khe thì mới dễ lấy và dễ kiếm vàng. Còn chỗ nào không có nước khe thì rất khó khai-thác vàng. Người ta từng hỏi quan Hộ-bộ cũ là Thục-thận-hầu, ông này cũng đã nhiều lần nói đến việc ấy như vậy.

Ở xứ Thuận-hoá, tại miền duyên-hải, nhiều nơi có ruộng muối đều tùy theo từng lò muối. Cứ theo lệ, mỗi lò muối rộng



## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN BỐN

một sào, người ta thâu một làu [sọt] muối. Nửa sào thì thâu một ky [một sọt nhỏ] muối. Không đủ nửa sào thì chỉ thâu nửa ky [múng] muối.

Một lò muối mà có nhiều ruộng muối, thì người ta cứ tính hai sào thâu một làu muối. Nếu có nhiều ruộng muối hơn nữa, thì số muối nạp thuế cứ theo đó mà thêm lên. Như vậy, *người ta gọi là thuế muối ruộng.*

Ở hai xã Diêm-trường và Phụng-chánh thuộc huyện Phú-vang (tỉnh Thừa-thiên), theo ngạch cũ mỗi năm phải nạp 55 làu muối thuế. Còn ruộng muối chùa Tam-bảo [tức ruộng muối của nhà chùa] đều được miễn thuế.

Xã Xuàn-my thuộc huyện Minh-linh, theo ngạch cũ, mỗi năm phải đóng thuế muối là 168 làu, và muối lễ 50 làu.

Xã Di-luân [cũng thuộc huyện Minh-linh], theo ngạch thuế cũ, mỗi năm phải nạp 60 làu muối thuế, và số muối [29a] lễ 5 làu. Bề mặt làu phải đúng 1 thước, và chiều cao 1 thước 5 tấc.

Những nơi phải nạp thuế muối đều được trừ gạo lễ Thường-tân, gạo tiết-liệu, gạo thế linh, bắt linh, sửa-sang cầu đò, đường-sá, và khiêng-gánh sru sai các việc.

Còn những nơi không có muối, thì khách-hộ phải mua muối ở tỉnh Quảng-nam, và chiếu theo số người nơi ấy mà thâu thuế. Thuế này được thế vào số tiền sai-dư. Vì vậy, *người ta gọi là thuế muối đình.*

Theo lệ đình, quân-hạng là hạng nhất, mỗi người phải nạp 6 làu muối thuế.



## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN BỐN

Nhị hạng phải nộp mỗi người 6 lâu muối.

Hạng ba mỗi người phải nộp 3 lâu muối.

Lão hạng và các con cháu các quan viên đều phải nộp mỗi người 3 lâu muối.

Hạng nhiều-phu được nộp riêng.

Các viên-mục, tướng-thần, xã-trưởng, lão-nhiều, bản-cùng, tại đảo [hạng người đi trốn-tránh] thì đều được tha thuế muối.

Quân-hạng ở các nơi phụ-phường cũng chiếu theo thẻ-lệ đã kể ở trên mà nộp thuế muối. Những người nào không có muối thì được nộp thay 1 lâu muối là 1 tiền.

Năm Quý-hợi [tức năm 1743 là năm thứ 4 niên-hiệu Lê Cảnh-hưng] các phường thuộc xã Thanh-hà, huyện Hương-trà đều nộp thuế muối đến 850 lâu. Phường Kế-dăng nộp đến 1.078 lâu muối.

Ở về miền duyên-hải thuộc xứ Thuận-hóa có những nơi chuyên làm nghề đánh cá, người ta thầu thuế nước mắm, cứ lấy nhân-số và số người có lưới đánh cá hay không có lưới làm chuẩn-đích để đánh thuế như sau :

Hạng tráng-đình cùng những người có lưới đánh cá đều phải nộp mỗi người 4 tĩn nước mắm.

Hạng tráng-đình không có lưới phải nộp 3 tĩn nước mắm. [29b]

Hạng quân-nhàn có lưới phải nộp 3 tĩn nước mắm.



## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN BỐN

Hạng quân-nhân không có lười được miễn thuế.

Các viên-tử mỗi người phải nạp 1 tĩn nước mắm.

Hạng bần-cùng có lười phải nạp 1 tĩn nước mắm.

Năm Kỷ-sửu [tức năm 1769 là năm thứ 30 niên-hiệu Lê Cảnh-hưng], xã Thủy-bạn thuộc huyện Minh-linh có 109 chiếc lười phải dâng lễ 50 tĩn nước mắm.

Xã Cồ-trai [huyện Minh-linh] phải nạp thuế 50 tĩn nước mắm và phải dâng lễ 10 tĩn.

Xã Hà-trung [huyện Minh-linh], theo lệ cũ, chỉ phải nạp 100 tĩn nước mắm dầu cá ngon béo.

Phường Hoa-tuần thuộc huyện Hương-trà phải nạp 792 tĩn nước mắm thuế và dâng lễ 1 tĩn.

Xã Bình-trị [huyện Hương-trà] phải nạp thuế 16 tĩn nước mắm và phải dâng lễ 10 tĩn.

Xã Trung-tuyền [huyện Hương-trà] kể cả thuế và dâng lễ cộng 67 tĩn nước mắm.

Xã Tục-công huyện Quảng-diền phải nạp 110 tĩn nước mắm và phải dâng lễ 50 tĩn.

Xã Thuận-đầu thuộc huyện Đăng-xương phải nạp thuế nước mắm là 104 tĩn.

Xã Hà-bá [cũng thuộc huyện Đăng-xương] phải nạp thuế 189 tĩn nước mắm.



## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN BỐN

Xã Thủ-luật thuộc huyện Lệ-thủy phải nộp thuế 315 tĩn nước mắm.

Xã Trung-luật [cũng thuộc huyện Lệ-thủy] phải nộp thuế 585 tĩn nước mắm.

Xã Hòa-luật [cũng thuộc huyện Lệ-thủy] phải nộp thuế 300 tĩn nước mắm.

Thôn Thuận-cô thuộc châu Nam Bố-chánh phải nộp thuế 200 tĩn nước mắm và dâng lễ 50 tĩn.

Tựu-trung cũng có nơi được nộp tiền thay nước mắm, cứ tính giá mỗi tĩn nước mắm là 1 tiền.

Và còn có nơi phải dâng lễ-vật riêng cho các quan ở Bộ và quan Lệnh-sử mỗi nơi 25 tĩn nước mắm, nhưng được nộp tiền thay-thế là 2 quan, 5 tiền [tức mỗi tĩn trị giá 1 tiền].

Có nơi lại còn phải nộp cho viên Cầu-kê 4 tĩn nước mắm, và nộp cho người canh-giữ [30a] cửa 6 tĩn, nhưng đều được nộp tiền thay-thế.

Phường Đông-quan thuộc phủ Bình-thuận có 75 suất người, phải nộp thuế dầu cá 75 vò để thế vào số tiền sưu. Lại có đội hàm-thủy [đội làm nước mắm] riêng gồm 50 người, trong số này thì 30 người hàng năm phải nộp 30 lạng [gần bằng một thùng sắt tây] nước mắm, còn 20 người thì hàng năm phải nộp 2 vò mắm mòi và một thùng mắm tép, đều được chước-trừ tiền sai-dư và sưu tiết-liệu.

Xã Mai-đàn thuộc huyện Hải-lăng xứ Thuận-hoá, theo lệ cũ,



## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN BỐN

phải nạp thuế là 30 cân trăm-hương thật tốt, và 35 cân thường, nạp tại quan Lệnh-sử. Số trăm-hương kê trên là để thế vào các khoản như lễ thường-tàn, tiền tiết-liệu, gạo cước, cắt cỏ cho voi ăn, sưu lính các tàu thuyền. Nhưng xã ấy phải nạp đủ số tiền sai-dư. Những người ở phủ vào xã ấy đều không được trừ và đều phải nạp số tiền sai-dư.

Phủ Gia-định có thiết-lập 11 thuyền sơn đen, [ô-tất] cộng 500 người được chia thành ba hạng như sau :

*Hạng quân-nhân* mỗi người phải nạp thuế chính là sơn 10 cân và sưu sơn 6 cân.

Còn *hạng thủy-hồi* [mới trở về] và *hạng thủy-tục* [mới tục kê vào bộ đình] thì mỗi người phải nạp thuế chính 5 cân sơn và [30b] nạp sưu 3 cân sơn.

Ba hạng người này, gặp lúc nhà-nước vô sự thì họ làm dân, đều phải đăng nạp sưu thuế. Gặp lúc nhà-nước hữu sự, họ lại phải ra làm lính và đều được miễn đóng sưu thuế.

Năm Mậu-tý [tức năm 1768], các hạng người trong số 11 thuyền ấy có 452 suất. Trừ trường-hợp tiện-nghi, viên đội-trưởng đội ấy áp thâu 10 người, cùng-hạng 46 người, lão-hạng 17 người, quân-hạng 364 người, hạng thủy-hồi 79 người, hạng thủy-tục 9 người. Cả ba hạng người sau này đều phải nạp 6.528 cân sơn.

Xã Thanh-châu thuộc huyện Hà-đông, phủ Thăng-hoa có những người làm nghề đi tìm kiếm yến-sào. Nhưng nhân-dân xã ấy thường đi ở rải-rác khắp nơi trong các phủ hạt Thăng-hoa, Điện-bàn, Qui-nhân, Phú-yên, Bình-khang, Diên-khánh và Gia-định.





## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN BỐN

Hằng năm, cứ đến tháng hai, thì họ phải dâng nạp 120 tổ yến, thứ mới và còn non. Những người có nhiệm-vụ đi hành-thâu thuế yến-sào phải sửa-sang các thuyền-bè để đi đến các phủ ấy mà thâu thuế [thuế yến-sào]. Đến tháng 7 thì các người ấy phải đem số thuế yến-sào đã thâu được về trình nạp với quan trên. Cứ chiếu theo bộ tiêu-sai có bao nhiêu người thực-nạp thuế, và tùy từng hạng người mà thâu thuế yến-sào.

Tráng-hạng mỗi người phải nạp 2 cân yến-sào, thì nay cho họ nạp thế 2 quan tiền.

Dân-hạng mỗi người phải nạp 1 cân 8 lượng yến-sào.

Lão-hạng cùng với đình-hạng các suất đều phải nạp mỗi người một cân yến-sào.

[31a] Còn đồng xã ấy [Thanh-châu] lại phải nạp lễ Thường-tàn và lễ Chánh-đán [tức Nguyên-đán] là 1.500 tổ yến. Năm Mậu-tý, thuế yến-sào xã ấy được nạp tiền thay-thế đến 773 quan, 1 tiền, 30 đồng.

Xứ Thuận-hoá, đường thủy và đường lục giao-thông với tỉnh Quảng-nam. Về phía hữu, tỉnh Quảng-nam thông với các phiên-quốc. Còn đường biên, thì xứ Thuận-hoá và xứ Quảng-nam chỉ cách tỉnh Mân và tỉnh Quảng [Quảng-đông] Trung-quốc có ba, bốn ngày đường, nên các tàu buôn của Trung-quốc từ xưa đến nay thường thường tụ-tập ở hải-phận Thuận-hoá và Quảng nam.

Vào thời niên-hiệu Vĩnh-lạc<sup>1</sup> nhà Đại-Minh, có các thuyền

---

12. Vĩnh-lạc là niên-hiệu vua Thành-tổ [1403-1424] nhà Minh [1368-1643]. Minh Thành-tổ là vị vua thứ 3 nhà Minh sau Minh Thái-tổ và Minh Huệ-đế. Năm Minh Thành-tổ Vĩnh-lạc nguyên-niên bên Tàu tức năm Hồ Hán-Thương Khai-đại nguyên-niên bên ta.

## PHỤ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN BỐN

buôn của Trung-quốc trôi vào bến chợ Thuận-hoá. Tại đây, lúc bấy-giờ, nhà-nước đã thiết-lập ty Đền-cử, lại có trường sưu tiền.

Đến thời nhà Nguyễn cắt giữ đất Thuận-hoá và Quảng-nam, thâu được những khoản thuế tàu thuyền các nước đến đậu ở đây rất nhiều. Cai-quản các bến có 1 viên Cai-tàu, 1 viên Tri-tàu, 2 viên Cai-bạ, 2 viên Cai-phủ, 2 viên Ký-lục, 2 viên Thủ-tàu, 6 người Cai-phòng, 30 người Lệnh-sử, cùng với nhuệ-binh 50 danh, 4 đội lính tàu cộng 70 danh, với 7 danh Thông-sự.

Tại các làng Minh-hương ở Hội-an, Cù-lao Chiêm, Cầm-phố, Làng Cầu thì có chức quan «Sai-ty thái-báo». Hễ tàu nước ngoài đến xứ Quảng-nam, vào cửa biển Đại-chiêm đến phố Hội-an, hay vào cửa biển Đà-nẵng, đến xứ [31b] Luru-lâm mà buôn-bán, thì phải nạp các hạng thổ-vật, [sản-vật địa-phương], và phải nạp thuế nhập xuất theo lệ định phân-biệt đẳng-bậc khác nhau. Cùng năm, thông tinh thâu được những khoản tiền do các tàu thuyền nạp là bao-nhiều, người ta lấy 6 phần 10 sung vào thuế cảng. Còn 4 phần 10, các quan lại quản dân cứ chiếu theo số người nhiều ít mà chia phần đồng-đều như nhau. Nếu có những tàu bị gió bão trôi giạt đến, không có hàng-hóa gì đáng chịu thuế lệ, thì sau khi viên Tàu-trưởng làm giấy khai trình, tức thì quan hữu-trách truyền cho tuần-nha giữ cửa biển cùng với viên Đồn-thủ đến tàu khám xét qua. Rồi cho phép người trong tàu được đi mua củi, gạo, và họ chỉ được lưu lại hai ba ngày, rồi bị đuổi ra biển cả [đại-dương]. Không cho tàu họ vào cảng, để khỏi sinh những việc lôi-thôi. Nhưng cũng có trường-hợp họ cố ý tạo ra cảnh bị gió trôi giạt đến, để được tạm trú, và ngấm đem hàng-hóa lên phố, rồi sau mới trình xin chịu một số ít thuế. Những cách gian-lận ngoài pháp-luật như thế vốn không thể nào đề-phòng cho hết được.



## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN BỐN

Nay tra xét lại việc ngày trước, khi quan Lệnh-sử coi về các tàu là ông Võ-Trực kê-khai những thuế-lệ như sau :

Tàu từ Thượng-hải đến, phải nạp tiền thuế : 3.000 quan.

Tàu từ Quảng-đông đến, phải nạp tiền thuế : 3.000 quan.  
Còn thuế-lệ lúc tàu trở lui : 300 quan.

Tàu từ Phước-kiến đến, phải nạp tiền thuế : 2.000 quan. Còn lúc tàu trở về, lại phải nạp thuế : 200 quan.

Tàu từ Hải-nam đến, phải nạp tiền thuế : 500 quan. Còn lúc tàu trở về, lại phải nạp thuế : 50 quan nữa.

Tàu từ Tây-dương đến, [32a] phải nạp tiền thuế : 8.000 quan.

Tàu từ Mã-cao đến, phải nạp tiền thuế : 4.000 quan. Khi tàu trở về lại phải nạp tiền thuế : 400 quan.

Tàu từ nước Nhật-bản đến, và khi tàu trở về, lệ thuế đều như tàu từ Mã-cao đến, và lúc trở về.

Tàu từ nước Tiêm-la đến, phải nạp tiền thuế : 2.000 quan, và lúc tàu ấy trở về, lại phải nạp tiền thuế : 500 quan.

Tàu từ Lữ-tống đến, phải nạp tiền thuế : 2.000 quan, và lúc tàu trở về, lại phải nạp tiền thuế : 200 quan.

Tàu từ xứ Cựu-cảng đến, phải nạp tiền thuế : 500 quan, và lúc tàu trở về, lại phải nạp 50 quan tiền thuế.

Tàu từ Hà-tiên đến, phải nạp tiền thuế : 300 quan, và lúc tàu trở về, lại phải nạp tiền thuế : 30 quan.



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN BỐN

Tàu khách từ Sơn-đô đến, phải nạp tiền thuế : 300 quan, và đến khi tàu trở về, lại phải nạp tiền thuế : 30 quan.

Ở Thượng-hải, có thuyền từ tỉnh Triết-giang đôi khi chở sứ-quan của Thiên-triều [tức triều-đình nước Trung-hoa] đến mua hàng-hoá. Ở Hải-nam, có thuyền Quỳnh-châu đến mua hàng-hoá. Ở Mã-cao, có thuyền nước Hoà-lan đến mua hàng-hoá.

Năm Nhâm-thìn [tức năm 1772 là năm thứ 33 niên-hiệu Lê Cảnh-hưng] và năm Quý-tị [tức năm 1773], có lệnh giảm cả tiền thuế các tàu ngoại-quốc đến, và tiền thuế lúc các tàu ấy trở về, mỗi tàu chỉ nạp 2.100 quan.

Năm Tân-mão [tức năm 1771 là năm thứ 32 niên-hiệu Lê Cảnh-hưng], những tàu thuyền buôn từ các xứ đến bến Hội-an cộng 16 chiếc, tiền thuế tất cả cộng 38.000 quan tiền.

Năm Nhâm-thìn, thuyền buôn từ các xứ đến bến Hội-an cộng 12 chiếc, tiền thuế tất cả cộng 14.300 quan.

Năm Quý-tị [1773], thuyền buôn từ các xứ đến bến Hội-an cộng 8 chiếc, tiền thuế cộng 3.200 quan.

[32b] Thề-lệ về tào-vụ [coi về tàu thuyền] của nhà Nguyễn như sau :

Cứ thường năm, đến tháng giêng, các viên Cai-bạ, viên Tri-bạ, viên Lệnh-sử, viên Ký-lục thuộc Tàu-ty đều phải vào phố Hội-an. Họ phân-công, sai-phái thuộc quân của mình có người nào thông-hiểu tiếng ngoại-quốc, thì cho ra đóng giữ ở cửa biển Cù-lao Chiêm hoặc cửa biển Đà-nẵng. Khi nào có thuyền, tàu buôn các nước ngoài đến đây, người ấy phải xét hỏi kỹ-lưỡng



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN BỐN

từng thuyền một. Nếu xét quả thuyền, tàu ra vào buôn-bán, người ấy mới dẫn viên thuyền-trưởng hoặc viên phó thuyền-trưởng vào phố Hội-an trình với quan Cai-bạ tra xét để làm giấy tờ trình lên cấp trên. Đoạn người ta báo cho quan Cai-tàu, cùng truyền lệnh đến ty Tuần-áp để sai người hộ-tống thuyền, tàu ấy vào cửa biển, đến sở Bạc-tuần. Rồi quan Lệnh-sử cùng các nha đến xét giấy-tờ của viên thuyền-trưởng. Viên tài-phó tàu phải kê-khai số hoá-vật. Quan Lệnh-sử chiếu từng mục hoá-vật xét xong mới cho họ qua sở Tuần, rồi lên bến phố trú-ngụ. Viên thuyền-trưởng phải sửa-soạn lễ-vật « báo-tín » đệ lên ông Nguyễn-Lệnh [Lệnh-sử họ Nguyễn] 4 cân trà, các quan Tứ-trụ văn-ban cùng quan Thái-giám thủ-tào-vụ, quan Cai-bạ mỗi người 1 cân trà, các viên Tri-bạ, Cai-phủ, Ký-lục mỗi người nửa cân trà. Đơn khai lễ-vật được đệ nạp tại Chính-dinh quan Nguyễn-Lệnh xem xét rồi chiếu theo bản kê-khai lễ-vật ấy mà phân-phát cho các quan.

[33a] Viên thuyền-trưởng lại phải sửa-soạn đầy-đủ lễ tiến [tiến lên chúa Nguyễn chăng?] hoặc gấm, đoạn, lụa mỏng có hoa, sa, đồ chơi cùng các hạng trái cây, và phải kê trình trước với quan Cai-bạ. Rồi quan này sai lính đệ đến quan Cai-tàu. Bấy giờ thuyền-trưởng mới dâng nạp lễ-vật cho ông Nguyễn-Lệnh. Lễ-vật ấy vốn không có hạn định, nhưng đại-khái lễ-vật cũng phải đáng giá 500 quan tiền. Nhưng cũng có khi viên thuyền-trưởng dâng một vài món quà mà được quan thích ý thì có thể quan truyền tha đánh thuế cũng nên. Tiến lễ-vật xong, viên thuyền-trưởng phải kê-khai các hàng-hóa trong tàu, cứ mỗi hạng hoá-vật phải kê ra một tấm thiệp riêng-biệt. Nếu viên thuyền-trưởng cố tình giấu-giếm hoá-vật, thì khi mà người ta xét ra, các hoá-vật trong tàu sẽ bị tịch-thâu sung công hết, và còn có thể chiếu pháp-luật nhà-nước mà trị tội nữa. Như ông



## PHỤ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN BỐN

Nguyễn-Lệnh muốn mua một món hàng-hoá nào, thì cứ truyền cho viên Cai-quan chiếu theo tấm thiệp kê hàng đệ nạp vào công-khố thâu-trữ. Viên thuyền-trưởng và viên tài-phó đều phải theo vào kho để xem cân được bao nhiêu. Dầu có vật-hạng nào không mua, cũng cho phép viên thuyền-trưởng và viên tài-phó đem đi bán hay đổi-chác. Nếu họ có kêu quan mua giảm giá quá đáng, thì cũng có thể được trả thêm tiền mua hàng ít nhiều.

Cả đến các người khách đi tàu, trong hành-lý có những món đồ chơi nào, cũng đều phải kê-khai nhưt thẻ đệ lên quan xem. Quan có mua những hàng gì, được bao nhiêu, thì cho họ trừ vào thuế nhập-cảng. Còn thiếu thuế nhập-cảng bao nhiêu nữa, thì cho họ đem đồ đi bán nơi khác được sẽ nạp sau.

Về lễ trình diện, quan Cai-tàu xem lễ dâng lên Thượng-quan là bao-nhiêu rồi giảm đi một nửa. Lễ nạp cho quan Cai-bạ và các nha-thuộc đều khác nhau.

[33b] Các tàu từ Thượng-hải, Quảng-dông, Phước-kiến và Mâ-cao đến, đều có dâng lễ tiến lên Thượng-quan. Còn tàu từ Hải-nam đến, không có lễ tiến, chỉ đến ngày tàu nhỏ neo ra về, mới dâng lễ tiến. Tùy theo lễ hậu hay bạc đề các quan đáp lễ lại, hoặc tặng họ 5 thoi bạc, 5 cây quuyến, 50 quan tiền, và 5 bao gạo; hoặc tặng 3 thoi bạc, 3 cây quuyến, 30 quan tiền và 3 bao gạo; hoặc 2 thoi bạc, quuyến 2 cây, tiền 20 quan và gạo 2 bao, không có tiêu-chuẩn nhưt-định.

Còn như Thượng-quốc [tức nước Trung-hoa] có sai tàu nhà-nước trao-trả số dân bị sóng gió trôi giạt vì đắm tàu cho ta, theo lệ định ta tặng sai-quan và thuyền của họ 50 quan tiền, và cho dân-định cùng thủy-thủ mỗi người một quan tiền. Nếu họ sai thuyền buôn trao-trả cho ta những người dân bị đắm tàu trôi giạt vào nước họ, nhân đó thuyền buôn nợ vào buôn-bán đổi-



## PHÚ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN BỐN

chác hàng-hoá, thì thuyền buôn ấy được tha, khỏi phải đóng thuế nhập-cảng. Còn những tàu buôn nào chuyên-chở hàng-hoá của nước họ đến nước ta, đều phải có đơn trình quan Cai-bạ đề quan này sai-phái người đến khám xét. Rồi mới sai quân lính áp điệu tới thuyền, chứ không được thiện-tiện chở riêng đi bán.

Nếu có chiếc tàu nào chở khách hay hàng-hoá đầy quá, viên thuyền-trưởng phải có đơn trình, quan chiếu theo số khách khi tàu mới đến nơi, cho người đến tận thuyền đếm lại phân-minh, rồi sai lính thuộc quyền cùng với tuần-ty cho dân phụ-lũy [dân khuôn vác] [34a] hộ-tống thuyền ra ngoài cảng.

Còn như những người buôn-bán ở nước khác mà bị sóng gió trôi giạt đến hải-phận nước ta, nếu họ xin tạm-thời đậu lại để sửa-chữa thuyền, thì thuyền họ được đậu ở cửa Hàn và xứ Cù-lao. Khi đã sửa-chữa thuyền xong, quân lính giữ cửa biển và dân tiếp-cận phải xua-đuổi họ ra biển cả. Nếu họ còn muốn vào hải-phận nước ta để mua bán, thì quan Cai-bạ cùng với quân lính thuộc quyền các Tàu-ty phải đến nơi khám-nghiệm hàng-hoá của họ còn nhiều ít như thế nào, rồi chuyển trình lên cấp trên. Nếu thuyền họ còn nhiều hàng-hoá, thì họ được miễn thuế một phần ba; nếu còn ít hàng-hoá thì họ được miễn thuế một nửa; nếu không còn hàng-hoá gì, thì được miễn các thứ thuế.

Nếu họ muốn chở hàng-hoá của các khách buôn, họ phải làm đơn trình nói rõ những người khách ấy là người ở xứ-sở nào? Thuyền lớn hay nhỏ? Chở hành-khách nhiều hay ít? để định lệ đánh thuế, rồi mới cho họ chở mướn. Cũng có khi người ta chẳng căn-cứ một lệ cũ nào cả. Khi nào những thuyền chở khách bị sóng gió phá-hoại, thì sau khi tra xét số hành-khách, quan Cai-bạ giao-phó cho hội-quán giữ họ lại, và



## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN BỐN

cấp-phát cho họ mỗi người 5 tiền. Đợi đến lúc thuận gió thì cho họ sang thuyền khác trở về Trung-quốc. Nếu họ là người ở xứ khác, thì tùy theo quan sở-tại cấp-phát giấy-tờ đề họ được trở về nguyên-quán. [Về Bắc-quốc, người Tàu thường nói là về Đường].

[34b] Trong thuyền buôn tỉnh Quảng-dông, có người khách họ Trần rất quen-thạo đường-lối thông-thương mua bán. Y nói : y từ phủ Quảng-châu [tỉnh-ly Quảng-dông] theo đường biển vào Thuận-hoá, nếu thuận buồm xuôi gió thì thuyền chỉ phải đi 6 ngày đêm là đến nơi. Còn vào cửa biển Nại-hải [tức cửa Thi-nại] để đến phố Hà-thanh thuộc kinh-thành Phú-xuân, hoặc vào cửa biển Đại-chiêm để đến phố Hội-an thuộc tỉnh Quảng-nam, hành-trình cũng vậy.

Từ phủ Quảng-châu đến xứ Sơn-nam [tức vùng Nam-dịnh], thuyền chỉ đi bốn ngày đêm, mà còn thừa một trống canh.

Nhưng thuyền từ vùng Sơn-nam trở về, người ta chỉ mua được một món hàng-hoá là củ-nấu mà thôi. Thuyền từ kinh-thành Thuận-hoá về, cũng chỉ mua được một thứ hàng là vị hồ-tiêu mà thôi. Còn thuyền từ miền Quảng-nam về, thì trăm thứ hàng hoá, thứ gì cũng có. Các thuyền từ các phiên-bang trở về, cũng không có nhiều hàng-hoá bằng thuyền từ Quảng-nam về.

Đại-phàm những hoá-vật được sản-xuất từ các phủ Thăng-hoa, Điện-bàn, Qui-nhàn, Quảng-nghĩa, Bình-khang cùng dinh-sở Nha-trang, chỗ thì người ta chuyên-chở hàng-hoá bằng thuyền theo đường thủy, hay chở bằng ngựa theo đường bộ, đều đổ xô dồn về phố Hội an cả.





## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN BỐN

Ở nơi đây [tức phố Hội-an], vì các khách buôn Trung-quốc đều tới mua hàng đưa về Tàu, nên buổi trước hàng-hoá rất nhiều, dầu có 100 chiếc thuyền lớn chuyên-chở hàng-hoá trong một lúc cũng không thể chở hết được.

Nay chúng ta hãy thử đem mấy thứ hàng-hoá liệt kê ra sau đây với một giá-cả phải chăng mà nói, thì y [người khách họ Trần] nói: Ở tỉnh Quảng-nam, người ta gọi 100 cân là 1 tạ, [35a] thì binh-lang [cau làm vị thuốc] 1 tạ giá 3 quan tiền, hồ-tiêu [hạt tiêu] 1 tạ giá 20 quan tiền, đậu-khấu 1 tạ 5 quan tiền, tô-mộc 1 tạ 6 quan tiền, sa-nhàn 1 tạ 12 quan tiền, ô-mộc 1 tạ 6 tiền, hồng mộc [tức gỗ sơn] 1 tạ 1 quan tiền, hoa-lê [tức gỗ trắc] 1 tạ 1 quan 2 tiền, tè-giác 1 tạ 500 quan tiền, yến sào 1 tạ 200 quan tiền, gân hươu 1 tạ 15 quan tiền, vảy cá 1 tạ 14 quan tiền, tôm khô 1 tạ 6 quan, dầu óc hương 1 tạ 12 quan tiền, đại-mạo [đồi-mồi] 1 tạ 180 quan tiền, ngà-voi 1 tạ 40 quan tiền, gai ba-la 1 tạ 12 quan tiền, đường phèn [băng đường] 1 tạ 4 quan tiền, đường trắng 1 tạ 2 quan tiền. Còn những vị thuốc như Hoạt-thạch, Thiết-phấn, Hải-sâm [con đùng-đục] cùng với những vị thuốc thổ-sản hàng mấy trăm vị không thể nào kể cho xiết được.

Đến như Kỳ-nam-hương nặng 1 cân trị giá 120 quan tiền, vàng tốt trị giá 1 thoi 180 lòi [có lẽ lòi xâu tiền], vải quuyến 1 cây 3 quan 5 tiền. Còn các thứ nhục-quế, trầm-hương, trân-châu rất tốt, giá-cả cao thấp hay nhiều ít không có nhất-định. Còn thứ gỗ tử-đàn [đàn-hương tia] thì không được tốt bằng thứ gỗ ở nước Tiêm-la [tức nước Thái-lan].

Còn hỏi các danh-mục những hàng-hoá, phẩm-vật từ Trung-hoa đem sang đây có những thứ gì? Và có những thứ nào bán không chạy, [35b] phải để ứ-đọng lại, thì y nói:



## PHỤ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN BỐN

« Các hàng-hoà đều bán rất chạy, không có món hàng nào bị ế, và ứ-đọng cả. Bao-nhiều những hàng-hoà mà y đưa sang đây như sa, đoạn, gấm, vóc ngũ sắc, vải tấm, trăm thứ thuốc Bắc, giấy vàng, giấy bạc, dầy vàng, dầy bạc, các sắc dầu thơm, các hạng chỉ-liệu [giấy], các sắc dầy tơ, các màu thuốc nhuộm, các sắc quần áo, giày, giép, nhung, lượt, kính hay gương phalê, giấy, bút, mực, kim, khuy, cúc áo, bàn ghế, sa sao, đồ đồng, đồ thiếc, đồ sứ, đồ sành, đồ gốm v.v... Còn những đồ ăn uống thì có trầu lá, cam, chanh, lê, táo, bánh thị, bánh mì, miến, mì, nước mắm, dầu trám, đậu tương, đậu hủ, vôi, men, rượu, gừng, mộc-nhĩ, hương-tin [nấm hương] v.v... kể có thứ này, người có thứ khác, buôn-bán đổi-chác cho nhau, nên ai cần dùng món hàng nào cũng đều có cả.

Còn hỏi về lối đi đường biển nên đi thế nào? Thì y nói: Hình-thế biển trông như một cái chảo tròn. Quận Hải-nam và quận Quỳnh-nhai ở vào chính giữa [trung-gian] cái chảo. Bên tả là tỉnh Yên, và tỉnh Quảng [tức tỉnh Quảng-yên và tỉnh Kiến-yên hiện nay]. Ở sau phía tả là tỉnh Hải-dương. Ở sau tỉnh Hải-dương là vùng Sơn-nam. Phía hữu chảo là kinh-thành Thuận-hoá. [36a] Sau phía hữu là tỉnh Nghệ-an. Sau tỉnh Nghệ-an là tỉnh Thanh-hoá. Còn phủ Quảng-châu và tỉnh Quảng-tây là hai bên phía trước cái chảo ấy, cho nên cùng đi tắt ngang cùng gần cả.

Đến như các xứ Gia-định, Hà-tiên và Ba-thắc, thì biển lại chuyển sang phía hữu tỉnh Quảng-nam, mà nước Tiêm-la lại ở về phía hữu vùng Hà-tiên, đều ở phân-biệt ra một mặt. Người Tây-dương là Ông Từ-Tâm-Bá đã vẽ rõ lối đi đường biển cũng như thế.

Theo lệ cũ của nhà Nguyễn, các xứ phải nạp vàng bạc cùng



## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN BỐN

trầm-hương, đại-mạo [đồi-mồi] đều phải đệ nạp đến Nội-phòng, giao-phó cho thuyền Tàn-nhứt bắt linh canh giữ. Còn quan-chức ở các phủ được thăng-thưởng, cùng với các xã nạp lễ bằng thứ bạc như hình lá cây si, thì ty Lệnh-sử phải thâu và giao nộp vào kho. Còn số thuế mà các xứ phải đệ nạp thì được lưu-trữ tại quỹ thứ nhứt, giao cho hai đội thuyền là đội Thạch-than và đội Khánh-miên canh giữ. Gạo, thóc và gạo nếp thì đệ nạp vào kho sau, giao-phó cho các thuyền Nội-thủy canh giữ. Còn muối, nước mắm, đường phèn, đường cát, đậu xanh, mỡ heo, lụa hoa-hồng, lụa trắng, chiếu trắng, lông cừ-du [hay lông cu-li], vải trắng, sa Thuận-thành, giấy, tẻ-giác, [36b] lọ sành, đều được đệ vào lưu-trữ ở trong các hòm tại Nội-khố, và được giao-phó cho các thuyền Nội-thủy canh-giữ. Dầu, sáp được chứa tại kho Hậu-du. Ngà-voi, mây hoa, lá buôn [dề lợp nhà], gỗ ô-mộc [tức gỗ mun], chiêng đồng đều được đệ vào cất ở nhà đồ, cũng đều được giao-phó cho các thuyền Nội-thủy canh giữ. Còn giấy lụa và mật đỏ thì được chứa vào kho Phủ-ao, cũng được giao-phó cho đội thuyền canh giữ.

Đến lúc Hiền-quốc-công [tức chúa Nguyễn-phúc-Chu] xưng Vương, quan Chưởng Thái-giám là Mai-văn-Hoan biên từ năm Bình-dần [tức năm 1746] đến năm Nhâm-thàn [tức năm 1752], hằng năm hai xứ [Thuận-hoá và Quảng-nam] đều nạp các khoản thuế bằng vàng, bạc, tiền tổng bộ, đối-chiếu với các sổ chi-tiêu, cấp-phát hàng năm, thì có năm tiền thâu vào là 338.100 quan, mà chi-tiêu đến 364.400 quan. Lại có năm, tiền thâu vào được 423.300 quan, mà chi-tiêu đến 364.400 quan. Đại-khái số thâu vào cũng chỉ đủ số chi-tiêu mà thôi. Nếu số tiền chi-tiêu có thiếu hai hoặc ba vạn quan, thì người ta lấy thuế ngàn [số bạc trong năm] mà thế vào. Số tiền chi-xuất cùng với thiệp tiền phát hàng năm cho chánh và phó đội-trưởng, tất cả các kỳ cộng 26 vạn



## PHỤ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN BỐN

quan, [37a] và hàng năm phát cho xứ Thuận-hoà cúng lễ Xuàn-tế là 1.400 quan tiền làm chính lễ. Ngoài ra, còn những yến tiệc, ban thưởng và doanh-tạo, tế-tự, trai đàn thì không có nhất-định, và cũng không có khoản chi-tiêu nào có thể nói là chi-tiêu vô-ích cả.

Vàng hàng năm thâu vào được 83 hoặc 81 thoi, hoặc 80 hay 90 thoi, nghĩa là đều ở mức-độ trên dưới 85 thoi.

Giáp-ngàn [bạc hạng nhất] thâu vào hoặc 21 thoi, hoặc 29 thoi.

Dung-ngàn [bạc hình lá si] thâu vào hoặc 210 thoi, hoặc 218 thoi.

Kê-ngàn [bạc hình con gà] thâu vào 10.100 đồng, hoặc 10.400 đồng, hay không có đồng nào cũng nên, vì không có tiêu-chuẩn nhất-định.

Chỉ có năm Nhâm-thân [tức năm 1752], thứ bạc giáp-ngàn được thâu vào cộng 257 hốt, thứ bạc dung-ngàn được thâu vào cộng 223 hốt. Người ta thử tinh trong khoảng 7 năm ấy, số vàng thâu được cộng 576 thoi, 8 lượng, 4 đồng-càn, số giáp-ngàn thâu được cộng 997 thoi, 8 lượng, số dung-ngàn thâu được cộng 1.427 hốt, số kê-ngàn thâu được cộng 21.150 đồng. Quyền số ấy, cứ đến cuối năm tính xong, người ta viết: «lấy ngày mùng 3 tháng giêng năm tới trình nạp». Hằng năm, người ta cứ cộng rõ số-mục như vậy, khỏi phải phiền tra-khảo tính lại, [chỉ thoạt trông cũng biết ngay]. Đó là một việc rất hay vậy.

Nhà Nguyễn, từ năm [37b] Bình-dần [1746] đến năm Đinh-mão [1747], và năm Mậu-thìn [1748], trong khoảng ba năm ấy, có đúc tiền cộng 12.396 quan.



## PHÚ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN BỐN

Tại các xứ Thuận-hoá và Quảng-nam, người ta xây cất các kho-tàng, nhà-lẫm để chứa gạo, thóc, tiền, của. Việc này đã có qui-lệ hẳn-hòì từ ngày trước. Ở xứ Thuận-hoá có 7 kho :

*Kho Thọ-khang*, ở về địa-phận phường Thọ-khang thuộc huyện Phú-vang.

Kho Thọ-khang này gồm có các kho nhỏ là kho Tiền-dực, kho Nội-trường cũ, kho Kiên-kiền, kho Miếu-ông, kho Nội-hoành, kho Nội òi, kho Nội-cơ-hữu, kho Vĩnh-xương, kho Nội-an nhân, kho Nội-nga. Mỗi kho nhỏ đều có hai toà nhà chia nhau trữ số lúa tô của ba huyện Phú - vang, Quảng - điền và Hương-trà, cùng số lúa các ruộng trang điền, ruộng đồn-điền trong 3 huyện ấy với số lúa được đong bằng khoản tiền sai-dư, số lúa được chuyên-chở từ các kho Đạm-thủy, Càn-dương, Tân-an thuộc xứ Quảng-nam, số lúa từ các trường Qui-nhân, Qui-hoá, Tân-an, Bả-canh, và số lúa của những người mắc tội bị tịch-thâu sung-công. Kho này do 100 người lính thuộc đội *thuyền Lão-nhuệ Yên-nhứt* canh-gác gìn-giữ.

*Kho Nguyệt-biêu* tại địa-phận xã Nguyệt-biêu thuộc huyện Hương-trà. [38a]

Kho này lưu-trữ số lúa được vận-chuyển từ Quảng-nam và hai thuộc trường Gia-định, trường Qui-nhơn cùng số lúa ba phường là phường Quán-thảo, phường Thiên-mỗ, phường Cảnh-dương, và số lúa tô ba huyện Hương-trà, huyện Quảng-điền, huyện Phú-vang cùng các hạng đạn-dược, nước mắm, muối v.v...

Kho này do một đội lính *thuộc thuyền Lão-nhuệ Yên-nhị* canh-gác gìn-giữ.



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN BỐN

*Kho Thạch-hãn* tại địa-phận xã Thạch-hãn thuộc huyện Hải-lăng.

Kho này chứa số lúa tô của hai huyện Hải-lăng và huyện Đăng-xương [ngày nay là quận Triệu-phong].

Kho này do 30 người *lính thuộc đội thuyền Khang-nhứt* canh-gác gìn-giữ.

*Kho Lai-cách* tại địa-phận xã Lai-cách thuộc huyện Minh-linh [nay là quận Vĩnh-linh].

Kho này chứa-đựng lúa tô thuộc huyện Minh-linh và huyện Hải-lăng. Kho Lai-cách này có *đội lính thuyền Yên-nhứt* canh-giữ.

Kho Bến-dầu tạm-thời chứa-đựng các thứ lúa thuế ruộng, có số lính *đội Xa-nhứt* và *đội Xa-nhị* vận nạp qua lại và chuyên lúa đi chất chứa ở các kho khác.

*Kho Yên-trạch* ở về địa-phận xã Yên-trạch thuộc huyện Lệ-thủy. Kho thứ nhất ở tại đạo Bát-tọa lưu-đồn gồm có 45 gian. Kho thứ nhì gồm có 42 gian.

Kho Yên-trạch này, kể cả kho thứ nhất và kho thứ nhì đều chứa thóc do các đoàn tàu vận-chuyển thóc từ các kho ở Qui-nhân và ở Gia-định vào.

*Kho Khang-lộc* thứ nhất gồm 52 gian. Kho thứ nhì gồm 43 gian.

Các kho Khang-lộc đều chứa lúa thuế ruộng huyện ấy, cùng chứa tiền và gạo điền-mẫu.



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN BỐN

[38b] Lại còn có 29 gian nữa chứa muối và nước-mắm.

*Kho thứ nhất huyện Lệ-thủy* gồm 52 gian. *Kho thứ nhì* gồm 43 gian. Hai kho này chứa lúa thóc thuế ruộng huyện ấy và chứa tiền, gạo điền-mẫu.

Từ đây trở lên, cộng 369 gian nhà kho, do 20 người lính thuộc *đội thuyền Yên-nhứt* canh giữ.

*Kho Trung-trinh* ở về địa-phận xã Trung-trinh thuộc huyện Khang-lộc. Kho này tích-trữ gạo từ các kho Càn-dương và Phương-gia thuộc tỉnh Quảng-nam chở về.

*Kho Trường-dục* ở về địa-phận xã Trường-dục thuộc huyện Khang-lộc. Kho này chứa thóc châu Nam Bố-chánh và thóc thuế ruộng ba tổng thuộc huyện Khang-lộc.

Kho này do 21 người lính thuộc *đội thuyền Yên-nhứt* canh giữ.

Từ đây trở lên, tất cả các kho ở Thuận-hoá đều có một viên quan võ là Đề-lãnh coi giữ.

Xứ Quảng-nam có 12 kho như sau :

Phủ Thăng-hoa [nay là quận Thăng-binh] có *kho Tân-yên*. Kho này chứa thóc thuế ruộng các huyện, các thuộc về hai phủ Thăng-hoa và Điện-bàn cùng với các khoản tiền sai-dư, tiết-liệu, sưu-suất và khoán-khố v.v... Có hai viên chánh và phó Đề-lãnh trông coi kho này, và có 50 người lính thuộc *đội thuyền Yên-nhứt* canh gác, gìn giữ.

Phủ Quảng-nghĩa có *kho Yên-khang* và *kho Tư-cung*. Hai



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN BỐN

kho này đều chứa thóc, gạo thuế ruộng thuộc huyện Bình-sơn cùng với các khoản tiền sai-dư, thường-tàn, tiết-liệu, suru-suất, khoán-khố v.v... [39a] Hai kho trên do một viên quan võ là Đề-lãnh trông-coi, và do 50 người lính thuộc đội thuyền Bình-nhứt canh-giữ.

*Kho Phú-dưỡng* chứa số thóc thuế ruộng thuộc hai huyện Chương-nghĩa [nay là phủ Tư-nghĩa] và huyện Mộ-hoa [nay là huyện Mộ-đức] cùng với các khoản tiền thuế một phủ. Kho này có hai viên quan võ là Đề-lãnh trông-coi, và có 50 người lính thuộc đội thuyền Yên-nhứt canh giữ.

Phủ Qui-nhàn có *kho Phú-an*. Kho này chứa thóc thuế ruộng huyện Bồng-sơn [nay là phủ Hoài-nhàn] và thuộc Hà-bá cùng khoản tiền nạp thay cho những khoảnh đất trồng dâu còn lưu hoang. Kho này do 50 người lính thuộc đội thuyền Tân-nhứt canh giữ.

*Kho Đạm-thủy* [cũng thuộc phủ Qui-nhàn] chứa thóc thuế ruộng huyện Phú-ly [nay là huyện Phú-mỹ] cùng với khoản tiền nạp thay cho những khoảnh đất trồng dâu còn lưu-hoang. Kho này có 50 người lính thuộc đội thuyền Mỹ-nhứt canh giữ.

Phủ Phú-yên có *kho Yên-tuyền*. Kho này chứa các số thuế thuộc hai huyện Đồng-xuân và huyện Tuy-hoà cùng số thuế hai thuộc Cảnh-yên và Kim-hộ, với số thóc thuế ruộng Yên-tuyền. Có 20 người lính thuộc đội thuyền Yên-nhứt canh giữ kho này.

*Kho Xuân-đài* [cũng thuộc phủ Phú-yên] chứa thóc thuế ruộng và các khoản tiền thuế hai huyện [tức Đồng-xuân và Tuy-hoà] cùng các thuộc, các tổng, xã, thôn, nậu trong phủ [tức phủ Phú-yên]. Có 20 người lính thuộc đội thuyền Yên-nhứt canh giữ kho Xuân-đài này.





## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN BỐN

Huyện Bình-khang [nay là phủ Ninh-hoà] có *kho Hội-yên*. Kho này chứa thóc thuế ruộng hai huyện Quảng-phước [nay là huyện Vạn-ninh] và huyện Tân-định cùng lúa thuế ruộng thuộc Hà-bá [nay là vùng Hòn-khói], với các khoản tiền các nơi ấy.

[39b] Các kho trên đây, mỗi nơi đều có một viên quan võ là Đề-lãnh trông-coi.

Phủ Diên-khánh có *kho Phước-yên*. Kho này chứa số thóc thuế ba huyện Phước-điền, Vĩnh-xương và Hoa-châu cùng số thóc thuế ruộng hai thuộc là Hà-bá và Tân-yên, với các khoản tiền các nơi ấy.

Kho này có viên Ký-lục và viên Tri-bạ ở dinh Bình-khang trông coi.

Phủ Gia-định có *kho Tân-an*. Kho này chứa số thóc thuế ruộng hai huyện là Phước-long và Tân-bình, ba trường là Quản-thảo, Thiên-mỗ và Cảnh-dương, với số thóc thuế ruộng hai thuộc là Quý-hoá, và Qui-yên, cùng *kho Định-viễn*, trường Tân-an chứa thóc thuế các hạng ruộng cỏ, ruộng núi các khoản tiền trong phủ.

Hai kho Tân-an, Định-viễn và trường Tân-an có viên Ký-lục và viên Tri-bạ lưu-thủ ở dinh Long-hồ trông-coi.

Những nhà kho cũ của họ Nguyễn đều được lợp bằng các thứ tranh sậy, tranh cỏ. Trải qua nhiều năm, các nhà kho đều bị hư-hỏng dột nát, nên người ta bắt nhân-dân các làng, xã hàng năm phải nạp một số tiền «khoán-khố» để phòng vào việc chi-phí sửa-chữa các nhà kho. Theo lệ định, mỗi người như nạp thóc thuế ruộng thực-trung là 100 thăng, thì người ta

## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN BỐN

thâu thêm số tiền « khoán-khố » là 37 đồng tiền. Nếu người ấy được giảm số thuế tô ruộng, thì số tiền « khoán-khố » cũng theo đó mà được giảm. Nhưng các số tiền « khoán-khố » hàng năm đều được dâng-nạp một lần với các thứ thuế, thế mà người ta chưa từng thấy sửa-chữa các nhà kho bao-giờ.

Năm Giáp-ngọ [tức năm 1774 là năm thứ 35 niên-hiệu Lê Cảnh-hưng] <sup>1</sup>, [40a] quân Vương-thượng [tức Trịnh-Sum] tiến vào Thuận-hoá, xét kho Yên-trạch [kho ở huyện Lệ-thủy], thấy nhà kho hư-hỏng, dột nát, muối và nước-mắm ở trong kho đều không có thể ăn dùng được nữa, lúa trong kho cũng bị hư-hao, tồn-thất, thế mà phép « thâu thường » [thâu tiền để bồi-thường vào sự hao-hụt tồn-thất] vẫn còn nghiêm-nhặt. Như năm Kỷ-sửu [1769], có một người thuộc đội thuyền Lão-nhuệ [Lão-nhuệ Yên-nhứt thuyền] coi kho Thọ-khang tố-giác rằng: Năm Giáp-thân [1764], các quan-viên ở bản-đường cùng với thuyền của ông ta lờng đong lại gạo thóc, thấy có sự hao-hụt. Tức thì người ta

---

1. Năm 1774 (Giáp-ngọ), Trịnh-Sum sai tướng Hoàng-ngũ-Phúc tức Việc Quận-công tiến quân đánh Phú-xuân, rồi Trịnh-Sum ngự xe sáu ngựa vào. Tháng 11 năm ấy, quân chúa Trịnh lấy được Thuận-hoá, chúa Nguyễn-phúc-Thuần tức Duệ-tông Hiếu-định hoàng-đế xuất hạnh Quảng-nam. Sang năm sau là năm Ất-vị (1775), quân Trịnh đánh lấy Quảng-nam, chúa Phúc-Thuần xuống thuyền chạy vào Gia-định. Trịnh-Sum triệu tướng Hoàng-ngũ-Phúc về, lấy Nghệ-an trấn-thủ là Bùi-thế-Đạt tức Đoan Quận-công vào thay, và lấy Lê-quý-Đôn Tiên-sinh làm chức Tham-thị Tham-tán Quân-cơ kiêm Thuận-hoá trấn Hiệp-trấn-phủ. Rồi đến năm sau là năm Bính-thân (1776), ngày rằm tháng 8, bộ sách Phủ-biên tạp-lục này gồm 6 quyền được soạn xong tại các Triều-dương, thành Phú-xuân. Như vậy là từ mùa đông năm Ất-vị (1775) đến mùa thu năm Bính-thân (1776), Lê-quý-Đôn Tiên-sinh đã viết xong bộ sách này trong vòng 9 tháng, quả là một công-trình sáng-tác phi-thường.



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN BỐN

sai tra-xét, rồi cho thâu cả tiền và gạo dùng làm ngu-lộc cho các quan viên bản-đường, và những người trong thuyền Lão-nhuệ cùng những người trong các chiếc thuyền khác để đền-bù vào số thóc gạo công bị hao.

Năm Tân-dậu [tức năm 1741], Hiều Quốc-công [tức chúa Nguyễn-phúc-Chu] sai-khiến các viên Cai-hợp và Thủ-hợp chia nhau tra-xét số thuế từ năm Mậu-ngọ [1738], Kỷ-vị [1739], Canh-thân [1740] về số tiền sai-dư của các chánh-hộ, khách-hộ từng huyện cùng các hạng thuế tô ruộng, thuế tre, thuế lau, thuế đầm, thuế chợ tuần, thuế đò, thuế thuyền bè, thuế các bãi đất trồng hoa-màu, thuế mắm, thuế muối, thuế nguyên-đầu v.v... Người ta sai mỗi người đi đến mỗi huyện để tra-xét và kê-khai những số thuế đã đăng- nạp rồi, và truy thâu những khoản thuế chưa nạp. Hễ sau tám năm mà chưa nạp thuế, những người dân trốn-tránh đi đến các nơi khác, nay có lệnh tha thuế cho họ. Còn các viên chức tại bản-đường mà chưa nạp thuế, thì phải kê vào hạng thiếu thuế và phải đăng nạp. [40b]

Lại xét có trường-hợp tám năm mới nạp bộ thuế, thế mà còn có những người dương thiếu thuế chưa thâu nạp xong, thì đủ biết cái tệ kiểm-soát hư-ưng hàng năm không thể nào nói xiết được.

Đến năm Ất-dậu (1765), nhà Nguyễn truyền lệnh tra xét từ năm Bính-tý (1756) đến năm này để biết những viên quan-lại nào, năm nào đã đi khắp nơi, đến phủ huyện nào có số tiền quan thuế, nhân-số, và tiền thuế mỗi nơi thường năm đã thâu nạp được bao-nhiêu, còn thiếu bao-nhiêu nữa chưa đăng-nạp, phải làm sổ bẩm lên cấp trên, để biết tiền thuế mỗi nơi đủ thiếu như thế nào.

## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN BỐN

Bây-giờ, các viên Cai-lại và các viên Cai-trung một mặt đều phải làm bộ loại-khai các hạng nhân-số và tiền-thuế, một mặt sai-phái các quân lính coi giữ kho phải đi truy-soát từng nơi, người ta mới nhận thấy tại nhân-dân cũng như tại các quan-viên, số tiền thuế còn lưu-khiếm khá nhiều. Bởi vì hàng năm, thuế-khoá nhà-nước có đến trăm khoản, người đi trưng-thâu thúc-giục có đến trăm đường, trăm nẻo, thế tất-nhiên không thể nào tránh khỏi những sự mất-mát hà-lạm được.

Mãi đến năm Kỷ-sửu [tức năm 1769 là năm thứ 30 niên-hiệu Lê Cảnh-hưng], nhà-nước mới định quy-chế cho những viên Cai-trung và những viên Cai-lại tại các trường thuế phải biên thâu thóc gạo và các thứ tiền thuế, ngạch thuế các trường, mỗi năm phải làm sổ-sách định rõ số-mục từng nơi đem dâng nạp, để làm thường lệ. Lúc bấy giờ, những quan nha ở công-đường các phủ phải biên các bản loại-khai, trên phải kê rõ châu nào, huyện nào, tịch [phần thụ] nào phải nạp bao nhiêu số tiền và số thóc gạo, cùng với các khoản tiền thuế chính-ngạch bao-nhiều, các khoản tạp thuế phụ-thâu bao nhiêu. Phía dưới sổ phải chua rõ-ràng tên người nào đi thâu và đệ nạp. [41a] Cuối sổ phải kê rõ tổng số thuế là bao-nhiều. Từ đây, việc thâu nạp thuế khoá mới được tòng-tất.

Tổng số quân lính ở xứ Thuận-hoá, thì số người xứ Quảng-nam có tới quá phân nửa.

Số thuế ruộng đất của xứ Thuận-hoá cũng ít. Người ta cứ phải chuyên-chở lúa thóc từ xứ Quảng-nam ra Thuận-hoá để cấp-phát cho quân lính dùng.

Nhà-nước đã đặt viên quan trông-coi về việc chuyên-chở



## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN BỐN

lúa thóc tir ven các cửa biển châu Nam Bố-chánh. Cho đến các xứ Gia-định, xứ Đồng-nai, các khách buôn, các lái buôn, bản-thuyền, bản-binh, các Cai-thuộc, các Cai-xã, hễ người nào có thuyền riêng, ghe riêng, cũng đều được kê-biên vào sổ nhà-nước. Rồi người ta cứ lấy nội-tâm thuyền [trong lòng chiếc thuyền] rộng bao-nhiêu thước tắc, định thuyền lớn hay nhỏ, đề bắt chủ thuyền đăng- nạp khoản tiền di-chuyền [chuyền tiền]. Như khoát thuyền rộng 11 thước, chủ thuyền phải đăng- nạp 11 quan tiền. Lòng thuyền rộng 9 thước, chủ thuyền phải đăng- nạp 9 quan tiền. Cho xuống đến chiếc thuyền mà lòng rộng 4 thước, thì chủ thuyền phải đăng- nạp 4 quan tiền...

Các thuyền đều phải thay phiên nhau chuyên-chở thóc gạo nhà-nước. Như thuyền nào đến phiên chuyên-chở thì chủ thuyền ấy khỏi phải đăng- nạp số chuyền tiền, mà còn được cấp-phát 15 quan tiền «kiền-tri» tức là thứ tiền-đồng tốt và bền, lâu hư. Thuyền nào còn mới thì chỉ được cấp-phát 10 quan tiền, đề cho chủ thuyền sửa-chữa chiếc thuyền. Chủ thuyền lại còn được cấp-phát 10 quan tiền để cúng lễ «cầu gió» [kỳ phong lễ].

Số tiền cấp-phát cho các chủ thuyền đương phiên chuyên-chở cho nhà-nước đều được lấy tại các người phải nạp số chuyền tiền trong mỗi một năm, cứ ba tháng một kỳ, hoặc hai tháng một kỳ.

Như sổ thuyền ghe về năm Mậu-tý [tức năm 1768 là năm thứ 29 niên-hiệu Lê Cảnh-hưng], phủ Triệu-phong có 40 chiếc, phủ Quảng-bình có 10 chiếc, châu Bố-chánh có 10 chiếc, xứ Quảng-nam có 60 chiếc, [41b] phủ Qui-nhàn có 93 chiếc, kinh-thành Phú-xuân có 44 chiếc, phủ Diên-khánh có 32 chiếc, phủ Bình-thuận có 45 chiếc và phủ Gia-định chỉ có 7 chiếc.

## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN BỐN

Đến như dinh Bình-thuận nạp các tượng-thương thuyền 63 chiếc, Cơ-dội các thương-thuyền, thủ-trưởng thuyền, quan thuyền 7 chiếc, cộng tất cả là 443 chiếc thuyền. Số thuyền kê trên phải nạp số tiền «chuyển tiền» là 2.639 quan.

Còn như số tàu thuyền dành riêng cho các công-tác sai-dư là 57 chiếc chỉ được cấp-phát số tiền «kiên-trí» là 795 quan và tiền cúng lễ «kỳ phong» là 10 quan mà thôi. Còn số «chuyển tiền» thì chiếu lệ cấp-phát cho các thuyền đi làm công-tác rồi, còn dư được bao-nhiêu thì cấp-phát lương tháng cho ba quân. Pháp-chế cũng như vậy.

### PHỦ-BIÊN TẠP-LỤC QUYỀN TƯ HẾT



*PHỦ BIÊN TẠP LỤC*  
*Quyển năm*







[42a] *Phủ Biên Tạp Lục*  
*Quyển Năm*

Phụng sai Thuận - hoá, Quảng - nam đẳng đạo Tham-thị Tham-tán quản cơ, Thuận-hoá xứ Hiệp-trấn-phủ, Hữu Thăng-cơ, nhập thị Bồi-tụng, Hộ-bộ Tả Thị-lang, Dĩnh-thành-hầu Lê-quý-Đôn soạn.

*Nghĩa là:*

Soạn-giả là Dĩnh-thành-hầu Lê-quý-Đôn, người vàng mệnh Hoàng-đế sai-phái làm chức Tham-thị Tham-tán quản-cơ hai đạo Thuận-hoá và Quảng-nam, lãnh chức Hiệp-trấn-phủ xứ Thuận-hoá, kiêm quản Hữu Thăng-cơ, đồng thời đạo-lãnh chức Nhập-thị Bồi-tụng Hộ-bộ Tả Thị-Lang.

✦



## MỤC NHÂN-TÀI

Nói về nhân-tài nước ta, địa-phương nào lại không có. Tức như trấn Thuận-hoá, ở vào thời-đại nhà Nhuận-Hồ <sup>1</sup>, có cha con ông Đặng-Tất đều là bậc đại-tài kiêm cả tướng văn, tướng võ, từng nổi tiếng-tầm khắp trong nước.

Vào khoảng niên-hiệu Thuận-thiên [Lê Thái-tổ] và niên-hiệu Hồng-đức [Lê Thánh-tông] triều Lê, có ông Nguyễn-tử-Hoan làm chức quan-sư, cùng ông Bùi-dục-Tài thi đậu Tiến-sĩ.

Đến đời nhà Nguy-Mạc, có ông Dương-văn-An thi đậu hạng cao-khoa, và có công biên-soạn quyển sách « Ô-châu cận lục ».

Sang đầu đời Trung-hưng nhà Lê, [42b] Đoan-quốc-công [Nguyễn-Hoàng] vào trấn-trị hai xứ Thuận-hoá và Quảng-nam, rồi đời đời nối nhau, nắm giữ tất cả các quyền-hành về quân-

---

1. Nhuận có nghĩa đen là thứ hai, như tháng 3 nhuận, tháng 5 nhuận v.v... Nhuận còn có nghĩa bóng là bất-chính, không phải chính-thống, như nhà Nhuận-Hồ là Hồ-quí-Ly và Hồ-Hán-Thương.



## PHỤ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

sự, truyền-tập cho con cháu mình, tự sắp-dặt ngạch quan-lại riêng.

Từ đây, các bậc nhân-tài ở châu Ô, châu Lý, ai ai cũng muốn tùy thời-thế để tạo-lập công-danh.

Song những người bộ-khúc<sup>1</sup> mà nhà Nguyễn diu-dắt vào đây, phần nhiều là những người quê-quán ở tỉnh Thanh-hoá và tỉnh Nghệ-an [Bắc Trung-phần].

Tuy nhiên, những người kiêu-ngự mà con cháu có tài, có nghề-nghiệp, có kiến-thức, thì hoặc lấy chân tập-ám<sup>2</sup> mà tiến thân, hoặc do khoa-cử dậu-dật mà được bổ-dụng làm quan cũng không phải là ít.

Tuy trong khoảng thời-gian từ hơn một trăm năm trở lại đây, không có người nào tài giỏi lừng-lẫy tiếng-tấm đến Thượng-quốc [tức nước Trung-hoa], nhưng chúng ta cũng không thể nói ở đây không có nhân-tài.

Ngày nay, trời đã mở-mang vận-hội thăng-bình thịnh-trị cho đất nước ta, hệ phân-ly lâu ngày thì lại hợp-nhứt, đó là lẽ tự-nhiên vậy.

---

1. Bộ-khúc là những người bộ-hạ, những người tay chân mình, hay những người tay sai của mình.

2. Tập-ám: Nhờ cha làm quan mà con được liệt vào hàng ám-tử. Buổi xưa, hệ cha làm quan đến tam-phẩm [như Bố-chánh, Án-sát, Quản-đạo, Thị-lang, v.v...] trở lên, thì tất cả các người con đều được ám-tử. Còn cha làm quan từ tứ-phẩm trở xuống, thì chỉ được một người con ám-tử. Các ám-tử phải qua một kỳ thi để khảo-sát khả-năng mới được cấp bằng Ấm-sinh. Ấm-sinh được liệt ngang hàng với Cử-nhân.



## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NĂM

Đấng Cửu-trùng [nhà vua] đã từng lo xa nghĩ rộng về việc phủ-ủy nhân-dân, nên Ngài đương muốn xuống Dụ lục-dụng các bậc cự-thần [các quan-viên cũ], đồng thời khích-lệ những người tuấn-kiệt thanh-nhã ra giúp vua, giúp nước. Biết đâu lại không có những kẻ sĩ-phu đương dưỡn chí đợi thời, nay họ vui lòng ra nhận-lãnh chức-trách « kinh bang tế thế », để được thấy cái cảnh huy-hoàng, hoa-lộ và thanh-trị của [43a] Triều-đình Trung-ương hay sao ?

Trước kia, các chúa Nguyễn chuyên-quyền cai-trị một địa-phương, đối với việc lựa-chọn nhân-tài, họ chỉ cho đặt những khoa « Thu thí » [khoa-thi về mùa thu], và họ chỉ chuyên dùng những hạng người lại-tư [những viên lại-thuộc], chứ không sùng-thượng văn-học, nên ít thấy họ tìm-kiếm và thâu-dụng những kẻ tuấn-tú, kỳ-tài.

Bởi thế, nên mỗi khi có mở khoa-thi để khảo-sát các thí-sinh, thì hạng học-sinh Hoa-văn được lấy đậu nhiều gấp năm lần hạng thí-sinh Chính-đồ.

Lại còn những chức-vụ có quyền-hành và trọng-yếu đều được giao-phó cho những người thân-thích họ Nguyễn nắm giữ cả, còn những người thi đậu hạng Hoa-văn chỉ được giúp việc [phụ-tá] cho các thân-thích họ Nguyễn mà thôi.

Những người đậu khoa « Thu-thí » thì ban đầu được bổ làm chức quan Tri-phủ, Tri-huyện chỉ chuyên coi những việc tạp-tụng [kiện thừa lặt-vặt]. Thứ nữa, họ được làm chức Ký-lục cũng chỉ chuyên coi công-việc « thôi-khoa » nghĩa là thúc-giục trung-thâu các hạng thuế-khoá mà thôi.

Đến như những việc quan-trọng, to-lớn của nhà-nước, hay



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

những cuộc nghị-luận rộng-rãi của Triều-đình, thì họ Nguyễn không hề hỏi đến mấy người trúng-tuyển kẻ trên bao-giờ.

Còn đối với những lớp người hậu-học hay các hạng tiểu-sinh, thì không thấy nhà Nguyễn có thực-tâm giáo-huấn, dưỡng-dục đề tác-thành, đào-tạo nhân-tài. Thế mà hạt giống văn-tự của một địa-phương vẫn dai-dẳng không dứt, thì cũng là một điều đáng khen-ngợi vậy.



## [43b] NGUYỄN - CƯ - TRINH

Ông Nguyễn-cư-Trinh bút-hiệu là Đạm-trai, là người ở làng An-hoà <sup>1</sup>, huyện Hương-trà [thuộc tỉnh Thừa-thiên].

Ông Tổ sáu đời nguyên là họ Trịnh, tên Cam, quán trưởng Phù-lưu thuộc huyện Thiên-lộc <sup>2</sup>, làm quan đến chức Thượng-thư bộ Binh dưới triều nhà Tiền-Lê. Gặp phải lúc nhà Nguyễn-Mạc cướp ngôi vua Lê, ông lánh nạn vào cư-ngụ trong tỉnh Thuận-hoá.

Đến đời Thân-sinh ông Nguyễn-cư-Trinh thi đậu, mới đổi họ Trịnh sang họ Nguyễn, và được bổ-dụng làm quan vào đời Tộ-quốc-công [Nguyễn-phúc-Khoát] trải qua chức Tri-huyện, rồi đến chức Ký-lục.

---

1. Làng An-hoà, thuộc huyện Hương-trà, ở về phía bắc ngoài kinh-thành Huế độ 3, 4 cây-số. Buổi xưa, những bản án tử-hình đều được thi-hành tại địa-phận làng An-hoà ấy.

2. Trường Phù-lưu là làng Phù-lưu thuộc huyện Thiên-lộc ngày xưa tức huyện Can-lộc, tỉnh Hà-tĩnh ngày nay. Làng Phù-lưu xưa nay vốn có tiếng là đất văn-vật trong tỉnh Hà-tĩnh.



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

Ông Nguyễn-cư-Trinh lúc thiếu-thời đã hay làm văn-chương, rồi đi thi trúng tuyển Sinh-đồ [cũng như Tú-tài triều Nguyễn], và được bổ-dụng làm chức quan Tri-phủ.

Đến đời Hiền-quốc-công [Nguyễn-phúc-Chu] tự xưng Vương-hiệu, Nguyễn-cư-Trinh được làm chức Ký-lục tại dinh Tuần-phủ và dinh Bó-chánh phủ Quảng-nam.

Ông Nguyễn-cư-Trinh trình-bày những điều gì cũng đều là mưu-lược trung-chánh, cùng với những lời bàn-luận thẳng-thắn của ông, nhưng không được Thượng-cấp nghe theo.

Đến năm Quý-dậu [1753], nhân đi đánh nước Cao-miên, ông Nguyễn-cư-Trinh được sung chức Tham-mưu điều-khiển dinh Ngũ-quân.

Ông là người có cơ-trí và có mưu-lược, lại biết quyết-đoán và trù-hoạch mọi việc rất tinh-thông. Nhờ vậy mà ông thu-nhận được ba vạn [44a] dân-chúng Côn-man ở Thuận-thành xin về hàng-phục nước ta, rồi truất-phế vua nước Cao-miên là Ong-Nguyên và dựng Ong-Tôn lên làm Quốc-vương nước ấy thay-thế Ong-Nguyên.

Tại tỉnh-thành Gia-định cũng như tại tỉnh-hạt Hà-tiên, ông Nguyễn-cư-Trinh vốn có danh-vọng lẫy-lừng. Tính ra, ông làm quan ở những nơi biên-giới đến 11 năm.

Đến năm Ất-dậu [1765 sau Công-nguyên], Nguyễn-phúc-Thuần lên nối ngôi Chúa Nguyễn, ông Trinh mới được triệu-tập về sung chức quan bộ Lại, vài ba năm sau thì ông tạ thế.

Ông Nguyễn-cư-Trinh là người học rộng, thơ hay. Lúc ở dinh Bình-thuận và dinh Gia-định, ông thường cùng với quan





## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

Tổng-binh Hà-tiên là Tôn-Đức Hầu Mạc-thiên-Tứ<sup>1</sup> dùng văn-chương, từ-hàn lạng nhau, và đối-đáp, xướng-họa với nhau.

Ông Nguyễn-cư-Trình có họa 10 bài thơ « Vịnh cảnh Hà-tiên » do Mạc-thiên-Tứ xướng đề :

### 1. 金 嶼 攔 濤

帝	怒	陽	侯	數	犯	邊
勅	移	山	岳	鎮	前	川
波	雷	不	拭	長	城	面
水	猛	方	知	砥	柱	權
精	衛	半	消	啣	石	恨
驍	龍	全	穩	抱	珠	眠 [144b]
知	君	亦	是	擎	天	物
今	古	滔	滔	獨	儼	然

1. Tôn-đức Hầu Mạc-thiên-Tứ là con Mạc-Cửu. Mạc-Cửu nguyên là giòng-dõi cựu-thần nhà Minh, không chịu thần-phục nhà Mãn-Thanh, nên từ Quảng-đông trốn sang nước ta, được Chúa Nguyễn cho định-cư lập nghiệp ở Chân-lạp.

Mạc-Cửu chiêu-mộ lưu-dân lập thành 7 ấp gọi là Hà-tiên suốt từ Cà-mau đến Komponsom. Năm 1700, Mạc-Cửu xin dâng đất ấy cho Chúa Nguyễn.

Năm 1708, Mạc-Cửu được Chúa Nguyễn phong chức Tổng-binh coi vùng Hà-tiên.

Sau khi Mạc-Cửu qua đời, con là Mạc-thiên-Tứ được lên nối nghiệp cha. Mạc-thiên-Tứ là người rất hay chữ, và có danh-vọng lẫy-lừng ở vùng Hà-tiên.

## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NĂM

### Phiên âm

#### 1. KIM-DỰ LAN ĐÀO

Đế nộ Dương-hầu sắc phạm biên,  
Sắc di sơn-nhạc trấn tiền xuyên.  
Ba triêm bất thức trường-thành diện,  
Thủy mãnh phương tri đề-trụ quyền.  
Tinh-vệ bán tiêu hàm thạch hận,  
Ly-long toàn ồn bão châu miên.  
Tri quân diệc thị kinh thiên vật,  
Kim cồ thao-thao độc nghiêm-nhiên.

### Tạm dịch nghĩa đen

#### 1. ĐÀO KIM-DỰ NGĂN SÓNG

Thượng-Đế giận Dương-hầu thường đưa tai-họa tới biên-  
cảnh,  
Nên sắc đem hòn đảo này [Kim-dự] trấn chốn Tiền-xuyên.  
Sóng ngập không lau sạch được mặt trường-thành,  
Nước chảy mạnh mới hay quyền của cột đá giữa giòng là  
lớn.

Chim Tinh-vệ gần tiêu-tan hòn ngậm đá,  
Con Ly-long từng ồn-thoả giấc ôm châu.  
Biết nhà người [Kim-dự] vốn là tay giỏi chống trời,  
Trải qua những cuộc bề dàu mà vẫn đứng trơ-trơ.



## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NĂM

*Tạm dịch theo Đường-luật, thể Thất-ngôn*

### 1. ĐÀO KIM-DỰ CHẶN SÓNG

Trời giận Dương-hầu<sup>1</sup> xúc-phạm lâu,  
Sắc đem hòn núi trấn ngang đầu.  
Thành Vàng thế vững sóng khôn ngập,  
Cột đá quyền to nước rút mau.  
Tinh-vệ<sup>2</sup> dường tan hòn ngậm đá,  
Ly-long từng thoả giấc ôm châu<sup>3</sup>.  
Chống trời tay ấy ta đã biết,  
Vẫn đứng trơ-trơ với bề dâu.

*Tạm dịch theo thể Lục-bát*

*Dương-hầu thường phạm biên-cương,  
Trời đem hòn núi trấn ngang sóng Tiền.  
Sóng kia khó phủ thành liền,  
Mới hay cột đá ngăn quyền nước sông.  
Chim kia lấp bề người lòng,  
Ly-long ôm ngọc giấc nồng Thủy-cung.  
Chống trời tay vững như ông,  
Trơ-trơ kim cồ vẫn không hề gì.*

1. Dương-hầu: Vị Thần sông.

2. Tích xưa: Chim Tinh-vệ ngậm đá để lấp biển. « Tinh-vệ hàm thạch dĩ điền hải ».

• 3. Con Ly-long bao-giờ cũng ngậm ngọc châu, lúc ngủ cũng vậy.



PHỪ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

2. 平 山 疊 翠

中 分 村 落 立 岫 峴  
淡 墨 濃 青 作 意 描  
地 脉 衰 靈 觀 樹 石  
民 情 愁 樂 問 葛 苑  
春 開 錦 幕 邀 戎 府  
秋 起 金 城 拱 聖 朝  
此 味 廣 州 人 樂 得  
草 花 不 爲 陸 沉 凋

*Phiên âm*

2. BÌNH-SƠN ĐIỆP THÚY

Trung phân thôn lạc lập thiêu-nghiêu,  
Đạm, mặc, nồng, thanh tác ý miêu.  
Địa mạch suy linh quan thụ thạch,  
Dân tình sầu lạc vấn sô nghiêu.  
Xuân khai cảm mặc yêu hung phủ,  
Thu khởi kim thành củng Thánh triều.  
Thử vị Quảng-châu nhân lạc đắc,  
Thảo hoa bất vị lục trầm điêu.



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

### Tạm dịch nghĩa đen

#### 2. NON BÌNH CHẬP-CHÙNG MÀU XANH BIẾC

Ở giữa làng xóm, tự nhiên nổi lên một hòn núi đứng cao  
chót-vót.

Những nét lạt, đậm, nồng, xanh tự ý người ta vẽ-vời.  
Mạch đất suy hay thịnh, cứ xem cây và đá thì biết,  
Dân tình buồn hay vui, cứ hỏi đám só-nghiêu thì rõ.  
Mùa xuân mà xem cảnh ấy như mở màn gấm đề mời  
nhung-phủ<sup>1</sup>,  
Mùa thu mà xem cảnh ấy như dựng thành vàng đề châu  
Thánh-triều.

Cảnh-vị ấy, hẳn những người ở Quảng-châu thích-thú lắm,  
Cỏ hoa không vì cảnh loạn-ly mà điêu-tàn.

### Tạm dịch theo Đường-luật, thể Thất-ngôn

Giữa chia làng xóm đứng chênh-vênh,  
Xanh, thắm, đen, nồng khéo vẽ tranh!  
Cây núi cần, tươi xem mạch đất,  
Nồng tiều vui, tẻ, rõ dân tình.  
Xuân treo màn gấm mời nhung-phủ,  
Thu dựng thành vàng vũng Để-kinh.  
Cảnh ấy, hẳn người châu Quảng thích,  
Loạn-ly, hoa cỏ vẫn tươi xanh.

1. Nhung-phủ là nơi quan võ ở.



PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYÊN NĂM

Tạm dịch theo thể Lục-bát Song-thất

Giữa nơi thôn xóm cheo-leo,  
Khen ai khéo vẽ nên đèo nông, xanh.  
Trông cây, đá, đất lành biết chọn,  
Dàn sầu, vui, hỏi bọn só-nghiêu.  
Phủ nhung màn gấm xuân-thiều,  
Thành vàng củng-cổ Thánh-triều muôn năm.  
Cảnh này người Quảng vui thắm,  
Cỏ hoa hồ đẽ lục trâm héo-hon.

3. 蕭 寺 晨 鐘

晨	風	搖	落	露	花	拋
迢	遞	孤	聲	過	樹	梢
金	歌	吟	殘	星	海	渚
木	鯨	打	落	月	村	坳
萬	家	醒	夢	佛	朝	闕
八	水	開	顏	僧	下	巢
[145a]	待	扣	堪	憐	禪	亦
	不	鳴	鳴	得	太	陽
					交	



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

### Phiên âm

#### 3. TIÊU TỰ THẦN CHUNG

Thần phong dao lạc lộ hoa phao,  
Thiếu-đệ cô thanh quá thụ sao.  
Kim thú hao tàn tinh hải chữ,  
Mộc kinh đả lạc nguyệt thôn ao.  
Vạn gia tỉnh mộng Phật triều khuyết,  
Bát thủy khai nhan tăng hạ sào.  
Đãi khẩu kham linh thiên diệp hữu,  
Bất minh, minh đắc Thái-dương giao.

### Tạm dịch nghĩa đen

#### TIẾNG CHUÔNG SỚM Ở CHÙA TIÊU

Ngọn gió sớm lay rơi hạt sương-móc đọng ở các hoa,  
Xa-xa có tiếng chuông ngân qua ngòi nước cắm cây.  
Thú vàng kêu mãi đến lúc sao lặn bên bờ biển,  
[ở trên nuốm chuông có hình thú kỳ-lân]  
Kinh gỗ nện mãi đến lúc trăng rời khỏi trước rãnh nhà.  
Muôn nhà nghe tiếng chuông chùa thì tỉnh mộng thức dậy  
đi chầu Phật-tổ,  
Nhà sư nghe tiếng chuông sớm cũng dậy đi làm việc công-  
đức [bát công-đức thủy].  
Rất thương vị sư đương chờ-đợi tiếng chuông chùa kêu lên,  
Không kêu thì thôi, đã kêu thì kêu cho đến lúc Thái-dương  
hiện ra.



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

### *Tạm dịch theo Đường-luật, thề Thất-ngôn*

Gió sớm lay rơi hạt móc sa,  
Đầu canh vắng-vắng tiếng ngàn qua.  
Thú gào sao rụng bên bờ biển,  
Kính nện trắng rơi trước rãnh nhà.  
Tỉnh mộng muốn dần châu Phật-tồ,  
Gọi ơn tám nước<sup>1</sup> đợi sư-già.  
Bên chùa thương kẻ chờ chuông đánh,  
Chuông đánh kêu cho bóng ác ra.

### *Tạm dịch theo thề Lục-bát*

*Hoa kia, gió sớm sương rơi,  
Tiếng đầu vắng-vắng qua nơi đầu canh.  
Thú vàng găm-thét bên ghềnh,  
Tiếng kính chày nện trắng chênh ao làng.  
Người châu Phật, tỉnh giấc vàng,  
Nước kia mở mặt dọn đường sư sang.  
Cảnh thiền, chuông gõ kêu vang,  
Đã kêu, kêu thấu thái-dương sáng bừng.*

---

1. Bát thủy là 8 thứ nước công-đức, nước phép của nhà Phật. Bát thủy xuất từ kinh Di-đà có nói: «Cực lạc quốc thượng hữu thất bửu trì, bát công-đức thủy sung-mãn kỳ trung», nghĩa là ở trên nước Cực-lạc có 7 cái ao bửu và 8 thứ nước công-đức đầy đầy ở trong.





PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

4. 江城夜鼓

金 城 峙 立 碧 江 阜  
僵 卧 譙 樓 對 月 號  
細 雨 有 權 聲 欲 避  
狂 波 無 韻 響 偏 豪  
遙 呵 鵲 樹 依 難 定  
近 蕩 蛟 潭 夢 亦 勞  
誰 念 天 涯 鳴 武 畧  
京 華 從 此 枕 彌 高

*Phiên âm*

4. GIANG-THÀNH DẠ CỒ

Kim-thành trī lập Bích-giang cao,  
Cương ngọa tiều lâu đối nguyệt hào.  
Tể vũ hữu quyền thanh dục tổn,  
Cuồng ba vô vận hưởng thiên hào.  
Dao ha thước thụ y nan định,  
Cận đăng dao đàm mộng diệp lao.  
Thùy niệm thiên nhai minh võ lược,  
Kinh hoa tùng thử chàm di cao.



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

### Tạm dịch nghĩa đen

#### TIẾNG TRỐNG ĐÊM Ở GIANG-THÀNH

Thành vàng đứng sừng-sững ngay bên mé sông,  
Người nằm queo ở lầu canh, trông trắng mà kêu gào.  
Tiếng trống đánh bị trận mưa át đi, nên tiếng nhỏ dần,  
Sóng Giang-thành đã dữ-dội, có tiếng trống lại càng vang  
to.  
Chim thước ở trên cây, ban đêm xa nghe tiếng trống, nên  
sợ bay tán-loạn.  
Thuồng-luồng ở đầm gần đó, đêm nghe tiếng trống, khó  
ngủ yên giấc,  
Có ai nghĩ đến những tướng-sĩ ở biên-cương giỏi võ-lược  
mới giữ được trị an?  
Ở nơi kinh-đò, người ta chỉ biết cao gối nằm để hưởng  
yên-vui mà thôi.

### Tạm dịch theo Đường-luật, thể Thất-ngôn

A. Thành vàng bên bến đứng chơ-vơ,  
Trên điểm nằm queo những đợi-chờ.  
Có tiếng, mưa bay hầu thấp giọng,  
Không vắn, sóng vỗ cũng thành thơ.  
Cây xa, bầy thước khôn tìm tổ,  
Bên cạnh, thuồng-luồng bỗng tỉnh mơ.  
Ai nghĩ chân trời nhờ tướng-sĩ,  
Thần-kinh cao gối nở làm ngờ.



## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NĂM

- B. Thành vàng sừng-sừng bến sông xanh,  
Năm khềnh gào trắng trên điểm canh <sup>1</sup>.  
Lác-đác nghe chìm mưa nhẹ hột,  
Ý-âm vang dội sóng kêu ghềnh.  
Cành rung, chim thước khôn yên tồ,  
Đầm động, giao-long khó nấu hình.  
Ai hiểu bên trời lừng võ-lược,  
Nữ lòng cao gối chốn Thần-kinh.

### *Tạm dịch theo thể Lục-bát*

*Thành vàng sừng-sừng bên giang,  
Trên lầu năm ngả đối trắng kêu gào.  
Mưa phùn át những tiếng cao,  
Sóng kia hưởng-ứng tiếng kêu vang trời.  
Rời cây, chim thước tìm nơi...  
Dưới đầm, giao ngủ bồi-hồi khó yên.  
Kinh-hoa càng vững gối tiên,  
Biết đâu nhờ kẻ giữ-gìn biên-cương.*

### 5. 石 洞 吞 雲

一 山 開 破 兩 岩 阿  
吞 下 浮 雲 不 放 過

---

1. Tiều lâu là điểm canh.



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

蝮 屈 龍 伸 歸 嗽 納  
鸞 翔 鳳 翥 入 包 羅  
葫 蘆 火 濕 烟 凝 重  
石 室 人 寒 紫 積 多  
出 岫 侍 教 能 五 彩  
光 扶 神 武 定 山 河 [145b]

*Phiên âm*

5. THẠCH-ĐỘNG THÔN VÂN

Nhứt sơn khai phá lưỡng nham a,  
Thôn hạ phủ vân bất phóng qua.  
Hoạch khuất, long thân qui thẩu nạp,  
Loan tường, phượng chủ nhập bao la.  
Hồ-lô hoả thấp yên ngưng trọng,  
Thạch-thất nhân hàn tử tích đa.  
Xuất tụ đãi giao năng ngũ thái,  
Quang phủ Thần-võ định sơn hà.

*Tạm dịch nghĩa đen*

ĐỘNG ĐÁ NUỐT MÂY

Một hòn núi khai phá ra hai cái hang,  
Bao-nhiều mây nổi đều nuốt trôi cả.



## **PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM**

Trùng co, rồng duỗi cũng bị tiêu hết,  
Phượng múa, loan bay cũng bị nuốt sạch.  
Lửa ướt, nên bầu tiên ngưng khói đặc,  
Người rét, vì nhà đá chứa hơi nhiều.  
Chờ mây năm sắc bay ra khỏi núi,  
Khi sáng có thể giúp Thần-võ bình-định sơn-hà.

### *Tạm dịch theo Đường-luật, thẻ Thất-ngôn*

Một núi chia hai hang mỹ-miêu,  
Bao-nhiều mây nổi nuốt trôi theo.  
Giun co, rồng duỗi đều tiêu sạch,  
Phượng múa, loan bay cứ nuốt liều.  
Ướt lửa, bầu tiên phun khói đặc,  
Cóng tay, nhà đá bốc hơi nhiều.  
Đợi mây năm sắc bay ra núi,  
Thêm giúp Thần oai mở Thịnh triều.

### *Tạm dịch theo thẻ Lục-bát*

Một non khai phá hai đồi,  
Mây kia sà xuống chẳng rời bỏ qua.  
Sâu co, rồng duỗi chẳng tha,  
Loan bay, phượng nháy bao-la không chừa.  
Bầu tiên lửa ướt khói ngưng,



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

Người nơi Thạch-thất mấy tầng lạnh thay.

Đợi-chờ năm sắc mây bay,

Giúp ngôi Thần-võ định ngay sơn hà.

### 6. 珠 岩 落 鷺

山	涵	海	色	碧	無	瑕
誰	送	霜	兒	到	作	花
行	傍	浪	頭	魚	失	計
立	當	松	髮	鵠	忘	家
汐	潮	興	替	自	拖	簪
鳧	鶴	短	長	空	喙	啞
爲	想	烏	衣	堂	上	客
還	將	碌	碌	笑	天	涯

*Phiên âm*

### 6. CHÂU-NHAM LẠC LỘ

Sơn hàm hải sắc bích vô hà,

Thùy tống sương nhi đáo tác hoa.

Hành bạng lãng đầu ngư thất kể,



## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NĂM

Lập đương tưng phát học vong gia.  
Tịch triều hưng thế tự nguy-nghiệp,  
Phủ hạc đoản trường không chúc-nha.  
Vị tướng ô-y đường thượng khách,  
Hoàn tương lục-lục tiểu thiên nha.

*Tạm dịch nghĩa đen*

### CON CÒ RÀ XUỐNG NON CHÂU

Biển, non một sắc biếc không có pha màu khác,  
Ai khéo đưa sương trắng đến đây làm hoa.  
Đi tựa đầu sóng, cá đà hết kể [bị cò mổ được],  
Đứng đậu ngọn tùng, chim hộc đã quên nhà [vì vui với cò].  
Nước thủy-triều có khi lên, khi xuống, còn núi Châu thì  
vững-vàng luôn.  
Loài le, chim hạc có con cổ ngắn, cổ dài, đều đến núi này  
kêu hót với cò.  
Trưởng nhớ những khách ô-y [áo đen là kẻ phú-quí] ở nhà  
quan hôm nọ,  
Lại khéo cười mình ở nơi chân trời góc biển là người tầm-  
thường.  
Tác-giả có ý phàn-nàn mình phải khỗ-sở giữ biên-cương,  
mà họ lại cười mình là đồ lục-lục [đồ tầm-thường].

*Tạm dịch theo Đường-luật, thề Thất-ngôn*

Bề non sắc biếc một màu hòa,  
Ai đây sương kia đến điểm hoa.



## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NĂM

Đầu sóng, cá kia đã hết mọo,  
Ngọn thông, chim nọ mãi quên nhà.  
Nước triều lên xuống càng ghê-sợ,  
Le vạc vẫn dài khéo nhi-nha.  
Tưởng nhớ nhà quan nhiều khách tới,  
Cười mình lưu-lạc chốn thiên nha.

### *Tạm dịch theo thể Lục-bát*

*Biển non một sắc sáng ngời,  
Ai đem sương trắng làm tươi hoa này?  
(có ý nói lông cò trắng như sương)  
Sóng cồn, cá hết dương vây,  
Tóc thông lỏa-tỏa học bay quên nhà.  
Nước triều lên xuống nghĩ mà...  
Phủ dài, hạc vẫn, phận đã dành riêng.  
Ô-Lang tưởng tới khách quen,  
Lại cười ta khéo lưu-liên phương trời.*

### 7. 東 湖 印 月

夜 來 誰 琢 兩 圓 光  
一 貢 天 家 一 水 鄉  
水 謂 銀 盤 天 學 鑄





## PHÚ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NĂM

天 疑 玉 鏡 水 真 粧  
蛟 螭 若 漏 遁 形 勢  
鷗 鶴 如 添 搏 翼 方  
慨 想 陶 朱 成 事 後  
乾 坤 歌 酌 最 中 央

### *Phiên âm*

#### 7. ĐÔNG-HỒ ÁN NGUYỆT

Dạ lai, thùy trác lưỡng viên quang?  
Nhứt cống thiên-gia, nhứt thủy hương.  
Thủy vị ngân-bàn thiên học chú,  
Thiên nghi ngọc-cảnh thủy chân trang.  
Dao ly nhược lậu độn hình thể,  
Âu hạc như thiêm bác dực phương.  
Khái tướng Đào-Chu thành sự hậu,  
Càn khôn ca chúc tối trung-trương.

### *Tạm dịch nghĩa đen*

#### ĐÔNG-HỒ TRĂNG RỘI

hay

#### TRĂNG IN TRÊN MẶT NƯỚC ĐÔNG-HỒ

Đêm tới, ai khéo giữa hai mặt trăng tròn sáng?  
Một nửa ở trên trời, một nửa ở dưới nước.



## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NĂM

Nước bảo trời học đúc ngàn-bàn [mâm bạc],  
Trời nghi nước đương trang-diềm gương ngọc.  
Long, lý khó lòng mà ẩn nấu hình-dạng,  
Âu, hạc như thêm cánh tung bay bốn phương trời.  
Tưởng như Đào-Chu<sup>1</sup>, sau khi đã thành sự,  
Cầu ca, chén rượu tỉnh say trong khoảng trời đất.  
[Sau khi đánh được nước Ngô, Phạm-Lãi lia bỏ giàu sang mà  
đi chơi, hát xướng, uống rượu, làm thơ ở Ngũ-hồ, thật là  
cảnh thần-tiên vậy].

### Tạm dịch theo Đường-luật, thể Thất-ngôn

Trăng tròn, ai khéo vẽ làm hai?  
Một rọi hồ sâu, một rọi trời.  
Mâm bạc, nước khen trời khéo đúc,  
Gương trong, trời tưởng nước đương soi.  
Ẩn mình, rồng cá nấu khôn kín,  
Thẳng cánh, hạc âu bay tuyệt vời.  
Tưởng lúc Đào-Chu thành mọi việc,  
Nghêu-ngao say tỉnh giữa hồ chơi.

---

1. Đào-Chu tức Đào Chu-công, tức Phạm-Lãi.

Phạm-Lãi là người nước Sở, về đời Xuân-thu, ban đầu làm quan với nước Việt, cùng Việt-vương Câu-Tiền diệt nước Ngô, sau ông vượt bể vào nước Tề. Trong một thời-gian không lâu, ông làm nên giàu có đến nghìn vàng. Về sau, ông phân-tán hết số vàng ấy rồi ngao-du hồ hải.



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

### Tạm dịch theo thể Lục-bát

Ai đem hai bóng tròn theo?  
Nửa in đáy nước, nửa treo lưng trời.  
Nước rằng trời đúc bạc chơi,  
Trời rằng nước đã vẽ-vời mảnh gương.  
Long, lý thất thế tiềm-tàng,  
Hạc, âu mặc sức dọc ngang vẫy-vùng.  
Nhớ xưa Phạm-Lãi thành công,  
Cầu ca, chén rượu thông-dong giữa trời.

### 8. 南浦澄波

[146a] 盈 窪 波 浪 幾 時 傾  
還 把 玻 黎 列 地 明  
箕 畢 分 間 天 事 少  
鯨 鯢 權 失 海 心 平  
干 城 客 有 乘 桴 思  
行 部 人 無 問 劍 聲  
野 老 與 鷗 分 席 罷  
長 安 笑 指 聖 人 生



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

### Phiên âm

#### 8. NAM-PHỐ TRỪNG BA

Dinh oa ba-lăng kỷ thời khuynh ?  
Hoàn bả pha-lê liệt địa minh.  
Cơ, Tất <sup>1</sup> phận nhàn thiên sự thiêu,  
Kinh nghệ quyền thất hải tâm bình.  
Can-thành <sup>2</sup> khách hữu thừa phủ tứ,  
Hàng-bộ nhân vô vấn kiếm thanh.  
Dã lão dữ âu phân tịch bãi,  
Trường-an tiểu chỉ Thánh-nhân sinh.

### Tạm dịch nghĩa đen

#### NAM-PHỐ SÓNG LẮNG TRONG

Bấy lâu, sóng lan-tràn đầy những chỗ trũng khắp nơi.  
Hiện giờ, nước lại bằng-phẳng như bàn pha-lê trải đất  
sáng tinh.

1. Cơ và Tất đều là tên các ngôi tinh-tú. Sao Cơ thường làm ra gió. Sao Tất thường làm ra mưa.

2. Can-thành. Theo Tự-điển Từ-nguyên, can-thành là những người đối ngoại biết chống-chối, ngăn-cản những kẻ ngoại-xâm, đối nội thì biết bảo-vệ, gìn-giữ an-ninh cho đất nước.

Kinh Thi có câu: « Công hầu can-thành », nghĩa là những vị công vị hầu biết ngoại hãn [chống lại ngoại-xâm] và nội vệ [gìn-giữ trị an trong nước.]



## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NĂM

Sao Cơ, sao Tất yên phận, hẵn trời rồi, ít việc,  
Cá Kinh, Cá Nghê thất thế, ắt giữa biển bình-yên.  
Can-thành bao kẻ muốn cỡi bè rong chơi nơi Nam-phố,  
Hàng-bộ những người trong quân-đội không có ai hỏi  
gương cả.  
Lão quê-mùa này cùng với chim vịt nước chia-rẽ nhau rồi,  
Trường-an mừng được thấy Thánh-nhân giáng-sinh.  
[vì bề không có sóng gợn là cảnh thiên-hạ thái-bình].

*Tạm dịch theo Đường-luật, thề Thất-ngôn*

### BẾN NAM-PHỐ SÓNG LẠNG TRONG

Sóng làn đồn-dập bấy lâu nay,  
Giờ nước như gương trải đất bày.  
Cơ, Tất phận yên, trời rồi thật,  
Kinh, Nghê thế mất, bề yên ngay.  
Can-thành khách muốn dong bè nổi,  
Hàng-bộ người không hỏi kiếm gày.  
Chim với lão quê chia chỗ đứng,  
Trường-an sinh Thánh thật mừng thay!

*Tạm dịch theo thề Lục-bát*

Bấy lâu lòng sóng lan-tràn,  
Giờ đây nước phẳng như bàn pha-lê.



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

Ít khi mưa gió não-nề,  
Kinh Nghê yên-lặng, bề kia hản bình.  
Cõi bè khách chán lợi-danh,  
Nào ai hỏi kiếm bộ hành mà lo.  
Chim kia từ-biệt lão-phu,  
Trường-an mừng thấy trời phủ Thành sinh.

### 9. 鹿 峙 村 居

僻	壤	窮	居	可	寂	聽
子	孫	無	患	奪	茅	亭
鹿	脩	留	客	野	荼	黑
豚	足	迎	妻	園	果	青
飽	煖	不	知	天	子	力
豐	登	惟	信	海	神	靈
更	無	租	稅	又	間	事
太	半	人	稱	近	百	齡

### Phiên âm

### 9. LỘC TRÍ THÔN CƯ

Tịch nhưỡng cùng cư khả tịch tỉnh,  
Tử tôn vô hoạn đoạt mao đình.



## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NĂM

Lộc tu lưu khách, dã trà hắc,  
Đồn túc nghinh thê, viên quả thanh.  
Bão noãn bất tri Thiên-tử lực,  
Phong đẳng duy tín Hải-thần linh.  
Cánh vô tô thuế hựu nhàn sự,  
Thái bán nhân xưng « cận bách linh ».

*Tạm dịch nghĩa đen*

### LANG Ở VỀ MŨI NÚI NAI

Nơi đây xóm hẹp thôn cùng thật là vắng-vẻ,  
Con cháu không phải lo-sợ bị cướp mất nhà tranh.  
Có nem hươu để lưu khách, còn pha chè đặc ở nhà quê,  
Có chân heo để đón vợ, còn hái quả xanh trong vườn.  
No ấm như thế mà có ai biết đó là nhờ ơn Thiên-tử,  
Được mùa, thì người ta chỉ tin cậy vào Thần-linh phù-hộ.  
Không phải đóng tô thuế, nên ai nấy đều thanh-nhàn,  
Phần nhiều người nơi đây đều nói mình sống gần trăm tuổi.

*Tạm dịch theo Đường-luật, thê Thất-ngôn*

Xóm hẻm, thôn cùng cảnh vắng-tanh,  
Không lo con cháu mất nhà tranh.  
Nem hươu thết khách, pha chè đặc,  
Chàn lợn nghinh thê, hái quả xanh.

## PHỤ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

No ấm nào hay Thiên-tử giúp,  
Được mùa chỉ cậy hải-thần linh.  
Không lo tô thuế thêm nhân-rỗi,  
Quả nira người dày « thọ bách linh »<sup>1</sup>

### Tạm dịch theo thể Lục-bát

Nơi dày xóm hẻm tiều-điền,  
Không lo con cháu mất lều nhà tranh.  
Nem · hươu lưu khách, chè xanh,  
Chân heo rước vợ, quả xanh đầu mùa.  
Ấm no nào biết ơn vua,  
Được mùa chỉ biết tin bùa thần-linh.  
Thuế tô khỏi đóng đã đành,  
Phần nhiều người nói tuổi mình gần trăm.

### 10. 鱸 溪 漁 泊

漁	家	營	隊	月	層	層
漏	出	叢	蘆	幾	點	燈 [146b]
父	老	空	聞	朝	號	漢
妻	兒	偏	慣	客	名	陵

1. Bách linh là trăm tuổi.

Cận bách linh là sống gần một trăm tuổi.





## PHỤ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

撐 扶 江 漢 雙 枝 棹  
收 拾 乾 坤 一 把 罾  
聞 道 白 蛟 今 又 長  
睡 來 行 擬 試 餘 能

*Phiên âm*

### 10. LU-KHÊ NGU BẠC

Ngư-gia dinh đội nguyệt tăng-tăng,  
Lậu xuất tùng lô kỷ điềm đăng.  
Phụ-lão không văn triều hiệu Hán,  
Thê-nhi thiên quán khách danh Lãng.  
Xanh-phù Giang Hán song chi trạo,  
Thâu-thập càn khôn nhứt bả tăng.  
Văn đạo bạch-giao kim hựu trưởng,  
Thụy lai hành nghĩ thí dư năng.

*Tạm dịch nghĩa đen*

### THUYỀN CHÀI ĐẬU Ở KHE LU (RẠCH VƯỢT)

Phường chài lớp lớp đậu dưới bóng trăng,  
Đêm khuya, những ngọn đèn vạn chài lọt ra bãi lau một vài  
tia sáng.

## PHỤ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

Các người già-cả có vểng nghe nói đến triều nhà Hán,  
Còn đám vợ con thì chỉ quen gọi khách là tên Lãng.  
Ngược, xuôi, chổng-chỏi ở sông Giang, sông Hán chỉ có hai  
mái chèo là đủ.  
Thu nhật cã càn khôn [trời đất] vào một mảnh lưới đánh cá.  
Nghe nói con thường-luồng ở Rạch Vược ngày nay đã lớn,  
Đợi lúc nó ngủ say, ta thử xem có tài bắt được nó chăng?

### *Tạm dịch theo Đường-luật, thể Thất-ngôn*

- A. Vạn chài lờ lờ dưới vừng trăng,  
Thấp-thoảng ngàn lau ánh dạ-dăng.  
Bô-lão vểng nghe triều gọi Hán,  
Vợ con quen gọi khách là Lãng<sup>1</sup>.  
Vẫy-vùng Giang Hán đôi chèo lướt,  
Thu-nhật càn khôn một lưới giăng.  
Nghe nói thường-luồng nay đã lớn,  
Chờ khi ngủ kỹ bắt chơi xằng.
- B. Phường chài từng đội dưới vừng trăng,  
Hiu-hắt đèn khuya lọt lưới giăng.  
Phụ-lão từng nghe triều nước Hán,  
Thê-nhi quen gọi khách tên Lãng.

1. Lãng đây là Nghiêm-tử-Lãng, người đời nhà Đông Hán, có tánh ưa đi câu cá và hay uống rượu. Có một lần Nghiêm-tử-Lãng say rượu, nằm chung giường với vua Hán Võ-đế, rồi ngủ quên, nằm gác chân lên bụng nhà vua.



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

Mái chèo Giang Hàn già tay bát,  
Mảnh lưới càn khôn nhẹ cánh quăng.  
Nghe nói giao-long nay lại lớn,  
Chờ khi say ngủ thử tài-năng.

Tương-truyền rằng : Vua Thiệu-trị rất thần-phục thi-tài của Đạm-trai Nguyễn-cư-Trình Tiên-sinh, nhưt là mười bài thơ vịnh cảnh Hà-tiên kể trên của Tiên-sinh.

Nhà vua đã từng nói : « Tạo-hoá có bao-nhiều cảnh đẹp ở Hà-tiên, và thi-đàn có bao-nhiều chữ hay đề miêu-tả những cảnh ấy, thì Nguyễn-cư-Trình đã dùng hết, Trẫm không còn có thi-từ gì khác nữa ».

+

Nguyễn-cư-Trình còn đề-vịnh rất nhiều bài thơ khác nữa, trong số đó có những bài thơ sau đây :

### 1. 題 松 浪

平 地 翻 教 起 綠 波  
丈 夫 爭 柰 阿 姨 何  
流 聲 壯 掩 琴 簧 細  
湧 氣 寒 侵 枕 草 多

## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NĂM

舉 掉 蒼 龍 隨 勢 舞  
開 帆 玄 鶴 趁 時 過  
何 人 半 醒 維 舟 浦  
猛 省 咸 由 片 葉 麼

### Phiên âm

#### 1. ĐỀ TÙNG LĂNG

Bình-địa phiên giao khí lục ba,  
Trượng-phu tranh nãi Á-di hà?  
Lưu thanh tráng yếm cầm hoàng tế,  
Dũng khí hàn xâm chàm diệp đa.  
Cử trạo thương-long tùy thể vũ,  
Khai phạm huyền-hạc sản thời qua.  
Hà nhân bán tỉnh duy châu phổ,  
Mãnh tỉnh hàm do phiến diệp ma.

*Tạm dịch theo Đường-luật, thể Thất-ngôn*

#### 1. VỊNH SÓNG CÂY THÔNG

Bình-địa sao mà sóng từ-tung?



## PHỞ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NĂM

Trượng-phu <sup>1</sup>, Di-gió khéo tranh hùng.  
Tiếng trời khiến sáo đàn chìm-lìm,  
Khí bốc làm chần gối lạnh-lùng.  
Chèo cất, rờng kia từng múa nhẩy,  
Buồm giương, hạc nọ cũng xung-phong.  
Buộc thuyền, ai đó vừa bưng tỉnh,  
Mới biết âm-âm tiếng lá thông.

### Tạm dịch theo thể Lục-bát Song-thất

Đất bằng nổi sóng vì đâu?  
Trượng-phu, Di-gió tranh nhau đó mà.  
Át đàn sáo nghe qua như sóng,  
Chiếu, gối kia lạnh cóng hơi thu.  
Rờng xanh theo múa chèo đưa,  
Giương buồm, huyên-hạc đuổi-đua cùng đoàn.  
Khách buộc thuyền, giấc vàng tỉnh dậy,  
Mới hay gió dầy lá thông reo.

2. 詠 兩 女 子 洗 足  
倒 顛 有 術 弄 英 雄  
一 對 裙 襦 洗 迺 翁 [147a]

1. Cổ văn có chữ: « Quân-tử trúc » và « Trượng-phu tùng », nghĩa là cây trúc quân-tử và cây tùng trượng-phu. Như vậy là người ta lấy cây trúc ví với người quân-tử, và lấy cây tùng ví với bậc trượng-phu.

PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NĂM

踞 我 方 濡 龍 脚 赤  
迎 人 猶 傍 玉 顏 紅  
將 軍 不 挫 儒 生 氣  
亭 長 難 收 里 豎 功  
大 抵 狙 翁 憑 馬 上  
雍 衡 無 復 帝 王 風

*Phiêm âm*

2. VỊNH LƯƠNG NỮ-TỬ TÀY TỨC

Đào-diên hữu thuật lộng anh-hùng,  
Nhứt đối quần nhu tày nãi ông.  
Cứ ngã phương nhu long cước xích,  
Nghinh nhân do bạng ngọc nhan hồng.  
Tướng-quân bắt toả nho-sinh khí,  
Đình-trưởng nan thâu lý-thụ công.  
Đại-đề thư-ông bằng mã thượng,  
Ung hành vô phục Đế-vương phong.

*Tạm dịch nghĩa đen*

VỊNH HAI CON GÁI RỬA CHÂN

Khen cho cái thuật cợt-diễn khách anh-hùng,  
Một cặp con gái cùng ngồi rửa chân ông [Bái-công].



## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NĂM

Cậy mình ngồi duỗi chân đương rửa gót rồng đỏ,  
Tiếp khách mà vẫn cứ tựa vào đôi trể má hồng.  
Tướng-quân không thể làm nhụt được khí của kẻ thư-sinh,  
Đình-trưởng [Bái-công] khó lòng thu-phục được kẻ thanh-niên trong làng.  
Đại-đề Thư-ông [kẻ xảo-quyệt] chỉ ngồi trên ngựa mà được  
thiên hạ [nghĩa là phải chinh-chiến đề mà làm vua],  
«Ung hành» đâu còn được thấy đế-vương phong nữa [nghĩa  
là đâu còn có việc nhường ngôi [ấp-tồn] như đời  
Nghieu, Thuấn nữa].

### *Tạm dịch theo Đường-luật, thề Thất-ngôn*

Điên-đảo khen cho thuật lạ-lùng,  
Một đôi con gái rửa cho ông <sup>1</sup>.  
Cậy mình đương gội chân rồng đỏ,  
Tiếp khách còn nung mặt ngọc hồng.  
Hồ dễ tướng-quân <sup>2</sup> làm nhụt khí...

---

1. Ông đây là ông Bái-công tức vua Hán Cao-Tô, tên Lưu-Bang, tên tự là Quý, là người ở đất Bái.

Ông Bái-công phải chiến-đấu 5 năm mới thành Đế-nghiệp, và ông là vị vua khai-sáng nhà Hán.

Sau khi tru-diệt nhà bạo Tần và Sở-vương Hạng-Vũ, vua Hán Cao-Tô thống-nhứt Trung-quốc và lên ngôi Hoàng-đế năm Ất-vị tức năm 206 trước Công-nguyên. Ông ở ngôi được 12 năm [206—194 trước Công-nguyên].

2. Tướng-quân đây là ám-chỉ ông Bái-công hay Hán Cao-Tô.

## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

Cho hay Đình-trưởng <sup>1</sup> khó thu công.  
Làm vua chỉ cạy ngồi trên ngựa,  
« Ấp-tồn » đâu còn cõ Để phong.

### Tạm dịch theo thể Lục-bát

Đảo-diên thử khách anh-hùng,  
Ông sai hai gái rửa chung chân mình.  
Gót rộng nước dội sạch tinh,  
Tựa giường tiếp khách bên cạnh phù-dung.  
Thư-sinh mà khí vẫn hùng,  
Làm cho Đình-trưởng khó lòng thu công.  
Chỉ quen trên ngựa ruồi-dong,  
Bao giờ thấy được thuận-phong «ung-hành»?

1. Đình-trưởng đây cũng là ông Bái-công, vì trước khi chưa nổi lên đánh nhà Tần và Sở-vương Hạng-vũ, ông Bái-công có làm chức Đình-trưởng trạm Tứ-thủy. Đình-trưởng ở Trung-quốc lúc bấy-giờ cũng như Đội-trạm ở nước ta ngày trước. Tại Trung-quốc, cứ 10 dặm là một trường-đình, có một Đình-trưởng trông-coi. Cứ 5 dặm là một đoan-đình, có một Phó Đình-trưởng trông-coi.

Theo Hán-thư chép: Lý-thực-Cơ làm chức Lý-giám-môn, vào yết kiến ông Bái-công, thì thấy ông đương ngồi duỗi chân trên giường, và sai hai đứa con gái rửa chân ông trong khi tiếp-kiến Lý-sinh.

Lý-sinh chỉ vái dài mà không lạy. Lý-sinh nói: «Túc-hạ tất muốn tru-diệt nhà Tần vô đạo, thì không nên kêu-ngạo tiếp-kiến kẻ trưởng-giã như thế».

Bấy-giờ, Bái-công mời thôi rửa chân, đứng dậy, bận áo, rồi mời Lý-sinh ngồi đề tạ lỗi.





## PHỬ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NĂM

Sau đây, ông Nguyễn-cu-Trình có vịnh Tứ thú [bốn cái thú-vị] là ngư [thú đánh cá], tiều [thú hái củi], canh [thú cày ruộng] và mục [thú chăn gia-súc] cộng bốn bài.

Ông lại hạn cứ mỗi câu thơ, thì chữ đầu câu phải là một chữ trong bát-âm là 8 thứ tiếng tức là : Bào, thồ, cách, mộc, thạch, kim, ti và trúc, mà bài nào cũng như thế.

### 3. 詠 漁 詩

金	翠	臨	河	又	向	溪
石	灘	蘆	渚	任	東	西
絲	牽	戲	蚌	爭	江	鷓
竹	引	懸	魚	怯	水	鷄
艸	盡	凝	花	猶	避	晉
土	茅	盟	帶	未	封	齊
革	愁	自	有	鳴	舷	曲
木	藉	流	琴	雜	鳥	啼

### Phiên âm

### 3. VỊNH NGƯ THI

Kim thúy<sup>1</sup> lâm hà hựu hướng kê,

1. Kim thúy: xuất từ sách Thuyết-văn có câu: « Đoán hoàng-kim chi điếu, thùy phi-thúy chi luân » 鍛黃金之釣, 垂翡翠之綸 nghĩa là: « Uốn lưỡi câu vàng, buông dây tơ biếc ».

## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NĂM

Thạch than, lô chủ nhậm đông tề.  
Ti khiên hí bạng tranh giang duật,  
Trúc dẫn huyền ngư khiếp thủy kê.  
Bào trản ngưng hoa do tị Tấn,  
Thồ mao minh đáí vị phong Tề.  
Cách sàu tự hữu Minh-huyền khúc,  
Mộc lại, lưu cầm tạp điều đề.

*Tạm dịch nghĩa đen*

### VỊNH THỨ ĐI CÂU CÁ

Mang cần câu đi tới sông, rồi lại tới khe,  
Thác đá, bến lau ở Đông hay Tây đều đến cả.  
Sợi tơ (dây câu) kéo con trai và con cò đương tranh nhau,  
Cần tre (cần câu) dẫn treo con cá, làm gà nước sợ-hãi.  
Chuyện cũ « bầu chén ngưng hoa » còn tránh nhà Tấn (ý nói lúc bấy-giờ có kẻ ần-giật đi câu, còn tránh làm quan với nhà Tấn. Tấn là con cháu Tư-Mã Ý đời Tam-quốc. Tích này xuất xứ từ bài phú « Ngư-phủ nhập Đào-Nguyên » của ông Đào-Tiềm về đời Tấn].  
Tích xưa « cát thồ phân mao » phong cho các chư-hầu, nhưng chưa được phong sang Tề. [Đày nói ông Thái-công Vọng [hay Lữ-Vọng] đương còn câu cá ở bến Vy, chưa gặp vua Văn-vương nhà Chu, nên chưa được phong sang nước Tề. [Trong lúc ông Lữ-Vọng đương đi câu ở bến Vy, vua Văn-vương nhân đi săn mới gặp được. Đến sau, ông Lữ-Vọng



## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NĂM

giúp vua Vũ-vương đánh Trụ-vương nhà Ân có công, nên  
được phong sang Tề].

Giải sầu đã có khúc ca « Minh-huyền ».

Cây kêu như tiếng sáo, nước chảy như tiếng đàn, xen lẫn  
với tiếng chim kêu.

### Tạm dịch theo thể Lục-bát

Cần câu dạo khắp sông khe,  
Bờ lau, thác đá đi về đông tây.  
Trai cò thử sức thật hay,  
Cần tre câu được cá này treo lên.  
« Bầu hoa lánh Tấn » còn truyền,  
« Phân mao hoạch thảo » chưa tuyên phong Tề.  
« Minh-huyền » khúc giải sầu-bi,  
Sáo cây, đàn nước xen kẻ chim kêu.

### 4. 詠 樵 詩

金	斧	丁	丁	响	隔	溪
石	岩	猿	鹤	伴	東	西
絲	開	萋	徑	清	山	虺
竹	破	叢	林	窳	野	鷄
艸	渡	有	人	危	屈	李



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

土 生 無 處 餓 夷 齊  
革 寒 况 有 來 蘇 望  
木 徑 行 過 笑 轉 啼

*Phiên âm*

### 4. VỊNH TIÊU THI

Kim phủ đình-đình thính cách kê,  
Thạch nham viên hạc bạn đông tê.  
Ty khai man kính thanh sơn hủy,  
Trúc phá tùng lâm thoán dã kê.  
Bào độ hữu nhân nguy Khuất, Lý,  
Thò sinh vô xứ ngã Di Tề.  
Cách hàn hưởng hữu lai tô vọng,  
Mộc kính hành qua tiểu chuyền đề.

*Tạm dịch nghĩa đen*

### VỊNH THỨ ĐI HÁI CỬ

Cách khe, người ta nghe tiếng búa inh tai,  
Các con vượn, con hạc khéo làm bạn với nhau ở đông tây  
núi đá.  
Với cái dây câu, người ta mở đường ở nơi cây cỏ rậm và  
tảo-thanh các con rắn núi.



## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NĂM

Với cái đòn gánh tre, người ta phá rừng rậm, làm gà rừng  
chạy trốn tán-loạn.  
Tại bến dò Bầu, có người nguy đến tánh-mạng như họ Lý  
và họ Khuất <sup>1</sup>.  
Đất nuôi sống nhân-dân không có chỗ nào xấu, làm người  
ta phải chết đói như ông Di, ông Tề <sup>2</sup>.  
Đã qua khỏi mùa rét, phương chi lại có hy-vọng được người  
tới cứu sống.  
Đường cây trong núi đi qua rồi lại cười và kêu-van.

### Tạm dịch theo thề Lục-bát

*Inh tai, tiếng búa cách khe,  
Núi đồi hạc, vượn bạn-bè dòng tay.  
Đuôi rắn độc, phá cỏ cây,  
Mở toang rừng rậm, xua bay gà đồng.  
Đò Bầu là bến ngại-ngùng,  
Chết như Khuất, Lý đau lòng xiết bao!  
Đất xấu chẳng có nơi nao,  
Làm người chết đói khác nào Tề, Di.  
Mong người cứu sống có khi,  
Đường cây đi quá cười khi lại kêu.*

1. Khuất là Khuất-Nguyên. Lý là Lý-Bạch.

Buổi xưa, ông Khuất-Nguyên và ông Lý-Bạch đều bị chết đói.

2. Di là ông Bá-Di. Tề là ông Thúc-Tề.

Buổi xưa, hai ông Bá-Di và Thúc-Tề không chịu thần-phục nhà Chu, vào ẩn ở núi Thú dương rồi chết đói ở đấy.



5. 詠 耕 詩

金	耨	足	導	溉	田	溪
石	岸	懸	蓑	日	已	西
絲	滿	囑	妻	謀	積	蟹
竹	鞭	携	稚	趁	鳴	鷄
匏	樽	祝	社	先	心	潔
土	草	開	菑	耦	力	齊
革	命	待	逢	三	聘	後
木	犁	拋	下	拯	哀	啼

*Phiên âm*

5. VỊNH CANH THI

Kim sử túc đạo khái điền khô,  
Thạch ngạn huyền thoi nhứt dĩ tê.  
Ty kiến chúc thê mưu tích giải,  
Trúc tiên huê trī sấn minh kê.  
Bào tôn chúc xā tiên tâm khiết,  
Thò thảo khai truy ngẫu lực tề.  
Cách mệnh đāi phùng tam sính hậu <sup>1</sup>,  
Mộc lê phao hạ chứng ai đề.

1. Tích xưa, ông Y-Doãn đương đi cày ở đất Hữu-sản, bỗng được vua Thành-Thang cho mời ba lần, ông mới chịu nhận lời ra giúp vua Thành-Thang đánh được Hạ-Kiệt, vua Thành-Thang tôn xưng ông là A-Hành.

Sau khi vua Thành-Thang tạ thế, cháu là Thái-giáp vô đạo, ông Y-Doãn bắt phải ra ở Đông-cung ba năm hối cải rồi mới được trở về làm vua.



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

### Tạm dịch nghĩa đen

#### VỊNH THỨ ĐI CÀY RUỘNG

Ruộng tưới nước đầy, người ta dậm chân lên bừa sắt để  
bừa đất cho kỹ.  
Cái tôi được treo ở bờ đá, lúc bấy giờ mặt trời đã xế về  
tây.  
Dặn-bảo vợ lo chứa giành cua đồng để quay với kén tằm,  
Với cái roi tre, người đi cày kia dắt đừa trở theo đuôi lũ gà  
đồng đương gáy.  
Hãy gìn-giữ lòng cho thanh-thiết trước khi dâng bầu đựng  
rượu tế xã [tế thần ruộng đất],  
Rồi người ta đua sức nhau khai-phá đám ruộng đã cày vỡ  
hiện cỏ đã mọc rậm.  
Đợi sau khi cách-mạng thành-công, nhà vua mời ba lần,  
Sẽ quăng cày bừa đi để ra tay cứu giúp nhân-dân đương  
than-van khổ-sở.

### Tạm dịch theo thẻ Lục-bát

Ruộng kia ta giậm chun bừa,  
Tôi treo bờ đá bóng vira xế tây.  
Cua quay kén, dặn vợ hay,  
Roi tre dắt trở đuôi bầy gà kêu.  
Rượu bầu tế xã mang theo,  
Phá toang đám ruộng phi-nhiên cùng cày.  
Sau khi vua rước làm thầy,  
Ra tay cách-mạng quăng cày cứu dân.



## PHỤ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

### 6. 詠 牧 詩

金	經	掛	角	扣	前	溪
石	白	松	青	野	照	西
絲	織	臨	湖	安	木	鳥
竹	吹	投	隴	闕	莎	鷄
輓	懸	北	地	終	須	漢
土	唱	南	山	未	相	齊
革	禍	每	從	牛	口	得
木	殮	草	箸	莫	憂	啼

### *Phiên âm*

### 6. VỊNH MỤC THI

Kim kinh quải giốc khẩu tiền kê,  
Thạch bạch tùng thanh dã chiếu tê.  
Ty chức lâm hồ an mộc điều,  
Trúc xuy đầu lũng đấu sa kê.  
Bào huyện Bắc địa chung tu Hán,  
Thồ xướng Nam sơn vị tướng Tề.  
Cách họa mỗi tùng ngư khâu đắc,  
Mộc xan thảo trợ mạc ưu đề.





## PHỤ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NĂM

### Tạm dịch nghĩa đen

#### VỊNH THỨ CHẶN TRÀU

Sách treo nơi sừng trâu, vừa gõ sừng vừa đi đến khe,  
Thấy đá trắng, tùng xanh, tới dòng què thì đã xế chiều.  
Vớ dây tơ, tới hồ, trẻ chẵn trâu thả điều gỗ {điều giấy},  
Vớ cái sáo bằng tre, trẻ chẵn trâu thổi để đùa vớ loài  
trùng kêu.

Bầu treo đất Bắc, sau về vớ nhà Hán,  
Thờ hát bài Nam-sơn, chưa giúp nước Tề.  
Cách họa đều do miệng con trâu mà được,  
Mâm ăn cơm bằng gỗ, đĩa bằng tre, có phải lo buồn gì  
đâu.

### Tạm dịch theo Đường-luật, thề Thất-ngôn

Sừng trâu treo sách tới đầu khe,  
Đá trắng, tùng xanh cảnh ruộng què.  
Hồ nọ buông dây yên mọc điều<sup>1</sup>,  
Gò kia thổi sáo đấu sa-kê<sup>2</sup>.

---

1. Mọc điều: con điều giấy mà trẻ chẵn trâu hay thả chơi.

2. Sa-kê: một loài côn-trùng ở các gò mả, gò đất.



## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NĂM

Bầu treo đất Bắc sau về Hán <sup>1</sup>,  
Đất xương non Nam chữa giúp Tề <sup>2</sup>.

1. « Bào huyền Bắc địa chung tu Hán » là tích xưa nói về Trương-Lương ở nước Hàn (Bắc-địa) như sau :

Sách Tây-Hán ký chép : Nhà Trương-Lương đã năm đời làm tướng nước Hàn. Đến khi nhà Tần diệt nước Hàn, bắt sống vua Hàn là Yên (tại năm Tân-vị — 230 năm trước Công-nguyên). Bấy-giờ Trương-Lương lo phục thù cho Hàn.

Năm Quý-vị (218 năm trước Công-nguyên), Tần Thủy-Hoàng đi Đông-du, Trương-Lương rình đánh không trúng Tần Thủy-Hoàng, mà lại trúng phó-xa tại Lãng-bạc.

Tần-Thủy Hoàng ra lệnh truy-nã Trương-Lương trong hạn mười ngày.

Đến khi người ta tìm vào ngôi nhà mà trước kia Trương-Lương ở, thì chỉ thấy một quả bầu khô treo lủng-lẳng ở trong nhà.

Người ta hỏi : « Trương-Lương ở đâu ? » thì chỉ nghe một tiếng « dạ » từ trong quả bầu thốt ra, mà không thấy người. Bấy-giờ người ta đem quả bầu ấy về trình Thủy-Hoàng. Thủy-Hoàng tức giận, bèn đập bể nhỏ quả bầu ấy. Người đời bấy-giờ cho là Trương-Lương có phép tàng hình.

Sau đó, Trương-Lương tìm giúp Hán Cao-tổ đánh diệt nhà Tần để rửa thù cho nước Hàn, rồi họ Trương bèn tịch cốc tòng tiên.

2. « Thổ xương Nam-sơn vị tướng Tề » là tích xưa nói về Ninh-Thích. Ninh-Thích là người nước Vệ, vào đời Xuân-thu.

Nguyên Ninh-Thích nhà rất nghèo, phải đi kéo xe cho người ta kiếm tiền mà nuôi sống.

Vào nước Tề, Ninh-Thích gõ sừng trâu mà hát bài :

« Nam-sơn hoán, bạch thạch lãn, « 南山煥, 白石爛.

Trường dạ man-man hà thời đán ? 長夜漫漫何時旦 ?

Sinh bất phùng Nghiêu dữ Thuấn... » 生不逢堯與舜... »

Nghĩa là :

« Núi Nam-sơn rực-rỡ, rực rỡ đá trắng.

Dằng-dặc đêm dài biết bao-giờ sáng ?

Sinh chẳng gặp thời vua Nghiêu và vua Thuấn.

Tề Hoàn-công rất lấy làm lạ-lùng, mới sai Quản-Trọng mời vào yết-kiến, rồi Hoàn-Công cho làm chức Thượng-khanh. Về sau, Ninh-Thích được thăng chức Tướng-quốc nước Tề.



## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NĂM

Nhờ miệng con trâu mà được cử<sup>1</sup>,  
Đũa tre, mâm gỗ, chớ lo chi.

### Tạm dịch theo thể Lục-bát

Sừng trâu đeo sách trước khe,  
Thông xanh, đá trắng, đồng què xẻ chiêu.  
Tời hồ dày thả buông diều,  
Qua gò thối sáo trùng kêu rầu-rầu.  
Chuyện xưa đất Bắc treo bầu.  
Hát câu « Thạch-lạn » về sau tướng Tề.  
Miệng trâu cất Bách-Lý-Hề,  
Đũa tre, mâm gỗ chẳng hề lo âu.

### 7. 擬 過 賈 誼 宅

〔和 唐 長 卿 原 韻〕

鵬 鳥 爭 堪 問 數 遲  
超 遠 何 喜 謫 何 悲

1. « Cách họa mỗi tùng ngư khâu đắc » là nhờ miệng con trâu mà được khỏi họa, là tích xưa nói về Bách-Lý-Hề.

Bách-Lý-Hề, người đời Xuân-thu, là một vị hiền-tướng của Tần Mục-công.

Ban đầu, Bách-Lý-Hề thờ Ngu-công 7 năm mà không được tri-ngộ. Bách-Lý-Hề biết Ngu-công sắp bị mất, không can-gián mà bỏ đi sang nước Tần tự bán da con dê đen, và đi ở nuôi trâu cho người ta.

Đến sau, Tần Mục-công dùng Bách-Lý-Hề làm tướng-quốc trong 7 năm mà Tần Mục-công trở thành nghiệp Bá.



## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NĂM

黃 頭 更 入 軒 丁 夢  
青 簡 難 行 絳 灌 時  
清 恨 暗 留 壺 井 在  
孤 貞 明 許 石 床 知  
憐 君 還 有 幸 君 意  
宣 室 未 輕 天 一 涯

### Phiên âm

#### 7. NGHĨ QUÁ GIÁ-NGHỊ TRẠCH [HỌA ĐƯỜNG TRƯỜNG-KHANH NGUYÊN VẬN]

Phục điều tranh kham văn sắc trì,

Siêu-thiên hà hỉ, trích hà bi.

Hoàng đầu <sup>1</sup> cánh nhập Hiên, Đinh mộng <sup>2</sup>,

Thanh-giản nan hành Giáng, Quán thì <sup>3</sup>.

1. Hoàng đầu là đầu vàng. Tích xưa, vua Hán Văn-đế [con Hán Cảnh-đế] nằm mộng thấy một người đầu đội khăn vàng đun-đầy nhà vua lên trời. Lúc nhà vua thức dậy, mặt xét thì có Đặng-Thông giống như người mà nhà vua thấy trong mộng.

2. Hiên, Đinh. Hiên là vua Hiên-viên Hoàng-đế nhân nằm mộng mới tìm được ông Phong-hậu và ông Lực-mục đều là hiền-thần.

Đinh là vua Vũ-Đinh [con vua Tiều-Ất] nhà Ân hay nhà Thương cũng nhân nằm mộng mà tìm được ông Phó-Duyệt là bậc đại hiền-thần.

3. Giáng, Quán. Giáng là Giáng-hầu Chu-Bột. Quán là Quán-Anh. Dầu vua Hán Văn-đế có yêu ông Giá-Nghị, nhưng ông Giá-Nghị cũng không thể cùng làm việc với hai người ấy được, vì hai người ấy đều là hạng nịnh-thần thường dèm pha ông. Đến sau Giá-Nghị phải bị trích-giáng đi Trường-sa.



## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NĂM

Thanh hận âm lưu hồ-tĩnh tại <sup>1</sup>,  
Cô trình minh hứa thạch-sàng tri <sup>2</sup>.  
Lân quân hoàn hữu hạnh quân ý,  
Tuyên-thất vị khinh thiên nhứt nhi <sup>3</sup>

### *Tạm dịch nghĩa đen*

#### ĐI QUA NHÀ ÔNG GIÁ-NGHỊ [HỌA NGUYỄN-VẬN BÀI THI CỦA TRƯỜNG - KHANH ĐỜI ĐƯƠNG]

Hỏi điềm chim phục-điều ứng mau hay là chậm,  
Có được thăng chức cũng không mừng, mà bị trích-giáng  
cũng không buồn.  
« Hoàng-dầu » đã nhập vào giấc mộng vua Hiên và vua  
Đinh,  
« Thanh-giản » dầu được vua yêu, nhưng không thể cùng  
làm việc với tên Giáng và tên Quán được.  
Nỗi lòng tức-giận của Giá-Nghị còn lưu ở giếng hồ,

---

1. và 2. Sách Sử-ký có nói: Giá-Nghị có đào một cái giếng tại nơi nhà ông ở rất nhỏ và rất sâu, trông như hình cái hồ [cái bình], bên cạnh giếng có một cái giường đá [thạch sàng] chỉ vừa một người ngồi. Người đời tương-truyền nói đó là nơi Giá-Nghị thường ngồi.

3. Tuyên-thất là ngôi nhà mà vua Hán Văn-đế cho tìm ông Giá-Nghị vào tiếp-kiến.

Giá-Nghị là một nhà học-vấn uyên-thâm, văn-chương lỗi-lạc, đồng thời là một chính-trị-gia dưới triều Hán Văn-đế. Khi nhà vua nghe lời dèm-pha mà trích-giáng ông ra Trường-sa, ông có làm một bài phú điệu Khuất-Nguyên tự trầm ở sông Mịch-la rất hay, được người đời truyền-tụng.



## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NĂM

Tắc lòng cô-trình của ông chỉ có giường đá biết rõ.  
Thương nhà người, mà lại lấy làm may-mắn cho nhà người.  
Nhà Tuyên-thất chưa trải qua một chân trời.

### Tạm dịch theo thể Lục-bát

Điền chim Phục chậm hay mau?  
Thăng nào vui-vẻ, giáng dàu buồn-rầu.  
Hiên, Đình ửng mộng « hoàng-đầu »,  
Vua yêu cũng khó Quán, Châu đồng bàn.  
Giận ai trơ giếng nước tràn,  
Cô-Trình chỉ có « Thạch-sàng » biết chẳng?  
Thương ông may cũng biết rằng:  
Gần nơi Tuyên-thất xa bằng thiên-nhai.

### 8. 夜 飲 詩

醒	人	何	苦	獨	行	吟
繼	晷	留	朋	且	對	斟
手	燭	尚	思	價	晝	短
情	杯	安	用	問	更	深
是	非	久	鬧	開	雷	耳
理	亂	俄	忘	醉	月	心
何	必	山	中	醪	然	好
浮	生	千	日	幾	分	陰



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

### Phiên âm

#### 8. DẠ ÂM THI

Tĩnh nhân hà khồ độc hành ngâm,  
Kể quĩ lưu bằng thả đối châm.  
Thủ chúc thượng tư thường trú đoản,  
Tĩnh bôi an dụng vấn canh thâm.  
Thị phi cứu não vấn lời nhi,  
Lý loạn nga vong túy nguyệt tâm.  
Hà tất sơn trung minh nhiên hảo,  
Phù-sinh thiên nhựt kỷ phân âm?

#### *Tạm dịch nghĩa đên*

#### 8. UỐNG RƯỢU ĐÊM

Người tỉnh rất là khồ-sở khi ngâm vịnh một mình,  
Ta hãy chấp-nối thi-giờ để lưu bạn lại cùng nhau đối âm.  
Có được cầm tay, còn lo bù vào ngày ngắn,  
Chén rượu tình-tự như vậy, hỏi canh chầy làm chi.  
Những điều phải trái ở đời đã làm rộn, chán ngấy lỗ tai,  
Những cảnh trị loạn, hễ say rượu thì quên hết thấy.  
Cần gì, say mèm ở chốn sơn trung mới là vui,  
Vì cảnh phù-sinh, người ta sống được bao-nhiều ngày?



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

### *Tạm dịch theo Đường-luật, thề Thất-ngôn*

Ngâm-vịnh một mình khổ lắm thay,  
Hãy lưu bạn chén suốt đêm này.  
Ngắn ngày thêm duốc cho nhà sáng,  
Cạn chén đừng ai hỏi khắc chầy.  
Việc thế dở hay tai chán ngấy,  
Cuộc đời trị loạn rượu quên ngay.  
Chi bằng trong núi vui cùng bạn,  
Kiếp sống người ta được mấy ngày?

### *Tạm dịch theo thề Lục-bát*

Một mình thật khổ ngâm-nga,  
Hãy lưu bạn chén cùng ta đêm này.  
Ngắn ngày đốt duốc để thay,  
Chén tình nào kẻ canh chầy đêm khuya.  
Dở hay thêm rộn tai nghe,  
Cuộc đời trị loạn say nhè quên chẳng?  
Sơn trung chén rượu chi bằng...  
Ngàn ngày kiếp sống phỏng chừng được bao?

Ông Nguyễn-cư-Trinh lại có bài thơ « Mộ vũ lưu khách »  
kèm với bài tự [bài mở đầu] như sau :





暮 雨 留 客 序

玉何方霑幾？想，宣；容。陰為竊監，逢妨將；情  
 。以金柳有。坂。夢秋」光難，靡機；何；寒；  
 老郡；折心聊絕懷春而樓惜，儒符無日；可君盡  
 日泉流；盟無轡裝之月之；客鴻分甕今深不暖不  
 生酒下濕，目總訴年六邊齋雜有雖抱期言而薄之  
 孤；未帶丹舉；牒十恆弄不無笑。而豈在天。言  
 ；入火荷鷄，河；破，建之來；室；。要回堪。  
 平未而殘白黑長袖，雨裕[149a]。門之營徑。欲猶塞：  
 時而時。犬土纓染雲苦德候過之馨五三鄉。以我詩  
 虜關？伏。黃濯塵貼樓唐氣已素芳屬牽故久晷開于  
 醜門言中泥水其烟室弄「傷之清慕事情此坐繼請見



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

暮 雨 留 客 詩

坐 悵 天 光 挽 不 回  
無 端 陰 雨 去 還 來  
戈 鋌 已 在 前 年 洗  
松 竹 都 歸 故 里 栽  
素 履 未 宜 濡 旅 服  
催 燈 且 共 罄 餘 杯  
陽 開 對 此 情 無 限 [149b]  
一 夕 勝 如 一 卷 開

*Phiên âm*

MỘ VŨ LƯU KHÁCH THI, TINH TỰ VÂN:

Xú lỗ thời bình ; cô sinh nhựt lão. Ngọc-môn quan nhi vị nhập ; tửu-tuyền quận dĩ hà ngôn ? Thời nhi hoá vị hạ lưu ; kim phương trung phục. Tàn hà đái thấp ; chiết liễu triêm nê. Khuyển bạch kê đan, minh tâm hữu kỷ ? Thủy hoàng thồ hắc, cử mục vô liêu. Tưởng kỳ trạc anh Trường-hà ; tông bí tuyệt phản. Yên trần nhiệm tự ; điệp tổ trang hoài.

Tuyên-thất chiêm vân, phá thập niên chi xuân mộng ; Trù lâu khồ vũ, hằng lục nguyệt nhi thu dung [Đường Đức-Dụ kiến Trù-biên chi lâu]. Thương khí-hậu chi bất tề ; tích quang-âm chi



## PHỤ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NĂM

đĩ quá. Lai vô tạp khách, nan vi thanh - tổ chi môn; tiểu hữu hồng-nho, thiết mộ phương-hình chi thất. Tuy phân phù mĩ cò, sự thuộc ngũ dinh; nhi bảo ứng vô cơ, tình khiên tam kính. Khi kỳ kim nhật; phùng thử cổ hương. yếu tại ngôn thâm; hà phường toạ cửu. Dục 'hồi thiên nhi bất khả; tương kế quĩ dĩ do kham. Bạc noãn quân hàn; thỉnh khai ngã tắc. Ngôn chi bất tận, tình kiến vu thi:

### MỘ VŨ LƯU KHÁCH THI:

Toạ trướng thiên-quang vãn bất hồi,  
Vô đoan âm-vũ khứ hoàn lai?  
Qua đình dĩ tại tiền niên tày,  
Tùng trúc đô qui cổ lý tài.  
Tổ lý vị nghi nhu lữ phục,  
Thôi đặng thả cộng khánh dư bôi.  
Dương-quan đối thử tình vô hạn,  
Nhứt tịch thẳng như nhứt quyền khai.

### *Tạm dịch nghĩa đen*

Bài thơ « Mưa chiều lưu khách » kèm theo bài tự

[bài mở đầu] như sau:

Lúc giặc đã yên, thì tuổi càng già. Cứ ở mãi cửa Ngọc-môn và quận Tửu-tuyền là nơi biên-giới, chưa làm sao về được, biết nói năng gì đây?

## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

Đương lúc hạ qua, thu tới, sen tàn, liễu úa, trông đến cảnh rừng xanh nước đục, nào ai là bạn đồng tâm để nói những câu chuyện cho khuấy-khoả nỗi lòng buồn-tẻ.

Hồi tưởng lại những lúc giặt giải mũ ở sông Trường-hà, cầm cương ngựa ở nơi Tuyết-bản [chốn xa-tít], khói và bụi đầy tay áo, tờ điệp-tấu để sẵn trong mình. Khi thì Tuyên-thất xem đám mây bay, phá được mười năm xuân mộng. Khi thì Trù-lâu<sup>1</sup> gặp buổi mưa dầm, thường mới tháng sáu mà có vẻ như mùa thu đã tới. Thương thay khi-hậu không được điều-hoà; tiếc nhĩ quang-âm đã qua mau-chóng. Tuy ra vào không có tạp khách, nhưng khó làm một nhà thanh-cao; may cười nói có bạn hồng-nho<sup>2</sup>, để trộm mếm những nhà đức-vọng. Dầu việc quan có phần bận-bịu, nhưng việc đều thuộc về Ngũ-dinh<sup>3</sup>; nếu cơ-hội có dịp trở lui, thì tình bao-giờ cũng nhớ tam-kính<sup>4</sup>. Nào ngờ ngày nay lại gặp được bạn ở làng cũ, để nói những câu chuyện tâm-tình, thì có ngần-ngại gì mà không ngồi lại cho lâu hơn nữa.

Tuy không thể xoay-vặn được trời đất lại, nhưng cũng cố-gắng nói thêm thi-giờ để trò-chuyện cho ấm-nồng lòng bạn, và để cởi-mở những nỗi thắc-mắc trong lòng ta.

Nói-năng không thể nào hết lời được, cho nên cảm-tình mới phát-lộ ra thơ như sau :

---

1. Trù-lâu: Ông Đức-Dụ đời nhà Đường có dựng một cái lầu để trú-tĩnh việc biên-cương. Lầu ấy được gọi là Trù-lâu.

2. Hồng-nho là nhà nho giỏi, có tiếng-tâm rất lớn.

3. Ngũ-dinh là năm dinh. Về đời các chúa Nguyễn, từ sông Gianh là nơi phân-giới giữa Nam và Bắc trở vào Nam, đất nước được chia làm 5 dinh.

4. Tam-kính là nơi về cái cảnh làm quan về hưu.



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

### Tạm dịch theo thề Lục-bát

« Buồn không kéo được thiên-quang,  
Mưa dầm luống những phù-phàng thâu canh.  
Năm qua rửa giáo sáng tinh,  
Trúc từng nay muốn trở quanh về tròng.  
Nhà nhờ lữ phục<sup>1</sup> khó trông,  
Đốt đèn ta hãy uống cùng nhau chơi.  
Dương-quan kẻ ở người lui,  
Mười năm đọc sách kém vui đêm này<sup>2</sup>.

### Tạm dịch theo thề Thất-ngôn

Buồn-bã khôn lui lại mặt trời!  
Mưa dầm tầm-tả suốt canh dài.  
Can qua năm trước tay từng rửa,  
Tùng trúc làng xưa bước muốn lui.  
Áo mặc, dậm đường chi đã vội,  
Đèn chong, chén rượu hãy còn vui.  
Hương-quan đối cảnh, tình khôn xiết,  
Đọc sách mười năm cũng kém vui....



1. Lữ phục là áo đồ đê mặc trong lúc đi đường xa.

2. Cổ-thi có câu : « Dĩ quân nhưt tịch thoại, thắng độc thập niên thư » nghĩa là : Cùng nhà người nói chuyện một đêm, còn hơn đọc sách mười năm.



## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NĂM

Ông Nguyễn-cư-Trình có phúc thư cho Tổng-binh hạt Hà-tiên là Tôn-đức-hầu [tức Mạc-thiên-Tứ]. Thư ấy như sau :

Ngày trước, Bử-nhàn có tiếp-nhận được thư Ngài khuyên-lơn nên đọc sách rất bổ ích, và dặn-bảo Bử-nhàn hễ có những công việc gì quan-trọng, thiết-yếu, hoặc có mưu-lược gì cao-siêu, thì dùng văn-chương nói cho Ngài biết....

Ngày nay, một lần nữa, Ngài lại khuyên-lơn và dặn-bảo tôi như thế...

Tôi thiết nghĩ Ngài khuyên trách tôi như vậy, tức là Ngài đã dạy-dỗ cho tôi đó.

Ý-khi cao-cả của Ngài đối với tôi khẩn-thiết và ân-cần biết chừng nào, khiến tôi vừa cảm-động, lại vừa thẹn-thường.

Đại-phàm người ta, khi được ăn con cá tươi-béo bắt ở ao, cũng nên biết ơn người đã đan lưới ; khi được ăn thứ quả ngon-ngọt hái ở vườn, cũng nên biết ơn người đã trồng cây mới phải. Ấy là những việc nhỏ-nhen không ích-lợi bao-nhiều, mà còn phải biết ơn, nhớ ơn như thế.

Hướng chi ngày nay, Ngài lại mong muốn cho tôi làm được những việc kinh thiên vĩ địa [ngang trời dọc đất]. Ngài lại công-nhiên giúp-dỡ tôi về phương diện đạo-nghĩa, thì có [150a] lẽ nào tôi lại dám quên-lãng những sự lợi-ích to-lớn ấy từ đầu mà đến ?

Nay tôi bình tâm tĩnh trí mà tự xét, tuy có lượm-nhặt hết cả ngọc hoàn của các loài chim bay trên không-trung, và thâu-thập hết cả ngọc châu của các loài trai, cá lặn sâu dưới đáy



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

nước, mà đề vào cho đầy binh, cũng chưa đầy-đủ, chưa xứng-đáng thay, chứ thư phúc-đáp đầu đã dám gọi là văn-chương.

Tôi từng nghe nói người đời xưa đi học là lấy gò đạo [đạo khâu] làm thịt ăn, nghiêng vực đức [đức uyên] làm rượu uống, kết-hợp trăm nét [bách hạnh] mà làm nhà ở, gom-góp muôn điều lành [vạn-thiện] mà làm mũ đội. Nói thì nên nói vào những lúc cần phải nói, hẳn không có việc gì là không trúng đích; làm thì nên làm vào những lúc cần phải làm, hẳn không có việc gì là không thành-công. Học-tập, tu-dưỡng ở trong nhà mình, rồi đem phát-triển, phổ-biến ở nơi Vương-đình [sân nhà vua, là triều-đình]; tu-luyện ở trong nước, rồi đem thi-thố ở những nơi tuyết-vực [các nước xa-xôi ở ngoài biên-cương]. Như thế mới gọi được là những người có tài học, có sở-đắc đạo-lý của Thánh-hiền.

Còn như Bỉ-nhân thì đầu được như thế. Triều-đình lựa-chọn tôi đây, chỉ căn-cứ vào chỗ hàn mặc [bút mực] nhỏ-nhen của tôi, mà đặt tôi lên trên các hàng lại-thuộc và nhân-dân, và lục-dụng [150b] tôi nhờ có chân tập-ấm, rồi giao-phó cho tôi trọng-trách ở chốn biên-cương. Đối với tôi, như thế thật đã quá vinh-hạnh và gặp thời lắm rồi.

Nếu không thế, thì tôi không thể nào áp-dụng được cả kinh lẫn quyền, đề trong triều-đình và ngoài biên-quận khỏi bị gián-cách.

Họ Triệu, họ Mạnh <sup>1</sup> ngày xưa, mở rộng thêm biên-cương,

---

1. Họ Triệu và họ Mạnh đều là hàng đại-phu nước Tề. Thiên Vy-tử sách Mạnh-tử có nói: Đức Khổng-tử đi sang nước Tề để xem vua Tề

→



## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NĂM

không kém nghìn dặm; vua Cao-tông [miếu-hiệu vua Vũ-đinh nhà Ân] thuở trước, đem quân đi bắt giặc, không đợi ba năm [thành-công mau-chóng]. Nay tôi chỉ biết ái-mộ cái đức-độ rộng-lớn của Hoàng-công [người nước Tề có đức lớn khiêm-ty]. Còn như tôi có làm rộng thêm đất được ít nhiều, thì cũng chẳng bỏ ích gì cho ai. Tôi chỉ biết khen-ngợi ông Nam-Trọng<sup>1</sup> giữ toàn được ba quân. Còn vì sao mà ông Nam-Trọng giữ toàn được, thì tôi cũng không biết đến. Đối với kế-hoạch « Tam-biêu ngũ nhĩ »<sup>2</sup> thì tôi như người trong giấc mộng nói mơ. Đối với giáo-hóa « Cơ nguyệt tam niên »<sup>3</sup> thì tôi càng hoang-mang như người trông ra biển cả, chẳng thấy bờ-bến ở đâu.

Tôi nay ra vào vẫn còn cố-chấp, câu-nệ, tiến thối đương còn dụng-chạm vấn-vương, thế mà Hiền-hầu [chỉ Mạc-thiên-Tứ] lại cho tôi là người có khả-năng ư?

Đại-phàm bèn trong có sào rộng, thì mới lan-tràn ra bèn

---

→  
có trọng-dụng, thì Ngài đem đức-chính thi-hành. Nhưng vua Tề nói với các quan trong triều rằng: Nếu Trẫm dùng ông Khổng-tử, thì chỉ dùng vào hàng đại-phu [hàng thứ hai] như họ Triệu, họ Mạnh, chứ không dùng vào hàng Tề-tướng [hàng đầu].

1. Thiên Tiều-nhã, chương Xuất-xa kinh Thi có nói: « Hách-hách Nam-trọng, Hiêm-doãn vu tương » nghĩa là « Đại tướng-quân Nam-trọng uy-danh hiền-hách, nạn rợ Địch được tiêu-trừ ».

2. « Tam-biêu ngũ nhĩ » xuất từ « Trị-an sách » của Giá-Nghị. Giá-Nghị là một nhà đại học-vấn và chính-trị dưới triều vua Hán Văn-đế [179-157 trước Công-nguyên].

3. « Cơ nguyệt tam niên » là chính-sách giáo-hóa của Đức Khổng Phu-tử. Ngài nói: Nếu Ngài được dùng, thì việc giáo-hóa sau một năm đã khá, sau ba năm thì thành-công tốt-đẹp.





## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

ngoài, [151a] chỗ nào cũng khắp; nơi gần đã đi tới được, thì nơi xa cũng có thể đến được. Tôi đây chỉ là người có đọc sách, còn độ-lượng như thế, hành-động như thế, thật chưa đáng được Hiền-hầu đề mắt tới. Tôi chẳng những là một người kém về thức-giám<sup>1</sup>, mà còn không hiểu biết ngũ-hành, không hiểu lục-dinh, thì Hiền-hầu cũng có thể biết đại-khái tôi là kẻ không có tài-năng, mà Hiền-hầu lại cho tôi là người thật có sở-đắc đạo-lý Thánh-hiền ư?

Tuy nhiên, người ta không thể nào xa-rời đạo mà thành người được, đạo cũng không thể nào xa-lia người mà thành đạo được. Mọi việc gì cũng gốc ở đạo, mà đạo lại bao-hàm ở trong việc làm.

Đạo không có định danh, không có định hình, chia ra thì là tam-tài [thiên, địa, nhân là trời, đất và người], hợp lại thì là lục-tịch [tức lục-kinh là Thi, Thư, Lễ, Nhạc, Chu-dịch và Xuân-thu]. Nay nếu có người hoặc biết thu cuốn vào và rút ngắn lại, hoặc biết phát-triển mà mở rộng thêm ra, thì ai lại bảo là không nên? Tự người ta xem-xét có người vốn lấy chính-đạo [151b] mà được việc, có người vốn lấy kỳ mưu mà được việc, có người không cầu điều gì mà không được, có người không đi nơi nào mà không được.

Đạo thì chỉ có một đạo mà thôi, còn danh-xưng không đồng nhau, là tùy theo địa-vị từng người làm công-việc khác nhau vậy.

---

1. Thức giám là nhãn-lực, là tầm mức hiểu biết.

## PHỤ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NĂM

Ngày trước, có một người thầy thuốc thường làm bạn với một thầy thuốc giỏi, mà lại hay còng-kích những kẻ khác với mình.

Một người mang tên là Dược, còn một người mang tên là Thạch.

Tên Thạch bảo tên Dược rằng: « Nếu anh làm ơn cho tôi đề giúp-đỡ cho người ta, thì tôi không bao-giờ dám quên ơn anh ».

Tên Dược bằng lòng nhận lời, mới đưa cho bạn vị thuốc Suru-bột mà mình đã tìm-kiếm được. Vợ người bạn [tức vợ tên Thạch] cho là vật dơ-bẩn, nổi cáu, mắng chông, suýt nữa bỏ chông.

Như vị thuốc Suru-bột, đối với nghề làm thuốc, thì không thể cho là dơ-bẩn mà nổi cáu lên được, chỉ có khi nào nên dùng, khi nào không nên dùng, thì tùy từng trường-hợp mà thôi.

Bỉ-nhân từ hồi còn niên-thiếu, nhờ những quyển sách của tiền-nhân còn sót lại, và học trộm được những tào-phách [cặn-bã] của bao-nhiều đời trước, nếu được cái gì, chỗ nào đặc-ý, thì tôi ghi-nhớ vào lòng mãi không thôi, lại còn lựa phở vào đàn vào dây để cùng tiến-bộ mãi. Rồi đến thời-gian được ra làm quan, [152a] hễ mình muốn làm thế này, thì kết-cuộc lại ra thế khác, dần-dần chỉ gìn-giữ được phần nửa công-việc mà thôi. Thế mà ngày nay lại không còn được một hai phần nữa.

Cũng chỉ là một người ấy thôi, nay tôi chưa đến năm mươi tuổi đầu, mà đã có những lúc thì như sao Cơ [sao ưà làm gió],



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

những lúc thì lại như sao Tất [sao ưa làm mưa], có phải là địa-vị và hoàn cảnh đã xui-khiến như thế hay không?

Tôi từng trộm nghe Hiền-hầu ở địa-vị cao-qui mà thường khiêm-tốn, có độ-lượng rộng lớn mà hay bao-dung, tha-thứ cho những kẻ phạm tội-lỗi, và rất trọng lời hứa của mình.

Hiền-hầu kính-trọng mệnh-lệnh nhà vua như ở gần trong gang tấc, thế là phù-hợp với ông Tiều-Bạch [tức Tề Hoàn-công] theo-đuôi chính-nghĩa tôn Chu. Cần-mẫn việc thi-tuyển ở quận, mà thường phạt công-minh, thế là ái-mộ ông Bảo-Chân rất mực trung-thành với nhà Đường. Tri ngài muốn làm vương, thì ai mà xoay tròn lại được. Nghĩa Ngài muốn làm tròn, thì ai mà xoay vương lại được. Ngài nói một câu, thì trăm người vâng lời. Ngài làm một việc, thì trăm người theo ý. Thế mà Ngài không sờn da, không vương tay. Thế mà Ngài không tự-mãn, tự-túc, không thôi học-hỏi. Hễ gặp được một điều thiện, một việc hay, thì lòng Ngài sung-sướng như lên được chốn đài Xuân, [152b] thật bỉ-nhân này không sao làm được như thế. Chẳng những bỉ-nhân không thể làm được, lại còn sợ làm được mà không chu-đáo, mà dầu có chu-đáo cũng không thể nào kịp Ngài được. Tại sao lại như thế? Bởi vì người đã chú ý đến tiếng vang nhỏ thì thường không nghe được những tiếng sấm lớn, người đã đề ý xét những việc nhỏ-nhất thì thường không trông thấy hình lớn. Cứ suy xét ở chuyện tên Dục, tên Thạch kể trên thì đủ thấy rõ, bởi lẽ người ta không bao giờ nghĩ ra ngoài vị-trí, phạm-vi của mình. Đó là điều mà Hiền-hầu đã soi tỏ và không đáng lưu-ý vậy. Nay người ta lại muốn thu thóc ở ruộng đá, [ruộng không cày cấy được], thì thực cũng như hư; muốn dâng rượu bằng cái chén thủng, thì có cũng như không. Có phải là Hiền-hầu đã e-ngại cho tôi chỉ khốn-khở về kiến-văn



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

nhiều quá chăng? Nhưng người quan-tử có cứ gì nhiều dầu. Hề ngọn nặng-nề thì gốc phải lung-lay; hề bên trong chứa đầy thì bên ngoài phải thiếu-thốn, nên Ngài mới có những lời gằn-bó ân-cần như vậy. Ấy cho nên tôi có nói: Ngài trách mình tức là dạy cho mình vậy.

[153a] Bỉ-nhân nay đã được nghe những lời vàng ngọc của Ngài rồi. Kia loài phi-trùng không lo không có lúc bắt được. Lúc nào tôi cũng trông cái phong-thái, phong độ của Ngài mà mến phục, nên tôi mới dám bày-tỏ nỗi lòng của mình với Ngài.



Ông Nguyễn-cư-Trinh lại còn có thư trả lời quan Hiệp-trấn Hà-tiên là Anh-đức hầu như sau :

Đại-phàm còn đề ở trong lòng người ta là chí, ngụ chí vào thi thành thơ. Lòng người có hiềm-sầu, có nông-cạn khác nhau, cho nên làm ra thơ cũng có kín-đáo, rõ-rệt, rộng-rãi, hẹp-hòi không giống nhau. Thời-vận có lúc lên, lúc xuống, lúc thịnh, lúc suy, cho nên thơ cũng có khi sớm, khi trưa, khi đúng, khi muộn khác nhau. Nói tóm lại, mọi việc cũng không ngoài lấy trung-hậu làm gốc, lấy hàm-súc làm nghĩa, lấy bình-đạm làm hay, làm khéo. Còn như làm văn-chương cho đẹp-đẽ, rèn đúc



## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NĂM

cho kỳ-xảo, chẳng qua là bề ngoài của lục-nghĩa<sup>1</sup> và việc dư-thừa của ngũ-tế<sup>2</sup> mà thôi.

Tâm là một vật rất khó trắc-lượng. Tâm phát-tiết ra lời mà thành thơ. Thế mà có khi chỉ một chữ mà đến ba năm mới hiểu rõ được. [153b] Có khi có một chữ mà đến nghìn năm cũng không hiểu, cho nên tôi thường lấy văn tự làm khó lắm. Huống chi lúc còn thiếu-niên, tôi chỉ học qua-loa, chưa biết suy cùng, nghĩ rộng đến việc kinh-luận. Lúc lớn lên thì lại có tính lười-biếng, không dám có hy-vọng được nổi tiếng-tâm về văn-tự, cho nên ngày thường làm thơ, ít có những bài thơ hay. Hơn nữa lúc tôi được ra làm việc, phần nhiều ở những nơi biên-cương, tình muôn dặm xa-xòai, việc ba quân bận-rộn, còn có lúc nào nhàn-rỗi đâu mà nói đến thơ nữa. Nếu có ngâm-vịnh một vài bài thi, chẳng qua cũng là miễn-cưỡng do người ta thúc đẩy, hoặc thù tạc trong lúc giao-thiệp với người đời, chứ không phải đều do tự mình cao-hứng, cảm-hứng mà làm ra thi. Nếu Ngài cho thơ

---

1. Lục-nghĩa là sáu nghĩa. Sách Từ-nguyên có chép: Thi có Phong, Nhã, Tụng, Phú, Tỷ và Hứng được gọi là lục-nghĩa.

2. Ngũ-tế là 5 tế. Sách Từ-nguyên có chép: Thi hữu ngũ-tế, lục-tình là thơ có năm tế và sáu tình như sau:

*Hợi* vi Cách-mạng là Hợi làm cách-mạng là một Tế, hay là Tế thứ nhất.

*Hợi* hựu vi Thiên-môn xuất nhập hậu thính là Hợi lại làm ra vào hậu thính ở Thiên-môn là Tế thứ hai.

*Mão* vi âm dương giao-tế là Mão làm cho âm dương giao-tiếp với nhau là Tế thứ ba.

*Ngọ* vi dương tạ âm hưng là Ngọ làm cho dương-khí tàn-tạ và âm-khí hưng-thịnh là Tế thứ tư.

*Dậu* vi âm thịnh dương vi là Dậu làm cho âm-khí thịnh-vượng và dương-khí suy-vi là Tế thứ năm.

Còn lục-tình là sáu tình, tức là Hỉ, Nộ, Ai, Lạc, Ái, Ố là mừng, giận, thương, vui, ưa, ghét.



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

tôi không phải là thơ cầu-thả, thì thật tôi lấy làm thẹn-thường vô cùng. Vậy tôi chỉ trông mong Ngài khéo-léo giấu đi cho tôi, chứ không đáng nói cho người ngoài hay biết làm chi.

+

Ông Nguyễn - quang - Tiền là người làng Phù - ninh thuộc huyện Quảng-diền [tỉnh Thừa-thiên] làm quan vào thời Hiếu-quốc-công [tức chúa Nguyễn-phúc-Chu] giữ chức Hàn-lâm-viện với tước phong Thạc-đức-hầu. Ông thường làm thơ đề-vịnh các cung-điện, miếu-vũ, và có làm văn-thư phúc đáp các nước phiên-bang. Ông lại còn thảo nhiều giấy-tờ cho thuyền-bè hai xứ Thuận-hoá và Quảng-nam giao-thông [154a] với nhau nữa.

Trước lúc bấy giờ, mỗi khi trao-trả những người Tàu bị sóng gió phiêu-bạt sang nước ta, hoặc trao-trả những tên cướp biển người Tàu, trong những công-văn gửi cho quan-chức Trung-quốc, chúa Nguyễn thường xưng « An-nam quốc Thuận Quảng đạo Tiết-chế Thái-phó Quốc-công Nguyễn » kính trình mô quan-chức ở Thiên triều...

Đến lúc Hiếu-quốc-công tự xưng Vương-hiệu, vừa gặp lúc có văn-thư phúc - đáp quan - chức nước Tàu, Hiếu - quốc - công muốn sai ông Nguyễn-quang-Tiền viết văn-thư xưng « An-nam Quốc-vương », nhưng ông Nguyễn-quang-Tiền nhất định không nghe theo. Ông Quang-Tiền nói: Đã có Hoàng-đế ở Kinh-đô do Trung-quốc sách-phong là Vương-tước rồi. Còn xứ này nguyên là Phiên - thần, vẫn theo Chính - sóc [niên - hiệu] nhà Lê. Nay Quốc - công lại tự xưng Quốc - vương, hoặc nhỡ ra người Tàu vặn hỏi, thì lấy cớ gì mà trả lời? Vì thế, Quang-Tiền nhất định



## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NĂM

không chịu thảo văn-thư, rồi bị bãi chức về quê làng mười lăm năm. Nhưng trong công-văn, chúa Nguyễn vẫn phải xưng chức quan là « Cai-bạ Trấn-thủ » để phúc-đáp quan Tàu.

Đến đời Nguyễn-phúc-Thuần [chúa cuối cùng nhà Nguyễn] lên nối ngôi, Nguyễn-quang-Tiền mới được khai-phục và lại được mời ra giữ chức quan cũ.

Năm Kỷ-sửu, có sao Chổi [tuệ-tinh] xuất-hiện, [154b] Nguyễn-quang-Tiền nói với người đời bấy-giờ rằng : « Tỉnh Quảng-nam không ngoài năm, sáu năm nữa, tất có binh-biến. Kinh-đô nhà Lê ở về hướng đông-bắc, sẽ cầm chuỗi sao Chổi để quét phương tây-nam, thì khí số nhà Nguyễn sẽ hết mất »...

Niên-hiệu Lê Cảnh-hung năm thứ 16 [tức năm Ất-hợi năm 1755 sau Công-nguyên], có quốc-thư của nước Tiêm-la [tức nước Thái-lan hiện nay] gửi đến Kinh-đô Phú-xuân, quan Lệnh-đoãn Thuận-hoá là Nguyễn-quang-Tiền có viết văn-thư để trả lời nước Tiêm-la. Nay chép quốc-thư Tiêm-la ra đây để chúng ta thấy rõ văn-tự của nước ngoài như thế nào.

Văn-thư của nước Tiêm-la như sau :

« Quan Nội các Tả Thừa-tướng Chưởng-ly Loan-nghi-vệ Tổng-đốc Chính-vụ Đại-tướng-quân nước Tiêm-la là Chiêu-phi Nhã-khu Sa-đê gửi quan Lễ-đài về việc an-hang nhu-viễn :

Kính vâng Thượng-dụ, nước Tiêm-la cùng nước láng-giềng thân-hoà đã mấy đời nay. Bởi vì nước An-nam cùng nước Tiêm-la cùng ở về một giải đường biển, cùng chung một trời, [155a]. Hai nước tuy xa-cách nhau, nhưng cũng như đồng một đất nước. Hai bên đi lại với nhau đã trải qua mấy đời đều có cái vui

## PHỤ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

« Nhu viên giao-lân » [thuận-hoà với kẻ xa, giao thiệp với láng-giềng].

Nay kính vâng mệnh vua nước chúng tôi sai làm tư-văn chiếu hội gửi sang kinh dâng Quốc-chủ An-nam bệ-hạ muôn năm thọ-khảo...

Nay xin tỏ-bày ý-kiến của vua nước chúng tôi... Chiếu rằng : Quả-quân nước chúng tôi xét phương-sách « nhu-viên », thì nên hoà-mục với [155b] nước láng-giềng, cùng thông-cảm sự yên-lành hoà-hiếu với nhau.

Trước kia, nước chúng tôi từng yêu-cầu ngựa kỵ tốt hợp thức ở Qui-quốc, đã được vua qui-quốc làm ơn cho rồi. Từ đây về sau, hễ có những giấy thông-hành hoặc các văn-thư của vua nước An-nam gửi đến nước chúng tôi, thì nước chúng tôi xét hễ thấy hợp lý thì cho thi-hành ngay. Chính tình thân-ái giữa hai nước như cùng chung trời đất, cùng được lâu dài mãi mãi.

Nhưng nước chúng tôi thường sai phái thuyền bè đi lại các hạt Hạ-môn, Ninh-ba, Quảng-dòng để mua bán những đồ dùng trong công-khố. Mỗi khi các thuyền trở về đều theo lối đường biển, và phần nhiều phải đậu tại các nơi cửa biển thuộc địa-giới nước An-nam, nên phải tư văn đi hội, khẩn-thiết xin với Quốc-vương An-nam hạ lệnh nghiêm-cấm quan-lại không được sách-nhiều, và xin theo qui-lệ « sai-thuyền » của nước Tiêm-la chúng tôi, để cho các khách buôn cùng thứ-dân đều được hưởng sự tiện-lợi. [156a] Và những chiếc thuyền « hồng-sru » là thuyền đồ đều do của kho nước Tiêm-la chúng tôi mua sắm, nên có tổn-phí về việc nhà vua sai-khiến đi đâu đều do thuyền này chịu cả.





## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

Theo qui-lệ của địa-phương, đại-phàm các thứ tiền lương thuế hạng thuộc về quan phái, nhưt-thiết xin miễn trưng-thâu, hoặc bằng vào lời khai mà giao thuyền, hoặc cho đem nguyên-thuyền phát-hoàn, những điều ấy hiện đã được vua nước An-nam cường-thịnh ưng-thuận rồi.

Nguyên năm Kỷ-sửu, quan đại-thần nước chúng tôi là Phi-Nhã-Hồng cho sửa-chữa thuyền đi ra hạt Ninh-ba để mua sắm những đồ dùng trong công-khố. Khi thuyền quay trở về nước thì bị ràng-buộc phải lưu lại ở hạt Huệ-an. Cớ Phi-Nhã-Hồng tâu rõ về lời cung-tiêu trong bản án, thì chủ thuyền là Hồng Đoàn-An đã mạo-phạm vào điều luật quốc-cấm của nước An-nam, nên bị can vào quốc-điền [phép nước], đáng lẽ phải chiếu luật trị tội. Nhưng xét những đồ thượng-dụng và các hạng hóa-vật trong thuyền còn lưu lại ở nước An-nam thâu giữ cả. [156b]

Qua năm Mậu-thìn, nước chúng tôi có sai-phái hai người là Chấn-Phát và Chấn-Môn mang văn thư đến nước An-nam để xin lại những vật-hạng đã bị lưu giữ, thì đã được vua nước An-nam đại-bang nhân-chính cho xét và đã bắt đem trả lại cho nước chúng tôi một lần rồi. Từ đây về sau, hễ có thuyền bè của nước An-nam bị gió trời giạt vào nước chúng tôi, thì nước chúng tôi đã xin tư giấy đưa về qui-quốc.

Cứ xét một việc này, thật đúng như lời thầy Mạnh-Tử đã nói : « Giao lân-bang hữu đạo hồ » là « Giao-hiếu với nước láng giềng rất có đạo » đã rõ-ràng vậy.

Vua nước An-nam lại hay bỏ những thể-lệ phiền-phức, chỉ đem nhân-nghĩa mà tiếp-dãi các nước bạn, thì không có lý nào mà nước An-nam lại không hưng-vượng, thịnh-trị. Ấy cho nên Thánh-nhân đã nói : « Cung tự hậu nhi bạc trách ư nhân » nghĩa

## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NĂM

là « Minh nên tự trách mình cho nhiều, mà ít trách người khác », thì có thể xa được mọi sự oán thù.

Vậy từ nay về sau, hoặc vua nước An-nam có cần dùng các hạng văn-thư, hay khí-dụng, hay thập vật, bất kỳ thứ gì, chúng tôi sẽ truyền lệnh cho nhân-dân khắp trong nước chúng tôi biết, không cần bàn những đồ quý, vật lạ, hễ nước chúng tôi có những vật-hạng nào, cũng xin sai-phái [157a] sứ-thần thành-kính đem dâng lên vua nước An-nam cả.

Nhưng năm Quý-dậu trước đây, sứ-thần nước An-nam do quý Đại-thần là Đồng-nai-ông điều-khiển, có sai hai người là Ông Cai-Hợp và Ông Cai-Đặng đến nước chúng tôi để giao chí [làm con tin]. Lại đem cho chúng tôi nào là Kỳ-nam-hương, nào là những tấm lụa, với những cái quạt các hạng, và đem cả bọn Thượng-Không, Thượng-Nương cùng Thượng-Xuy trao-trả cho nước chúng tôi.

Nước chúng tôi đã lập-tức tha cho quan Đại-thần Tổng-binh là Cai-Ý cùng đồng bọn 39 người. Nguyên-do là vì Lục-Khôn vương Chiêu-phi-Nhã có phi-báo một bản tấu-văn, trong đó có nói : Có chiến-thuyền An-nam 46 người cứ lần-lút ở Hải-đảo, thường đánh cướp những cư-dân và những thuyền buôn đi lại ở đấy, gây tai-hại cho cư-dân và thương-thuyền không thể kể xiết. Vì vậy mà quan địa-phương miền duyên-hải nước chúng tôi đi tuần, lấy thuyền ra Hải-đảo tra-nghiệm lai-lịch từng người trong chiếc thuyền ấy. Bọn Ông Cai-Ý [157b] 46 người có bắn súng vào thuyền đi tuần-tiểu. Rồi tại đường thủy, bọn ấy chết mất 7 người, và bị bắt 39 người giải về Kinh-dò nước chúng tôi đợi Chỉ vua định-đoạt, các lễ... Rồi 39 người ấy đều bị phát-lạc và giam-cầm vào ngục-thất. Sau đó, cứ quý Đại-thần là Ông Điều-Khiển báo xưng Ông Cai-Ý là quan Tổng-binh nước An-



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

nam vàng mệnh - lệnh vua Quí - quốc sang nước Cao - miên để chiêu-an các địa-phương Ốc-dã, Liên-tốt và Ba-thắc, chẳng may gặp phải trận gió lớn, nên trôi giạt vào đất Lục-khôn thuộc nước chúng tôi. Vậy khẩn-khoản xin vua nước chúng tôi tha cho bọn Ông Cai-Ý được trở về nước An-nam.

Vua nước chúng tôi nhân nghĩ đến tình nghĩa vua nước An-nam, nên đã bằng lòng cho đem bọn Ông Cai-Ý 39 người giao cho Ông Cai-Hợp là sứ-thần nước An-nam nhận-lãnh đem về Quí-quốc.

Đến sau, lại có một bọn 35 người [158a] An-nam đáp thuyền Huệ-an đi Đồng-nai để đong gạo, nhân gặp trận gió lớn, bị trôi giạt vào đảo Côn-lôn, họ phải phiêu-lưu đến bốn ngày. May gặp được chủ thuyền Hạ-môn là Ông Tô-Ngạn cứu sống được cả bọn trai gái là 15 người, và đem họ về nước Tiêm-la. Sau khi được quan Hữu-ty nước chúng tôi cứu-xét và hỏi-han nguyên-do cùng tình-hình, cả 15 người nạn-nhân ấy đều được giao cho Sứ-thần Quí-quốc là Ông Cai-Hợp đem họ trở về nước nhà. Tổng-cộng cả hai lần là 54 người được trao-trả cho Sứ-thần Quí-quốc.

Nhưng trong số đó, có 15 người gặp nạn ở đảo Côn-lôn thì không thấy có công-văn Quí-quốc gửi tới xin nhận-lãnh họ về. Song chúng tôi cũng nghĩ tình diện nước bạn láng-giềng mà cho họ về nguyên-quán nhưt thề. Đó, thật là một sự gia-hậu của nước chúng tôi đối với nước An-nam vậy. Không thế, thì người nước An-nam đã vào quấy rối ở nước chúng tôi, họ có thương-yêu gì nhân - dân nước chúng tôi, còn có lễ-nghĩa gì lưu họ ở đây nữa? Ấy cho nên chỉ có người nhân mới có thể lấy nước lớn mà thờ nước nhỏ, như vua Thành-Thang [nhà Thương] thờ nước Cát, vua [158b] Văn - Vương [nhà Chu] thờ nước Côn-di. Và chỉ có người trí mới có thể lấy nước nhỏ mà



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

thờ nước lớn, như ông Thái-vương thờ nước Huân-dục, ông Câu-tiên thờ nước Ngô.

Tuy nhiên, nước Tiêm-la chúng tôi tuy theo Thích-giáo [đạo Phật], nhưng cũng biết nhớ ân-đức vua Nghiêu, vua Thuấn, và đạo nghĩa vua Văn-vương, vua Võ-vương ở Thiên-triều [tức triều-đình nước Trung-quốc]. Chúng tôi chỉ nghĩ tình và mong-muốn nước An-nam là một nước lễ-nghĩa nên coi nhau « như thể đồng nhân », và bãi-bỏ cái ý-niệm thôn-tính nước khác để hai nước chúng ta được gần-gũi nhau, cùng hoà-hiếu với nhau hơn, để cùng nhau hưởng cái vui thắng-bình, bốn phương không còn có tai-biến, và hai nước chúng ta tự có những bậc Đại-đức vàng chịu mệnh trời cầm quyền trị nước.

Lại đến năm Bình-dần, vàng Chi vua nước Tiêm-la ở trước điện Kim-loan cho triệu-tập Quách-ngọc-Thành làm chủ thuyền đi sang tỉnh Quảng-đông. Đến khi thuyền trở về Tiêm-la, các ông Quách-ngọc-Thành có bắt được bọn « mục-khoả » [bọn trộm cướp] người An-nam cộng 83 tên với 6 khẩu súng cùng của-cải, hoá-vật các hạng [159a] trị-giá đến 31 cân, 2 thù, 3 đồng cân Tiêm-la. Nhưng 1 chiếc « Hoa-biên bất lao phan » [花邊不勞攀] bằng bạc, 1 chiếc « Thát-đạp-mạt » [搥踏末] bằng bạc, 1 chiếc « Bát-sa khôn viên hoa » [八沙坤員花] bằng bạc, 1 chiếc « Tiêm-giốc niệm » [尖角念] bằng bạc và 10 tấm cầm-đoạn [đoạn găm] đều bị đám quan địa-hạt bọn Ông-An bắt nộp thuế lương vào quỹ địa-phương. Thế là bọn Ông-An nước An-nam đã nuốt trôi một chuyến các tiền chi-phí.

Lại đến năm Mậu-thìn, vua nước chúng tôi sai-phái bọn Trần-Nghê làm chủ thuyền sang tỉnh Quảng-đông mua đồ-đặc về nước, nhưng bị thâu vào nước An-nam, rồi thuyền chủ bị bệnh chết. Sau người chủ lái thuyền về nước cung-khai rằng :



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

Tất cả các hàng-hoá trong thuyền bán được hơn 66 hộc 15 lượng bạc, 2 thù bạc Tiêm la cùng các đồ-vật như 2 chiếc « Đê-mạt » bằng bạc, 1 chiếc « Bất-lao-phan » bằng bạc, 2 chiếc « Ma-lâm » bằng bạc, 10 tấm đoạn gấm [159b] lại bị quan địa-phương nước An-nam là bọn Ông-An đã nuốt trôi sở-phí hai chuyến thuyền cộng số bạc là 97 hộc, 16 lượng, gấm đoạn 17 tấm và đồ-đạc bằng bạc 21 chiếc.

Lại đến năm Quý-dậu, vua nước chúng tôi sai-phái bọn Dương-thành-Chương làm chủ thuyền sang Quảng-dòng mua sắm đồ dùng về nước. Khi thuyền đi qua nước An-nam, những đồ-đạc bằng bạc, gấm, đoạn cùng các vật-hạng dùng cho công-khố, lại cũng bị quan quân nước An-nam nuốt hết sở-phí, chỉ còn trơ thuyền không trở về nước.

Trước sau ba chuyến, tính tổng-cộng vàng bạc và các hạng thập vật đều bị mất đến hơn 374 hộc, 13 lượng, và 3 đồng cân, khiến ngày nay ban chấp-sự chúng tôi vừa phải chịu bồi-thường cho công-quỹ, vừa phải chịu hình phạt, không còn cách nào gỡ chữa được nữa. Chính vì thế mà quan Đại-thần nước chúng tôi là Lãng-cải Khu-sa đã tâu lên vua nước chúng tôi về việc quan Hữu-ty nước An-nam từng đề xảy ra những việc [160a] cướp-bóc của-cải nước bạn.

Thừa quan Kim-loan Tiền-diện Trung-quân là Phương-Khòn-vương sai-khiến đi mua những đồ dùng trong kho Nội-vụ tất cả 3 chuyến đã kể trên, hàng-hoá và thuyền vào nước An-nam đều bị bọn quan-sai đe-dọa, lừa-bịp cướp hết, không còn gì cả.

Thuyền đi đã phải theo qui-lệ nước An-nam nạp đủ các hạng thuế-khoá. Nào ngờ đóng-góp thuế-khoá lại quá đáng như thế!



## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NĂM

Ai chả biết rằng những thuyền của đàn buôn đi biển thường bị trôi-giạt đến những nơi xa-xòì. Đi biển chẳng những người ta phải lo về sóng gió nguy-hiểm, mà tài-sản và tính-mạng những người trong thuyền cũng quan-hệ lắm. Huống chi thuyền ấy là thuyền của vua nước Tiêm-la chúng tôi sai đi mua những đồ dùng trong kho nhà vua, không như thuyền của các khách buôn và thứ-dàn. Há người ta lại chẳng biết hai nước vẫn hoà-hiếu với nhau, hai bên vẫn lấy lễ-nghĩa mà đối-xử đi lại với nhau? Có lẽ đâu lại vì cơ nhỏ-mọn về tham-lận thuế-khoá, [160b] trung-thâu tài-vật mà bỏ mất thể-thống của một nước lớn xưa nay vẫn có nhân-chính.

Thừa vua nước chúng tôi yêu-mến nước An-nam biết rõ Kim-loan chinh-diện nước tôi vốn hoài-bảo tấm lòng «nhu-viễn», nghĩ tình nước An-nam cùng nước Tiêm-la là hai nước láng-giềng vốn đối-đãi với nhau rất thân-hậu. Chúng ta không nên nhân một cơ nhỏ-bé mà để mất đại-nghĩa. Đã thế mà năm trước ba chuyến thuyền đi mua các đồ thập-vật dùng trong kho, khi vào nước An-nam đã bị cướp mất hết. Chắc quan Hữu-ty nước An-nam chưa có báo-cáo đề tâu lên vua nước An-nam biết là thuyền của vua nước Tiêm-la sai đi mua các đồ dùng cho nhà vua, cho nên quan-sai nước An-nam mới tự ý đánh thuế. Chắc những vị quan cao-cấp Nam-triều cũng chưa được biết [161a] rõ những việc ấy chẳng? Chứ có lẽ đâu hai nước láng-giềng đi lại với nhau vẫn giao-thông thân-mật với nhau, mà lại không lo-nghĩ thi-hành nhân-chính đối với thiên-hạ, mà chỉ chăm-chú bắt-bớ thuyền-bè, đòi chia tài-vật là những việc nhỏ-nhen hay sao? Chẳng qua những quan Hữu-ty ấy không phải là những tay tướng-phụ xã-tắc có tài giỏi, biết lo giúp đấng Minh-quân An-nam thi-hành những chính-sách hay, mà chỉ hay chuyên-quyền, cố-ý đánh thuế và che-giấu, không báo-cáo cho nhà vua biết.



Các quan-sai ấy cũng không thể-tắt, nhận-thức vua nước An-nam là bậc nhân-thánh thông-minh, và họ cũng không nghĩ đến đức « nhu-viên hoai hầu » là mềm-dẻo với người xa, tưởng nhớ đến chư-hầu, và thông-hoà với lân-quốc. Họ chỉ tự ý đánh nặng thuế-khoá, coi khinh-thường nước Tiêm-la, làm tuyệt đường thuyền-ghe đi lại ngoài cửa biển, để hai nước trở thành cừu-địch. Như thế thì những quan Hữu-ty kia có tránh khỏi tội-lỗi không? Há họ lại không nghĩ đời Tam-đại [tức Hạ, Thương, Chu] ngày trước được thiên-hạ là nhờ có nhân-chính? Há họ lại không nghĩ đến Chúa-thượng nước An-nam [161b] có giang-sơn, có kim-thành muôn dặm rộng-lớn bao-la, và có con cháu giữ-gìn cơ-nghiệp đến muôn đời về sau? Mà họ chỉ chăm-chăm đánh thuế cho nặng, há không phải họ là hạng người ngọ quốc [làm chính-sách trị nước] hay sao? Như một chiếc thuyền nước Tiêm-la có đáng bao nhiêu thuế, sao họ chỉ thấy những cái lợi nhỏ-nhặt mà không biết dung tình, bọn quan có trách-nhiệm kia nghĩ có phải hay không?

Vả lại, nước Tiêm-la chúng tôi phải cần dùng những vật-hạng cho kho nhà-nước, nên mới đóng thuyền để chuyên-chở những đồ-vật đó, và thường phải sai-phái người đi sang các xứ Quảng-đông, Hạ-môn và Ninh-ba thuộc Trung-quốc để mua sắm, đổi-chác những đồ cần dùng trong kho Nội-vụ. Còn như ghe-thuyền qua lại ở đường biển vốn không có chèo, không có nhứt-dịnh, sóng gió bất kỳ thật khó mà lường trước được, và không làm thế nào khỏi vào địa-phận nước An-nam được. Nếu lại còn bị tổn-phí bởi bọn quan-sai, hàng năm lại bị cướp-bóc một lần, và hàng năm lại bị mất sạch cả thuyền-bè, thì tình-trạng ấy khó lòng mà chịu nổi được mãi. Không biết các quan Đại-thần nước chúng tôi sẽ bàn-bạc ra làm sao? May nhờ vua nước chúng tôi có đức hiếu sinh, [162a] lại có lòng tốt nghĩ đến tình nước bạn



làng-giềng đã hoà-hiếu cùng nhau từ lâu ngày, nay không lẽ lại nhân một cơ nhỏ-nhen mà dấy quân đề gây oán, khiến sinh-dân được yên-vui làm ăn giữa đời thịnh-trị này.

Ngày nay, may được Sứ-thần nước An-nam tới đây, nên cho giao-thông trực-tiếp với ty Thông-chánh-sứ nước chúng tôi là nơi trông-coi về những việc giao-thiệp với các nước láng-giềng. Do quan Hàn-lâm-viện Nội-các Đại-học-sĩ thảo-soạn giấy tư-vấn, giao cho đặc-phái-viên chấp-sự là hai viên Lãng-phi Văn-khôn và Khu-sa Lũ-thao mang mệnh-lệnh nhà vua, hợp cùng quan Khâm-sứ nước An-nam đi trước đề trình-bày các việc cho Nam-triều biết. Chúng tôi nguyện xin Vị Chúa-thượng nước An-nam anh minh soi-xét đến việc quan Khâm-dụ Đại-thần nước Tiêm-la là quan Hữu-ty tâu về việc thuyền-ghe và hoá-vật bị mất cướp ba lần, đề giao trả lại cho Sứ-thần là Lãng-phi Văn-khôn và Khu-sa Lũ-thao kiểm-điểm nhận lãnh minh-bạch các hạng hoá-vật, và cho hộ-tổng ra khỏi địa-giới nước An-nam đề về nước. Như vậy mới mong khỏi [162b] mất sự hoà-hậu của nước bạn láng-giềng, và nước Tiêm-la chúng tôi mới được cảm đức nhiều lắm.

Lại khẩn-cầu xin qui-quốc cấp phát sẵn cho mười trương «Chiếu thân long bài» [tức giấy tùy thân] đề thông-hành mỗi khi ra vào các hải-khẩu qui-quốc. Khi nào thuyền vua nước chúng tôi tránh gió vào hải-cảng qui-quốc khỏi bị bọn quan-sai trung-thâu phiền nhiễu. Mỗi khi được gió, thuyền nước chúng tôi tới Thuận-hoà, rồi thuyền lại được nguyên-vẹn trở về nước, thì ngày sau ghe-thuyền nước Tiêm-la chúng tôi đi lại qui-quốc không bao-giờ ngớt vậy.

Nay chúng tôi có các đồ sản-vật địa-phương là 5 tấm màn trắng, 5 tấm màn hoa, 3 tấm màn hồng, 2 tấm vóc «đại hoa





mãn thiên» cộng 15 tấm, giao-phó cho Sứ-thần mang về dâng lên đức vua Thượng-quốc An-nam vạn tuế vui lòng chấp-nhận cho. Nghìn dặm tuy xa-xôi, nhưng cũng như có sự hiện-diện của chúng tôi tại đây, gọi là bày tỏ chút lòng thành-kính vậy».

**Khâm thư**

Khâm tuân đạo các đẳng nhân. Phụng sao cho Tu-vấn tự-hội tuân chiếu.

Hữu kính tư vua nước An-nam điện tiền hồng-phúc thiên thu long mục Ngự-lãm.

[163a] Ngày mùng bốn tháng Mạnh-hạ, năm Ất-hợi

+

Và sau đây là bức thư Thuận-hoà trả lời :

« An-nam quốc Tả Thừa-tướng kiêm Hình-bộ Hộ-bộ Đạt Quận-công kinh phúc thư tới toà Nội-các Tả Thừa-tướng Chưởng lý Loan-nghi-vệ Tổng-đốc Chính-vụ Đại-tướng-quản nước Tiềm-la là Chiêu-Phi Nhã-Khu Sa-Đê đầu Lê-đài quan điện chiếu :

Nước chúng tôi cùng với qui-quốc, hai bên đã giao-kết thành-nghị hoà-hiếu với nhau, đời đời làm nước láng-giềng, không chút tơ-tóc sai trái nhau, tình nghĩa giữa hai nước chúng ta thật là bền-vững như vàng đá vậy.

Trước đây, quân dân nước chúng tôi có bị sóng gió trôi-giạt sang địa-phương thuộc qui-quốc, từng được qui-quốc coi



## PHỤ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

như con đàn một nhà, và cho đưa họ về nguyên-quán, thật là hậu tình vô cùng vậy.

Nhưng lần sau, nước chúng tôi có một số thủy-quán và bọn thường-dân bị phiêu-bạt sang qui-quốc thì vẫn còn bị lưu-giữ lại, chưa được qui-quốc giao-hoàn.

Nước chúng tôi đã có văn-thư báo-cáo với qui-quốc, nhưng vẫn chưa thấy họ được phóng-thích trở về, nên chúng tôi vẫn còn trông-ngóng.

[163b] Ngày nay, chúng tôi tiếp được thư của qui-quốc, chỉ thấy chăm-chăm nói về một việc đòi tiền bạc, còn việc quân dân nước chúng tôi bị trôi-giạt sang qui-quốc, thì tuyệt-nhiên không thấy nói-năng gì đến. Hay là vì cơ ấy mà bọn đàn quân bị xiêu-bạt còn bị giữ lại chằng? Vậy xin qui-quốc cho nước chúng tôi biết rõ việc ấy ra thế nào?

Còn vào khoảng năm Binh-dần và năm Mậu-thìn trước đây, có Hồng-sưu - thuyền qui - quốc vào hải - cảng nước chúng tôi, hoặc giả những người sai-phái có tham-tâm mà trưng thâu thuế quá lệ, thì ngay lúc đó, chúng tôi không được nghe qui-quốc báo-cáo gì cả.

Vả lại, nước chúng tôi đã có lệ định sẵn đối với những người làm việc, cứ ba năm một lần khảo-xét thành-tích, và năm năm một lần khảo-xét công việc họ đã làm, nước chúng tôi có bao-giờ dung-túng những hạng người tham-những ám-muội đâu.

Ngày nay, chúng tôi mới tiếp nhận được văn-thư qui-quốc, thì chúng tôi đã cho truy-cứu nguyên-ủy các việc ấy như thế nào. Nhưng những người già-nua thì đã chết rồi, những kẻ có



## PHỤ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

tội-lỗi thì đã bị truất phạt rồi. Việc xảy ra đủ quá lâu năm, hai bên đều không có bằng-chứng gì cả. Có phải như thế không? Vậy việc ấy hãy xin bỏ qua, không nên bàn đến nữa.

Lại năm Qui-dậu, về việc thuyền-ghe của Dương-thành-Chương, hẳn nói từ tỉnh Quảng-đông đến, trong thuyền không có hoá-vật gì cả, [164a] nên không cho vào cảng... ấy là qui-luật thông-thường của nước chúng tôi như vậy. Nhưng hẳn lại khàn-khoản xin theo như lệ nhập-cảng. Nếu quan Hữu-ty có trưng-thâu tiền thuế, cũng không có thể vượt qua được qui-tắc thông-thường của nhà nước, chứ có lẽ nào lại làm khác thế được. Nếu bọn ấy có mất hết cả những hoá-vật trong thuyền, thì chắc bọn ấy chẳng mất với những gái nhảy-múa, hát-xướng, thì cũng mất vì rượu-chè cờ-bạc mà thôi. Rồi đến khi thuyền trở về nước, bọn hẳn bày-đặt nên chuyện để nói dối cho có lẽ. Ấy cũng đều là những lời nói không có bằng-chứng gì xác-đáng cả. Nếu cứ nghe lời nói một bên mà đòi-hỏi tiền-bạc, thì có khác gì câu Ngạn-ngữ đã nói : « Ông Trương uống rượu, mà ông Lý say », việc ấy thật chúng tôi không thể nào hiểu được.

Quốc-vương điện-hạ là bậc thông-minh, những việc ở trên đời thường thường biến ảo thiên hình vạn trạng, nghe qua cũng đủ hiểu, việc gì phải bàn-cãi cho nhiều.

Phương chi nước chúng tôi xưa nay vẫn học-tập đạo Khổng Mạnh, há lại không biết cái nghĩa « giao lân hữu đạo » là giao-thiệp với các nước láng-giềng phải có đạo, và phải lấy nghĩa làm lợi hay sao?

Nhưng trong thư qui-quốc lại có nói : « Quan Hữu-ty nước chúng tôi không có tài phụ-tướng, chỉ biết thâu thuế-khoá cho nặng... ». Như vậy là qui-quốc không biết quan Hữu-ty [164b] nước chúng tôi là người như thế nào?



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

Lại có câu nói: «Coi khinh-thường nước Tiêm-la, khiến hai nước trở thành cừu-dịch...» Không biết tại vì sao mà lại có câu nói như thế?

— Vả lại, hai nước chúng ta xưa nay vẫn lấy tin-nghĩa giao-thiệp với nhau, hai bên vẫn trông-mong việc giao-hảo ấy được lâu dài đời đời. Nếu có gặp phải những bọn sai-nhân tham lợi, đó cũng chỉ là một cơ nhỏ-nhặt mà thôi; có lẽ nào lại vì một cơ nhỏ-mọn tổn-kém tiền-bạc mà nỡ bỏ việc giao-hiếu to-lớn và bền-bĩ như vàng đá hay sao?

Còn việc qui-quốc xin cấp-phát mười trương long-bài đề thông-hành, thì có cấp cho cũng không thương-tồn gì. Nhưng nếu cấp nhiều long bài, chỉ sợ những chủ thuyền lại theo dấu vết cũ của tên Dương-thành-Chương lấy việc tư làm hại việc công, lấy lợi làm hại nghĩa mà thôi. Vậy xin đưa tới qui-quốc một trương long-bài, cũng đủ tự ý qua lại. Năm nay cũng dùng được long-bài ấy, năm sau cũng dùng được, chỉ một trương long-bài mà cũng đủ dùng mãi mãi, không cần phải dùng nhiều.

Còn những món quà của qui-quốc tặng thì rất hậu, chúng tôi đã xin thâu nhận rồi. Nhưng những quan dân nước [165a] chúng tôi bị trôi-giạt sang qui-quốc thì vẫn còn bị lưu-giữ ở qui-quốc. Nếu qui-quốc có hậu-tình, thì xin trao-trả bọn ấy trở về nước chúng tôi. Đó mới thật là tình hoà-mục đối với nước bạn láng-giềng, còn có hậu-tình nào bằng! Nghĩa ấy, tình ấy, mong được đời đời bền-bĩ tốt-đẹp.

Nay chúng tôi kính-trọng đưa các đồ sản-vật địa-phương giao cho Sứ-thần chuyển đệ dâng lên Quốc-vương diện tiền, và kính xin Quốc-vương chấp-nhận cho, gọi là bày tỏ mối tình nghĩa tương-thông vậy. Nay phúc thư.

\*



## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NĂM

Năm ấy, triều-đình Thuận-hoá có thư phúc-đáp nước Tiêm-la, nhưng không thấy người Tiêm-la trả lời ra sao. Song xem xét kỹ-lưỡng bức thư sau hồi âm, cũng có thể thấy rõ cái thói tự-tôn tự-đại của vua tôi nước Tiêm-la vậy.

Đây bức thư của Triều-đình Thuận-hoá như sau :

« An-nam Quốc-vương kính phúc Quốc-vương nước Tiêm-la điện chiếu :

Mùa thu năm nay, có bọn Cai-Trí và Thủ-Trương trở về nước chúng tôi, có đệ trình [165b] hồi thư của qui-quốc, và có cho chúng tôi món quà rất hậu, cùng trao trả tên Cai-Ý và chiếc thuyền « Tiệp-nhứt » với 54 người dân phiêu-lưu trở về nguyên-quán của họ, thì đủ thấy rõ tấm thịnh-tình cao cả của nước bạn láng-giềng. Chúng tôi rất lấy làm khen-ngợi. Nhưng khi mở phong-thư ra xem, thì trong hồi-thư có nói : Năm ngoái, chúng tôi có gửi tặng Kỳ-nam-hương, nhưng đó là trầm-hương, chứ không phải Kỳ-nam-hương. Vả lại, Kỳ-nam tuy là thổ-sản trong nước chúng tôi, nhưng tìm cho được thứ Kỳ-nam thanh hương và thật tốt, thiết tưởng cũng ít khi gặp và ít khi thấy vậy. Còn thứ Kỳ-nam mà nước chúng tôi gửi tặng, như hình không phải là hạng tốt, nó cũng giống như Trầm-hương, Đàn-hương mà thôi, chẳng qua là do khí đất tại chỗ sản-sinh ra nó, có năm tốt, năm xấu không thường, cho nên cũng có khi nhiều, khi ít không chừng, là do khí đất khiến nên như thế vậy... Có lẽ nào cái nghĩa giao-lân cao quý giữa hai nước, mà lại đem đá Vũ-phu bảo là ngọc Quỳnh-cửu để đưa tặng cho nhau hay sao ? Kẻ này bảo [166a] là của thật, kẻ kia bảo là của giả, cái chỗ thật hay giả, có cần gì phải biện-luận cho kỹ, chỉ nên lấy ý-hội mà thôi.

Còn như việc đưa lưu-dân nước chúng tôi trở về quê-hương

## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

của họ, ấy là lòng tốt của qui-quốc đối với nước bạn láng-giềng, và cũng là theo qui-tắc thường hành của qui-quốc vậy. Qui-quốc đã nghĩ đến tình-nghĩa « ái ốc cập ô »<sup>1</sup> và đã tha cho bọn Cai-Ý và quân dân chúng tôi trở về, thì cái tình ấy, cái nghĩa ấy, có gì nòng hậu cho bằng. Tuy cái đạo « giao-lân » của các bậc Đế-Vương ngày xưa cũng không hơn được. Nhưng còn bọn thủy-quân và phiêu-dân lần sau, thì vẫn còn bị câu-lưu ở qui quốc, chưa được tha cho về, ấy là qui-quốc chưa kịp tha cho họ về, hay là bọn đó còn vương cơ sự gì nữa, nên còn phải lưu giữ chẳng? Thì thật chúng tôi chưa được biết rõ.

Hơn nữa, bọn 54 người đã được tha về, đều là quân dân của nước chúng tôi, mà bọn thủy-quân và dân phiêu-lưu lần sau còn bị lưu-giữ [ 166b ] ở qui quốc, cũng là quân dân của nước chúng tôi, mà cũng đều là con dân của chúng ta cả, tưởng cũng nên thương-yêu đồng-đều như nhau cả. Chúng tôi chưa được hiểu rõ qui-quốc một đằng thì tha, một đằng thì giữ, sao lại khoan-hồng với bọn người này, mà lại khắt-khe với bọn người kia như thế?

Lại trong hồi-thư có nói: « Nguyên trước kia, người nước An-nam đều chưa có những việc làm quấy, làm phản, cướp bóc ở miền duyên-hải. Nhưng từ vài năm trở lại đây, người An-nam thường-thường xâm-phạm biên-cảnh qui-quốc, cướp-bóc dân-cư... ». Chúng tôi xem thư đến câu này, không ngờ tự thấy khó chịu vô cùng, và hùi-ngùi tự nhủ rằng: « Trong tai chúng tôi chưa từng nghe ai nói câu ấy bao giờ! Nhà nước tự có pháp-

1. « Ái ốc cập ô »: nghĩa là vì thương mái nhà, sợ mái nhà bị hư-hại, nên tha bản con qua.



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

luật, có khi nào lại dung-túng những bọn qui-quái khinh-nhờn phép nước đâu! Nếu quả có những việc ấy, thì đó là tự bọn tướng-tá coi giữ ở đây không cấm-tráp, canh-giữ cho cẩn mật, nên để xảy ra những việc đáng tiếc như vậy. Góc bể chân trời, cách đây xa-xôi quá, chúng ta làm sao mà biết cho hết được!

Nước chúng tôi cùng qui-quốc vẫn có tình tương thân, tương ái liên-quan mật thiết với nhau, có khi nào lại ngồi [167a] yên mà nhìn dân nước bạn láng-giềng bị những cảnh cướp-bóc đau-đớn mà không để vào lòng hay sao? Thiết tưởng qui-quốc cũng sẵn lòng nghiêm cấm những bọn bạo-tàn, và hòa-thuận với lạn-quốc như chúng tôi vậy.

Nay chúng tôi đã nghiêm-sức cho những vị tướng trấn-thủ tại duyên biên đều phải cấm ngặt dân ở ven biên không được cướp-bóc các thuyền-bè buôn-bán của các nước đi biển. Nếu những tên gian-manh còn quen giữ thói cũ, thì sẽ bị trừng-trị khắt-khe, lắt không thể nào khoan-thứ cho chúng được.

Vả lại, qui-quốc còn biết thương-hại những lưu-dân bị trôi-giạt mà tha cho họ trở về nguyên-quán, chúng tôi có lẽ nào lại dung-túng những hạng người vô-lại làm quấy-nhiều con dân của qui-quốc hay sao? Nhưng có những câu trong thư trả lời của qui-quốc thì không thể nào không phê-bình được, chúng tôi xin nói ra đây để Quốc-vương được rõ:

Như trong thư nói rằng: «An-nam hương hoá, thâm vi khả gia» nghĩa là «Nước An-nam biết hương theo giáo-hoá, rất là đáng khen». Lại có câu nói rằng: «An-nam tiến cống, hương hoá dĩ thành» nghĩa là «Nước An-nam dâng cống theo giáo hoá lấy lòng chân-thành». Những câu nói như thế, không biết [167b]



## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NĂM

nước Tiêm-la đã coi nước An-nam chúng tôi là một nước như thế nào, thật chúng tôi chưa làm sao hiểu được.

Đại-phàm người trên lấy của người dưới, thì gọi là « phú » [phú là thuế], còn người dưới phải cung-đón người bề trên thì gọi là « cống » [cống là dâng]. Nghĩa chữ « cống » là nghĩa-vụ người dưới phải dâng lên người bề trên. Còn như chữ « hương-hoá » là những nước ngoài hàm-mộ cái ho-hoá của Trung-quốc. Còn như nước Tiêm-la cùng với nước An-nam cũng như nước Tề cùng với nước Sở, nước Yên cùng với nước Triệu, là những nước ngang hàng với nhau, có lẽ nào những nước ngang hàng với nhau đưa những sản-vật tặng cho nhau mà gọi là « tiến cống » hay sao? Các nước bạn láng-giềng giao-hiếu với nhau mà nói là « hương-hoá » hay sao? Sao lại danh và thực không tương-xứng với nhau như thế? Chúng tôi thiết-tưởng những bầy tôi cầm bút của qui-quốc muốn dùng những lời lẽ đề tự-tôn, tự-đại, mà không tự biết rằng nói như thế là sai-nhầm lắm vậy.

Đấng Quốc-vương nước Tiêm-la là bậc thông-minh anh-đuyệt, há lại không biết nước An-nam chúng tôi từ nghìn xưa vốn là một nước văn-hiến, mà còn dùng những câu nói như thế đối với nước chúng tôi hay sao? [168a]

Còn như những lễ-vật rất hậu mà qui-quốc có lòng tốt tặng cho chúng tôi, chúng tôi đã xin nhận-lãnh rồi, xin kính tạ, kính tạ nhiều lắm.

+

Ngày tháng 8 năm Canh-ngọ là năm thứ 11 niên-hiệu Cảnh-hưng nhà Lê [tức năm 1750 sau Công-nguyên], Thuận-hoá sắp-





## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

sửa đánh nước Cao-miền, nên chúa Nguyễn sai quan Lê-bộ là Nguyễn-dăng-Thịnh viết thư cho vua nước Tiêm-la như sau :

Nước chúng tôi với qui-quốc giao-thiệp với nhau đã từ lâu ngày, hai nước chúng ta không phải là quá xa - xòi cách - trở cho lắm.

Ngày nay, về phía tây biên-thùy nước chúng tôi có việc, chúng tôi xin báo-cáo với các nước bạn láng-giềng biết, và xin thưa rõ những duyên-cớ như sau này :

Đại-phàm đấng Vương-giả dụng binh cũng như người đi vớt kẻ chết đuối, như đi cứu kẻ chết cháy để dẹp bọn phản-loạn và giết bọn bạo-tàn. Ấy cho nên vua Văn-vương nhà Chu cũng phải tức-giận mà đánh nước Mật về tội « bất-cung »<sup>1</sup>, vua Tuyên-vương nhà Chu cũng phải đánh nước Nghiễm-Doãn về tội chính-cư xâm-nhiều<sup>2</sup>. Không phải các đấng Vương-giả đời xưa có ưa-thích gì việc chiến-tranh, thật là cái thế « bất-đắc-dĩ », nghĩa là cái thế chẳng đáng dừng vậy. Nay nước Cao-miền nhỏ bé kia, ở vào nơi rừng núi chật-hẹp, ví như nước Đàng ở xen vào giữa nước Tề và nước Sở. Nước Cao-miền kia đã nương nhờ ở qui-quốc, [168b] lại đồng thời cũng phục sự bèn triều-đình nước chúng tôi. Chắc kẻ cầm quyền nước kia lúc ban đầu cũng

---

1. Kinh Thi, thiên Đại-nhã, chương « Hoàng-hĩ » có nói : « Mật nhân bất cung, Vương hách tư nộ » nghĩa là người nước Mật khinh-nhờn, vua Văn-vương phải tức-giận.

2. Kinh Thi, thiên Tiểu-nhã đồng-cung, chương « Lục-nguyệt » có nói : « Nghiễm-Doãn phi như, chính cư Tiêu, Hộ, xâm Hạo cập Phương, chí vu Kinh-dương » nghĩa là : Quân rợ Địch Nghiễm-Doãn chẳng tự lượng sức mình, cứ tề-chính xâm-chiếm đất Tiêu, đất Hộ, đã xâm-nhập vào đất Hạo, đất Phương, lại đến vùng Kinh-dương [phía nam sông Kinh...]



không có tình ý gì khác, cốt trông-mong có hai nước lớn che-chở đê nương-tựa mà thôi.

Gần đây, tên Ong-Thâm đã đi lối đường. Hắn nhờ qui-quốc diu-dắt và nói với nước chúng tôi trả lại đất cũ cho hắn, chẳng qua hắn sợ quân chúng tôi ở gần hắn, hắn không dám ở yên, nên hắn phải trông nhờ qui-quốc giúp-đỡ, che-chở.

Triều-đình nước chúng tôi cũng thương tình cảnh hắn như con cá ở trên cạn đương muốn xuống nước, như con chim non đương bay vào rừng, mà chúng tôi đã rộng lòng tha-thứ những lầm-lỗi, và cho đất, cho chức-tước, đê hắn làm một nước phiên-bang qui-phụ nước chúng tôi, và đời đời cung-tiến chức cống mà thôi.

Ấy cũng là một nước Cao-miền, lúc đầu thì được nhờ ơn qui-quốc che-chở nâng-niu, lúc sau thì được nhờ Bản-triều ra sire bảo-hộ giáo-hoá. Đáng lẽ nước ấy phải ăn ở cho có thủy-chung, biết lẽ sợ trời, hết đạo thờ nước lớn, gìn-giữ một lòng tôn-kính, một dạ trung-thành, đê khỏi trái [169a] với chức-phận phiên-thần mới phải. Không ngờ tên Ong-Thâm kia tính-tình như loài dê, loài chó, lòng dạ như rắn-rit, lợn heo, hắn tụ-hợp những bọn hung-đồ, giặc cướp, đê quấy-nhiều những chốn biên-cương. Triều-đình chúng tôi coi hắn như bọn Quỷ-phương vô đạo, như nước Nghiêm-Doãn bất-cung, nên ra lệnh sai quan, đem quân hỏi tội hắn, đê răn-đe những hạng phiên-thần trái phép khác.

Vả lại, theo phép Xuân-thu thì những hạng loạn-thần tặc-tử, mọi người đều có thể giết chết, có quyền giết chết, huống chi người cầm quyền cai-trị đất nước ư? Nước Cao-miền đã vô-lẽ đối với Bản-triều, thì họ sẽ biết ơn-nghĩa gì đối với qui-quốc?



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

Cứ coi đó thì đủ biết, không cần phải nói nhiều mới rõ. Thiết tưởng cái tội của bọn cầm đầu nước Cao-miên, chắc qui-quốc cũng coi chúng hẳn như là kẻ ác, và kẻ thù chung vậy.

Nay nghĩa-quân nước chúng tôi đi đến đây, thì chắc-chắn bọn kia phải theo gió mà tan-rã. Nếu dư-dãng bọn Ong-Thâm không có đường trở về nước, chúng tôi cũng mong qui-quốc đồng một lòng lấy việc ghét kẻ ác làm lòng, lấy chữ tín giao lân [169b] làm đức tin, cho trời cồ cha con tên Ong-Thâm giao cho biên thần nước chúng tôi, đừng để cho những hạng người phạm pháp được trốn khỏi búa rìu, thì thật là cái nghĩa cao quý giao-lân của qui-quốc đối với nước bạn láng-giềng vậy.

Cái nghĩa cao cả nghìn thu, sáng tỏ như vầng nhật nguyệt, như vì tinh-tú trên trời. Tấm lòng chân-thực xin tỏ-bày, rất mong Quốc-vương lượng xét.





Về phía Tây-nam xứ Quảng-nam, ở bên ngoài phủ Gia-định, có trấn Hà-tiên giáp-giới với nước Tiêm-la. Ở trấn Hà-tiên, có Tôn-đức-hầu là Mạc-thiên-Tứ, tên tự là Sĩ-Lân.

Thân-phụ Mạc-thiên-Tứ nguyên là người Trung-quốc đến đây khai-khẩn ruộng đất, có nhiều bộ-hạ và gia-thuộc, thần-phục Triều-đình Thuận-hoá, được Tộ quốc-công Nguyễn-phúc-Chu [hiệu Thiên-túng đạo-nhân] trao cho chức Tổng-binh.

Năm Bính-thìn, niên-hiệu Vĩnh-hựu vua Ý-tông nhà Lê [tức năm 1736 sau Công-nguyên], Mạc-thiên-Tứ được nối-noi chức của Thân-sinh làm Tổng-binh.

Vốn là người ưa-thích văn-chương, Mạc-thiên-Tứ thường chiêu-tập những nhà văn-sĩ khắp nơi đến ngâm-vịnh. Vốn con người phong-lưu tài-vận, ông đã nổi tiếng khắp cả một vùng này và được người đời trọng-vọng.

[170a] Chúng tôi [tức tác-giả Lê-qui-Đôn] có được xem nguyên bản khắc gỗ mười bài thơ vịnh cảnh Hà-tiên của Mạc-thiên-Tứ.

Các đầu đề-mục ấy như sau này :

1. Kim-dự lan đảo là Chặn sóng đảo Kim-dự. Dự là đảo nhỏ.



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

2. Binh-sơn điệp thủy là Núi Binh-sơn chập-chùng màu xanh biếc.
3. Tiêu-tự hiệu chung là Tiếng chuông sớm ở chùa Tiêu.
4. Giang-thành dạ cổ là Tiếng trống đêm ở Giang-thành.
5. Thạch-dộng thôn vân là Đám mây ở sâu vào trong động đá, hay là Động đá nuốt mây.
6. Châu-nham lạc lộ là Con cò bay rả xuống núi Châu.
7. Đông-hồ ấn nguyệt là Mặt trăng in trên mặt nước hồ Đông.
8. Nam-phố trưng ba là Bến Nam-phố sóng lặng.
9. Lộc-trĩ thôn cư là Dân-cư ở nơi núi Lộc.
10. Lư-khê ngư bạc là Thuyền chài đánh cá dậu ở bến khe Lư.

Các đầu-dề trên đây đều do Mạc-thiên-Tứ đề xướng, mà các người Trung-quốc cùng các văn-nhân ở Thuận-hoá và ở Quảng-nam cùng nhau hoạ lại. Xem đó, chúng ta không nên bảo ở ngoài miền biển không có văn-chương vậy.

Mạc-thiên-Tứ có đề bài thơ thứ 9 như sau :

[tức là : Lộc-trĩ thôn-cư]

鹿 峙 村 居

竹 屋 風 過 夢 始 醒  
鴉 啼 簷 外 却 難 咱



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

殘霞倒影沿窻紫  
密樹低垂接圃青  
野性偏隨猿鹿靜  
清心每羨稻梁馨  
行人若問住何處？ [170b]  
牛背一聲吹笛橫

*Phiên âm*

LỘC-TRÍ THÔN-CƯ

Trúc ốc phong qua mộng thủy tinh,  
Nha đề diêm ngoại khước nan thanh.  
Tàn hà đảo ảnh duyên song tử,  
Mật thụ đề thụ tiếp phổ thanh.  
Dã tính thiên tùy viên lộc tĩnh,  
Thanh tâm mỗi tiện đạo lương hình.  
Hành nhân nhược vấn trú hà xứ ?  
Ngưu bối nhứt thanh xuy địch hoành.

*Tạm dịch nghĩa đên*

DÂN-CƯ NƠI NÚI LỘC

Vừa tỉnh giấc mộng sau khi cơn gió thoảng vào nhà tre.  
Tiếng con quạ kêu ngoài mái nhà rất khó nghe.



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

Ánh sáng buổi chiều soi vào cửa sổ thành màu tia.  
Cành cây chi-chít rũ xuống thấp khắp vườn xanh-ri.  
Tĩnh què - mùa muốn yên - tĩnh cũng như loài vượn, loài  
hươu.  
Lòng trong-sạch hằng ư mùi thơm lúa đạo, lúa lương.  
Khách đi đường muốn biết thôn-cư này ở nơi nào?  
Thì cứ hỏi chú mục-dồng thời sáo ở trên lưng trâu.

### *Tạm dịch theo Đường-luật, thể Thất-ngôn*

Gió thoảng nhà tre tỉnh giấc nồng,  
Ngoài thềm tiếng quạ khó nghe không?  
Ráng tàn, màu tia dòm song chếch,  
Cây rũ, cành xanh tiếp đất trồng.  
Què-kệch tỉnh ư hươu vượn tĩnh,  
Sạch-trong lòng thích nếp kẻ xông.  
Khách như muốn biết thôn-cư ấy,  
Xin hỏi lưng trâu chú mục-dồng.

Mạc-Thiên-Tử đề bài thơ thứ 10  
[tức là : Lư-khê ngư bạc].

驢 溪 漁 泊

遠 遠 滄 浪 啣 夕 照  
驢 溪 烟 裡 出 漁 燈





PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NĂM

橫 波 曠 暎 泊 孤 艇  
落 月 參 差 浮 翠 罍  
一 領 蓑 衣 霜 氣 迫  
幾 聲 竹 棹 水 光 凝  
飄 零 自 笑 江 湖 客  
欲 附 魚 龍 却 未 能

*Phiên âm*

LU-KHÊ NGU BẠC

Viễn-viễn thương lãng hàm tịch chiếu,  
Lư-khê yên lý xuất ngư đăng.  
Hoành ba yêm-ảnh bạc cô đỉnh,  
Lạc nguyệt sâm-si phủ thúy tăng.  
Nhứt linh thôi y sương khí bức,  
Kỷ thanh trúc trạo thủy quang ngưng.  
Phiêu-linh tự tiểu giang-hồ khách,  
Dục phụ ngư long khước vị năng.

*Tạm dịch nghĩa đen*

THUYỀN CHÀI ĐÁNH CÁ ĐẬU Ở BẾN LƯ

Xa-xa ánh sáng soi vào làn sóng lúc bóng xế chiều.  
Trong đám mây khói ở bến Lư ló ra ngọn đèn thuyền chài.



## PHỤ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

Có sóng lấp-lánh vô vào một thuyền chài dậu ở đó.  
Nhưng cái nơm đó nôi xan-xát trong khi mặt trời lặn.  
Người thuyền chài khoác một cái áo tơi chống hơi sương  
lạnh.

Mấy tiếng mái chèo tre bơi dưới nước loang-loáng.  
Riêng ta lại tự cười bầy còn lưu-lạc nơi biển khơi,  
Vẫn muốn giúp rồng cá [vi giúp quân vương] mà chưa toại  
nguyện.

### Tạm dịch văn vần

*Xa-xu làn biếc ánh tà,  
Bến Lư trong khói lò ra ngọn đèn.  
Sóng đưa lấp-lánh vô thuyền,  
Mặt trời vừa lặn người liền thả nơm.  
Áo tơi nấng trữu hơi sương,  
Chèo tre mấy chiếc nước vương sáng-loè.  
Bề khơi cười tớ rời quê,  
Cá rồng muốn giúp để gì có duyên.*

### Tạm dịch theo Đường-luật, thề Thất-ngôn

*Xa-xa giòng nước, bóng chiều thừa,  
Khói tỏa thuyền chài làn bến Lư.  
Sóng gợn long-lanh thuyền lẻ bóng,  
Chiều tà thấp-thoáng đó chen lư.*



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

Áo lơi một mảnh hơi sương nặng,  
Chèo trúc bao phen nước sáng loè.  
Xiêu-giạt cười ta ngoài biển rộng,  
Hoá long chưa dễ gặp thời-cơ.

Xem hai bài thơ trên đây, người ta cũng đủ biết chí-khí của tác-giả.

+

Mùa xuân năm Ất-vị [tức năm 1775 sau Công-nguyên], quan quân [tức quân Trịnh] đánh lấy được Thuận-hoá, Nguy Nhạc chiếm-cử Quảng-nam, Nguyễn-phúc-Thuần [tức Duệ-tông] chạy vào Gia-dịnh. Mạc-thiên-Tứ lúc bấy-giờ đã ngoài 70 tuổi, còn cố-gắng gìn-giữ mọi việc được hoàn-toàn, ông hết sức giúp nhà Nguyễn để chống lại Nguyễn-Nhạc, cũng là một người có lòng trung-nghĩa vậy. Hiện lúc ấy người ta chưa biết ông ở nơi đâu?

+

[171a] Mười bài thơ vịnh cảnh Hà-tiên do Mạc-thiên-Tứ đề-xướng, rồi người Trung-quốc là Châu-Phác, Ngô-chi-Hàn, Lý-trường-Nhân, Đôn-bình-Ngự, Vương-sởng-Đắc, Lộ-phùng-Cát, Từ-hiệp-Phỉ, Lâm-duy-Tắc, Từ-Hoành, Lâm-kỳ-Nhiên, Trần-duy-Đức, Từ-dăng-Cơ, Phùng-ngọc-Sùng, Trần-bá-Phát, Hoàng-kỳ-Trân, Chu-cảnh-Dương, Trần-thụy-Phượng, Trần-tự-Lan, Trần-dược-Uyên, Trần-minh-Hạ, Trần-diễn-Tứ, Tôn-văn-Trân, Tôn-thiên-Thụy, Tôn-quý-Mậu cộng 25 người, và người nước Việt-nam là Trịnh-liên-Sơn, Phan-thiên-Quảng, Trần-Nghi, Trần-





PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NĂM

亦 可 當 河 仙 志 乘 云 。  
丁 巳 季 夏 ， 上 浣 ， 鄭 天 賜 士  
麟 氏 自 序 于 懋 德 軒 。

*Phiên âm*

An-nam Hà-tiên trấn cồ thuộc hoang-từu. Tự Tiên-quân khai-sáng dĩ lai tam thập dư niên, nhi dân thủy hoạch yên-cư, sảo tri thụ thực.

Ất-mạo hạ, dư toản thừa tiên tự; chính-sự chi hạ, nhựt dư văn nhân đàm sử vịnh thi.

Bính-dần xuân, Việt-đông Trần-Tử hàng hải chí thử, dư đãi vi thượng-tân. Mỗi hoa thần nguyệt tịch, ngâm-vịnh bất xuyết. Nhân tương Hà-tiên thập vịnh tương chúc hoạ, Trần-Tử thụ xí kê đàn, thủ xướng phong nhã. Cập kỳ phản trạo Châu-giang, phân đề bạch xā. Thừa chư công bất khí, như đề vịnh tự, vụng thành nhứt sách, dao ký thị dư, nhân phó kỷ-quyết.

Thị tri sơn xuyên đắc Tiên-quân phong-hoá chi hành, tăng kỳ tráng-lệ, phục đắc chư danh-sĩ phàm đề, ích tư linh-tú. Thử thi bất độc vi hải quốc sinh-sắc, diệ: khả đương Hà-tiên chí thặng vân.

Đinh-tý quý hạ, thượng-cán, Mạc Thiên-Tứ Sĩ-Lân-thị tự tự vu Mậu-đức hiên.



*Phụng dịch nghĩa*

Trấn Hà-tiên nước An-nam ngày xưa là một vùng hoang-mãng.

Từ khi Tiên-quân tôi khai-sáng đến nay đã hơn 30 năm, nhân-dân mới được yên-cư sinh-sống, và đã hơi biết trồng cây cấy lúa.

Mùa hạ năm Ất-mão [năm 1735 sau Công-nguyên], tôi được nối nghiệp Tiên-nhân. Mỗi khi việc chánh-sự nhàn-rỗi, tôi ngày ngày cùng các văn-nhân bàn-luận sử-sách, ngâm-vịnh thi-chương.

Mùa xuân năm Bình-thìn [tức năm 1736 sau Công-nguyên], có bạn Trần-Tử từ vùng Việt-đông vượt biển đến đây, tôi trọng-đãi như bậc Thượng-khách. Những khi hoa sớm trắng chiều, chúng tôi luôn luôn cùng nhau ngâm-vịnh. Nhân đem 10 bài thơ vịnh cảnh Hà-tiên của tôi để các vị cùng họa lại. Trần-Tử là một vị đã dựng lá cờ đầu tiên trên kê đàn, đã khởi-xướng những câu thơ phong-nhã trước mọi người.

Kịp đến khi ông trở về Châu-giang [Trung-quốc], ông lại đưa mấy bài thơ của tôi cho các vị làng thơ nơi đó. Được các vị quá yêu-thương, đều chiếu đề-mục vịnh theo, rồi ông thâu-thập và đóng thành một quyển sách gửi sang cho tôi. Tôi nhân tiện giao-phó cho thợ khắc in.

Ấy mới biết non sông này đã được phong-hoá của Tiên-quân tôi lưu-hành thêm phần rạng-rỡ. Nay lại được các bậc danh-sĩ phẩm-đề, non sông này càng thêm phần anh-linh chung-tú. Vậy tập thơ này không những làm cho miền biển này được



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

sinh sắc, mà còn đáng làm một sách « Chí-thặng » về địa-lý trấn Hà-tiên này nữa.

Ngày Thượng-tuần, tháng Quý-hạ, năm Đinh-tị [1737].

Mạc-thiên-Tứ Sĩ-lân thị tự viết bài tựa này ở hiên Mậu-đức.

Nay xin chép lại vài bài thơ hoạ trong tập Hà-tiên thập vịnh để mọi người thưởng-thức.

1) Vương-Sương hoạ bài thơ « Kim-dự lan đào » như sau :

### 金 嶼 欄 濤

鰲	背	芙蓉	鎖	翠	烟
夕	陽	人	立	思	悠
誰	移	東	海	三	山
自	砥	南	溟	一	掌
截	斷	水	痕	潮	有
撼	殘	風	力	浪	無
書	生	獨	抱	梯	航
空	對	文	瀾	枕	硯



## PHÙ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NĂM

### Phiên âm

Ngao bổi Phù-dung toả thúy yên,  
Tịch-dương nhân lập tứ du-nhiên.  
Thùy di Đông-hải tam sơn thạch,  
Tự đề Nam-minh nhứt chương thiên.  
Tiệt đoạn thủy ngân triều hữu tín,  
Hám tàn phong lực lãng vô quyền.  
Thư-sinh độc bảo thê hàng chí,  
Không đối văn-lan chàm nghiên điền.

### Phụng dịch nghĩa đén

Núi Phù-dung ở lưng Ngao mờ khói biếc,  
Người đứng ngắm cảnh trời chiều mà tứ buồn-thiu.  
Ai hay đời đá ba núi ở biển Đông về?  
Đề chặn biển Nam như một cánh tay chống trời.  
Nước thủy-triều vẫn đứng kỳ, nhưng bị núi này chặn hẳn,  
Núi này ngăn sức gió, làm cho sóng không còn có quyền.  
Kẻ thư-sinh này vẫn ôm-ấp chi trèo non vượt biển,  
Chứ không lưu ý gì đến việc văn-chương nghiên bút.

### Tạm dịch văn vần, thề Song-thất Lục-bát.

Ở lưng Ngao Phù-dung khói toả,  
Đứng buồn trông bóng ngả chiều tàn.





## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NĂM

Ai đem đá núi Tam-san ?  
Một tay ngăn chống biển Nam chọc trời.  
Thủy-triều ngăn nước vạch đôi,  
Gió to cản được, sóng trời không quyền.  
Chỉ ưa trèo núi vượt thuyền,  
Không cần lưu-ý bút nghiên văn bài.

### Tạm dịch theo Đường-luật, thề Thất-ngôn

Non Ngao toả khói biếc Phù-dung,  
Người đứng buồn-thiu trước cảnh trông.  
Đông-hải kia ai dời đá đến ?  
Nam-minh nào kẻ chống tay không ?  
Ngăn đôi thủy ngăn triều nhô-nhấp,  
Giập tắt hùng phong sóng chập-chờng.  
Non biển xông-pha bèn chí-hướng,  
Hur-văn xướng hoạ chẳng hoài công.

2) Đơn-bình-Ngự hoạ bài thơ « Bình-sơn điệp thúy » như sau :

### 屏 山 疊 翠

芙蓉高巒出雲霄  
環列如屏入望遙



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

一 畫 山 光 橫 翠 黛  
幾 重 雨 氣 漲 紅 潮  
[172b] 風 來 石 罅 青 常 染  
霞 暎 苔 痕 綠 未 消  
愧 我 十 年 雙 屐 折  
浪 遊 空 笑 老 塵 器

*Phiên âm*

Phủ-dung cao tiết xuất vân tiêu,  
Hoàn liệt như bình nhập vọng diêu.  
Nhứt hoạch sơn quang hoành thúy đại,  
Kỷ trùng vũ khí trưởng hồng triều.  
Phong lai thạch hổ thanh thường nhiễm,  
Hà ánh đài ngân lục vị tiêu.  
Quý ngã thập niên song kịch chiết,  
Lãng du không tiểu lão trần hiêu.

*Phụng dịch nghĩa đên*

Núi Phủ-dung cao chót-vót sát từng mây,  
Trông xa-xa thấy la-liệt như bức bình-phong.  
Một dãy núi xanh tươi nằm ngang như nét nga-my vẽ màu  
sáng-láng,



## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NĂM

Mấy lần hơi mưa rào-rạt làm nước thủy-triều dâng lên đở-  
lòm.

Gió thổi vào hang đá như nhuộm màu xanh,  
Ráng chiều dội vào làn rêu chưa phai màu lục.  
Thẹn ta mười năm nay đã lê gầy hai chiếc guốc gỗ,  
Lại cười mình chỉ vì chơi phiếm, làm già cả cuộc đời phong  
trần.

### *Tạm dịch theo Đường-luật, thề Thất-ngôn*

Tầng mây cao ngắt núi Phù-dung,  
Tựa bức bình-phong thăm-thăm trông.  
Một nét mây ngang non sáng-rực,  
Mấy lần mưa dội nước triều hồng.  
Gió lùa hang đá màu xanh nhuộm,  
Ráng dội làn rêu vẻ biếc lồng.  
Tự thẹn mười năm lê guốc gầy,  
Phong-trần già mặt bởi chơi ngông.

3) Trần-Nghi hoạ bài thơ « Thạch-động thôn vân » như sau :

### 石 峒 吞 雲

凌 霄 一 氣 鬱 嵯 峨  
呼 吸 虛 能 養 太 和



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

燦 爛 金 枝 藏 石 淵  
氤 氳 玉 葉 布 岩 阿  
閒 來 入 夢 陽 臺 幻  
懶 去 從 龍 碧 漢 過  
漫 道 無 心 頻 出 岫  
九 天 霖 雨 待 如 何

*Phiên âm*

Lãng tiêu nhứt khí uất tha-nga,  
Hô hấp hư năng dưỡng thái-hoà.  
Xán-lạn kim chi tàng thạch giản,  
Nhân-huân ngọc điệp bổ nham a.  
Nhàn lai nhập mộng dương đài ảo,  
Lại khứ tòng long Bích-Hán qua.  
Mạn đạo vô tâm tần xuất tỵ,  
Cửu thiên lâm-vũ đãi như hà.

*Phụng dịch nghĩa đen*

Một đám hơi bốc nghi-ngút cao ngất trời,  
Thở hút nhẹ-nhàng có thể bồi-dưỡng lành mạnh.  
Như cảnh vàng rực-rỡ chứa vào khe đá,



## PHÚ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NĂM

Như lá ngọc rải-rác bầy khắp sườn non.  
Gặp lúc rồi hoá giấc ảo mộng chốn Dương-đài <sup>1</sup>,  
Biếng đi theo rồng <sup>2</sup> qua sông Bích-Hán.  
Đừng bảo đám mây thường đùn ở trong hang núi ra là vô  
tâm,  
Hiện khắp chín phương trời đương mong mưa, đợi xem sao.

### *Xin tạm dịch văn vần*

*Tầng mây nghi-ngút khi xông,  
Không-gian thở hút hơi trong tốt lành.  
Cành vàng khe đá long-lanh,  
Sườn non lá ngọc như hình bốc hơi.  
Khi nhân xây mộng Dương-đài,  
Biếng qua sông Hán theo đòi rồng thiêng,  
Mây đùn đừng bảo tự-nhiên,  
Chín phương trời đó khắp miền trông mưa.*

4) Lý-trường-Nhân hoạ bài « Lọc-trĩ thôn cư » như sau :

---

1. Tích xưa, bài tựa phú Cao-đường của Tống-Ngọc có nói: Vua Trương-vương nước Sở đi chơi đất Cao-đường, nằm mộng thấy một mỹ-nhân đến cùng nhà vua chẵn gối. Trước khi từ-biệt, mỹ-nhân ấy thưa rằng: Thiếp này ở núi Vu-sơn, ban sớm là mây, ban chiều là mưa, sớm chiều nào cũng ở nơi Dương-đài.

2. Mây theo rồng là bởi câu: « Vân tòng long, phong tòng hồ ».



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

鹿 峙 村 居

鱗 鱗 衡 宇 鎖 重 扁  
淳 古 人 依 古 翠 屏  
隴 背 露 繁 桑 葉 嫩  
川 頭 風 細 稻 花 馨  
[173a] 耆 年 想 漢 稱 三 老  
童 塾 尊 周 誦 五 經  
得 失 醒 來 蕉 夢 破  
豕 園 鷄 探 夕 初 冥

*Phiên âm*

LỘC-TRÍ THÔN CƯ

Lân-lân hành-vũ toả trùng quynh,  
Thuần cồ nhân y cồ thúy bình.  
Lũng bổi lộ phiến tang diệp nộn,  
Xuyên đầu phong tế đạo hoa hình.  
Kỳ niên tưởng Hán xưng tam lão,  
Đồng thực tôn Chu tụng Ngũ kinh.  
Đắc thất tỉnh lai tiêu mộng phá,  
Thĩ khuyên kê kiệt tịch sơ minh.



## PHÚ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NĂM

### Tạm dịch nghĩa đen

Những nhà cửa ở liền nhau như vảy cá bao quanh mấy lần,  
Nhân-dân nơi đây còn giữ cổ phong, như tựa vào tấm bình-  
phong cổ.

Lưng đồi nhiều sương-móc, nên lá cây dâu còn non,  
Đầu sông gió hiu-hiu, sức mùi thơm hoa lúa nếp.  
Các bậc tuổi già tưởng-nhớ phép nhà Hán, gọi là Tam-lão,  
Các trường học-sinh tôn-trọng phép nhà Chu, thường đọc  
Ngũ-kinh.

Việc được mất trên đời, khi rượu say sẽ phá tan giấc mộng  
tiêu-lộ<sup>1</sup>.

Chiều chiều, sớm sớm quanh-quần nơi chuồng gà và chuồng  
heo.

### Tạm dịch theo Đường-luật, thề Thất-ngôn

Cửa-nhà xan-xát mấy trùng liền,  
Ở tựa bình-phong tục cổ truyền.  
Sương nặng lưng đồi, dầu tốt mướt,  
Gió lay đầu nước, nếp thơm rền.

---

1. Ngày xưa, có chàng người nước Trịnh, một hôm đi kiếm củi trong rừng, bỗng gặp một con hươu chạy qua, anh liền đánh chết, rồi sợ có người trông thấy, anh mới đem con hươu chết để vào nơi rãnh khô, lấy tàu lá chuối phủ kín. Khi gánh củi về nhà, quên mất chỗ để, anh tìm mãi không thấy, nên anh cho là giấc mộng.



## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NĂM

Nhớ Hán, ông già Tam-lão tướng,  
Tôn Chu, con trẻ Ngũ-kinh tuyên.  
Rượu say, thua được cơn mơ tỉnh,  
Chuồng lợn, chuồng gà bóng nhấp-nhoem.

✦

Ông Nguyễn - đấng - Thịnh, người ở làng An - hoà, huyện Hương-trà, tỉnh Thừa-thiên, là chú ông Nguyễn-cư-Trinh.

Ông Thịnh học rộng văn hay, thi Hương đậu Hương-cống [cũng như Cử-nhàn sau này].

Ông thường dạy cho Hiền-quốc-công học, và làm quan trải qua các chức Tri - huyện, Cai - bạ, được phong Vệ - úy Hương-danh hầu.

Đến lúc Hiền-quốc-công xưng Vương, thì ông Thịnh được đổi sang quản-lãnh Lê-bộ [tức Lê-bộ Thượng-thư]. Khi tạ thế, ông đã được 70 tuổi.

Ông Thịnh có sáng-tác mấy bài thơ vịnh sử, lời thơ rất răn-rỏi và âm đậm. Nay xin lục ra mấy bài như sau :

### 1. 詠 漢 安 帝

雲 擁 龍 軒 十 六 秋  
永 初 天 子 正 優 游





PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

練 囊 自 損 房 圓 德  
木 偶 空 貽 黼 辰 羞  
閻 氏 朱 輪 方 闍 熱  
[173b] 馮 家 玉 輦 更 夷 猶  
夕 陽 誰 洗 孤 忠 恨  
自 付 潺 湲 洛 水 流

*Phiên âm*

1. VỊNH HÁN YÊN-ĐẾ

Vân ứng Long-hiên thập lục thu,  
Vĩnh-sơ Thiên-tử chính ưu-du.  
Kiêm nang tự tồn phòng-vi đức,  
Mộc ngẫu không di phủ-ỷ tu.  
Diêm-thị chu luân phương nao-nhiệt,  
Phùng-gia ngọc-liễn cánh di-do.  
Tịch-dương thùy tày cô trung hận.  
Tự phó sần viên Lạc thủy lưu.

*Tạm dịch nghĩa đen*

VỊNH VUA HÁN YÊN-ĐẾ

Mây trời ủng-hộ hiên rồng mười sáu xuân thu,  
Vời niên-hiệu Vĩnh-sơ, Yên-đế ưu-du tháng ngày.



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

Đầy lụa chỉ làm tôn-thương cái đức phòng-vi,  
Tượng gỗ chỉ để xấu-hỗ cho triều-đình nhà Hán.  
Xe ngoại-thích họ Diêm vào ra tấp-nập,  
Xe ngoại-thích họ Phùng lui tới dập-diu.  
Bóng chiều, nào ai tầy được hạn cô trung?  
Phó mặc nước trời sông Lạc chảy xuôi.

*Tạm dịch theo văn vần*

### VỊNH HÁN YÊN-ĐẾ

*Ngai rồng mười sáu thu đầy,  
Vĩnh-sơ Thiên-tử tháng ngày ưu-du.  
Phòng-vi kém đức làm vua,  
Bù-nhìn thẹn tiếng nghìn thu Hán-triều.  
Quyền về ngoại-thích quá nhiều,  
Diêm, Phùng hai họ dập-diu xe loan.  
Bóng chiều, ai rõ trung-can?  
Nước trời sông Lạc tràn-lan chảy hoài.*

## 2. 詠 宋 真 尊

秦 魏 彫 零 約 誓 塵  
謳 歌 有 屬 帝 圖 春



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

廟 堂 黑 白 迷 臧 否  
宮 觀 丹 青 信 鬼 神  
不 整 干 戈 收 故 壤  
空 將 金 幣 結 強 隣  
東 封 西 祀 成 何 事  
誰 爲 真 尊 問 上 真

*Phiên âm*

2. VỊNH TỔNG CHÂN-TÔNG <sup>1</sup>

Tần, Ngụy điều-linh ước thệ trần,  
Âu-ca hữu chúc Đế đồ xuân.  
Miếu-đường hắc bạch mê tang phủ,  
Cung-quán đan thanh tín quý thần.  
Bất chỉnh can qua thu cổ nhưỡng,  
Không tương kim tệ kiệt cường lân.  
Đông phong Tây tự thành hà sự?  
Thùy vị Chân-tông vấn Thượng-Chân?

1. Tống Chân-tông [998-1022], tên là Hoàn, là con Tống Thái-tông, và là Thân-phụ Tống Nhân-tông, ở ngôi được 25 năm. Trong thời Tống Chân-tông, vào năm 1004 sau Công-nguyên, nước Liêu đại cử binh mã đánh đất Thiên-uyên, nhà vua thân chinh, rồi cùng nước Liêu ước thề. Nước Liêu [tức Khiết-đan] có ảnh hưởng vào Trung-quốc bắt đầu từ đây.



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

### Tạm dịch nghĩa đen

#### VỊNH TỔNG CHÂN-TÔNG

Nhà vua khéo cùng với Tần và Ngụy thề-thốt,  
Khiến trăm họ Âu-ca để nghiệp thiên vạn xuân.  
Chỉ lo xây-dựng Miếu-đường mà không biết hay dở,  
Và lo tô son điểm phấn các Cung-quán đề mê-tin qui thần.  
Không chinh-đốn can qua để thu-hồi đất cũ đã bị mất,  
Cứ đem vàng bạc kết-giao với nước mạnh láng-giềng.  
Đông phong, Tây cúng luôn luôn mà có thành việc gì đâu,  
Có ai vì vua Chân-tông mà hỏi Thượng-Chân thế nào?

### Tạm dịch theo thề Lục-bát

Ngụy, Tần thề-thốt bụi mờ,  
Âu-ca trăm họ Đế-đồ mirng xuân.  
Miếu-đường hay dở khó phân,  
Quán-cung mê-tin Quỷ-thần hôm mai.  
Can qua khôn giữ đất-dai,  
Chỉ đem vàng lụa dâng hoài cường-lân.  
Đông phong Tây cúng bao lần,  
Ai vì vua hỏi Thượng-Chân thế nào?

### 3. 誅 宋 高 尊

晚 霞 世 界 属 黄 金  
誰 向 新 亭 嘆 陸 沉



## PHỤ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

伯 越 不 嘗 勾 踐 胆  
父 達 甘 屈 敬 塘 心  
百 年 帝 業 分 光 影 [174a]  
六 月 王 師 趣 好 音  
十 二 金 牌 千 古 恨  
水 天 無 路 問 微 欽

### Phiên âm

### 3. VỊNH TỔNG CAO-TÔNG <sup>1</sup>

Văn hà thế-giới thuộc hoàng-câm,  
Thùy hương Tân-đình thán lục trăm?  
Bá Việt bất thường Câu-tiền đởm,  
Phụ Liêu cam khuất Kinh-đường tâm <sup>2</sup>.

1. Tống Cao-tông tên là Cầu, là con thứ 9 của Tống Huy-tông, ở ngôi được 36 năm, đặt niên-hiệu là Kiến-viêm, rồi lại cải nguyên là Thiệu-hung. Cao-tông dời kinh-đô về Lâm-an. Năm Đinh-vị [1127 sau Công-nguyên], Tống Cao-tông lên ngôi ở Nam-kinh sau khi cha là Tống Huy-tông và anh là Tống Khâm-tông đều bị người Kim bắt đưa về phương Bắc rồi chết ở đấy. Dưới triều Tống Cao-tông. Tần-Cối làm tướng, và Nhạc-Phi bị sát hại.

2. Thạch Kinh-đường sinh vào thời-kỳ Ngũ-đại, làm tôi thờ nhà Hậu-Đường. Đến sau Thạch Kinh-đường đem quân Khiết-đan về tiêu-diệt nhà Đường. Khiết-đan lập Kinh-đường làm Hậu-Tấn Hoàng-đế. Khiết-đan tức là nước Liêu.



## PHỞ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NĂM

Bách niên Đế-nghiệp phân quang ảnh,  
Lục nguyệt vương sư mạc hảo âm.  
Thập nhị kim-bài thiên cổ hận,  
Thủy thiên vô lộ vấn Huy, Khâm <sup>1</sup>.

*Tạm dịch nghĩa đen*

### VỊNH VUA TỔNG CAO-TÔNG

Ráng chiều, thế-giới thuộc hoàng-kim [có ý nói nhà Tống, vào đời Tống Cao-tông, đã gần mất, ví như ráng chiều gần tan. Và lúc bấy giờ, nạn hối-lộ gần như công-khai, triều-đình mua quan bán tước, tiền là trên hết].

Ai là người hưởng về Tân-đình đề than-thở cái cảnh các người hiền-tài đều bị chìm, bị chết đắm trên cạn.

Nhà vua muốn làm bá nước Việt, mà lại không có gan ném mặt như Việt-vương Câu-Tiền ;

---

1. Huy, Khâm là Tống Huy-tông và Tống Khâm-tông, là hai vị vua nhà Tống trước Tống Cao-tông.

Tống Huy-tông, tên là Cát 佖, con của Tống Thần-tông, hiệu Kiến-trung, ở ngôi được 26 năm, bị người Kim phế. Tống Khâm-tông, tên là Hoàn 桓, con của Tống Huy-tông, hiệu Tịnh-khang, ở ngôi được 2 năm, bị người Kim phế.

Năm 1127 [Đinh-vị], người Kim bắt cả Tống Huy-tông và Tống Khâm-tông đưa về phương Bắc. Cả hai vua xin hàng người Kim mà cũng không được tha.



## PHỤ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

Nhà vua thờ nước Liêu, mà cam lòng chịu khuất-phục nước Liêu, như Thạch-Kính-Đường đem quân Liêu về tiêu-diệt nhà Đường.

Nghiệp Đế mấy trăm năm của nhà Tống, đến Tống Cao-tông đã chia mất ánh-sáng, nghĩa là đã đến lúc gần tối-tăm.

Sáu tháng vương sư đã im-bặt tiếng-tăm [« lục nguyệt vương-sư » xuất-xứ từ kinh Thi về Chu Tuyên-vương].

Mười hai kim-bài đề hạn cho muôn ngàn đời [trong một ngày mà tướng đại-tài là Nhạc-phi nhận được 12 lần kim-tự bài của nhà vua bắt phải kéo quân về].

Trời nước mệnh-mông, biết đường nào mà hỏi thăm tin-tức Tống Huy-tông [là cha] và Tống Khâm-tông [là anh].

### *Tạm dịch theo thẻ Đường-luật*

- a. Thế-giới hoàng-kim tựa ráng vàng,  
Tân-đình ai kẻ xót lòng thương?  
Khôn làm bá Việt, gan Cau-Tiền,  
Chịu khuất thờ Liêu, dạ Kính-Đường.  
Nghiệp đế trăm năm chia ánh sáng,  
Vương sư sáu tháng bặt tin thường.  
Mười hai kim-tự muôn đời hạn,  
Muốn hỏi Khâm, Huy đã hết đường.
- b. Ráng chiều thế-giới thuộc hoàng cầm,  
Ai kẻ thương cho cảnh lục-trầm?



**PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỂN NĂM**

Bá Việt khôn tày Vương-Tiền đóm,  
Thờ Liêu chịu khuất khấu-Kim xâm.  
Trăm năm đế-nghiệp chia tia-sáng,  
Sáu tháng vương-sur bật tiếng-tăm.  
Kim-tự mười hai lưu hận mãi,  
Cùng đường hồ dễ hỏi Huy, Khâm.

*Tạm dịch theo thẻ Lục-bát*

*Ráng chiều thế-giới hoàng-kim,  
Tân-đình than-thở nổi chìm là ai?  
Việt-vương ném mặt thua tài,  
Thờ Liêu chịu khuất, đóng vai Kính-Đường.  
Trăm năm nghiệp đế phủ-phàng,  
Vương-sur sáu tháng lại càng mất tăm.  
Kim-bài đề hận ngàn năm,  
Một trời, một nước Huy, Khâm khôn tìm.*

4. 詠 宋 度 尊

火 輪 隱 約 五 更 霜  
半 壁 山 河 入 醉 鄉  
斷 梗 已 甘 辭 汴 水  
孤 根 誰 料 失 襄 陽





## PHIÊN BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

秋 風 城 闕 排 鴛 鴦  
落 日 樓 臺 奏 鳳 凰  
笑 殺 邊 亭 無 片 紙  
半 間 花 草 孰 平 章

### Phiên âm

#### 4. VỊNH TỔNG ĐỘ-TÔNG

Hoả-luân àn ước ngũ canh sương,  
Bán bích sơn hà nhập túy-hương.  
Đoạn ngạnh dĩ cam từ Biện-thủy,  
Cô căn thùy liệu thất Tương-dương?  
Thu phong thành khuyết bài uyên lộ,  
Lạc nhật lâu đài tấu phượng-hoàng.  
Tiểu sái biên đình vô phiến chỉ,  
Bán gian hoa thảo thực bình chương?

### Tạm dịch nghĩa đen

#### THƠ VỊNH TỔNG ĐỘ-TÔNG <sup>1</sup>

Vầng trăng thấp-thoáng vì đêm năm canh sương sa,  
Phần nửa giang sơn như chìm đắm vào trong làng rượu.

1. Tống Độ-tông, húy là Kỳ, con của em Tống Lý-tông là Phúc-vương Dĩ-Nhuế, ở ngôi được 10 năm, lấy niên-hiệu là Hàm-thuận, là vị vua cuối cùng của nhà Tống.



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

Cành cắt, nhà vua đã cam tâm từ bỏ Biện-thủy,  
Rẽ trơ, Trương-dương lại mất vào tay địch một cách không  
ai ngờ.  
Gió thu hiu-hắt, bày chi cảnh áo mũ xênh-xang ở nơi thành-  
khuyết,  
Mặt trời khuất lặn, tấu chi khúc Phụng-hoàng là khúc  
nhạc vui mừng ở các lâu đài.  
Cười ngất chốn biên-dinh không có một mảnh giấy,  
Nên nửa gian hoa cỏ, nào có ai phạm-đề?

### Tạm dịch theo Đường-luật

- a. Vầng trăng thấp-thoáng suốt đêm sương,  
Phần nửa sơn hà nhập tửu hương.  
Cành cắt đã cam rời Biện-thủy! <sup>1</sup>  
Rẽ coi nào biết mất Trương-dương!  
Gió thu, thành khuyết bày uyên-lộ <sup>2</sup>,  
Ò lặn, lâu-đài tấu Phụng-hoàng <sup>3</sup>.

1. Biện-thủy tức là Biện-kinh, là kinh-đô của nhà Tống đã 200 năm, đến năm 1127, nước Kim đánh Tống, lấy được Biện-kinh, bắt Tống Huy-tông và Tống Khâm-tông đưa về Bắc-kinh.

2. Bày uyên-lộ là bày con uyên, con lộ, là bày áo mũ các quan văn võ triều-bái nhà vua. Buổi xưa, áo mũ các quan được thêu con cò và con uyên. Đến sau lại đổi áo mũ quan văn thì thêu con cò, áo mũ quan võ thì thêu con cọp.

3. Phụng-hoàng là khúc nhạc tấu vào lúc buổi mai, vào lúc thịnh thời. Ở đây, thì khi mặt trời đã lặn, người ta lại tấu khúc Phụng-hoàng.



## PHỬ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NĂM

Cười ngất biên-đình không mảnh giấy,  
Cỏ hoa nào có kẻ bình-chương? <sup>1</sup>.

- b. Trăng đêm thấp-thoáng bởi sương dày,  
Nửa mặt sơn hà đậm vẽ say.  
Biện-thủy đã cam từ bỏ chốn...  
Tương-dương nào biết mất vào tay...  
Bày ban văn võ mùa thu gió!  
Tấu khúc Phụng-hoàng lúc tối ngày!  
Hoa cỏ nửa gian không mảnh giấy,  
Phẩm-đề hồ dễ có văn hay?

### *Tạm dịch theo thể Lục-bát*

*Vầng trăng thấp-thoáng canh khuya,  
Non sông nửa vách đi về làng say.  
Lìa cảnh sông Biện từ đây,  
Tương-dương trơ-trọi nào hay mất liền.  
Gió thu thành-khuyết lộ-uyên,  
Lâu-đài trời tối khúc chen Phụng-hoàng.  
Thi ca mảnh giấy không màng,  
Nửa gian hoa cỏ thiếu trang phẩm đề.*

Ông Nguyễn-quang-Tiền có đề tại Giáng-hương-đường họ Nguyễn những câu như sau :

---

1. Bình-chương có nghĩa là phẩm-đề.



PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NĂM

素娥長掛千秋鑑  
金母頻開萬壽觴

*Phiên âm*

Tổ-nga trường quải thiên thu giám,  
Kim-mẫu tần khai Vạn thọ trường.

*Tạm dịch theo thể Thất-ngôn*

« Tổ-nga nghìn thuở treo gương sáng,  
Kim-mẫu muôn năm mở tiệc mừng ».

Hay là

« Tổ-nga treo mãi gương thu sáng,  
Kim-mẫu bày luôn tiệc thọ mừng ».

Ông Nguyễn-quang-Tiền lại có bài « Cầm-đường xuân khúc » theo điệu « Tây-giang nguyệt » như sau :

錦堂春曲  
〔西江月調〕

綉戶好迎秋月  
[174b] 珠簾初捲春風



PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NĂM

不 但 春 秋 渾 若 許  
宜 夏 又 宜 冬  
萬 彙 都 歸 煦 育  
羣 生 咸 被 旃 幪  
喜 際 清 時 何 以 祝 ？  
如 栢 又 如 松

*Phiên âm*

CẨM-ĐƯỜNG XUÂN KHÚC

[Tây giang nguyệt điệu]

Tú hộ hảo nghinh thu nguyệt,  
Châu liêm sơ quyền xuân phong.  
Bất đăn xuân thu hồn nhược hứ?  
Nghị hạ hựu nghị đông.  
Vạn vụng đô quy hú-dục,  
Quần sinh hàm bị biên-mông.  
Hỷ tế thanh thời hà dĩ chúc?  
Như bá hựu như tùng.

*Tạm dịch theo thể Lục-bát*

Ngõ hoa chào rước trăng thu,  
Rèm châu mới cuốn đón mùa gió xuân.



PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NĂM

Xuân thu khí-hậu bình-quản,  
Hạ qua, đông tới trăm phần vui-tươi.  
Muôn loài hoá-dục ơn trời,  
Đều nhờ che-chở nơi nơi hoà-bình.  
Nay mừng gặp buổi quang-minh,  
Chúc như từng bá thiên sinh thọ trường.

Ông Quang-Tiền còn có bài thi « Vịnh thiếu-nữ phong » như sau này :

詠 少 女 風

風	姨	十	八	正	婷	婷
到	處	生	涯	到	處	迎
江	上	凌	波	空	宛	轉
枝	頭	學	舞	自	輕	盈
珠	簾	綉	閣	長	爲	伴
瑤	草	琪	花	舊	有	情
模	樣	擬	將	傳	八	畫
是	空	是	色	畫	難	成



## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NĂM

*Phiên âm*

### VỊNH THIẾU-NỮ PHONG

Phong-di thập bát chính đình-đình,  
Đáo xứ sinh-nhai, đáo xứ nghinh.  
Giang thượng lãng ba không uyển-chuyền,  
Chi đầu học vũ tự khinh-dinh.  
Châu-liêm, tú-các trường vi bạn,  
Dao-thảo, kỳ-hoa cự hữu tình.  
Mô-giang nghi tương truyền nhập hoạ,  
Thị không, thị sắc hoạ nan thành.

*Tạm dịch nghĩa đen*

### VỊNH THIẾU-NỮ PHONG <sup>1</sup>

Phong-di mười tám thật là xinh-tươi đẹp-dẽ,  
Bất kỳ đi đến đâu cũng được người người hoan-nghinh cả.  
Luồng sóng trên sông, Phong-di vốn không uyển-chuyền,  
Ở trên cành cây học múa, Phong-di tự thấy nhẹ thênh-thênh.  
Rèm châu, các tia, vốn là chỗ quen biết đã lâu ngày,  
Cỏ lạ, hoa thơm, vốn là nơi bạn-hữu tâm-tinh với nhau.  
Người ta đã toan đem vẽ truyền hình mô-giang Phong-di,  
Nhưng mà Phong-di vốn là không-không, sắc-sắc, nên rất  
khó mà vẽ cho thành.

---

1. Thiếu-nữ phong là Phong-di, hay Phong-thần, tức là thần làm gió.



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

### *Tạm dịch theo Đường-luật*

- a. Phong-di mười tám thật là xinh,  
Đi tới nơi đâu cũng thích tình.  
Dưới nước sóng dờn thường uyển-chuyền,  
Trên cảnh học múa nhẹ thềm-thềm.  
Rèm châu, các tia bao nhiêu bạn,  
Cỏ lạ, hoa thơm biết mấy tranh.  
Mô-giang, đã toan truyền phỏng hoạ,  
Ấy không hay sắc vẽ khôn thành.
- b. Phong-thần mười tám đẹp ai tay,  
Đi đến nơi nào cũng thích thay.  
Mặt nước sóng dôi, thoang-thoảng thổi,  
Đầu cảnh học múa, nhẹ-nhàng lay.  
Rèm châu, các tia quen từ thuở...  
Cỏ lạ, hoa thơm bạn những ngày...  
Đã sắp đem đi truyền hoạ giang,  
Ấy không hay sắc vẽ sao đây?

### *Tạm dịch theo thề Lục-bát*

- a. *Phong-di mười tám xinh-tươi,  
Đi đâu cũng được người người hoan-nghinh.  
Trên sóng làn sóng rung-rinh,  
Đầu cảnh học múa tự mình nhẹ-thềm.  
Rèm châu, các tia bạn mình,  
Hoa thơm, cỏ lạ mỗi tình xưa nay.*





## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NĂM

*Muốn đem mô-giang trình-bày,  
Ấy không, ấy sắc khó thay vẽ-vời.*

- b. *Di gió mười tám thật xinh,  
Tới đâu cũng được hoan-nghinh nồng-nàn.  
Rung-rinh mặt nước sóng làn,  
Trên cảnh học mùa nhẹ-nhàng biết bao.  
Rèm châu, các tia bạn-bầu,  
Hoa thơm, cỏ lạ từ lâu mới tình.  
Rắp đem mô-giang truyền hình,  
Không không, sắc sắc bức tranh khó thành.*

Người ta từng được nghe nói vào thời-đại Tộ quốc-công [tức chúa Nguyễn-phúc-Chu, hiệu Thiên-túng đạo-nhân], nhà Nguyễn có giao-thông với Thiên-triều [tức Triều-đình Trung-quốc], và có đưa của-cải đút-lót cho quan Tổng-đốc [175a] Lưỡng-Quảng [Quảng-đông và Quảng-tây] là 5 vạn lượng bạc đề xin cầu phong vương-tước và xin triều-cống Trung-quốc. Nhưng hai vị Hoàng-đế hai triều nhà Thanh là Khang-hy và Ung-chánh vốn biết rõ Tộ quốc-công chỉ là một phiên-thần [bầy-tôi ở nơi biên-giới] của nước An-nam, nên không chấp-thuận lời xin.

Người ta cũng chẳng biết những việc truyền văn ấy có đích thực hay không?

Nay chúng tôi [tức Lê-quí-Đôn Tiên-sinh] được thấy quyền cựa-biên tại nhà ông Nguyễn-quang-Tiền [nguyên làm Trấn-thủ Phú-xuân], nên mới biết chắc-chắn những việc ấy quả có thật.

Triều-đình Thuận-hoá lại cùng với quan Đốc-viện [tức Tổng-đốc] tỉnh Quảng-đông thường có tin-sứ qua lại đưa tin-tức cho nhau.



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

Ngày tháng 5 năm Nhâm - ngọ là năm thứ 41 niên - hiệu Khang-hy nhà Thanh [tức năm 1702 sau Công-nguyên], nhà Nguyễn có bản thảo gởi Tấu-văn lên vua Đại-Thanh nói rằng:

“ 溷遠奉外，從地。從臣天僧施。光祖，適飄  
福為臣之國，土朝行濂為如辰教蕩之榮貼。風  
阮，洋諸，天梵石，黃聲浩月上觀命，  
臣言事巨方遠 [175b] 修僧暇武生，恩日，庶待日  
莽上化土南達達世庵之文監仁皇依國黎誠二  
草叩向聞與里上，壽誦神東皇見仰之耀歸初  
國百誠，道敢佛長經聖廣頌益，庸下，月  
越首抒緒代，未信東，上又同，化附，心九  
外頓德基年隸，父廣典皇，徹方向比祀有年  
海首懷尊歷附小祖師內述德興遐領竊裡藿去  
稽方祖多無隘臣臣受備仁徒及引，考葵於



知代赴，由辰方一十十對十五上呈，懇鑒蒙歸表惶以允，  
 境貢，情黃貢重斤斤一五竹船具達哀，若允賚聖悃不  
 國護糧誠生附，三一團百棕貢徹題量，俞臣仰下帝  
 臣誠米歸監帶塊重重銅三；副興臣。[176b]之化寶陪天書皇  
 抵虔送將付賚一塊，公重枝羅徒替寵載向墨遣貼直仁  
 船，資謹，身香一塊雷，十還僧逸光地臣翰敢任謹祖  
 貢職，凋文隨珮又一；枝五交辰倩有覆許御後無至，聖  
 副 [176a] 隻，福表徹琦；金錢二藤先黃院寔天，賜然臣之清  
 羅天 [176a] 船東阮具興上兩生五牙花，生督尊子心俯臣，命大  
 暹修修廣臣虔徒上十；兩象；枝監東祖天徹恩，謝待，”



## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NĂM

### Phiên âm

“Hải ngoại Việt quốc thảo-mãng thần Nguyễn-phúc-Chu khế thủ đốn thủ bách khẩu thượng ngôn, vi viễn phương hoài đức trở thành hướng hoá sự.

Thần phụng Tò Tôn cơ-tự, tịch thờ cự dương chi ngoại, đa lịch niên đại, dữ Nam-phương chư quốc, tông vô phụ-lệ. Đạo lý liêu-viễn, thờ-địa ái-tiêu, vị cảm thượng đạt Thiên-triều. Thần Tò phụ tín Phật, thể tu Phạn-hạnh. Thần sư Quảng-đông Trường-thọ-am tăng Thạch-Liêm tùng thụ Nội-diền. Kinh tụng chi hạ, vị thần bị thuật Hoàng-thượng Thánh Thần Văn Võ, như thiên nhân đức. Hựu Quảng-đông Giám-sinh Hoàng-Thìn tăng đồ Hưng-Triệt đồng tụng Hoàng nhân, thanh-giáo thi cấp hà phương, ích kiến Hoàng ân hạo dăng. Dẫn lãnh hướng hoá, Ngưỡng y nhứt nguyệt chi quang, thiết tử phụ-dung chi quốc, thượng vinh Tò khảo nhân tự, hạ diệu lê thứ quan chiêm. Quý hoác hữu tâm; qui thành đãi mệnh. Thích ư khứ niên cứu nguyệt sơ nhị nhứt, phong phiêu Tiêm-la phó-cống thuyền đề thần quốc cảnh, tri tu thiên chức, kiến thành hộ cống, đại tu thuyền chích, tư tổng mẽ-lương, tiên phó Quảng-đông. Thần Nguyễn-phúc-Chu cần tương qui thành tình-do, kiến cụ Biều-văn, phó Giám-sinh Hoàng-Thìn tăng-đồ Hưng-Triệt tùy thân tê-đái phụ cống phương-vật: thượng-thượng Kỳ-nam-hương nhứt khối trọng nhứt cân thập-lượng; hựu nhứt khối trọng tam cân thập lượng; sinh kim nhứt khối trọng nhứt cân, thập tam lượng, ngũ tiền; Lôi-công đồng khuyển nhứt đối; tượng-nha nhị chi, trọng tam bách ngũ thập cân; hoa-đăng ngũ thập chi; tông-trúc ngũ thập chi, tiên giao Tiêm-la phó-cống thuyền, thượng phó Giám-sinh Hoàng-Thìn tăng-đồ Hưng-Triệt cụ trình Quảng-đông đốc-viện thuyền yêu thể thần đề-đạt, thần Tò-



## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYÊN NĂM

Tôn thực hữu quang-sủng. Ai khàn Thánh Thiên-tử thiên phú địa tải chi lượng, giám thần vi tâm, hứa thần hương hoá. Nhược mộng Hoàng ân phủ tứ ngự hàn mặc báu du doãn qui thành, thần nhiên-hậu cảm khiến bồi-thần tề Biểu xưng tạ. Thần vô nhậm chiêm thiên ngưỡng thánh hoàng-túng đãi mệnh chi chí, cần trực thư hạ khồn dĩ văn ».

Đại-Thanh Thánh-tò nhân hoàng-đế bắt doãn.

*Tạm dịch nghĩa bài tấu-văn ấy như sau :*

« Thần nay là Nguyễn-phúc-Chu ở nước Việt-nam cúi đầu trăm lạy xin tâu về việc phượng xa hoài đức, dốc hết lòng thành xin được hưởng hoá như sau :

Thần thừa-hưởng cơ-nghiệp của Tổ-Tông mở đất-đai ở bên ngoài biển lớn, kể đã được lâu đời, không phải phụ-thuộc vào một nước nào về phương Nam cả. Đường-sá xa-xôi, đất-đai nhỏ-hẹp, nên Thần chưa dám đạo-đạt lên Thiên-triều.

Ông cha của thần vốn tin đạo Phật, đời đời tu Phạm-hạnh

Thần thờ sư Thạch-Liêm ở am Trường-thọ thuộc tỉnh Quảng-đông làm thầy, để học-tập Nội-diễn. Sau những lúc tụng kinh có thời-giờ thông-thả, nhà sư Thạch-Liêm thường thường thuật lại đầy-đủ cho thần biết đức Hoàng-Thượng là bậc Thánh Thần Văn Võ kiêm toàn, nhân đức Hoàng-Thượng như trời đất bao-la rộng lớn vô cùng.



## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NĂM

Lại còn kẻ tăng-dồ của Giám-sinh Hoàng-Thìn ở Quảng-đông là Hưng-Triệt cũng đồng-thời xưng-tụng lòng nhân đức to-lớn của Hoàng-Thượng, và thanh-giáo Thiên-triều lan-tràn đến những phương trời xa-xăm, càng thấy rõ ơn-trạch Hoàng-Thượng rộng lớn vô tận.

Thần ngàng cổ trông mong được hưởng hoá, đề nương-tựa ánh sáng của hai vầng nhật nguyệt, trộm phép được tự ví như một nước phụ-dung <sup>1b</sup>, trên thì được vẻ-vang về việc hương khói đối với ông cha, dưới thì được vinh-diệu đề toàn quốc nhân-dân chiêm-ngưỡng. Quý hoặc một lòng, qui thành đợi mệnh.

Nhân vừa ngày mùng 2 tháng 9 năm ngoái, có chiếc thuyền viên Phó-cống nước Tiêm-la bị sóng gió lớn trôi-giạt vào địa-phận nước chúng tôi, chúng tôi tự biết chức-phận của mình, nên đã hết lòng chân thành hộ-lống các đồ-vật cống-hiến, và thay sửa giúp chiếc thuyền cùng đệ-lống lương-thực để phái-đoàn phó-cống đi tới tỉnh Quảng-đông.

Thần là Nguyễn - phúc - Chu kinh - cần đem chân - tình và duyên-do muốn qui-thành, trần-trọng liệt-kê vào bản Biều-văn, rồi giao-phó cho tăng-dồ của Giám-sinh Hoàng-Thìn là sư Hưng-Triệt mang theo các phương-vật tùy thân đề xin phụ-cống như sau :

- Thượng-thượng hảo hạng Kỳ-nam-hương một khối nặng 1 cân 10 lạng.
- Lại một khối nặng 3 cân 10 lạng.

---

1b. Phụ-dung là nước rất nhỏ phụ-thuộc vào một nước chư-hầu.



## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NĂM

- Sinh-kim [vàng sống] một khối nặng 1 cân, 13 lượng, 5 đồng.
- Vòng đồng Lôi-công một đôi.
- Ngà voi hai chiếc nặng 350 cân.
- Hoa-đăng [mây hoa] 50 chi.
- Tông-trúc 50 chi.

Các đồ phương-vật kể trên, thần đã giao trước cho thuyền phó-cống nước Tiêm-la chuyền đưa cho tặng-đồ của viên Giám-sinh Hoàng-Thìn là nhà sư Hưng-Triệt đến trình-bày đầy-đủ với quan Đốc-viện [tức Tổng-đốc] tỉnh Quảng-đông, đề nhờ Ngài thay chúng tôi mà đề-đạt lên đức Hoàng-Thượng, thì Tồ-Tông chúng tôi thật được nhờ ơn trên làm cho thêm vẻ-vang rực-rỡ. Vậy thần khấn-khoản xin nhờ lượng trời che đất chở của đấng Thánh Thiên-tử soi xét tới tấm lòng tôn-kính vô biên của thần, mà chấp-nhận cho thần được hưởng-hoá.

Như được nhờ ơn đức Hoàng-Thượng hạ-cố phê-chuẩn cho phép hạ-thần được qui thành, thì hạ-thần mới dám sai-phái bồi-thần dâng Biều-văn xưng tụng bái tạ. Hạ-thần khôn xiết sợ hãi chiêm Thiên ngưỡng Thánh đề đợi mệnh-lệnh đức Hoàng-Thượng. Vậy xin kính-cần dâng thư tỏ-bày tấm lòng hèn-mọn tâu lên đức Hoàng-Thượng cao minh soi xét. »

Nhưng vua Thánh-tổ Nhân Hoàng-đế nhà Đại-Thanh [tức vua Khang-hy] không chấp-thuận bản tấu-văn kể trên.

+



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

Đến tháng 5 năm Giáp-thìn [tức năm 1724 sau Công-nguyên] là năm thứ 2 niên-hiệu Ung-chính<sup>1</sup>, Tộ-quốc-công lại có văn-thư và đưa lễ-vật sang toà Phủ-viện [tức toà Tuần-phủ] tỉnh Quảng-dông như sau:

“ 安南國順化等處節制太  
 傳祚國公阮福凋拜書于天  
 朝廣東巡撫都察院老憲臺  
 閣下：節過中 天； [177a] 人依  
 伏以：阜財解 愠， 在聖天  
 翠檄方揮五絃之 琴。； 滌煩祛  
 子苛， 惟老憲臺能 作萬間之  
 廈，  
 恭惟閣下：河馬圖靈； 津  
 龍劍氣， 負濟時之 偉畧，  
 建此勲猷； 挺命世之 奇才  
 ， 瑩為圭璧， 富學著 盛時  
 之策； 高名標清 代之風。

1. Niên-hiệu Ung-chính là niên-hiệu vua Thế-tông nhà Thanh. Vua Thanh Thế-tông là con vua Thánh-tô hiệu Khang-hy, ở ngôi được 13 năm, rồi đến vua Cao-tông hiệu Càn-long [con vua Thế-tông] ở ngôi được 60 năm nhứt nhì trong hàng Đế-vương.





PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NĂM

備文、武、之、兼、資、；、作、銓、衡、之、  
重寄、欣、需、膏、東、幸、觀、福、星、；、日、  
南化、；、故、都、雨、，、遠、地、古、稱、順、  
教、於、當、年、；、通、舟、航、於、此、日、  
、商、客、遍、[177b]、傳、德、政、；、祥、雲、企、  
獨、見、威、儀、，、正、某、景、仰、翹、企、  
之、時、也、，、  
伏、願、：、大、放、龍、門、，、使、滄、  
海、俾、遐、壤、以、普、天、常、依、化、日、；、臨、而、  
無、私、衡、，、獨、運、，、遐、陬、竟、沐、仁、風、  
、爰、憑、寸、楮、；、附、送、微、喜、  
仰、其、筦、存、；、殊、深、慶、喜、”、

Phiên âm

« An-nam quốc Thuận-hoá đẳng xứ Tiết-chế Thái-phó Tộ-quốc-công Nguyễn-phúc-Chu báii thư vu Thiên-triều Quảng-đông Tuân-phủ Đô-sát-viện lão hiên đài các hạ.

Phục dĩ: Tiết quá trung thiên; nhân y thúy-việt. Phụ tài



## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NĂM

giải uần, tại Thánh Thiên-tử phương huy ngũ huyền chi cầm ;  
địch phiến khư hà, duy lão Hiến-đài năng tác vạn gian chi hạ.

Cung duy Các hạ : Hà mã đồ linh ; tân long kiếm khí. Phụ tế  
thời chi vĩ lược, kiến thử huân du ; đỉnh mệnh thế chi kỳ tài, oánh  
vi khuê bích. Phú học trước thịnh thời chi sách ; cao danh tiêu  
thanh đại chi phong. Bị văn võ chi kiêm tư ; tác thuyên hành chi  
trọng ký. Việt-đông hạnh đố phước-tinh ; Nhật-nam hân triêm  
cao-vũ. Viễn địa cồ xưng Thuận-hoá ; cố-đô đồng phụng Thiên-triều.  
Tuân thanh-giáo ư đương niên ; thông châu-hàng ư thử nhật.  
Thương khách biên truyền đức-chính ; tường vân độc kiến uy-nghi.  
Chính mộ cảnh ngưỡng kiều xí chi thời dã.

Phục nguyện : đại-phóng long-môn, sử thương-hải nhi liên  
Bích Hán ; hằng thông vân-lộ, tử hà-nhượng dĩ tiếp Trung-hoa.  
Tuy chiếu lâm vô tư, phồ thiên thường y hoá nhật ; nhi quân  
hành độc vận, hà tuu cánh mộc nhân phong. Viên bằng thốn chữ ;  
phụ tống vi kiên. Ngưỡng kỳ quản-tồn, thù thâm khánh-hỉ ».

### *Phụng dịch nghĩa*

« Tôi là Thái-phó Tộ-quốc-công Nguyễn-phúc-Chu, lãnh  
chức Tiết-chế các xứ ở Thuận-hoá thuộc nước An-nam, trân-  
trọng kính thưa trình quan Tuần-phủ tỉnh Quảng-đông kiêm  
quản chức Đô-sát-viện ở Thiên-triều là Lão Hiến-đài các hạ.

Thiết nghĩ : Tiết đã quá nửa năm ; người vẫn nung bóng  
mát. Dư của-cải, cổi giận-hờn, Thánh Thiên-tử đương gảy



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

đàn năm dây thật hay ; bỏ hà-khắc, tẩy nhiễu-phiền, Lão Hiến-đài đương làm nhà muôn gian thật rộng.

Kính thừa Các-hạ : Ngài là bậc tượng đồ-linh ở Hà-mã ; ứng kiếm-khí ở Tân-long<sup>1</sup>. Mang thao-lược vĩ-dại để giúp đời, dựng được công to nghiệp lớn ; đem tài-đức cao-siêu để cứu thế, sáng như ngọc bích ngọc khuê. Học rộng biết bao, vạch sách-lược đời thịnh-trị ; danh cao xiết kể, nêu phong-thái buổi thanh-bình. Tài kiêm toàn văn võ ; trách giữ việc thuyên hành (cân nhắc, bỏ, thăng quan lại). Đất Việt-đông may-mắn được thấy vị Phước-tinh ; miền Nhựt-nam xa-xôi được nhờ ơn cao-vũ (mưa móc). Cõi đất xa-xăm chúng tôi từ xưa gọi là Thuận-hoá ; Thủ-đô cồ-kính chúng tôi đồng lòng thờ-phụng Thiên-triều. Vẫn tuân theo thanh-giáo từ năm nọ ; mà đi lại thông-thương đến ngày nay. Những khách buôn khắp nơi truyền đức-chánh ; trông đám mây lành thường thấy uy-nghi. Nay chính là lúc chúng tôi đương ngóng trông được chiêm-ngưỡng Thiên-triều vậy.

1. *Tân-long kiếm-khí* xuất-xứ từ Tấn-thư chép như sau : Nguyễn ông Trương-Hoa đời Tấn trông thấy giữa khoảng sao Ngưu và sao Đẩu thường có khí lạ [từ khí là khí tia] xông lên trời. Ông Trương-Hoa cũng nghe tiếng ông Lôi-Hoán rất giỏi thiên-văn, mới làm tờ Biếu xin cho Lôi-Hoán được làm chức quan Lệnh ở Phong-thành. Tại đây, Lôi-Hoán đào nền nhà ngục-thất, thấy có một cái hòm đá, trong đó đựng 2 thanh kiếm, một cái khắc hai chữ Long-tuyền, một cái khắc hai chữ Thái-a. Lôi-Hoán lấy một cái kiếm tặng Trương-Hoa, còn một cái kiếm nữa thì Lôi-Hoán tự đeo. Đến sau, Trương-Hoa bị giết, rồi mất cái kiếm. Rồi đến lúc Lôi-Hoán cũng mất, nhưng người con giữ lấy gươm ấy ; khi đi qua bến Diên-bình [nay thuộc phía đông huyện Nam-bình, tỉnh Phước-kiến, Trung-hoa], gươm ấy bỗng bị rớt xuống nước, rồi hoá thành hai con rồng bay đi mất. Vậy Tân-long kiếm-khí là khí kiếm ở Diên-bình tân [bến Diên-bình] thiêng-liêng như thế. Trong tự-điền Từ-nguyên, tại chữ *Diên*, tập *Dần*, trang 217 cũng có chú-thích gần giống như trên.



## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NĂM

Nay chúng tôi rất trông-mong :

Quý Ngài mở rộng Long-môn, khiến cho biển Thương-hải được nối liền với sông Bích-Hán ; thường thông vận-lộ, để cho nơi viễn-cảnh được tiếp gần với nước Trung-hoa. Tuy mặt trời soi-dọi chẳng có riêng ai, khắp cõi đất đều được nhờ hoá dục ; mà cán cân chuyền-văn chỉ nhờ một kẻ, ở phương trời cũng được gọi nhân-phong.

Vậy xin bằng vào ngọn bút, phụ dâng lòng thành. Mong được Ngài vui lòng chấp-nhận cho, thì chúng tôi rất lấy làm mừng-rỡ vô cùng ».

+

Tộ-quốc-công Nguyễn-phúc-Chu lại có văn-thư kính điều quan Tổng-đốc [Quảng đông] như sau :

“ 安南國順化等處節制  
太傅祚國公阮福瑊謹具白  
金一百兩，心代生葛，致  
祭于天朝前兩廣總督楊大  
司馬老憲臺之靈 • [178a]  
誄曰：





PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NĂM

歌 薤 露 之 短 篇 ； 忍 含 淚  
而 長 嘆 ．  
生 芻 一 束 ， 萬 里 將 誠 ．  
惟 昭 昭 之 鑒 格 ； 表 應 應  
之 衷 情 ．

*Phiên âm*

“ An-nam quốc Thuận-hoá đảng xứ Tiết-chế Thái-phó Tộ-quốc-công Nguyễn-phúc-Chu cần cụ bạch-kim nhưt bách lượng, tâm đại sinh-sô, trí tế vu Thiên-triều tiền Lương-Quảng Tông-đốc Dương Đại-Tư-mã Lão Hiến-đài chi linh. Lụy viết :

Trung-nguyên chính-khí, bàng-bạc Liêu-dương.  
Phương-sơn vi thành ; Lục-thủy vi hoàng.  
Xuyên nhạc đỉnh tú, sinh thử hiền-lương.  
Chiêm bỉ Dương-công, trạc-trạc kỳ phương.  
Nãi văn nãi võ, tài đức kiêm trường.  
Tiết-chế Lương-Việt, trạch cập hà phương.  
Bảo đề khai cấm, nhu-viễn tư trương.  
Tiên-Hoàng thác trọng, công-nghiệp hoàng-hoàng.  
Ô-hô Dương-công :  
Tam-Hàn Kỳ-sĩ ; Thượng-quốc linh chung.  
Tâm hoài Công đức, thực vi kỳ tôn.  
Cận xưng Hàn, Phạm ; Cồ tử Quý, Long.  
Thanh-bạch truyền gia, lễ-nghĩa tôn-sùng.  
Bả lưu thiện chính, viễn cận biên-mông.



## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NĂM

Tân quân sủng ốc, báo quốc tinh-trung.

Mộ cư hải điện, túc ngưỡng cao-phong.

Chính đương quyển-chú, lạc biển ai tùng.

Ô-hô Dương-công :

Tuy dung-nghi chi vị tiếp ; tín điền-hình chi khả truyền.

Ta dạ-đài chi trường vãng ; đồ vân vật chi thể-nhiên.

Ca giới-lộ chi đoản thiên ; nhân hàm-lệ nhi trường thán.

Sinh-sô <sup>1</sup> nhứt thúc, vạn lý tương thành.

Duy chiêu-chiêu chi giám-cách ; biểu luyện-luyện chi trung-tình ».

### Tạm dịch nghĩa

«Tôi là Thái-phó Tộ-quốc-công Nguyễn-phúc-Chu, lãnh chức Tiết-chế các xứ Thuận-hoá thuộc nước An-nam, kính-cần dâng 100 lượng bạch-kim để tỏ lòng thay món lễ thường, kính tế trước Linh-Toạ quan Cố Tổng-đốc Lưỡng-Quảng thuộc Thiên-triều là Dương Đại-Tur-mã Lão Hiến-đài, mà than rằng :

Chốn Trung-nguyên Chính-khi, hàng-bạc khắp Liêu-dương.

Lấy Phương-sơn làm thành ; lấy Lục-thủy làm hoàng [cái hào].

---

1. Sô 蓂 là rơm, cỏ khô, vật bỏ đi, vì thế nên người ta nói khiêm lễ phúng-điếu là sinh-sô. Chữ 蓂 mà trong bản-văn lại viết ra 蓂.



## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NĂM

Núi sông hun khí tốt, sinh ra bạc hiền-lương.  
Trộm chiêm - ngưỡng Dương - công ; sức - đức danh lưu  
phương.  
Có văn hay võ giỏi, tài đức đủ mọi đường.  
Tiết-chế hai tỉnh Quảng, ơn trạch khắp các phương.  
Giữ lời, mở lệ cấm ; mềm-dẻo với ngoại bang.  
Tiền-hoàng giao trọng-trách, công-nghiệp thật rõ-ràng.  
Than ôi Dương-công !  
Ngài là : Tam-Hàn người Kỳ-sĩ ; Trung-quốc khí linh-chung.  
Lòng nhớ công-đức ông, ai đáng tôn bằng ông ?  
Nay khen ông như ông Hàn, ông Phạm ; xưa ví ông như  
ông Quý, ông Long.  
Lấy thanh-bạch truyền gia-báu ; lấy lễ-nghĩa làm tôn-sùng.  
Ban-bổ thiện chính-sách ; xa gần nhờ bao-dung.  
Được vua mới sùng-ốc ; giúp nước lấy tinh trung.  
Tôi ở miền hải diện, rất ngưỡng-mộ cao-phong.  
Chinh đương lúc tôi quỵn - luyến, chợt hết vui đến đau  
lòng !  
Thương ôi Dương-công !  
Tuy dung-nghi Ngài, tôi chưa được tiếp-kiến ; nhưng điển-  
hình Ngài vẫn truyền mãi không cùng.  
Than-thở chốn Dạ-đài <sup>1</sup>, trông Ngài vắng-vẻ ; ngậm-ngùi  
nhìn cảnh-vật, cảm thấy lạnh-lùng.

1. Dạ-đài là âm-phủ. Kiều có câu : Dạ-đài cách mặt khuất lời....





## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

Xót-xa đọc thơ Giới-lộ<sup>2</sup>, than-van lệ ứa đôi dòng.

Sinh-sô một bó, muôn dặm tấc lòng.

Xin Ngài thiêng-liêng chứng-giám; để tôi bày-tỏ luyến-trung ».

+

Vào đời Hiều-vương nhà Nguyễn [chúa Nguyễn-phúc-Khoát], có bọn người quê ở tỉnh Phúc-kiến [Trung-quốc, gần Quảng-đông] là tên Lý-văn-Quang và đồng bọn làm phản-loạn ở tỉnh-hạt Gia-định. Đến sau, bọn cầm đầu đảng làm loạn ấy đều bị quan quân ta bắt được, và chúng đều bị giải đưa về nội địa nước Tàu. Và có công-văn của chúa Nguyễn gửi cho quan Tổng-đốc bên Tàu như sau :

“ 安南國順化廣南等處  
司牧阮不佞拜書于天朝閩  
浙總督太子[179a]太保老憲臺  
閣下：

---

2. Giới-lộ là bài ca điệu người chết. Đại-ý nói: Mạng con người ta như hạt sương móc ở trên cây kiêu dễ bị khô và bị diệt. Vào đời nhà Hán, Điền-Hoành tự sát, các môn-nhân thương tâm, mới làm bài bi-ca Giới-lộ. Người lúc bấy giờ, nhân đó cho bài Giới-lộ là bài tang-ca.



于政間。唐一閣，時珪司豈播光邑境大、邑  
 詳樂罔解。海龍藩瑞蘊攸。又文 [179b] 編定尊師編  
 ，禮遜畧也。四而周：深；天而李旅入妄做將  
 域；通，暨：內而閣龍之壁中也，等潛，或，  
 封殊，壤所子，外臺人卿半寰者年四，餘，名  
 川各典越之天軌；憲世九開于外卯謝心百督盜  
 山北墳司教聖同瘦。憲世九開于外卯謝心百督盜  
 惟南諸遐聲朝風舉魯老間朗雲政化丁，禍合都次  
 竊，稽佞亦天八濟齊惟；月，德于於輝藏烏稱以  
 “誌，不，今；濟堂恭鳳，鎗昭名通何包，或各

圖  
 刑  
 文  
 家  
 堂  
 儀  
 璋  
 鎖  
 但  
 聲  
 ；  
 內  
 餘



其道章懷常，月瓊五海國人。廷福計死，回  
 奪不刑披此定歲雷加差歸商允胡來各囚額調  
 天以置欲伏靡迴巡事該民本輕朗偶各在別領  
 而律姑正，踪遲分會職犯他不神，案或有委  
 既。然，等浮此東司貴等知故沉風公，俱者  
 縛。者彼船以廣使次彼素，官難等死，名。  
 臣就辜殺還商，命察四調任邑兵遭彼鋒亡六白斗  
 邊齊餘不送恐由欽按錄長往不編帶昨將交逃十稟懸  
 殺一有而，第無年道錄長，在標員迺或至在辭願  
 按，死拘訴，達往備紀船刑見今二，以見代伏  
 衷，，上憲道，兵級南正，鳳邑開，其，



魅 悉 照 ； 發 麟 經 于 筆 底 ，  
 亂 賊 難 逃 ． 雖 在 海 瀕 ， 亦  
 得 聞 政 令 之 餘 耳 ．  
 更 如 千 總 黎 輝 [180b] 德 ， 把  
 總 沉 神 朗 波 ， 胡 廷 鳳 乙 亥 年  
 詎 測 風 惠 ， 侯 萍 梗 回 唐 內 一  
 同 需 不 相 俟 憐 閩 ， 同 患 訴 是 非 意 卹 ，  
 同 病 自 相 爭 弁 還 一 海 涯 ，  
 此 ． 上 復 比 香 絹 十 三 斤 足 ， 魚 寸 坤 月 契  
 若 沉 黃 巢 參 項 ； 餅 中 華 日 月 ． 丹 忱 [181a] 默 貼 ，  
 ； 中 華 日 月 ． 丹 忱 [181a] 默 貼 ，



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

縱非言以見志，文以足言  
，將何景仰於萬一。  
寸楮神馳，伏祈炳鑒。  
謹書。  
乾隆二十一年七月日。

*Phiên âm*

An-nam quốc, Thuận-hoá, Quảng-nam đẳng xứ Tư-mục  
Nguyễn-Bất-Nịnh bái thư vu Thiên-triều Mân Tích Tông-đốc  
Thái-tử Thái-bảo Lão Hiến-đài các hạ:

Thiết duy: Sơn xuyên phong vực, tường vu đồ-chí, nam bắc  
các thù; lễ nhạc chính hình, kê chư phần-điền, nhĩ hà vãng gián.

Bất-Nịnh hà tư Việt-nhưõng, lược giải Đường-văn, diệc thanh-  
giáo chi sở ký dã.

Kim Thiên-triều Thánh Thiên-tử: tứ hải nhứt gia; bát phong  
đồng quĩ. Nội nhi long-các, tể-tể Cao<sup>1</sup>, Quỳ<sup>2</sup>; ngoại nhi Chu-phiên,  
đường-đường Tề Lỗ.

1. Cao là ông Cao-Dao, vị trưởng quan coi về việc hình ngục vào đời  
vua Đại-Thuấn nhà Ngu [sau nhà Đường, và trước nhà Hạ].

2. Quỳ là ông Quỳ, một vị hiền-thần thờ vua Ngu-Thuấn. Ông Quỳ là  
vị trưởng quan coi về nhạc.



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

Cung duy Lão Hiến-đài các hạ: thụy thời nghi-phượng; gián thể nhân-long. Thâm uần khuê chương, nguyệt lãng Cửu-khanh chi địa; du tư toả thược, vân khai bán bích chi thiên. Khởi dân chiêu đức chính vu hoàn trung; nhi hựu bả thanh-danh vu hoá ngoại giả dã.

Nhĩ ư Đinh-mão niên, Lý-văn-Quang, Hà-Huy, Tạ-Tứ đẳng lữ du biên ấp, bao tàng hoạ tâm, tiếm nhập Gia-định cảnh nội, ô hợp bách dư, vông tự tôn đại. Hoặc xưng Đô-đốc; hoặc tổ quân sư. Dư các dĩ thứ đạo danh, tương đồ biên ấp, thiện sát biên thần. Ký nhi thiên đoạt kỳ trung, nhứt tề tự phược. Luật dĩ "bất đạo", tử hữu dư cô. Nhiên cô trí hình chương, câu nhi bất sát giả, chính dục phi hoài thượng tổ, tổng hoàn bỉ đẳng, phục thử thường hiển. Đệ khủng thương thuyền phù tông mỹ định, đạo-đạt vô do, dĩ thử trì-hồi tuế nguyệt.

Vãng niên khâm-mệnh Quảng-đông phân tuần Lôi Quỳnh binh-bị đạo Án-sát-sứ ty Thiêm-sự gia ngũ cấp Ký-lục tứ thứ quý chức, cai sai Hải-nam thuyền trưởng vãng điếu bỉ đẳng phạm dân qui quốc Chính hình. Bất-nịnh tổ tri tha bản thương-nhân, kiến tại biên ấp, cổ bất khinh doãn.

Kim tiêu đáí binh quan Trầm-thần-Lãng, Hồ-đình-Phượng nhị viên, tạc tao nạn phong, ngẫu lai biên ấp. Nãi tương bỉ đẳng công án các các kê khai, hoặc giao phong tử, hoặc tại tù tử, dĩ chí đào-vong, câu hữu biệt ngạch. Kỳ hiện-tại thập lục danh giả, ủy lãnh điếu hồi, đại từ bầm bạch.

Phục nguyên huyên đầu cảnh vu toạ gian, ly vị tận chiếu; phát Lân-kinh vu bút đề, loạn tặc nan đào. Tuy tại hải tần, diệc đắc văn chinh-lệnh chi dư nhi.



## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NĂM

Cánh như Thiên-tổng Lê-huy-Đức, Bả-tổng Trầm-thần-Lãng, Hồ-đình-Phượng, Ất-hội niên cự trác<sup>1</sup> phong-ba, bình-ngạnh<sup>2</sup> cảnh nội, nhứt đồng nhu huệ, sĩ tổng hồi Đường<sup>3</sup>. Khởi ý đồng bệnh bất tương liên, đồng hoạn bất tương tuất, tự tương tranh-đấu, các tổ thị phi, thử giai Đường biên, phi quan tộ ấp chính điền. Cổ phong hoàn lưỡng tháo nguyên từ, hồi bầm Thượng-hiến, nhứt nhậm tài định.

Phục văn: «Hải nội tồn tri-kỷ, thiên nhai nhược tị lân», cung tặng thờ phương vi vật: trầm-hương ngũ cân, hoa-tiêu phiến ngũ bả, hoàng-quyển ngũ thất, tượng-nha nhứt song, yển-sào thập cân, ngư-sí tam thập cân, Hải-sâm tam thập cân, tông-trúc nhị thập chi đẳng hạng dĩ biểu thốn hoài.

Tịch nhưỡng càn khôn, đan-thăm mặc khế; Trung-hoa nhứt nguyệt, thanh-nhãn giao chiêm. Túng phi ngon dĩ kiến chí, văn dĩ túc ngôn, tương hà cảnh ngưỡng ư vạn nhứt.

---

1. Cự trác: nào có lường trước được. Cự trác phong ba: nào có lường trước được sóng gió.

2. Bình-ngạnh là cánh bèo trôi giạt lênh-đênh trên mặt nước.

3. Đường là nhà Đường, họ Đường, như vua Nghiêu về đời Nhị-Đế họ là Đào-Đường, cách nay độ 4.260 năm.

Lý-Uyên lấy nước của nhà Tùy, cũng gọi là nhà Đường, cách nay độ 1.340 năm.

Nước Trung-quốc, về đời nhà Đường, thường đem binh đi đánh chặn các nơi, nên người nước ngoài mới gọi nước Tàu là nước Đường, mà người Tàu cũng vẫn tự xưng là người Đường.

Vậy «tổng hồi Đường» trên đây là đưa về nước Tàu.



## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NĂM

Thốn chủ thần tri, phục kỳ bình-giám.

Cần thư.

Càn-long nhị thập nhứt niên, thất nguyệt nhựt.

### Tạm dịch nghĩa

Tôi là Nguyễn-bất-Nịnh, Tư-mục các xứ Thuận-hoá và Quảng-Nam, kính thư phụng Thiên-triều Mân Tích Tổng-đốc Thái-tử Thái-bảo Lão Hiến-đài các hạ :

Chúng tôi trộm nghe : núi sông phong vực, đã chép rõ ở đồ-chí, thì phương Nam và phương Bắc đều phân biệt ; Lễ nhạc chính hình, từng kê thấy ở điển-phần, thì chốn gần và chốn xa không gián-cách.

Kẻ Bất-Nịnh này tuy ở đất Việt xa-xôi, nhưng cũng biết văn Đường lão-thảo, ấy là nhờ cái ảnh-hưởng thanh-giáo của Qui-quốc vậy.

Ngày nay ở Thiên-triều, Thánh Thiên-tử trị vì, bốn biển đều được xem như người trong một nhà, tám cõi cũng đồng nhau như xe chung một dẫu. Bên trong thì có long-các, chính-chính như ông Cao, ông Quý ngày xưa. Bên ngoài thì có phiên-bang, đường-đường như nước Tề, nước Lỗ buổi trước.

Kính thưa Lão Hiến-đài các hạ. Ngài là bậc người nghi-





## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

phượng giữa hội thanh-bình ; Ngài là bậc người nhân-long trên đời hân-hữu. Chết-chứa đầy ngọc khuê, ngọc chương, Ngài là vùng trăng sáng ở ngôi Cửu-khanh cao-quí. Gìn-giữ vững then khoá, then chốt, Ngài là tầng mây mở nửa mặt trong cõi trời mệnh-mông. Chẳng những rạng đức chánh ở trong đất nước, mà còn vang tiếng-tâm ở ngoài non sông vậy.

Gần đây, vào năm Đinh-mão, bọn Lý-văn-Quang, Hà-Huy, Tạ-Tứ từ bên Quí-quốc, đi dạo khắp nước tôi, giấu kín tấm lòng phản-trắc, lén-lút vào trong địa-giới tỉnh Gia-định, rồi tụ-hợp đến hơn một trăm người, tự tôn tự đại. Hoặc tự xưng là Đô-đốc ; hoặc tự gọi là quân-sur. Ngoài ra, chúng còn trộm nhận những danh-vị khác nữa. Chúng mưu toan cướp đất nước chúng tôi, và dám thiện-tiện giết-hại chức quan biên-thần [chức quan coi vùng biên-giới]. Nhưng trời không dung chúng nó, nên chúng tôi đã bắt được, và cả bọn đều bị trói.

Nếu khép vào điều luật « bất-đạo », thì chúng nó có bị giết chết cũng chưa đền hết tội-lỗi. Nhưng chúng tôi còn đề các án phạm đó, chúng còn bị câu-lưu mà chưa bị giết chết, là chúng tôi có ý muốn đem tội-trạng bọn ấy trình-bày, tố-cáo với Thượng-cấp, đề đưa trả bọn ấy về Quí-quốc, đặng Ngài rõ mà chiếu luật trừng-trị. Nhưng chúng tôi e-ngại thuyền buôn đi trên mặt biển không có nhứt định, không biết nhờ đâu mà đạo-đạt lên Ngài được, nên cứ đề dùng-dằng, nấn-ná mãi.

Đến năm trước đây, quan Án-sát-sứ ty Thiêm-sự gia ngũ cấp ký-lục tứ thứ quí-chức ở tỉnh Quảng-đông khâm-mạng đi tuần hai hạt Lôi-châu và Quỳnh-châu binh-bị đạo, có sai



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

thuyền-trưởng ở Hải-nam đến xin nhận những phạm-nhân đưa về nước để đền tội. Nhưng kẻ Bất-Nịnh này vốn biết rõ viên thuyền-trưởng ấy nguyên là một nhà buôn, chúng tôi từng thấy viên ấy ở tệ ấp, nên không dám tin lời ngay một cách khinh-suất.

Nay có hai viên « Tiều-đái bình-quan » là Trầm-thần Lãng và Hồ đình-Phượng trước kia đã gặp tai-nạn sóng gió trời-giạt ngẫu-nhiên đến tệ ấp chúng tôi, chúng tôi đã đưa công-án bọn phạm-nhân và kê-khai rõ-ràng trường-hợp từng người một. Hoặc có người đã bị chết ngay tại trận-địa, hoặc có người đã bị chết trong nhà giam, cho đến những người trốn tránh đi Jâu mất, đều có biệt ngạch rõ-ràng.

Ngày nay, hiện còn 16 tên, xin ủy-giao cho hai viên này đem về Qui-quốc, nhờ thay lời chúng tôi mà trình-bày rõ-ràng lên cấp trên.

Chúng tôi nguyện xin Ngài treo đầu kính [gương sáng] ở chỗ ngồi, thì loài ly vỵ<sup>1</sup> cũng đều soi tỏ tất cả; phát Lân-kinh<sup>2</sup> ở đầu ngòi bút, thì bọn loạn tặc không còn trốn tránh được đâu. Chúng tôi tuy ở nơi bãi biển xa-xôi, nhưng cũng được nghe biết ảnh-hưởng chính-lệnh của Ngài vậy.

Còn như bọn Thiên-tổng là Lê-huy-Đức, và Bả-tổng là Trầm-thần-Lãng cùng Hồ-đình-Phượng, vào năm Ất-hợi trước đây, không ngờ bị sóng gió trời-giạt vào nước chúng tôi, còn phải ở lại đây để đợi có dịp tiện sẽ đưa về Qui-quốc. Nào

1. Ly vỵ có kẻ đọc là sy my. Ly vỵ là loài quỉ quái ở cây, ở đá.

2. Lân-kinh là kinh Xuân-thu có mục-đích răn bọn loạn-thần tặc-tử.



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

ngờ đâu bọn họ đồng một bệnh mà không biết thương nhau, đồng hoạn-nạn mà không biết xót-xa, nâng-dỡ nhau, lại còn cùng nhau tranh-giành, kiện-thừa, phải trái. Nhưng họ đều là người dân Trung quốc, không có liên quan gì đến chính-điền nước chúng tôi cả. Vậy xin niệm-phong và giao hoàn những lời cung-khai của cả hai bên, bẩm lên Thượng-Hiến để Ngài tự ý định-đoạt.

Chúng tôi lại được nghe : « Hải nội tồn tri-kỷ ; thiên nhai nhược tị lân » nghĩa là « Trong đất nước còn có người tri-kỷ, ngoài chàn trời cũng như ở liền xóm-giềng ». Vậy chúng tôi xin kính tặng những sản-vật địa-phương nhỏ-mọn như sau đây :

- Trầm-hương      5 cân.
- Quạt hoa-tiều    5 chiếc.
- Lụa vàng          5 tấm.
- Ngà voi            1 đôi.
- Yến-sào          10 cân.
- Vây cá            30 cân.
- Hải-sâm          30 cân.
- Tông-trúc        20 cân.

Gọi là bày-tỏ chút lòng chân-thành hoài cảm.

Nơi tịch-nhưỡng xa-xôi cũng một cõi càn khôn, lòng son từng cảm-thông kín-đáo ; nước Trung-hoa rục-rỡ như hai vầng nhật nguyệt, mắt xanh từng giao-cảm thiết-tha. Chúng tôi thiết nghĩ nếu không phải nhờ lời nói đề bộc-bạch ý-chí của mình,



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

và nhờ văn-từ để diễn-đạt lời nói của mình, thì chúng tôi biết làm sao để được ngưỡng-vọng ơn trên trong muôn một?

Tâm thần chúng tôi theo ngòi bút trình-bày, kính xin Ngài soi xét.

Nay cần thư.

Ngày tháng 7 niên-hiệu Càn-long [Đại-Thanh] năm thứ 21. [Tức năm Bính-tý là năm 1756 sau Công-nguyên].

+

Tại trấn Thuận-hoá, có một người dật-sĩ<sup>1</sup> tên là Ngô-thế-Lân, tên tự là Hoàn-phác. Lúc còn tuổi trẻ, ông có chí-khí và thích-thú khác thường, học rộng, văn hay.

Thường ăn-cư ở làng Vu-lai thuộc huyện Quảng-điền, ông tự hiệu là « Ái-trúc-trai » [kẻ trai-chay yêu trúc].

Năm ấy, ông Ngô-thế-Lân đã hơn 50 tuổi, ngụ-cư ở phố [bến] Thanh-hà. Chúng tôi [tác-giả Lê-quí-Đôn] có cho người đến mời ông, nhưng ông không tới, chỉ gửi thư cảm tạ mà thôi, và trong thư, ông có nói : « Ông lấy việc « bôn-xu thời-thế » và « cầu-cạnh tiến thân » làm thẹn-thường, xấu-hổ ». Ông có nhiều bài thơ đề vịnh, và tập thơ của ông được mang tên là « Phong-

---

1. Dật-sĩ là kẻ nhân-sĩ ở ẩn dật, đề gìn-giữ chí-hướng cao-thượng của mình, chứ không chịu ra làm quan để giúp dân giúp nước, và cũng không chịu ganh đua với người đời.



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

trúc tập»<sup>1</sup>. Văn thơ của ông, lời lẽ đẹp-đẽ, thanh-nhã và có tình-tử cao tri.

Cuốn « Phong-trúc tập » do chính ông đề-từ như sau :

夫 風 [181b] 之 爲 物 者 ， 無 其  
質 而 有 其 氣 ； 竹 之 爲 物 者  
， 有 其 質 而 無 其 心 。 故 竹  
因 風 而 有 聲 ； 風 因 竹 而 成  
迹 ， 是 以 風 來 則 鳴 ， 風 去  
則 止 。 風 之 大 者 則 大 鳴 ；  
風 之 小 者 則 小 鳴 。 是 其 鳴  
， 乃 在 乎 風 ， 而 不 在 乎 竹  
。 竹 本 如 如 也 。 至 若 高 如  
鶴 唳 ， 爽 如 龍 吟 ， 驟 如 奔  
濤 ， 徐 如 行 珮 ， 迨 夫 幽 能  
陶 俗 ， 清 可 滌 煩 ， 愈 出 而  
愈 奇 ， 愈 鳴 而 愈 不 竭 者 ，  
亦 在 乎 無 心 而 妙 應 乎 風 也。

1. Phong là gió, trúc là tre. Tập thơ « Phong-trúc » là tập thơ của người ưa tiếng gió và trúc.



## PHÙ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NĂM

雖 然 · 其 所 以 暢 發 天 機  
， 悠 揚 真 韻 者 ， [182a] 亦 在 乎  
咱 者 之 自 得 · 而 其 雅 俗 疵  
醇 ， 則 於 竹 何 與 焉 ·  
吁 ！ 竹 乎 ！ 竹 乎 ！ 吾 有  
取 於 竹 矣 。

### Phiên âm

### ĐỀ-TỪ

Phù phong chi vi vật giả, vô kỳ chất nhi hữu kỳ khí; trúc chi vi vật giả, hữu kỳ chất nhi vô kỳ tâm. Cổ trúc nhân phong nhi hữu thanh, phong nhân trúc nhi thành tích. Thị dĩ phong lai tác minh, phong khứ tác chỉ. Phong chi đại giả tác đại minh; phong chi tiểu giả tác tiểu minh. Thị kỳ minh, nãi tại hồ phong, nhi bất tại hồ trúc. Trúc bản như-như dã. Chí nhược cao như hạc lệ, sáng nhược long ngâm, sậu như bôn đào, từ như hành bội, đãi phù u năng đào tục, thanh khả địch phiến, dũ xuất nhi dũ kỳ, dũ minh nhi dũ bất kiệt giả, diệc tại hồ vô tâm, nhi diệu ứng hồ phong dã.

Tuy nhiên, kỳ sở dĩ ,sương-phát thiên-cơ, du-dương chân-vận giả, diệc tại hồ thính-giả chi tự đắc. Nhi kỳ nhĩ tục tì thuận, tác ư trúc hà dữ yên.

Hu! Trúc hồ! Trúc hồ! ngô hữu thủ ư trúc hỹ.



Tạm dịch nghĩa

ĐỀ TỪ

« Đại-phàm gió là một thứ không có chất mà có khí; trúc là một vật có chất mà không có ruột. Ấy cho nên trúc nhân gió mà có tiếng-tầm, gió nhân trúc mà thành hình-tích. Hễ gió tới thì có tiếng kêu, gió qua rồi thì lại vắng tiếng. Gió to thì tiếng kêu to, gió nhỏ thì tiếng kêu nhỏ. Như vậy thì đủ biết tiếng kêu đó là tại ở gió, chứ không phải tại ở trúc.

Trúc vẫn là trúc tự-nhiên mà thôi. Còn như có tiếng cao tựa tiếng hạc kêu, tiếng vang tựa tiếng rỗng găm, tiếng mạnh mẽ, mau-chóng như lớp sóng cồn, tiếng khoan-thai, thanh-thả như tiếng ngọc bội, cùng với tiếng âm-thầm, kín-đáo mà có thể đào-thành được phong-tục, tiếng trong-trẻo, thanh nhã mà có thể tẩy sạch được ưu-phiền, tiếng càng xuất-phát lại càng lạ-lùng, tiếng càng kêu to lại càng kêu mãi không hết, ấy cũng là nhờ chỗ trúc vô-tâm, mà khéo-léo hưởng ứng với gió vậy.

Tuy nhiên, muốn phát-hiện thiên-cơ, du-dương chân-vận, cũng đều do ở người nghe có ý nhận-thức mà cảm-thông được hay không. Chứ còn như sửa-chữa được nhã-tục cho hay-ho, giúp-đỡ được thuận-phong cho đẹp-đẽ, thì trúc kia có dự gì đâu.

Ồi! Loài trúc kia! Loài trúc kia! Ta thật có nhiều cảm-tình đối với trúc vậy ».

+







PHỤ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

清令之，習厭下，殆經能之辭，不聲所之  
韻者雲聲，幼而天仙，六簡應言詠，元，做  
音之孤繁，璞既求入年諸，以順之辭然於竹寄  
，咱，之，完，然禪餘求，坤來措詩天得愛，  
聲，心竹般君詩慨出十而悟，物，歌韻有性前  
竹古遜絲者吳於，是幾反有知，事，風非素窗  
風幽之視壞江工聲於，，然易公行之，豈，昔於  
，調鶴其天晉尤繁，隱得豁以太之伸題，哉平竹  
聲品野，可友，之聲索所旦乾然推而品鑿者生植  
雨，有思亦吾文俗元微無一夫廓，引類斧旨先必  
蕉逸人遠真時世之操 [183a]，妙，觸由之居





植植亭亭，有凌宵之氣。風吾何者生焉。物會時而然竹音也。天而竹之，况  
 [184a]時而足慮！意愛璞汨，雨觸得風窮風。驟竹物焉。然詩  
 來，俗哉不酷完所融冷，各於無第，以爲德慨其  
 之如，亦欲心，發，之韻，然獨之爲可讀  
 稍我其之吾此道胸於風成情，而之，名，觀見？  
 月之清人友與自懷花之詩之隨人觸萬者有其其。  
 上塵曠多完某珍洒朝際，正觸不於藉何類志爲  
 ，襟之有璞有，落月，聲，隨厭物皆哉乎名人  
 雨，氣愛吳同不，夕感調亦發其也鳴？君子，而  
 忘爲之先志爲目之物天猶，繁，蓋子集而



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

### Phiên âm

#### « PHONG-TRÚC TẬP » TỰ

« Vạn vật chi thanh khoả hỹ. Hữu xuất ư nguyên thanh ; hữu xuất ư phiến thanh. Nguyên thanh giả thiên thanh dã ; phiến thanh dã, nhân thanh dã. Cổ nhân thanh tác hữu tà chính chi biện, nhi thiên thanh tác vô tà chính chi biện yên.

Phủ nhân thanh nhi cầu thiên-thanh chi chính giả, hấp, thuận, hiệu, dịch, thương cung diệt tấu, nhi điều-lý tĩnh-nhiên bất hào. Hy, tiểu, nộ, mạ, xúc vật thành chương, nhi tính tình các đặc kỳ chính, thử nhân chi thiên dã. Nhược kỳ ai nhi chí ư thương, lạc nhi chí ư dâm, như bộc thượng tang gian chi thanh, thử nhân chi nhân dã. Chí ư thiên thanh thác ư vật chi tự-nhiên, như tùng thanh, huyền thanh, xuân điều thanh, thu trùng thanh, tiêu vũ thanh, phong trúc thanh, âm vận thanh dật, phạm điệu u cồ, thính chi giả linh nhân hữu dã hạc chi hà tâm, cô vân chi viễn tứ, kỳ thị ti trúc chi phiến thanh, hề thí khả thiên nhượng giả dư ?

Ngô hữu Tấn-giang Ngô-quân Hoàn-phác ấu tập thời văn, vuu công ư thi, ký nhi yểm thể-tục chi phiến thanh, khái-nhiên cầu thiên-hạ chi nguyên-thanh. Ư thị xuất thiên nhập tiên, thao vi sách àn, cơ thập dư niên, đãi vô sở-đắc. Phản nhi cầu chư Lục-kinh, nhứt đán khoát-nhiên hữu ngộ.

Phủ càn dĩ dị tri, khôn dĩ giản năng, khuếch-nhiên Thái-công, vật lai thuận ứng chi diệu, suy chi hành-sự, thổ chi ngôn-từ, dẫn nhi thân chi, ca, thi, từ, vịnh, xúc loại phạm đề, phong-



## PHỤ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

vận thiên-nhiên, bất do phủ tạc, khởi phi hữu đắc ư nguyên-thanh chi chỉ giả tai?

Tiên-sinh bình-tích tổ tánh ái trúc, sở cư tất thực trúc ư song tiền, ký ngạo chi dư, thanh phong từ lai, khanh - thương thành thanh, ư yên điệu ngộ.

Phủ trúc vô ý ư phong, nhiên nhi phong lai tắc trúc động, nhi thanh sinh; tâm vô dung ư vật, nhiên nhi vật tiếp tắc tâm cảm, nhi thi thành. Phong khứ trúc tĩnh; sự khứ tâm hư; diên ngư cơ quát, hữu bất dung-dị giả. Cổ ư huyền thanh, tùng thanh, xuân điều thanh, thu trùng thanh, tiêu vũ thanh, phong trúc thanh, chi thử số giả, độc hữu thủ ư phong trúc. Nãi khang-tiết mai-hoa, Liêm - kê đình - thảo chi ý, duyên nhưt vật dĩ phau huyền-bí giả nhĩ. Cổ kỳ thi tập đề viết "phong-trúc", vấn tự ư dư, dư thiềm dĩ tri âm, bất năng dĩ bí-lý từ, nãi cần thư chư giản đoan, dĩ tính cáo phủ đồng-chí chi ngôn thi giả.

Trần thế-Xương bạt chi viết: kỳ tính ái trúc, sở cư tất thực ư song tiền dĩ cung thưởng - ngoạn. Cái trúc chi khả ái giả, cán trúc nhi tiết kiên, căn thâm nhi điệp kính, thực-thực đình-đình, hữu lãng tiêu chi khí. Thời nhi yên sao nguyệt thượng, vũ thác phong lai, túc tày ngã chi trần khâm, vong ngô chi tục lự, kỳ thanh-khoáng chi khí vi hà như tai! Cồ chi nhân đa hữu ái chi giả, bất ý ư ngô hữu Hoàn-Phác Ngô Tiên-sinh diệc khốc ái, thử dữ mỗ hữu đồng chí yên.

Hoàn-Phác bảo đạo tự trần, bất vi vật-dục sở cốt, hung hoài sái lạc, mục hội tâm dung, cổ ư hoa triêu nguyệt tịch chi thời, lãnh vũ thê phong chi tế, cảm vật nhi phát, xúc loại thành thi,



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

thanh điệu thiên-nhiên, các đặc tính-tính chi chính, diệc do trúc chi ư phong dã, tùy xúc tùy phát, âm vận vô cùng, nhi nhân bất yếm kỳ phiến dã. Đệ phong chi xúc ư vật dã, thiên-nhiên, sậu-nhiên, vạn lại giai minh, nhi độc dĩ trúc thiện danh giả hà tai? Cái trúc chi vi vật dã, hữu loại hồ quân-tử chi vi đức yên. Quan kỳ chí danh vu tập, khả khái - nhiên tương kiến kỳ vi nhân, nhi hưởng độc kỳ thi gia?

### Tạm dịch nghĩa

Bài tựa tập thơ « Phong-trúc »  
do ông Nguyễn-dưỡng-Hạo đề

« Cái tiếng của muôn vật tính ra vốn nhiều lắm. Cũng có thứ tiếng phát-xuất từ nguyên-thanh, cũng có thứ tiếng phát-xuất từ phiến-thanh. Nguyên-thanh là tiếng của trời; phiến-thanh là tiếng của người. Cho nên tiếng của người thì cần phải phân-biệt tiếng tà hay tiếng chính, còn tiếng của trời thì không phải phân-biệt tà hay chính vậy.

Òi! Tiếng người mà cầu được chính-đính như tiếng trời, thì *Hấp, Thuần, Hiệu, Dịch*<sup>1</sup>, tiếng Cung, tiếng Thương<sup>2</sup> thay-

1. *Hấp, Thuần, Hiệu, Dịch* xuất-xứ từ thiên Bát-giật, sách Luận-ngữ, đưc Khổng-tử có nói với chức quan Thái-sur coi Nhạc nước Lỗ rằng: « Nhạc kỳ khả tri dã, thủy tắc *hấp như dã, tùng chi thuần như dã, hiệu như dã, dịch như dã* dĩ thành » nghĩa là: Nhạc có thể hiểu biết được,



## PHỤ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

đổi mà tấu nhạc, điều-lý rõ-ràng mà không lẫn-lộn. Những tiếng than, tiếng cười, tiếng giận, tiếng mừng, gặp trường hợp tiếp-xúc với cảnh-vật mà thành văn-chương, mà tính-tình đều được chính-đáng, ngay-thẳng, ấy là tiếng trời ở trong tiếng người vậy. Còn như buồn mà đến nỗi thương-tồn tâm-thần, vui mà đến nỗi dâm-dật tình-dục, như những tiếng ở trên bực trong dàu, ấy là tiếng người ở trong tiếng người vậy. Đến như tiếng trời mà thác vào vạn vật một cách tự-nhiên, như tiếng cây tùng, tiếng đàn huyền, tiếng chim kêu hót mùa xuân, tiếng trùng rên-rĩ mùa thu, tiếng mưa rơi xào-xạc ở trên tàu chuối, tiếng gió thổi vi-vu ở trên cành tre, âm-vận trong-trẻo, nhẹ-nhàng, phẩm-điệu thâm-trầm cổ-kính, khi nghe những tiếng ấy khiến người ta nảy sinh ra tấm lòng phảng-phất như con hạc bay ở ngoài đồng nội, nảy sinh ra cái tư mơ-màng như đám mây bay lơ-lửng ở trên tầng trời, so với tiếng ty, tiếng trúc<sup>1</sup> nghe quá inh-ỏi rờm tai, nhảm tai, thì nào có khác gì một trời một vực?

---

→  
trước hết là *hấp như* là khi mới nghe tiếng — tiếng chuông chẳng hạn — ai cũng sững-sốt chú-ý. Rồi *thuần như* là khi nghe tiếng theo với tiếng chuông thì có tiếng bát-âm thay-đổi nhau tấu nhạc, tiếng người và tiếng nhạc cùng ăn nhịp với nhau mà không lẫn-lộn, nghe rất hoà-nhã [thuần như]. Rồi *hiệu như* là phân-biệt tiếng trong và tiếng đục, nghe rất rõ-ràng sáng-sủa [hiệu như]. Rồi *dịch như* là ý-chí người ta đều-đặn, nghe để biết nhạc tấu đã gần xong, suy-diễn sự-lý cho cùng [dịch như].

2. Tiếng Cung, tiếng Thương là hai tiếng trong năm thứ tiếng là *Cung, Thương, Giốc, Chủy, Vũ* trong đàn.

1. Tiếng Ty, tiếng Trúc là hai tiếng trong tám thứ tiếng [bát-âm] là *bào, thồ, cách, mộc, thạch, kim, ty, trúc*.



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

Người bạn chúng tôi là Ngô-quân Hoàn-Phác người ở Tấn-giang, lúc còn tuổi đồng-ấu đã tập làm thời-văn [văn-chương được người đương-thời sùng-thượng], lại càng giỏi trong nghề làm thơ. Thế rồi ông chán-nản những tiếng phiến-phức của thời đời, nên ông khẳng-khái, nhứt-quyết đi tìm-tòi cái nguyên-thanh trong thiên-hạ. Rồi sau khi ra cửa thiền lại vào đạo tiên, ông suy xét những lẽ huyền-vi, nghiên-câu những lẽ bí-ẩn, đã gần mười năm trời mà chẳng được công việc gì cả. Ông lại phải quay về cầu-học ở Lục-kinh <sup>1</sup>, bỗng một buổi sáng mai, ông chợt cảm thấy nhẹ-nhàng, khoáng-khoát có phần giác-ngộ.

Đại-phàm quẻ Kiền và quẻ Khôn, người ta tìm-hiểu một cách rất giản-dị, rộng-rãi và công-bằng vô cùng. Hễ việc đến thì thuận-ứng rất khéo-léo, tài-tinh, rồi suy rộng ra việc làm, thi-thố ra lời nói, mà dần phát ra thi, ca, từ, vịnh, gặp cảnh-vật nào cũng phẩm đề cảnh-vật ấy với phong vận tự-nhiên, lưu-loát, không cần phải đẽo-gọt, trau-chuốt, há không phải là đã đến được cái tinh-thần của Nguyên-thanh hay sao?

Ngô Tiên-sinh [tức Ngô-thế-Lân] lúc bình-nhựt có tánh ưa thích loài trúc, tại nhà Tiên-sinh ở tất có trồng trúc ở trước cửa sổ. Những lúc nhân-rối, gió mát từ nơi xa dần-dần đưa lại, vi-vu thành tiếng như kim-thanh, nhân đó Tiên-sinh linh-cảm giác-ngộ một cách huyền-diệu!

---

1. Lục-kinh là kinh Thi, kinh Thương-thư, kinh Lễ-ký, kinh Nhạc, kinh Chu-dịch và kinh Xuân-thu. Kinh Nhạc bị Tần Thủy-hoàng đốt mất, nên chỉ còn Ngũ-kinh mà thôi.





## PHỮ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NĂM

Ôi! Trúc nào có ý-tứ gì với gió, nhưng mỗi khi có gió tới, thì trúc rung-động mà thành có tiếng, cũng như lòng người ta vốn không để ý đến một sự-vật nào, nhưng mỗi khi chợt tiếp-xúc với sự-vật, thì tự-nhiên lòng người ta cảm-động hay cảm-hứng mà thành ra thơ. Gió qua rồi thì trúc lại yên-tĩnh, cũng như sự-vật qua rồi thì lòng lại hư-không như không có sự-vật gì cả. Cho đến cái cơ-quát [then máy] của tạo-hoá đối với con diên [con diều] bay trên cao, và con cá lặn dưới vực sâu<sup>1</sup> cũng vẫn mẫu-nhiệm vậy. Cho nên đối với các thứ tiếng như tiếng đàn huyền, tiếng cây thông, tiếng chim kêu riu-rít mùa xuân, tiếng trùng rên eo-óc mùa thu, tiếng mưa rả-rích đổ xuống tàu lá chuối, tiếng gió thổi vi-vu lay-động cành cây trúc..., trong các thứ tiếng đó, thì Ngô Hoàn-Phác Tiên-sinh chỉ ưa thích một thứ tiếng « phong-trúc » mà thôi. Như vậy sở-thích của Tiên-sinh nào có khác gì cái ý thanh-cao của ông Thiệu Khang-Tiết<sup>2</sup> ưa-thích hoa mai, và ông Chu Liêm-Khê<sup>3</sup> ưa-thích đám

1. Diên ngư trên đây xuất xứ từ câu: « Diên phi ngư được » trong thiên « Đại-nhã » kinh Thi có nói: « Diên phi lệ thiên, ngư được vu uyên » là có ý nói người quân-tử giữ-gìn sửa-sang đạo-đức, thì các loài phi diều cũng như các loài cá lặn dưới nước đều được vui -vẻ, thoải-mái, nghĩa là trên dưới đều thấm-nhuần, thoả-thích cả.

2. Thiệu-Khang-Tiết tức là Thiệu-Ung, người về đời nhà Tống ở đất Phạm-dương, tên tự là Nghiêu-phu, rất tinh-thông Dịch-lý. Dưới triều Tống Nhân-Tông, nhà vua trưng-dụng ông làm chức quan Trước-tác-lang, nhưng ông không đến. Ông đặt tên cho chỗ ông ở là « Yên-lạc oa » là cái ổ yên vui, người đời gọi ông là Yên-lạc Tiên-sinh. Ông trước-tác nhiều sách, trong số đó có bộ Hoàng-cực Kinh-tế thư rất có giá-trị. Khi ông mất, tên thụy là Khang-Tiết Tiên-sinh.

3. Liêm-Khê họ Chu là một trong số bốn danh-nho đời Tống là Chu 周, Trình 程, Trương 張, Chu 朱 hay Liêm, Lạc, Quan, Mân.



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

cỏ xanh mọc ở trước sân, đều là nhân một cảnh-vật nào đó mà mở-xẻ tìm hiểu những cơ huyền-bí của tạo-hoá vậy. Ấy cho nên Tiên-sinh mới đề tập thơ của mình là « Phong-trúc tập », và Tiên sinh lại đòi-hỏi chúng tôi phải viết bài tựa cho tập thơ ấy nữa.

Chúng tôi tự lấy làm thẹn-thường được Tiên-sinh cho là người bạn tri-âm.

Dẫu có tự biết lời văn của mình là thô-bỉ, quê-mù, chúng tôi cũng không thể nào từ-nan được. Vậy chúng tôi xin kính-cần viết bài tựa ở đầu tập sách này, để đồng thời quảng-cáo cùng các bạn đồng-chí trong làng thơ. »

+

Tại tập thơ này, ông Trần-thế-Xương cũng có viết một bài « bạt »<sup>1</sup> đại-ý nói rằng :

Ông Ngô Hoàn-Phác có tánh rất ưa-thích loài trúc, cho nên tại nhà ông ở, ông có trồng cây trúc ở trước cửa sổ để ngày ngày thưởng-thức cho ngoạn-mục. Bởi vì trúc là một loài cây đáng được người đời yêu mến : thân cây trúc đã thẳng-thần,

---

1. Bài « bạt ». Bạt có nghĩa đen là gót chân, vì vậy nên bài văn viết ở cuối quyển sách được gọi là bài bạt. Trái lại, bài văn viết ở đầu quyển sách được gọi là bài tựa tức là bài tựa.

Tuy nhiên, cũng có khi người ta viết bài bạt ở đầu quyển sách, sau bài tựa.



## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NĂM

mà đốt cây trúc [mắt cây] lại bền-bỉ, dẻo-dai ; gốc cây đã sâu-kín, mà lá cây lại cứng-rắn khác thường.

Cây trúc đứng cao sừng-sững, dong-dống, có cái khí-thể mạnh - mẽ như muốn xông lên đến tận vòm trời xanh kia. Những lúc mây khói toả, những khi vầng trăng lên, những lúc hạt mưa rơi lác-đác, những khi làn gió thổi vi-vu, tất cả những cảnh thiên-nhiên ấy rất có thể tẩy sạch được thân áo đầy bụi-bặm của chúng ta, đồng thời làm cho chúng ta quên lãng nỗi lòng nặng tục-lự, đầy ưu-tư, thì cái khí thanh-cao, khoáng-đạt, thư-thái của chúng ta lúc bấy-giờ biết là chừng nào !

Người đời xưa, cũng có nhiều kẻ ưa-thích loài trúc. Nào ngờ ngày nay, người bạn chúng tôi là Hoàn-Phác Ngô Tiên-sinh cũng rất yêu-mến loài trúc. Như thế Hoàn-Phác Ngô Tiên-sinh quả thật là bạn đồng-chí với chúng tôi vậy.

Hoàn-Phác Tiên-sinh vốn một lòng hoài-bão đạo-lý, trân-trọng đạo-lý, và biết tự-trọng, không bao-giờ chịu để cho vật-dục lôi cuốn, chi-phối, làm chìm-đắm tâm-thần của mình. Ông đã sẵn có tấm lòng tiêu-sái, lỗi-lạc, con mắt thì sáng-suốt, mà bụng-dạ thì hay dung-hoà với mọi người. Cho nên gặp những khi hoa sớm trắng chiều, những lúc mưa buồn gió lạnh, ông cảm - khái cảnh - vật mà phát - tiết ra thi - văn cũng có, hoặc là nhân tiếp-xúc với vật-loại mà thành thi-chương cũng có, âm-thanh và điệu-vận rất tự-nhiên lưu-loát, không cần phải gò-ép, đẽo-gọt, ấy là ông đã sở-đắc tính-tình chân - chính. Như thế có khác nào trúc với phong. Trúc với gió càng tiếp-xúc với nhau lại càng phát-xuất ra tiếng, âm-thanh và vận-điệu thật là



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

vô-cùng, dầu người ta có nghe nhiều cũng không thể chán tai, nhàm tai.

Nhưng hề gió có tiếp-xúc với vật nào, thì những tiếng tự-nhiên và mau-chóng từ đâu đưa đến, rồi muôn ống sáo trong trời đất đồng-thời kêu lên. Tại sao người ta lại cho tiếng trúc là hơn, và lấy trúc mà đặt tên cho tập thơ của mình? Bởi vì loài trúc là một loài thực-vật có đức-tánh tự-nhiên giống hệt như đức-tánh của người quân-tử. Chúng ta hãy xem Ngô Hoàn-Phác Tiên-sinh lấy trúc mà đặt tên cho tập thơ của mình, tưởng có thể quả-quyết Tiên-sinh là người như thế nào rồi, phương chi chúng ta lại được đọc cả tập thơ của Tiên-sinh nữa.

+

Trong tập thơ « Phong-trúc » của Ngô-thế-Lân Hoàn-Phác Tiên-sinh, có bài thơ « Tự-vịnh » như sau :

### 自 詠 詩

南 方 有 一 士  
志 大 而 數 奇  
少 遊 宣 聖 門



PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NĂM

疑食咸苦施蘊期十衰鹿坡書義人欺場爲鎖怡逝歸？  
無寢權生所轄有四己康山人伏古我年妄糶自永與  
心廢忘蒼無且應未忽友卧古在知不少皆脫心嘆誰  
進書俠擊中負償年心居屋閑得頭然首事或默人今  
長耽任目胸自善行此退結聞所點誠回凡幸默哲吾

[185a]



# PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

## Phiên âm

### 1. TỰ VỊNH THI

Nam phương hữu nhứt sĩ,  
Chí đại nhi số kỳ.  
Thiếu du Tuyên-thánh môn,<sup>1</sup>  
Trưởng tiến tâm vô nghi.  
Đam thư phế tầm thực,  
Nhậm hiệp vong quyền uy.  
Mục kích thương-sinh khờ,  
Hung trung vô sở thi.  
Tự phụ thả thao uần,  
Thiện giá ưng hữu kỳ.  
Hành niên vị tứ thập,  
Thử tâm hốt dĩ suy.  
Thối cư hữu mê lạc,  
Kiết ốc ngoạ sơn phi.  
Nhàn duyệt cồ nhân thư,  
Sở đắc tại Phục-hy.  
Điềm đầu tri cồ nhân,  
Thành nhiên bất ngã khi.  
Hồi thủ thiếu-niên trường,

1. Tuyên-thánh môn là cửa đờc Tuyên-thánh, tức cửa đờc Thánh Khổng-tử, bởi vì năm Kỷ-mão, tức năm 739 sau Công-nguyên, là năm thứ 27 niên-hiệu Khai-nguyên Đờng Huyền-tông, nhà vua truy đặt thụy-hiệu đờc Khổng-Tử là Văn-Tuyên vương, và truy tặng những tước Công, Hầu và Bá cho các đệ-tử của đờc Thánh Khổng-tử.



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

Phàm sự giai vãng vi.  
Hạnh hoặc thoát cương-toả,  
Mặc-mặc tâm tự di.  
Triết-nhân thán vĩnh thế,  
Ngô kim thùy dữ qui?

*Dịch theo thề Lục-bát*

### TỰ VỊNH

*Phương Nam có một thư-sinh,  
Chỉ to mà số thật tinh lạ thay.  
Thiếu thời đạo Thánh<sup>1</sup> theo thầy,  
Lớn lên tiến tới lòng đây không ngờ.  
Học chăm, ăn ngủ lảng-lơ,  
Trọng người nghĩa-hiệp, coi thừa quyền uy.  
Thấy dân khổ sở những khi,  
Trong lòng thương xót biết thi thế nào?  
Kinh luân cậy có lược-thao,  
Ngọc lành gìn-giữ, giá cao có phần.  
Nay ta chưa đến tứ tuần,  
Xét mình bỗng thấy tâm-thần đã suy.  
Lui về bạn với lộc mê<sup>2</sup>,*

1. Đạo Thánh là đạo đức Thánh Khổng-tử, là đạo nho trọng đạo-đức luân-thường.

2. Lộc là con hươu, mê là con nai.



PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NĂM

Làm nhà ở chốn sơn khê năm khoèo.  
Nhàn xem sách cở cũng nhiều,  
Tấm lòng sử-dắc tại triều Phục-hy.  
Diềm dầu biết thuở xưa kia,  
Những điều nghĩa-lý chẳng hề dối ta.  
Quay dầu nhớ lúc trẻ-thơ,  
Nhiều điều sai-trái bây giờ mới hay.  
May sao danh lợi thoát dây,  
Nghĩ thầm tự nhủ lòng này tự vui.  
Triết-nhân vắng bóng lâu rồi,  
Thần này rồi nữa ở đời với ai?

2. 春 日 偶 成

浮	名	放	下	見	吾	真
水	竹	生	涯	幸	不	貧
曉	野	無	風	烟	自	直
山	花	有	露	色	偏	新
高	談	對	客	饒	三	寸
佳	釀	逢	春	好	十	分
料	得	無	人	同	此	樂
不	妨	麋	鹿	結	爲	隣





## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NĂM

### Phiên âm

#### 2. XUÂN NHỰT NGẦU THÀNH

Phủ-danh phóng hạ kiến ngô chân,  
Thủy trúc sinh nhai hạnh bất bản.  
Hiều dã<sup>1</sup> vô phong yên tự trực,  
Sơn hoa hữu lộ sắc thiên tân.  
Cao đàm đối khách nhiều tam thốn,  
Giai nhượng phùng xuân hảo thập phần.  
Liệu đắc vô nhân đồng thử lạc,  
Bất phùng mê lộ kiệt vi lân.

### Tạm dịch nghĩa đen

Phủ-danh có vút đi rồi mới thấy rõ bản-ngã,  
Có nước và tre sinh sống, may khỏi bị đói.  
Đông nội vắng gió, nên mây khói tự đứng thẳng,  
Hoa núi có sương mù, nên cảnh sắc càng thêm mới.  
Đối với khách nói chuyện, tha hồ uốn ba tấc lưỡi,  
Gặp mùa xuân có rượu ngon, thì tốt đẹp mười phần.  
Chắc không có ai như ta cùng vui thú ấy.  
Ở gần-gũi hươu nai, nào có ngại gì.

1. Trên đây thi viết «hiều dã». «曉野», mà trong vi-ảnh lại viết «dã hiều» «野曉»



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

### Dịch theo thể Lục-bát

#### 2. NHÂN NGÀY XUÂN NGẦU HƯNG THÀNH THƠ

Đời người vút hết phù-danh,  
Rời ra mới thấy thực tình người ta.  
Nước kia, trúc nọ rờm-rà,  
Tự-nhiên ta thấy thẳng ta không nghèo.  
Cánh đồng gió sớm vằng-teo,  
Khói mây lên thẳng như chiều lửng-lơ.  
Trên non hoa động sương sa,  
Nhìn xem cảnh-sắc thật là mới toanh.  
Việc đời cao hừng phàm-bình,  
Uốn ba tác lười làm kinh những người.  
Ngày xuân chén rượu đầy vơi,  
Vui này nào có mấy người cùng vui?  
Hươu nai gần-gũi hôm mai,  
Núi non cùng sống thẳng ngày ngại chi!

Ông Ngô-thế-Lân lại có bài thơ « Hoài cảm » như sau :

#### 3. 懷 感

天 地 生 吾 有 意 無 ？  
邊 方 空 落 一 迂 儒 。



## PHÚ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

四 母 妙 音 憑 誰 問 ？ [185b]  
一 貫 真 傳 嘆 獨 孤 ．  
魯 聖 泣 麟 知 命 矣 ！  
楚 狂 歌 鳳 找 時 乎 ？  
雖 然 用 舍 非 由 找  
自 是 行 藏 却 在 吾

### Phiên âm

### 3. HOÀI CẢM

Thiên địa sinh ngô <sup>1</sup> hữu ý vô ?

Biên-phương không lạc nhứt vu-nho.

Tứ vô <sup>2</sup> diệu chỉ bằng thùy vấn ?

1. Trên đây viết « Thiên địa sinh ngô », mà trong vi-ảnh lại viết « Thiên địa sinh dư », không biết bản nào viết đúng ?

2. Tứ vô : xuất-xứ từ thiên Tử-Hản trong sách Luận-ngữ là :

- 1) Vô ý : Hễ hợp đạo-lý thì cứ việc làm, không nên bao-giờ nghĩ đến ý riêng-tư của mình.
- 2) Vô tất : Đời có dùng mình thì ra làm, không dùng thì thôi, chứ không nên mưu-cầu cho tất được để mà làm.
- 3) Vô cố : Không nên cố-chấp, cầu-nệ, không nên khư-khư giữ lấy ý riêng-tư của mình.
- 4) Vô ngã : Hễ việc gì hợp với đạo-nghĩa thì làm, chứ không nên nghĩ đến quyền-lợi riêng-tư của mình.



## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NĂM

Nhứt quán<sup>1</sup> chân truyền thán độc cô.  
Lỗ Thánh khắp lân tri mệnh hỹ!  
Sở-Cường<sup>2</sup> ca phượng thức thời hồ?  
Tuy nhiên dụng xả phi do ngã,  
Tự thị hành tàng khước tại ngô.

### Tạm dịch nghĩa đen

Trời đất sinh ra ta đây có ý-tử gì không?  
Tại nơi biên-phương xa-xăm, bỗng nảy sinh ra một kẻ vu-  
nho [nhà nho không thực-tế].  
Diệu-chỉ « tứ vô » biết hỏi-han cùng ai bây-giờ?  
Chân-truyền « nhứt quán », thật đáng buồn cho mình cô-độc.  
Đức Không-tử khóc con lân sinh ra không phải thời là Ngài  
đã biết mệnh trời.  
Ông Sở-Cường hát con chim phượng có phải là người thức  
thời không?

1. Nhứt quán : xuất-xứ từ sách Luận-ngữ, trong đó, đức Thánh Không-tử có nói : « Ngô đạo nhứt dĩ quán chi » nghĩa là đạo của Ngài từ một lẽ phải rồi suy đến muôn lẽ.

2. Sở-Cường là người đời Xuân-thu, họ Lục, tên là Tiếp-dư, giả-vờ làm người điên để lánh đời. Người đời sau nhân đó mới thông-xưng những người giả điên là Sở-Cường.

Tại nước ta, cách đây độ 40 năm, tại tỉnh Quảng-nam có một người tên là Lê-Dư, bút-hiệu là Sở-Cường, viết báo Nam-phong một thời-gian khá lâu. Sở-Cường, chuyên trách mục Hán-văn báo Nam-phong, có tiếng là một nhà văn giỏi.



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

Tuy-nhiên việc nhà vua dùng ta hay không dùng, đâu có  
phải do nơi ta quyết-định.  
Từ đây, có ra giúp đời hay là ở ẩn mới thật tại nơi ta.

*Tạm dịch theo Đường-luật thề Thất-ngôn*

### 3. HOÀI CẢM

Trời đất sinh ta có ý không?  
Biên-phương xa-tít một đờng.  
« Tứ vô » học đạo nào đời bạn?  
« Nhứt quán » buồn đời chỉ một ông.  
Lỗ-Thánh<sup>1</sup> khóc lòn thương mệnh hãm,  
Sử-Cường hát phượng biết thời cùng?  
Phải đầu dụng, xá do mình định,  
Nhưng việc hành, tàng vốn tự lòng...

### 4. 自 述

三 十 六 年 多 病 客  
愛 閒 結 屋 在 蕪 菜

1. Lỗ-Thánh là đức Thánh-nhàn nước Lỗ là đức Thánh Không-tử, vì Ngài sinh ở nước Lỗ.



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

半 生 踪 跡 詩 爲 伴  
到 處 登 臨 酒 作 媒  
心 不 彈 冠 那 忌 譁  
友 無 按 劍 任 茲 諧  
爲 人 最 苦 是 無 學  
學 得 還 須 大 眼 開

*Phiên âm*

4. TỰ THUẬT THI

Tam thập lục niên đa bệnh khách,  
Ái nhân kiệt ốc tại Vu-lai.  
Bán sinh tông-tích thi vi bạn,  
Đáo xứ đặng lâm tửu tác môi.  
Tâm bất đàn quan na kị-húy,  
Hữu vô án kiểm nhậm khôi-hài.  
Vi nhân tối khổ thị vô học,  
Học đắc hoàn tu đại nhãn khai.

*Tạm dịch nghĩa đen mấy chữ khó*

*Đàn quan. Theo Từ-nguyên, đàn quan là sửa mũ cho ngay-*



## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NĂM

thắng vì sắp được ra làm quan. Ở đây, nói ông Ngô-thế-Lân đã không có ý định ra làm quan, thì hễ gặp việc ngang trái, ông cứ nói thắng, không cần phải kiêng-nề người nào hết.

*Án kiếm*: Cầm cây kiếm trong tay. Ở đây, tác-giả bài thơ có ý nói: đối với khách lạ, phải cầm cây kiếm để giữ mình khi đối-diện với khách. Còn đây, gặp bạn thân, nói chuyện không phải cầm kiếm, thì tha-hồ nói đùa bỡn cũng không sao.

### *Tạm dịch nghĩa đến bài thơ trên*

Ba mươi sáu năm nay tôi chỉ là một người nhiều bệnh.  
Vi ưa-thích cảnh nhàn, nên mới làm nhà ở Vu-lai.  
Đã nửa đời người chỉ lấy thơ làm bạn thân.  
Bất kỳ đi đến đâu, cũng đều lấy rượu làm môi-giới.  
Trong lòng đã không định ra làm quan, thì chẳng cần kiêng-nề ai cả.

Nói chuyện tâm-sự với bạn quen, không cầm gươm thì mặc sức nói khôi-hài.

Làm con người ta, khổ-sở nhất là không được đi học.

Đã được đi học, thì cần phải mở rộng tầm con mắt để xem xét việc đời.

### *Tạm dịch theo Đường-luật*

#### TỰ-THUẬT

- a. Ba mươi sáu tuổi bệnh miên-man,  
Nhà ở Vu-lai chỉ thích nhàn.



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

Tông-tích nửa đời thơ xướng-vịnh,  
Giao-du mấy độ rượu liên-hoan.  
Minh không sửa mũ, nào kiêng cựa,  
Bạn chẳng cầm gươm, cứ nói càn.  
Khờ-sở những người không được học,  
Học, cần mở mắt ngộ dinh-hoàn.

- b. Ba mươi sáu tuổi bệnh luôn-luôn,  
Nhàn ở Vu-lai, chốn viễn-thôn.  
Sự-nghiệp nửa đời thơ kết bạn,  
Lịch-du mấy độ rượu khuây buồn.  
Người không sửa mũ nào kiêng sợ,  
Bạn chẳng cầm gươm, cứ nói dòn.  
Thương-hại những người không được học,  
Học cần mở mắt mới là khôn.

Ông có đề thơ ở Vu-lai ô như sau :

5. 題 蕪 菜 塢

錯 落 人 家 綠 樹 間  
綠 溪 爲 塢 各 迴 環  
東 南 一 帶 湖 連 海  
西 北 三 分 堦 接 山  
[186a] 深 處 鰕 肥 漁 父 醉  
平 原 草 長 牧 童 閒





PHÚ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NĂM

白 沙 翠 竹 紅 塵 靜  
一 任 幽 人 自 往 還

*Phiên âm*

5. ĐỀ VU-LAI Ồ

Thác-lạc nhân gia lục thụ gian,  
Lục-khê vi ồ các hồi-hoàn.  
Đông-nam nhứt đáí hồ liên hải,  
Tây-bắc tam phần dã tiếp san.  
Thâm xứ quệ phỉ ngư-phủ túy,  
Bình nguyên thảo trường mục-đồng nhàn.  
Bạch sa, thúy-trúc, hồng-trần tĩnh,  
Nhứt nhậm u-nhân tự vãng hoàn.

*Dịch nghĩa đến những chữ khó*

Ồ 塢. Hễ ở trong làng hay trong xóm, người ta xây-đắp lô-cốt đá để ngăn-ngừa những bọn giặc-giã trộm cướp, tức là ồ.Ồ lại còn có nghĩa là một hòn núi nhỏ ở trong nước, hay là doanh-trại xây có thành bao-bọc chung-quanh.

Dã 野 là chữ dã 野 là đồng nội. Dã 楚 đây được viết theo lối cổ-tự.



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

Quệ 鱈 là cá quệ, là một thứ cá thân lớn, có vây nhỏ, trên lưng cũng có vây, có vi rất sắc-bén và rất cứng. Cá quệ sắc xanh mà có hơi vàng, có nhiều ban đen, dưới bụng thì sắc trắng mà lợt. [Xem Tự-diễn Từ-nguyên, bộ Ngư về tập Hợi]. Chữ quệ 鱈 cũng có khi người ta đọc là Quyết.

### *Tạm dịch nghĩa đen bài thơ trên*

Nhà cửa người ta xây-cất ở lẫn-lộn giữa khoảng cây xanh,  
Ven khe làm ổ, và nước chảy vòng quanh ổ ấy.  
Một giải Đông-nam ổ Vu-lai, thì hồ liền với biển,  
Ba phần Tây-bắc ổ Vu lai, thì đồng nội giáp với núi.  
Những chỗ nước sâu có cá quệ béo, ngư-ông thường say  
rượu,  
Chỗ bình-nguyên có cỏ tốt, bọn mục-dòng được nhàn-rỗi.  
Ở đây, cát trắng, tre xanh, và bụi hồng rất tĩnh,  
Người ăn-sĩ tự ý muốn đi về lúc nào cũng được.

### *Dịch theo thề Lục-bát*

#### 5. ĐỀ Ồ VU-LAI

*Ở đây lẫn-lộn nhà người,  
Cây xanh-xanh biếc, quăng trời thanh-u.*



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

Khe xanh, nước chảy quanh-co,  
Long-lanh mặt nước bên hồ xinh-xinh.  
Đông-nam một giải thênh-thênh,  
Hồ liền với biển cảnh tình nên thơ.  
Ba phần Tây-bắc lúa-thừa,  
Cánh đồng kề núi, mắt vừa tầm trông.  
Kìa kìa dòng nước sáu sông,  
Cá tươi và béo, ngư-ông say mèm.  
Xanh dờn bãi cỏ bình-nguyên,  
Trâu bò no bụng, lòng yên mục-đồng.  
Trúc xanh, cát trắng, bụi hồng,  
Lặng-yên, người ẩn thong-dong đi về.

\*

Ông Ngô-thế-Lân lại còn có mười bài thơ vịnh cảnh Vu-lai như sau :

### 1. 平 湖 弄 月

無	爭	風	月	與	誰	同
獨	棹	長	歌	浩	水	東
萬	頃	寒	光	迷	短	楫
十	分	秋	色	漫	孤	篷
戲	將	沉	璧	雙	敲	碎



**PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYÊN NĂM**

醉 把 流 輝 一 吸 空  
狂 甚 嫦 娥 休 冷 笑  
塵 勞 幾 得 見 閒 翁 ？

*Phiên âm*

**1. BÌNH-HỒ LỘNG NGUYỆT**

Vô tranh phong nguyệt dữ thùy đồng,  
Độc trạo trường ca hạo thủy đông.  
Vạn khoảnh hàn quang mê đoản tiếp,  
Thập phần thu sắc tầm cô bằng.  
Hý tương trăm bích song xao toái,  
Túy bả lưu huy nhứt hấp không.  
Cuồng thậm Thường-nga hưu lãnh tiểu,  
Trần lao kỷ đặc kiến nhàn-ông.

*Tạm dịch theo thể Lục-bát*

**1. HỒ BÌNH CHƠI TRĂNG**

*Chẳng giành trăng gió cùng ai,  
Một chèo, ta hát ở ngoài biển khơi.*



## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYÊN NĂM

Mái đũa muôn khoảnh sáng ngời,  
Mười phần thu sắc thành-thời con thuyền.  
Trăng kia đòi ngọc quàng chim,  
Nước trời, ly rượu cạn liền một hơi.  
Chị Hằng xin chớ vội cười,  
Cõi trần dễ được mấy người nhân đâu?

### Tạm dịch theo Đường-luật

#### 1. HỒ BÌNH CHƠI TRĂNG

Chẳng thêm giành-giữt gió cùng trăng,  
Miệng hát, tay chèo, nước trắng-lãng.  
Muôn khoảnh hàn-quang xinh xiết kể!  
Mười phần thu-sắc đẹp chi bằng!  
Ngọc kia chơi ném cho chim hẫ,   
Rượu nọ say nồng cứ uống phăng.  
Hỡi chị Hằng-nga đừng cợt tở,  
Cõi trần được mấy kẻ nhân chấng?

#### 2. 樂園朝耕

半畝丘園藥徑開  
靈苗纒嫩草還萊



PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NĂM

深 葛 不 覺 連 雲 刷  
固 本 穿 辭 冒 雨 培  
拂 檻 藍 花 |186b| 紅 上 臉  
逸 田 萬 葉 綠 侵 懸  
放 耜 時 傍 松 陰 坐  
野 鳥 枝 頭 作 意 催

*Phiên âm*

2. LẠC-PHỐ TRIÊU CANH

Bán mẫu khâu viên được kính khai,  
Linh miêu<sup>1</sup> tài nộn, thảo hoàn lai.  
Thâm truy bắt giác liên vân loát,  
Cổ bản ninh từ mạo vũ bởi.  
Phất hạm lam hoa hồng thương kiềm,  
Nhiều điền hao điệp lục xâm tai.  
Phóng sử thời bạng tủng âm toạ,  
Dã điều chi đầu tác ý thôi.

2. Trên đây chép «Linh miêu» 靈苗, mà trong bản vi-ảnh lại thấy chép «Hoàng miêu» 黃苗. Vậy không rõ quyền nào viết đúng?



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

### Tạm dịch theo thể Lục-bát

#### 2. BUỒI MAI, CÂY VƯỜN LẠC-PHỐ

Vườn gò một lối mở ra,  
Lúa non mơn-mởn, rờm-rà cỏ lai<sup>1</sup>.  
Bừa sâu, nhỏ cùm cỏ dài,  
Đứng chơ gốc lúa mưa dai thêm bồi.  
Hoa chàm chiếu đỏ má lỏi,  
Cỏ xanh quanh ruộng, biếc-tươi quanh bia  
(bia ruộng).  
Bỏ bừa, ngồi gốc thông kia,  
Chim đồng tiếng hát tỉ-tê đầu cành.

### Tạm dịch theo Đường-luật

Nửa mẫu vườn gò mở lối ra,  
Lúa non mơn-mởn, cỏ rờm-rà.  
Bừa sâu nhỏ cỏ dày chằng-chịt,  
Gốc vừng phòng mưa quá đậm-đà.  
Hoa đỏ đầy cành, hồng cả má,  
Cỏ xanh vòng ruộng, biếc quanh bờ.  
Bỏ bừa, ngồi gốc cây tùng nghỉ,  
Chim đậu trên cành hát giục ta.

1. Lai 萊 là cỏ lai, cỏ thường mọc trong ruộng lúa.



• PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

3. 沙 浦 晚 行

晴 江 樹 色 晚 蒼 蒼  
獨 步 沙 汀 望 渺 茫  
避 客 眠 鷗 藏 亂 荻  
候 魚 饑 鶯 立 寒 塘  
秋 風 未 准 湖 心 靜  
落 日 空 教 旅 思 忙  
范 蠡 扁 舟 何 處 是  
往 來 惟 見 釣 翁 舫

*Phiên âm*

3. SA-PHỐ VẤN HÀNH

Tình-giang, thụ sắc vãn thương thương,

Độc bộ sa đình vọng diểu mang.

Tị khách miên âu <sup>1</sup> tàng loạn địch, <sup>2</sup>

Hậu ngư cơ lộ lập hàn-đường.

1. Âu: Loài cò biển, mỏ quặp mà cứng, lông trắng toát, cánh dài quá đuôi, thường bay lượn trên mặt nước để kiếm bắt cá ăn.

2. Địch là một loài cỏ lau, loài sậy, loài lau-lách thường mọc ở gần các bãi nước.





## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NĂM

Thu phong vị chuẩn hồ tâm tĩnh,  
Lạc nhật không giao lữ tứ mang.  
Phạm-Lãi biên châu hà xứ thị?  
Vãng lai duy kiến điều ông phường.

*Tạm dịch theo Đường-luật*

### 3. BUỔI CHIỀU, ĐI QUA BẾN CÁT

Chiều, cây xanh-ngát, nước sông trong,  
Lủi-thủi mình ta buông mắt trông.  
Lánh khách, chim âu chui bụi sậy,  
Chực mồi, cò dúi đậu bờ sông.  
Gió đưa, hồ nước khôn yên mặt,  
Ô lặn, người xa những bận lòng.  
Phạm-Lãi<sup>1</sup> thuyền con đâu đó tá?  
Đi về chỉ thấy chiếc thuyền ông...

*Tạm dịch theo thề Lục-bát*

*Buổi chiều, sông lặng, cây xanh,  
Bến sa lủi-thủi một mình nhìn xa.*

---

1. Phạm-Lãi : Đã được chú-thích nơi trang 114 trước đây.



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

Bãi lau, chim lạnh người ta,  
Chực mời, cò dòi bay rà ao sàu.  
Mặt hồ, nhân bởi gió thu,  
Vầng ó vira lạn, dạ sàu khách xa.  
Nào thuyền Phạm-Lãi ngày xưa?  
Ông câu này cứ thuyền đưa đi về.

### 4. 書 懷

蕪 菜 結 屋 一 年 餘  
蓋 世 襟 懷 日 益 疎  
舊 事 如 川 長 赴 海  
新 懷 似 月 欲 凌 虛  
未 能 蜂 闕 全 家 舉  
且 傍 空 門 遠 俗 居  
[187a] 天 意 若 非 憐 我 甚  
肯 教 容 易 卧 茅 廬

### Phiên âm

### 4. THU HOÀI

Vu-lai kiết ốc nhưc niên dư,  
Cái thế khâm-hoài nhưc ích sơ.



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

Cự sự như xuyên trường phó hải,  
Tân hoài tự nguyệt dục lãng hư.  
Vị năng giáng khuyết <sup>1</sup> tuyền gia cử,  
Thả hướng không-môn <sup>2</sup> viễn tục cư.  
Thiên ý nhược phi liên ngã thậm,  
Khẳng giao dung-dị ngoạ mao-lư.

### *Tạm dịch theo Đường-luật*

Hơn năm nhà dựng ở Vu-lai,  
Ngang dọc, nay người dạ bão-hoài.  
Việc cũ như sông trôi đại-hải,  
Lòng mơ tựa nguyệt hương Thiên-thai.  
Cả nhà chưa được lên cung-khuyết,  
Chiếc bóng nhờ nương ở Phật-dài.  
Mới biết Trời cao thương tứ thật,  
Không thương, dễ được ở nhà chơi.

### *Dịch theo thề Lục-bát*

Hơn năm nhà ở Vu-lai,  
Khắc đời hoài-bão càng ngày càng người.

1. Giáng là sắc đỏ. Khuyết là cửa khuyết. Giáng khuyết ở đây là chỉ mặt trăng.

2. Không-môn là cửa không, tức là cửa Phật, là thiên-môn.



## PHỤ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

Như sông, việc cũ chảy xuôi,  
Tâm lòng như nguyệt muốn đời lên không.  
Cả nhà chưa tới thiềm-cung [cung trăng],  
Hãy xa chốn tục, xin dung cửa thiền.  
Chở-che đợi đờc Hoàng-thiên,  
Không thương, hồ dễ nằm yên ở nhà?

### 5. 野 坐<sup>1</sup>

野	坐	惟	無	事
涼	風	蘊	太	清
遠	邨	來	竹	色
高	樹	落	蟬	聲
名	豈	忙	中	得
詩	多	靜	處	生
夕	陽	行	客	歌
古	道	獨	含	情

1. Chữ 邨 này là chữ thôn 村 cổ tự.

Bài thơ « Dã tọa » trên đây là thể thơ Ngũ-ngôn bát-cú.



## PHỞ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

### Phiên âm

#### 5. DÃ TOẠ

Dã toạ duy vô sự,  
Lương phong uẩn thái thanh.  
Viễn thôn lai trúc sắc,  
Cao thụ lạc thiên thanh.  
Danh khởi mang trung đắc,  
Thi đa tính xứ sinh.  
Tịch-dương hành-khách hiết,  
Cồ đạo độc hàm tình.

### Dịch theo thể Lục-bát

#### 5. NGỒI NGOÀI ĐỒNG QUÊ

Ngồi đồng, vô-sự ta ngồi,  
Gió hiu-hiu thổi, thổi đời thanh-cao.  
Thôn xa, sắc trúc xinh sao!  
Ve kia khen khéo cây cao kêu sào.  
Rộn-ràng dễ có danh đâu,  
Trong khi bình-fĩnh thơ mau thành bài  
Bóng chiều, hành-khách nghỉ-ngơi.  
Vui cùng đạo cồ thanh-thời tâm tình.



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

### Dịch theo Đường-luật

#### 5. NGÒI NGOÀI ĐỒNG NỘI

- a. Đồng quê, vô sự, tờ ngời chơi,  
Gió mát tư bề thật thanh-thời.  
Sắc trúc xanh-xanh trông đẹp mắt,  
Tiếng ve buồn-bã lắng inh tai.  
Hoang-mang, danh thực khôn tìm được,  
Bình-tĩnh, thơ hay dễ trở tài.  
Hành-khách chiều hôm vào quán nghỉ,  
Vui cùng cõ-đạo một mình thời.
- b. Minh ngòi chễm-chệ giữa đồng quê,  
Ngọn gió thềm-thềm thật mát ghê.  
Sắc trúc xinh-tươi từ xóm nọ,  
Tiếng ve rền-rĩ tự cây kia.  
Rộn-ràng, danh thực khôn tìm được,  
Yên-lặng, thơ hay dễ cảm đề.  
Chiều tối, khách đường đi nghỉ cả,  
Riêng ta vui dao lúc đêm về.

+

Ngày Trung-thu năm Tân-tị, ông Ngô-thế-Lân có bài thơ  
« Ngẫu-tác » như sau :



## PHỞ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

### 6. 偶作<sup>1</sup>

地 僻 人 間 夜 似 年  
中 秋 月 色 好 誰 憐  
陶 潛 酒 後 惟 耽 睡  
孤 負 嫦 娥 一 夕 圓

### *Phiên âm*

### 6. NGẪU-TÁC

Địa tịch nhân-gian dạ tự niên,  
Trung-thu nguyệt sắc hảo thùy liên?  
Đào-Tiềm tửu hậu duy đam thụy,  
Cô phụ Thường-nga nhứt tịch viên.

### *Dịch theo thể Lục-bát*

### NGẪU-NHIÊN CẢM-TÁC NHÂN TIẾT TRUNG-THU

*Trần-gian đất hẹp đêm dài,  
Trung-thu trăng đẹp vì ai thương lòng?*

1. Bài thơ trên gồm bốn câu là thể thơ tứ-tuyệt.



## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NĂM

Đào-tiềm <sup>1</sup> say-ltĩ giấc nồng,  
Đêm nay nữ phụ gương trong chị hằng.

### Dịch theo Đường-luật

Cõi trần đất hẹp, ngàn đêm dài,  
Vầng-vặc vầng trăng đẹp mển ai?  
Cạn chén, Đào-Tiềm say giấc ngủ,  
Phu lòng chị nguyệt suốt đêm soi.

+

Và những bài thơ sau đây đều do Ngô-thế-Lân sáng-tác :

7. 蕪 萊 秋 夜

永 夜 沙 林 裡

無 人 自 點 頭

1. Đào-Tiềm là người đất Tầm-dương về đời Tấn, tên tự là Nguyên-lượng, lại còn một tên nữa là Uyên-minh, là tăng-tôn của Đào-Khản nguyên Thứ-sử Giao-châu.

Đào-Tiềm có tánh cao-thượng, giản-dị, hay uống rượu, từng làm chức Lệnh Bành-trạch. Nhân một ngày, có một vị quan Thanh-tra tới huyện, các viên thuộc nói với Đào-Tiềm đòi khẩn yết-kiến viên Thượng-quan. Đào-Tiềm nói: « Ta không thể vì năm đấu gạo mà chịu công lưng... » rồi bỏ quan-chức mà đi tiêu-dao sơn thủy và ngâm-vịnh hải-hồ.





## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

月 窺 僧 舍 靜  
虫 語 客 窗 秋  
獨 坐 心 無 極  
高 歌 韻 轉 幽  
故 人 千 里 外  
何 日 更 同 舟？

### Phiên âm

#### 7. VU-LAI THU DẠ

Vĩnh dạ sa lâm lý,  
Vô nhân tự điềm đầu.  
Nguyệt khuy tăng xá tĩnh,  
Trùng ngữ khách song thu.  
Độc tọa tâm vô cực,  
Cao ca vận chuyển u.  
Cổ-nhân thiên lý ngoại,  
Hà nhật cánh đồng chu?

*Tạm dịch theo thể Lục-bát*

#### 7. ĐÊM THU TẠI Ồ VU-LAI

*Đêm dài rừng Cát vãn-vơ,  
Một mình, mình lại thần-thơ gặt đầu.*



## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NĂM

Phòng sự soi bóng trăng thu,  
Bên ngoài cửa sờ rầu rầu để kêu.  
Ngồi trơ, lòng nghĩ đôi điều,  
Hát lên, âm-vận có chiều thanh-u.  
Cổ-nhân ngàn dặm tịt-mù,  
Bao giờ lại được đêm thu đồng thuyền?

### Tạm dịch theo Đường-luật

Đêm dài, rừng cát, luống bơ-vơ,  
Chiếc bóng cùng ta khéo thân-thờ!  
Vàng-vặc trăng soi vào xá lạng<sup>1</sup>.  
Rĩ-rầu để gọi trước song thừa.  
Một mình ngồi nghĩ, lòng không rộn,  
Mấy tiếng ca lên, vận có thừa.  
Ngàn dặm người xưa tin vắng-bặt,  
Chung thuyền ngày ấy biết bao-giờ?

### 8. [187b] 寄高留守

河邊一自唱驪歌  
愁對東籬雨度花  
故國風塵今更異

1. Xá lạng là nhà yên-tĩnh. Ở đây, nói xá lạng là nói phòng của tăng yên-tĩnh.



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

殊 鄉 烟 月 近 如 何 ?  
寄 來 狂 藥 狂 還 甚  
酬 去 靈 丹 靈 得 麼  
感 世 相 逢 應 有 日  
班 超 端 不 老 龍 沙

*Phiên âm*

8. KỶ CAO LƯU-THỨ

Hà biên nhứt tự xướng ly-ca,  
Sầu đối đông-ly lưỡng độ hoa.  
Cổ quốc phong-trần kim cánh dị,  
Thù hương yên nguyệt cận như hà ?  
Ký lai cường dược, cường hoàn thậm,  
Thù khứ linh-đơn, linh đặc ma ?  
Thịnh thể tương phùng ưng hữu nhật,  
Ban-Siêu đoan bất lão Long-sa.

*Dịch theo thể Lục-bát*

8. GỢI CHO QUAN LƯU-THỨ HỌ CAO

Bên sông từ lúc đưa chân,  
Buồn trông vườn cũ hai lần nở hoa.



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

Phong-trần nước cũ khác xưa,  
Khói trắng đất khách nay như thế nào?  
Thuốc điện đã được gửi vào,  
Uống rồi chỉ thấy phần nào thêm điện.  
Lại còn tặng cả đơn thiêng [linh],  
Uống vào chẳng thấy thiêng-liêng chút gì.  
Thanh-bình, gặp-gỡ có khi,  
Ban-Siêu<sup>1</sup> không lẽ ở lỵ Long-sa.

### Tạm dịch theo Đường-luật

Bèn sông từ thuở bác chia tay,  
Hai độ hoa vườn đã đổi-thay.

1. Ban-Siêu người đời Hậu-Hán, tự là Trọng-Thăng, có chí-khí rất lớn.

Lúc nhỏ nhà nghèo, họ Ban đi viết thuê nuôi mẹ, và theo học không nề khó-nhọc, khổ-sở. Ông thường ném bút mà than rằng: « Đại trượng-phu ở đời thì phải đeo cung mang kiếm, vẫy-vùng trong thiên-hạ, noi gương Phó-Giới-tử, Trương-Khiên ngày xưa lập công-danh ở biên-thùy, để được phong hầu, chứ lẽ đâu lại chịu chết theo bút nghiên bao-giờ! » Sau Ban-Siêu ra đầu quân và cầm quân đi đánh Tây-vực, dẹp yên 50 nước, được phong « Định-viễn-hầu ».

Lúc đi chinh-phạt Tây-vực, vào những nơi hiểm-trở, ông thường nói với những kẻ thuộc-hạ: « Bất nhập hồ huyết, an đắc hồ tử », nghĩa là không vào hang cọp, thì làm sao mà bắt được cọp con. Ông ở Tây-vực 31 năm. Lúc tuổi đã già, ông mới xin trở về nhà, rồi mất năm 102 sau Công-nguyên, tức năm thứ 14 niên-hiệu Vĩnh-nguyên Hoà-đế nhà Đông-Hán. Ông hưởng thọ 71 tuổi.

Trong « Chinh-phụ ngâm » có câu: « Ban-Siêu qui thời mấn dĩ ban ». [Chàng Siêu mái tóc diềm sương mới về].



## PHỞ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

Gió bụi nước xưa từng khác trước,  
Khói trắng đất khách biết sao đây?  
Gởi cho thuốc chữa, điên càng dữ,  
Lại tặng đơn linh, chữa thấy hay.  
Thịnh-thế những mong ngày gặp-gỡ,  
Ban-Siêu không lẽ thú luôn đời.

### 9. 曉 起

星	移	宮	漏	促
殘	夏	破	天	荒
宿	鳥	寒	啼	月
疎	鐘	冷	咽	霜
念	頭	分	舜	跡
天	際	判	陰	陽
莫	性	羣	生	急
紅	輪	亦	太	忙

### *Phiên âm*

### 9. HIỀU KHỈ

Tinh di cung lậu xúc,  
Tàn hạ phá thiên-hoang.



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

Túc điều hàn đê nguyệt,  
Sơ chung lãnh yết sương.  
Niệm đầu phân Thuấn, Chích,  
Thiên tế phán âm, dương.  
Mạc quái quần sinh cấp,  
Hồng-luân diệc thái-mang.

*Dịch theo thề Lục-bát*

### 9. DẬY SỚM

*Sao đời, nước giọt thật mau,  
Tiết trời cuối hạ, phá bầu thiên-hoang.  
Chim nằm rết, hót trăng tàn,  
Tiếng chuông thừa-thớt, khi hàn nuốt sương.  
Thuấn, Chích<sup>1</sup> chia hẳn hai đường,  
Cõi trời phân-biệt rõ-ràng âm dương.  
Muôn loài tỉnh dậy vội-vàng,  
Mặt trời dương cũng phân mang nữa là....*

1. Thuấn là vua Đại-Thuấn nhà Ngu [2255-2208 trước Công-nguyên] được vua Nghiêu nhà Đường truyền ngôi cho, và tại vị được 48 năm. Đến sau, vua Thuấn lại truyền ngôi cho vua Đại-vũ nhà Hạ. Hai đời Đường, Ngu được gọi là Nhị-Đế. Chích là tên đại-đạo, là tên ăn trộm có danh-tiếng đời xưa. Trong sách Mạnh-tử có nói: « Chích chi đồ dã » là đồ-đệ bọn tên Chích ăn trộm.



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

Dịch theo Đường-luật

DẬY SỚM

Khắc lậu cung kia nhỏ [nhỏ giọt] vội-vàng,  
Sao đời, tàn hạ, phá thiên-hoang.  
Chim nằm lạnh-lẻo buồn kêu nguyệt,  
Chuông đánh lư-thư rét nuốt sương.  
Lòng thế khác nhau như Thuấn, Chích,  
Cõi trời chia hẳn rõ Âm dương.  
Lạ gì muôn vật đua vùng dậy,  
Vững nhứt xem ra cũng rộn-ràng.

10. 山 居 即 事

蟬 聲 喧 午 夏

竹 影 護 階 苔

老 圃 秋 無 事

柴 門 晝 不 開

溪 雲 當 坐 起 [188a]

山 雨 過 江 來

清 世 誰 高 尚?

閒 眠 爲 不 才



## PHỪ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

### Phiên âm

#### 10. SƠN-CƯ TỨC SỰ

Thiền thanh huyền ngộ hạ,  
Trúc ảnh hộ giai đài.  
Lão phổ thu vô sự,  
Sài môn trú bất khai.  
Khê vân dương toạ khí,  
Sơn vũ quá giang lai.  
Thanh-thế thùy cao-thượng?  
Nhàn miên vị bất tài.

*Dịch theo thê Lục-bát*

#### 10. Ở NÚI TỨC CẢNH

Trưa hè rộn-rã tiếng ve,  
Kìa kìa bóng trúc khéo che rêu dày.  
Thu về, lão-phổ<sup>1</sup> rảnh tay,  
Cửa sài đóng kín ban ngày không ngại.  
Mây khe như toả chỗ ngồi,  
Ầm-ầm mưa núi qua nơi sông vào.  
Đời nay ai kể thanh-cao?  
Ta nhàn ngủ bởi lược-thao kém tài.

1. Lão-phổ là ông già làm vườn.





## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

### Dịch theo Đường-luật

Trưa hạ, ve kêu tiếng rĩ-rầu,  
Che rêu nhờ có bóng tre cao.  
Thu về, lão-phổ không lo việc,  
Ngày suốt, sai môn chẳng mở dàu.  
Mây nọ từ khe vào chốn nghỉ,  
Mưa kia tự núi quá sông sàu.  
Đời nay, ai kẻ ư cao-thượng?  
Nhân ngử, vì minh kém lược-thao.

\*

Lúc đi qua thành cũ Đồ-bàn [tức thành-phố Qui-nhân bảy giờ], ông Ngô-thế-Lân có làm bài thơ :

### 11. 過 聞 槃 城 懷 古

斜	陽	停	馬	望
無	限	廢	興	情
園	苑	僧	爲	寺
宮	庭	牧	自	耕
殘	山	餘	古	塔
剩	水	竈	荒	城
神	道	原	無	據
西	關	漫	刻	盟



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

*Phiên âm*

11. QUÁ ĐỒ-BÀN THÀNH HOÀI CỒ

Tà dương đình mã vọng,  
Vô hạn phế hưng tình.  
Viên-uyên tăng vi tự,  
Cung-đình mục tự canh.  
Tàn sơn dư cồ tháp,  
Thặng thủy thoán hoang thành.  
Thần đạo nguyên vô cứ,  
Tây-quan mạn khắc minh.

*Dịch theo thề Lục-bát*

11. ĐI QUA THÀNH ĐỒ-BÀN HOÀI CỒ

*Bóng tà, dừng ngựa, trông xa,  
Chuyện xưa hưng phế, lòng ta bồi-ngùi.  
Chùa kia, nguyên trước vườn vui,  
Nay nơi canh-mục, xưa nơi cung-đình.  
Núi trơ Cồ-tháp chênh-vênh,  
Nước thừa đầy cả bên thành bỏ hoang.  
Đạo Thần huyền-bi khôn lường,  
Tây-quan khen khéo vấn-vương lời thề.*



PHÚ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

Dịch theo thể Đường-luật

ĐI QUA THÀNH ĐỒ BÀN HOAI CỜ

Dừng ngựa đứng trông, bóng xế tà,  
Biết bao hưng phế chạnh lòng ta!  
Vườn hoa, tăng dựng chùa thờ Phật,  
Cung điện, ai cho trẻ thả bò?  
Tháp cổ chơ-vơ trên núi trọc,  
Nước dư đầy-dẫy giữa thành xưa.  
Đạo Thần huyền-bí khôn lường trước,  
Câu chuyện Tày-quan khéo thiết-tha.

+

Ông Ngô-thế-Lân còn làm bài thơ vịnh Phùng-Hoan như sau:

12. 詠馮驩

填門食客漫紛紛  
市義看來有幾人?  
雖有嘉猷懷小薛  
更無善策制強秦  
劍歌臺唱殊堪厭  
兔窟三成自可親



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

相 國 若 無 收 印 日  
誰 知 彈 缺 是 佳 賓

*Phiên âm*

### 12. VỊNH PHÙNG-HOAN

Diễn môn thực khách mạn phân-phân,  
Thị nghĩa khan lai hữu kỷ nhân?  
Tuy hữu gia-du hoài Tiều-Tiết,  
Cánh vô thiện-sách chế Cường-Tần.  
Kiếm ca điệp xướng thù kham yếm,  
Thỏ quật tam thành tự khả thân.  
Tướng quốc nhược vô thu ấn nhật,  
Thùy tri đàn hiệp thị giai tân.

*Tạm dịch theo thề Lục-bát*

### 12. VỊNH PHÙNG-HOAN <sup>1</sup>

*Khách ăn đầy cửa nhà ngòi,  
Xem ra «mua nghĩa» mấy người như ông.*

1. Phùng-Hoan là người đời Chiến-quốc, và là thực-khách tại nhà Mạnh-thường-Quân. Mạnh-thường-Quân sai Phùng-Hoan tới ấp Tiết đòi nợ. Sau khi tới ấp Tiết, Phùng-Hoan đốt hết văn-kế nợ cũ để mua chuộc lòng dân trong ấp. Đến khi Mạnh-thường-Quân bị phế, về ở ấp Tiết, được nhân-dân ấp đó hoan-nghinh, ấy là nhờ Phùng-Hoan đã làm ơn cho dân ấp Tiết trước kia.



## PHỞ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

Mưu hay, ấp Tiết mến lòng,  
Nhưng không có chức ngăn xong Tần Cường.  
Múa gươm, ca xướng chán-chường,  
Thỏ thành ba lỗ có đường yên thân.  
Nếu không thu ấn Thường-Quân <sup>1</sup>,  
Thì ai biết đến « giai-tàn » họ Phùng.

### Tạm dịch theo Đường-luật

#### 12. VỊNH PHÙNG-HOAN

Đầy nhà thực-khách Mạnh-thường-Quân,  
Mấy kẻ như ông có nghĩa ân.  
Tuy có mưu hay thương Tiều-Tiết,  
Nhưng không chức giỏi chống Cường-Tần.  
Gươm đàn mấy bận vang dòn tiếng,  
Hang thỏ ba thành giữ được thân.  
Tướng-quốc như không thu ấn-tín,  
Nào ai biết đến kẻ giai-tàn.

+

Ông lại có bài thơ vịnh Trác-văn-Quân như sau :

---

1. Mạnh-thường-Quân cũng người ở đời Chiến-quốc, công-tộc nước Tề, tên là Văn, họ Điền, làm Thủ-tướng nước Tề, và được phong ở ấp Tiết. Trong lúc làm Tướng-quốc nước Tề, Mạnh-thường-Quân chiêu hiền đãi sĩ, hằng ngày có mấy nghìn người khách ăn cơm trong nhà; Phùng-Hoan cũng là một người thực-khách của Mạnh-thường-Quân. Đến lúc bị phế, thôi làm quan, Mạnh-thường-Quân về ở ấp Tiết, rồi tạ thế ở đó.



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

13. 誄卓文君

風流前債 | 188b | 思難仄  
無那琴聲半夜催  
紅葉不勞題葉去  
白柯解作伐柯來  
阿翁不憤難容物  
兒女堪憐亦愛才  
詞客早知情太薄  
白頭甘分老粧臺

*Phiên âm*

13. VỊNH TRÁC-VĂN-QUẦN

Phong-lưu tiền trái tứ nan hôi,  
Vô ná cảm thanh bán dạ thôi.  
Hồng diệp bất lao đề diệp khứ,  
Bạch kha giải tác phạt kha lai.  
A-Ông bất phẫn nan dung vật,  
Nhi-nữ kham liên diệp ái tài.  
Từ khách tảo tri tình thái bạc,  
Bạch-đầu cam phận lão trang đài.



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

### *Xin giải nghĩa những chữ khó*

*Kha* 柯 là cái cán búa. Trong kinh Thi, về thiên « Bàn-phong phạt kha » có câu : « Phạt kha như hà, phỉ phủ bất khắc. Thú thê như hà, phỉ môi bất đắc » nghĩa là : Chặt cán búa [hay chặt cây] phải làm thế nào? Không có búa không chặt được. Cưới vợ phải làm thế nào? Không có người làm mai-mối không xong. Vì vậy nên đời sau người ta gọi việc làm mai-mối cưới vợ là « chấp kha ». Còn phạt kha nhân là người làm mối.

Trên đây nói : « Bạch kha giải tác phạt kha lai » là có ý nói Trác-văn-Quân tự làm mai-mối cho mình vậy.

### *Xin dịch theo Đường-luật*

#### 13. VỊNH TRÁC-VĂN-QUÂN <sup>1</sup>

- a. Nợ cũ phong-lưu thật khó phai,  
Tiếng cầm giục-giã đến phòng trai.  
Lá hồng chẳng cậy ai xe-quấn,  
Búa bạc thà cam tự mối-mai.

1. Trác-văn-Quân là người đất Lâm-ngang nhà Hán, cháu gái của Trác-vương. Trác-văn-Quân là một người đàn-bà có nhan-sắc, vừa mới goá chồng, bỗng nghe khúc đàn « Cầu-hoàng » của Tư-mã Tương-như khi Tương-như đến nhà chơi, rồi phải lòng Tương-như, đến nỗi nửa đêm đi theo Tương-như. Còn Tương-như là một người có văn tài về đời nhà Hán, và một tay rất hay đàn. Khúc đàn « Cầu-hoàng » của Tương-như là khúc đàn « cầu-hôn ».



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

Đừng giận A-ông từng khó tánh,  
Nên thương nhi-nữ cũng yêu tài.  
Văn-nhân sớm biết tình đơn-bạc,  
Đành chịu già-nua suốt một đời.

- b. Nợ cũ phong-lưu tứ khó quên,  
Nửa đêm theo tiếng gọi cầm-huyền.  
Lá hồng chẳng mượn ai làm mối,  
Búa bạc đành cam tự kết duyên.  
Dung vật, A-ông lòng khó mở,  
Thương tài, nhi-nữ dạ khôn yên.  
Sớm hay từ-khách tình-lang bạc,  
Đầu bạc<sup>1</sup> dài-trang cũng chẳng phiền.

### *Tạm dịch theo thể Lục-bát*

*Khó quên nợ cũ phong-lưu,  
Không ngờ cầm sắt dập-dtu nửa đêm.  
Chẳng cần lá thắm xe duyên,  
Đàn thay cán búa, tơ liền mối manh.*

---

1. « Bạch-đầu-ngâm » là tên khúc nhạc-phủ Sở-từ. Theo sách Tây-kinh tạp-ký có chép: Tư-mã Tương-như toan đi cưới người con gái ở đất Mậu-lãng làm tiểu-thiếp, Trác-văn-Quân bèn làm khúc « Bạch-đầu-ngâm » đề tự-tuyệt, Tương-như bèn thôi, không đi cưới người con gái ở đất Mậu-lãng nữa — Trích ở bộ Từ-diễn Từ-nguyên, về mục chữ Bạch, trương số 61, tập Ngô.





## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

*A-ông, khó tánh đã đành,  
Nữ-nhi mà cũng si tình đáng thương.  
Biết chàng là « bạc tình lang »,  
Thà dành ở chốn dài-trang bạc đầu.*

+

Ông Ngô-thế-Lân có đưa một phong thư cho người bạn của ông tên là Nguyễn-duyên-Hạo, trong đó đại-lược ông nói như sau :

Đại - phàm người ta đương nói - năng vừa đến lúc khoan-khoái ý-tứ nhất, bỗng bị người khác cắt đứt lời nói đi, rồi bình-tĩnh chịu nhịn nín-thinh được một cách dễ-dàng; hoặc là họ đương phát-biểu ý-khi vừa đến hồi hăng-hái, say-sưa nhứt, bỗng bị người ngoài ngăn-chặn lại, cắt ngang lời nói, rồi có thể thu-liễm thần sắc lại như thường; hoặc là đương tức-giận hay ham-muốn vừa đến lúc sôi-động, nóng-nảy nhứt, bèn tự-nhiên tiêu-tan, biến-hoá ngay, không còn mảy-may tức-giận hay ham-muốn nữa. Nếu không phải là người đại-dũng trong thiên-hạ, thì không thể nào làm được như thế.

Sách Trung-dụng<sup>1</sup> có nói : « Tri sĩ cận hồ dũng » nghĩa là « Người biết sĩ-nhục là người gần được như kẻ dũng ». Ấy chỉ

---

1. Sách Trung-dụng là một cuốn sách trong Tứ-thư hay Tứ-truyện là : Đại-học, Luận-ngữ, Mạnh-tử và Trung-dụng. Sách Trung-dụng do thầy Tử-Tur [cháu đức Thánh Khổng-tử] sáng-tác, trong đó, thầy Tử-Tur thuật lại những lời nói của các bậc Tiên-Thánh. Sách ấy nói về Thiên-đạo và Nhân-đạo.



## PHỤ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

là biết sĩ, vì tự mình biết không có thể [189a] từ-bỏ dứt-khoát cái lòng riêng-tư của mình để đi đến địa-vị của các bậc Thánh-nhân hay Hiền-triết vậy.

Còn như người đời nay thì đa-số lại lấy làm hồ-thẹn khi lời nói của mình không khuất-phục được người khác, khi ý khí của mình không lấn-át được người ta, và khi những nổi tức-giận hay ham-muốn của mình không được thoả-tình như ý.

Như thế là họ không biết đó là cái chứng bệnh của kẻ học-giả. Chính những người quân-tử rất lấy làm thẹn-thường vì chứng bệnh ấy.

Những bậc đại-thần ngày xưa không bao-giờ tự khoe-khoang trí mưu tài lược của mình, mà cứ chăm-chăm lo-lắng mình không có tài nghệ gì khác, và bao-giờ cũng cứ vui-vẻ như có độ-lượng khoan-dung những kẻ khác mà thôi.

Những kẻ học-giả nên cố-gắng từ-bỏ dứt-khoát lòng riêng-tư của mình, để bước thẳng đến chỗ « đoán-đoán »<sup>1</sup> và « huu-huu »<sup>2</sup> của những bậc đại-thần ngày trước, thì mới mong đem lại an-ninh và tế-độ thiên-hạ, mới mong văn-hồi cái thời

1. « Đoán-đoán » xuất-xứ từ câu cổ-văn « đoán-đoán hồ vô tha kỹ » nghĩa là cứ chăm-chăm lo-lắng mình không có tài-nghệ gì khác. Đó là nói về đức-tính của các người quân-tử ngày xưa.

2. « HUU-hUU » xuất-xứ từ câu cổ-văn « huu-huu như hữu dung » là vui-vẻ như có độ-lượng bao-dung những người khác. Đây cũng nói về đức-tính của những người quân-tử ngày xưa.



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

binh trị của đời Tam-đại<sup>1</sup> ngày trước. Có như thế mới khỏi phụ tấm lòng của đấng Quân-vương nước ta, và mới không ưỡng công một phen xuất thế, nghĩa là một phen ra giúp đời vậy.

+

Ông Ngô-thế-Lân lại còn làm một bài bàn về tiền-tệ, nhưng chúa Nguyễn-phúc-Thuần không chịu xét ý-nghĩa bài luận này.

Bài luận ấy đại-ý như sau :

[189b] Chúng tôi trộm nghe từ khi các đấng Tiên-quân bắt đầu mở-mang bờ-cõi, đất-đai còn hẹp-hòi, nhân-dân còn thưa-thớt. Lúc bấy-giờ, về phương Nam, chúng ta chưa có ruộng-nương màu-mỡ ở Gia-định ; về phương Bắc, chúng ta còn phải lo-lắng đối-phó với mọi sự bất-trắc có thể xảy ra từ dãy núi Hoành-sơn, việc binh-cách còn kéo dài hết năm này đến năm khác. Thế mà nhân-dân không đến nỗi đói-khổ, nhà nước lại có lương-thực dư-thừa.

Ngày nay, khắp trong nước đã được thừa-hưởng cảnh thanh-bình từ lâu ngày, đất-đai được mở-mang rộng-rãi, nhân-dân thêm sinh-sản đông-đúc ; ruộng đất có thể cày cấy lúa-má đều đã được khai-khẩn hầu hết ; những nguồn sinh-lợi khác của núi-non, ao, đầm đã được khai-thác đến cùng. Người ta lại

---

1. Tam-đại là ba đời, tức là nhà Hạ, nhà Thương hay nhà Ân và nhà Chu. Người ta cũng gọi Tam-đại là đời Tam-vương.



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

còn mở-mang thêm ruộng-nương ở Gia-định và ở Long-hồ, mà ở trong nước lại không có những biến-cổ về thiên-tai, hạn-hán và lụt-lợi.

Thế nhưng từ năm Mậu-tý [tức năm 1768 là năm thứ 29 niên-hiệu Lê Cảnh-hưng] đến nay, giá lúa thóc nhảy vọt, nhân-dân đói-khổ, là bởi duyên-cớ gì?

Chúng tôi trộm nghĩ đó không phải là chúng ta thiếu lúa thóc, mà chính là do chế-độ tiền-tệ của chúng ta đưa đến hậu-quả như vậy.

Đại-phàm lòng dân bao giờ cũng xu lợi, cũng như nước bao giờ cũng cứ chảy xuống chỗ thấp, cái thế không thể nào ngăn-cản lại được. Cho nên dầu ở miền rừng sâu núi thẳm khí độc lam chương, có cái hại hùm beo [190a] hung dữ; ở ngoài biển cả mệnh-mòng thì có sóng gió nguy-hiêm, có cá kình, cá ngac hung-dữ. Thế mà người ta vẫn thường xông-pha, lên rừng xuống biển không biết sợ-hãi, ấy là vì người ta thấy những mối lợi mà quên cả những cái hại.

Hơn nữa, cái mối lợi đục tiền-kẽm lại gấp bội những mối lợi lên rừng hay xuống biển, mà không hề có những cái hại về lam-chương hay phong-ba.

Tuy đã có pháp-luật nghiêm-cấm những người đục trộm tiền-kẽm, nhưng từ ngày nhà nước cho dùng tiền-kẽm đến nay, chúng tôi chưa từng nghe nói có người nào đục trộm tiền-kẽm mà bị chết bao giờ. Cho nên từ khi ở vùng Ba-thắc, người ta đua nhau đục trộm tiền-kẽm, thì lúa thóc ở hạt Gia-định tự-



## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NĂM

nhiên nhảy cao, bởi vì họ đúc trộm được lợi rất nhiều. Nếu chúng chuyên-chở tiền-kẽm đi mua bán ở các nơi khác, thì sợ bại-lộ mưu-kế gian, cho nên họ không kê hàng-hoá đắt hay rẻ, cứ tùy tiện mà mua lấy được, giá thóc gạo do đó mà nhảy vọt lên cao. Lúa gạo đã đắt-đỏ, người ta lại càng lo-sợ sẽ có trận đói, đã lo-sợ đói kém, thì người ta lại tranh nhau mà mua lúa gạo để tích-trữ. [190b]

Nhân-dân đã đua nhau mua lúa thóc để tích-trữ, thì lúa gạo lại càng đắt-đỏ thêm. Lúa thóc đã đắt-đỏ, thì tất cả các vật-hạng khác trong đất nước cũng đều theo đà lúa thóc mà đắt-đỏ lên mãi.

Vả lại, theo thường tình ai lại chẳng ưa-thích những vật-hạng bền-bĩ, chắc-chắn, mà ai lại chẳng ngại-ngùng những vật-dụng dễ hư, mau hỏng. Nay đem thứ tiền-kẽm dễ bị hư-hỏng mà ăn ngang với thứ tiền đồng có phần bền-chắc, rồi thì nhân-dân lại sẽ tranh nhau chứa lúa thóc, chứ không chịu chứa tiền nữa.

Vào đời vua Hán Cao-đế<sup>1</sup>, nhà vua e-ngại thứ tiền của nhà Tần nửa lượng quá nặng, nên thay-đổi cho đúc thứ « giáp-tiền » [đồng tiền như hình quả đậu], thế rồi các hạng vật giá nhảy cao. Một thạch gạo trị-giá đến muòn đồng tiền. Ấy là bởi đồng tiền rẻ-rúng, nên hoá-vật đắt-đỏ, việc ấy đã có kinh-nghiệm rõ-ràng vậy.

1. Hán Cao-đế tức Hán Cao-tô, tức Bái-công, húy là Bang, tự là Quý, họ Lưu, là vị vua khai-sáng nghiệp đế nhà Hán, thay nhà Tần thống-nhất nước Trung-hoa.



## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NĂM

Lại nữa, từ khi có dân Gia-định tại nơi đây, chưa từng có ai lấy việc chữa thóc lúa làm mối sinh-lợi. Ngày nay tại phủ Gia-định, nhà nào cũng như nhà nấy, họ đều chữa thóc. Chẳng những người ở Gia-định mà thôi, người ở Kinh-thành Phú-xuân cũng như người ở các phủ-hạt khác, dầu đâu, những người có tiền, họ cũng tranh đua nhau [191a] chữa thóc, như thế mà muốn cho lúa thóc đứng đắt giá, thì làm sao được.

Lúa thóc ở Gia-định đã đắt-dó, thì lúa thóc ở các phủ-hạt khác trong đất nước làm thế nào mà không đắt-dỏ cho được.

Lúa thóc tại các phủ-hạt khác trong nước đã đều đắt-dỏ, thì nhân-dân ở Kinh-thành Phú-xuân ít có những người khỏi đói vậy.

Òi! Thương tình người ta, mỗi ngày không đủ ăn hai bữa thì đói, cùng năm không may được quần áo thì rét, đói rét như cắt vào thân-thể [cơ hàn thiết thân], khi ấy người ta không còn kể gì đến điều liêm, điều sỉ nữa, cho nên bọn gian-phi tà-tâm sẽ nổi dậy, bọn trộm-cướp giặc-giả sẽ xuất-sinh.

Ngạn-ngữ có câu : « Nhất triều bất thực, phụ tử vô nghĩa », nghĩa là một buổi mai mà không có ăn, thì đến cha con cũng không còn có tình nghĩa nữa. Cha đã không bảo-đảm được con-cái, thì nhà vua làm sao mà giữ-gìn được nhân-dân?

Tuy-nhiên, cái tệ-hại do tiền-kê-m sinh ra, đã có từ lâu ngày rồi. Nay muốn thay đổi, thì khó lòng mà có hiệu-quả mau-chóng được, còn cái cảnh nhân-dân đói-khát, thì tình-thế lại vô cùng khàn-cấp!



## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NĂM

Chúng tôi thiết nghĩ: Cái kế - hoạch khản - cấp ngày nay không có chi bằng cứ dựa [191b] theo phương - pháp nhà Hán mà thiết - lập kho « thường - bình ». Cứ mỗi phủ cho đặt một kho, và đặt quan Hữu-ty trông coi. Tùy theo từng phủ-hạt mà định một giá lúa « thường-bình ». Lúc thóc rẻ, thì nên dựa theo giá « thường-bình » mà dong thóc vào kho. Đến lúc lúa thóc lên giá, thì cũng y theo giá « thường-bình » mà phát-mãi cho nhân-dân dùng. Như vậy thì lúa thóc không đến nỗi bị rẻ giá quá đáng, làm thiệt - hại các nhà làm nghề nông, để đến nỗi nhân-dân phải bỏ nghề nghiệp làm ruộng. Trái lại lúa thóc cũng không bao-giờ lên giá quá đắt-đỏ, để làm lợi cho những bọn buôn bán đầu-cơ, để dân nghèo phải chịu đói-khổ. Rồi dần-dần nước ta mới thay-đổi được tệ-đoan tiền kềm, và các hàng-hoá mới mong bình-thường được giá-cả.

Dưới đây, chúng tôi xin trình-bày các phương-pháp và thể-lệ thiết-lập kho « thường-bình »:

1. Tại phủ Gia-định, chúng ta phải định giá lúa « thường-bình » mỗi học <sup>1</sup> 5 tiền-kềm.

Tại phủ Bình-thuận và phủ Diên-khánh, giá lúa « thường-bình » mỗi học 6 tiền-kềm.

Tại phủ Phú-yên và phủ Qui-nhân, giá lúa « thường-bình » mỗi học 7 tiền-kềm.

---

1. Học: Theo tự-điền Từ-nguyên chép thì 1 học chứa được 5 đấu, hay là 5 đấu là 1 học.



## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NĂM

Tại phủ Quảng-nghĩa, [192a] phủ Thăng-hoa và phủ Điện-bàn, giá lúa « thường-bình » mỗi hộ 8 tiền-kẽm.

Tại Kinh-dò Thuận-hoá, phủ Quảng-bình và châu Bồ-chánh, giá lúa « thường-bình » mỗi hộ 1 quan tiền-kẽm.

Tại các phủ-hạt, hết đến mùa lúa chín, thi cho nhân-dân cứ y theo giá « thường-bình » mà đóng lúa.

Nếu lúa thóc bị ế, giá rẻ, thì các quan Hữu-ty cũng cứ y theo giá « thường-bình » mà đóng vào kho nhà-nước.

Hoặc những người có lúa cứ khăng-khăng giữ giá đắt mà không chịu bán, thì quan Hữu-ty cũng cứ theo giá « thường-bình » mà mua thóc, khiến những người có lúa không còn dám giữ giá đắt nữa, rồi đem thuyền chuyên-chở lúa vào Kinh-dò Thuận-hoá. Thuyền chuyên-chở không hết, còn thừa bao-nhiêu lúa nữa, thì cho lưu-trữ tại xứ đóng lúa, đề phòng những năm mất mùa, nhà-nước có lúa mà phát chẩn cho quân-binh và nhân-dân.

Nếu phương-pháp này mà thi-hành được, thì thóc ở Gia-dịnh sẽ chở tới Kinh-dò, người ta sẽ được số lãi gấp đôi số vốn mua thóc. Lúa ở Bình-thuận và Diên-khánh chở tới Kinh-dò, sẽ được số lời là bốn phần sáu [192b] [4/6] số vốn. Lúa ở Phú-yên và Qui-nhơn chở tới Kinh-dò, người ta sẽ được số lời là ba phần bảy [3/7] số vốn. Lúa ở Quảng-nghĩa, Thăng-hoa và Điện-bàn chở tới Kinh-dò, sẽ được số lãi là hai phần tám [2/8] số vốn.

Như vậy, thi hằng năm, nhà-nước không cần phải sai-phái





## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

quân - lính đi thúc - giục các phủ cho chở các thuyền lúa vào Kinh-đô, mà các chủ thuyền tại các phủ sẽ tranh nhau chở lúa tới Kinh-đô.

Kế-hoạch ấy đã không tổn-kém của-cải nhà-nước, mà lại không thiệt-hại quyền-lợi nhân-dân, cho nên vua Tuyên-đế nhà Hán<sup>1</sup> từ khi lập kho « thương-bình » về sau, nhân-dân trong nước được nhiều điều tiện-lợi.

+

Các Triều-dương tại Kinh-thành Phú-xuân trông xuống bãi sông [Hương-giang], chế-độ thật là rộng-rãi và sáng-sủa.

Tại cửa vách bên trái toà nhà ấy, người ta có khắc bài thơ như sau :

---

1. Hán Tuyên-đế, tên là Tuân, là cháu của Thái-tử Lệ, mà Thái-tử Lệ là con của Hán Võ-đế, ở ngôi được 24 năm. Hán Tuyên-đế làm vua sau Hán Chiêu-đế, và trước Hán Nguyên-đế.

Năm 73 trước Công-nguyên, Hán Tuyên-đế lên ngôi, lấy niên-hiệu là Bản-thủy. Về sau, Tuyên-đế cải nguyên đến 6 lần là: Địa-tiết, Nguyên-khang, Thần-tước, Ngũ-phượng, Cam-lộ và Hoàng-long.

Trong thời-gian tại vị, Hán Tuyên-đế đều báo-cáo với Hoắc-quang tất cả những việc chính-sự trong nước. Hoắc-quang làm chức Đại Tư-mã Đại-Tướng-quân thọ di-chiếu phụ-chính.

Sau khi Hoắc-quang tạ thế, nhà vua mời thàn-hành chấp-chánh.



PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NĂM

朝 陽 閣

蒼 蒼 標 正 色  
浩 浩 遠 無 涯  
氣 結 山 河 秀  
光 分 日 月 華  
[193a] 閣 曾 傳 正 則  
補 欲 憶 皇 媯  
聞 說 空 桑 法  
曼 陀 更 雨 花  
中 原 華 山 氏 敬 錄

*Phiên âm*

TRIỀU-DƯƠNG CÁC<sup>1</sup>

Thương-thương tiêu chính sắc,  
Hạo-hạo viễn vô nha.  
Khí kiệt sơn hà tú,

1. Các Triều-dương ở giữa khoảng Hà-nghiêu và Thiên-mỗ hiện nay. Chính tác-giả Lê-quí-Đôn Tiên-sinh đã viết cuốn « Phủ-biên tạp-lục » này tại các Triều-dương ấy.



## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NĂM

Quang phân nhật nguyệt hoa.  
Văn tăng truyền Chính-tắc <sup>1</sup>,  
Bồ dục ức Hoàng-oa.  
Văn thuyết không tang pháp,  
Man-đà cánh vũ hoa.  
Trung-nguyên Hoa-sơn thị kính lục.

*Tạm dịch theo thề Lục-bát*

### CÁC TRIỀU-DƯƠNG

*Triều-dương, toà ả nguyệt-ngha,  
Bên sông nước chảy trông xa không bờ.  
Non sông khi kết tinh-hoa,  
Hai vầng nhật nguyệt sáng-loà chia soi.*

---

1. Chính-tắc là Khuất-Nguyên, tên là Bình, biệt-hiệu Linh-quân, người nước Sở về đời Chiến-quốc, làm quan đến chức Tam-lư Đại-phu nước Sở.

Vì Khuất-Nguyên là một nhà đại-học-giả lúc bấy-giờ, được Sở Hoài-vương trọng-đãi. Về sau, nhà vua nghe lời dèm-pha, nên nghi-kỵ Khuất-Nguyên. Ông này mới làm thiên « Ly-tao » khiến nhà vua phải cảm-động.

Đến đời Sở Tương-vương, Khuất-Nguyên cũng đắc-dụng. Về sau, nhà vua cũng nghe lời siểm-nịnh, trích-giáng Khuất-Nguyên đến ở miền Giang-nam. Rồi Khuất-Nguyên tự trầm ở sông Mịch-la ngày 5 tháng 5. Người đời sau thương tiếc Khuất-Nguyên mới lấy ngày 5 tháng 5, tiết Đoan-ngọ làm ngày kỷ-niệm Khuất-Nguyên.

Đến đời Hán Văn-đế, Giá-Nghị, một nhà đại-học-giả có làm bài phú điệu Khuất-nguyên được người đời truyền-tụng.



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

*Thương Chinh-tắc chẳng gặp thời,  
Nhớ bà Oa-hậu vá trời ngày xưa <sup>1</sup>.  
Man-đà hoa rụng thành mưa <sup>2</sup>,  
Không-tang giữa lúc Phật vừa giảng kinh.  
Trung-nguyên Hoa-sơn thị kinh lục.*

*Tạm dịch theo Đường-luật, thề Ngũ-ngôn*

### CÁC TRIỀU-DƯƠNG

Xanh-xanh màu chính sắc,  
Lộng-lộng nước không bờ.  
Non sông khí hun-dúc,  
Nhật nguyệt vừng sáng loà.  
Trái đời thương Chinh-tắc,

1. Nữ-Oa là Nữ-Oa thị, vị Nữ-Đế về đời Thương-cổ. Người ta cũng gọi là Nữ-Oa hoàng.

Nữ-Oa là em gái đồng một mẹ với vua Phục-hy.

Nữ-Oa thường luyện năm sắc đá để vá trời. « Nữ-Oa luyện ngũ sắc thạch dĩ bổ thiên ».

2. Man-đà: Theo bộ Tự-diễn Tìr-nguyên, tập Thín, trương thứ 30, về mục chữ « Man » 曼 có ghi: « Pháp-hoa kinh, Phật thuyết pháp thiên-vũ man-đà-la-hoa » [法華經]: 佛說法, 天雨曼陀羅花. Nghĩa là Kinh Pháp-hoa, Phật giảng thuyết-pháp, trời đổ mưa hoa Man-đà-la.

Man-đà còn là tên một vị cao-tăng.



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

Vá trời nhớ Nữ-Oa.

Nghe nói : « không-tang pháp »,

Man-đà bèn mưa hoa.

Trung-nguyên Hoa-sơn thị kính lục.

+

Lại đến bài thi dưới đây do Trung-nguyên thần Khâu-đình-  
Quý hái lục như sau :

春 柳 碧 如 煙  
春 流 宛 轉 沿  
低 垂 金 鏡 畔  
斜 拂 玉 橋 邊  
眉 細 波 中 畫  
腰 輕 風 裡 旋  
章 臺 千 萬 樹  
惟 爾 沐 恩 先

中 原 臣 丘 廷 揆 拜 錄



## PHỬ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NĂM

### Phiên âm

Xuân liễu bích như yên,  
Xuân lưu uyển-chuyên duyên.  
Đê thù kim cảnh bạn,  
Tà phát ngọc kiều biên.  
My tế ba trung hoạ,  
Yêu khinh phong lý tuyền.  
Chương-đài thiên vạn thụ,  
Duy nhĩ mộc ân tiên.  
Trung-nguyên thần Khâu-đình-Quỹ bái lục.

### Tạm dịch theo thề Lục-bát

Liễu xuân biếc tựa khói mờ,  
Dòng xuân uốn-lượn bên bờ sông kia.  
Cạnh gương lá rữ lê-thê,  
Bóng chiều tha-thướt gần kề cầu đây.  
Dường như trong sóng vẽ mây,  
Nhẹ lừng chống lại gió bay quanh mình.  
Chương-đài <sup>1</sup> nghìn vạn cây xanh,  
Gọi ơn mưa-móc liễu giành trước tiên.

+

1. Chương-đài: Tên một cung-diện, do vua nhà Tần thiết-lập về đời Chiến-quốc, ở về góc Tây-nam thành cũ huyện Trường-an thuộc tỉnh Thiểm-tây.

Chương-đài còn là tên thông-xưng các cung-thất các Chư-hầu về đời Chiến-quốc.



## PHỬ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

Lại đến bài thơ do Mai-đình Triệu-Lam đề như sau :

曙 色 籠 丹 陛  
天 門 十 二 開  
今 朝 狀 元 雨  
萬 里 一 聲 雷  
臚 唱 傳 三 殿  
鴻 名 播 九 垓  
何 須 太 史 氏  
更 奏 慶 雲 來

### Phiên âm

Thự sắc lung Đan-bệ <sup>1</sup>,  
Thiên môn thập nhị khai.  
Kim triều Trạng-nguyên vũ,  
Vạn lý nhứt thanh lôi.  
Lô xướng <sup>2</sup> truyền tam điện,  
Hồng danh bả cửu cai.  
Hà tu Thái-sử thị,  
Cánh tấu khánh vân lai.

1. Đan-bệ : Bệ son, bệ rồng.

2. Lô xướng là cái loa xướng danh những người thi đậu.



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

Tạm dịch theo thể Lục-bát

Vầng đông soi sáng Bệ rồng,  
Trời mười hai cửa mở tung ra liền.  
Sáng nay treo bảng Trạng-nguyên,  
Sấm ran một tiếng khắp miền hay tin,  
Xương danh ba điện loa truyền,  
Trạng đầu tên họ miệng chuyền gần xa.  
Chẳng cần Thái-sử tàu qua,  
Mây lành điềm ứng sinh ra nhân-tài.

+

Lại có bài thơ dưới đây do Khâu-đình-Quỹ đề :

	龍	麟	呈	秀	色
	偃	蓋	欲	拳	空
193b	不	畏	嚴	霜	逼
	偏	宜	細	雨	濃
	貞	堅	看	本	性
	滿	洒	與	誰	同
	天	籟	還	堪	咱
	竺	簫	愧	下	風





## PHỞ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NĂM

### Phiêm âm

Long lân trình tú sắc,  
Yền cái dục kinh không.  
Bất úy nghiêm sương bức,  
Thiên nghi tế vũ mông.  
Trình-kiên khan bản tính,  
Tiêu-sái dữ thùy đồng?  
Thiên lại hoàn kham thính,  
Sinh tiêu quý hạ phong.

### Tạm dịch theo thê Lục-bát

Long, lân sắc đẹp phở-bày,  
Xếp dù những muốn tung bay lên trời.  
Sợ gì sương nặng ướt người,  
Chỉ ưa mưa nhỏ, mong trời tạnh mau.  
Kiên-trình tính ấy bền-lâu,  
Phong-lưu, phóng-khoáng ai nào sánh đôi.  
Sáo trời văng-vẳng nghe vui,  
Tiêu kèn những tiếng trên đời kếm xa.



PHỤ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

Tạm dịch theo Đường-luật, thể Ngũ-ngôn

Long, lân bày sắc đẹp,  
Xếp dù muốn lên không.  
Chẳng sợ sương dày hột,  
Chỉ nên mưa nhỏ giông.  
Trình-kiên xem tánh sẵn,  
Phóng-khoáng có ai cùng?  
Sáo trời nghe thích-thú,  
Đáng then tiêu, kèn-đồng.

+

Còn bài thơ được khắc ở cửa vách bên phải các Triều-  
dương như sau :

振	翻	盤	宵	漢
清	標	遊	不	羣
九	阜	空	外	響
午	夜	月	中	聞
綏	嶠	隨	王	子
瀛	洲	駕	大	君
千	年	遠	海	上
鄉	里	隔	浮	雲



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

### Phiên âm

Chấn cách bàn tiêu Hán,  
Thanh tiêu quýnh bắt quẩn.  
Cửu cao không ngoại hưởng,  
Ngọ dạ nguyệt trung vẫn.  
Hầu-kiệu tùy Vương-tử,  
Doanh-châu giá đại-quân.  
Thiên niên liêu hải thượng,  
Hương lý cách phủ vân.

[Mai-đình Triệu-Lâm đề]

### Tạm dịch theo thể Lục-bát

Chim kia vỗ cánh tung mây,  
Thanh cao khác hẳn loài bay tầm-thường.  
Ngoài trời chín cõi tiếng vang,  
Nửa đêm trong nguyệt mờ-màng chợt nghe.  
Núi Hầu<sup>1</sup> Vương-tử đi về,  
Đại-quân loan-giá gần kề Doanh-châu<sup>2</sup>.  
Nghìn năm trên biển xa nhau,  
Cổ-hương cách-trở một màu phủ-vân.

[Mai-đình Triệu-Lâm đề]

---

1. Núi Hầu là Hầu-lĩnh. Theo sách Từ-nguyên chép thì núi Hầu ở về địa-phận tỉnh Hà-nam bên Trung-quốc

Đời truyền rằng: Ông Vương-tử-Tấn, giữa ngày mùng 7 tháng 7, cỡi chim hạc trắng đứng trên đỉnh núi Hầu-lĩnh, giơ tay từ-tạ người thời bấy giờ rồi đi đâu mất, không ai hay biết.

Núi ấy còn được gọi là « Hầu-thị-sơn ».

2. Đại-quân là vua Thiên-tử. Trong kinh Dịch, quẻ Sư có câu: « Đại quân hữu mệnh » là có mệnh vua Thiên-tử.



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

Lại có bài thơ Thất-ngôn dưới đây do Hoa-sơn Châu-quĩ-Lâm đề.

文 物 皇 州 盛  
聲 名 槐 市 揚  
學 淵 深 海 水  
義 府 儼 宮 墻  
特 達 珪 璋 器  
從 容 禮 法 場  
無 窮 評 月 旦  
此 處 定 行 藏  
華 山 朱 揆 臨 題 [194a]

*Phiên âm*

Văn-vật Hoàng-châu thịnh,  
Thanh-danh Hoè-thị dương.  
Học uyên thâm hải thủy,  
Nghĩa phủ lệ cung tường  
Đặc-đạt khuê chương khí,  
Thung-dung lễ pháp trường.  
Vô cùng bình nguyệt-đán,  
Thử xứ định hành tàng.

[Hoa-sơn Châu-quĩ-Lâm đề]



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

### Tạm dịch theo thể Lục-bát

Thịnh thay văn-vật Hoàng-châu,  
Tiếng thom Hoè-thị <sup>1</sup> nghe hầu khắp nơi.  
Học-uyên sâu tựa biển khơi,  
Này nơi lễ-nghĩa sánh nơi cung-tường.  
Đức tài vi với khuê chương <sup>2</sup>,  
Thong-dong lễ, pháp kìa trường phạm-mô.  
Đán-bình phân-biệt hiền ngu <sup>3</sup>,  
Hành, tàng <sup>4</sup> đã định sĩ-đồ nơi đây.

[Hoa-sơn Châu-quĩ-Lâm đề]

+

Lại còn có hai bài thi dưới đây do Khâu-đình-Quỹ đề :

---

1. Hoè-thị là chợ Hoè. Theo Từ-nguyên, trương 163, tập Thín, dẫn sách « Tam phụ Hoàng-đồ » có nói : Hoè-thị là tên một cái chợ ở về phía bắc kho Thường-mãn, người ta có trồng mấy trăm hàng cây hoè làm đường hầm để người ta đi dưới những cây hoè ấy. Ở đấy, không có tường và nhà-cửa. Cứ đến các ngày mừng 1 và ngày rằm, các học-sinh khắp nơi đều đem những vật-hạng mà trong hạt mình có, cùng các sách Kinh, Truyện, với các đồ nhạc, đến chợ ấy đổi chác, mua bán, và hội nhau bàn-bạc ở dưới gốc các cây hoè, có vẻ thung-dung lắm.

2. Khuê, Chương là ngọc khuê và ngọc chương.

3. Bình nguyệt đán : Buổi xưa, cứ mỗi một tháng, lại có một kỳ bình văn, để biết ai hay ai dở, ai hơn ai kém.

4. Hành, tàng là ra dụng thế hay là ở ẩn.



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

### BÀI THỨ NHỨT

覓 裡 香 膠 熟  
盃 中 湛 露 新  
麴 紅 俾 綺 席  
蟻 綠 獻 佳 時  
錫 報 尊 三 爵  
言 歡 歷 再 旬  
兕 觥 方 上 壽  
展 陸 萬 年 春

### Phiên âm

Úng <sup>1</sup> lý hương giao thực,  
Bôi trung Trạm-lộ <sup>2</sup> tân.  
Khúc hồng truyền ý tịch,  
Nghị lục hiển giai thần.  
Tích báo tôn tam tước,  
Ngôn hoan lịch tái tuần.

1. Úng là cái vò, cái hũ đựng rượu hay đựng các chất lỏng.

2. Trạm-lộ là bài thơ Trạm-lộ có câu như sau: « Trạm-trạm lộ ti, phi dương bất hy » nghĩa là « Sương mù dày đặc, không có vầng thái-dương thì không khô ». Trạm-trạm là cái giáng sương-mù rất thịnh.

Theo sách Tả-truyện, Nịnh Võ-tử có nói: Các Chư-hầu vào triều chính vua Thiên-tử, nhà vua cho ăn yến-tiệc, bảy-giờ Chư-hầu mới vịnh bài thơ Trạm-lộ đại-ý nói ơn nhà vua rất hậu.



## PHỬ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

Chúy <sup>1</sup> quang phương thượng thọ,  
Ý bộ <sup>2</sup> vạn niên xuân.

[Thần Khâu-đình-Quỹ đề]

### Tạm dịch theo thể Lục-bát

Trong vò rượu nóng đưa hương,  
Hát thơ Trạm-lộ quân-vương tạ lòng.  
Tiệc bày rót chén rượu hồng,  
Thiều-xuân thưởng-thức, men nồng tỉnh say.  
Trên ban ba chén rượu đầy,  
Mua vui từng trái tiếp tay hai tuần.  
Quỳnh-diên chúc thọ Thánh-quân,  
Bệ rồng xin chúc muôn xuân thọ trường.

[Thần Khâu-đình-Quỹ đề]

### BÀI THỨ HAI

爲 隔 塵 氛 遠  
應 憐 曲 徑 長  
紆 迴 山 勢 抱  
迢 遞 竹 垣 藏

1. Chúy là con tê giác cái, sừng nó được người đời xưa tiện làm chén uống rượu rất sang-trọng, vì thế nên người ta gọi Chúy-quang là chén uống rượu.

2. Ý bộ. Ý là cái ý ở trong cung điện nhà vua, giống như cái bình-phong, cao 8 thước, có thêu gấm. Vậy Ý bộ là bệ rồng.



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

鶴 步 苔 痕 合  
春 歸 花 氣 香  
玉 橋 流 水 外  
別 有 讀 書 堂

*Phiên âm*

Vị cách trần phân viên,  
Ung liên khúc kính trường.  
Vu-hồi <sup>1</sup> sơn thể bao,  
Di-ly <sup>2</sup> trúc viên tàng.  
Hạc bộ đài ngân <sup>3</sup> hợp,  
Xuân qui hoa khí hương.  
Ngọc kiều lưu thủy ngoại,  
Biệt hữu «độc thư đường.»

[Thần Khâu-đình-Quỹ đề]

*Tạm dịch theo thể Lục-bát*

*Bụi trần xa-cách Triều-dương,  
Yêu vì đây làm lối đường dài ghé.*

1. Vu-hồi 紆迴 là quanh-co.
2. Di-ly 逶迤 là di vòng-quanh.
3. Đài-ngân 苔痕 là dấu rêu, ngấn rêu.





## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

Vòng quanh núi bọc bốn bề,  
Xinh-xinh vườn trúc gần kề nơi đây.  
Rêu in chân hạc dấu dầy,  
Xuân về sức-nức đêm ngày hoa hương.  
Ngòi cầu nước chảy như thường,  
Lại còn có «độc thư đường» tới lui.

+

Tháng 10 năm Giáp-ngọ [tức năm 1774 sau Công-nguyên] là năm thứ 35 niên-hiệu Cảnh-hưng nhà Lê, quân-linh Vương-Thượng [tức chúa Trịnh] đi chinh-phạt phương Nam.

Sau khi quan quân qua khỏi sông [sông Gianh]. Thượng-tướng Việp Quận-công [Hoàng-ngũ-Phúc] có truyền một bài hịch<sup>1</sup> cho nhân-dân hai xứ Thuận-hoà và Quảng-nam như sau :

« Đấng Đại-quân truyền lệnh, để làm sáng-tỏ lòng nhân trù bạo-tàn.

Bậc Trưởng-tử xuất quân, cốt để tiếp-nối cái nghĩa giữ lời nói. [194b]

Việc binh-cách vốn là việc « bắt-dắc-dĩ » ; bọn gian-hung chinh là bọn phải tru-di.

Nước nhà đã có dư đồ, tới đâu cũng trong đất nước ;

1. Hịch : bài hịch, lời hịch, lời văn của các quan-lớn — nhưt là các tướng — đòi-hỏi hay hiểu-dụ hay trách-cứ nhân-dân những việc gì rất cần-kíp. Bài hịch thường được viết bằng lối văn biên-ngẫu.



## PHỤ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

Đất-dại Thuận-hoá, Quảng-nam, cũng đều ở trong phong-vực.

Từ ngày Đoan-quốc-công [Nguyễn-Hoàng] lấy tư-cách một bậc trọng-thần có công-lao và hàng ngoại-thích vâng lệnh Tiên Thánh-Tồ ủy-thác trọng-trách làm Trấn-thủ một địa-phương, rồi nối-nối truyền-tập đến ngày nay đã trải qua mấy đời, trong cõi đều được bình-yên vô-sự, kể đã hơn một trăm năm.

Thế mà ngày nay ý trời lại xuống tai-ương; là bởi gặp lúc quyền-thần ra tay chuyên-chế.

Kìa tên Trương tiểu-tướng [chỉ Trương-phúc-Loan] vốn là :

Đầu-sao <sup>1</sup> khi nhỏ-mọn; qui-vực <sup>2</sup> lòng gian-tà.

Lợi-dụng người thân trong khuê-thất <sup>3</sup>;

Tham-lam chức trọng tại Xu-cơ.

Tin dùng những người gian-xảo; hãm hại những bậc trung-lương.

Lia-bỏ người cũ, ly-gián người mới, chuyên-môn tìm kế lập đảng-phái ;

---

1. Sao là cái rá, cái mẹt vo gạo. Đầu-sao chi nhân là hạng người nhỏ-nhen, hèn-mọn, bần-tiện.

2. Vực là một loài hồ nhỏ, loài cáo nhỏ. Qui-vực chi nhân là hạng người nham-hiềm, qui-quyệt, xảo-trá.

3. Thất là cửa nách ở trong các cung-điện.



## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NĂM

Cậy có quyền-hành, ăn của đút-lót, chỉ lo lập mưu phi thân-gia.

Tự-tiện giết người này, dựng người khác. [195a] dầu người tay chân thân-thiết, cũng đối xử như giống sài lang ;

Buồng-tuồng thói dâm-dục, nét xấu-xa, bề ngoài xiêm mũ xênh-xang, trong lòng thật là loài cầm-thú.

Bắt nhân-dân đóng thuế nặng-nề, hút hết máu mủ ;

Bớt đồng lương quân lính ít-ỏi, bỏ cả vuốt nanh.

Chinh-trị cấp bách như lửa đốt lông mày <sup>1</sup> ; ngục hình độc-thâm như loài muông móc con mắt <sup>2</sup>.

Hắn tự mua lấy dân oán ; lại xúi nèn loạn ly.

Đến nỗi Tây-sơn là bọn hạ-cấp lưu-manh cũng nổi lên như ong như kiến ;

Chiếm lấy Quảng-nam là nơi đất-dai màu-mỡ rồi xua-đuổi cả heo cả beo.

Khiến thế giặc càng ngày càng lừng-lẫy ; đề biên-dân mỗi lúc mỗi lâm-than.

Xuất quân mười lần mà chín lần thua trận, tên dạn khắp nơi ;

1. Nhiên my là nóng bỏng như lửa đốt lông mày. Chinh cấp nhiên my là việc chinh gấp-rút, nóng-bỏng.

2. Dịch là móc, gỡ, xé. Hình thâm dịch mục là hình-ngục thâm-độc, thâm-khố như móc xé con mắt.



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

Cư dân mười hộ mà chín hộ không nhà, thuế-khoá càng gấp.

Tầng ngược-chính như lửa đổ nước sâu ; thành cảnh-tượng như đất băng cả chết.

Òi Tiên-quân kiến-nghiệp cần-lao ! để ngày nay quyền-thần phá-hoại !

Như đức Vương-thượng [chỉ Trịnh-Sum] ta :

Lòng nhân bao-la cốt thân-hoà thích-tộc ; chí cả tha-thiết đề cứu-vãn thời-nguy.

[195b] Vừa dẫn-do gửi thư đến biên-thùy ; lại thúc-giục đưa binh chở nhung-cốc <sup>1</sup>.

Cứu người chết cháy, vớt kẻ chết trôi, hạn xuất quân trong sáu tháng ;

Ngăn kẻ khinh-dễ là kẻ đồng cứu <sup>2</sup>, dùng đại nghĩa sách Xuân-thu <sup>3</sup>.

Lão-phu dạy [Hoàng-ngũ-Phúc tự nói] :

1. Nhung-cốc là xe chở các đồ nhà binh.

2. Đồng cứu. Trong kinh Thi, bài thứ 133, chương nhứt, thơ « Vô y » [thơ Tần-phong] có nói : « Tu ngã qua mâu, dĩ tử đồng cứu », nghĩa là : Chúng ta cùng sửa-soạn cây giáo, cây mâu, để tôi cùng anh đi đánh kẻ thù chung. Vậy « đồng cứu » là kẻ thù chung ở đây là Trương-phúc-Loan.

3. Đại-nghĩa kinh Xuân-thu là đại-nghĩa nghiêm-trị bọn loạn-tham tặc-tử.



## PHÚ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

Ngang đầu vâng đức ý [của nhà vua]; từng phen đưa gián-thư [cho Nam-triều].

Mở lòng thấy rõ chân-thành, nói đầy-đủ ý-nghĩa xót-thương tai-nạn ;

Đồn quân sửa-sang phòng-bị, đem thi-hành mưu-lược gìn-giữ an-ninh.

Nào hay : Hấn trí nghĩ điên-cuồng ; lòng không trung-chính.

Bản ý [họ Trịnh] muốn giao-thông với quốc-thích ; hung-đồ lại tự-tiện phúc vãn-thư.

Đã quen cướp-bóc chốn môn-đình, biết bao nhiêu tội-lỗi ;

Lại còn trau-dồi lời can-vũ <sup>1</sup>, mong cản-trở viện-sur.

Giận hấn là đại-gian ; làm người với đại kế.

Nghĩ nghĩa chưa nên đoạn-tuyệt, ân-cần lại gởi vãn-thư ;

Nhưng ngu si không thể khai-thông, hôn-mê vẫn còn cố-thái.

Hấn vẫn giữ cái tánh hồ-nghi <sup>2</sup> ; hấn dám bày những lời [196a] thư-trá <sup>3</sup>.

1. Can-vũ. Thiên Đại-Vũ-mô trong kinh Thượng-thư có câu : « Vũ can vũ vu lưỡng giai » nghĩa là múa cái can, cái vũ ở hai nơi thềm. Can là cái thuẫn, vũ là cái quạt lông kết bằng lông chim trĩ. Đời xưa, người múa cầm cả can và vũ để múa. Còn can vũ ở đây, theo Tự-diễn Từ-nguyên, là « Cung nhạc-vũ chi dụng » nghĩa là dâng đồ dùng múa nhạc, là có ý nói dùng lời ngọt-ngào, nhẹ-nhàng như tấu nhạc.

2. Hồ-nghi. Hồ là con cáo. Nghi là nghi-ngờ. Con cáo có tánh hay nghi-ngờ, nên mới có danh-từ hồ-nghi.

3. Thư-trá. Thư là một loài vượn, nhưng có tánh rất giáo-quyết xảo-trá. Vậy thư-trá ở đây là rất xảo-trá.



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

Như Quảng-nam còn bị trầm-luân khắp nơi, mà hấn nói tám chín phần đã được khôi-phục;

Như Nguyễn-Nhạc vẫn cứ bằng-lãng<sup>1</sup> như cũ, mà hấn nói một hai xứ còn được vô-can.

Đưa thư chỉ một mực nói hàm-hờ; ý nói không một điều nào thành-thực.

Tội hấn đã rõ-ràng nói giáo cho giặc; Ác hấn đã quen-thuộc lừa dối cả trời.

Ta nay cần bang-hộ ngoại-gia, để xứng ý Cửu-trùng từng ký-thác;

Ta không gặp tảo-trừ nguyên-ác<sup>2</sup>, thì làm sao hai xứ có an-ninh?

Nèn trách-nhiệm đưa quân ra ngoài cõi, ta đâu dám từ-nan;

Mà công-việc dùng quân giết loạn-thần, ta liền phải áp-dụng.

Ấy là lấy nhân-dân đương đợi tái-sinh, để đuổi quân giặc vẫn còn sinh-lực.

Thuyền bè đầy dòng sông, gió mạnh đưa con thuyền « thệ thanh »<sup>3</sup> quân địch;

1. Bằng-lãng là chiếm đóng, bám đóng.

2. Nguyên-ác: đưa đại-ác đầu sỏ.

3. «Thệ thanh». Tích xưa, Tô-Địch, dưới triều Tấn Nguyên-đế, thống-suất binh-sĩ đi đánh phương Bắc. Lúc thuyền ra đến giữa lòng sông, Tô-Địch cầm kiếm đánh vào mái thuyền mà thề rằng: Nếu không bình-định xong vùng Trung-nguyên, thì sẽ không trở về và đi qua sông này nữa. Rồi Tô-Địch đánh phá Thạch-lặc, và khôi-phục được đất từ Hoàng-hà trở về Nam cho nhà Tấn.



## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NĂM

Cờ-xí rợp đồng nội, sương nghiêm chỉ ngọn giáo thẳng tiến lên đường.

Trước trừ-khử cường-thần [Trương-phúc-Loan]; thứ dẹp yên hiệt-tặc <sup>1</sup> [Nguyễn-Nhạc].

Trừ tàn khử bạo, thư gian-nan cho quốc-thích được phần nào ;

Tục [196b] tuyệt cố tồn <sup>2</sup>, giữ hương-hoả cho Tiên-công nối đời mãi.

Cứu tai-nạn thật do nghĩa-cử ; thừa nguy-nan nào có tham-làm.

Hỡi tất cả các quan-viên, hào-mục trong hai xứ Thuận-hoá và Quảng-nam !

Các người đều là tôi con của nhà vua cả ;

Các người còn là tai mắt của nhân-dân nữa.

Các người đã thấy tận mắt quan quân tới đây cứu nạn cho nhà các người, các người nên lo dẹp loạn mà cứu nguy ;

Các người hãy thấy quân lính triều-đình đi tới làng, xã, thôn, ấp nào, các người nên dốc lòng thành mà qui-thuận.

---

1. Hiệt-tặc là bọn giặc rất hung-dữ.

2. Tục tuyệt cố tồn : Nói tuyệt, bền giữ sống còn, nghĩa là làm cho giòng-dõi nhà Nguyễn khỏi bị tuyệt-tự và được sống còn đề đời đời hương khói.



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

Các người hãy chuyển lời cáo-tri và khuyên-răn nhau để cùng nhau hăng say, phấn-khởi lên.

Rồi đây, nhân-dân sẽ mang theo cơm nước cùng nhau đi đón rước quân-sư; và suốt bộ-hạ, tàn-bằng cùng nhau ra giúp nhà nước.

Người có sức mạnh thì hiển sức, kẻ có trí khôn thì hiển mưu. Ai nấy đều dốc lòng tận trung, đề tiêu-diệt thành hồ<sup>1</sup> ác-nghiệt; mọi người đều vui lòng ứng nghĩa, để thanh-trừ hải ngạc yêu-phân<sup>2</sup>. Hội triều sớm được thành-công; đặc-biệt còn mong hậu thưởng.

Hỡi trăm người quân-tử, hãy đồng một tấm lòng.

Nếu có ai ám-muội [197a] tiên-cơ, hôn-mê dị-nghị, phụ-hoạ cái thói cường-lương<sup>3</sup> của họ Trương, mà điềm-nhiên trước cái nguy lũy-noãn<sup>4</sup> của nhà Nguyễn, bám chặt lấy cô-thành,

1. Thành hồ. « Thành hồ » xuất từ câu cổ thành-ngữ: « Thành hồ xã thử » là con cáo ở dưới chân thành, và con chuột ở dưới nền xã tắc. Cáo và chuột là loài vật hay đục-khoét chân thành và nền xã. Nếu không giết chúng nó thì thành và nền xã-tắc sẽ bị sụp-đổ. Thành hồ ác-nghiệt ở đây là chỉ Trương-phúc-Loan.

2. Yêu-phân là hung-khí yêu-quái. Yêu-phân ở đây là chỉ Nguyễn-Nhạc.

3. Cường-lương: bọn giặc cường-bạo và cứng đầu cứng cổ nhưt.

4. Lũy-noãn: trứng chồng-chất lên nhau. Sử-ký Phạm-Thư truyện có chép: « Tần vương chi quốc, nguy ư lũy noãn, đắc thần tắc yên... » nghĩa là nước vua nhà Tần có cái nguy-cơ chồng-chất trứng lên nhau, gặp được người bày-tôi hay-giỏi thì mới yên.

Hễ trứng mà chồng-chất lên nhau thì dễ lăn, dễ tróc và dễ bị bẻ. Vậy cái nguy lũy-noãn là cái nguy gần bị sụp-đổ. Ở đây, nói nhà Nguyễn đã đến lúc có nguy-cơ gần bị sụp-đổ hoàn-toàn.






## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NĂM

đương đầu với nghĩa-lữ, tức là có liên-hệ với đảng « bất-cung »<sup>1</sup>, nhứt-định sẽ bị tru-di, không được ân-xá.

Ta xin khuyên ai nấy hãy sáng-suốt xem cái cơ yên, nguy, thành, bại, đề sớm biết con đường hoa, phước, cát, hung.

Tháng chạp năm ấy [tức năm Giáp-ngọ — 1774], chúa Nguyễn-phúc-Thuần có dâng tấu-văn lên vua Lê [Lê Hiền-tông] như sau :

Kính  Hoàng-thượng vạn vạn tuế.

Mùa thu năm ngoái, nhà Tây-sơn bỗng dấy lên cướp-bóc, chúng tôi chưa kịp thu-phục, may nhờ ơn Hoàng-thượng thương đến dòng-dõi của bậc Huân-thần, đã đặc-phái quan quân tới cứu-viện. Ngày nay miền Nam đã gần được bình-yên và gần được phục-hồi như ngày trước, ấy là nhờ ơn đức của Thánh-minh, và nhờ sức giúp-đỡ của các quan nữa.

Vậy tôi xin kính-cần dâng lễ mọn để hái-tạ Hoàng-thượng, gọi là đền-đáp lòng nhân như trời che đất chở, và độ-lượng như xuân dục hải hàm của Hoàng-thượng.

Tấc lòng kính-cần, muôn đời ơn Hoàng-thượng chấp-nhận cho, [197b] tôi sợ-hãi vô cùng, và cảm-kích vô hạn.

1. « Bất-cung » là không kính, xuất từ chương Hoàng-hỹ, thiên Đại-nhã trong kinh Thi có nói: « Mặt nhân bất cung, Vương hách tư nộ », nghĩa là người Mặt phạm tội không kính, nên vua Văn-vương đã phải tức-giận.



## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NĂM

Tôi xin kính-cần tiến lên Hoàng-thượng 10 kiễm 30 thoi vàng.

Nguyễn-phúc -Thuần lại gửi một bản khái-văn lên chúa Trịnh [Trịnh-Sum] như sau :

Biên-thần hai xứ Thuận-hoá, Quảng-nam là Nguyễn-phúc-Thuần kính-cần gửi bản khái-văn, kính xin Vương-thượng là bậc thông-minh soi xét cho :

Tôi gặp phải lúc vận nhà không may, bọn con dân lộng-hành, gây nên binh-biến. Tôi rất may nhờ được Vương-thượng chiếu-cổ tới chỗ thích-thuộc, nên đã sai-phái quan binh tới tiếp-viện chúng tôi.

Hiện nay tỉnh Quảng-nam đã được khôi-phục, đảng cướp đã gần tiêu-tan, cũng là nhờ sức cứu-tế phù-trì của Vương-thượng.

Vậy tôi xin kính đệ lễ mọn, đề bày-tỏ tấm lòng thành-thực, gọi là đền-đáp phần nào ân-đức to-lớn của Vương-thượng đã che-chở cho tôi.

Kính xin Vương-thượng vui lòng thâu-nạp, tôi trông-mong vô cùng.

Tôi xin kính dâng 10 kiễm 20 thoi vàng.

*Nay kính khái*



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

Nguyễn-phúc-Thuần lại gửi văn-thư đến Việc Quận-công [Hoàng-ngũ-Phúc] như sau :

Thiêm-chức là Quốc-thích Nguyễn-phúc-Thuần tại hai xứ Thuận-hoá và Quảng-nam trân-trọng kính đệ trình Thượng-quốc [198a] Thượng-tướng-quân Quốc-lão đài tiền điện chiếu :

Kề từ ngày trước, khi Tiên-công chúng tôi [Nguyễn-Hoàng] được Hoàng-đế phong cho vào trấn-thủ cõi đất này đến ngày nay đã được sáu, bảy đời, vẫn cứ tiếp-tục tập-chức làm việc, tính hơn hai trăm năm rồi.

Khắp nơi trong cõi đất này, đâu đâu cũng được bình-yên vô-sự, không cần phải bàn nói đến việc quân-sự.

Sở - dĩ được như thế là cũng nhờ ơn đức Hoàng - thượng nghĩ thương đến chúng tôi là dòng - dõi bậc Huân - thần, nên không nỡ lòng trách-cứ chúng tôi những việc cống-hiến, nạp thuế cho Triều - đình. Tấm lòng nhân - đức to - lớn của Hoàng-thượng như trời che đất chở, so-sánh với Hoàng-thiên bao-la bát-ngát vô cùng.

Vương-thượng [Trịnh-Sum] cũng đoái-tưởng đến tình-nghĩa thích - tặc [họ ngoại], nên không nỡ trông thấy cái cảnh cây Kinh khô-héo điêu-tàn. Cái đức bao-dung to-lớn của Vương-thượng thật khó mà tả được.

Nhờ vậy mà nhân-dân hai xứ Thuận-hoá và Quảng-nam mới được yên nghiệp cày cấy làm ăn, không phải bận-rộn đến việc can-qua chinh-chiến. Ấy là đám dân đen ở miền Nam này được nhờ ơn Thượng - quốc chiếu - cố chu - toàn đến nơi đến chốn vậy.



## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NĂM

Ngày nay Thiềm-chức đảm-đương việc nước trong khi còn quá thơ-ấu, tất cả những việc quân-sự, hành-chánh hay dở như thế nào, dân-gian tật-bệnh, khờ-sở như thế nào, Thiềm-chức chưa được lịch-duyệt, nên trong lòng bao giờ cũng lo-sợ như người cầm dầy cương hư-nát [198b] mà cỡi xe sáu ngựa.

Thiềm-chức vẫn tưởng Trương-Đạt [Trương-phúc-Loan] vốn là người huân-thích cao-niên, lại làm chức quan Bảo-phó [Thái-bảo, Thái-phó], nên tất cả mọi việc nước, Thiềm-chức đều tin-cậy vào hẳn, không hề có lòng nghi-ngờ. Nào hay Trương-Đạt là một đứa tiểu-nhân, không những hẳn đã khinh-khi chúng tôi là người còn trẻ tuổi non lời, nên hẳn đã nhiều phương bung tai bịt mắt chúng tôi đã đành, mà hẳn lại còn miệt-thị những người phụ-tá, coi họ như hạng tôi-tớ nữa.

Hắn tự ý muốn làm ngang hay làm dọc thì làm. Hắn đã nhẫn tâm hút máu, hút mỡ người ta cho hết, để rồi đứng coi người ta chết cho đành. Hắn làm tiêu hao hết sức-lực quân lính, và hẳn chỉ chăm-lo làm thế nào cho phi gia là được. Nay nói đến hẳn thì đã quá chậm rồi, còn hỏi làm sao kịp nữa!

Đến như Thái-sinh là một người xuất thân khoa-giáp [hàng Tiến-sĩ], lại do Trương-Đạt tiến-cử, làm quan đến chức Hộ-bộ [Thượng-thư]. Ai ngờ con người như thế, lại có tật xấu như thế, thật là một kẻ tội-nhân đối với danh-giáo. Vậy nên chúng tôi cho giải-nạp chúng nó đến trước quân-môn, để xé nát thây chúng nó làm muôn mảnh, ngõ hầu rửa hận cho quân dân mới đáng. Nhưng Thái-sinh bị giam-cầm ở ngục-thất, rồi buồn-bĩ mà chết ở đấy.



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

Nay Quốc-lão có ủy-sai [199a] Tướng Võ-hầu báo-cáo là khi đem quân vào Nam, thì trước-tiên phải trừ-khử tên mâu-tặc<sup>1</sup> Trương-Đạt, thứ đến thanh-trừ tên Biện-Nhạc nông-cuồng, đề cứu sống đám dân đen. Như thế là trời cao đã mượn tay Quốc-lão để làm yên lòng nhân-dân hai xứ Thuận-hoá và Quảng-nam. Bậc anh-hùng như Quốc-lão, công đức đáng ghi vào đá núi Yên-sơn mới phải.

Vả lại, xem đại-thế trong thiên-hạ, hễ tụ-hợp lâu ngày ắt phải phân-ly, phân-ly lâu ngày ắt phải tụ-hợp. Như đem công việc Tiên-Tổ chúng tôi mà bàn-bạc, thì những việc của Tiên-Tổ chúng tôi không có liên-can gì đến chúng tôi cả.

Người đời xưa có nói : « Quân-tử bất tặc », nghĩa là người quân - tử không có oán - hờn lâu, vậy xin Ngài lượng tình cho chúng tôi. Còn việc Ngài nói : Nên sai-khiến một vài người thân-thuộc có danh-vọng đem dâng nạp những chiếc thuyền, voi, súng... và san bằng lũy Thầy, cùng niêm-phong những gia-tài, vật-hạng của Trương-Đạt. Và tất cả những châu, ngọc, vàng, bạc, của-cải, đồ-đạc, tiền, lúa và voi, ngựa, thuyền, súng các hạng đều nên đem đến trước quân-môn giao nạp. Nhưng các thứ vật-hạng [199b] tại hai xứ Thuận-hoá và Quảng-nam, hiện còn đương lúc phải sai-phái người đi dẹp các đảng giặc cướp, nên chưa có thể kê rõ-ràng từng món được. Vậy xin hãy đợi

1. Mâu-tặc. Sách Từ-nguyên, về tập Thân, trang 132 có nói : « Mâu thị thực hoà giá chi trùng dã » là Mâu là thứ sâu cứ cắn lúa cấy. Truyện có nói : « Thực căn viết mâu, thực tiết viết tặc », nghĩa là cắn gốc cây lúa là mâu, cắn đốt cây lúa là tặc. Vậy mâu-tặc là tên giặc rất tai-hại như thứ sâu cắn lúa vậy.



## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NĂM

đến sau này cứu tra được số mục đích thực, sẽ xin kê thành sổ phụ, cùng chuyên-đề với bản Tấu-văn [dàng Hoàng-thượng], Khai-văn [dàng chúa Trịnh] trình nạp luôn thề. Còn tiền-bạc vật-dụng của Trương-Đạt thì vẫn được niêm-phong và ghi chữ như trước, rồi sẽ cứu xét kỹ-lưỡng tiền và thóc của hắn, và sẽ xin đem phân-phát cho quân-binh cùng nhân-dân, để an-ủi họ phần nào, và đền lại cái của mồ-hôi nước mắt của họ đã đổ ra trong lúc binh-sinh. Đến như các viên-chức trong công-tộc [họ Nguyễn] cũng như các tướng-lãnh, ai ai cũng đều một lòng qui-thuận Triều-đình, và có thể trông-cậy vào họ đền-đáp sau này. Ấy là ai ai cũng đều sợ-hãi cái oai linh của trời để cứu mệnh mạch nhân-dân hai xứ Thuận-hoá và Quảng-nam này.

Vậy xin kính trình, rất mong Ngài soi xét đến những lời phát-xuất từ tâm can phế phủ của tôi.

*Nay kính thư,  
Nguyễn-phúc-Thuần.*



Tháng 11 năm Giáp-ngọ [năm 1774 sau Công-nguyên] Việc Quận-công đóng quân ở gần sông Ái-tử [thuộc địa - phận tỉnh Quảng-trị], có một ông lão thư-sinh [nhà nho già] tên là Trần-duy-Trung, người ở huyện Đãng xương đón đường nghinh-tiếp quan [200a] quân, và có dâng lên Việc Quận-công một bài thơ như sau :

臨	風	整	整	向	南	旗
闡	境	旄	倪	慰	所	思
八	世	厭	聞	秦	法	令
百	年	復	覩	漢	威	儀
窮	泉	凍	蟄	聞	雷	後
滿	地	槁	苗	得	雨	時
願	指	富	春	催	進	發
兵	機	貴	速	不	宜	遲



## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NĂM

### Phiên âm

Lâm phong chinh-chinh hướng nam kỳ,  
Hạ cảnh mạo nghệ ủy sở ty.  
Bát thể yêm văn Tần pháp-lệnh,  
Bách niên phục đồ Hán uy-nghi.  
Cùng tuyền đồng trập văn lôi hậu,  
Mãn địa cáo miêu đặc vũ thì.  
Nguyện chỉ Phú-xuân thôi tiến phát,  
Binh cơ quý tốc bất nghi trì.

### Tạm dịch theo Đường-luật, thề Thất-ngôn

Gió bay phất-phất ngọn cờ hồng,  
Già trẻ nơi nơi thoả tấm lòng.  
Tâm thể chán nghe Tần pháp-lệnh<sup>1</sup>,  
Trăm năm lại thấy Hán uy-phong.  
Trùng nghe tiếng sấm chui sâu đất,  
Lúa gặp mùa mưa trở tốt bông.  
Nguyện chỉ Phú-xuân mau tiến bước,  
Binh-cơ tốc chiến sẽ thành công.

1. «Bát thể yêm văn Tần pháp-lệnh»: Đã chán ngấy pháp-lệnh nhà Tần từ 8 đời nay. Tác-giả bài thơ có ý cho họ Nguyễn cũng như nhà họ Tần ngày xưa. Bát thể là 8 đời, là ngụ ý nói 8 đời chúa Nguyễn từ Nguyễn-Hoàng đến Nguyễn-phúc-Thuần.





## PHỤ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

Ông Trần-duy-Trung lại còn trình-bày thêm ý-kiến với Việc Quận-công. Ông Trung thưa :

Quản lĩnh nhà Nguyễn không quen đánh trận trên bộ, họ chỉ quen đánh trận bằng thủy-quân là giỏi mà thôi. Đại-quân của Ngài ngày nay từ nơi xa-xôi đến đây, xin Ngài đừng cạnh-tranh bằng kỹ-thuật mà họ Nguyễn đã được sở-trưởng, nghĩa là xin Ngài đừng đánh bằng thủy-quân với họ Nguyễn.

Việc Quận-công khen-ngợi lời nói của ông Trần-duy-Trung là phải, rồi lưu ông Trung ở lại trong quân-môn, và cho ông ấy làm chức Câu-kê ở nơi quân-thứ.

Đến tháng hai năm Bình-thần [tức năm 1776 sau Công-nguyên], Bản - chức [tức Lê - qui - Đôn Tiên - sinh] vâng mệnh Hoàng-thượng làm chức Trấn-phủ trấn Thuận-hoá. Trong khi đi vào trấn Thuận-hoá, Bản-chức có đi qua địa-phận xã Yên-định, bỗng thấy có một thư-sinh tên là Lê-viết-Trình dâng mấy bài thơ và kèm theo một bài tiểu-dẫn<sup>1</sup> như sau :

« Kể tiện này, gia-thế vốn theo-đòi nghiệp nho, nhưng vì tài sơ, [200b] học thiên, cho nên cố-quốc không dùng. Kể tiện này bấy lâu vẫn ẩn-cư ở Kinh-thành Phú-xuân, chuyên làm nghề dạy học-trò để sinh-sống. Thăm-thoát xuân qua thu lại, ngày nay tôi đã ngoài năm mươi tuổi đầu rồi.

1. Tiểu-dẫn là bản khai-trình sơ-lược về lý-lịch cùng như gia-thế của dương-sự.



## PHỤ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

Từ tháng năm năm Giáp-ngọ, tôi được trông thấy quân của Vương-thượng vào trong cõi đất này, tôi bèn quay gót trở về làng cũ, chính là muốn hưởng sự an-nhàn, để được tắm-gội, thắm-nhuần giáo-hoá mới của triều-đình. Nhưng rủi thay lại gặp phải những năm đói-kém, nên tôi không tìm được phương-kế làm ăn sinh-sống, chính là :

「心 關 桂 玉 天 難 曉  
運 落 風 波 夢 亦 驚」

« Tâm quan quế ngọc thiên nan hiểu,  
Vận lạc phong-ba mộng diệc kinh. »

### *Xin tạm dịch*

« Gạo châu củi quế trời khôn hiểu,  
Gió giục sóng dồi mộng cũng kinh ». <sup>1</sup>

Đã lắm lúc, tôi muốn tìm tới dinh Phú-xuân để cúi đầu trình-bày với Ngài một vài ý-kiến thiên-cận bỉ-lậu. Nhưng lại

1. Câu đối này, tả tâm trạng lo sợ của tác-giả, lo nỗi gạo châu củi quế và sợ cảnh loạn ly.



## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NĂM

lo - ngại vì một nỗi « trảng - sĩ vô nhan »<sup>1</sup>, nên khó lòng tìm phương-kế đi tới Phú-xuân được.

Ngày nay tôi được may-mắn trông thấy thiều-xa của Ngài đi nhậm trọng chức, có đi qua địa-phương chúng tôi, không ngờ tôi lại tự quên mình là một kẻ thủ-cựu, què mùa, dám viết thành chuyết-thi [thơ dốt] ba luật dâng lên Ngài, gọi là bày-tỏ chút lòng hèn - mọn « hiển - bợc » « hiển cần »<sup>2</sup> đối với Ngài, nghĩa là bày-tỏ tấm lòng ngưỡng-mộ Ngài vậy.

[201a] Nếu may-mắn được Ngài hạ-cổ tới, và Ngài không nỡ bỏ qua những lời nói tâm-thường của tôi, thì tuy tôi không phải là vật qui « thanh-bình » « kiết-lục »<sup>3</sup>, nhưng nhờ đó mà tôi được tiếng ở nơi cửa ông Tiết, ông Biện<sup>4</sup>.

1. « Trảng-sĩ vô nhan » xuất từ câu cổ-văn : « Sáng đầu kim tận, trảng-sĩ vô nhan. Nang dề trần sinh, dững-sĩ bất vô », nghĩa là « Đầu giường vàng hết, kẻ trảng-sĩ xấu mặt mày. Trong túi bụi sinh, người dững-sĩ hết sức khoẻ ». Trên đây ông Lê-viết-Trình có ý nói: Không có tiền, nên không đi đầu được, không làm việc gì được.

2. Hiển bợc, Hiển cần là có ý nói: vật đem hiển người ta không được tốt đẹp. Đó là lời nói khiêm-tốn của người đi hiển.

3. Thanh-bình là kiếm danh, là tên cây kiếm qui đời xưa.  
Kiết-lục là ngọc danh, là tên hòn ngọc qui buổi trước.

4. Tiết là ông Tiết-chúc, người nước Tần.  
Biện là ông Biện-hoà, người nước Sở.

Theo tích xưa, Tiết-chúc có tài xem kiếm, biết cây kiếm tốt hay xấu, linh hay không linh. Còn Biện-hoà thì lại có biệt-tài xem ngọc, biết giá-trị từng viên ngọc.

Trên đây, tác-giả bài thơ có ý nói mình tuy không phải là của qui như gươm Thanh-bình và ngọc Kiết-lục, nhưng nhờ dịp này mà được tiếng-tầm ở cửa ông Tiết-chúc và ông Biện-hoà là những người biết giá-trị cây kiếm và hòn ngọc, nghĩa là tác-giả cũng là kẻ biết người vậy.



## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NĂM

Sau đây là ba bài thơ của Lê-viết-Trình dâng lên Lê-quí-Đôn Tiên-sinh :

### BAI THỨ NHỨT

久 厭 雲 霞 霧 曠 天  
仰 今 赤 日 觀 高 懸  
秋 毫 有 禁 三 軍 肅  
春 脚 無 私 一 境 全  
彷彿 潛 軍 平 蔡 後  
頡 頤 遣 將 下 唐 年  
化 州 既 是 歸 王 化  
條 律 應 教 一 體 傳

### Phiên âm

Cửu yếm vân mai vụ ế thiên,  
Ngưỡng kim xích nhật đồ cao huyền.  
Thu hào hữu cấm tam quân túc,  
Xuân cước vô tư nhưc cảnh tuyền.



## PHÚ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

Phảng-phất tiếm quân bình Thái hậu <sup>1</sup>,  
Hiệt-hàng khiến tướng hạ Đường niên.  
Hoá-châu ký thị qui vương hoá,  
Điều luật ưng giao nhứt thê truyền.

### Tạm dịch theo thê Lục-bát

Bấy lâu mây khói chán-chường,  
Mình nay trông thấy vầng dương sáng-ngời.  
Ba quân lệnh cấm nghiêm lời,  
Không riêng xuân-cước khắp nơi an-lành.  
Thái xưa linh phục dẹp thanh,  
Khen ai khiến tướng hạ thành Đường xưa.  
Hoá-châu về với nhà Vua,  
Mọi điều luật lệ truyền cho đồng-đều.

1. Ở đây nói về tích Bùi-Độ đánh dẹp Hoài-Thái bắt Ngô-nguyên-Tế như sau :

Bùi-Độ là người Khai-hỷ nhà Đường, tự là Trung-lập. Vào đời Đường Hiến-tông, ông làm chức Trung-thư Thị-lang phụng mệnh đi đánh dẹp Hoài-Thái, rồi được phong Tấn Quốc-công, gia Trung-thư lệnh.

Thái-châu thành rất hiểm-trở, nửa đêm quan quân nhà Đường đưa lính lén-lút [tiếm quân] vào thành. Tướng Lý-Hựu [dưới quyền Bùi-Độ] có nói với người ta rằng: Giữa nửa đêm, chúng tôi vào Thái-châu thành bắt Ngô nguyên-Tế, chúng tôi chưa từng tâm động... [Xem Đường sử]. Ở đây tác-giả bài thơ có ý ví Lê-quí-Đôn Tiên-sinh với ông Bùi-Độ nhà Đường.



PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NĂM

BÀI THỨ HAI

南 北 欣 聃 已 混 同  
忍 教 泉 貨 不 流 通  
新 型 若 鑄 商 王 幣  
舊 器 應 銷 阮 氏 銅  
物 價 自 無 騰 踴 惠  
民 生 庶 樂 太 平 風  
救 災 願 展 良 醫 手  
急 處 先 從 病 處 攻

*Phiên âm*

Nam Bắc hân chiêm dĩ hốn đồng,  
Nhẫn giáo tuyền hoá bất lưu-thông.  
Tân hình nhược chú Thương-vương tệ,  
Cựu khí ưng tiêu Nguyễn-thị đồng.  
Vật giá tự vô đảng-dũng hoạn,  
Dân sinh thứ lạc thái-bình phong.  
Cứu tai nguyện triển lương-y thủ,  
Cấp xứ tiên tòng bịnh xứ công.



PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NĂM

*Xin tạm dịch theo thể Thất-ngôn*

Nam Bắc mừng nay đã hợp-đồng,  
Nữ nào tiền của chẳng lưu-thông.  
Vua Thương khuôn cũ nên theo đức,  
Họ Nguyễn tiền xưa chẳng đáng dùng.  
Vật hạng nào lo tăng giá-cả,  
Nhân-dân sẽ được sống ung-dung.  
Cứu tai xin mở tay thầy thuốc,  
Bệnh gấp nơi nào trước tấn công.

[201b] BÀI THỨ BA

廣	南	原	屬	舊	山	河
財	賦	無	如	此	處	多
度	外	頑	苗	休	置	彼
釜	中	通	寇	莫	容	他
軍	糧	不	患	轉	漕	費
民	食	何	憂	饑	饉	嗟
今	日	養	成	精	銳	氣
來	秋	願	速	指	天	戈



*Phiên âm.*

Quảng-nam nguyên thuộc cựu sơn hà,  
Tài phú vô như thử xứ đa.  
Độ ngoại ngoan Miêu hưu trí bỉ,  
Phủ trung bồ khẩu mạc dung tha.  
Quân lương bất hoạn chuyên-tào phí,  
Dân thực hà ưu cơ-cận ta.  
Kim nhật dưỡng thành tinh nhuệ khí,  
Lai thu nguyện tốc chỉ thiên qua.

*Xin tạm dịch theo thể Thất-ngôn*

Quảng-nam nguyên thuộc nước non nhà,  
Tiền thuế đày nhiều như nước ta.  
Ngoài cõi Miêu ngoan<sup>1</sup> đừng để ý,  
Trong vùng giặc trốn chẳng hề tha.  
Quân lương không ngại đường chuyên-chở,  
Dân thực nào lo tiếng khóc-la.  
Những ước dưỡng thành tinh-nhuệ khí,  
Sang thu gấp-rút việc can qua.

1. « Miêu ngoan » là bọn Tam-Miêu ngoan-cổ.

Vào triều vua Đường Nghiêu, bọn Tam-Miêu chống-đối, không chịu thần-phục.

« Độ ngoại Miêu ngoan hưu trí bỉ » là bọn Tam-Miêu ngoan-cổ thì đừng để vào lòng làm chi, và nên bỏ qua.





## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NĂM

Ông Lê-viết-Trình lúc bấy giờ đã được 53 tuổi, ông là người có văn-học, và đối với việc đời, ông cũng thông-hiểu.

+

Lại còn có ông Mai-thế-Tự là người làng Dương-xuân thuộc huyện Hương-Trà [tỉnh Thừa-thiên] cũng có làm bài văn chúc mừng Lê-quí-Đôn Tiên-sinh. Bài văn chúc mừng này cũng khá hay, như sau :

“ 伏 以 ：  
北 闕 天 高 ， 荷 龍 光 之 重  
托 ；  
南 河 地 遠 ， 啣 鳳 詔 以 來  
宣 ．  
幽 谷 生 春 ， 士 林 動 色 ．  
竊 惟 ：  
世 道 屯 遭 ， 必 建 侯 而 康  
濟 ；  
天 造 草 昧 ， 惟 君 子 [202a] 以  
經 綸 ．  
易 象 既 明 ； 前 龜 可 鑑 ．



渤 冀 太 守 得 便 宜 行 事 ， 理  
 海 之 亂 繩 ；  
 虞 將 軍 以 平 賊 爲 功 ， 解  
 歌 之 錯 節 。  
 試 觀 自 古 ； 可 見 于 今 。  
 僕 我 后 其 來 蘇 ， 順 化 之  
 黔 黎 畧 慈 母 以 就 哺 ， 廣 南 之  
 望 子 猶 器 ，  
 赤 子 惟 能 治 其 未 治 ； 而 平 所  
 未 平 。 待 賢 謂 大 賢 ； 而 重 任  
 斯 大 任 。 長 官 閣 下 ；  
 恭 惟 科 早 占 ； 虞 陸 高 陞 。  
 唐 山 斗 望 隆 ， 翁 襄 中 之 拭  
 目 ； 海 河 量 廣 ， 契 野 外 之 歡  
 心 。 世 績 箕 裘 ； 家 傳 闕 聞 [202b]。



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

潼關出使，播上國之英  
名；秘閣講書，荷鴻恩之異  
眷。此在朝既重，於治郡何  
難。蓋明君以一方蕩定之餘  
，默走未安於雁宅；民之寄  
，牛刀暫試于烏春；紫陌咸  
孚慶賀，智漸蠡測；才匪  
鵬搏，操觚素業；然遊  
泮未忘程舊，俯朝其仕，稅  
錢得免柰之，半途榆塞，為鬼道

[203a]



家計蕭條，激壯士之顏色。  
自此：離羣歸里；携幼  
索居。四十六之春秋，未成一  
事；幾餘年之燈火，空廢半  
途。  
更遭兵革之餘；屢切饑  
寒之苦。今日；復見漢官。  
不敢竭寅棕；冒干丙鑿。  
伏願：化民成俗；為政得人。  
偏方之末習詭訛，布嚴  
條而禁飛；遺黎通播，施寬  
政以漸摩。  
但見：既抗武功；誕敷  
文德。



PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

奸雄輩偃然革面，頓消  
牧馬之寇邊；  
偽岳徒蠢爾來降，永[203b]  
絕三苗之負固。  
舟車共道；南北同風。  
小生不勝踴躍屏營之至  
。謹奉詞以賀”

*Phiên âm*

**Phục dĩ:**

**Bắc-khuyết thiên cao, hạ long-quang chi trọng thác;**

**Nam-hà địa viễn, hàm phượng chiếu dĩ lai tuyên.**

**U-cốc sinh xuân; sī-lâm động sắc.**

**Thiết duy:**

**Thế-đạo truân-chiên, tất kiến-hầu nhi khang tế;**

**Thiên-tháo thảo-muối, duy quân-tử dĩ kinh-luân.**

**Dịch tượng ký minh; tiền qui khả giám.**

**Cung Thái-thú đặc tiện-nghi hành sự, lý Bột-hải chi loạn  
thăng;**

**Ngu Tướng-quân dĩ bình tặc vi công, giải Triều-ca chi thác  
tiết.**



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

Thí quan tự cồ ; khả kiến vu kim.

Hề ngã hậu kỳ lai tô, Thuận-hoá chi kiểm-lê lược định ;

Vọng Từ-mẫu dĩ tựu bổ, Quảng-nam chi xích-tử do hiêu.

Duy năng trị kỳ vị trị ; nhi bình sở vị bình.

Tất đãi hiền vị đại hiền ; nhi trọng nhậm tư đại nhậm.

Cung duy Trưởng-quan các hạ :

Đường khoa táo chiếm ; Ngu-bộ cao thăng.

Sơn Đầu vọng long, hấp hoàn-trung chi thức mục ;

Hải Hà lượng quảng, khế dã ngoại chi hoan tâm.

Thế tục cơ-cầu ; gia truyền phiệt-duyệt.

Đồng-quan xuất sứ, bả Thượng-quốc chi anh-danh ;

Bí-các giảng thư, hạ hồng ân chi dị quyển.

Thử tại triều ký trọng ; ư trị quận hà nan.

Cái minh quân dĩ nhứt phương đấng-định chi dư, thú tâu vị  
yên ư nhận-trạch ;

Cổ trưởng quan nhậm thiên lý sinh-dân chi ký, ngưu đao  
tạm thí vu Ô-châu.

Chu phan phương đảo Phú-xuân ; tử mạch hàm phu khánh hạ.

Tiểu-sinh : Trí tâm lai trắc ; tài phỉ bằng đoàn.

Tuy thao hồ tự quý thiên năng ; nhiên du phán vị vong tổ  
nghiep.

Tiền trình phủ tập ; văn ấm ngưỡng thừa.

Mông cựu triều hứa dĩ quan viên ; chuẩn thuế tiền đặc miễn  
kỳ bán.

Trăm nãi sĩ đồ quàn tác, vi qui-đạo chi da-du ;



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

**Gia kế tiêu-điều, khiêm tráng-sĩ chi nhan-sắc.**

**Tự thứ :**

**Ly quần qui lý, huề ấu sách cư.**

**Tứ thập lục chi xuân thu, vị thành nhứt sự ;**

**Cơ dư niên chi đặng hoả, không phể bán đồ.**

**Cánh tao binh cách chi dư ; lữ thiết cơ hàn chi khờ.**

**Bất đồ kim nhứt ; phục kiến Hán quan**

**Cảm kiệt di tông ; mạo can binh giám.**

**Phục nguyện :**

**Hoá dân thành tục ; vi chánh đắc nhân.**

**Thiên phương chi mật tập kiêu-ngoạ, bố nghiêm điều nhi  
cắm trấp ;**

**Lý hăng chi di lê bồ-bả, thi khoan chính dĩ tiêm ma.**

**Đăn kiến : Ký kháng võ-công ; đản phu văn đức.**

**Gian-hùng bối yền nhiên cách diện, đốn tiêu mục mã chi  
khẩu biên ;**

**Ngụy-Nhạc đồ suàn nhĩ lai hàng, vĩnh tuyệt Tam-Miêu chi  
phụ cố.**

**Chu xa cọng đạo ; Nam Bắc đồng phong.**

**Tiêu-sinh bất thặng kiêu-sĩ binh-dinh chi chí, Càn phụng từ  
dĩ hạ.**

*Xin tạm dịch theo thể biên-ngẫu y như nguyên-tác*

Chúng tôi thành kính xin thưa :



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYÊN NĂM

Bắc-khuyết trời cao, đội ơn Long-quang kỳ-tác ;  
Nam-hà đất rộng, sai đưa Phụng-chiều dụ tuyên.  
Nơi hang kín sinh xuân ; đám rừng nho tươi mặt.  
Chúng tôi trộm nghĩ :

Thế đạo dương lúc suy-vi, phải kiến-hậu mới mong khang  
tế ;

Thiên vận gặp hồi thảo-muỗi, chỉ quân-tử mới biết kinh  
luân.

Dịch tượng đã rõ-ràng ; gương qui nên soi-sáng.

Cung Thái thú<sup>1</sup> được làm việc tùy nghi, nên mới gỡ được  
cái dây rối ở quận Bột-hải.

Ngu Tướng-quân<sup>2</sup> nhờ có công dẹp giặc, nên mới giải được  
cái mắt cứng ở quận Triều-ca.

Thử xem xét việc đời trước ; mới hiểu biết việc ngày nay.

Dân Thuận-hoá mong vua hiền đến cứu giúp, nay mới tạm  
binh-yên ;

Dân Quảng-nam trông mẹ hiền đến cho ăn, hiện dương  
còn nhón-nhào.

Nay muốn trị những nơi chưa trị ; muốn bình những chỗ  
chưa bình.

Tất phải đợi bậc đại-hiền ; mới mong dương chốn đại-nhậm.

Kinh thừa Trưởng-quan các hạ :

Đường-khoa chiếm bảng sớm ; Ngu-bệ thăng chức cao.

1. Cung Thái-thú là Cung-Toại người về đời vua Hán Tuyên-đế.

2. Ngu Tướng-quân là Ngu-Hú, người về đời Hán Yên-đế.





## PHỬ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NĂM

Sơn Đầu<sup>1</sup> danh-vọng cao, khắp trong cõi người đều đề mắt ;  
Hải hà độ-lượng rộng, suốt ngoài biên ai cũng vui lòng.  
Đời nổi-dội cơ-cầu ; nhà lưu-truyền phiệt-duyệt.

Đồng quan<sup>2</sup> từng di sứ, nổi thanh-danh ở nước Trung-hoa ;  
Bi-các từng giảng kinh, được hồng-ân của ngòi Chúa-thượng.  
Trước ở chốn triều-đình, đã được vua quan kính trọng ;  
Nay ra nơi trị quận, nào có công việc khó-khẩn.

Nhà vua nghĩ đến một địa - phương vừa binh - định xong,  
dân-chúng chưa yên ở nơi nhận-trạch ;

Triều-đình phái đến một trưởng-quan nhận ký-thác nặng,  
dao trâu<sup>3</sup> tạm thử ở đất Ô-châu.

Cờ dỏ vừa đến Phú-xuân ; dân đen thấy đều mừng-rỡ.

Tiền tiều-sinh này tự thẹn : Tri đã non-kém ; tài lại tầm-thường.

Tuy tự xấu-hỗ thấy cạn biết nông ; nhưng vẫn cố-gắng soi  
kinh nấu sử.

Đường mây noi gót người xưa ; vẫn ấm nhờ ơn đời trước.

Ơn triều-đình cho liệt vào quan viên ; tiền thuốc-khoá may  
được trừ phần nửa.

1. Sơn Đầu là núi Thái-sơn, sao Bắc-dầu.

2. Đồng-quan : Nay là tên huyện. Đời nhà Thanh đặt làm Thị-sảnh thuộc phủ Hồng-châu tỉnh Thiểm-tây. Đến Dân-quốc lại đổi làm huyện thuộc đạo Quan-trung thuộc tỉnh Thiểm-tây.

3. Ngưu dao xuất từ câu : « Cát kê yên dụng ngưu dao » nghĩa là cát cò con gà cần gì phải dùng con dao làm thịt trâu, có ý nói trị một hạt nhỏ cần chi phải dùng một vị quan tài giỏi.



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN NĂM

Khốn vì nỗi :

Đường công-danh trắc-trở, quỉ đạo sao khéo trêu người ;  
Cảnh gia-thế tiêu-diêu, trăng-sĩ dễ dầu mở mặt.

Từ đây :

Lia-bỏ bạn-bè trở về làng cũ ; diu-dắt con trẻ đi ở một nơi.

Xuân-thu bốn sáu tuổi đầu, chưa làm nên một việc ;

Đèn sách vài mươi năm lẽ, đành chịu bỏ nửa đường.

Lại gặp những năm binh-hoả ; từng nếm lắm nỗi cơ-hàn.

Không ngờ ngày nay ; được thấy quan lớn.

Dám bày tỏ lòng chân-thành ; rất trông-mong Ngài chiếu-  
giám.

Chúng tôi những mong :

Hoá dân thành tục tốt ; thi chánh được người hiền.

Địa - phương này thói - tục kiêu - ngoa, xin ra nghiêm điều  
cấm-trấp ;

Hương-thôn nợ con em trốn-tránh, xin tỏ đại lượng chiêu-  
hồi.

Nay mừng thấy :

Vô-công đã cáo thành ; văn-dức nên mở rộng.

Bọn gian-hung tự-nhiên đôi mặt, những quân cướp-bóc ở  
biên-giới sẽ bị tiêu-tan ;

Lũ Ngụy - Nhạc ngu - suần đầu hàng, những đũa ngoan - cổ  
như Tam-Miêu<sup>1</sup> sẽ bị đoạn-tuyệt.

1. Tam-Miêu : Tên nước ngày xưa, con cháu của Tấn-vân thị. Nguyên Tam-Miêu dựng nước tại vùng Trường-sa, còn vùng đất mà Tam-Miêu cai-trị ngày xưa là vùng Giang-nam, K nh-dương, tức là giải đất Hồ-nam, Nhạc-dương, Hồ-bắc, Võ-xương, Giang-tây và Cửu-giang ngày nay.



## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN NĂM

Thuyền, xe cũng đồng một lối đường đi; Nam, Bắc cũng chung một luồng gió thổi.

Kẻ tiểu-sinh này khôn xiết kể nỗi lòng vui-mừng trông đợi.

Vậy tiểu-sinh xin kính dâng mấy lời bái tạ!

**PHỦ-BIÊN TẠP-LỤC**  
QUYỀN NĂM HẾT





**PHỦ BIÊN TẠP LỤC**  
**Quyển Sáu**





# *Phủ Biên Tạp Lục*

## *Quyển Sáu*

[204a] Phụng sai Thuận-hoá, Quảng Nam đẳng đạo Tham-thị Tham-tán quân-cơ, Thuận-hoá xứ Hiệp-trấn phủ, Hữu Thảng-cơ, Nhập-thị Bồi-tụng Hộ-bộ Tả Thị-lang, Dĩnh-thành-Hầu Lê-Quy-Đôn soạn.

*Nghĩa là:*

Soạn-giả là Dĩnh - thành - Hầu Lê - Quy - Đôn, người vâng mệnh-lệnh Hoàng-thượng phái làm chức Tham-tán, Tham-thị quân-cơ hai đạo Thuận-hoá và Quảng-Nam, lãnh chức Hiệp-trấn phủ xứ Thuận-hoá, kiêm quản Hữu Thảng-cơ, ~~đồng-thời~~ ~~đạo-lãnh-chức~~ Nhập-thị Bồi-tụng Hộ-bộ Tả Thị-Lang.

+







## SẢN - VẬT

Những vật dụng tốt của nước ta phần nhiều được sản-xuất từ phương Nam.

Như châu Bắc Bỗ-Chánh [tức địa-phận phủ Quảng-trạch thuộc tỉnh Quảng-bình hiện nay] thuộc tỉnh Thuận-hoá gồm có 75 xã, thôn và phường thường sản-xuất các thứ nhân-sâm, yến-sào, ~~mật~~ ong trắng, sáp ong vàng, tê-giác [sừng con tê-nгу], ngà voi, chủy-giác [sừng con tê cái], diêm-tiêu, giáng-hương, trầm-hương, tặc-hương [trầm hương gió], thiết-đẳng [mây cứng], long-đẳng [mây rờng], ô-mộc [gỗ mun], thiết-lâm [rừng gỗ lim], mộc-hoa [nấm cây], hào-hoa, oan-mộc [gỗ oan], gỗ kiên-kiên v.v...

Ở đầu nguồn châu Bắc Bỗ-chánh, có thứ cây được gọi là Ngật-mộc [cây ngật], cũng có khi được gọi là Du-mộc [gỗ dầu], sắc gỗ trắng, mềm, dẻo, lâu ngày biến dần dần ra sắc vàng [204b], uốn cũng không gãy, có thể làm cánh nỏ được.

Châu Bắc Bỗ-chánh có sản-xuất cây Tang-thậm chứa mật-cao, tánh thanh-nhiệt.



## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN SÁU

Cây Tang-thậm này không phải là cây dâu thường, thân cây giống như cây sim, lá giống như lá cây kim-phượng [cây móng tay]. Trái cây Tang-thậm thường đến tháng giêng mới chín.

Loại cây này thường mọc dày ở rừng núi. Trái ăn sống có vị ngọt. Người Thổ tầm trái dâu này với mật rồi nấu lên, có thể để được lâu ngày không thiu.

Nhân-sâm cũng được sản-xuất ở các xã Phù-lưu, Tiên-lễ thuộc châu Bắc Bộ-chánh. Hoa nhân-sâm sắc tía, người ta trồng vào trong chậu cát, nó cũng cứ sống.

Người ta đem chưng nhân-sâm rồi phơi cho đúng phương-pháp, thì hình-dạng và công-dụng cũng không khác gì Bắc nhân-sâm [nhân-sâm Tàu].

Mùi nó thanh và vị ngọt-ngọt. Người ta dùng sâm này thì tăng thêm khí lực, vì vậy mà có nhiều người dùng.

[205a] Từ huyện Thạch-hà và huyện Kỳ-hoa [tức huyện Kỳ-anh bây giờ] thuộc tỉnh Nghệ-an [nay lại thuộc tỉnh Hà-tĩnh] cho đến châu Bắc Bộ-chánh, có nhiều thứ gỗ lim, gỗ táu, sắc hơi tía và đen, tính chất các loại cây này bền và mịn, các thứ cây lớn, cây nhỏ đều tốt cả.

Cũng có hạng cụ-mộc là cây gu rất bền.

Có mấy loại gỗ gu như : loại đỏ, loại đen, loại có vân hoa, tất cả đều là loại thượng hảo hạng. Nếu người ta dùng gỗ gu để làm nhà cửa thì tốt hơn cả gỗ lim.



## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN SÁU

Còn hạng gỗ gụ có dầu thì mịn và có vân hoa, nhưng hơi nhẹ hơn, người ta đem tiện để làm khí mạnh [đồ dùng] rất tốt.

Ở về hai xứ Nguyên-trạm và Nguyên-Cầu thuộc huyện Khang-Lộc [bây giờ là huyện Lệ-Thủy], rừng núi thường sản xuất nhiều thứ gỗ tốt: có thứ được gọi là gỗ táu, bền và đen như sắt, dân địa-phương lấy gỗ này làm cột nhà. Có thứ được gọi là cụ mộc [tức cây gụ] có hoa vân sắc đen và rất bền. Người ta dùng gỗ gụ này để làm những cái giá [như giá mắc áo, giá để sách v.v...]. Cũng có thứ gỗ gụ được gọi là gỗ Bời-lời, thứ gỗ này to-lớn, sắc trắng, dùng để làm ván đóng vách.

Lại có thứ gỗ gụ được gọi là gỗ chùa-nao, cây lớn, sắc đỏ.

[205b] Lại có thứ gỗ được gọi là Dạ-mộc, thân cây to-lớn, sắc vàng, dùng làm những ván trề<sup>1</sup>.

Có thứ gỗ gụ được gọi là Hoa-mộc, sắc đỏ có vân. Hằng năm, đến tuần tháng tám, bọn lái buôn gỗ chuyên-chở những bè gỗ xuống bán ở chợ Cầu, gỗ lớn, gỗ nhỏ, gỗ làm cột buồm kè có hàng trăm, hàng nghìn cây lớn bé tùy người ta mua dùng.

Như muốn làm một ngôi nhà gỗ năm gian bằng các thứ gỗ thượng hảo hạng, người ta chỉ phải mua chừng 30 quan tiền đủ các thứ gỗ tốt. Nếu mua xen các thứ gỗ tạp vào, người ta chỉ mất độ 17, 18 quan tiền mà có một ngôi nhà gỗ năm gian.

---

1. Ván trề là một tấm ván của một cây gỗ khá lớn. Tấm ván trề ấy được dùng cho một hay hai người chèo để qua sông, chứ không thể dùng cho nhiều người được.



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN SÁU

Theo phong-tục ở đây, người ta gọi cột cái là quyết-mạ [楹 媽] gọi cột con là quyết-lái [楹 徠].

Đến như dùng gỗ đóng thuyền, người ta dùng thứ gỗ hến rất dài và lớn. Thứ gỗ hến này vừa dày, vừa rộng gấp mấy lần các thứ gỗ thường. Gỗ hến sắc đỏ, nhẹ, nên các thợ có thói quen thích dùng gỗ ấy cùng với gỗ gụ và gỗ liễn. Họ bảo gỗ lim quá nặng, không nên dùng để đóng thuyền.

Còn thợ cưa thì ở làng Duy-đức có nhiều tay thợ giỏi. Thợ đóng thuyền thì người làng Động-hải, và người làng Cừ-hà có nhiều thợ quen thạo đóng những chiếc thuyền lớn.

[206a] Các làng thuộc huyện Khang-lộc và huyện Lệ-thủy đều có những hạng thợ đóng thuyền nhỏ để đi buôn bán đường trong, đường ngoài, và làm dò ngang, dò dọc.

Gỗ kiên-kiên có thớ nhỏ và mịn, chất rất bền, rất cứng-rắn, dùng được lâu năm không mục. Với thứ gỗ ấy, người ta dùng làm cột nhà chôn sâu xuống đất độ mấy thước, đến trăm năm cũng không hư-nát.

Những bọn khách buôn ở tỉnh Quảng-đông thường nói: « Trong sách gọi là Nam-mộc [cây gỗ Nam], ấy là hạng có hương-vị gọi là hương-nam, hạng có sắc vàng gọi là hoàng-nam, hạng có sắc trắng gọi là bạch-nam ». Tại các đầu nguồn các huyện Khang-lộc, Quảng-diễn và Phú-vang thuộc châu Nam Bố-chánh đều có thứ gỗ kiên-kiên này. Tiên-triều, tức triều các Chúa Nguyễn làm nhà cửa, công-đường, lâu-đài, các-vũ và thuyền-bè đều dùng thứ gỗ kiên-kiên,



## PHỤ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN SAU

Cây gỗ sao rất cao và rất lớn gấp đôi cây kiền-kiền.

Gỗ sao vốn có hai loại khác nhau :

Một loại được gọi là sao-bướm, sắc trắng, không được tốt.

[206b] Một loại được gọi là sao-xanh, sắc vàng, là thứ gỗ rất tốt. Thứ gỗ này bền mà lại dày, có thể dùng làm ván thuyền được.

Gỗ sao thường sản-xuất tại phía tả và phía hữu vùng Trạch-nguyên, huyện Phú-vang và huyện Hương-trà thuộc về Phú-xuân. Tính chất gỗ này rắn, chắc, nhưng lại nhẹ, nên thả xuống nước vẫn nổi như thường.

Người Thổ-trước [tức người địa-phương] thường dùng gỗ sao để đóng thuyền buôn và thuyền đánh cá có thể dùng được mười năm mới hư.

Còn hạng gỗ được sản-xuất ở vùng Bình-khang và tỉnh Gia-định thì rất tốt và rất bền. Đóng thuyền bằng thứ gỗ này có thể dùng được độ mười sáu năm. Nhưng gỗ ấy tính nặng, thả xuống nước không nổi.

Gỗ kiền-kiền tính thẳng và rất cứng, Với thuyền đóng bằng gỗ kiền-kiền, người ta không phải lo-ngại sóng gió. Nhưng gỗ này chỉ để đóng thuyền nhỏ chuyen-chở trong các con sông mà thôi. Duy có gỗ sao chịu đựng được sóng gió, người ta có thể dùng gỗ ấy đóng thuyền đi biển được.

Các triều trước [tức triều các Chúa Nguyễn] có kiến-thiết



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN SAU

dinh-thự, lâu-dài... đều lấy gỗ ở các phủ Qui-nhân, Quảng-nghĩa và Gia-dịnh.

Như năm Canh-thân [tức năm 1800], xây-dựng phủ Dương-xuân cùng cửa Nghi-môn, Chúa Nguyễn truyền lệnh cho công-đường-quan ở tỉnh Quảng-nam sai chức Xá-nhân ra lệnh [207a] cho Cai-trưởng lấy gỗ súc ở phủ Qui-nhơn một tích [tức phần phải chịu] là 695 cây, gỗ cột lớn dài 22 thước, máng nước dài 3 thước 2 tấc, gỗ rường nhà giao-kỷ [là cây đòn giông đặt trên nóc nhà] dài 24 thước, cùng với các hạng gỗ để làm xuyên xà nhà.

Phủ Qui-nhân lại còn phải đóng góp một tích gỗ nữa gồm 813 cây, chiều dài và chiều ngang cũng bằng các cây gỗ đã được kê ở trên.

Người ta lại còn sai-khiến các vạn chài thuộc các xã này phải đem những chiếc thuyền dài chuyên-chở gỗ về kinh-đô dâng-nạp. Hai mươi bốn chiếc thuyền được huy-động, nhưng chỉ chở được 180 cây gỗ mà thôi.

Phủ Bình-khang [nay là phủ Ninh-hoà] và phủ Diên-khánh, ngoại trừ phải nạp các hạng thuế-khoá theo như thường lệ không nói, lại còn phải biệt nạp 100 cây mây có hoa [hoa đặng] và 500 tàu lá buông [thương-diệp hay bối-diệp].

Thứ mây có hoa thường được sản-xuất tại phủ-hạt Bình-khang [ở Ninh-hoà hiện có thứ mây ấy], có thứ hoa sắc đen, cũng có thứ hoa sắc trắng thường sinh lẫn-lộn với nhau. Thứ



## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN SÁU

mây hoa lớn thì đốt hoa ngắn và nhạt. Còn hạng mây hoa nhỏ thì đốt hoa dài và liền nhau.

Hạng tre tôn-trúc được sản-xuất tại ba thuộc trong phủ-hạt Qui-nhân. Hạng tre này rất bền và rất tốt.

Thứ cây xà-mâu cũng thường được sản-xuất ở trong phủ-hạt Qui-nhân, chất mềm-dẻo [207b] không gãy, có thể dùng làm đòn-giông nhà. Viên quan đồ-gia [chức quan hoạn đồ làm các công-đường, công-thự] thường nhờ-cậy công-đường quan ở dinh Qui-nhân đi lựa-chọn lấy 1000 cây xà-mâu hoặc 500 cây, rồi giao-phó cho các khách buôn khi nào đem thuyền nạp thuế sai-dư thì đệ-nạp số xà-mâu luôn thề cho tiện.

Lá buông cũng sản-xuất, ở dinh Binh-khang, sắc trắng, sợi nhỏ và mềm. Viên quan Đồ-gia thường nhờ cậy viên Ký-lục phủ ấy sai người đi mua lá buông, rồi khâu-kết lại làm thành 20 tấm đệ-nạp, để giao cho thợ làm những bức tranh.

Tất cả những sản-vật ở địa phương, người ta đều lấy ở các xã, các thôn hoặc các phường. Có vật thì lấy cho nhà nước [công-thủ], có vật thì gửi mua riêng [tư ký]. Bị thúc giục rất phiền-phức và chuyên-chở rất khó-nhọc, người dân thật không thể nào chịu nổi.

Phủ-hạt Gia-định sản-xuất rất nhiều thứ gỗ tốt. Người ta tra xét sổ-sách viên Cai-bạ Nguyễn-Khoa-Thuyên kê biên hai xứ là Nguyễn Đồng - Môn [208a] cùng Thủ Quang - Hoá thuộc huyện Phước-long có các thứ gỗ sao, gỗ trắc, gỗ dầu, gỗ



## PHỤ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN SAU

giáng-hương, gỗ gụ; và Nguyễn Ba-Can thuộc huyện Tân-Bình có nhiều gỗ trắc, cùng gỗ giáng-hương.

Nhà Nguyễn thiết-lập dinh-sở tại kinh-thành Phú-Xuân, từ dinh-thự các quan-chức cho đến các phòng-ốc quân lính kẻ có hàng vạn ngôi nhà.

Từ tháng giêng năm Ất-vị [tức năm 1775 là năm thứ 36 niên-hiệu Lê-Cảnh-Hưng], quan quân từ miền Bắc vào đồn-trú Phú-Xuân<sup>1</sup>, cùng với các tướng-sĩ, quân lính đi theo phục-dịch đến hơn ba vạn người. Họ tự ý lấy củi bất kỳ nơi nào, lâu ngày họ triệt-hạ, phá-hủy nhà cửa. Rồi dân-gian nhân dịp đó lấy trộm đồ-đạc, vật-dụng cũng không thể nào ngăn cấm được. Bao nhiêu năm, người ta đã đốt phá chẳng những các thứ gỗ kiên-kiền, gỗ sao mà thối, mà còn chất-chứa đầy một gian nhà cả gỗ trắc và gỗ giáng-hương để làm củi đun lửa.

Rồi sang mùa xuân năm Bính-thân [tức năm 1776 là năm thứ 37 niên-hiệu Lê-Cảnh-Hưng], nhân dịp mở trường đúc tiền, người ta lại lấy những thứ gỗ quý ấy làm than nấu.

Đến khi thiết-lập dinh Trấn-thủ, người ta lại lấy [208b] những hạng gỗ quý đó làm phòng ở, nhà cửa cho cơ-đội, mà dùng vẫn không hết, còn thừa-thãi rất nhiều.

1. Năm Giáp-ngọ [1774], Trịnh-Sum sai Hoàng-ngũ-Phúc đem quân vào đánh chiếm xứ Thuận-hoá và kinh-thành Phú-Xuân. Sang năm Ất-vị [1775], quân Trịnh lại tiến lấy xứ Quảng-Nam rồi họ Trịnh cho triệu Hoàng-ngũ-Phúc về kinh-dò Thăng-Long, và cho Bùi-thế-Đạt vào thay. Bấy giờ, nha Hiệp-Trấn-phủ Thuận-hoá được thiết-lập, và Lê-qui-Đôn tiên-sinh được trọng nhậm chức Trấn-phủ.





## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN SÁU

Đến tháng 5 năm ấy [năm Bình-thàn], người ta mới sai khiến các quân-nhân đi nhặt hái củi ở núi Hòn-chén [tức núi Ngọc-trần], và mới có lệnh cấm không được phá-hủy những phòng cũ của quân-nhân. Nhưng trường đúc tiền đốt nấu than, người ta đã triệt-hạ một lần đến bốn năm chục gian nhà chưa thôi, còn những hạng như ngói, gạch, đá chum thì có đến hàng ức hàng vạn không thể nào kê xiết được.

Tại hai xứ Thuận-hoá và Quảng-nam, thứ gỗ được tiếng khen là gỗ tốt nhất là gỗ hoa-lê, tục gọi là gỗ trác-mật. Ván gỗ nhỏ mịn, và gỗ ấy có mùi thơm như mía nướng màu sắc gỗ lúc ban đầu đỏ, nhưng lâu ngày thì đen lại. Chất gỗ rất bền mà không bị mọt, nên thường dùng để đóng rương, hòm, cái xiềng, đòn kiệu cùng làm các đồ dùng.

Lại có thứ gỗ được gọi là gỗ Thai-bai. Thứ gỗ này nhỏ mịn, sắc trắng như ngà voi, có thể uốn cong, mà không bẻ gãy được, có thể làm cán dao, cán máu cùng chế trường-còn.

[209a] Loại Hồng-mộc tục gọi là cây gỗ sơn, sắc gỗ đỏ, vàng như màu sơn dầu. Thứ gỗ này chất bền, chắc, đặc, nhỏ và mịn.

Cây giáng-hương, cây củ-mộc, sắc tia và vàng, tinh chất rất bền, ván hoa gỗ xoáy tròn giống như tròn ốc, người ta có thể tiện gỗ này để làm đồ dùng hoặc là cửa ra để đóng rương, hòm, tủ đều tốt cả.

Gỗ dầu sơn [du-tất] được sản xuất ở tổng Bái-trời huyện



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN SAU

Minh-linh. Nhà vườn người ta thường trồng thứ cây gỗ ấy. Loại này giống như cây ổi, lá như lá dầu nhưng dày. Loại cây này có ba khía chảnh đầu nhọn và sắc, trái giống như trái thị, da [vỏ] thô, mỗi trái có bốn hạt.

Đến đầu mùa xuân, người ta hái thứ trái này, cắt ra lấy hạt, giã nhỏ rồi đem chưng qua-loa thì thành dầu, sắc dầu vàng mà sáng, các loài trùng, chuột không dám ăn thứ dầu ấy. Nếu muốn trang-sức các đồ dùng, thì đem nấu lại dầu như nấu cao, rồi cho vị thuốc trần-hoàng vào, dầu có sắc vàng. Nếu có thủy-ngân và châu-sa vào thì thành sắc đỏ. [209b] Nếu đem hợp với vôi đá và nạo nhỏ da tre non bỏ vào rồi đem giã thì thành một thứ cao. Hoặc là lấy những miếng gang vụn nhào lẫn với nhau rồi đem trét những chỗ thuyền thủng, thì những chỗ ấy cứng-rắn lại như đá, sấu mọt không dám đục khoét.

Trước kia, nhà Nguyễn đặt hai đội du-tất [sơn dầu] cộng 60 người, người ta lấy người ở các huyện xã sung điền vào hai đội ấy. Những người được sung vào hai đội du-tất đều được khỏi nộp các khoản tiền sai-dur, cước-mễ và sưu-dịch. Họ được phép nộp thay dầu sơn là 256 lạng<sup>1</sup>, 1 bát 7 phân. Cái lạng giống như cái thăng, nhưng hơi cao hơn. Một lạng dầu sơn được trừ 7 tiền. Nếu người nào không có dầu sơn nộp, thì phải thường tiền theo giá một lạng dầu và 3 quan tiền.

Cây dầu-rai được sản-xuất ở đầu nguyên xứ chợ Cam-lộ

1. Trong quyển này thì viết 256 lạng là cái lạng, mà trong bản vi-ảnh lại viết: 256 bàn là mâm.



## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN SÁU

thuộc huyện Đãng-xương [nay là huyện Gio-linh]. Cây này lớn đến vài vi [hay vài ôm, vài quăng], lá giống như lá cây trâm.

Vào khoảng tháng năm, tháng sáu, người ta đục cây thành một lỗ đường, rồi đốt qua-loa để hơi trong cây tiết ra. Rồi lấy bát hoặc chậu hứng ở dưới lỗ, cho dầu [210a] chầy đầy. Cứ ba ngày lại tới lấy dầu một lần, và mỗi năm lấy một mặt cây, mà lấy ba năm [tức ba mặt cây] thì thôi.

Đợi đến khi nào da cây liền lại như thường, người ta lại đẽo lỗ đường khác để lấy dầu lại, sắc dầu trắng, dẻo, có thể thắp đèn được.

Phủ Qui-nhân và phủ Phú-yên cũng có sản-xuất thứ cây dầu-rái ấy, nhưng ở hai nơi này, dầu đen, đặc, [ở Đãng-xương thì dầu trắng, dẻo] hơn dầu ở xứ chợ Cam-lộ. Thứ dầu ở nơi đây, nếu pha bột chi [duyên-phấn] vào thì có thể trang-sức [son] các vật-hạng được.

Trước đây, nhà Nguyễn có đánh thuế nhân-dân ở thôn Phước-yên thuộc xã Hà-cử [thuộc phủ Phú-yên], và đặt thành thuế lệ. Cứ một xuất nhân-số hàng năm phải nộp 70 bát dầu, và đều miễn cả các việc nộp sưu và đặng lính.

Tre Tư-lao được sản-xuất tại xã Trung-lộc thuộc huyện Duy-xuyên, cùng tại xã Giáng-la thuộc huyện Yên-nông, tỉnh Quảng-nam, hai xã ấy đều phải nộp mỗi năm mỗi nơi 120 bó tre Tư-lao. Hạng tre cỡ lớn thì 80 bó, mỗi bó 50 cây tre, hạng cỡ nhỏ thì 40 bó 100 cây. [210b]



## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN SAU

Cây Hồ-tieu được sản-xuất tại các phường thuộc tổng Bái-trời, huyện Minh-linh, cùng với xã Mai-xá [gần Hồ-xá, huyện Minh-linh], người ta trồng các cây này rất nhiều, mọc đầy rừng. Giống cây này cứ bò lan và nương tựa vào các giống cây khác mà sống.

Hàng năm, cứ đến tháng 9 hồ-tieu trổ hoa, đến tháng 11 kết quả, và đến tháng 5 năm sau, người ta mới hái quả. Đến tháng 6 thì toàn thâu, nghĩa là hái xong hết mọi nơi. Lúc bắt đầu trồng giống cây ấy, người ta lấy hột-tieu giống rắc vãi xuống đất. Khi thấy cái bống thứ nhứt ở giữa mọc thẳng lên, người ta đào một lỗ đất ở phía dưới và bên cạnh một cây đại-thụ, sâu chừng 2 thước đất, rồi đem trồng cây tiêu xuống đó. Phải che nắng mặt trời<sup>1</sup> và che gió cho nó, chăm tưới nước bón phân hay đất màu cho nó. Chừng sau 5 năm thì sinh trái.

Ngày trước, Đoan Quận-công [tức Nguyễn-Hoàng] nhà Nguyễn thường sai khiến người y theo giá cả mua hồ-tieu chở vào, rồi đem hồ-tieu cùng với vảy cá, yến sào bán cho bọn khách buôn, để đổi-chác lấy các hoá-vật khác, lâu ngày thành ra lệ thường.

Vào thượng tuần tháng 5 hàng năm nhà Nguyễn sai-đổi trưởng thuyền [211a] Tàn-nhứt cùng với tinh-binh thân-hành

1. Ở đây thì nói: « Già tế phong nhứt » là che gió và nắng mặt trời. Nhưng trong bản vi-ảnh lại viết: « Già tế phong nguyệt » là che gió và mặt trăng. Có lẽ bản vi-ảnh chép sai.



## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN SÁU

tới từng địa-phương, sai nhân-dân tùy theo từng vườn trồng hồ-tiêu nhiều hay ít, và giao cho mỗi nhà mấy cái bao để lấy hồ-tiêu, rồi hội tính định giá mua hồ-tiêu, cứ một tạ là 5 quan tiền, để chuyên-chở về phố Thanh-hương<sup>1</sup> bán lại cho bọn khách Tàu buôn, chứ không cho nhân-dân địa-phương tự ý bán riêng.

Ngoài ra, dân ở các phường ấy theo lệ phải cống-hiến cho Chính-phủ bạch-tiêu [hồ-tiêu trắng] và hắc-tiêu [hồ-tiêu đen] mỗi thứ một bao, mỗi một bao nặng 100 cân tạ.

Tổng Bái-trời gồm 25 phường [về sau cải-thiết có 8 phường] [thuộc huyện Minh-linh]. Ở nơi đây, ruộng núi vườn rừng nhiều và tốt hơn các địa-phương khác, có ruộng Phước-điền<sup>2</sup> 24 mẫu 3 sào, theo lệ định thì số thuế khoảnh ruộng ấy một nửa được nạp hồ-tiêu thay lúa.

Trước kia, nhà Nguyễn có lệ định 100 cân hồ-tiêu là 1 tạ, trị giá 5, 6 quan tiền, những khách buôn người Tàu cũng như

---

1. Trên đây thì chép « Thanh-hương phố » là phố Thanh-hương là nơi người Tàu cư-ngụ. Nhưng trong bản vi-ảnh lại chép « Thanh-hà phố » là phố Thanh-hà. Có lẽ, quyền này chép « Thanh-hương phố » phải hơn, bởi vì phố Thanh-hà không phải là nơi người Tàu ở.

2 Trên đây thì chép « Phước-điền nhị thập tứ mẫu tam cao » là ruộng Phước-điền 24 mẫu 3 sào. Nhưng trong bản vi-ảnh lại chép « Đạo-điền ngũ bách nhị thập tứ mẫu tam cao » là ruộng trồng lúa dẻ 524 mẫu 3 sào. Lúa dẻ là thứ lúa mỗi năm chín hai mùa, nghĩa là gặt rồi cây lúa lại mọc lên để người ta lại gặt lần thứ hai trong năm. Vậy có lẽ bản vi-ảnh chép đúng hơn.



## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN SAU

những khách buôn Mã-cao thường mua đem về tỉnh Quảng-đồng.

Phủ-lưu [trầu] thì người ta cứ tính [211b] 60 lá là 1 liên trầu [hay 1 liên trầu], cứ 10 liên trầu trị giá 20 đồng tiền đồng. Các khách buôn từng mua trầu đem vào Kinh-thành Phú-xuân hay đem ra huyện Khang-lộc hoặc châu Bố-chánh để bán.

Cau tươi [tân-lang] cũng rẻ giá. Cứ 10 trái cau lớn chỉ trị giá 3 chữ tiền đồng.

Còn cây mít [ba-la-mật] được trồng lâu năm trở thành những cây gỗ lớn, sắc vàng vân nhỏ, người dân các huyện Minh-linh và huyện Đăng-xương thường lấy cây gỗ mít làm cột nhà. Có cây gỗ mít khoát [bề ngang, bề lớn] đến 1 thước 1 tấc. Lại cũng có người lấy những phiến gỗ mít làm ván lát vách nhà.

Tại các xã thôn thuộc huyện Hương-trà, tỉnh Thừa-thiên cùng các làng gần chợ tại trên và dưới thành Phú-xuân; có các cây cối cao lớn, nhiều nhất là cây xoài [yêm-la], cây mít và cây sung [uru-đàm] đều to lớn đến vài mươi quăng [tức vài chục ôm].

Quan quân<sup>1</sup> từ miền Bắc mới vào chiếm-cứ xứ Thuận-hoá

1. Trên đây thì chép: « Quan quân tứ ý chước phạt... là quan quân tha-hồ đốn-chặt cây... » Nhưng trong bản vi-ảnh lại chép: « Bắc quân tứ ý chước phạt... » là quân lính miền Bắc tha-hồ đốn-chặt cây... Có lẽ bản vi-ảnh chép: « Bắc quân... » đúng hơn, vì lúc bấy giờ Trịnh-Sum sai tướng Hoàng-ngũ-Phúc đem quân vào chiếm-cứ Thuận-hoá, quân lính miền Bắc mới đặc chí, và tự ý đốn-chặt cây như vậy.



## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN SAU

tha-hồ đốn-chặt các cây, nào là để làm ván, nào làm củi đun lửa, đốn-chặt đến một năm mà không hết, nên người đời xưa đã từng khen-ngợi « Cố quốc kiêu mộc » là « nước cũ của ta có rất nhiều cây to gỗ lớn », thật cũng đáng tin vậy.

[212a] Tại xứ Thuận-hoá, người ta quen gọi hạt ý-dĩ là hạt bo-bo, hạt ma-tử [hạt vừng hay hạt vừng] là hạt mè, quả gai [tức quả dứa] là quả thơm, trái na là trái măng-cầu, trái mít-mật mềm là trái mít ướt, trái mít không mềm [tức trái mít dai] là trái mít ráo, trái xoài lớn là trái xoài voi, trái xoài nhỏ là trái xoài cơm, trái xoài vào hạng trung là xoài cát.

Xứ Thuận-hoá khắp bốn mùa đều có cau tươi, thứ cau mềm, non ngọt, giá lại rất rẻ, 10 quả cau chỉ bán với giá 2 đồng tiền.

Hạt Quảng-bình có thói quen, cứ ở dưới gốc một cây cau, người ta lại trồng một cây trầu-không mây [tức cây trầu-không leo], cây trầu cứ nương-tựa vào cây cau mà leo lên cao. Hoặc là ở dưới gốc cây cau, người ta trồng một cây hồ-tiêu mây [hồ-tiêu đặng]. Cả vùng rừng vườn, vườn nào trồng cũng sầm-uất cả.

Dọc theo dưới chân núi Ai-vân là những xứ Phường-lạc, phường Giá và phường Tây thuộc xứ Quảng-nam. Tại những nơi ấy, cây cau mọc đầy thành rừng. Đến khi các quả cau quá già, vỏ cau nát bấy, người địa-phương ấy lấy hạt cau chứa từng đồng, người Tàu buôn mua đem về [212b] tỉnh Quảng-đông cho người ta ăn thay thứ trà-phù [chè trầu].



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN SÁU

Các loại chuối [ba-tiêu], thì khắp nơi trong xứ Thuận-hoá, đâu đâu cũng có, nhưng tên gọi thì khác với bốn trấn ở miền Bắc. Như chuối bụt thì gọi là chuối nanh-lợn [hay nanh heo]. Thứ chuối này mùi rất ngon và rất thơm. Chuối hột gọi là chuối Bà-hương. Chuối này giống như chuối tiêu, nhưng mùi có hơi chua. Có thứ chuối được gọi là chuối thanh-tiêu; chuối này giống chuối tai mèo, nhưng có phần dài hơn. Có thứ chuối được gọi là chuối dai; chuối này giống như chuối bụt, nhưng có phần nhỏ hơn, trong lòng màu vàng, và mùi có hơi ngọt thơm. Lại còn có thứ chuối được gọi là chuối cau; thứ chuối này được sản-xuất nhiều ở trấn Hà-tiên, vỏ mỏng, lòng vàng và mùi ngọt.

Xứ Thuận-hoá vốn có nhiều khoai. Có thứ khoai được gọi là khoai sáp đường; thứ khoai này luộc chín sắc hơi vàng, mềm, dẻo như sáp. Có thứ khoai được gọi là khoai đầu-hùm; [213a] thứ này thì khắp nơi trong xứ Thuận-hoá đều trồng. Cứ tháng 4 trồng thứ khoai này, thì đến tháng 11 bới, gốc khoai lớn như cái bát, luộc ăn bay mùi giống như mùi khoai ở làng Đông-dư thuộc tỉnh Kinh-bắc [tức Bắc-ninh]. Có thứ khoai được gọi là khoai khương hay khoai gừng, vì củ sinh từng chùm như củ gừng, nhưng sắc trắng mềm, dẻo. Lại có thứ khoai được gọi là khoai nưa; khoai này củ cũng sinh từng chùm rất nhiều, và dây khoai có thể muối làm dưa được.

Tại địa-phận tổng Bái-trời cùng tại xã Mai-xá [gần Hồ-xá và gần nơi ranh-giới chia đôi hai miền Nam Bắc], người ta trồng cây dầu-lai rất nhiều, và người ta ép lấy dầu ấy đem đi bán làm kế sinh-nhai.





## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN SÁU

Các xã trong huyện Lệ-thủy, mỗi xã đều có máy ép hạt dầu [hạt thầu-dầu] để ép ra dầu và đem đi bán khắp các huyện-hạt khác.

Các khách-hộ mỗi phường trong tổng Bái-trời, theo lệ định, phải nộp thuế bằng dầu-sơn mỗi năm là 40 tĩn. Những người nộp thuế dầu-sơn đều được miễn các việc : sưu, đi lính, đi làm công-tác như cầu, đường, đồn, lũy, kho-tàng, cắt cỏ cho voi nhà nước ăn, sửa chợ, dò, đào kênh... và tất cả những việc ngoại lệ.

[213b] Trong huyện Hương-trà, có làng Phù-trạch, dân làng ấy thường dệt cỏ bồ làm chiếu. Người ta cũng có thể dùng cỏ bồ dệt buồm được. Thứ chiếu dệt bằng cỏ bồ ở làng Phù-trạch cũng giống như thứ chiếu ở làng Quảng-lãm thuộc tỉnh Kinh-bắc hay Bắc-ninh.

Tại hai xã Đại-phước và Tuy-lộc thuộc huyện Lệ-thủy, người ta thường dệt chiếu cỏ lác hay cỏ coi.

Tại xã Hoa-sơn thuộc huyện Tân-phước, phủ Điện-bàn, người ta phải nộp chiếu hoa để thay-thế cho việc nộp sưu và đi lính.

Cứ hằng năm, trước ngày chính-đán [tức ngày nguyên-đán], thì dinh Quảng-nam thâu chiếu mềm 35 đôi, chiếu mềm mà nhỏ 4 đôi, chiếu cù-du<sup>1</sup> 8 đôi, chiếu để trải ván dài [hay sập dài] 1 đôi, chiếu để trải ván ngắn [hay sập ngắn] 4 đôi,

1. Cù-du : Sách Phong-tục ký có nói : Cù-du là thảm lông [nhục mao].



## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN SAU

chiếu bạch-liên đề bài-trí tại Văn-miếu 1 đôi, chiếu cù-du cặp lụa huyền [hay viền lụa huyền chung-quanh] 1 đôi, cộng 50 đôi. Lại phải nộp các hạng chiếu trắng đề cấp-phát cho các công-đường các phủ cùng các miếu-vũ, các chùa cộng 75 đôi. Nhưng chiếu hoa thì cũng có đôi khi nhà nước giao cho [214a] các quan ở dinh Quảng-nam phải mua, hoặc đề bài-trí tại các miếu-vũ, chùa-chiền cộng 52 đôi, hoặc dùng tại phủ dinh đến 360 đôi.

Tại làng Nha-phiên thuộc huyện Phù-ly, phủ Qui-nhân có đôi ba người thợ chuyên dệt chiếu cù-du, mỗi năm họ phải nộp 30 đôi chiếu cù-du [thảm lông] ấy.

Phủ Phú-yên cũng có một đôi người thợ chuyên dệt thứ chiếu cù-du như thế, hằng năm họ phải nộp thứ chiếu rộng [quảng-tịch] 50 đôi, thứ chiếu liền [liền-tịch] 1 đôi, và thứ chiếu hẹp [hiệp-tịch] 1 đôi.

Chiếu mây [dằng-tịch] được sản-xuất tại các nơi Nguyên-đầu thuộc các huyện trong xứ Thuận-hoá, xưa nay đều không phải nộp thuế. Duy có đồn-tuần Viên-kiều<sup>1</sup> thuộc huyện Hải-lăng thì mỗi năm phải nộp 2 đôi chiếu mây mà thôi.

Còn tỉnh Quảng-nam thường sản-xuất chiếu hoa, có lệ định chiếu hoa chiều dài phải 5 thước 4 tấc, chiều ngang phải 4 thước. Chiếu mềm chiều dài [214b] phải 7 thước, 8 tấc, 7 phân, chiều ngang phải 1 thước 8 tấc 8 phân.

1. Đồn Viên-kiều ngày nay thuộc về huyện Hướng-hoá, tỉnh Quảng-trị.



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN SAU

Thứ chiếu « giai-văn » thì được sản-xuất từ bên Tàu đưa sang. Thứ chiếu này rất sạch, trắng, nhẹ-nhàng và mềm-mại, người ta có thể uốn nhỏ lại mà cất vào trong rương đựng áo quần.

Thứ chiếu mây hoa [hoa đặng] cũng được sản-xuất từ bên Tàu. Thứ chiếu này có các đường vân đỏ, đường vân đen chạy ngang chạy dọc chen lẫn nhau.

Thờ-cách làm nón ở xứ Thuận-hoá có phần hơi khác với nón các nơi. Tại làng Triều-sơn và làng Tam-giáp thuộc huyện Phú-vang, có những người thợ làm nón rất tinh-tế và rất mỏng-manh.

[215a] Tại xã Đốc-sơ [ngoài làng Yên-hoà ở phía Bắc kinh-thành Huế và phía trong làng Liễu-cốc] thuộc huyện Hương-trà, có người chuyên nghề làm giấy hạng trung và hạng tiểu, ngày xưa có lệ phải nộp thuế giấy. Về sau, nghề làm giấy được lan-truyền đến làng Trung-chỉ thuộc phủ Phú-yên, hàng năm người làm giấy phải chịu thuế giấy là 2.500 trương giấy khổ lớn, và 32.000 trương giấy khổ trung.

Thứ giấy khổ trung và khổ tiểu được sản-xuất ở xã Đốc-sơ cùng với thứ giấy « Phương-bao » [giấy bao vuông] được sản-xuất ở xã Vĩnh-xương đều được làm bằng vỏ cây giấy [chữ bì].

Còn thứ giấy đại [giấy lớn khổ] được sản-xuất tại hai xã Đại-phước và xã Lộc-tuy, đều được làm bằng vỏ cây thương-lục [tức vỏ cây niệt]. Thứ giấy này cũng bền và dày, không



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN SÁU

khác gì thứ giấy Lệnh-nhứt của người nhà Thanh bên Trung-hoa sản-xuất.

Theo lệ thuế cũ, thì phường Ngu-võng<sup>1</sup> thuộc huyện Hương-trà phải nộp thuế là 30 cái vò đất.

Tại hai xã Phan-xá và Hoàng-giang thuộc huyện Khang-lộc, nhân-dân có nghề đúc súng. Nhà Nguyễn lấy 60 người ở xã Phan-xá thiết-lập làm hai đội Tả và Hữu súng-tượng [thợ đúc súng]. Lại đặt quan Chánh-ty 12 người, và cấp ngạch mỗi người một mẫu ruộng, mỗi năm mỗi người 10 quan tiền và 40 người lính phục-dịch. Còn lương quân-nhân mỗi năm, mỗi người được 10 thúng thóc và 5 quan tiền. Nhà nước dùng các quan Ngoại-tả và Ngoại-hữu [215b] chia nhau quản-trị hai đội súng-tượng ấy.

Đến sau, người ta lại tuyển thêm mỗi đội 20 người nữa để làm khí-giới.

Còn đúc súng lớn [trụ lớn], thì mỗi khẩu súng, theo lệ định, người đúc súng được phát 15 khối sắt, 3 quan 5 tiền để mua than, 10 cân gang, 1 lạng dầu. Đúc súng kẹp vào nách [hiệp súng], thì cứ mười khẩu súng, theo lệ định được cấp-phát 30 khối sắt, 10 quan tiền để mua than, và 30 cân gang.

Người ta lại chọn lấy 40 người ở xã Hoàng-giang để thiết-

---

1. Trên đây thì chép « Ngu-võng phường » là phường Ngu-võng. Nhưng trong bản vi-ảnh lại chép « Di-động phường » là phường Di-động. Vậy không rõ nơi nào đã chép đúng?



## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN SÁU

lập làm ty « Nội súng-tượng », trong đó có 1 người Nội Thủ-hợp, lương hằng năm là 20 quan, 1 người ty quan [quan coi ty nội súng-tượng], lương hàng năm là 30 quan. Còn quân-nhân thì lương hằng năm là 10 học thóc và 5 quan tiền cho mỗi người. Công-tác của họ phải làm thì cũng như trên đã kể. Đến như đình súng thì do thợ rèn làm, cò-máy súng thì thợ bạc làm, tai súng thì thợ « nhĩ tượng » làm, báng súng thì thợ mộc làm. Vậy quân-lính hai đội chỉ đúc thành nội tâm súng [lòng súng] mà thôi.

[216a] Xứ Thuận-hoá có hai đội ty thợ đúc [chú tượng ty], mỗi đội gồm 30 người, có phường đúc tại bến Hà-nam [tức phường Đúc ngày nay ở gần cầu Bạch hồ] thuộc kinh-thành Phú-xuân. Các người thợ đúc ấy đều ở lẫn-lộn với dân-cư [tạp cư kiều-ngụ]. Hai đội ấy cũng đúc được súng đồng, cùng với vạc, chảo, nồi, sanh, chân đèn [đế đèn], giá thuốc, các hạng.

Còn đội Mộc-thán [than cây] thì đến năm Kỷ-dậu [tức năm 1729 là năm đầu niên-hiệu Vĩnh-Khánh Lê-đế Duy-phương] niên-hiệu Lê-Vĩnh-Khánh mới bắt đầu thiết-lập thành ngạch 100 người. Những người này được miễn nạp các số tiền và gạo sai-dư cùng với tiền sưu-suất và tạp-dịch.

Đội Mộc-thán này được đặt thuộc dưới quyền cai-quản của viên quan « Tri đồ gia » [viên quan coi nhà đồ]. Dần dần đội này được thêm lên 195 người.

Tại xã Võng-tri thuộc huyện Phú-vang, nhân-dân có nghề rèn, họ làm những đồ cuốc, xẻng, rìu, búa.



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN SAU

Xã Mậu-tài [cũng thuộc huyện Phú-vang] có những người khéo làm dây thau và dây sắt.

Xã Yên-lưu [cũng thuộc huyện Phú-vang] có những người khéo mài khí-giới.

Xã Dã-lê có những người khéo làm những cái mũi thuyền, mũi [216b] kiệu cùng các bức tranh vẽ.

Nhà Nguyễn có thiết-lập ty « Nội tích tượng » [ty thợ thiếc] có 10 người lính thợ. Những người lính này đều là thợ khéo cả. Giá thiếc cũng rẻ. Họ làm những cái hộp đựng trầu có khắc hai cảnh hoa, giá bán chỉ có 4 tiền, thứ tiền xưa mà thôi, hiểm vì sắc không được sáng-sủa, trắng-trẻo cho lắm.

Trước đây, nhà Nguyễn, cứ mỗi năm, đến ngày lễ sinh-nhật chúa Nguyễn, các quan coi các tượng-ty đều phải dâng mỗi người 2 quan tiền mừng, duy có ty chú-tượng [thợ đúc] thì cả bản-bộ chỉ dâng 1 quan tiền, 1 cái bình phóng [ống nhỏ] bằng thau hạng lớn, 1 cái bình phóng bằng thau hạng trung, cột đèn bằng thau mỗi thuyền 1 cây. Ty thợ đúc người kinh phải đóng 5 tiền, 1 cái ống nhỏ hạng lớn bằng thau, 1 cái ống nhỏ hạng trung bằng thau, và một cây cột đèn hạng trung bằng thau.

Tại phố Hội-an thuộc tỉnh Quảng-nam, các nôi đồng và mâm đồng được các tàu biển chở đến bán rất nhiều, những lúc bình thời, thường có hàng nghìn hàng vạn nôi đồng, mâm đồng được đem đến bán. [217a] Những bọn khách buôn người Tàu



## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN SÁU

lại mua, rồi đem về bán tại phố Thanh-hà, thường được lời một thành hai.

Về thời niên-hiệu Tuyên-đức<sup>1</sup> nhà Đại-minh, các đồ sành, đồ sứ [diêu khí] của người Tàu rất tinh-xảo, như các lư-hương bằng đồng được khắc mấy chữ Hán «Tuyên-đức niên chế» trông thật sáng-sủa, long-lanh rất đẹp mắt, không có một chút gợn nhỏ nào cả. Phần nhiều người xứ Thuận-hoá quý-chuộng thứ lư-hương ấy như lư-hương đồng xưa vậy.

Những đồ sứ [tư-khí] như bát, đĩa, chén, bình, có đường vân giống như rạn mà không phải rạn, được gọi là «diêu biến» [đồ sứ biến thể khác thường], cũng đều là vật-hạng dưới thời Tuyên-đức cả.

Các nước Tây-dương có sáng-chế một thứ đồng-hồ được gọi là «Tự minh chung» [tự-động đánh chuông], hình-dạng không nhứt-định.

Người giúp việc ở nội-viện tòa Thiên-văn là Từ-tâm-bá nguyên ngày trước được chúa Nguyễn giao-phó sáng-chế một cái đồng-hồ, chế như hình «Phật-đỉnh», có thể cao độ 1 thước, mặt trước là một phiến đồng, bên trong có một vành tròn, mà chung quanh được khắc 12 giờ. Giờ Ngọ ở trên, [217b] giờ Tý ở dưới, giờ Mão ở về phía chính đông, giờ Dậu ở về

---

1. Tuyên-đức là niên-hiệu vua Minh Tuyên-tông. Minh Tuyên-tông tên là Thiêm-cơ, là con Minh Nhân-tông, ở ngôi được 10 năm. Dưới triều Minh Tuyên-đức, người ta đã lập một nhà «Nội thư-đường» để dạy các hoạn-quan phục-vụ nhà vua.



## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN SÁU

phía chính tây. Trong khoảng thời-gian 12 giờ được chia làm phương-vị 8 Can và 4 Duy. Bắt đầu từ Đinh là số 1, được khắc 1 vạch đứng [1]; Mùi là số 2, Khôn là số 3, cứ thuận-hành [đi xuôi] đến Tý là số 12.

Lại từ Quý là số 1 khởi-hành, đến Sửu là số 2, Cấn là số 3, cứ đi quanh về phía bên trái, đến Ngọ là số 12. Cộng tất cả có 24 giờ, mỗi giờ là 4 khắc. Bên ngoài vành tròn, được vạch 96 khắc tất cả. Ở chính giữa phiến đồng tròn, người ta đặt 2 cái kim: 1 kim ở trong bằng vàng để chỉ giờ thì lớn mà ngắn; 1 kim ở ngoài cũng bằng vàng để chỉ phân khắc thì nhỏ mà dài. Phía mặt sau có một miếng sắt, phía tả và phía hữu đều có mỗi phía một miếng đồng để che kín bộ máy đồng-hồ. Ở phía trong, bốn góc có 4 cái trụ đồng. Ở trong lại có 5 cái trụ đồng nữa. Có những bánh xe bằng đồng, lớn và nhỏ cộng 15 cái. Ở trong lại có 3 bánh xe lớn và 1 [218a] cái trục đặt ngang. Các bánh xe ở ngoài đều được làm như hình răng cưa. Lúc máy chạy, thì các răng cưa cùng xát cọ và ăn khớp vào nhau. Phía trên có một cái chuông lớn, 6 cái chuông nhỏ. Ở phía dưới đồng-hồ, người ta làm một cái giá cao 5 thước, để đặt đồng-hồ lên trên giá ấy, rồi lấy 3 cái dây đồng xoắn vào giữa 3 cái bánh xe ở trên trục lớn, các đầu dây đều thông xuống, dây giữa có hơi ngắn hơn, dây hai bên có hơi dài hơn. Tại hai đầu dây, thì một đầu được buộc 1 hòn chì lớn nặng 6 cân, còn một đầu được buộc 1 hòn chì nhỏ nặng 1 lượng 7 đồng-cân, để xoay chuyển bánh xe cho máy chạy.

Hễ khi nào người ta thấy hòn chì lớn nặng thông xuống chỉ còn cách mặt đất chừng 1 thước, thì khẽ nhẹ tay kéo đưa





## PHỤ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN SÁU

dây ấy lên cao, khiến cho hòn chì nhỏ thòng xuống. Nếu làm không đúng như thế thì [218b] đồng-hồ không chạy.

Ở sau cái bánh xe đồng, lại có 1 cục đồng dài treo thòng xuống, để giữ gìn máy chạy cho có chừng-mực. Nếu không làm như thế thì đồng-hồ cứ một mạch chạy bậy mà không theo đúng giờ khắc.

Hệ bánh xe đồng chạy đến khoảng đầu giờ Đinh đúng 1 khắc, thì chuông nhỏ đánh một tiếng, đến đầu 2 khắc thì đánh 2 tiếng, đến 3 khắc thì đánh 3 tiếng, đến 4 khắc thì đánh 4 tiếng rồi thôi.

Khi kim chạy đến đúng giờ Đinh, thì chuông lớn đánh 1 tiếng. Khi kim chạy đến quãng giờ Mùi chính 1 khắc, thì chuông nhỏ đánh 1 tiếng, đến chính 2 khắc thì đánh 2 tiếng, 3 khắc thì đánh 3 tiếng, 4 khắc thì đánh 4 tiếng rồi thôi.

Lúc kim chạy đến đúng giờ Mùi, thì chuông lớn đánh 2 tiếng. Còn các giờ khác thì cứ nhân đó mà suy ra cũng biết được.

Kim chạy đến giờ Khôn thì chuông lớn đánh 3 tiếng, đến giờ Thân thì đánh 4 tiếng, cho đến giờ Canh thì đánh 5 tiếng, giờ Dậu thì đánh 6 tiếng, giờ Tàn thì đánh 7 tiếng, giờ Tuất thì 8 tiếng, giờ Càn thì 9 tiếng, giờ Hợi thì 10 tiếng, giờ Nhâm 11 tiếng, giờ Tý 12 tiếng v.v...

Khi kim chạy đến giờ Quý, [219a] lại cũng như khi kim chạy đến giờ Đinh, chuông lớn lại đánh 1 tiếng, đến giờ Sửu



## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN SÁU

đánh 2 tiếng, giờ Cấn đánh 3 tiếng, giờ Dần 4 tiếng, giờ Giáp 5 tiếng, giờ Mão 6 tiếng, giờ Ất 7 tiếng, giờ Thìn 8 tiếng, giờ Tốn 9 tiếng, giờ Ty 10 tiếng, giờ Bính 11 tiếng, giờ Ngọ 12 tiếng. Và cứ như thế, hệ đúng giờ là đồng-hồ tự-động đánh chuông, không ngày nào sai cả.

Ở trên đồng-hồ, người ta lại làm một cái giá. Trên giá có cái che, làm như hình hoa sen. Hai mặt ở phía sau và ở bên hữu [bên phải] đồng-hồ đều được che-dậy bằng một miếng kính thủy-tinh. Còn hai mặt ở bên tả [bên trái] và ở phía trước thì có cái cửa để mở ra và đóng lại để xem xét máy móc.

Việc chế-tạo đồng-hồ này, viên Tư-tâm-bá cứ để dầy-dưa mãi đến mấy năm mà không làm xong.

Đến ngày tháng 5 năm Bình-Thần [tức năm 1776 là năm thứ 37 niên-hiệu Lê Cảnh-Hưng] chúa Nguyễn nghe nói có người khách quê ở Mã-cao tên là Tài-Phó đã từng nói: « y có hiểu biết nghề làm đồng-hồ ». Đến khi cho người kêu y đến và hỏi y, thì y lại nói: « nay tuổi đã già nua, nên không thể làm được nữa ».

Đến sau có người lại khen-ngợi tên Nguyễn-văn-Giụ, [219b] con trai viên Thủ-hợp là Chiêu-Tài nguyên làm thợ kính thợ gương cho nhà Nguyễn trước kia rất giỏi về nghề làm đồng-hồ. Chúa Nguyễn khiến người gọi Văn-Giụ đến và bảo anh ta y theo cách-thức chế-tạo đồng-hồ kể trên mà làm, thì anh ta làm chỉ trong mười ngày là xong đồng-hồ.

Văn-Giụ lại còn chế-tạo được một cái đồng-hồ vào hạng



## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN SÁU

trung. Đồng-hồ này cũng y theo cách-thức kể trên mà làm, nhưng bớt đi 5 bánh xe, và 6 cái chuông nhỏ cùng 1 sợi dây ở trong đồng-hồ, nên đồng-hồ không điềm khắc, mà chỉ đến giờ thì đánh chuông, song đánh chuông giờ rất đúng. Người ta đem đồng-hồ so nghiệm với bóng mặt trời, vẫn không sai chút nào.

Nguyễn-văn-Giụ nguyên người quê ở xã Đại-hào thuộc huyện Đăng-xương. Vào lúc thiếu-thời, ông ta được sang nước Hòa-Lan lưu-học 2 năm thì làm được các hạng đồng-hồ « tự minh chung ». Ông ta lại còn làm được « Thiên lý kính » là ống dòm nhìn xa nghìn dặm rất tinh-xảo.

Đến năm ông được 74 tuổi, mà nhãn-lực [sức sáng của con mắt] vẫn y như hồi còn trẻ tuổi.

Nguyễn-văn-Giụ có em là Nguyễn-văn-Thi, con là Nguyễn-văn-Duy cùng con rể là Lương-văn-Dũng, cả nhà đều hiểu biết nghề làm đồng-hồ cả.

Văn-Giụ lại còn chế-tạo được một thứ đồng-hồ cũng y như kiểu-mẫu đồng-hồ mà nhà Nguyễn giao-phó cho [220a] Từ-Tâm-Bá chế-tạo ngày trước. Nhưng phía trong gần mặt trước đồng-hồ có làm thêm 2 bánh xe đồng có lỗ thông với bên ngoài, hai bên tả hữu trụ kim cắm giữa, bên trái có 60 miếng đồng khắc Can và Chi từ Giáp-Tý đến Quý-Hợi. Bên phải có 30 miếng đồng khắc số ngày từ ngày mùng 1 đến ngày 30. Hễ đến ngày nào, thì hai bên đồng-hồ bật nổi rõ chữ ghi đúng ngày ấy, kim chỉ hết vòng này rồi bắt đầu trở lại vòng khác, thật là thần-tinh tuyệt diệu.



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN SÁU

Đồng-hồ « Tự minh chung » lại còn có một kiểu khác nữa, Kiểu này từ Tây-phương đưa sang nước ta. Đồng-hồ ấy cao 1 thước 5 tấc, khoát 1 thước. Ở phía trên đồng-hồ, người ta làm một cái hình « Người tiên cỡi voi ». Hai bên tả và hữu, người ta làm hai cái hình hai con rồng châu mặt trời [lưỡng long triều thiên]. Còn bốn chân dưới đồng-hồ, người ta làm hình « con voi điềm mặt đất ». Thứ đồng-hồ này được chế-tạo bằng đồng rất tinh-xảo, với những nét chữ khắc rất đẹp-đẽ. Khoảng giữa đồng-hồ thì hình vòng tròn, mặt trước có mảnh từ-thạch tròn, vành ngoài được khắc chữ Tây-dương, tăng trong khắc 24 giờ. Còn số tiếng chuông đánh, thì Tý [220b] Ngọ đồng một vị [ngôi], ở trên có khắc 12 vạch. Quý Đinh đồng một vị khắc một vạch. Từ phía Tây Nam thuận-hành mà đi quanh về phía trái, thì Sửu Mùi đồng một vị, khắc 2 vạch. Cấn Thân đồng một vị, khắc 3 vạch. Dần Thân đồng một vị, khắc 4 vạch. Giáp Canh đồng một vị, khắc 5 vạch. Tại phía Tây-Bắc thì Mão-Dậu đồng một vị, ở dưới, khắc 6 vạch. Ất Tàn đồng một vị, khắc 7 vạch. Tại phía Đông-Bắc thì Thìn Tuất đồng một vị, khắc 8 vạch. Tốn Càn đồng một vị, khắc 9 vạch. Tý Hợi đồng một vị, khắc 10 vạch. Bình Đinh đồng một vị, khắc 11 vạch.

Tại phía Đông-Nam kim lại chạy đến Tý Ngọ.

Ở trung-tâm mỗi miếng từ-thạch, thì cái kim trong và cái kim ngoài cũng đều được chế như trước. Kim trong đi đến giờ nào, thì chuông lớn cũng cứ theo số giờ mà đánh mấy tiếng. Từ Nhâm đến Tý, từ Tý đến Quý, ở quãng giữa đều [221a] có điềm những nút có hoa. Hễ kim trong đi đến mỗi hoa, thì chuông cũng đánh một tiếng để phân-biệt đầu giờ, với cuối giờ. Trong



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN SÁU

12 giờ, giờ nào cũng thế cả. Ở ngoài phiến đá từ-thạch, có một phiến kính thủy-tinh được viền vành đồng tròn che-bọc. Nhờ có bản-lễ bên trái mà tấm kính thủy-tinh này có thể mở ra và đóng lại được. Ở trung-tâm đồng-hồ có treo một tấm đồng tròn. Trong ngoài ba tầng đều gắn liền nhau. Trong có hai cái bánh xe lớn, và 10 cái bánh xe nhỏ, cùng những trụ nhỏ nằm dọc nằm ngang ăn khớp với nhau bằng những cái răng cưa. Và ở giữa khoảng các bánh xe, có một trục sắt được đặt ngang ở phía trên. Giữa phiến từ-thạch [đá nam-châm] có đục lỗ để cho trục sắt xuyên qua.

Lúc nào đồng-hồ không chạy, thì người ta khẽ nhẹ cho chia khoá sắt vào vận-chuyển bánh xe, thì tức khắc đồng-hồ chạy ngay.

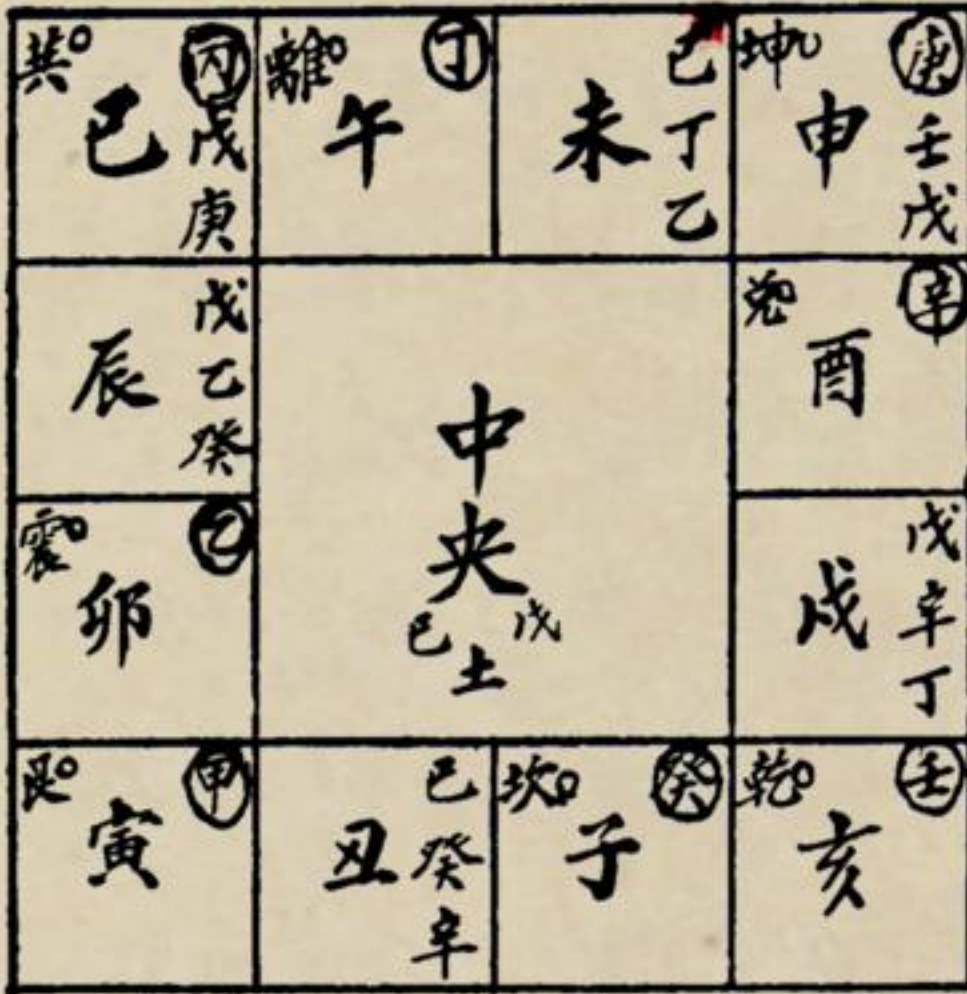
Cách chế-tạo đồng-hồ thật là khéo-léo tài-tinh, khó lòng mà hình-dung được. Ở trên, có một cái chuông lớn để đánh giờ và khắc, đằng sau có máy đồng chuyển-vận luôn luôn không dừng, để hạn-chế bánh xe vận-hành cho có chừng-mực. [221b] Tại mặt sau đồng-hồ, có một miếng đồng ở giữa, bên tả là cái chốt, bên hữu là cái bánh xe, cũng là để mở và đóng đồng-hồ. Thiết tưởng cái khí-cụ « Toàn-cơ ngọc-hành »<sup>1</sup> đời xưa chẳng qua cũng như thế mà thôi. Vậy mà Nguyễn-văn-Giụ cũng làm được cả đồng-hồ không phải xỏ dây. Nhưng thứ đồng-hồ này cần phải để cho thật bằng-phẳng thì máy mới chạy đều. Nếu để đồng-hồ hơi xiên-lệch một chút thì máy không thể chạy được.

1. Toàn-cơ ngọc-hành là khí-cụ để lượng trời [trắc thiên] về đời vua Đại-Thuấn nhà Ngu [2255-2208] [trước Công-nguyên].

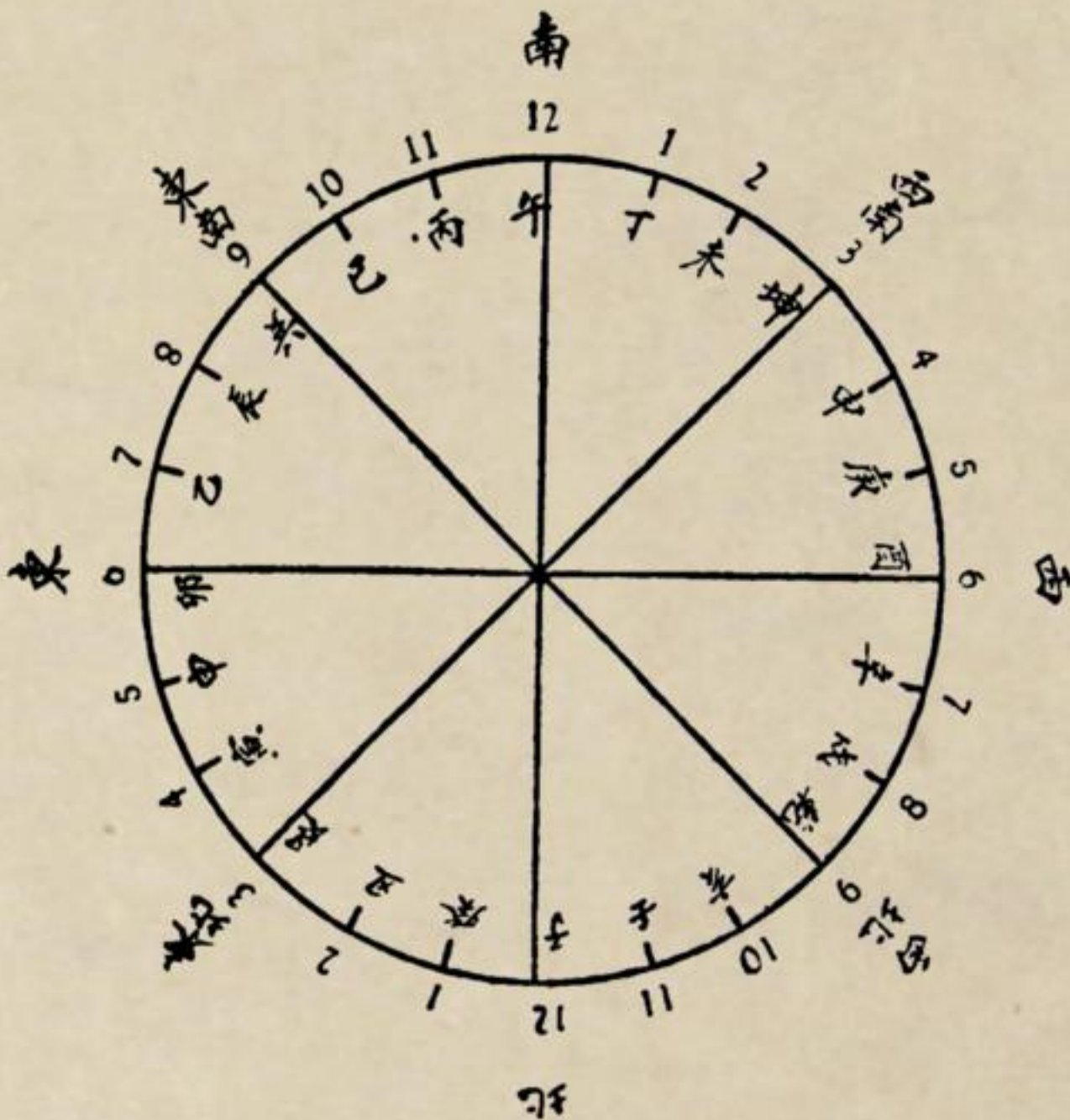




PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYÊN SÁU  
地 支 藏 干 圖



四正 子午卯酉  
四季 辰戌丑未  
四孟 寅申巳亥  
八干 甲乙丙丁  
庚辛壬癸  
四維 乾坤艮巽







## PHỤ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN SÁU

Xứ Thuận-hoá có thứ ngọc được gọi là « Hạc đính ngọc », giống như ngà voi, mà sắc lại vàng và hơi có điểm đỏ, trông rất tinh-tế, sáng-sủa, tươi-nhuần. Người ta dùng ngọc này để làm những cái hộp đựng hương sáp và làm chuỗi trường-hạt để niệm kinh. Mang thứ ngọc ấy trong mình, người ta có thể trừ được các loài rắn rít.

Ngọc này nguyên từ tàu Tây-phương đưa đến bán, chứ không phải thổ-sản xứ Thuận-hoá.

Xét sách « Võ-bị-chí » có chép rằng: Nước Tam-Phật-Tề còn có một tên nữa là nước Cựu-cảng thường sản-xuất một thứ chim là « Hạc-dính », lớn hơn con vịt. Nào-cốt [xương óc ở sau gáy gồ lên] chim ấy dài đến hơn 1 tấc, ngoài vàng, trong đen, xinh-tươi, đẹp mắt đáng yêu. Nước [222a] Bột-nê [không biết nước nào và ở đâu] cũng có thứ chim ấy.

Xứ Thuận-hoá lại có thứ ngọc được gọi là « Hoàn-chiêu ngọc ». Thứ ngọc này vốn từ thuyền buôn nước Hòa-lan đưa đến. Thứ ngọc ấy có màu xanh, và màu trắng thì nhiều hơn. Còn thứ ngọc màu vàng-nhật và màu hồng, màu đỏ thì rất ít. Thứ ngọc lớn thì to bằng hạt ngô [thực thử], còn thứ nhỏ thì bằng hạt đậu xanh. Người ta dùng ngọc ấy để trang-sức nhẫn đeo ngón tay và đính lên mào đội.

Người ta để thứ ngọc này vào chỗ tối-tăm thì thấy chỗ đó sáng rực lên. Nếu người ta để ngọc ấy gần mắt mà trông, thì thấy đủ cả năm màu sắc, nhất là màu xanh và màu hồng lại càng rực-rỡ. Người ta cho ngọc ấy vào lửa cũng không cháy. Một hạt ngọc đáng giá 100 lượng bạc.



## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN SÁCH

Thứ nữa đến ngọc thủy-soạn, ngọc hoả-soạn cùng ngọc kim-cương, vân vân...

Người ở Tây-dương là Tì-tâm-bá làm việc ở Nội-viện toà Thiên-văn giúp nhà Nguyễn trước đây ngụ ở phường Phú-xuân [trong kinh-thành Phú-xuân] đã 30 năm. [222b] Ông ta mang đến đây kể có mấy chục quyển sách, nhưng các sách ấy đều được viết bằng chữ Tây-dương, nên không có người nào hay biết. Chỗ ông ta ở, nhà cửa và vườn-tược đều chỉnh-đốn và sạch-sẽ.

Ông ấy làm nghề bán thuốc Tây. Để trữ các thứ thuốc hoàn, tán và rượu thang, ông ta đều dùng những lọ và bình thủy-tinh pha-lê cả.

Ông ta có nói: những chiếc nhẫn đeo tay bằng mắt con rắn hay bằng thạch-khảm, chỉ có hai màu sắc vàng nhạt và màu thuần vàng [vàng thẫm] là thật mà thôi, còn các màu-sắc khác đều là đồ giả. Còn ngọc « hoàn-chiếu » nếu cho vào lửa mà không cháy, không nát mới là hạng của thật, còn ngọc bỏ vào lửa mà cháy và nát ra, thì đó là thứ thủy-tinh.

Ở xứ Thuận-hoá, người ta lấy lá cây mài hột hồ-phách cho sáng và tròn, lấy nước ngâm củ nghệ uất-kim phun vào, lấy gỗ tử-dàn tẩm rượu chưng qua-loa. Xong rồi đem xâu hột hồ-phách tẩm nhuộm độ nửa giờ, thì màu nhạt trở thành màu đỏ; đến ngày hôm sau, người ta lấy dầu lau xát thì hồ-phách ấy sáng bóng như ngọc hồ-phách thật.



## PHỤ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN SÁU

Ở Trung-Hoa vốn không có cây gỗ tử-dàn. Cây gỗ tử-dàn này được sản-xuất ở nước [223a] Tiêm-la, rồi các tàu buôn Tây-phương chở đến bán tại xứ Thuận-hoá. Người ta đem thứ gỗ tử-dàn này chưng rượu, rồi cho nước vào thì thành màu đỏ thắm [thâm hồng] có thể làm thuốc nhuộm được, mà giặt cũng không phai màu.

Xa-cừ được sản-xuất ở xứ Quảng-nam, từ ngày trước, người ta không phải đóng thuế xa-cừ.

Nếu nhà-nước cần dùng xa-cừ để chế-tạo các thứ đồ trang-sức, thì viên quan đồ-gia phải báo cho công-đường-quan ở xứ ấy truyền sức cho các xã, thôn, phường trong hạt phải tìm mua xa-cừ đem nạp, hoặc 4.500 cân, hoặc mấy nghìn cân. Tại xứ Thuận-hoá, có nhiều người đem xa-cừ khảm vào những cái bàn vuông, những chiếc hộp tròn, rương khăn, chuỗi kiếm. Còn tại các nước Chiêm-thành và Cao-miên, những cái bàn, cái hộp đã được khảm xa-cừ, người ta lại đem khảm thêm thủy-tinh nhỏ vuông vào, làm cho sắc xanh và sắc biếc của xa-cừ lại càng nổi bật lên.

Loài huyền-phách [hồ-phách màu huyền] được sản-xuất ở trấn Hà-tiên. Khối hồ-phách cũng giống như khối đồng, nhưng đen như sắt. Người ta thường nói: đeo thứ huyền-phách vào mình thì có thể trừ được gió độc, và cũng có thể dùng thứ huyền-phách ấy làm chuỗi trường-hạt để niệm kinh.

Kỳ-nam-hương thường sản-xuất tại xứ Quảng-nam, thuộc địa-phận hai phủ Bình-khang và Diên-khánh.



## PHỦ BIÊN TẠM LỤC QUYỀN SÁU

Thứ Kỳ-nam-hương sản-xuất tại sơn [223b] đầu thuộc các xã trong hai phủ ấy là thứ Kỳ-nam-hương tốt nhất. Còn thứ Kỳ-nam-hương được sản-xuất tại phủ Phú-yên và phủ Qui-nhơn là thứ Kỳ-nam-hương hạng nhì.

Hương Kỳ-nam nguyên bởi ruột cây gió hay cây chử [chử thụ] ngưng-kết lại mà thành.

Cây gió hay cây chử có ba loại :

1) Cây Nguru-thiệt chử [cây chử lười trâu] hay lãng-chử làm thành thứ khổ trầm là thứ trầm đẳng.

2) Cây Niết-chử làm thành thứ trầm hương.

3) Cây Biều-chử làm thành Kỳ-nam-hương.

Huyện Hương-trà có phường Thái-ngệ ở sau Phủ-Cam, về mạn đông-nam sông Phú-xuân.

Phường Thái-ngệ ở xen vào địa-phận ba xã là : xã Sơn-diên, xã [224a] Dương-xuân và xã Vạn-xuân.

Phường ấy được chia thành ba ấp, mỗi ấp gồm 10 gia-đình, mỗi gia-đình có 15 người thợ dệt.

Ông viễn-tổ [ông Tổ xa đời] của họ nguyên là người phủ Thăng-hoa thuộc dinh Quảng-nam học được nghề dệt của người khách Tàu, rồi đời đời truyền cho con cháu dệt những hàng thái-đoạn, sa-tanh, cầm-trừu cùng các thứ hàng hoá khác thật là tinh-xảo tài-tình.



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN SÁU

Thứ lụa xứ Quảng-nam, người ta chỉ thâu lấy tại hai phủ Thăng-hoa và Điện-bàn.

Đến như phủ Phú-xuân có đôi người thợ dệt, được gọi là Sa-thái đội, theo lệ cũ đội ấy phải nộp khoản thuế sai-dư bằng lụa là 36 tấm, 13 thước, 3 tấc, và được nộp tiền thay-thế là 218 quan, 6 tiền 42 đồng.

Về phủ Quảng-nghĩa, thì có xã Long-phượng thuộc huyện Mộc-hoa [nay là huyện Mộ-đức] theo lệ phải nộp thuế lụa là 2 tấm, 7 thước, 5 tấc, 8 phân, và được nộp tiền thay-thế là 11 quan, 2 tiền, 38 đồng.

Phủ Thăng hoa hàng [224b] năm phải nộp thuế lụa là 1.545 tấm.

Phủ Điện bàn và làng Phú-châu thuộc phủ ấy hàng năm phải nộp thuế lụa là 2.358 tấm.

Ngày trước, Đoan - quốc - Công [tức Nguyễn-Hoàng], lấy những tấm lụa để cống-hiến hay nộp thuế-khoá phải rộng 1 thước 7 tấc, và chiều dài phải 30 thước, còn bề dày thì phải thật dày-dặn như sợi bã mới được.

Thuộc Hoa châu trong phủ Thăng-hoa hằng năm phải nộp 809 tấm lụa thuế và 11 tấm lụa lễ. Các tấm lụa trên đều được chừa dựng vào 17 hòm để nộp lên cấp trên. Lụa thuế là để dâng lên Chính-phủ, còn lụa lễ là để tặng quan trấn, đó cũng là ý hay của người đời xưa vậy.



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN SÁU

Xứ Thuận-hoá có « Cầm-ty tượng » là đội « thợ dệt tơ gấm », nhưng đội ấy không được ngoài 10 người.

Chiếu theo nhân số đội đó, mỗi người phải nộp 1 bức gấm cho đội Tiều-sai thâu nhận để dâng nộp vào kho.

Một bức tơ gấm vuông trị giá 9 tiền. Một bức gấm dài chiếu theo giá hiện giờ là 6 tiền. Một bức tơ gấm mỏng [225a] trị giá 5 tiền.

Cũng có đời năm, Chính-phủ cho phép đội « Cầm-ty tượng » dùng tiền nộp thay cho thuế tơ gấm.

Tại xứ Thuận-hoá, mỗi năm, hễ đến tết Chính-đán [tiết mừng một tháng giêng], chức Tri-bạ-tàu phải dâng lễ một tấm hồng sò [sò đỏ], một tấm bạch-quyển hoa lãng, và được nộp tiền thay-thế là 10 quan.

Mỗi năm, đến ngày sinh-nhật của chúa Nguyễn, chức Tri-bạ-tàu cũng phải dâng lễ như trên.

Còn viên Cai-bạ-tàu, thì chỉ đến ngày sinh-nhật của chúa Nguyễn mới phải dâng nộp lễ là một tấm kim đoạn thứ thật [chân kim đoạn] và được nộp tiền thay-thế là 17 quan, một tấm hồng phương ty [tấm đoạn tơ đỏ và vuông] được nộp tiền thay-thế là 5 quan.

Đinh Quảng-nam có đội thợ dệt quang-lãng [lụa mỏng có hoa sáng]. Hằng năm, họ phải nộp các khoản tiền



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN SÁU

sai-dur, lễ thường-tân và thuế tiết-liệu bằng 46 tấm lụa quang-lãng.

Xã Thanh-hiếu thuộc huyện Mộ-hoa, phủ Quảng-nghĩa hằng năm phải dâng nạp 1.170 tấm vải trắng để thay-thế việc nạp sưu và bắt lính.

[225b] Các xã Đồng-di, Dương-nộ và Quân-lộ có sản-xuất thứ vải nhỏ.

Xã Yên-lưu [cũng thuộc huyện Phú-vang] thường sản-xuất các hàng lụa vàng và lụa trắng.

Huyện Phú-vang có những người làm thợ thêu rất khéo. Họ thêu đủ các kiểu hoa thùa, hoa dày khác nhau, và đều đẹp-đẽ cả.

Phần nhiều người đàn-bà trong huyện-hạt ấy ưa thêu cổ áo, cùng thêu những cái túi đựng trầu cau [tức cái ép].

Người xã Quảng-xuyên thuộc huyện Hương-trà rất khéo dệt mào « mã-vĩ » [mào hình như đuôi con ngựa] và hay dệt những hình con rồng, con phượng, cùng thêu các kiểu hoa « Vạn thọ », hoa « Tam-sơn » và hoa « Bát-bửu » cùng chế thêu khăn cho các nhà đạo-sĩ, trông thấp-thoáng như hàng sa màu huyền.

Người ta lại thường dùng hạt hồ-phách để khảm vào đỉnh mào.



## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN SÁU

Một huyện Khang-lộc, nhân-dân đều biết nghề dệt vải cả, mà không biết nghề dệt, chỉ có nhân-dân hai xã trong huyện ấy mà thôi.

Nhân dân xã Bình-xá và xã Võ-xá thuộc huyện Lệ-thủy [ngày nay hai xã ấy lại thuộc về phủ Quảng-ninh] đều [226a] lấy nghề dệt lụa làm nghề-nghiệp nuôi sống.

Năm Giáp-tý [tức năm 1744] là năm thứ 5 niên-hiệu Lê-Cảnh-Hung, Hiền-quốc-công nhà Nguyễn nhân được một người ở tỉnh Nghệ-an truyền nói câu sấm-ký « Bát thế hoàn Trung-đô » nghĩa là « đến tám đời thì trở lại Trung-đô ». Hiền-quốc-công tự nghĩ rằng: Từ Đoan-quốc-công [Nguyễn-Hoàng] đến bây giờ vừa đúng 8 đời, ông bèn tự xưng Vương-hiệu.

Ông theo những kiểu mào áo được vẽ sẵn ở trong quyền sách « Tam tài đồ hội » để làm mẫu-thức, rồi ông truyền lệnh: Võ-ban từ chức Chưởng-dinh đến chức Cai-đội, Văn-ban từ chức Quản-bộ đến chức Chiêm-hậu, chức Huấn-đạo đều phải y theo màu-sắc và hình-dạng được vẽ ở trong quyền sách mà chế áo mào; áo đều dùng hàng thái-đoạn là đoạn mũi, đoạn ngũ sắc.

Hạng người sang-trọng đều được dùng thứ áo « măng-bào »<sup>1</sup> có thêu « Thủy-ba ». Còn mào thì được trang-sức bằng vàng bạc.

1. Măng-bào là một thứ phẩm-phục do nhà Thanh sáng-chế. Măng-bào được thêu hình con rồng có 4 chân, kém thua con rồng một cái vuốt. Măng-bào thủy-ba là thứ áo măng-bào có thêu (màu) thủy-ba là (màu) sắc sóng nước lượn long-lanh.





## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN SAU

Chúa Nguyễn lại còn truyền lệnh bắt các hạng con trai, con gái trong hai xứ ấy phải thay-đổi hẳn cách ăn mặc, phải dùng những đồ xiêm, áo, giải, quần theo như người Trung quốc, đề tỏ cho mọi người đều thấy và đều biết ở đây đã có sự canh-cải hẳn lẽ-lối ăn mặc của người đời xưa.

Người ta khiến thay-đổi lối ăn mặc đến nỗi đàn-bà, con gái ở hai xứ này đều phải mặc thứ áo ngắn, chạt ống tay như áo của đàn ông. Tại Trung-quốc cũng không thấy có người đàn-bà nào ăn mặc lạ-lùng như vậy.

Chỉ trong khoảng hơn 30 năm, nhân-dân hai xứ Thuận-hoá và Quảng-nam đều quen thói ăn mặc như thế, họ quên cả phong-tục [226b] cũ của nước mình.

Đến khi quản của Vương-thượng [quản của Trịnh-Sum] vào cõi đất Thuận-hoá, có người ở huyện Đăng-xương là Trần-duy-Trung đã hiến một bài thơ trong đó có hai câu như sau :

« Bát đại yêm khan Tần pháp-lệnh,  
Bách niên phục đố Hán uy-nghi »

Nghĩa là :

« Tám thế chán xem Tần pháp-lệnh,  
Trăm năm lại thấy Hán uy-nghi »

Mùa xuân năm Binh-dần <sup>1</sup>, nha-môn Trấn-phủ được thiết-



## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYÊN SÁU

lập. Đến tháng 7 năm ấy, quan Hiệp trấn-phủ [tức Lê-Quy-Đôn tiên-sinh] mới hiểu-thị cho nhân-dân trong hạt từ đây về sau phải dùng y-phục của nước nhà đã có chế-độ từ xưa đến nay.

Địa-phương này [tức xứ Thuận-hoá], nguyên trước kia cũng tuân theo quốc tục, trong việc ăn mặc. Ngày nay vàng nhờ ơn đức Vương-thượng đã dẹp yên được chốn biên-phương, trong ngoài đã hợp đồng với nhau, thì chính-trị và phong-tục phải được thống nhất. Vậy những người nào hiện còn bận thường-phục mà vẫn theo kiểu áo quần người Tàu thì phải thay-đổi theo thể-chế quốc-tục. Còn cách cải-chế thì cứ phải y theo thể-chế nước nhà mà làm. Vậy từ nay y-phục phải đổi theo quốc-tục thì áo quần nên may bằng vải lụa thông-thường. Chỉ những quan-chức mới được phép dùng pha những hàng sa-la trùu-đoạn mà thôi. Còn những hàng [227a] gấm vóc cùng những hàng màu có thêu rồng, vẽ phượng, thì nhất luật không được quen thói tiếm dụng mặc thường như trước nữa.

Từ nay trở đi, đàn-òng và đàn-bà chỉ được mặc thứ áo ngắn tay và cổ đứng, còn cửa ống tay áo rộng hay hẹp thì được tùy tiện. Áo thì từ hai bên nách trở xuống cần phải khâu

---

1. Năm Bình-thân [tức năm 1776 là năm thứ 37 niên-hiệu Lê-Cảnh-Hung, Lê-Quy-Đôn tiên-sinh được phái nhậm chức Hiệp-trấn-phủ xứ Thuận-hoá. Thế mà trên đây lại ghi năm Bình-dần... thay vì Bình-thân. Đó là một sự sai-làm rất lớn.

Năm Bình-dần, tức là năm 1806 là năm thứ 5 niên-hiệu Gia-long nhà Nguyễn.



## PHỤ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN SÁU

liền vào cho kín, không được để hở-hang. Duy đàn-ông có muốn mặc thứ áo cổ tròn và cửa ống tay hẹp để làm việc cho thuận-tiện thì cũng được phép. Còn áo làm lễ thì phải dùng thứ áo cổ đứng và dài ống tay, hoặc dùng thứ vải màu xanh, hay màu đen, hoặc màu trắng thì tùy tiện.

Còn những cấp-bậc nào thì được dùng các thứ áo viền cổ, áo kép đều phải tuân theo những điều đã hiệu-thị tại năm trước mà chế dùng.

Nhân-dân xứ Thuận-hoá đã được thừa-hưởng một cuộc sống thanh-bình từ lâu đời, cho nên công chức cũng như tư-nhân, thấy đều giàu-có, đầy-đủ. Ở đây, họ dùng những hàng hoa-màu loè-loẹt để may áo quần. Hơn nữa, trải qua triều Hiều-quốc-vương là người hào-hoa phóng-túng, [227b] do đó, người ta bắt-chước nhau ăn mặc xa-xỉ rồi lâu ngày thành thói quen.

Trong hàng quan-viên, thì quan-lớn cũng như quan-nhỏ, không một người nào không có cửa nhà chạm-trờ, thềm đá, tường xây. Chăn màn của họ đều bằng các hàng sa-đoạn; khi-mãnh của họ đều bằng vàng, thau. Họ có sập ngòì, ghế tựa, màn sừ, chén hoa. Yên cương ngựa của họ đều được trang-sức vàng bạc. Quần áo họ đều may bằng hàng gấm vóc. Họ có chiếu rộng lớn kết bằng mây hoa. Họ sống một cách phong-lưu phú-quí, đua nhau khoe-khoang...

Những người sắc-mục ở trong dân-gian cũng bắt-chước mặc các thứ hàng sa-đoạn, cùng áo sa-lương, áo địa làm áo



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN SAU

mặc thường, còn mặc áo quần vải trắng thì họ lấy làm xấu-hỗ thẹn-thường.

Binh-lính cũng đều ngồi chiếu mây, ghế dựa, bên cạnh đặt lư-hương đốt trầm, pha chè Tàu ngon để uống, dùng chén sứ bịt bạc, ống nhổ bằng thau, đĩa bát ăn dùng, cái gì cũng mua-sắm của người Tàu cả, mỗi bữa cơm ăn đến ba bát lớn.

Đàn-bà con-gái đều mặc hàng tơ lụa, cổ áo thêu hoa, coi bạc [228a] vàng như cát, lúa thóc như bún, xa-xỉ thật là quá đáng.

Chức cựu Tham-mưu của nhà Nguyễn ngày trước là Lê-công-Bình có nói: Nguyễn-phúc-Thuần trước kia chỉ tin dùng một vị quan Quốc-phó là Trương-phúc-Loan. Họ Trương vốn là người tham-lam của-cải. Hễ thấy việc gì có lợi là ông ta giành trước mọi người.

Trong nhà ông ta chất-chứa vàng bạc, của-cải, lụa-là không biết bao-nhiều mà kể, thế mà ông ta vẫn chưa cho là đầy-đủ, vẫn chưa chán. Họ Trương lại còn dùng hai người cậu: một người làm chức Chưởng-thủy-Cơ, tên là Nguyễn-Noãn có tánh nghiện rượu, say-sưa suốt ngày, việc đời hoàn-toàn không hay biết gì hết. Còn người kia làm chức Hữu-trung-Cơ, tên là Nguyễn-Nghiêm có tánh hiếu sắc. Một mình anh ta lấy đến 120 người thiếp hầu, phòng nhà sau chứa đầy những châu ngọc.

Nói chung, nhà Nguyễn tin dùng người như thế, hay nói



## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN SAU

riêng, Trương-phúc Loan tin dùng người như thế, thì làm thế nào mà tránh khỏi bại-vong?

Năm Kỷ-sửu [tức năm 1769 là năm thứ 30 niên-hiệu Lê Cảnh-Hưng] Nguyễn-phúc-Thuần truyền lệnh cho các huyện [trong xứ Thuận-hoá] thành-lập ban « Du-xuân », cứ mỗi ban gồm 50 người, phải nạp tiền thuế [228b] mỗi người một quan. Nguyễn-phúc-Thuần tính-tính phóng-túng đến như thế!

Hiều-quốc-Vương có 15 người con trai :

Con-trưởng là Nguyễn-phúc-Hiệu, xưng hiệu là Đức-môi, mất sớm. Con thứ hai là Chưởng-vũ và con thứ ba là Chưởng-văn.

Còn Nguyễn-phúc-Thuần thì tuổi ít hơn mấy người kia. Và lại mẹ Phúc-Thuần cùng Hiều-vương là anh và em gái đồng đường, cho nên Phúc-Thuần được nuôi-nấng kín-đáo ở hậu-cung, và không được lập làm con nối ngôi.

Đức-môi cũng có con trai là Nguyễn-phúc-Dương, nhưng Hiều-vương cũng không sách-lập Phúc-Dương, mà chỉ muốn lập Chưởng-vũ. Hiều-vương lại còn căn-dẫn quan Nội-hữu là Ý-đức-hầu bảo-dưỡng trông-nom Chưởng-vũ.

Tháng 5 năm Ất-dậu [tức năm 1765 là năm thứ 26 niên-hiệu Lê Cảnh-hưng], Hiều-quốc-vương hoăng [ta thế].

Bấy giờ, chức quan Nội-hữu là Chủ-đức-hầu cùng với chức



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN SÁU

quan Nội-tả là Thận-đức-hầu giả-dối truyền di-mệnh của cố Hiều-quốc-vương cho quan Ngoại-tả là Trương-phúc-Loan đề lập Phúc-Thuần lên nối ngôi. Rồi họ bắt Chưởng-vũ hạ ngục và giết [229a] luôn Ý-đức-hầu.

Em của Hiều - quốc - vương là Thường Quận - công tên Chưởng-Vàng là người mà Trương-phúc-Loan từng nghi-ky ghen-ghét. Nay Phúc-Loan khiến người cáo-giác Thường Quận-công âm-mưu phản lại triều-đình, nhưng xét không có hình-tích bằng-chứng gì. Sau Phúc-Loan chỉ lấy việc Thường Quận-công có một khẩu súng riêng làm chứng-cớ để buộc tội Thường Quận-công và bắt giam vào ngục-thất được vài năm thì Thường Quận-công mắc bệnh ung-thư phát ở sau lưng rồi mệnh-một.

Đến năm Quý-ty [tức năm 1773 là năm thứ 34 niên-hiệu Lê Cảnh-hưng], « giặc Tây-sơn » là Nguyễn-văn-Nhạc [niên-hiệu Thái-đức] nổi dậy, rồi gửi ngụy thư cho chức Tham-muru tên Tá và trong thư lại giả - trá làm lời của Trương - phúc - Loan ngầm xúi-giục Tham-muru Tá làm loạn.

Tham-muru Tá đem việc đó báo cáo với Chưởng-văn đề nhờ Chưởng-văn xin với Phúc-Thuần hạ lệnh giao cho các vị tướng-lãnh họ Nguyễn cùng nhau tra-xét hỏi tội Trương-phúc-Loan.

Phúc-Loan hết sức chối-cãi, và sau xét diềm-tích [dấu diềm tay] không thực, nên không bắt tội họ Trương. Vì thế Phúc-Loan tình-nghi cho Tham-muru Tá đã bày-đặt ra câu chuyện



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN SÁU

ấy, rồi cho triệu-tập Tá về kinh-đô và tra-tấn. Nhưng Tá không chịu khai-xung điều gì cả, nên bị sát-hại.

Phúc-Loan lại âm-thầm sai-khiến người vu-cáo Chưởng-Văn cùng đồ-đệ tư thông với Tây-Sơn, rồi bắt giam vào ngục-thất. Bị giam được vài tháng, Chưởng-Văn [229b] trốn thoát, đi đến giữa rừng châu Bối-chánh. Sau vì có kẻ tố-giác, Nguyễn-phúc - Thuần mới bảo Trương - phúc - Loan sai người đi bắt Chưởng-Văn điệu về đến sông Tam-giang rồi chìm xuống nước chết ở ngay trong hồ. Bọn Trương-phúc-Loan giết người thăm-khốc như thế!

Trương-phúc-Loan chuyên quyền hơn 30 năm. Trong thời-gian này, Loan rất tham-tàn và giết-hại người rất nhiều. Loan được hưởng ngụ-lộc gồm Sái-nguyên, Thu-bồn nguyên, Trà-vân nguyên và Đồng-hương nguyên, hằng năm thâu thuế tại bốn nguyên ấy đến bốn năm vạn quan tiền.

Họ Trương lại còn trông coi các việc tàu thuyền [cai tàu vụ], kiêm quản-cơ Trung-tượng, quản-lãnh Hộ-bộ, cùng các việc lật-vật khác, hằng năm họ Trương lại thâu vào ba bốn vạn quan tiền nữa. Còn như vàng bạc, châu ngọc, của quý, gấm vóc, ruộng vườn, nhà cửa, đầy-tớ, trâu ngựa của Loan thì không biết bao nhiêu mà kể cho xiết.

Trương-phúc-Loan lại còn được biệt-phái quản-lãnh việc binh, hằng năm bắt quân-nhân phải nạp những lời tiền bị sứt-mổ, hư-hỏng xâu bằng dây mây, rồi gánh đến 5 gánh thật nặng.



## PHỤ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN SAU

Thường thường, mỗi năm đến mùa thu, nước dâng lên cao và chảy lan-tràn, làm cho hòm đựng vàng bị ướt, Loan đem [230a] vàng phơi trên một chiếc chiếu mây giữa ban ngày trời nắng, một sân đầy vàng sáng rực.

Gia-đình Phúc-Loan mỗi ngày ăn ba bữa, mà chỉ phát tiền chợ cho nhà bếp có 4 tiền, nên người bếp đi chợ mua đồ ăn, cứ mua ức-hiếp người ta, mà không một ai dám nói-năng, cãi-cọ gì cả.

Đến bữa cơm, các thức ăn đầy mâm, nhỡ ra mà Phúc-Loan nói còn thiếu một món ăn nữa, thì người bếp lập-tức phải chạy tứ-tung tìm mua cho bằng được món ăn đó, làm chợ búa xôn-xao. Nhưng Phúc-Loan lại không ăn được nhiều, chỉ ăn một chút nước mắm trắng cùng một bát canh rau mà thôi.

Mùa đông năm Giáp-ngọ [tức năm 1774 là năm thứ 35 Lê Hiến-tông], quân của Vương-thượng vào đến Hồ-xá, [2 cây số ở ngoài cầu Hiền-lương, ranh-giới chia đôi nước Việt-Nam hiện nay], rồi đưa thư kể tội-lỗi của Phúc-Loan. Những người trong họ Nguyễn thừa cơ-hội ấy nói với Phúc-Thuần bắt Phúc-Loan giải nạp trước quân-môn. Quân-nhân và nhân-dân Thuận-hoá hoan-hô quan quân triều-đình, rồi đua nhau đập-phá nhà-cửa và cướp-bóc đồ-đạc của Trương-phúc-Loan cùng tranh nhau chửi-rủa, nhổ nước miếng vào mặt Phúc-Loan cho hả giận.

Con trai của Phúc-Loan sai-khiến người đưa cho viên tỳ





## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN SÁU

hiệu [cũng như tỷ-tướng] của Việc Quận-công [Hoàng-ngũ-Phúc] là Tào-Nhuận 30 giạt vàng<sup>1</sup> để nhờ che-chở chu-toàn tánh-mạng cho Phúc-Loan.

Mùa xuân năm Ất-vị [tức năm 1775], Việc Quận-công vào kinh-thành Phú-xuân, giao-phó cho quân-nhân giam Phúc-Loan ở bên tả [230b] Nội-dinh, con Phúc-Loan lại nhờ cậy Tuân-thọ-hầu và xin nạp 30 giạt vàng cùng 200 giạt bạc để xin chuộc tội cho cha. Con Phúc-Loan còn đưa lén-lút cho những người giúp việc kê đến hàng ngàn vàng bạc.

Mùa xuân năm Bính-thân [tức năm 1776], vâng lệnh trên truyền giải Phúc-Loan tới kinh-đô [Thăng-Long], con Loan lại xin riêng với quan quân cho hoãn lại, và đút lót cho người đầy-tớ Việc Quận-công 2 giạt vàng, cùng đút cho những người dịch-mục 5 giạt bạc. Nhưng họ đều từ-khước, không nhận lễ-vật hối-lộ ấy, và hỏi hấn làm sao mà có nhiều vàng như thế, thì hấn nói phải cầm-thế và bán chác ruộng vườn.

Xứ Thuận-hoá, về của-cải châu-báu chẳng có bao-nhiều, nếu cần dùng thứ gì thì người ta phải lấy ở xứ Quảng-nam, vì xứ Quảng-nam là nơi ruộng-nương phì-nhiều thứ nhất trong thiên-hạ [tức trong nước ta].

Dân ở phủ Thăng-hoa và phủ Điện-bàn thuộc tỉnh-hạt Quảng-nam thì có nhiều người biết nghề dệt vải, lụa, thái-đoạn [đoạn có nhiều màu sắc], lãng-la [lụa mỏng có hoa], các hàng

1. Theo tự-điền Từ-nguyên thì mỗi giạt là 24 lượng.



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN SÁU

hoa khác vừa tinh-xảo, vừa đẹp mắt, không thua kém gì các thứ hàng bên tỉnh Quảng-dông [Trung-hoa].

Tại xứ Quảng-nam, ruộng đồng bao-la bát-ngát, lúa dé, ngô, kê tươi tốt đẹp-đẽ, cho đến các thứ hương-vị như trầm-hương, tấc-hương, cùng tê-ngu, [231a] voi, vàng, bạc, đại-mạo [đồi-mồi], châu-ngọc, bông-goòng, sáp-ong, mật, dầu sơn, cau tươi [binh-lang], hồ-tiêu, cá, muối, các thứ gỗ đều sản-xuất ở đây cả.

Tại ba phủ là phủ Qui-nhân, phủ Quảng-nghĩa và phủ Gia-định, lúa thóc không biết bao nhiêu mà kể, các khách buôn người Tàu thường tới những nơi ấy mua bán đã quen thuộc, ai ai cũng tấm-tức khen-ngợi.

Lại như ở mấy xứ Kê-lãnh, Thu-bồn và Phường-tây thuộc phủ Thăng-hoa và phủ Điện-bàn, loài voi được sản-xuất nhiều như trâu, ngựa, nhà dân đều có chăn nuôi voi cả. Ở phủ Qui-nhân và phủ Quảng-nghĩa cũng có voi.

Hạt Cô-diên và hạt Kê-thự thuộc phủ Qui-nhân đều sản-xuất nhiều ngựa. Ở đây ngựa thường sinh trong các hang núi, có từng đàn ngựa đến trăm, ngàn con. Có con ngựa cao đến 2 thước 5 tấc, và có con cao đến 3 thước trở lên. Người địa-phương thường dạy tập cho ngựa quen chuyên-chở các hàng-hóa đi tới phủ Phú-yên. Cho đến những người đàn-bà đi [231b] buôn-bán, đi chợ, hay đi những nơi xa-xôi, cũng thường thường cỡi ngựa.



## PHỬ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN SÁU

Dinh Quảng-nam có quan Cai-trung coi kho Tân-an là trường thâu thuế tô ruộng đất.

Mỗi năm, cứ đến tuần tháng ba, các quan-viên thuộc dinh ấy có lễ « Thường-tân » là lễ cơm mới.

Viên Cai-bạ, viên Ký-lục phải đóng-góp mỗi người 8 bao gạo, 40 vò cau khô, rượu và mật mỗi thứ đều 40 tĩn.

Các hạng lễ-vật kể trên đều được nạp tiền thay-thế mỗi người 24 quan.

Chức Cai-án và chức Cai-bạ mỗi người phải nạp 7 bao gạo hay nạp tiền thay-thế 20 quan.

Các chức Câu-kê phải nạp mỗi người 5 bao gạo, hoặc nạp tiền thay-thế 16 quan.

Từ chức Cai-hợp trở xuống không phải nạp mật, chỉ phải nạp mỗi người 3 bao gạo, hoặc nạp tiền thay-thế mỗi người 8 quan.

Các chức Thủ-hợp mỗi người phải nạp 2 bao gạo, hay nạp tiền thay-thế mỗi người 4 quan.

Còn các chức Ty-lại phải nạp tất cả 3 bao gạo, hay nạp tiền thay-thế cộng 6 quan.

Chỉ một lễ « Thường-tân » ấy, người ta đã thâu được 182 bao gạo, và 462 quan tiền.



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN SÁU

Đến tuần tháng sáu, [233a] lại có lễ « Thường-tân » nữa.

Viên Ký-lục phải nạp gạo lễ 20 bao, cau khô 100 vò, rượu và mật mỗi thứ 100 vò, hoặc nạp tiền thay-thế mỗi thứ 20 quan.

Các viên Câu-kê thuộc ty Tướng-thần-lại coi việc thâu thuế và phát lương mỗi người phải nạp 10 bao gạo, hoặc nạp tiền thay-thế mỗi người 33 quan.

Các viên Cai-hợp phải nạp gạo lễ mỗi người 10 bao, còn cau khô và rượu thì được nạp tiền thay-thế 16 quan.

Các viên Thủ-hợp phải nạp gạo lễ mỗi người 3 bao, còn cau khô và rượu thì được nạp tiền thay-thế mỗi người 6 quan.

Các viên Ty-lại phải nạp tất cả 10 bao gạo, còn 50 tĩn rượu thì được nạp tiền thay-thế 10 quan.

Chỉ một lễ « Thường-tân » này, người ta đã thâu được 254 bao gạo, và 739 quan tiền.

Còn Quan Cai-trung bộ Lại cũng nạp lễ « Thường-tân » gồm có cau khô, rượu và mật; những lễ-vật này được nạp tiền thay-thế 30 quan.

Đến như viên Ký-lục Quảng-nghĩa phải nạp lễ-vật không quá 2 bao gạo, rượu và mật mỗi thứ 10 tĩn, và tiền trâu 2 quan.

Phủ Điện-bàn cũng phải nạp số lễ-vật là cau và [233b] mật như phủ Quảng-nghĩa.



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN SÁU

Phủ Qui-nhân cũng nạp như thế, chỉ có viên Ký-lục và viên Đề-đốc phải nạp hai lễ, ngoài ra không ai phải nạp lễ-vật gì cả.

Các trường [tức các nơi] thâu thuế tô ruộng đất tại các phủ huyện cũng không phải nạp.

Còn như những tiết-lễ mỗi năm, cũng chỉ có quan lại dinh Quảng-nam phải nạp các hạng lễ-vật nhiều nhứt. Tức như tiết Chánh-đán [tức tiết Nguyên-đán là mừng một tháng giêng], họ phải nạp bạc lễ 25 thoi, 5 lượng, 8 đồng cân và 8 ly. Số bạc lễ này được nạp tiền thay-thế cộng 588 quan, 3 tiền, 36 đồng tiền cùng tiền trầu 10 quan.

Lễ sinh-nhật [tức lễ sinh-nhật chúa Nguyễn], các quan lại thuộc dinh Quảng-nam phải nạp lễ-ngân là 25 thoi, 3 lượng, 1 đồng cân, 3 phân và 3 ly. Số lễ-ngân này được nạp tiền thay - thế cộng 582 quan, 3 tiền, và 3 đồng tiền cùng tiền trầu 10 quan.

Về các lễ huý-nhật tiền-nhân nhà Nguyễn, có lễ thì các quan-lại dinh Quảng-nam phải nạp lễ-ngân 7 thoi, 3 lượng, 6 đồng cân, 6 phân và 1 ly. Có lễ thì họ phải nạp lễ-ngân 18 thoi, 7 phân [234a] và 1 ly. Có lễ thì họ phải nạp lễ-ngân 10 thoi, 3 lượng, 1 đồng cân, 3 phân và 1 ly.

Các lễ-ngân kể trên đều được nạp tiền thay-thế, cứ tính mỗi một lượng bạc được thế tiền 2 quan 3 tiền. Còn tiền lễ trầu thì cứ mỗi một lễ, họ phải nạp 10 quan tiền.



## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN SÁU

Đến như ty Xá-sai [coi về từ-tụng văn-án], hằng năm, về các ngày Chính-dán, ngày sinh-nhật chúa Nguyễn, cùng các ngày huý [tức ngày kỵ hay ngày giỗ] các đời trước chúa Nguyễn, cứ mỗi lễ, họ phải nạp 3 thoi, 2 lượng, 8 đồng càn. Số lễ-ngàn này được nạp tiền thay-thế cộng 75 quan, 4 tiền, 24 đồng tiền.

Tại xứ Thuận-hoà, cứ mỗi năm, đến tháng chạp, các tướng coi các dinh có dâng « Lạp-lễ »<sup>1</sup> là lễ « Chạp » lên chúa Nguyễn.

Lễ chạp này gồm một mâm bánh vuông [tức bánh chưng] được nạp 8 quan tiền thay-thế, một mâm thịt heo được nạp 5 quan tiền thay-thế.

Xứ Thuận-hoà có ngạch thuế mỡ-heo. Như năm Kỷ-sửu [tức năm 1769], các xã, thôn và phường thuộc các huyện trong phủ Triệu-phong phải nạp thuế mỡ-heo các chợ tại chức Ký-phủ đến 164 tĩn. Còn các chợ ở các phủ khác, cũng có nơi được nạp tiền thay-thế mỡ-heo, cứ tĩn mỗi tĩn mỡ-heo phải nạp 3 tiền thay-thế.

Xứ Quảng-nam cũng có thứ thuế [234b] mỡ-heo, nhưng nhưt thiết phải nạp tiền thay-thế, cứ mỗi tĩn mỡ-heo được nạp thế 5 tiền.

1. Lạp lễ là lễ tế chạp. Lễ này bắt đầu từ nhà Chu, cứ cuối năm thì tế « tất-niên » gọi là Đại-lạp. Chính vì thế nên tháng 12 cuối năm gọi là Lạp-nguyệt.



## PHỬ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN SÁU

Tại xứ Thuận - hoá, ngày lễ Chính-đán năm Canh-thìn [tức năm 1760], hai viên Cai-cơ<sup>1</sup> thuộc dòng-dõi Công-tộc [tức họ Nguyễn] chỉ dâng lễ mừng [mừng tuổi chúa Nguyễn] mỗi người 2 quan tiền trâu mà thôi. Còn 11 viên Cai-đội, thì mỗi người phải nạp 1 con heo và được nạp tiền thay-thế heo 10 quan. Còn tiền lễ trâu, thì có người nạp 10 quan, có người nạp 5 quan không như định. 10 viên Cai-cơ chỉ dâng tiền lễ trâu mỗi người 2 quan. 28 viên Cai-đội, như viên nào thuộc dòng-dõi Công-tộc thì phải nạp lễ Văn-ban 5 quan, và chỉ nạp mỗi viên 2 quan tiền lễ trâu mà thôi.

Đến như thuyền các cơ đội, thì thuyền nào thuộc cơ Trung-hậu chỉ phải nạp hoặc 8 quan tiền, hoặc 3 quan, hoặc 2 quan mà thôi.

Ngoài ra, một dinh có 25 cơ và 30 đội. Mỗi người Đội-trưởng phải nạp 1 quan tiền. Mỗi thuyền thuộc cơ nào cũng phải nạp 1 quan tiền. Thuyền Trung-hậu nội thủy phải [235a] nạp thêm tiền lễ trâu hoặc 3 quan, hoặc 5 quan. 12 thuyền « Thuộc-Kiên », thì viên Đội-trưởng cùng với những binh-lính trong thuyền đều phải nạp mỗi người 1 quan tiền đồng-đều nhau.

Trong các Tượng-cơ [cơ voi] thì chỉ có quan Tả-tượng-cơ

---

1. Về đời các chúa Nguyễn, những chức quan-trọng như chức Cai-cơ trở lên chỉ dành cho các người trong Công-tộc. Còn những chức kém quan-trọng như chức Cai-đội trở xuống mới giao cho những người bách tánh.



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN SÁU

phải nạp lễ heo và lễ trâu y như viên Cai-dội. Các quan Hữu, Tiền, Hậu cơ thì chỉ nạp mỗi người 1 quan tiền trâu mà thôi.

Còn binh-lính trong cơ Ngũ tượng thì đều phải nạp mỗi người 5 quan tiền.

Chúng tôi [tức tác-giả Lê-Quy-Đôn] chép ra đây những điều kể trên là để cho mọi người được thấy một cách đại-khái về quan quân nhà Nguyễn ngày trước như thế nào.

Nhân-dân hai xã Ly-khê và Tri-lễ thuộc huyện Phú-vang xứ Thuận-hoá khéo làm các thứ bánh.

Nhân-dân xã Mậu-tài [cũng thuộc huyện Phú-vang] khéo làm bánh hồ.

Tại xã Vu-lai thuộc huyện Quảng-diên có nhiều người làm nghề nấu rượu. Họ mua men ở phường Việt-dương, cứ 36 đồng tiền thì mua được 10 bánh men. Rượu họ nấu có vị êm-dịu mà ngọt. Với hạt nếp, hay hạt gạo, họ nấu rượu đều ngon cả.

Rượu do người xã Phú-lại nấu cũng ngon.

Nhân-dân ở làng Tây-thành thuộc huyện Phú-vang [235b] biết tự làm được men để nấu rượu. Nhưng rượu ở nơi đây có hơi nhạt.

Xã Thanh-hiếu [hay Thanh hảo] thuộc huyện Mộ-hoa [nay là huyện Mộ-đức], phủ Quảng-nghĩa, xứ Quảng-nam, hằng năm





## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN SÁU

phải dâng- nạp cho ty Lệnh-sử [ty chuyên-trách trông-coi các việc thờ-phụng các từ-miếu, các tiết-lễ...] 5 chĩnh rượu.

Hai huyện Đồng-xuân và Tuy-hoà [đều thuộc phủ Phú-Yên] theo lệ định, phải dâng-nạp mỗi huyện 20 chĩnh rượu.

Xã Ái-tử thuộc huyện Đăng-xương, cùng với xã Long-hồ, xã Tân-quán và phường Mỹ-xuyên thuộc huyện Hương-trà đều biết nấu đường phèn [thạch đường] và đường đen [hắc đường].

Đường Phồ-dăng [tục gọi là đường phôi] được sản-xuất ở phủ Điện-bàn. Thử đường này chất nhẹ và trắng, một miếng nặng 1 cân. Nhà Nguyễn thường phái quan Ký-lục dinh Quảng-nam [236a] đi mua thử đường này ở xã Đông-thâm thuộc châu Xuân-đài, có khi mua đến 300 cân, có lúc mua đến 800 cân để cung-phụng các lễ giỗ chạp.

Đường này được tính trả giá mỗi cân 34 đồng tiền, và không phải chịu thuế lệ.

Xã Tam-châu<sup>1</sup> biết làm đường phèn trắng [băng đường] và đường cát [sa đường]. Hằng năm xã này phải dâng nạp 48.320 cân, kể cả đường phèn trắng và đường cát để thay-thế khoản tiền sai-dư.

Mật đỏ [hồng mật] được sản-xuất ở thôn Nghĩa-lập thuộc

---

1. Trên đây thì ghi « Tam-châu xã », mà trong vi-ảnh lại ghi « Nhị-châu xã ». Vậy không biết nơi nào ghi đúng.



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN SAU

huyện Chương-nghĩa [nay là phủ Tư-nghĩa]. Hằng năm thôn ấy phải nộp 2.753 chính mạt đồ đề khấu trừ các khoản tiền sai-dur, cước-mễ, tiết-liệu, suru, lính, và 730 chính mạt ấy đề thế số thuế tô ruộng. Ngoài ra, thôn ấy còn phải nộp cho quan Cai-trường 20 chính mạt đồ nữa.

Xứ Thuận - hoá có thuế ruộng muối. Phường Kiên - mỹ thuộc huyện Hương-trà hằng năm phải nộp 20 lâu [giạ] <sup>1</sup> muối thuế.

Xã Diêm-trường và xã Phụng-chánh thuộc huyện Phú-vang hằng năm phải nộp 54 giạ muối thuế.

Xã Xuân-mỹ thuộc huyện Minh-linh hằng năm phải nộp 168 giạ muối thuế, và 50 giạ muối lễ.

[236b] Xã Di-luân [thuộc huyện Minh-linh], hằng năm phải nộp 60 giạ muối thuế, và 5 giạ muối lễ.

Xã Cừ-hà thuộc huyện Khang-lộc có ba trường [ba nơi] nộp thuế ruộng muối :

Trường Diêm-điền, hằng năm phải nộp 80 giạ 13 cân thuế muối.

Trường Bình-phước hằng năm phải nộp 77 giạ 27 cân thuế muối.

---

1. Lâu, theo Tự - điển Từ-nguyên, là khí - cụ bằng tre đan [biên trúc chi khí], tức là cái giỏ. cái giạ.



## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN SÁU

Trường Trấn-ninh hằng năm phải nạp 82 gia 15 cân thuế muối, và 16 gia muối lễ.

Xã Thanh-hà thuộc huyện Hương-trà phải nạp thuế đình bằng muối. Như năm Kỷ-sửu [tức năm 1769 là năm thứ 30 niên-hiệu Lê Cảnh-Hưng], xã ấy phải dâng-nạp đến 980 gia muối về thuế đình cùng 10 gia muối lễ.

Phường Kế-dăng [thuộc huyện Hương-trà], cũng trong năm Kỷ-sửu ấy, phải nạp đến 1.050 gia muối về thuế đình, và 10 gia muối lễ.

Xứ Thuận-hoá sau khi mới trở về qui-phụ với Triều-đình, nhân-dân địa-phương ấy chưa được bình-thường làm ăn sinh sống. Những lò nấu muối ở trong xứ đều bị bỏ hư-hỏng cả.

Trong số nhân-dân bán thành-thị, bán hương-thôn ở hai bên tả hữu thành Phú-xuân, có nhiều người dùng thuyền chèo ra ngoài cửa biển chở đầy mấy chục vò nước mặn đem về. Họ đổ nước mặn vào một cái sanh thật lớn, rồi nấu nước mặn sôi mãi, cho đến lúc cạn khô kết lại thành muối. Họ làm hao-phí biết bao-nhiều than củi mà chỉ được ít muối sắc đen và [237a] vị đắng, cũng phải miễn-cưỡng mà ăn.

Mãi đến mùa xuân năm Bình-thần [tức năm 1776], nha-môn trấn-phủ mới được thiết-lập, quan Trấn-phủ mới đi hiệu-thị cho nhân-dân địa-phương, cho phép mọi người đều được y theo nghề-nghiệp làm ăn như trước, nghiêm-cấm không ai được làm phiền-nhiều nhân-dân, miễn đánh thuế-má, sai, điều, và cho dân được thông-hành buôn bán.



## PHỤ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN SAU

Bấy giờ, nhân-dân các xã thôn ở gần miền biển dần-dần mở lò nấu muối, những nơi ruộng cát, đất mặn dần-dần được khai-khẩn, chẳng bao-lâu, người ta có muối ngon và trắng, không thua gì muối ở các nơi khác.

Đầu mùa xuân, một bát muối nhỏ trị giá 30 đồng tiền, mà đến đầu mùa thu, một bát nhỏ muối được hạ giá xuống, chỉ còn 6 đồng tiền mà thôi.

Trường muối ở xã Phụng-chánh thuộc huyện Hương-trà, cùng trường muối ở xã Minh-my và xã Di-luân thuộc huyện Minh-linh đều có tới mấy trăm lò nấu muối. Và chiếu theo lệ cũ nhà Nguyễn, tất cả các lò nấu muối đều phải chịu nộp thuế muối.

Phường Cồn-đầu và Đông-cao thuộc châu Nam-Bổ-chánh đã mở được 80 lò nấu muối.

Xã Cừ-hà và Nãi-thôn [thuộc huyện Khang-lộc] đã mở được 50 lò nấu muối. Nhưng đối với các lò nấu muối mới mở, nhà nước chưa bỏ thuế lệ.

[237b] Còn các xã buôn bán muối, trước kia có kê-khai số đình phải chịu thuế muối, mỗi xuất chịu nộp 3 gia hoặc 4 gia muối, bấy-giờ cũng chưa bỏ thuế. Nhờ vậy mà nhân-dân được làm ăn nuôi sống dễ-dàng, sinh-dục mỗi ngày mỗi tăng, vật-giá càng hạ, mà thuế-khoá nhà-nước càng dư-dụ. Người ta không phiền phải chuyên-chở muối từ tỉnh Thanh-hoá, tỉnh Nghệ-an vào, mà quan quân ở đầu dùng muối ở đấy cũng vẫn đầy-đủ vậy.



## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN SAU

Sông Thuận-hoá có thứ cá được gọi là cá Thệ, thân mình nhỏ, đầu giẹp. Người ta thường dùng cá ấy làm mắm. Còn cá ở biển thì có cá được gọi là cá Mai. Con cá Mai nhỏ nhất cũng giống như con cá Hức.

Ở biển Yên-môn có thứ tôm lớn hơn thứ tôm ở miền Đông-nam, tục gọi tôm ấy là tôm hùm.

Sông Phú-xuân có nhiều cá Lý, tục gọi là cá Gáy. Lại còn có loài cá giống như cá Gáy mà thân mình hơi giẹp, sắc vàng, mùi ngọt ngon như cá Giếc, tục gọi là cá Giày. Thứ cá Giày này cũng giống như thứ cá Vàng-mắt ở miền Hải-Dương béo mà lớn hơn.

Cá Giếc, thứ lớn được gọi [238a] là cá Chỉnh, thứ nhỏ được gọi là cá Chích [hay cá Trích]. Các con sông khác trong xứ Thuận-hoá cũng đều có thứ cá Giếc ấy, nhưng không béo bằng cá Giếc ở đầm và ở ao.

Phường Phước-yên thuộc huyện Phú-vang có một cái đầm lớn được đặt tên là đầm Sam. Đầm này sản-xuất nhiều cá Hậu<sup>1</sup> và loài ốc. Còn về phía ngoài như cửa biển Cảnh-dương [tức cửa Roon] thì không có thứ cá ấy.

Đầm lớn Hà-trung phải chịu thuế cá hằng năm đến hơn

1. Cá Hậu giống như loài cua, có 12 chân, dài đến 5 hoặc 6 thước ngày xưa. Loài cá Hậu này, con cá cái thường cõng con cá đực, cho nên người đi đánh cá, câu cá thường bắt được cả đôi đực cái. Người ta thường dùng thịt cá này làm tương.



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN SÁU

một nghìn quan tiền. Đầm này có thứ cá tên là cá Bôi rất béo và ngon. Đầm này cũng có nhiều loài cua có cao [cao-giải] mà tục thường gọi là cua Gạch. Trước kia có lệ định loài cua này được dâng hiến lên các vị vua chúa.

Cửa biển Nghệ-an cùng cửa biển châu Bắc Bỗ-chánh, trước kia không có loài ốc. Từ ngày Hiền Quận-công là Nguyễn-khắc-Liệt làm Trấn-thủ tỉnh Nghệ-an, ông mới phái ba chiếc thuyền đi đến tỉnh Quảng-yên giáp-giới với Khâm-châu [Trung-hoa] để lấy loài ốc đưa về thả xuống cửa biển Di-luân, nên [238b] đến nay nơi này mới có loài ốc. Nhưng vị ốc này chẳng ngon-lành gì.

Xứ Thuận-hoà có nhiều ruộng gặt về mùa hạ [hạ điền] mà ít ruộng gặt về mùa thu [thu điền]. Lúa gặt về mùa hạ được gọi là mùa chính. Còn lúa gặt về mùa thu được gọi là mùa trái.

Các huyện thuộc phủ Triệu-phong có nhiều giống lúa nếp như sau : Có thứ nếp được gọi là nếp **Mây**. Lại có thứ nếp được gọi là nếp **Kỳ-lân** mùi thơm và cơm mềm dẻo.

Hai thứ nếp này, cứ đến tháng 9 thì người ta gieo mạ, tháng 11 thì cấy, đến tháng 4 năm sau thì gặt.

Cũng có thứ nếp được gọi là nếp **Suốt**. Lại có thứ nếp được gọi là nếp **Hạt-cau**, và nếp **Mía**.

Các thứ nếp này cũng cứ tháng 9 thì người ta gieo mạ, tháng 11 thì cấy, đến tháng 4 sang năm sau được gặt.



## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN SÁU

Tại những đám ruộng sâu [thâm điền], thì đến tháng 12 mới trồng nếp.

Cũng có thứ nếp được gọi là nếp **Hương-bầu**. Thứ nếp này hạt lớn, mà mùi ngọt, thơm.

Cũng có thứ nếp được gọi là nếp **Ông-lão**. Nếp này cũng được gọi là nếp **Trâu** có mùi thơm và mềm-dẻo.

Các thứ nếp này [nếp Hương-bầu, nếp Ông-lão hay nếp Trâu] đều đến tháng 5 mới cấy, đến tháng 9 thì được gặt.

Còn giống thóc tẻ tức là lúa **Canh**<sup>1</sup> thì có người lại gọi là thóc **Sá**, hạt thóc đỏ, cứ đến tháng 11 thì [239a] cấy, và đến tháng 4 năm sau thu-hoạch.

Có thứ lúa được gọi là lúa **Chiên** [hay lúa **Chiêm**] hạt thóc thô mà sắc đỏ, cứ đến tháng 10 thì cấy, đến tháng 3 năm sau thu-hoạch.

Có thứ lúa được gọi là lúa **Hiếu**. Thứ lúa này hợp với những nơi ruộng cao. Lúa này có giống đỏ gạo, có giống lại trắng gạo.

Có thứ lúa được gọi là lúa **Xung**, hạt gạo có hơi đỏ, ưa cấy những nơi ruộng sâu.

Các thứ lúa này đều đến tháng 11 mới cấy, và đến tháng 4 sang năm thì gặt.

---

1. Lúa Canh là thứ lúa chín muộn, mà ít nhựa như lúa tám cánh.



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN SÁU

Có thứ lúa gọi là lúa **Nhe** [hay lúa **De**] ưa ruộng cao, hạt nhỏ mà dài, gạo cũng thơm. Lúa này đến nửa tháng 10 mới cấy, đến nửa tháng 3 sang năm thì được gặt.

Có thứ lúa gọi là lúa **Tám**, ưa cấy ruộng cao, hạt gạo nhỏ, sắc trắng xanh, mùi cơm ngọt và thơm.

Lại còn có thứ gọi là lúa **Ven**, cũng có người gọi là lúa *Nước-mặn*. Thứ lúa này ưa ruộng sâu, hạt lúa lớn, cấy tháng chạp, đến tháng 4 năm sau thì gặt.

Huyện Minh-linh có các giống nếp và thóc gặt về mùa hạ như sau :

Có thứ nếp gọi là nếp **Bò**, hạt thóc vàng, hạt gạo lại trắng, hạt lớn, mùi cơm thơm và dẻo.

Có thứ nếp gọi là nếp **Bột**, cứ đến tháng 11 thì cấy, đến tháng 4 năm sau thì chín.

Có thứ nếp gọi là nếp **Một**, hạt thóc và hạt gạo đều trắng, [239b] hạt nhỏ, cứng. Thứ nếp Một này, tháng 11 thì cấy, đến tháng 2 sang năm thì chín.

Có thứ nếp gọi là nếp **Lão**. Cũng có người gọi là nếp **Râu**. Thứ nếp này hạt thóc trắng, hạt gạo có mống nhọn. Hạt gạo tròn, lớn mà cơm thơm, dẻo. Cứ đến tháng 11 thì cấy, đến tháng 4 sang năm thì chín.

Có giống thóc tẻ [canh túc] được gọi là thóc **Bì-đỡ**. Thứ





## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN SÁU

lúa này hạt thóc đỏ, vỏ trắng mỏng, hột tròn mà gạo vàng, có thể để lâu ngày không bị sâu mọt. Gạo này thổi cơm rất dẻo. Cừ đến tháng 11 cấy, đến tháng 3 sang năm thì chín.

Có thứ lúa được gọi là lúa **Chiên**, hạt gạo đỏ, cơm thơm và dẻo. Thứ lúa này chín sớm, cừ đến tháng 11 thì cấy, tháng 2 sang năm đã chín.

Gặp những nơi đất thấp, người ta trồng thứ lúa **Bi-đỡ**. Thứ lúa này cũng ưa nước mặn.

Còn gặp những chỗ đất khô-khan, người ta trồng thứ lúa **Chiên**.

Lại cũng có thứ lúa được gọi là lúa **Nước-mặn**. Thứ lúa này, hạt thóc cũng như hạt gạo đều đỏ. Lúa này vốn ưa nước-mặn ở xứ nước-hai. Cừ đến tháng 11 cấy, và đến tháng 3 sang năm thì chín. Gạo lúa này thổi cơm cứng.

Còn giống nếp gặt về mùa thu thì có thứ nếp được gọi là nếp **Trắng**. Nếp này thóc [240a] trắng, vỏ, hạt dài, và gạo trắng, ưa cấy những nơi đất ướt. Cừ tháng 5 cấy, tháng 9 được gặt.

Còn các giống thóc tẻ thì có thứ được gọi là thóc **Chăm-bạc**. Thóc này ưa cấy những nơi đất ướt, hạt thóc vàng, hạt gạo lại trắng.

Có thứ thóc được gọi là thóc **Chăm-xa**. Cũng có người gọi



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN SÁU

là thóc **Chăm-hút**. Thứ thóc này, hạt thóc cũng như hạt gạo đều vàng. Cừ sau ngày Đoan-dương [tức ngày Đoan-ngọ là ngày mùng 5 tháng 5] cấy, đến tháng 8 thì chín.

Lại còn có thứ lúa được gọi là lúa **Vãi**. Lúa này chỉ ưa những đất khô-ráo, không ưa những ruộng có nhiều nước. Người ta chỉ cấy đất qua-loa, rồi vãi thóc giống xuống đất. Lại bừa qua đi một lần là cây lúa tự nhiên mọc. Lúa Vãi có hạt thóc đỏ vỏ, gạo lại trắng mà dẻo cơm. Cừ tháng 5 hoặc tháng 6 vãi lúa giống, đến tháng 9 thì lúa đã chín.

Trong các huyện Hương-trà, huyện Phú-vang và huyện Quảng-diên, có nhiều hạng ruộng về mùa thu mà lúa đến tháng 8 đã được gặt. Có khi đến ngày mùng 5 tháng 7 đã thấy có thứ lúa tẻ chín sớm.

Từ huyện Hải-lăng trở ra ngoài, các giống lúa đều gặt về tháng 9, tháng 10 cả.

Tông Bái-trời thuộc huyện Minh linh cùng với xã Mai-xá [cũng thuộc huyện Minh-linh], về giống lúa tẻ thì có những thứ lúa được gọi là lúa **Héo**, lúa **Vàng**. Cừ đến tháng 11 thì cấy, đến tháng 3 sang năm lúa chín. Lúa này [240b] hạt nhỏ dài, gạo trắng có mùi ngọt.

Có thứ lúa được gọi là lúa **Nhự**. Lúa này có mống nhọn, hạt thóc hơi lớn, trắng gạo.



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN SÁU

Có thứ lúa được gọi là lúa **Tám**, vỏ thóc đỏ, hạt gạo trắng xanh.

Có thứ lúa được gọi là lúa **Tẻ**, hạt thóc nhỏ, gạo trắng. Cứ tháng 5 người ta cấy, thì đến tháng 11 lúa chín.

Các thứ lúa này đều có gạo mùi ngọt và thơm.

Có thứ lúa được gọi là lúa **Bánh-lá**, hạt thóc nhỏ, hạt gạo trắng. Cứ đến tháng 5, người ta cấy, thì đến tháng 10 lúa chín. Lúa này có gạo dẻo mà không thơm.

Còn các giống nếp ở những nơi này thì có :

Nếp **Bầu-hương**, hạt thóc tròn, hạt gạo trắng.

Có thứ nếp được gọi là nếp **Bột**, hạt thóc đỏ, hạt gạo trắng và lớn. Tháng 11 cấy, thì tháng 3 sang năm được gặt.

Có thứ nếp được gọi là nếp **Kỳ-lân**, hạt thóc tròn lớn màu nâu. Vỏ thóc đỏ mà gạo lại trắng. Tháng 5, người ta cấy, thì tháng 10 nếp chín.

Các thứ nếp này [tức nếp Bầu-hương, nếp Bột và nếp Kỳ-lân] đều ngọt và thơm cơm, và cũng đều được dùng để cung-đốn nơi Nội-trù [nhà bếp trong nội cung vua chúa].

Có thứ nếp được gọi là nếp **Trúng**. Hạt gạo nếp này thật trắng. Cứ tháng 4 trồng thì tháng 9 nếp đã chín.



## PHỤ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN SÁU

Có thứ nếp không cần phải gieo mạ xuống ruộng, chỉ cần vãi giống ở Cồn-tiền cùng các cồn đất khô mà cây nếp cũng [241a] mọc. Cứ tháng 5, người ta vãi giống, thì đến tháng 10 nếp chín.

Có thứ nếp gọi là nếp **A-suất**, vỏ thóc đỏ, hạt gạo trắng.

Có thứ nếp được gọi là nếp **Con-Cút**, cũng có người gọi là nếp **Đa-đa**, vỏ thóc đỏ mà hạt gạo trắng.

Có thứ nếp **Na** [hay nếp Nưa], vỏ thóc đỏ dài, hạt gạo trắng, vị hơi mặn, dẻo và thơm.

Có thứ nếp **Mông** [hay nếp Mòng], vỏ thóc đen, hạt gạo lại đỏ.

Có thứ nếp **Sáp**, vỏ hạt thóc thì đỏ, mà hạt gạo lại trắng.

Các giống nếp kể trên, thóc cơm đều cơm khô và cứng. Chỉ có nếp Mòng thì cơm có hơi mềm dẻo.

Người ta hỏi những người ở các địa-phương ấy [tức tổng Bái-trời và xã Mai-xá] thì họ nói: Năm giống lúa là lúa **Canh**, lúa **Héo-vàng**, lúa **Nhự**, lúa **Tám** và lúa **Tẻ** chỉ hợp với đất ở tổng này. Ngoài ra đất các nơi khác, dầu có cấy các thứ lúa ấy, lúa cũng không được tốt. Có khi cấy lúa mà lúa chẳng sanh bông.

Huyện Lệ-thủy, dân-cư tại các hương thôn nối liền với nhau, đều là đất bùn-lầy và ruộng cát. Về mạn dưới gần hồ,



## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN SÁU

một giải đất rộng bao-la, bát-ngát, còn ruộng thì chỉ có những ruộng bùn-lầy, một năm hai mùa lúa tẻ.

Giống lúa Canh về mùa hạ thì có thứ lúa **Chiên-thông**, vỏ thóc và hạt gạo đều trắng, [241b] hạt nhỏ, ưa cấy những ruộng đất cát. Tháng 11 cấy, thì đến tháng 4 sang năm lúa chín.

Có thứ lúa được gọi là lúa **Nước-mặn**, vỏ thóc trắng, gạo lại đỏ, hạt lớn, ưa cấy nơi ruộng sâu. Cứ tháng giêng người ta cấy, thì tháng 5 lúa chín.

Còn các giống nếp thì có thứ tên là nếp **Mang**, vỏ thóc đỏ, hạt gạo lại trắng.

Có thứ nếp tên là nếp **Hạt-cau**, vỏ thóc đỏ, hạt gạo trắng, ưa cấy ở ruộng sâu. Cứ tháng chạp cấy, đến tháng 4 sang năm nếp chín.

Còn giống lúa về mùa thu thì có thứ lúa **Chăm-hót**, vỏ thóc đỏ mà hạt gạo nhỏ. Thứ lúa này cấy xuống ruộng bùn-lầy hay ruộng đất cát đều thích-hợp cả. Gạo lúa này thời cơm dẻo. Cứ tháng 3 người ta vãi mạ, đến tháng 5 tháng 6 cấy lúa non, đến tháng 8 lúa chín.

Còn giống nếp thì có thứ nếp **Trúng**, vỏ thóc và hạt gạo đều trắng, hạt tròn cứng, thứ nếp này ưa cấy những ruộng đất cát. Cứ tháng 6, người ta trồng cây nếp con, thì đến tháng 10 nếp chín.

Có thứ nếp được gọi là nếp **Bầu-hương**. Nếp này có hoa



## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN SAU

trắng, vỏ thóc có lòng, gạo trắng, hạt tròn và lớn, thối cơm mềm-dẻo, có mùi nhạt. Nếp này ưa cấy những ruộng phù-sa cùng những nơi gần người ở đề [242a] có phân bón. Cứ tháng 6, người ta cấy, thì đến tháng 10 nếp chín.

Có thứ nếp được gọi là nếp **Chăm**, hoa trắng, vỏ thóc đỏ, có râu, gạo trắng mà tròn, lớn hạt, thối cơm có mùi thơm, dẻo và có hơi mặn. Nếp này ưa cấy những ruộng bùn-lầy. Cũng cứ tháng 6, người ta cấy, thì đến tháng 10 nếp chín.

Huyện Khang-lộc lại có nhiều giống lúa **Nước-mặn**.

Còn các giống lúa nếp, thì huyện Khang-lộc cũng đồng với huyện Lệ-thủy. Duy huyện Khang-lộc không có hai giống nếp **Bầu-hương** và nếp **Chăm** như huyện Lệ-thủy.

Tại Tổng Bái-trời cũng xã Mai-xá thuộc huyện Minh-linh, ruộng đất đều là quan điền [ruộng công]. Lúc này, có người thuê mướn ruộng cấy, thuê một mẫu đến 50 quan hoặc 60 quan tiền kềm, giá tương-dương với 17, 18 hay 20 quan tiền đồng.

Cứ mỗi một năm, hết mùa cấy-cấy, người mướn ruộng lại giao trả ruộng cho người đứng cho mướn.

Còn những nơi đất khô-ráo, người ta chỉ cấy xong và bừa sơ-sài, vãi giống xuống, rồi lại bừa qua-loa, sau ba ngày, lúa tự-nhiên mọc [242b] tươi tốt.

Theo tục thường nhân-dân ở địa phương ấy, hễ cấy trâu đực, thì người ta chỉ cấy một con. Còn như cấy trâu cái, thì



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN SAU

họ dùng hai con. Lúc này, giá trâu nhảy vọt lên quá cao, một con trâu lớn trị giá đến 120 quan tiền kềm, giá ngang với 40 quan tiền đồng. Còn trâu nhỏ cũng phải mua đến 80 quan tiền kềm, mỗi con, giá tương-đương với 27 quan tiền đồng. Các huyện khác trong xứ Thuận-hoá giá trâu cũng đều như thế cả. Riêng trong huyện Hương-trà thì giá trâu lại còn đắt hơn các huyện khác.

Về ruộng công-diễn tại huyện Lệ-thủy và huyện Khang-lộc, buổi trước, người ta thuê-mướn một mẫu ruộng để làm ăn, mỗi mùa không quá 3, 4 quan tiền. Ngày nay thì mỗi mẫu, mỗi mùa, người ta phải mướn đến 20 quan tiền kềm, giá tương-đương với 6 quan 3 tiền tiền-đồng, mà cũng rất ít người cho thuê-mướn ruộng. Bởi vì số người thì nhiều mà số ruộng đất thì ít, đem chia hạng ruộng đất mà cấp-phát cho nhân-dân chẳng qua mỗi người chỉ được 5 hoặc 6 sào mà thôi, chỉ vừa tạm đủ cho một người làm để tự nuôi mình, vì vậy mà có nhiều người tình-nguyện đăng lính để được cấp-phát thêm ba phần ruộng nữa.

[243a] Đất Đồng-nai thuộc phủ Gia-định, từ các cửa biên lớn và nhỏ như cửa Cần-giờ, cửa Sài-lạp đi vào, toàn là những đám rừng hoang-vu đầy cỏ rậm, mỗi đám rừng có thể rộng hơn nghìn dặm mà nhà Nguyễn ngày trước đã chiếm được qua những trận đánh nhau với nước Cao-miền. Lấy được đất của Cao-miền rồi, nhà Nguyễn mới cho chiêu-mộ những người dân có vật-lực từ các xứ Quảng-nam, phủ Điện-bàn, phủ Quảng-nghĩa, và phủ Qui-nhân thiên-cư vào ở đất Đồng-nai thuộc phủ Gia-định. Những người di-cư mới ra sức chặt phát cây-cối,



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN SÁU

cắt cỏ rậm và mở-mang đất-đai thành những vùng đất bằng-phẳng, thổ-địa phì-nhiều. Nhà Nguyễn lại cho dân được tự-tiện chiếm đất mở vườn trồng cau và xây-dựng nhà cửa. Lại cho họ thâu-nhận những con trai, con gái người Mọi từ trên đầu nguồn xuống, để mua làm đầy-tớ, đũa-ở, sai - khiến hầu-hạ <sup>1</sup>. Bọn người Mọi này cùng nhau kết thành đôi-lúa vợ chồng, sinh-dục thành nhiều người, đều ra sức làm ruộng để tạo-lập sản-nghiệp riêng. Nhờ vậy mà miền Gia-định có rất nhiều lúa thóc. Những người giàu có ở các địa-phương, nơi thì có bốn năm mươi nhà, nơi thì có hai ba mươi nhà, mỗi nhà có hạng đầy-tớ làm ruộng hoặc đến năm sáu mươi người. Mỗi gia-đình có thể nuôi hơn ba bốn trăm con trâu bò, cày-bừa, trồng-trọt, cấy-dầm, gặt-hái, [243b] bận-rộn suốt ngày, không lúc nào nghỉ-ngơi.

Hằng năm, cứ đến tháng 11, và tháng chạp, người ta thường xay, giã lúa thóc thành gạo đem đi bán lấy tiền tiêu-dùng vào những lễ tiết chạp. Còn từ cuối tháng giêng trở đi, họ không còn thi-giờ rảnh-rỗi để xay giã lúa thóc.

Những lúc bình-thường, người ta chuyên-chở gạo thóc ra bán tại thành Phú-xuân để đổi-chác hay mua-sắm những hàng vóc, nhiễu, trứu-đoạn của người Tàu đem về may mặc, nên

1. Theo trong bản vi-ảnh chép: thì những người Mọi da đen, tóc quăn, là chính giống Mán, mỗi người Mán lúc bấy giờ phải mua đến 20 quan tiền. Còn những người Mọi hơi trắng thì chỉ mua mỗi người hơn 10 quan tiền.





## PHỤ BIÊN TẬP LỤC QUYỀN SÁU

quần áo của họ toàn là hàng hoa-màu tươi tốt, đẹp-đẽ. Ít khi họ dùng những áo quần bằng vải trắng.

Còn về đất-đai miền Đồng-nai Gia-định thì có nhiều khe, ngòi, nhiều đường thủy chằng-chịt khắp nơi, nên không tiện đi bộ.

Những người đi buôn-bán có chuyên-chở bằng những thuyền lớn, cũng đều phải chở kèm những thuyền nhỏ để đi thông vào các kênh.

Từ cửa biển đi lên đến đầu nguồn, người ta phải đi đến sáu bảy ngày, toàn đi qua những đồng ruộng bao-la bát-ngát, mắt trông chẳng thấy bờ ruộng ở đâu. Ruộng đồng bằng-phẳng, mênh-mông đến như thế!

Đất-đai miền Đồng-nai Gia-định rất thích-hợp với các giống lúa Dé, lúa Nếp và lúa Tẻ. Các giống lúa và nếp ở đây đều trắng gạo và thối cơm rất dẻo.

Về các loại thóc Tẻ thì có thứ được gọi là thóc **Mặc-cưỡi**, hạt thóc nhỏ mà dài, hạt gạo trắng như vãn gấm, gạo rất thơm cơm.

Có thứ thóc được gọi là thóc **Cà-đông** [hay Cà-nong], hạt thóc lớn, hạt gạo rất trắng.

Có thứ thóc được gọi là thóc **Móng-tay** [hay Mông-tây], hạt gạo tròn trắng. [244a] Gạo này thối cơm rất nở, nên ăn cơm no lâu, chắc bụng.



## PHỦ BIÊN TẠP LỤC QUYỀN SÁU

Còn các giống nếp thì có thứ nếp được gọi là nếp **Mướp**. Nếp này hạt lớn mà dài, trắng gạo, thơm cơm và dẻo.

Có thứ nếp được gọi là nếp **Mây**. Thứ nếp này, hạt dài lớn, thối cơm dẻo và béo.

Có thứ nếp được gọi là nếp **Than**. Nếp này, hạt nhỏ, đen, thối cơm dẻo và béo.

Có thứ nếp được gọi là nếp **Tre**. Nếp này, hạt nhỏ như hoa tre, thối cơm thơm và dẻo.

Lại còn có thứ nếp được gọi là nếp **Sáp** [hay nếp Lạp]. Nếp này, vỏ đỏ, hạt lớn, gạo trắng, thối cơm thơm và dẻo.

Các giống nếp đã được kể ở trên đều đến tháng 5 thì người ta gieo mạ hay gieo giống, đến tháng 7 thì cấy lúa con, và đến tháng 11 thì lúa chín. Bảy giờ người ta thu hoạch, đến tháng giêng năm sau, công việc gặt-hái mới xong, và đến tháng 2 mới làm thóc, nghĩa là đập thóc hay lã, trục thóc.

Miền Đồng-nai Gia-định sản-xuất rất nhiều cau, cho nên ngạn-ngữ có câu: « Thóc nhứt cau nhì » hay « Nhứt thóc nhì cau ».

Dân các địa-phương miền Đồng-nai Gia-định thường không hái cau. Họ để cho trái cau tự già rũ ở trên cây, đến sau họ chỉ lượm nhặt hạt cau đem xuống bán cho các khách buôn người Tàu.

PHỦ-BIÊN TẠP-LỤC  
QUYỀN SÁU HẾT



## Bài Bạt<sup>1</sup> Đề Ở Cuối Bộ Sách «Phủ Biên Tạp Lục»

[245a] Xứ Thuận - hoá ở về miền biên - cương phía Nam nước ta.

Đầu đời Trung-hưng [tức Lê Trang-tông] nhà Hậu-Lê, nhà Nguyễn [tức Nguyễn-Hoàng] lấy tư-cách một bực huân-thần<sup>2</sup> và ngoại-thích, đứng ra nhận-lãnh công-việc Triều-đình giao-phó coi về quân-sự và thuế-khoá tại xứ Thuận-hoá.

Nhưng dần-dần về sau, nhà Nguyễn không gin-giữ các lễ-nghi chức cống<sup>3</sup> nữa.

---

1. Bạt có nghĩa đen là gót chân. Bài Bạt là bài văn viết ở cuối quyển sách hoặc ở cuối quyển thơ, trái với bài Tựa [bài tựa] là bài văn đề ở đầu quyển sách, hoặc ở đầu quyển thơ.

2. Huân-thần là bực nhân-thần, bực trọng-thần có công-nghiệp lớn-lao đối với vua, với nước như cụ Ưc-trai Nguyễn-Trãi chẳng hạn.

3. Ngày xưa, chư-hầu vào chầu Thiên-tử xưng là Thuật chức, nghĩa là trình-bày công-việc mình làm với vua Thiên-tử. Đời sau, các quan ngoài vào chầu vua, cũng xưng là Thuật chức.

Cống là dâng, là tiến cống. Cống là thuế cống, là thuế ruộng đất. Vậy «Chức cống» là vào chầu vua, và nạp thuế cho nhà vua.



## PHỬ BIÊN TẬP LỤC BÀI BẠT

Các Triều-đại nhà Lê cũng nghĩ tình huân-thích, đành tạm bỏ qua, không nỡ để lòng trách giận.

Thế rồi, từ sông La-hà<sup>1</sup> trở vào phía Nam được coi như một cõi đất nước khác.

Từ 200 năm trở lại đây, châu Bồ-Chánh được chia cắt ra làm hai thuộc riêng biệt, người ta lấy một con sông làm giới-hạn, cho nên những việc xảy ra về phía Nam sông La-hà, mọi người chúng ta đều mờ-mịt, không ai hay biết gì hết.

Sĩ này [Ông Ngô-thời-Sĩ tự nói] lúc thiếu-thời có được đọc quyền sách « Ô-châu cận-lục »<sup>2</sup>, Sĩ chỉ khảo-cứu cương-vực miền Ô-Châu ở trên giấy-tờ, sách-vở, nên chỉ biết sử-liệu miền Thuận Quảng một cách đại-lược mà thôi.

Lại nữa, quyền sách ấy được lưu-truyền lâu ngày, đã bị mối-mọt cắn rách-nát gần hết, lắm chữ xem không được rõ-ràng.

Mùa đông năm Giáp - ngọ [tức năm 1774 là năm thứ 35 niên-hiệu Lê Cảnh-hưng], vàng đức Thánh-Thượng đặc-biệt

---

1. La-hà là con sông ở tỉnh Quảng-bình, cách thành-phố Đồng-hới chừng 2 hay 3 cây số về phía Nam, và gần làng La-hà là một làng văn-vật trong tỉnh Quảng-bình.

2. Quyền « Ô-châu cận-lục » do chức Cấp-sự-trung đời nhà Nguyễn-Mạc là Dương-văn-An biên-soạn. Sách ấy nói về hình-thể, sơn xuyên, phong-tục tập-quán, thổ-sản và nhân-tài v.v... của Ô-châu tức là Thuận-hoá và Quảng-nam.



## PHỦ BIÊN TẠP LỤC BÀI BẠT

lưu-ý đến vấn-đề binh-định đất nước, mới tự làm tướng xuất quân đi đánh. Chỉ trong một trận đánh mà quan quân ta đã thu-phục được thành Phú-xuân, thâu-hồi tất cả đất đai đã bị mất, và thống-nhứt lại dư-đồ đất nước.

Mùa xuân năm Bính-thân [tức năm 1776 là năm thứ 37 niên-hiệu Lê Cảnh-Hưng], Quế-đường [245b] Tướng-công<sup>1</sup> của chúng ta nhận lãnh chức Hiệp-trấn-phủ xứ Thuận-hoá kiêm chức Tham-thị Tham-tán quân-cơ hai đạo Thuận-hoá và Quảng-nam.

Mùa thu năm ấy [tức năm Bính-thân], Lê Tướng-công có dịp trở về Triều-đình. Tướng-công có cho tôi xem quyển sách « Phủ-biên tạp-lục » này, trong đó Tướng-công đã ghi-chép đầy-đủ non sông, ngạch binh, lệ thuế, nhân-tài, sản-vật v.v... hai xứ Thuận-hoá và Quảng-nam, cùng với những việc nhà Nguyễn truyền nối ngôi chúa, gốc ngọn các việc chinh-phạt, thay đổi v.v... mọi việc đều được biên chép rõ-ràng như chỉ trong bàn tay.

Bất kỳ người nào được đọc quyển sách này cũng đều phải nhìn-nhận Tướng-công là một nhà bác-học uyên-nguyên thâm-thúy. Còn đối với Sĩ này thì Sĩ nức-nởm khen-ngợi Tướng-công hết lời. Như thế, Sĩ tự biết về Tướng-công cũng còn nông-cạn lắm.

---

1. Quế-đường Tướng-công là Lê-quí-Đôn tiên-sinh, bởi vì Quế đường là biệt-hiệu của Lê tiên-sinh.



## PHỦ BIÊN TẬP LỤC BÀI BẠT

Tướng-công là một bậc văn-chương nổi bật nhất trên đời, thi đậu đến « Tam-nguyên » và « Cặp-đệ » <sup>1</sup>, thanh-danh lừng-lẫy, được cả nước ta và nước Trung-hoa đều kính trọng.

Tướng-công quả là tay lãnh-tụ trong giới văn-học nước nhà. Còn về học-vấn của Tướng-công thì không cần phải bàn-bạc thừa lời vô-ích.

Trước đây, Tướng-công còn ở nơi tướng-phủ đề phụ-bạt triều-đình, Tướng-công đã tỏ ra một vị quan có mưu-định và siêng-năng; về các việc binh, dân, tài-chánh, thuế-khoá, Tướng-công đều có một kế-hoạch mới-mẻ. Tuy việc trong bộ rất phiền-phức, nhọc-nhằn, mà Tướng-công bao giờ cũng ứng-phó một cách thung-dung, thỏa-dáng.

Tướng-công đã có tài cao hơn người đời, mà độ-lượng lại vô cùng rộng-rãi, như không có một việc gì hệ-lụy, thắc-mắc ở trong lòng cả. Tất cả mọi người trong thiên-hạ, không cứ người hiền hay kẻ bất-hiền đều được [246a] Tướng-công dụng nạp. Ấy lại là một thái-độ của Tướng-công hơn người đời nữa.

Còn về việc « ký-vấn » « trước-thuật », chẳng qua là cái tinh-hoa thừa-thãi của Tướng-công mà thôi. Muốn biết tài-năng

---

1. Tam-nguyên là Hương-nguyên, Hội-nguyên và Đình-nguyên, nghĩa là thi Hương ở tỉnh, thi Hội ở Kinh-đô và thi Đình ở bên vua đều được đỗ đầu cả.

Cặp-đệ là đỗ đệ nhất giáp. Chỉ có Trạng-nguyên, Bảng-nhãn và Thám-hoa là *đệ nhất giáp Tiến-sĩ Cặp-đệ*. Còn Hoàng-giáp là *đệ nhị giáp Tiến-sĩ xuất thân* cùng Tiến-sĩ là *đệ tam giáp đồng Tiến-sĩ xuất thân*.



## PHỦ BIỆN TẬP LỤC BÀI BẠT

của Tướng-công ở nơi miếu-đường, mà lại đi tìm công-phu ở nơi kỹ-án, thì làm sao mà thấy cho đến nơi đến chốn được.

Nói về bốn phía biên-thùy của nước ta, thì xứ Thuận-hoá và xứ Quảng-nam ở về phần cực-nam, có nước Chiêm thành và nước Tiêm-la bao-bọc, có châu Hoan và châu Diên làm hàng rào-giậu che-chở. Vậy thì Nam-thùy quả thật là một nơi trọng trấn. Nay hai xứ Thuận-hoá và Quảng-nam vừa được bình-định xong, nước thì như nước mới được xây-dựng, dân thì như ngoan-dân nhà Ân thừa trước. Việc thay-đổi chính-sách và phong-tục, trừ tàn-bạo, bỏ sát-phạt ấy là trách-nhiệm quan-trọng của người cầm-quyền cai-trị ở nơi biên-cương. Đối với một xứ mới được bình-định, thế nào cũng phải một phen sắp-đặt, cũng cần phải có tài-liệu nghiên-cứu, khảo-chứng, thì bộ sách này chép việc đã đầy-đủ, nghĩa-lý đã tinh-tường, mà đại-chỉ lại là yếu-điểm của việc thi chánh lập trị.

Trù-hoạch mưu-lược ở trên chốn Triều-đình, mà thi-hành chính-sách ở ngoài nghìn dặm, [246b] người ta đều có thể tìm thấy ở trong bộ sách này. Ấy lại là điều sở-trường mà Tướng-công chúng ta hơn người đời nữa, chẳng những là công việc ghi-chép tầm-thường mà thôi vậy.

Sĩ này thật là kẻ tầm-thường nông-cạn, đã được Tướng-công bao-dung từ lâu ngày, và được gần-gũi Tướng-công những khi cười nói, được tiếp-xúc dung-nhan, nghi-phạm của Tướng-công, nên Sĩ này đã từng mến-phục Tướng-công vô hạn.

Tướng-công trước-tác sách-vở rất nhiều. Những bộ



## PHỦ BIÊN TẠP LỤC BÀI BẠT

sách của Trương-công mà Sĩ đã được xem qua, Sĩ đều muốn làm bài tự-bạt đề lời nói của mình được lưu-truyền về ngày sau.

Nhưng văn-từ khó-khăn cùng-quần, nên chưa từng viết được một bài nào đáng gọi là văn-chương cả.

Mùa đông năm Đinh-dậu [tức năm 1777 là năm thứ 38 niên-hiệu Lê Cảnh-hung], Sĩ này phụng mạng đi công-cán lên tỉnh Lạng-Sơn, trong lúc sửa-soạn hành-trang, nhân tìm được bộ sách « Phủ-biên tạp-lục » này, xin đem trả lại Trương-công.

Và sau đây, Sĩ xin lược thuật mấy lời ở cuối bộ sách ấy để làm kỷ-niệm vậy.

Ngày mùng 1 tháng 10 năm thứ 38 niên-hiệu Lê Cảnh-hung [1777].

Từ Binh-tuất khoa chánh Tiến-sĩ, phụng sai Lạng-sơn xứ Đốc-trấn, Hàn-lâm-viện hiệu-lý, Thanh-Oai, Ngô-phong Ngô-Sĩ<sup>1</sup> Thế-lộc bái thủ cần bạt.

---

1. Ngô-Sĩ tức Ngô-thời-Sĩ, quán làng Tả Thanh-Oai, huyện Thanh-Oai, tỉnh Hà-Đông, là thân-phụ ông Ngô-thời-Nhậm, đậu Tiến-sĩ, phụng mạng đi sứ nhà Thanh, được vua Quang-Trung trọng dụng.

Ngô-thời-Sĩ là một sử-gia lỗi-lạc dưới triều-đình nhà Lê, và là tác-giả quyển Việt-Sử Tiêu-Án.





## **PHỦ BIÊN TẠP LỤC BÀI BẠT**

**Nghĩa là :**

Vâng sắc ban cho đậu Chánh Tiến-Sĩ khoa Bính-tuất, và phụng mạng sai phái làm chức Đốc-trấn xứ Lạng-sơn với hàm Hàn-lâm-viện hiệu-lý, quán huyện Thanh-Oai, bút-hiệu Ngọ-phong, tự Thế-lộc, Ngô-Sĩ kính-cần bái đề bài Bạt này.

**PHỦ-BIÊN TẠP-LỤC  
BÀI BẠT HẾT**



## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Quyển Bốn : NÓI VỀ THUẾ KHOÁ . . . . .	7
Quyển Năm : MỤC NHÂN TÀI VÀ VĂN CHƯƠNG .	91
Quyển Sáu : SẢN VẬT . . . . .	369



## BẢNG ĐÍNH CHÍNH

THỨ TỰ	TRƯỞNG	HÀNG	NHỮNG CHỮ IN SAI	XIN SỬA LẠI
1	75	19	Nguyễn-phúc-Chu	Nguyễn-phúc-Khoát
2	128	7	Lý-thực-Cơ	Lý-tự-Cơ
		(chú - thfch)		
3	181	7	VĨnh-hựu	Vĩnh-hữu
4	248	13	觸觸物	觸物 (xúc vật)
5	288	2	chị hằng	Chị Hằng.
6	309	13	Chấn-chấn	Chắc-chấn
7	360	1	Ký-tác	Ký-thác.
8	377	10	Như mía nướng màu sắc...	Như mía nướng, màu sắc...
9	378	22	Một lường dầu và 3 quan	Một lường dầu là 3 quan.
10	380	20	sai-đôi trường thuyền	sai đội-trường thuyền...
11	381	3	Rời hội tính...	Rời họ tính...
12	382	16	Thành Phú - xuân ; có...	Thành Phú-xuân có...
13	387	3	Uốn nhỏ lại	Cuốn nhỏ lại

SÁCH NÀY IN 2000 QUYỂN  
TẠI NHÀ IN VIỆT HƯƠNG  
34 ĐẠI LỘ LÊ LỢI SAIGON  
IN XONG NGÀY 17 - 7 - 1973



撫邊雜錄





## 撫邊雜錄卷之四

黎貴淳允厚甫撰

周官有闡市之賦有山澤之賦固如今之遠稅市如今之市  
 稅山如場礪澤如潭池之稅是也山澤各有差戾官大山大  
 澤各設中士四人下士八人中山中澤下士六人小山小澤下  
 士二人川林各有衙官大山大川下士二人中林中川六人  
 小林小川二人其屬府吏司徒亦多古之人豈以為與民  
 牟利而不密為之法

順廣二處征雜之利甚厚擬該簿該令所類開甲午  
 年源頭潭 市渡竹筴口底諸稅至於為錢



七萬六千四百六十七貫二陌四十分爲金十四笏八兩三錢一分  
 爲銀一百四十五笏二錢一分庫身九座與黃蠟水油龍  
 藤藤鉄藤橄欖滿堂燈藤席白蜜海參海鹹雜色  
 貨物各以千百計亦爲多矣其間市渡各所增益過  
 重楮膏芙蓉苴泛取細碎官得其一而私買倍取之人漁  
 取其二人民怨嗟寔由於此故卽此而裁之救其不堪  
 稅其所者定爲輕常簡易之法亦足以使民安其業  
 而國獲其利以二實之地征土貢給二實之官俸兵糧  
 浩手其有餘矣以區區之齊惟幹山海謹鹽英猶足





以致富而況於利源十倍者乎

順廣之安山澤關市稅錢共七萬六千四百六十七貫二  
陌四十文而廣南之稅錢居其六順僅共一萬一千二百二  
十二貫二陌五十四文查諸人言廣南新稅由張福密始  
增非是從前諸王公所作與也

天地之間開闢以漸故山川土地人物財貨有昔荒今墾  
昔少今多之不同如順稅在洪德時只輸土貢天南餘暇  
集不見納稅案例今見阮家舊籍公稅田土稅粟三百  
五十三萬三千三百六十九升廣南自洪德時取占城開



壘僅三府耳至前阮家則收取石臘田太半其民悉  
為編戶增五五府租稅甚多

沙孟順平二州皆蠻民所居也在登昌甘露源海陵

縣泗源之上阮

端郡公時  
取以為源

洪德時朝貢有例阮家差官知

掌泗源各忙有公稅進納有私稅為知縣官寓祿沙孟

州吐奔上薊二社忙差一隊長押諸公稅雄象一隻高

五天五寸布幔二幅白布二十匹糯米一百婁每婁三十

斤犀角每四座火刀二十件火石二小婁每婁五十斤發錢

每婁三陌買牛一隻發錢五貫買黃蠟重五斤發



## 錢五貫五陌

順平今改靜安州沅澧昌襟二忙差一役隊押收公稅  
 雜象一隻高五尺五寸布帽一幅白布十疋糯米七十四  
 粳私稅買中粳每妻十五斤發錢每妻三陌正旦私忘  
 禮米中粳每妻十五斤此二州四忙役納足例則官發吉錢  
 三貫紅錦緞一匹絹稅二匹管象錢一貫猪一口替錢三  
 貫鹹三坵酒三坵米二包鹽二妻欠春不發忙煤道差  
 州官押收公稅雜象一隻高五尺五寸白布四十匹銅鉗一  
 面二尺二寸如無鉗替錢十貫象牙三枚火刀三十件火莊



二十妻犀角五二座稅私黃蠟重一斤錢十五貫發錢每貫五  
 陌半一復發錢五貫此忙民納足例發錢十貫紅錦緞一匹絹  
 稅二匹足柳紗一足管象錢一貫猪一口替錢一貫贓五埕酒  
 二埕塹二妻米二包其餘懲荒忙州官押收例公稅布幔八  
 幅私稅錢十五貫白布一足廊底冊別使該隊押收例三  
 年村象一隻高五尺五寸私稅三年半一隻黃蠟重斤錢  
 十貫發每貫錢五陌部總冊該官收押例公稅麻成八十  
 卷冬青瓜四百菓只納一百菓其三二百菓代納錢十五貫私  
 稅糯米十妻又買糯米二十妻每妻十五斤發錢每妻三



黃廊連冊隊長押收例稅公稅冬青瓜四百菜只抽一百菜  
 其三百菜代抽錢十五貫私稅糯米十妻每妻三十升白蜜  
 十埤買糯米十二妻每妻十二升雜錢每妻三陌買黃蠟  
 重斤錢五貫發每貫錢五陌碎限滿民八冊滾官押收  
 例公稅白米八妻每妻三十斤麻皮六卷廊散羅機二冊許  
 為後案寫祿只有私稅糯米七妻每妻三十升又買糯米  
 十妻每妻十五斤雜錢每妻三陌  
 登昌縣甘露社居鈞江之上流下通越海門上接袁守西  
 源諸冊寶人道皆此出遠而落九國萬象國鎮寧府

歸合州諸軍都督府路通行出在此自伊社行一日至康  
 安坊有遠日臨陵亦日孝汪老例各商人願徵就遠往工  
 源買賣貨物民稅一百十貫自遠行二日半抵表軍界  
 在大江邊阮家者設營屯六兵船在此號表軍管甘  
 露社江之右有核糧屯遠亦如孝汪例民稅入貢自此  
 以通忙懞萬象孝江屯之左有牛脚遠亦如孝江例茂  
 稅一百二十貫孝江以上之左有洞山冊亦商人居住耕  
 牧甚多各社商人常載塩鐵乾魚鉄器銅錫銀子釵  
 釧諸雜物往還人地易取粟子鷄牛麻蠟藤楮蜜布



蜜幔各貨備象載四甘露膏人亦有載貨物下甘  
 露販賣一象可載米三十櫬每櫬二十坪亦有一市者  
 驅牛至三百隻來賣一牛不過十貫一象價銀二笏如  
 輕減這稅停收象頭稅可下哀牢粟以贖邊用亦可收  
 諸寶貨與畜產厚利前阮氏遣人賜樂丸萬象請  
 器物伊樂其土布隨奉貢欸各通買賣公稅饒贍前  
 戶部淑慎侯阮德流言從前萬象國差部使納禮物雄  
 象黃蠟犀角征舶隨意多少無有限定回許其國筒  
 長劍刀二把挾鏡二十口彩錦二疋錦絨二疋縐五疋白縐



五尺紅方絲五尺許部使則稅絹五尺米五石錢十貫緘五  
 埋鹽二婁酒五埋

酒源孝江安康遠有守隸民梅花正附二坊忠安石捍二坊  
 奉祀

大乾神廟有領兵二屯各隨所乞不定何坊查蓋兵所  
 開蓋例係伊源官員及上源頭販賣之人民住山林營生取  
 藤成以等項返回納屯稅土宜稅有差屯稅私象一隻稅  
 錢二貫工樸錢一貫私奴一丁亦同金一兩稅與工樸錢各五  
 陌銀一笏稅八陌工樸錢四陌古錢一貫稅二十四文工樸十二





文黃蠟斤重一貫弊銅斤重一貫蒲子斤重一貫銅錫一口  
 綿花一委並同皮紙芙蓉柳麻皮麻子粟米豆麥每擔<sub>亦</sub>五  
 然藤一擔稅三牛線猪一口稅四中文工樸十二文牛一隻稅二陌雜  
 木一窠雜查一拾稅<sub>註</sub>工樸錢五款三陌船板一庄稅工樸錢三  
 十文一象或一舟橫渡載各雜物稅公樸錢三十文綿花兩  
 子黃蠟實錢緡則不詳載象販賣多者又加受土宜稅土  
 宜象稅錢一貫四陌錢緡各二十四文蠟斤重二貫又牛一隻  
 藤一擔又錢二貫者受之土宜猪稅錢一貫一陌緡錢一陌五  
 十四文販三牛三猪以上與販二牛一猪受之土宜猪稅錢八



陌絹錢一陌五十四文販二藤搗以上共販一牛二搗販麻皮二搗  
 且有錢一貫者受之與枚壇社作香福江美剛社作末  
 搗安康香芥社作安竹商並免稅例這上項額例殊為  
 太重其蘆葦男乞所居坐收令令省半分搗曉遠司其茂納  
 稅錢亦減為其太重一所在商張通行物價輕賤牛脚遠  
 亦然榷蒲宜伍海陵縣泗源之右該官押收例公稅吉錢  
 共錢六十貫足欠不定其上有一河相屬十二坊各沿源頭諸  
 小江邊而店曰安定坊安居坊安葛坊梅花坊直峪坊高  
 孟坊新安坊已椿坊美岳坊嶼哈坊例按見丁收一頂丁



錢一貫二項丁錢五陌三項丁錢三陌差記屬該案府押  
 收其民每自下縣至此營生隨年多少無有定額私稅  
 如酒頭源官買糯米二十委每委三十斤菸錢每委三陌買  
 黃蠟斤重錢五貫發錢每貫五陌圓橋源在海陵源頭  
 該官押收例公稅錢一百四貫藤席二双雜香二小麦滿堂  
 燈二件箕葉六萬表其酒源官寓祿私稅箕葉二萬表  
 龍藤八卷鉄藤八卷藤一萬錢米邊二束乾肉一委雜香  
 一小委藤席一双糯米十五委每委十五斤又糧二委每  
 委三十斤其圓嶠遠在場屬社茂稅錢九十八貫一陌別納別收





安代安自衣錦里三源冊子在康祿縣之源頭每畝民所  
 居查三源該案議札子所類用甲子年稅例收錢珠為  
 太重不知從前如何安代源冊子共十一丁一項槎蒲宜伍潘  
 堯并妻子明年錢十五貫稅錢四十四貫五共錢六十貫總五  
 潘拖并妻子明年錢十七貫稅錢五十三貫共錢七十貫  
 二項與上場伍潘萌并妻明年錢十五貫稅錢三十七貫  
 共錢五十二貫潘星并妻明年錢十五貫稅錢三十八貫共  
 五十三貫三項蒲宜伍潘衝并妻明年錢十貫稅錢三十  
 五貫共錢四十五貫上場伍潘竹并妻明年錢十貫稅

三十四貫共錢四十四貫潘精并妾明年錢八貫稅二十四貫  
 共錢三十二貫潘意明年錢八貫稅錢二十貫共錢二十八貫  
 潘史明年錢八貫稅錢十四貫共錢二十二貫何記伍明年  
 錢七貫稅錢十三貫共錢二十貫潘德明年錢五貫稅錢  
 十貫共錢十五貫以上該錢四百三十四貫三十二文安良衣源  
 核柱并此遺二伍冊子共三十一丁或人稅二十貫十五貫十二貫  
 或十貫七貫以下至三貫其明年稅錢共二百五十三貫板  
 疎園浩二伍冊子十丁明年稅錢共三十六貫桐永二伍及潘  
 蓬明年稅錢共七貫六陌又著伍九十二貫三陌以上共古錢



三百九十五貫錦里源冊子十丁明年錢并稅共三十三貫八  
 陌又漂店安代源二地總彙站稅錢三十五貫朱寶站并漂  
 堅稅錢三十三貫六陌以上該錢一百二貫四陌暹民各庄四  
 丁明年稅錢共十五貫椅些道灰民稅錢十二貫總共  
 錢九百九十四貫六陌三十二文內收稅錢六百七十二貫明年礼  
 例錢二百餘貫許為用山祈花犒唱各社禮徵官等役  
 及撒示白粳饒夫香味等錢

山浦鎮源在廣田縣源頭上下<sup>六</sup>丁冊曰阿羅冊  
 阿龜冊阿作冊玄都冊阿顯冊阿詭冊阿卑冊打躬冊



餉梓冊杆深冊軍越冊杆阜冊附松冊已稜冊必衣冊玄  
 都冊內一冊重受官稅共三十六率前阮氏差明德侯黎  
 氏為滾率官率蠻民各冊取本源民為另防兵御示蠻惡  
 徵收稅例下流諸民欲往上源頭營生計有呈隊長期  
 回繳來納稅不許過期犯禁以防生事按依所計崗核  
 款五冊並土蠻受稅五率崗河羅五冊並高蠻受稅五  
 率率崗廊冤冊並下蠻受稅四率崗廊台冊並下  
 蠻受稅五率每率受藤一千線二十率共受稅茂二萬  
 線常年滾官以鹽米發各冊換取土物販賣生利及賣





稅藤得錢二百三十貫內除買牛楮并酒犒謝與迎迎  
 新送蓋程物宴享變丁六十五貫又許通言各冊四十  
 二貫只存一百四十一貫迎納亦有年餘錢一百七十貫無  
 定限其下流賢士社有送所稅例一百六十貫燈油各四十  
 貫商人上源者船錢三十文下源者收所載物船二束其  
 房房樁木每十株收錢七陌條木樁每十件收錢二陌山  
 上路有鋸爐商販出此大者百口稅一貫二陌小者百口稅  
 六陌色木炭每船二百斤或代納錢七陌  
 左澤源在香茶縣上流每丁蓋納稅鉄藤一千線除用



山場稅定納錢十貫至己丑年令該隊褚德侯商賣納  
 稅至四十七貫三陌十七文右澤源亦在香茶縣上流己丑  
 年收實納身稅四百八十八貫一陌十一文又外左澤源河羅  
 尚軟二冊定納稅二十貫

興平源在省案縣上流有山民三冊癸巳年人數高堆冊  
 三十四冊人新安冊十二人附冊十人美嘉冊五十七人內外三  
 項一項每人錢一貫二項每人錢七陌三項每人五陌窮  
 項免稅與消差

三冊之上又有香梅標守禦示該隊褚德侯所計己丑年



通收壯項十丁每丁納鉄藤二千線差餘鉄藤二十線白

藤五百線節料米七斤替納鉄白藤一千四百線軍項十

一丁每丁每土宜稅鉄藤二千線白藤四百線差餘鉄藤

一千五百線節料米五斤替納鉄藤一千二百線搜鉄藤

五百線民項四丁每丁納土宜鉄藤五百線<sup>稅</sup>白藤五百線

差餘鉄藤一千線節料米替納白藤八百線搜白藤五百

線新民項二丁每丁納土宜白藤一千四百線差餘鉄藤

一千線節料米替納白藤八百線搜白藤五百線線老饒

三丁每丁納土宜鉄藤半分饒一疾五丁免稅官收黃藤十



五萬六千九百線發賣其鉄藤每千線價值四陌三十文  
 白藤價值四陌或五陌或三陌二十文共得七十三貫五十二文除  
 開山新花范謝場錢十六貫五陌白粳米并燈油三貫七陌  
 四十四文只存寔納稅錢五十二貫八陌十文康祿三源戊子  
 年廣平鎮守阮福李寓祿納稅例并各錢共六百貫  
 安代源稅錢一百九十八貫三陌黃蠟三塊每塊重斤三貫  
 共錢二十七貫白蜜四十一埕每埕錢二陌共錢八貫二陌香  
 味錢三貫苦蘆八十七埕每埕一陌共錢八貫七陌共各錢  
 二百三十三貫二陌 安島源稅錢二百三十五貫九陌盡伍



稅錢八十六貫三陌黃蠟三塊每塊重斤錢三貫共錢九  
 貫香味錢三十一貫苦蘆五十埕每埕七陌共錢二百八貫  
 九陌錦里源錢稅六十四貫黃蠟一塊重斤錢三貫白蜜  
 三十埕每埕一陌共錢五貫各錢共六十八貫九陌又暹民  
 各庄稅錢二十貫又戊子年該隊如朝僕引納椅些道稅  
 錢十二貫

南市政源頭各册存許鎮守官該徵民納稅并香錢  
 六十貫

廣南安升華府俱低源馬納錢稅三百貫香油二埕東魯



源税金七笏土宜錢一百九十八貫

汗鄉椅撐各卅民坳黃蠟六十鉢汗鄉源民稅身五百  
五十貫龍藤二十卷鉄藤三千五百線橄欖燈三千七  
百件香油七十三罐

秋滙源民税金三笏八兩三釐一分親身并笑錢七百十三  
貫黃蠟重斤錢四十貫水油三十罐每罐三陌龍藤一百  
三十卷每卷錢一陌藤二雙每双錢一貫橄欖燈二千八  
百件每件錢九文滿堂燈二件每件錢五陌

旗坛源民稅錢二千。六十貫益給右內官富祿該納甲



銀二十笏六陌〇

廣義府晏地源民稅錢六百十貫 波斯源歲稅錢一千二百九十二貫四陌三丈土宜錢九十一貫

虬巴核機源民稅銀十八笏錢三千貫藤席二双香二妻

陀蓬源民稅錢一千八百五十一貫土宜錢六十貫

歸仁府河繞源民稅錢一百六十六貫五陌土宜錢二十七

貫五陌白蜜三担小藤席四卷綿花九十九斤新花綿

花三色重斤錢一百五貫橄欖二十五妻龍上藤六十條香

油二担大燈三千三百二十五件小燈六十件黃蠟七十鉢

茶釘茶雲源民稅錢二千五百五十貫並給外五石張  
福盛該納甲銀五笏

茶雲源別納檝攬燈五百九十枝貯浚油庫

橋花源民稅錢一千五百貫存給內右掌寬該納甲銀十

一笏二兩

砂盤源民稅錢一千貫並給留老道學寺長祿侯該

納甲銀八笏土宜五十貫

烏鍊源民稅錢七百四十九貫五陌並給內水掌暖該納

甲銀五笏



富安道府河遺源民稅錢并笑錢一千八百三十六貫二

十三文黃蠟三十斤白蜜五坵又納象牙四枝

五枝替黃  
蠟十二坵

犀角七座

每座替黃臘  
十四鉢

南盤源民稅錢一百貫砂泊源歲稅錢并笑錢一千五

百貫黃蠟二百斤白蜜二百斤荒蜜共九冊降服禮地

官稅錦衣并米黃蠟白蜜并衾代納錢二十貫四陌三十

六文白蜜一量蓋給外右掌換該抽甲銀二十八第八兩七少

漏格源民稅并笑錢五百六十五貫二陌四文犀角二座

白蜜三十坵蠟三十斤象牙二枝



平康府同香同沙小源民稅二千二百二十九貫三陌二十文  
 黃蠟七百二十七鉢白蜜五十一桶節料黃蠟七十鉢中象牙  
 四枚蓋給外右張福巽常祿該地甲銀二十二笏七兩九分  
 延慶府茅莊源民稅錢一萬貫

嘉定府包平源歲稅錢四百三十貫水勃源民稅錢三百  
 六十貫

順化安廣田縣安春潭民稅甲銀八笏泳冲潭民稅錢  
 六十六貫六陌四十分文泳泚潭民稅四十貫

富榮縣青藍泳藍二潭二期捕魚及三月餘所登五



口茂稅錢七十貫茂材潭茂稅錢一百七十五貫羅紅潭

歲納一百七十貫蘇泥潭茂四一百七十五貫打打潭茂加六百

二十貫烏齊泳任潭自禾多至補殿茂共三十貫

登昌縣泰來潭茂稅錢三十八貫三六百二四十文河葛潭茂

稅三十五貫

海陵縣教蘇泳屬潭茂稅錢十四貫

明靈縣益河潭茂稅錢二十八貫六百四十文子來潭茂

稅錢十四貫六百四十文維藩潭茂稅錢十四貫

康祿縣咸若潭茂稅錢二十六貫



廣南處升華府茹桂潭民稅錢四十貫三陌  
 海祿潭民稅  
 六十七貫五陌三十文

奠盤府阜曲尾潭民稅錢二十二貫

廣義府銅泳屬潭歲稅錢二十六貫  
 錦溪潭民稅二

百七十二貫八陌  
 檳榔潭民稅錢十八貫四陌  
 羅紅潭民

稅錢二十六貫  
 康海潭民稅一百十五貫  
 我山民民稅

錢三十五貫

歸仁府鴉翻海東潭并各坊各派民稅一千五百十五貫

茶烏潭民稅錢二百九十貫  
 淡水潭民稅錢一百貫



泳鵠潭民稅錢三十六貫五陌時富潭民稅一百三十五貫外海如嶧擘泳民錢六貫五陌

富安府琮晏泳民稅錢一百十五貫六陌虬崇潭海門民稅錢一百一貫三陌泳琪潭民稅錢三十貫五陌烏倫潭民稅錢一百六十貫

平康府烏龜泳民稅錢一百六十五貫甲銀三笏坵赭

權樵二泳民稅錢七十貫娑柳泳民稅錢五十二貫二陌

塞鵠闌亂潭民稅甲銀九笏并芙蓉錢一百貫第酉潭民稅錢九十三貫



延慶府柑橙潭民稅錢一百五十五貫六陌謨塢泳民  
 稅錢八十九貫二陌萬審泳民稅錢一百九十五貫柑橙外  
 泳民稅錢一百貫四陌金四陌柑橙正府二泳民稅錢二百  
 二十九貫芽在涿潭民稅錢一百八十二貫玳瑁潭民  
 稅銀十九笏錢一百五十貫外海的勞坑開民稅錢三百  
 五十貫流梳潭民稅錢九百貫金八笏  
 平順府渭流民稅錢一百七十六貫六陌坑莖泳梳潭  
 二所民稅錢一千貫

嘉定府流衝星民稅錢五十貫瀝查瀝現瀝艦各所



民稅錢三十六貫

順化交香茶縣三岐遠民稅錢一百三十六貫六陌溪海  
門遠稅錢二十五貫

富春上下渡稅錢六百八十四貫更城場錢津渡稅錢

二百八十五貫更城津葦市踰琮渡稅錢一百十四貫春陽

崇市渡稅錢二百五十八貫孝陽營市至存營酒市廿

露普賴去回營渡稅錢六十四貫六陌富春驛渡至思

客海門稅錢四百十貫富春市三十貫

廣田縣賢士遠并橫渡二所稅錢七十一貫五陌

富榮縣崇海門遠司稅錢三十貫陸門遠司稅錢三

十貫陸門雲遠察稅錢三十貫陸雲渡稅錢二百八十

登昌縣郎林遠稅錢三十五貫八陌中脚遠稅錢一百二十

一貫安康遠稅錢一百十貫

海陵縣長福社源樞遠稅錢身二十九貫嶠遠稅錢九

十八貫二陌

明靈縣新安源遠稅錢二十九貫吉林遠稅錢四十貫

三陌營市玉胡舍餞渡稅錢三十貫餞渡今之直渡也

廣南遠升華府俱低遠并渡稅錢二百八十貫清霞





渡稅錢一百九十貫五陌茶里西渡稅錢三十九貫五陌  
 小壓座遠司六百貫三畝渡稅錢三十五貫一陌大占海  
 川遠稅七十五貫詔碾海門遠司察遠稅六十四貫  
 汗渚遠稅二百七十五貫秋溫遠稅五百十六貫六陌清  
 占渡稅錢二百四十四貫附星渡擇一橫渡稅錢二百貫  
 花農小漕遠民稅錢一百三十貫大壓一座遠司稅錢六  
 十四貫五陌海沙市渡稅七十三貫七陌峇崇下渡稅錢  
 五十九貫會安市稅錢四十九貫慶壽<sub>稅</sub>市錢四十貫  
 旗壇市稅錢四十八貫富站市稅錢二百五十五貫新安



市稅七十貫口底稅錢三百二十九貫

箕盤府化園東渡稅錢五十二貫六陌錦荔劫渡稅錢

二十八貫錦鋪渡稅錢三十六貫魯洞渡稅錢五十五貫

魯者藍水沱滂澤渡稅錢三十六貫化園東小渡稅錢

二十九貫審嶺市稅錢七十貫

廣義椅提義安渡稅錢四十貫全安渡稅錢三十四貫

四陌美慈海門遠稅錢三十七貫五陌錦溪慕慕山花<sub>遠</sub>稅

錢二百七十五貫沙奇海門遠稅錢五十六貫大古星海

以稅錢一百五十貫茶曲渡稅錢三十四貫芹除海門遠稅



錢八十四貫五陌

歸仁府茶釘烏縣三岐遠稅錢三十五貫提吏海門遠并

渡稅錢一百貫口底稅錢五百五十貫金蓬海門遠稅錢四

百七十貫安康市稅錢三十六貫仙安市稅四十六貫福山

市稅一百七十六貫乾陽市稅五十一貫福安市稅五十貫

富安府北蒙岩并渡稅錢四百六十貫每根我既渡桿渡

稅錢七十四貫或陌注灤海門遠二所稅錢三十六貫

榴檜渡稅錢三十七貫五陌烏倫海口門稅六十二貫春臺

海門遠稅錢三十貫注漁海門遠稅一百三十四貫平康府



館鑪至坵塊渡稅錢三十六貫六陌塞嶋利龍遠稅錢

一百七貫八陌平康遠稅錢一百五十五貫五陌望岩稅錢一百

五十六貫二陌新安市稅錢三十一貫四陌安良市稅錢

三十一貫二陌蔓赭市稅錢三十一貫廿身莊岩稅錢一

百六十三貫平康營市稅錢一百六十六貫二陌坵塊遠

稅九十一貫平康渡海門并平康渡稅錢六十貫館葛

渡稅錢五十貫五陌

延慶府芽莊營市稅六十貫永安市稅五十二貫

柑權遠稅一百五貫富康營市並春會渡稅錢三十七



贊虬無遠榔紹渡稅錢二百六貫

平順府扶看海門遠稅錢十二貫

嘉定府同亭巡稅三十五貫五陌瀝葛市稅八十一貫

國帝殿津渡稅二百七十三貫安林玉紫昆錢渡稅八十九貫

同狹<sup>Ni</sup>市渡稅六十貫爐<sup>紙</sup>小渡稅五十五貫苦矩市渡

稅三十貫二陌紫棍富林爐鍊平康館市三所稅一百

十貫紫棍市渡稅計一百七十八貫海葛渡稅七十八貫吉厝

二邊遠稅四十貫潘熾遠稅五十五貫尖湫海門并椅栢巡稅

六十四稅貫巴管廿斤除海門遠稅三百貫塞概海門遠稅三

## 百二十貫

前沈氏用銅甚侈如庚寅辛卯二年左右中右中銀匠所  
 領紅銅鈹鉛鍊合製鑰造作釘鏈皂釘鑄脚以改飭堂  
 幹亭閩裝所乘舟艦瓢各復銅玉一萬二百斤鉛至四  
 千四百三十斤內銀匠司所領以戊正旦節合堂者銅一百  
 六十五斤十二兩鉛一百六十六斤其所領白銅新飭怡慈堂  
 三座者一千七十兩豈非無盡之費此間例殺紅銅一斤  
 鈹鉛六兩四錢炭錢二十文以製成鑰其色亦黃如市匠  
 入爐甘石作鑰也銀匠武宗仁言每紅銅十斤入鈹鉛



八兩煉煮製鉛方好但近以銅貴鉛賤因勝鉛斤以陰  
私入毛耳

順廣二處無銅礦日本土出紅銅每年船到卽令收買  
每百斤古錢四十五貫至上如國建福廣東各船有載紅銅  
亦具用報依價買之官買之餘始許各船貿易

唐用元前錢其宗淳化祥符諸號錢煉銅精熟入地不  
壞宗錢少是御書庚申年遣前四鎮此銅猶多未自癸亥甲

子罕見不知如何甲子年1774王師入順化籍府庫見藤穿

三十餘萬貫並是惡錢一文不新始知從前商船偷搬入



此也。今又安之人呼為唯錢棟，亦不取順化，亦從而致之。豈非至愚？莫氏所鑄小同，有太平安法等字，流入順化。阮家例初，雖製依樣鑄小同錢，用太平字。今民間錢稍存一二，亦以三當一。

阮家亦用古銅錢。康思魏奸民多銷銅錢為器，舊錢日耗。以國公曾鑄銅錢計費甚多。曉國公咱答黃姓言始買和蘭銀鉛鑄錢，用場於涼館社。每百斤價錢八貫，除伙食工費外尚得錢二十貫。輪子印字文用宋祥符錢樣。初鑄時頗堅，石磨可燒而不可折。又啟私鑄之禁，罕有濫





薄<sup>鑄</sup>公私亦使行用遂積銅錢不許給發久之貴勢爭來  
 添鑄至百餘爐其名天明通寶者雜入烏鉛日甚細薄  
 民間嫌其醜惡賣買不通昔鉛錢一當銅錢一至今遂  
 三而當一猶復抹作外來商船平不足取每以粟鹽易金  
 銀雜貨而去富家積之無用不肯出粟此米價所以  
 騰貴也朝廷命鑄新銅錢蓋欲以漸消盡鉛錢然獲  
 銅甚多新鑄無幾即有行用每隨清又山南商而盡<sup>船</sup>  
 出矣且廣南一交無銅錢民用鋁鉛錢每以一當一不沈  
 醜缺商人時出椒油糖新物每取錢而去每得三倍之



利不肯取銅錢兼以二年于茲瑪羔帶來鉛鋁不下十五  
 萬斤萬無禁斷奸人私買盜鑄于山頭海島之間莫  
 可究詰市肆辰見新鉛錢薄小尤甚近惠水書生黎  
 日貞狀得有新型之鑄商王幫蓋崇而銷阮氏銅  
 究未有法可銷也鋁鉛性薄不堪索索篇猛烈強燒則  
 起青火白煙而冠去惟先燒銅液後入少鉛和合不冠  
 便成好鑄然以之鑄錢每苦澁硬奸人以土場徐煎揚朽  
 灌錢模上取去旋過工作最易鄰近莫知冒利私行無  
 時可絕



丙申春奉傳諸獲順化銅鏡銃火門廣不堪用并銅器  
 片銅重不堪用及不堪裝載者應急破毀鑄收貯其  
 銅文重一錢用景興順寶字仍想所得若干備啟逆  
 細以備邊儲兼曾瑞郡公合左象奇案忠侯監鑄  
 開場于鎮營之右以蓋該隊論評侯文世誼勾當押作  
 取各社福曉人為工匠阮家巨鑄大桶自潤七尺高  
 三四尺重七八十斤以下每坵以鑄錢二月二十日開作六月辛  
 日記工授所毀雜銅器并紅銅各項秤斤得七百九十樹加  
 白錫<sup>據</sup>海銅在榭錫重十五斤十二兩烏鉛四十三斤十兩各共



一百五十九斤六兩鑄成錢得三十八貫并耗五榭三十九斤  
 奉鑄錢五榭得錢三十八貫共三萬二百六十二貫內發  
 鑄傳口糧五榭七貫共五千五百九十二貫又發買木炭  
 橄欖脂每榭一貫共七百九十九貫共存寔錢二萬三千  
 九百七十貫奉收貯中國銀行多行少<sup>錢</sup>乾隆錢謂之制不  
 錢一文當二文鑄作不多蓋錢亦少民間鬼掃有買  
 賣小物皆用銀每斤以秤分毫稅課皆收銀不  
 收錢

富柴縣茂材社能作綸線鉄線有該傳家官傳取



用其令史司首令與社民用年領紅銅一千斤銕鉛四百  
 斤銕稅五百塊炭錢四十五貫練成投納例銅一百斤制  
 八銕鉛四十銕鉛斤除稅五十斤銕稅一塊納銕線一斤  
 順化突有內金湘匠高五十兩成金一笏煉成九民匠家  
 以飭器皿一民金湘常至四十笏  
 富榮縣南浦社土山一帶凡有四頂曰羅銕曰橫簪曰橫裴  
 曰相哥其脚並產黃金據地長一丈半濶亦如之深二丈餘  
 至有金交一指土方得一分金金甚好當九民十民蓋例許社  
 民領官錢伙食行採除免稅錢兩申春兼督率端郡公



差屬將堪忠侯用採召置黃沙隊并貸夫六十五人掘取  
淘煮四月僅得四兩五錢不償工食遂止

浮漚源俗名姑台有鍊戶場其屬民常以正月備禮開山八月而止

係看有金突掘土取出淘之得金一案掘五六兩有得二三兩多

少不一

廣南突多產金山阮家於各府立淘沙金戶號鍊戶屬

一屬四十餘村免其兵稅隨許採金金場有銀匠司正該

官隨煮有內令史司輪番行收規正戶客戶人數若干

民稅生金或三斤或二斤納在該屬官逆銀匠煮煉成

笏秤驗調納民以端午除夕均在司稽官如某年不尋  
 得金依金價每笏二百貫每季代抽錢四貫採得金步  
 者有稅亦不得增其人數亦照收差餘錢脚米侍夜替  
 款錢糶錢差餘車錢節料脚錢節料糶錢節料米代  
 納錢等項如各社村例查己丑年簿升華府錄戶屬并  
 別納如德社人數餘錢米數正戶客戶共五千四百二十四人  
 鄰各取六十六人各船傷頂二百二人銷差一人饒夫各船夫七百  
 六十六人客戶窮逃二百六十四人給富祿員子客戶二千八  
 百八十五人存定抽一千二百四十二人稅差餘本項金二十一



第八兩七分又收各錢共一千六百六十二貫其差除條內除  
 各取錢三十二貫二陌除甘耳理陽坛茶柑二陌及招進金  
 函炭錢與許各衙禮例并發各公務搜平錢三百三十六  
 貫除入謝場謝各靈二廟禮錢行船禮用春開金祀錢四十  
 貫五陌其節料都祭謝用穴各禮錢都招稅錢都各衙  
 禮例錢各條搜平錢共一百四十八貫只存空抽一千二百四  
 貫六陌三十二文又收節料米共一百六十二石十四升又十九  
 升表內都開穴告神廟其役各衙載稅商戶船口糧共五  
 石一斤只存空納一百五十七石十三升歸仁府錄戶屬





并別分為錄村及油河清鹽社歸仁富安各甲及焉初  
 社中砥村人數錄錢數錄戶屬人數一千三百四十八人分消  
 差四十八人存實納一千三百人稅差餘各項金二十一第  
 二兩二り内分鄰各取饒夫金七兩七り一分存實地金二十  
 第四兩三り其錄戶齋油二屬及油河清鹽社各甲并  
 焉初社中砥村人數八百六十七人内鄰消差各項并窮逃  
 各項一百七十七人只存實徵六百九十人收各項錢共二  
 千一百十六貫四十三文内鄰各取夫并謝場錢二十九貫  
 九陌只存實地初二年九貫九了四十三文又齋油一百七十



六量紅花重錢一百三十九貫六丁未一皂大紙二千五百張中紙三萬二千張

富安府鎌戶隴波景陽福祿新氏等屬民數鎌錢

米數正戶各戶一千一百五十四人除各取各船侶饒學消

差家形逃各項存寔納九十六人差餘金十笏一兩五分七分

候夫二禮金二兩三分五厘節料金一笏五兩九分五分重

附民金一笏五兩八分五分四釐除煮餘金三兩五分五厘共

金十四笏二兩九分一分九厘內郡各取金二兩七分六分煮

耗沙石金一笏九兩八分四分五厘存寔納金十二笏二分又



差餘脚替錢未印料代地領耕代納稅錢五四百五十八  
 貫六陌四十字又收差餘印料二條搜銀四十二貫什物平  
 錢一百三十一貫一丁三十字富安同春上下二總人數客戶  
 五十九人除各船保存寔地五十一人差餘金稅七分重附  
 稅金九厘奏餘金三毫共金七分九厘三毫除者火耗  
 九分厘存二分三毫又收差餘印料代地錢共七十九貫八  
 陌搜錢雇借共二十二貫九丁  
 廣南升華府濼川縣秋澗源蒼奴茶細諸山產黃金昔  
 年金氣大發常自地中一路斜曲而行是蓋其上亦直



行者橫行遠別嶺者有金土軟無金土硬屬民於山  
 頭尋見其脈掘開取土作盜屋西復之貯土成堆汲澆沃  
 於掘土之處或深至千餘尺澆洶一日得音經缺金滿一牛脰  
 納場鑄鑄亦有假作者屑康熙錢混入以重斤兩但以  
 花綿拭其錢屑輕盡著於綿金屑重不能著即得  
 寔矣蓋左外張福靈常有給此源為寓祿使家人名  
 崇業徵收二十餘年得金無算土人有名江玄者與  
 崇業姻私買一山自行開採常就會安廟賣與商  
 客一歲不下千笏錄戶坊村諸人皆其役使所輸公稅



不過十分中之一二年歸仁府文世祖說秋溢源例以各商  
 人按金稅數十分領繳符在戶部知官往源頭諸山淘沙  
 取金多少得依本分抽稅差無得亦買以賠各商人任所用  
 採不限數條務足稅課其稅場在茶奴村自場上至花園市  
 四更自花園上收菴山一日上細茶山三日茶奴道江金沙  
 山金沙花油道山金沙江金沙係本總錄戶屬款入秋溢  
 源地分淘金者受稅每名金一兩只許淘江金不許採山金  
 其受金稅替本身差餘錢者只得採在本屬地分不  
 得上別源頭至如海壇源金在令史司收納稅例亦然



汗渚源有稅例產金頗少源頭路遠多惡窰商人只  
 採於江不採於山升華一府商人咸言各縣諸山皆產黃  
 金但有溪水易取易採無溪水處難於開採曾查盡  
 戶部澈慎侯啓：道：

順化交治海有鹵田交各隨其爐例一礮田一高收鹽一  
 葉半高收鹽一箕不滿半高收半箕一爐而多田則二高  
 一妻以上遞加謂之鹽田稅富柴之鹽場奉政二社蓋額  
 歲五十五妻其三寶寺田全免明靈縣春媚社蓋民  
 稅一百六十八妻禮五十妻彌綸社蓋民額六十妻禮五



妻並面一尺高一尺五寸除嘗新節料替仿提仿橋梁道  
 路指迤搜差各役至如無鹽交客戶販取廣南鹽則  
 照人數收稅替差餘錢視之鹽丁稅例軍項係一項每  
 人稅六妻二項每人稅四妻三項每人稅三妻老項官員子  
 孫每人三妻饒夫另外員目將目社長老饒窮逃竄免  
 附坊軍項亦照上例無鹽者地每妻錢一陌癸亥年者  
 茶縣清河社坊抽鹽稅至八百五十妻繼登坊至一千七十  
 八妻順化交沿海各社間有隨其漁苦怨收緘稅以人  
 數及有網每網為準壯項及有網人納緘四垵無網稅



三堤軍項有網三堤在網免稅員子每人一堤窮項有  
 網一堤已丑年明靈縣水畔社一百九網上社禮五十堤古喬  
 社五十堤上禮社十堤河中社例只油飽賦一百堤香茶蒜花  
 遠坊七百九十二堤上禮一堤平治社十六堤上禮十堤忠全社  
 稅并上禮六十七堤廣田縣績功社一百十堤上禮五十堤  
 登昌縣順頭社一百四堤河伯社一百八十九堤農水縣秦  
 律社三百十五堤中律社五百八十五堤和律社五百堤南布政  
 順姑村二百堤上禮五十堤間有代抽錢每堤一陌有禮物  
 部官令史官私禮各二十五堤替換二貫五陌勻籍四堤把





川六埋証替錢

平順府東開坊七十五人抽魚油七十五斤替搜傷有緘水

隊五十人內三十人及抽緘水三十兩量係二十人及抽緘錢二

度緘解一算五傷差<sup>餘</sup>印料搜

順化交海陵縣梅坛社例抽沉香好項三十斤常項三十五

斤在會史替嘗新印料脚米象草船船搜傷各務具

差餘<sup>不除</sup>印社人亦抽差餘錢

嘉定府置道烏漆十一船者共五百人分爲三項軍項每人

納正稅漆錢十斤搜漆六斤始四始續每人正稅漆五斤



搜添三斤此三項每年為民收功搜稅有事為兵並免  
 搜稅戊子年各項四百五十二人除便宜後隊長押收十人窮  
 頭四十六人老頭十七人存軍項三百六十四人始四七十九人  
 老頭九人三項共功六千五百二十八斤并華府河東縣沙清  
 社業採燕巢其民散居并華負盤歸仁富安平康延慶  
 嘉寧等府之間歲以二月功新嫩巢一百二十窠其所押  
 領不修理船艘行統各府收稅七月遼回呈細清表簿  
 官功干名隨項并取壯項每人功燕巢二斤如今則替錢  
 二貫長項每名功一斤八兩老頭與丁項各年納一斤其全



社又地學新正旦祀一千五百粟戊子年燕窩較替燧至吉  
 七十三貫一陌三十文

順化安水陸連接廣南廣南之在通禧番國其海道則  
 距國廣只三四日故商船從來湊集大明永樂時有汶  
 入順化市舶提舉司又有搜錢場阮家剝校所收船稅甚  
 賧該有該船知禮各一員該得禮該府禮記錄船守禮  
 各二員該房六人令史三十人令銳兵五十名禮傷四隊七  
 十名通事七名明看會安嘴呂錦鋪廊鈞等社差司  
 採報係船到廣南交入大占海會安角沱環海門流林



交商買受納土物各項其到稅回稅定例有差民收通  
 併得錢若干以六分充港稅存四分軍官吏軍民各銀  
 多少均分如有船風飄到無有貨物難受稅例禮長單  
 呈卽傳守海門遠緝近守看過許買柴米當日驅逐  
 出洋不許入港以免生事然亦作爲漂到暫留潛搬貨物  
 上庸而後乞受少稅高法外之奸固無可盡防也查前船  
 司合史武直代計稅例上海船到稅例錢三千貫廣東船  
 到稅例錢三千貫回稅例錢三百貫福建船到稅二千貫  
 回稅二百貫海南船到稅五百貫回稅五十貫西洋船到



稅八千貫回稅八百貫瑪羔船到稅四千貫回稅四百貫  
 日本國船到回稅例亦如之暹羅船到稅二千貫回稅  
 五百貫若宗船到稅二千貫回稅二百貫蓋港交船到  
 稅五百貫回稅五十貫河仙船到稅三百貫回稅三十貫山  
 都客船到稅三百貫回稅三十貫上海者浙江船有時  
 天朝奉表官採賣海南者瓊州船瑪羔者和蘭船壬  
 辰癸巳減到回稅錢二千一百貫辛卯年諸處商船  
 到會安十六隻稅錢三萬八千貫壬辰年十二隻稅  
 錢一萬四千三百貫癸巳年八隻稅錢三千二百貫



阮家船務例常年正月船司領簿知簿令史記錄  
 各名入會安席分差屬軍通異語者守山勞占共此  
 漾海門見有諸國商船到此一識察果是商賣爰  
 將其船長列入會安席呈領簿查實具啟并申該  
 船官傳巡押司押附呈民復送伊船入海門船巡所令  
 更與各衙就着船長財副計開貨數知目記始令過巡  
 所工舖津任其船長撰報信程進阮合茶四斤四柱文  
 班與太監守船務及領簿各一斤知簿領府記錄各半  
 斤用單差調納在正管阮合所開各船發各收其船



長又其進禮或錦緞綾紗玩物菓子各項計呈該簿  
 差軍進後禮官始納既令其禮亦無定限大約當  
 五百貫亦有進一二物進者傳免稅不為例進禮記船  
 長計用艚內貨物一項一帖如有隱匿一物以上察出盡收  
 入官仍照國律治罪既令款買其物俾該家掛帖進納  
 公庫收貯船長財利從入秤斤其無買者亦許貿易  
 有鳴虫買減價太過亦許增錢諸客行李有玩物一  
 體計進看官買差若干并除稅港存欠若干許發賣  
 後完物其呈面禮該禮視進禮減半該簿各衙差等



係上海廣東福建瑪羔各船並有遊程海南體無之  
 四帆之日有遊程者隨其厚薄程有發許或許銀五笏  
 絹五疋錢五十貫米五包或許銀三笏絹三疋錢三十貫  
 米三包或二笏絹二疋錢二十貫米二包亦無定準如上  
 國奉差船官遊漂民交還例許奉差與本船錢五十  
 貫民丁水手每丁一貫其差商船交漂民因而貿易者  
 免其港稅凡各船有載本地貨物者單呈候傳付各縣  
 看差軍押調就船不得私行私載有滿者船長呈  
 單報到日客數就船點明付屬軍及遊日押附壘民





出後送出港至商賣別國遭風漂入乞暫泊修補許  
 泊韓門其幼勞更修船既訖守軍及接巡民驅逐出洋  
 有款入販賣者該簿及各槽司屬軍就驗貨物多少轉  
 啟貨少者三分免一分之稅少者免半分無貨証免款  
 權載客貨者每年呈差亦何受人戶其船大小載客多少  
 少定取稅例方許借札亦同有不為例其遭風破壞查  
 照客數該簿交會館守守撥給官錢月糧每人五  
 陌待順風期配附他船必當或在別處隨所在官司發

田籍 田北國地人  
 常稱為田原



廣東船商各有姓陳者慣販賣伊言自廣州府由  
 海道往順化得順風只六日夜入埕海口至富春河清  
 浦入大占海口到廣南會安亦無自廣州往山南只四日  
 夜餘一更但山南回帆惟販高餘糧一物順化亦只胡椒  
 一味若廣南則百貨無所不有諸番邦不及凡升華  
 箕盤婦仁廣義平康等府及芽莊等所出貨物水  
 法船馬咸湊集於會安者此所以稅者少就商販回唐  
 日衰者貨物之盛蓋誰在船百隻一時運去亦不能盡  
 問祇奉物名與買平價言之伊云廣南俗呼百斤為一



榭栢榔三貫一榭胡椒則二十貫一榭豆蔻五貫蘇木六  
 貫砂仁十二貫烏木六陌紅木一貫印在花梨印在一貫二陌  
 犀角五百貫燕巢二百貫犀角十五貫魚翅十四貫乾  
 蝦六貫香螺頭十二貫玳瑁一百八十貫象牙四十貫波  
 羅麻十二貫冰糖四貫白糖二貫其滑石鉄粉海參各  
 次及土藥數百味不可勝計至如珊瑚香重一斤則值銀  
 一百二十貫黃金一笏值錢一瓜百八十緡絹一疋則三貫五陌  
 內桂沈香珍珠最好價之高低多少不定紫檀木有之  
 不及暹羅為佳問自唐書來諸貨名目何如到此間



有滯貨否伊問言轉販流通脫貨快利無有滯積所  
 帶來五色紗緞錦緞布疋百味藥材金銀紙線香各  
 色紙料金銀線各色絲線各色顏料各色衣服鞋襪  
 哆囉絨<sup>出</sup>留色玻璃鏡紙片筆墨針紐各樣檯椅各項  
 紗抄各樣錫銅各樣磁器瓦器其飲食物則芙蓉柑橙  
 梨棗柿餅棉紬灰麵粉食鹹攪頭菜鹹油姜醬胡椒  
 腐豆金針茶木耳香信之類彼此有無互互相貿易無不  
 得其所歛也問海道如何伊言<sup>如</sup>圓鑑然海南瓊崖正居  
 鑑之中間左則安廣左之後則海陽後即山南右則順化



右之汶則入安後則清似其廣州與廣西蓋各當前之兩傍  
 所以相徑而相近也至如嘉定河仙已志各交則其海又  
 轉廣南之右邊暹羅則在河仙之右各別為一面云西洋  
 人慈心伯畫海道亦然

阮家蓋例各交納金銀沉香玳瑁遠在內房付新一船  
 兵更守各府各戰陸次其各社納榕葉報禮令史司收  
 交納入庫各交稅進納貯次一櫃付五漸度綿二隊船更  
 守米粟糯米進入汶庫付四水各稅更守鹽鹹冰糖沙糖  
 青豆猪膏紅花白絹白席氍毹白布順城紗及紙犀角



土產進入貯內庫函付內水各船更守油蠟貯後油庫象  
 牙花藤商業烏木銅鋌進入園家亦付內水各船更守  
 絹紙紅蜜貯府泊亦付隊船更守

晚國公稱王時其掌太監枚文歡編自丙寅至壬申逐年

二處抽諸稅金銀錢摺簿與逐年消發各役簿其錢或

年入三十三萬八千一百餘貫而其出至三十六萬四千四百餘貫

或及入四十二萬三千三百餘貫而所出總三十六萬四千四

百餘貫太槩所入足供所出如錢不足欠或二三萬以茂

報替後其所出與茂發正次隊長帖錢各期共二十六萬



與民發順化處祀春祭一千四百餘貫為正程其餘宴頌  
 賞給管選祭祀齋醮無有一定亦無妄費金民八十三十  
 四笏或八九十笏或八十五笏上下甲銀或二十四笏或二十九笏  
 榕銀或二百四十笏或二百四十八笏鷄銀或一萬一百文或四百  
 文或無一文靡有足準惟壬申年甲銀至二百五十七笏榕  
 銀至二百二十三笏試并此七年间金共五百七十六笏八兩  
 四丁甲銀共九百九十七笏八兩榕銀一千四百二十七笏鷄銀二  
 萬一千一百五十五文其簿於每歲週併完并寫以次年正  
 月初三日呈納後之詳該不煩查併亦為善也玩家於



成化己卯丙寅<sup>1746</sup>丁卯戊辰三年間鑄錢共一萬二千三百九十六貫

順廣二處倉庫儲積粟米錢幣並有規例順化七庫<sup>九</sup>壽康庫在富樂縣壽康坊前翼庫內楊棋庫廣

庫廟翁庫內橫庫內根庫內奇右庫永昌庫內安仁庫內鵝庫每庫各二座分貯富樂廣田香茶三縣租粟并各縣屯田田庄粟共差餘錢所買粟及漕運廣南淡水乾陽新安各庫歸仁歸化新安把耕各場粟運送入諸家被罪粟有老鏡安一船兵一百人更守月瓢庫在香溪





茶縣月瓢社貯漕運廣南嘉定歸仁二屬場管草天姥  
 景陽三坊粟及香茶廣田宿柴三縣租粟與碎藥賦  
 鹽等項老鏡安二船保同更守石桿庫在海陵縣石桿  
 社貯海陵登昌二縣田租粟有康一船兵三十名更守來格  
 社庫在明靈縣來格社貯海陵縣田租粟有安一船兵更  
 守渡枕庫暫貯田租粟有車一車二隊運納往來轉貯各  
 庫安定庫在懸水縣安定社八倉留老道次一庫四十五間  
 次二庫四十二間貯各團糧運歸仁嘉定諸庫粟康祿  
 次一庫五十二間次二庫四十三間貯伊縣田租粟田賦錢米



又二十九間貯塹鹽鹹惡水坎縣次一庫五十二間次二庫四十三  
 間貯伊縣田租粟田放錢未共三百六十九間有安一船二十人更  
 守忠貞庫在康祿縣忠貞社貯漕運廣南乾陽芳柳  
 諸庫未長育庫在康祿縣長育社貯南布故州與康  
 祿之德田租粟安一船二十一人更守以上庫各有提領一員掌之  
 廣南十二庫升華府有社安庫貯升華實盤二府各  
 縣屬田租粟共差餘印料搜率券庫諸錢有正副提  
 領二員掌之安一船五十人更守廣義府有安一庫庫恩恭  
 庫分貯平山縣田租粟未及差餘管社共印料搜率券



庫諸錢提領一員掌之平一船五十人更守富登庫貯新  
 義義泰花二縣田租粟共一府諸稅錢提領二員掌之安一  
 船五十人更守歸仁府有富安庫貯蓬山縣與河伯屬田租  
 粟及桑土留荒代抽錢一船五十人更守淡水庫貯扶龍  
 縣田租粟及桑土留荒代抽錢一船五十人更守富安  
 府有安金庫貯同春綏和二縣景安金一戶二屬及安金田  
 租粟諸稅安一船二十人更守春臺庫貯二縣並各屬及內  
 府各社村耨田租粟諸稅錢安二船二十人更守平原縣  
 有會安庫貯廣福新定二縣并河伯屬田租粟與諸錢



以上各有提領一員掌之延慶府有福安庫貯福田永昌  
 辰沙三縣并河作新安二屬田租粟與諸錢平原監記  
 錄知簿掌之嘉定府有新安庫貯福隆新平二縣管草  
 天姥景陽三場歸安二屬其定遠新安場庫草田  
 山田各項稅粟及各錢龍湖管留守記錄後簿掌之  
 阮家益庫皆蓋茅茨後久弊亟而收券庫現亦必需修  
 整乃令各社民民納物料錢券庫以備修理之用例田租粟每  
 石足徵粟一百升收券庫錢三十七文如減田租則券庫錢亦隨  
 而減然其錢一經與諸稅進納未嘗修理存庫也甲午年  
 1714



王師進入同安宅庫弊壞滲漏鹽鹼皆不可食庫西米耗  
 損其收償法頗嚴如己丑年壽封康軍老銳一人訴謂甲  
 申年本堂各員同與伊船量見有耗即付查收收合收成  
 子三年本堂及老銳船與各連船人帖發寓祿錢米以償

官粟

辛酉年饒國公合祿舍守舍等員分刷自戊午己未庚申  
 各縣正戶客戶差餘錢及田租竹蘆潭迄市渡船花  
 洲侍夜賦稅在鹽源頭等項一人一縣查用已納收其未  
 納八年而始納案準款在民之逋逃者猶計欠在本堂各



戰又八年始納簿而存欠尚未收完逐年查刷之弊安可  
 勝言至乙酉年既令自丙子年至是年該吏某年徧收  
 某府某縣有官稅錢人數稅錢常年已收納及存欠  
 若干修簿上彙以知是欠於是該吏該徵一面類簿一  
 而闕差庫軍追刷而在民在官逋欠尚多蓋民課百端徵  
 收百出乾沒侵欺其勢所必至也逮己丑年始定諸場該  
 徵該吏編收各場稅額項官錢粟米及諸稅錢每年修  
 簿迺拘詳定其數以為常例於各府公堂官編類  
 上列某州縣某跡錢數粟米及諸稅錢雜物若干下



註其人收納未具總數方為詳悉

順化兵數廣南居其大半順化田租亦少每漕運廣南

又粟以給軍用有官該知漕運自南布政沿諸海門以至嘉定

同稅各商各俚本船本兵該屬該社凡有私船私辦解並

入官籍以內心潤干尺定其大小令納轉錢潤十一尺納十一貫下

九尺納九貫下至四尺納四貫其有輪次當漕運者免其轉

錢而發堅繳錢十五貫新者只發十貫俾之修理又折風程十

貫所發註取於各人轉錢內三月一期二月一期如戊子年船解

肇豐二府四十隻廣平府十隻布政州十隻廣南六十隻



歸仁九十三隻富春四十四隻延慶三十二隻平順四十五隻  
 嘉定七隻玉如平順營納各匠商六十三隻奇隊各商  
 守長能官船七隻各共四百四十三隻納轉錢二千六百三  
 十九貫其差餘贈五十七隻只發堅繳錢七百九十五貫  
 及祈風禮十貫轉錢銀發之餘以發三軍月糧法制亦然

撫邊新錄卷三十四終





人

## 撫邊雜錄卷五

奉差順化廣南等道參視參贊軍機順化處協鎮撫  
右勝奇八侍陪從戶部左侍郎領城侯黎貴博祺

才何地無之順化在閩胡辰有鄧憲父子以相將顯

名其在黎朝順天洪德間則阮子驩爲軍師裴

育才登進士僞莫辰有楊文中安高第作烏州近

錄中興初戎



太

祖皇帝

端國公

八鎮後嗣繼總軍務私相傳龍衣自署官

吏於是烏里人才莫不隨辰勢以就功名而沈家所  
 携部曲多清文人僑居附貫其子孫有才藝見試  
 或以世廕進或以考試用亦復不少雖百餘年來姓  
 名無聞於上國然不可謂無人才也天啓治平久分  
 復合九重懷撫念深方欲簡迪舊官而賓興俊  
 雅安知承休後志之士不訢然而出以觀中朝之光

花威美者乎

前阮氏專命一方止有秋試但專用史胥不尚文字鮮  
 有破孫俊異一有考試所取花文學生五倍正途又  
 權要之家委戚族典司而花文佐之取中秋試之人  
 其始爲府縣則止知訟事其次爲記錄則惟耽推  
 科大計大議了無詢問後學小生亦不見教養作  
 成之寔是一方文種乃綿綿不絕是可祿也



居貞號澹齋香茶安和人六世祖原姓鄭名柑天  
 祿笑菑場人爲前黎朝兵部尚書遭僞莫篡避  
 居順化其登父第始改姓任祚國公辰歷官知縣記  
 錄居貞少能屬文中生徒補知府曉國公稱王辰令  
 爲廣南府巡撫布政營記錄所言莫非忠謀謹論  
 皆不見從癸酉年伐高綿充參謀調遣五軍營有  
 機畧能決斷籌畫精通遂收順城國崑巒三

萬眾降服廢高綿國王  
 蠲源立蠲尊爲王嘉定  
 河仙稔著名望在邊十一年  
 至乙酉年沅福淳繼襲  
 始召還爲吏部數年而卒  
 居貞博學能詩在平定  
 順嘉定屯營長與河仙總兵  
 琮德侯鄭天賜以文  
 祠詞相贈答有和河仙十詠  
 一曰金嶼攔濤帝怒湯  
 侯數犯邊初移山岳鎮前川  
 波雷活不成長城面水猛  
 方知砥柱權精衛半消唧石  
 恨驍龍全穩柁



珠珎知君亦是擎天功。今古滔滔獨儼然。二日屏  
 山豈但翠屏中。分符落立岵峿。淡墨濃青作意描。地脈  
 哀雷。巫觀樹心。民情愁樂問芻蕘。春開錦幕邀  
 戎府。秋起金城拱聖朝。此味廣州人樂得。草花不  
 法沉澗。三日蒲寺晨鐘晨風搖。落露花拋逗迤  
 孤教過樹梢。金獸哮殘星海渚。木鯨打落月村  
 劫萬家醒夢。任朝闕八水開顏。僧下巢待扣堪



吟禪亦有不鳴鳴得太陽交  
 四日江城夜鼓金城峙立  
 碧石江阜儻卧譙樓對月  
 彌細雨有樵聲欲遜狂  
 波無韻卿音偏豪遙呵鵲  
 樹依難定近蕩蛟潭夢  
 亦消誰念天涯鳴武畧京  
 芒從此枕彌高五日石  
 洞吞雲一山開破兩岩阿  
 吞下浮雲不放過蠓屈龍  
 伸歸嗽絳鸞翔鳳翥八色  
 羅葫蘆火濕烟凝重石  
 室人寒絮積多出岫待教  
 能五彩光扶神武定山

河六日珠岩落鷺鳥山涵海色碧無瑕誰送霜以到  
 作花花傍浪頭魚失計立當松髮鵠忘家江湖興  
 替自窺葉鳧鶴短長空嗎啞鳥想鳥衣堂上客  
 還將碌碌笑天涯七曰東潮印月夜來誰琢兩圓  
 光一貢天家一水鄉水謂銀盤天學鑄天疑玉鏡  
 水真粧蛟螭若漏道形勢鷗鶴如添搏翼異方既想  
 陶朱成事後乾坤歌酌最中史八曰南浦澄波盈蓬



波浪幾辰傾，還把玻璃列。地明箕畢分，開天事少。  
 鯨鯢權失海，心平干。喊客有乘桴，思行部人無問。  
 劍聲野老與鷗分，席罷長安笑。指聖人生九日，鹿峙  
 村居僻壤窮。居可寂聽子孫，無患奪茅亭。鹿脩  
 留畧野茶黑，豚足迎妻園果青。飽煖不知天子力，豐  
 登惟信海神靈。更無租稅又問事，大半人稱近百  
 齡。十日鯁溪漁泊漁家，營隊月層層。漏出林散，芦

幾點燈文老空聞朝號漢妻兒偏慣客名陵撐  
 扶江漢雙枝掉收拾乾坤一把曾聞道白蛟今又長  
 睡來行擬試餘能居貞咏作頗多其題松浪云平  
 地翻教起綠波丈夫爭奈何姨何流聲壯掩琴簧  
 細湧氣寒侵枕簟多舉掉蒼龍隨勢舞開帆  
 玄鶴起辰過何人半醒維舟浦猛省威由片葉麼  
 其詠女子洗足云倒顛有術弄英雄一對裙襦洗迺



翁踞戎方濡龍脚赤迎人猶傍玉顏紅將軍不挫

儒生氣亭長難收里豎功火抵狙翁憑馬上雍衡

無復帝王風其詠四趣漁詩云金翠翠臨河又向峯

溪

說文鍛黃金之鉤  
垂翡翠翠之綸

石灘芦渚住東西

限每句首用八音  
字串之綠

牽戲蚌爭江鷓竹引懸魚怯水鷄乾盞污花猶

避晋土茅盟帝未封齊葦愁自有鳴舷曲木籟流

琴雜鳥啼樵詩云金斧丁丁响隔溪石岩猿鶴伴

丁巳年長反

無邊雜錄 卷五

第一百四十七張



東西綠開蔓徑清山虺竹破叢林竄野鷄乾渡有  
人危屈李士生無處餓夷齊革寒况有來蘇望本  
徑行過笑轉啼耕詩云金柳板導漑田溪石岫懸  
簞日已西綠茵鳩婁請謀積蟹竹鞭携稚趨鳴  
鷄乾樽祝社先心潔土草開田耦力齊革命待逢  
逢三聘後木犁拋下極哀啼牧詩云金經掛肩扣  
前溪石白松青野雉西絲繳臨湖安木鳥竹吹頭隴



鬪家鷄沙斃懸北地終須漢土唱南山未相齊華  
 禍每從牛口得木殮草箸莫憂啼其擬遇賈誼宅  
 和唐長卿元韻日鵬鳥爭堪問數遠超遷何喜謫何  
 悲黃頭更八軒丁夢青門難行絳灌辰清恨暗  
 留壺井在孤貞明許石床知憐君還有幸君意宣  
 室未輕天一涯其夜飲詩云醒人何苦獨行吟繼晷  
 留朋且對斟手燭尚思償短晷情盃安用問更深



是非久聞聞雷耳理亂俄開忘醉月心何必山中醞然  
 好浮生千日幾分陰其暮雨留客詩并序云醜虜  
 辰平孤生日老玉門關而未八酒泉郡以何言辰而大  
 未下流金方中伏殘荷帶濕折柳沾泥犬白鷄丹盟  
 心有幾水黃土黑舉目無聊想其濯纓長河總轡  
 絕坂烟塵染袖牒訢裝懷宣室貼雲破十年之  
 春村夕筭樓苦雨恒六月而秋容

唐方裕建筭  
邊之樓

傷氣

候之不齊借光陰之已過來無雜客難爲清素之門  
笑有鴻儒竊慕芳馨之室雖分符靡監事屬五營  
而抱甕無機情率三徑豈期今日逢此故鄉要在言  
深何妨坐久欲回天而不可將繼晷以猶堪薄暖君  
寒請開我塞言之不盡情見于詩坐悵天光挽不回  
無端陰雨去還來戈鋌已在年前洗松竹都歸故  
里栽素履未宜濡旅服催燈且共罄餘杯陽關對



此情無限一夕勝如一卷開

沅

居貞有答河仙藟總兵琮德侯書云曩者辱惠  
好音責以開卷有得或要務弘謀一二必以文示令茲  
又如是是責之者所以教之也公之意氣懇茲勤斯  
鄙也不覺感愧交集彼啖滄池之鮮亦當思作網  
之恩味園林之甜亦當思蓄樹之惠其為獲也小其  
為利也下矣况假之以經緯之具公之以道義之資



而忘其所以獲之之利之所自乎靜言思之雖括群寇之  
 环族累潛之珠以供一瓶亦斯為薄矣夫何有於文  
 嘗聞之古之為學也舉道立以為肉傾德淵以為酒  
 編百行而庠屋之集萬善而冠服之言可言於可言  
 之時無不中為可為於可為之時無不從修之於家  
 而鳴之於王庭修之於國而行之於絕域其如是之謂  
 有得鄙也則不然采於翰墨之微而加之吏民之上又



錄於資蔭之末而責以邊疆之效則何等榮遇何等辰節哉苟不然鄙也必能經權並行內外無間趙孟開疆不翅千里高尊以獲醜何待三年而鄙也徒慕黃公之廣德其所以廣也弗克益善南仲之全師其所以全也弗克濟三表五餌之策渾然說夢期月三年之教茫若望洋出入膠柱進退觸藩賢侯而獨以鄙也為能有得乎夫中之閔也必無外而弗



肆途之行也必無疏而弗至鄙也開卷人也而乃如之  
 閱如之行皆賢侯之不足觀也匪哉垂哉鑒將不知  
 五行不說丁六亦既見其無能也已賢侯而又以鄙  
 也為能真有得乎雖然人不能離道以成人道亦不  
 能遠人以為道事本無道乎道藏於事無定名無  
 定行形分之而三才合之而六籍有人於此或卷而約  
 之或舒而博之夫誰曰不宜自人觀之固有正得有



竒得有無求而不得有無往而不得道一也名之不  
 同位之役也昔有匡焉友善而攻岐一藥者也一石者  
 也石者囑之曰苟能惠我以濟人者吾其永矢之哉  
 藥者然之遺之以所得沒勃友之妻詬之幾於離夫  
 沒勃之於匡非可詬也收之舍之各得其位也爰自  
 弱冠奉先人之遺編竊累世之糟粕一得意則膺  
 之不已又從而韋之而絃之曰進吾往也既仕則絃



者韋韋者絃漸而半矣今不能以一二均之矣是人也曾  
 未五丁旣胡然而箕又胡然而畢謂非位之後而何側  
 聞賢侯謙茅土之封復焚券之誼遺過失重然諾  
 廉後命而咫尺律小白之正於周勒都試而賞賈四訓慕  
 抱真之忠於唐智欲爲規誰使圓之義我欲爲矩誰  
 使方之纔一言而百諾一行而百從則不膚撓不制于  
 肘旣而不自滿足不停服讀一善之來如登春臺則



非鄙也之可能得也不惟不可能况能之而不周周之  
 而不及焉者也何則注於响者從身於靈察於毫者  
 蔽於形則於藥者石者見之思不出其位之謂也此  
 則賢侯之說鑿又不足知者矣顧乃責糴於石田  
 而寔若虛責獻於漏卮而有若無得非恐鄙也  
 之困於多也君子多乎哉末重則本搖內聚而外  
 匱而有是言之諄諄勤勤故曰責之者所以教之也



鄙也今聞命矣彩虫亦弋無慮辰獲望風依依敢  
 佈腹心又有荅河仙協鎮瑛德侯詩引云夫存心為  
 志寓志為詩人有深淺故詩有隱顯博約之不同辰  
 有降故詩有初盛中晚之或異總之不外乎忠厚為  
 本含畜為義平淡為工而文之以綺麗鍛之以奇  
 巧特六義之外篇五際之餘事者也心者難測之物  
 泄之為詩而成字為詩要於一字至有三年而後



得千祀而弗鮮余是用艱之况存少涉獵未能窮思  
 於經綸長頗踈慵切戒希名於文字以故平生佳作  
 者鮮矧乃金河玉塞萬里之情三軍之務其能暇及  
 乎縱有吟咏一二亦通勉由人初非畫出已與律之不  
 苟良亦多慙善爲我藏之不足與人道也

沅

光前廣田袂寧人仕曉國公辰爲翰林院碩德侯有  
 題詠宮宇及酬荅番文書其所草頌廣二處船舶





交通先辰有還送人口查捕洋劫諸公文嘗稱安南  
 國順廣道節制太傅國公阮甫呈于天朝某官至曉  
 國公稱王辰適有答復文書欲使稱安南國王光前  
 固執不可以爲皇帝在京天朝冊封王爵此處原是  
 藩臣猶奉正朔今稱國王或中國致詰將何以對豈不  
 首草坐斥還鄉十五年然公文更用該簿鎮守官  
 名以復至阮福淳繼龍襲始起首賊己丑年彗星見



光前詔人曰廣南不出五六年當有兵起京中居東  
北操彗柄以掃西南阮家氣數休矣

景興十六年乙亥暹羅國書到富春順化令阮光前為  
書以答錄之以見海外文字暹羅來書云暹羅國  
內閣左丞相掌理奎儀術總督政務大將軍昭丕  
雅區沙提投札臺官為安邦柔遠欽奉上諭與隣  
邦會契世親和事緣安南與暹旣海一線連合共天

兩國雖隔如同土送往迎來更歷幾世各懷柔遠交  
 隣之樂欽承王命修文浴會恭上國主安南涇下萬  
 壽無疆矜宥閭閻書表陳御旨於金奎前殿中宮羅  
 列搏謨龍馬呵律沙提叨炤礦珀刀尺汪魔文寔彈  
 芳坤王千歲奏明金奎森列搏謨龍馬魔匠呖地  
 炤如茲甫嵩吧嶺安馬虎伯述礦勅搏馬虎法坤  
 司尤特野普埃主詔曰聖教馬查柔遠方策宜親



懷隣邦通安和好昔吾國嘗要良驥合式山門諾  
 請於安南承興欽惠後凡有安南政務通行或上用  
 一切書文至國者亦昭事理正兩國親愛如同天地悠  
 久無疆但吾國每差船隻往來夏門寧波廣東貿易  
 易採買庫用歸航帆海路多有收風港口安南等  
 處地方合差咨文移會懇請國王安南王令標示過有  
 司等抽分餉費暹國差船規例與商客庶民同之



抑允暹船紅艘皆庫帑發辦上用差使皆吾收風船  
 隻所費地方規例官派錢糧稅項一槩告乞免其徵  
 收或憑其開文或咱將原錢發還係乃安南感邦王  
 命允從京於己丑年吾國大臣丕雅洪修船發往寧波  
 售覓庫用回帆還國羈留惠安據丕雅洪奏明案  
 內供詞船主洪搏安冒充安南國禁致干國典理應  
 按律治罪但其通船器皿以及貨物在於安南收留



等項經戊辰年差鎮發鎮門二人齎文會咨咨請頒  
 蒙國主大邦仁政柄追送還本國一次其後仇有收風安  
 南船隻本國應當咨文往請送還取詔此一件孟子曰  
 文隣國有道乎明矣國主安南能去例懷仁義以相  
 接然而不王者未之有也是故躬自厚而薄責於人則  
 遠怨矣今而後或安南國有用文書器用什物等項  
 合應頒行國內無論奇珍異物暨國儘有者准給



使命欽哉欽奉誠敬於國主安南矣但癸酉年安南  
 使命貴大臣同祝翁調遣差翁該合翁該登二人  
 前來交質奉送琦瑋香絹匹扇等並將尚孔尚娘  
 尚吹等送還本國懇赦大臣總兵官該意等三十九  
 人緣由係陸坤王昭丕雅彩章本奏內題戰船安南  
 四十六人埋域海島於劫居民及商客船隻往來不  
 堪荼毒所以地方官哨出船查驗來歷翁該意



等四十六人竟以砲火攻打哨船而於水路斃失七人  
 被獲三十九人解送來京請旨定奪等因即將三  
 十九人發落因禁程梏圖圖據貴大臣翁調遣報稱  
 翁調該意係安南總兵官奉命往高綿國招安屋  
 野連卒巴志地方遇風漂至陸坤懇乞王赦宥歸  
 國爰念國主安南王准將翁調該意等三十九人著  
 落發還翁調該合使命帶領回國其後另又三十



五人係惠安船隻往同祀糴米颯至崑崙峯飄流四日  
 遇夏門船主蘇彥官救活男女共十五人帶至暹中  
 吾有司官究問原情即將此等遭難男女十五人亦  
 反使命翁該合等帶回總共五十四人但其內遭難  
 十五人非有交來取領乃念<sub>辨</sub>邦情面配回誠亦加厚  
 於安南矣不然吾國誠非有愛為吾民矣安有留彼  
 不是之禮哉是故惟仁者為能以大事小故湯事首



文王事昆夷惟智者為能以大事小故太王事薰  
 粥鬲勾踐事吳然吾暹邇雖誠釋教亦知思天朝  
 堯舜之德文武之道惟念順安南禮義之師一體同仁  
 罷念席卷吞併而兩國親隣和好共樂昇平四方  
 無災自有大臣受命又丙寅年旨於金鑾前殿中  
 宮御旨頒命乃集嘉邇玉成為船主等前往廣東  
 回暹收八安南共目夥八十三人鏡六枝其財貨什物項



值暹本庫幣銀三十一斤二銖三錢但銀器花樣不勞攀  
 一件銀器撻躋來一件銀器八沙坤員花一件銀器尖  
 再念一件錦緞十足被翁安官派餉稅八地方所費於  
 安南一口鯨吞一次又戊辰年差陳靚等爲船主往  
 廣東採買回國收八安南船主身故板主歸國詞  
 供通船貨利共賣折暹銀六十六兩十五兩二銖銀器  
 蒂抹二件銀器不勞攀一件銀器磨覽二件錦緞



十足又被安南公翊安地方官鯨吞所費二次共銀九  
 十七觔十六兩錦緞十七足銀器二十一件等又癸酉年  
 差餘楊成章等爲船主往廣東採買回國收八安南  
 其庫用銀器緞足什物項件等又被官庫鯨吞所費  
 空船而回以上收風三次抽分總共金銀什物等項計  
 三百七十四觔十三兩三錢致令執事臣等賠累受刑  
 莫何如是吾國大臣朝改區沙奏爲安南有司官席



卷隣邦事蒙金奩前殿中宮芳坤王差遣採買庫  
 用內務事以上三次貨項船隻收八安南一洗盡空皆係  
 官差嚇騙所費錢糧餉稅規例於安南豈料賦歛  
 莫甚荒不思船隻良民商帆海飄遙不特風波之險  
 而又財命攸關况其紅艘船係我暹羅國主金奩前  
 殿中宮芳坤王庫用王船差遣採行內務而又與商  
 客庶民不同豈不道兩國和好禮義往來安可貪吝



國課徵收財物小故失其大邦仁政體統承奉祇國主  
 中宮愛及安南奏明金匱正殿欽懷柔遠念安南  
 與暹乃隣國至厚不堪因小故而失大義既然上年採  
 買船隻三次所有庫用什物回國收入安南既經官庫  
 鯨吞所費諒安南有司官未有報策奏明於國主  
 安南道于收風船隻係暹羅國差遣採買庫用內  
 務船是故官差恣將恣意徵收然亦上人安南或亦



未得而知焉豈有以隣之國彼此往來交通和厚不  
 思仁政於天下而聚斂船隻抽分財物小故乃彼有司  
 相輔社稷之才務引安南明君當處仁治方之策不若  
 汝等有司專權故意斂徵匿報不体國主安南王聖  
 聰明不思柔遠懷侯通和隣國恣意徵收課派輕  
 視吾暹絕其海關船隻往來使成仇敵汝有司不能  
 無有過乎豈不念三代之得天下也以仁豈不念安南主



上金城千里子孫萬世基業而益賦歛非誤國而何  
 其遲船隻能有成多稅項何其見吝而不能容情汝  
 有司能有不是故乎但吾遲每年應需庫用修船裝  
 貨差遣上往天朝廣東夏門寧波等處貿易採買  
 庫用內務事至其船隻往來於海路無憑憑風波難測  
 未免收入安南若又官差所費逐年收風一次逐年通  
 船一捲情寔難堪該吾等大臣何所議蒙中宮王好





生之德愛念隣邦通和歷來已久不堪因小故而興兵  
構怨使生民得以樂業於盛世矣今幸安南使命前  
來宜應交接通政使司通安隣國翰林院內閣大學  
士修文特差執事臣朗丕文坤區沙屢叨二員賚命  
合同安南欽使前往板知願乞國主安南龍目暹邦  
欽諭大臣有司官將收風三次船隻什物所費送還  
使臣朗丕文坤區沙屢叨點明護送出境還國冀不



失隣邦和厚感德靡涯再懇出八詔身龍牌十張  
以他日船至收風八港免其官差徵收採擾風達順原  
船發回即亦他日遲羅船隻交往而無休息矣欽賜土  
產白幔五疋花幔五疋紅幔三疋大花滿天二疋共十  
五疋村交使命帶來進上國主安南千秋茹納聊供千  
里面目畧表微忱之至欽此欽遵到閣等奉此抄行  
修文咨會右咨國主安南敕前洪福千秋龍目御覽



龍冠乙亥年孟夏四月順化回書云安南國左丞相兼刑  
 部戶部達郡公甫復詞于暹羅國內閣左丞相掌理  
 臺儀術總督政務大將軍昭丕雅區沙堤投禮甚  
 官電炤本國之與貴國締交結好世世為隣無毫  
 髮異信矣哉金石之堅也曩者本國軍民漂到地方  
 蒙貴國一視同仁送回原籍厚云厚矣而後水軍及  
 漂民尚拘留不遣往有報辭未見放回尚幸望顯



今者來箋但諄諄於索銀一事不語及所漂之軍民  
 抑以此故而見留歛請問其故間者丙寅戊辰年紅  
 艘船八港設或差人貪得徵收過例當此之辰亦不  
 聞報告且本國三載一考績五載一考績自有常典  
 豈容貪墨之人哉花翰到日追究原來則老者云  
 亡罪者見黜事經歷月兩無憑據其然乎姑置勿  
 論又癸酉年楊成章船隻云從廣東來通船貨



物俱無不許入港此本國之常規也彼自懇期如入港例  
 有司徵收不越乎此豈有他哉設若彼等罄盡所齎  
 不出於舞筵歌兒則八於酒場賭店歸帆之日欺以其  
 方是無稽之言耳而咱一邊之說索還銀之事請  
 云張公吃酒李公醉此吾之未解以國王殿下之明蒼  
 季驪黃何必深辨况本國所習者孔孟豈不知交隣有道  
 以義為利乎但箋中所云有司非輔相才益徵賦歛不



以吾國有司爲何如人又云輕視吾暹使成仇敵何爲出  
此言哉且兩國以信義相交久遠相期假使差人見利  
特細故耳安有以費銀之細故而廢金堅之大好耶  
若夫懇請龍牌十張所與非傷惠也但龍牌多得  
只恐船主蹈楊成章之故轍以私害公以利害義聊  
送一張往來任意今年如此明年又如此年年不絕  
一而足矣何用多爲所見惠尊儀已經收八但所漂



之軍民尚見留於貴國倘有厚情可將目夥一二送  
 還此睦隣之厚何厚如之斯義也斯情也永以為好也  
 今欽送土產等物交使臣迺進國王殿前惟祈恕納庶表  
 相通之義茲復

順化於是年有書答暹國不見暹人來書如何細看回  
 書亦可見其有自尊大之態書云安南國王甫復辭  
 于暹羅國王電炤今年秋該智首張等還歸具



稟貴國回箋并惠答厚儀及交還該懃并捷一與  
 漂民五十四名回籍具見隣邦高誼嘆想移辰開緘  
 展省見回箋中有云去年所送琦瑋香乃沉香非琦瑋  
 也且琦瑋一物雖地產所出其清香佳麗亦稀遇而  
 罕逢者也所送之琦瑋者似非佳麗寧比沉香不過所  
 產之地氣歲有豐約故物之多少有不齊地氣使然  
 也曾謂交隣之義乃目賦賦爲琮玖而相遺者乎甲





曰真乙曰贗真贗之間必何深別當以意會之而已至  
 若送本國流民還本籍乃睦隣之厚意王國之常規  
 也貴國既想及烏之義放還亥該懿及軍民等斯  
 義也斯情也何有子知之雖古王交隣道之邾亦不過是  
 而後水軍及漂民尚拘留不遣將貴國未及發放歛  
 抑彼等有何事故而見留歛此吾未之解也且夫所發  
 回五十四名者本國之軍民也而後水軍及漂民見留



本國之軍民也均是吾之赤子蒼生固宜一例見愛未  
 審貴國之一放一留何寬於此而密於彼也又回箋有云  
 昔年安南並未有為非作反沿海劫打數年來每  
 每侵犯邊境劫掠民居吾覽至此不覺撫然曰吾身  
 中曾未聞此語國家自有法度豈容鬼域之類弄吾  
 憲章耶若果有之是守將禁戢之疎也海天渺邈  
 吾安得週知耶本國與貴國相親相好之請况坐視



隣國之民罹劫掠之慘而置之度外乎想貴國亦禁  
 暴睦隣之風也今吾嚴勅沿邊守將並宜禁戢  
 海民不得劫掠洋路諸國商船亦猶徂舊風寘之  
 嚴憲斷無輕貸且貴國尚恤流民之漂泊發田本藉  
 吾豈能縱沿海無賴之徒極擾貴隣之赤子耶但  
 田箋中數語不能無可議者姑爲國王言之如云安南  
 向化深爲可嘉又云安南進貢向化以誠此等言語不



知暹羅視吾安南爲何等國耶此吾之未解也且夫  
 上取下謂之賦下供上謂之貢貢之一字下奉上之義也  
 向化二字外國慕中朝之風化也暹羅之與安南猶有  
 楚燕趙平交之國也安有平交相遺而名爲進貢隣  
 邦修好而辭曰向化何名寔之不相副吾想貴國執筆  
 之臣好爲自尊自大之辭而不覺其言之謬也以國王  
 欽明英睿豈不知安南自古爲文獻之邦而爲是言



耶所見惠厚儀已經收八多謝多謝

景興十一年庚午八月順化將伏高綿今禮部阮登威為  
書遺暹國王曰本國與貴國締交結好從來久矣非  
牛馬之風不相及也今西陲有事用告諸隣且明言其  
故夫王者之用兵極溺救焚弭亂誅暴是以文王有不  
恭之怒宣后有整居之伐非樂戰也不得已也葦取爾  
高綿僻居榛莽譬諸滕國間於齊楚彼既依憑於



貴國亦服事于本朝揆彼之初心無他冀有二天者也  
 日暮者躡深失路賴貴國提携言還故讓顧彼戎師  
 之孔迩弗敢寧居貽望闕廷祈憐請命本朝伺涸  
 鱗之就水嫩翻之投林藏垢納污分茅錫土使為予  
 輔弼世供取貢是高綿一國也其始也蒙貴國卵翼  
 之恩其終也藉本朝亭毒之力固宜保始全忠終畏  
 天事大以執贄奉珍為敬以安民保境為忠斯不



失藩臣既分不意蠃深大羊其性蛇豕其心叫聚凶渠  
 漫凌邊圉本國以鬼方無道獫狁不恭爰命鷹揚  
 提兵問罪以戒藩臣之不軌且春秋之法亂臣賊子人  
 得而誅况有國者乎高綿既無禮於本朝亦何息於  
 貴國彼此互雠何待深辨想高綿之罪亦貴國之所  
 共惡同仇也義師所到彼必望風奔潰倘或踰深餘  
 党未覓故巢惟冀貴國以惡惡之心爲心以交隣之



之信爲信繫蝸深父子之頸以與邊臣母使不請之  
 臣獲逃斧鉞貴隣之義也千秋高誼日皎星輝庸  
 告腹心惟祈鑒諒

廣南處之西南嘉定府外有河仙鎮與暹接壤有琮  
 德侯鄭天賜字士麟麟者其父和國人來此墾闢有  
 部眾臣於順化祚國公阮福澗授以總兵永佑丙辰天  
 賜繼襲招致文士雅好詩章風流才韻一方稱重僕





常得河仙十詠刻本一金嶼攔濤二屏山簪翠平三蕭  
 寺曉鍾四江城夜鼓五石洞吞雲六珠山落鷺七東  
 湖印月八南浦澄波九鹿峙村居十鯉溪漁泊皆天  
 賜所題而孔國與順廣文人相與屬和不可謂海外  
 無文章也天賜題第九詩云竹屋風過夢始醒鴉啼  
 簷外却難咱殘霞倒影沿窻紫密樹低垂接圃青  
 野性偏隨猿鹿靜清心每羨稻梁聲行人若問佳何



處牛背一聲吹笛橫第十詩云遠遠滄浪啣夕照  
鱸溪烟裡出漁燈橫波暎暎泊孤艇落月參差浮  
翠牛背一頷簑衣霜氣迫幾聲竹棹水光凝飄自笑  
江湖客欲附魚龍却未能可以見其志氣乙未春官  
軍克順化偽岳據廣南沅福淳走八嘉定天賜辰年  
七十餘猶能完守爲沅氏力援抗拒偽岳亦爲忠義人  
也今未知所在



河僊十詠鄭天賜唱北國朱璞吳之翰李長人仁單秉馭

王相得路逢吉徐叶斐林惟則徐鉉林其然陳維德  
 徐登基馮玉棗陳伯發黃奇珍周景揚陳瑞鳳陳  
 自蘭陳躍淵陳鳴夏陳演泗孫文珍孫天瑞孫季  
 茂共二十五人南國鄭蓮山潘天廣陳儀陳禎登下明  
 本莫朝旦共六人和韻集中共三百二十篇天賜序之  
 曰安南河仙鎮古厲荒陬自先君開創以來三十餘年



而民始獲安氏居稍知樹植乙卯夏予續承先緒政事  
 之暇日與文人談史咏詩丙辰春趨東陳子航海至此  
 予待爲上賓每花晨月夕吟咏不輟因將河仙十詠相  
 屬和陳子樹幟鷄壇首唱風雅及其返棹珠江分  
 題白社承諸公不棄如題咏就彙成一冊遙寄示予  
 因付剞劂是知山川得先君風化之行增其壯麗復  
 得諸名士品題益滋靈秀此詩不獨爲海國生色亦



亦可當河仙志乘云丁巳夏上浣鄭天賜士麟以自  
 序于懋德軒其詩今錄數篇昭玩王相和金輿攔  
 濤詩熬魚背芙蓉鎖翠竿烟夕陽人立思悠然誰移  
 東海三山石自砥南溟一掌天截斷水痕潮有信撼  
 殘風力浪無權書生獨抱梯航志空對文瀾枕硯西  
 單秉馭和弁山疊翠詩芙蓉高肩出雲霄環列如  
 屏入望遙一畫山光橫翠竿黛幾重雨氣漲紅潮風來



石鏘青常染霞暎苔痕綠未消愧我十年雙屐  
 折浪遙空笑老塵囂陳儀和石崗吞雲詩凌霄  
 一氣鬱嵯峨呼吸虛能養太和襟瀾金枝藏石  
 澗氤氳玉葉布岩阿問來八夢陽臺幻懶去從龍  
 碧漢過漫道無心頻出岫九天霖雨待如何李長  
 仁和鹿峙村居詩鱗鱗衡宇鎖重扃淳古  
 人依古翠屏倚隴背露繁桑葉嫩川頭風細稻花馨耆



年想漢稱三老童真尊周誦五經得失醒來蕉夢  
破豕園鷄蝶夕初真

阮登盛香茶安和人阮居貞之叔也博學能文中鄉貢

教曉國公學歷知縣該簿術耐香名侯曉國公稱

王辰改管禮部卒年七十有詠史詩刻峭黠淡今錄

數首其詠漢安帝詩云雲擁龍軒十六秋永初天

子止優游縑囊自損房園德亦偶空貽黼宸羞



閻氏朱輪方闢熱馮家玉輦更夷猶夕陽誰洗  
孤忠恨自付滄溪洛水流其詠宋真尊云秦魏彫零  
約誓塵謳歌有厲帝國春廟堂黑白迷臧否宮  
觀丹青信鬼神不整干戈修故壤空將金幣結強  
隣東封西祀成何事誰問爲真尊問上真其詠高  
尊云晚霞世界屬黃金誰向新亭嘆陸沉伯越  
不越嘗勾踐胆天遠甘屈敬溘心百年帝業分





阮

光影六月王師遯好音十二金牌千古恨水天無路  
 問微欽其詠宋度尊云火輪隱約五更霜半醉  
 山河八醉鄉斷梗已甘辭汴水孤根誰料失襄陽秋  
 風城闕排鴛鴦落日樓其室奏鳳凰笑殺邊亭  
 無片紙半間花草氣平章

光前題阮氏絳香家有句云素娥長掛千秋鑑金  
 世頻開萬壽杯其西江月調云綉戶好迎秋月珠



簾初捲春風不但春秋渾若此宜夏又宜冬萬葉  
 都歸煦育群生咸被睴睴喜際清辰何以祝如  
 栢又如松其詠少女風詩云風姨十八正婷婷到處  
 生涯到處迎江上凌波空苑轉枝頭學子舞自輕盈  
 珠簾綉閣長爲伴瑤草琪花苗有情模樣擬將  
 傳八蚕是空是色面難成

曾聞有人言祚國公辰有通天朝魏西廣總督官



銀五萬兩求封貢康熙雍正二朝皇帝知是安南藩  
 臣却而不許未知的否今見阮光前家舊編乃知果  
 有其事順化與廣東督院信使嘗通於康熙四十  
 一年壬午五月有本寄奏大清云海外越國草莽臣  
 阮福潤稽首頓首百叩上言爲遠方懷德抒誠向  
 化事臣奉祖尊基緒闕土巨洋之外多歷年代與  
 南方諸國從無附麗道里遼遠土地隘小未敢上



達天朝臣天祖信任世修梵行臣師廣東長壽庵  
 僧石濂從受內典經誦之餘暇爲臣備述皇上聖  
 神文武如天仁德又廣東監生黃辰僧徒興徽同  
 頌皇仁聲教施及遐方蓋見皇恩浩蕩引領向  
 化仰依日月之光竊比附庸之國上榮祖考禋祀下  
 耀黎庶觀貼葵藿有心歸誠待命適於去年  
 九月初二日風飄暹羅副貢船抵臣國境知修天



取虔誠訏貢代修船隻資送米糧前赴廣東臣阮  
 福潤謹將歸誠情由虔具表文付監生黃辰僧徒興  
 徹隨身賫帶附貢方物上上琦璫香一塊重一斤十兩  
 又一塊重三斤十兩生金一塊重一斤十三兩五錢雷公  
 銅圈一對象牙二枝重三百五十斤花藤五十枝棕  
 竹五十枝先交暹羅副貢船上付監生黃辰僧徒興  
 徹具呈廣東督院倩邀替臣題達臣祖尊官定有



光寵哀懇聖天子天覆地載之量鑒臣微心許臣  
 向化若蒙皇恩俯賜御翰墨寶命允歸誠臣然後  
 敢遣陪臣賁表稱謝臣無任貼天仰聖惶悚待命  
 之至謹直書下個以聞大清聖祖仁皇帝不允雍正  
 二年甲辰五月祚國公又有書送禮廣東撫院官云  
 安南國順化等處節制太傅祚國公沅福凋拜書于  
 天朝廣東巡撫都察院老憲臺閣下伏以節過中

天人依翠樾阜財鮮溫在聖天子方揮五絃之琴滌  
 煩祛苛惟老憲臺能作萬間之厦恭惟閣下河  
 馬圖靈津龍劔氣負濟辰之偉畧建此勳猷挺  
 命世之奇才瑩爲圭璧富學著當辰之策高名  
 標清代之風備文武之兼資作銓衡之重寄粵東  
 幸覩福星日南欣貼膏雨遠地古稱順化故都同  
 奉天朝遵聲教於當年通舟航於此日商客遍



傳德政祥雲獨見威儀正某景仰朝企之辰也伏  
 願大放龍門使滄海而連碧海恒通雲路使遐壤  
 以接中芒雖昭臨無私普天常依化日而鈞衡獨運  
 遐馭竟沐仁風爰憑寸楮附送微虔仰祈莞存殊  
 深慶喜又有書吊祭總督官云安南國順化等處  
 節制太傅祚國公阮福澗謹具白雲金一百兩心代  
 生芻芻致祭于天朝前兩廣總督楊大司馬老憲





臺之靈誄曰中原正氣磅礴遠湯方山爲城綠木爲  
 隍川岳挺秀生此賢良貼彼楊公濯濯其芬乃文  
 乃武才德兼長節制兩越澤及遐方保巖開禁柔  
 遠斯張先皇托重功業煌煌嗚呼楊公三韓奇士上國  
 靈鐘心公之德亮爲其尊近稱韓范古比蓋及龍濟  
 白傳家礼義尊崇播流善政遠近併蒙新君寵渥  
 報國精忠某居海甸甫仰高風正當眷注樂變表



從嗚呼楊公雖容儀之未接信典型之可傳嗟夜  
 臺之長往觀雲物之淒然歌薤露之短篇忍含  
 淚而長鳴生芻一束萬里將誠惟昭昭之鑒格表  
 恋恋之衷情

曉

王辰福建人李文光等作亂於嘉定捕獲渠党送  
 還內地有公文遺總督官云安南國順化廣南等  
 處司牧既不佞拜書于天朝閩浙總督太子太保

老憲臺閣下竊聞山川封域詳于圖誌南北各殊禮樂  
 政刑稽諸墳典迹遐周間不佞遊司越壤畧解唐  
 文亦聲教之所暨也今天朝聖天子四海一家八風同  
 軌內而龍閣濟濟阜夔外而周簫堂堂齊魯曾恭  
 惟老憲臺閣下瑞辰儀鳳間世人龍深蘊珪璋月  
 朗九卿之地攸司鎖鑰雲開半壁之天豈但昭德政  
 于寰中而又播聲名于化外者也迹於丁卯年李文



光何輝謝四等旅遠福邑色藏禍心潛入嘉定界內  
烏合百餘妄自尊大或稱都督或做軍師餘各以  
次盜名將圖福邑括殺邊臣既而天奪其衆一齊  
就縛律以不道死有餘辜然姑置刑章拘而不殺  
者正欲披懷上訴送還彼等伏此常憲第恐商船  
浮踪靡定道遠無由以此迤邐歲月往年欽命廣  
東分巡雷琮兵備道按察使司僉事加五級紀錄

四次貴戚該差海南船長往詞遺彼等犯民歸國正刑  
 不佞素知他本商人見在福邑故不輕允今標帶兵  
 官沈神朗胡廷鳳二員昨遭難風偶來福邑迺將彼  
 等公案各各計開或交鋒死或在囚死以至逃亡俱有  
 別額其見在十六名者委領調回代詳稟白伏願懸  
 斗鏡于座間魑魅恣召猴麟經于筆底亂賊難  
 逃雖在海瀕亦得聞政令之餘耳更如千總黎輝



德把總沈神朗胡廷鳳乙亥年詎測風波萍梗境  
 內一聞需惠俟送回唐豈意同病不相憐同患不相  
 卹自相爭鬪各訐是非此皆唐弁非開福邑政典故  
 封還兩造原辭回稟上憲一經裁定復聞海内存知  
 已天涯若比隣恭贈土方微物沉香五斤花標扇五  
 把黃絹五足象牙一雙燕巢十斤魚翅三十斤海  
 參三十斤棕竹二十枝等項以表寸懷僻壤乾坤丹

悅默契中並日月青眼交貼似冰言以足志文以足言將  
 何景仰於萬一寸楮神馳伏祈炳鑒謹書  
 乾隆二  
 十一年七月日

順化逸士吳世璘字完璞少有志趣博學能文隱廣田  
 之蕪萊社自號嚴竹齋今年可五十餘寓居清河浦  
 僕使人招之不至寄詞感謝且言以趨辰干進爲耻其  
 所題詠名曰風竹集亦婉雅有情致其題詞云夫風



之爲物者無其質而有其氣竹之爲物者自其質而  
 無其心故竹因風而自聲風因竹而成迹是以風來則  
 鳴風去則止風之大者則大鳴風之小者則小鳴是  
 其鳴乃在乎風而不在于竹竹本如如也至若高如鶴  
 淚爽若龍吟驟如奔濤徐如行佩迢夫幽能陶俗  
 清可滌頽愈出人愈而奇愈鳴而不竭者亦在乎無  
 心而妙應乎風也雖然其所以暢發天機悠揚真韻





者亦在乎咱者之自得而其雅俗疵醇則於竹何與  
 焉吁竹乎竹乎吾有取於竹矣其友濰川人阮養浩  
 序之曰萬物之聲耳影矣有出於元聲有出於聚聲  
 元聲者天聲也聚聲者人聲也故人聲則有邪正  
 之辨而天聲則無邪正之辨焉夫人聲而求天聲之  
 正者翕純緜繹商宮迭奏而條理井然不淆嘻笑  
 怒罵觸物成章而情性各得其正此人之天也若其



哀而至於傷樂而至於淫如濮上桑間之聲此人人之  
 也至於天聲托於物之自然如松聲鐘聲春鳥聲  
 秋虫聲蕉雨聲風竹聲聲音韻清逸品調幽古嗚  
 之令人有野鶴之遐心孤雲之遠思其視絲竹之繁  
 聲耳矣嗚天壤者歎吾友晉江吳君完璞幼習辰文  
 尤工於詩既而壓厭世俗之繁聲慨然求天下之  
 元聲於是出禪入仙操微索隱幾十餘年殆無



所得反而求諸六經一旦豁然有悟夫乾以易知坤  
 以簡能廓然太公物來順應之妙推之行事措之言  
 辭引而伸之歌詩詞詠觸類品題風韻天然不由  
 斧鑿豈非有得於元聲之旨者哉先生平昔性愛竹  
 所居必植於窻前寄傲之餘清風徐來鏗鏘成聲  
 於焉妙悟夫竹無意於風然而風來則竹動而聲生  
 心無容於物然而物接則心感而詩成風去竹靜事



去心虛鳶魚機括有不各己者故於鍾聲松聲春  
 鳥聲秋虫聲蕉雨聲之此數者獨有取於風竹迺  
 康節梅花濂溪庭草之意緣一物以剖玄秘者耳故其  
 詩集題曰風竹問序於余余忝以知音不能以鄙俚辭  
 謹書諸簡端以併告夫同志之言詩者陳世昌跋之曰  
 其性愛竹所居必植窻前以供賞玩蓋竹之可愛者  
 幹直而節堅枝深而葉勁植植亭亭有凌霄冒之



狀烟消而月上雨霽而風來是洗我之塵襟忘吾之  
 俗慮其清曠之氣爲何如哉古人多有愛之者不  
 意於吾友完璞吳先生亦酷愛此與某有同志焉  
 完璞抱道自珍不爲物欲斫汨胸懷洒落日會心  
 融故於花朝月夕之辰冷雨凄風之際感物而發觸  
 類成詩聲調天然各得性情之正亦猶竹之於風也  
 隨觸隨發音韻無窮而人不厭其煩者也第風



之觸於物也天然驟然萬籟皆鳴而獨以竹拉名者  
 何哉蒼竹之爲物也育類乎君子之德焉觀其志  
 名于集可旣然想見其爲人而况讀其詩耶

吳世璘詩集自詠云南方有一士志大而教竒少迺宣聖  
 門長進心無疑耽書廢寢食任俠忘權威目擊  
 蒼生苦胸中無所施自負且韜蘊善價應有期  
 行年未四十此心忽已衰退居友麋鹿結廬卧水



坡閑閱古人書所得在伏羲點頭知古人誠然不戒  
 欺回首少年場凡事皆妄爲幸或脫韁鎖默默心  
 自怡哲人嘆永逝吾今誰與歸其春日偶成詩曰浮  
 名放下見吾真木竹生涯幸不負曉野無風烟自直  
 山花有露露色偏新高談對客饒三寸佳釀逢春  
 好十分料得無人同此樂不妨麋鹿結爲隣其書  
 懷云天地生吾育意無邊方空落一迂儒四母妙旨



湯心誰問一貫真傳嘆獨孤魯聖泣麟知命矣楚  
 狂歌鳳識辰子雖然用舍非由我自是行藏却在吾  
 其自述云三六年多病客愛閒結屋在蕪萊半生  
 踪跡詩為伴到處登臨酒作媒心不彈冠却已心  
 諱友無按劍任詆諆為人最苦是無學學得還  
 須大眼開其蕪萊鳩詩云錯落人家綠樹間綠溪  
 為鳩各回環東南一帶湖連海西北三分壑接山深





處鯁肥漁父醉平原草長牧童閒白沙翠竹紅  
 塵靜一任幽人自往還又有蕪萊十詠其平湖弄月  
 云無爭風月與誰同獨棹長歌浩水東萬頃寒光  
 連短楫十分秋色浸孤篷戲將沉璧雙敲碎醉把  
 流輝一吸空狂甚嫦娥休冷笑塵宰幾得見閑翁  
 其菜圃朝耕云半畝立園藥徑開靈苗總嫩草不  
 萊深菑不覺連雲刷顧本寧辭冒雨培拂檻藍



花紅上臉遠田蒿葉綠侵鬢  
 放耒辰倚松陰坐  
 野鳥枝頭作意催其沙時  
 晚行云晴江樹色晚蒼  
 獨步沙汀望渺茫避客眠  
 鷗藏亂荻候魚饑鷺  
 立寒塘秋風未准湖心靜  
 落日空教旅思忙范蠡  
 舟何處是往來惟見釣翁  
 舫其書懷云蕪萊結屋  
 一年餘蓋世襟依日蓋疎  
 舊事如川長赴海新依似  
 月欲凌虛未能絳闕全家  
 舉且傍空門遠俗居天



意若非憐惜我甚肯教容易卧茅蘆其野坐云野坐  
 惟無事涼風蘊太清遠邨來竹色高樹落蟬聲名豈  
 忙中得詩多靜處生夕陽行客歇古道獨會情其辛  
 已中秋偶作云地僻人間夜似年中秋月色好誰憐陶  
 潛酒後惟耽睡孤負嫦娥一夕圓其蕪菜秋夜云永  
 夜沙林裡無人自點頭月窺僧舍靜虫語客窻秋獨  
 坐心無極高歌轉韻幽故人千里外何日更同舟其寄



高留守云河直造一自唱驪歌愁對東籬雨度花故  
 國風塵今更異殊鄉烟月重如何寄來狂藥狂還  
 甚酬去靈丹靈得麼盛世相逢應有日班超端  
 不老龍沙其曉起云星移宮漏促殘夏破天荒宿  
 鳥寒啼月初鐘冷咽霜念頭分舜趾天際判陰陽  
 莫恠群生急紅輪亦太忙其山居即事云蟬聲喧午  
 夏竹影護堦苔老圃秋無事柴闥門昼不開溪雲



當望起山雨過江來清世誰高尚閤眠爲不才其過閑  
 樂故城依古云斜陽停馬望無限廢興情園苑僧爲  
 寺宮庭牧自耕殘山餘古塔剝水竄荒城神道原  
 無據西開漫刻盟其咏馮驩云填門食客漫紛紛  
 市義者來有幾人雖有嘉猷依小薜更無善策  
 制疆秦劍歌疊唱殊堪厭鬼窟三成自可親相國  
 若無收印日誰知彈鋏是佳賓其咏文君云風流前



債思難厭無那琴聲半夜催紅葉不勞題葉去  
 白柯鮮作枕柯來何翁不憤難容物兒女堪憐  
 亦愛才詞客早知情太薄白頭甘為老粒臺

吳世璘有遺友人沅養浩畧曰凡人言語正到快意辰便  
 截然能忍默得意氣正到發揚辰便歛然能收歛  
 得忿怒嗜欲正到騰沸辰便廓然能消化得此非天  
 下之大勇者不能中庸所謂知耻近乎勇只是耻其不

能去己私以到聖賢地位也令人多以言語不能屈服  
 得人意氣不能凌軋得人忿怒嗜欲不能直意仁情  
 為耻夫不知此乃學者之病正君子之所宜深耻更不  
 稱他智謀才畧只是一箇斷乎無技休休如有容而  
 己學者須是克去己私直至得斷斷休休休方能  
 康濟天下挽回三代之治方是不負吾君不枉此出世一  
 遭也世璘又有論錢弊一劄阮福淳不省其言竊



聞自先君啓宇地尚狹民尚稀南未有嘉定之田北  
 尚有橫山之警言連年兵革而民無饑饉國有餘需  
 今天下承平日久地廣民蕃生穀之土已盡墾山澤之  
 利已盡出加之以嘉定龍湖之田又無天災旱潦之變  
 然而自戊子以來粟價騰踴黎民饑饉其故何哉  
 臣竊思非粟之乏也鉛錢之所致也夫民心之趨利  
 猶水之就下其勢不可遏故雖深山有瘴煙之毒虎





狼之惡大海有風波之險鯨鱷之暴而人常履而不畏  
者見其利而忘其害也况鑄鉛錢之利其利更倍於他  
而無瘴煙風波之害雖有法禁然自用鉛錢以來未聞  
盜鑄鉛錢而死者故自巴忒盜鑄鉛錢之肆行而嘉  
定粟價騰踊盜鑄鉛錢者得利之多若載之他  
處恐漏其奸故不計貨之貴賤皆隨而買之粟價  
遂因之而貴粟貴則人心畏饑畏饑則爭買而積



爭積則粟日益貴益貴則天下之物皆隨而貴之  
 况人情誰不愛堅牢而嫌易敗今以鉛錢之易敗而  
 當銅錢之堅牢所以民爭積粟而不肯積錢也漢  
 高帝辰嫌秦錢半兩之重更鑄英錢物價騰踊  
 米石萬錢此錢薄致物貴既有明驗矣且自有嘉  
 定民者此處未嘗以積粟為利今嘉定府家家皆  
 積粟不特嘉定而富春及諸府人民有錢者皆相



爭而積粟使粟不貴其可得乎嘉定粟貴則諸府  
 之粟安得不貴諸府之粟貴則富春之民不饑者鮮  
 矣夫人情一日不再食則饑終歲不制衣則寒饑  
 寒切身不顧廉耻故奸邪起而盜賊生語云一朝不  
 食父子無義父不能保其子君安能有其民哉雖然  
 鉛錢之弊從來久矣今欲更之其苦甚難於速效而  
 生民之饑其勢甚急臣竊思之爲今之計莫若依



漢法置常平倉每府置庫設有司隨府定常平之價粟賤則依常平價買八庫粟貴則依價發賣與民如此則粟不至於甚賤以傷農而致民廢農亦不至於甚貴以資高實之利而貧民饑饉然後徐更鉛錢之弊而諸貨平矣謹陳常平倉法例于左一我嘉定府定常平粟價每斛五百順延慶其粟價每斛六百富安歸仁粟價每斛七百廣義



升甚莫。每石粟價每斛八百順。京廣平布政粟價  
 每斛一貫。如各府穀熟之辰，許民依常平價商買。  
 倘粟滯，價賤則有司亦依常平價買。八官庫或有  
 粟之家，執價不肯賣，則有司亦依常平價買之。使  
 彼不敢執價，然後發船漕運。起京存餘，留積在是  
 處，以防凶荒之歲，賑發軍民。此法一立，則嘉定之粟  
 者，赴京當得二倍之利。平順、延慶之粟，赴京當得六



之四利富安歸仁之粟赴京當得七之三利廣義升  
茲莫負君之粟赴京當得八之二利如此則年是不必差  
軍催諸府粟船赴京而諸府之粟船亦爭而赴京矣  
此法既無傷財又不害民故漢宣帝一立此法而民皆  
便之也

留春城朝陽閣俯臨江津制度宏爽左壁門片刻詩云  
蒼蒼蒼標正色浩浩遠無涯氣結山河香光分日月甚

問曾傳止則補歛億皇姑聞說空桑法曼佗更雨  
 花中原荏山氏敬錄文春柳碧如烟春流宛轉沿  
 低垂金鏡畔斜拂玉橋邊眉細波中面腰輕瓦裡  
 旋章臺臺至千萬樹惟爾沐恩先中原臣立廷揆拜錄  
 又曙色籠丹陸天門十二開今朝狀元雨萬里一聲雷  
 臚唱傳三殿鴻名播九垓何須太史氏更奏慶雲來  
 右梅亭趙臨題又龍麟呈秀色偃蓋欲擎空不



畏灑嚴霜逼偏宜細雨濛  
 貞堅看本性洋洒與誰  
 同天賴還堪咱笙簫傀  
 下風右丘廷揆題右壁門  
 片刻詩云振翮盤霄漢  
 清標迥不群九臯空外  
 鄉音午後月中聞緜嶠  
 隨王子瀛洲駕大名千  
 年遼海上鄉里隔浮雲  
 右梅亭趙臨題又文物  
 皇洲感聲名槐市場學  
 淵深海水義府僊宮墻  
 特達珪璋器從容禮法  
 場無窮評月旦此處定  
 行藏莅山朱揆臨



題又甕裡香膠燕盃中湛露新  
 麴紅傳綺席蟻綠  
 獻佳辰錫報尊三爵言歡歷再旬  
 兕觥方上壽宸陛  
 萬年春臣丘廷揆題又爲隔塵氛  
 遠應憐曲徑長  
 紆迴山勢抱迤邐  
 竹枝藏鶴步苔痕  
 合春歸花氣  
 香玉橋流水外別有讀書堂  
 臣丘廷揆又題  
 景興三十四年<sup>五</sup>甲午<sup>七</sup>十月王師南伐上將  
 粹公過河傳檄順  
 廣二處曰大君有命用彰  
 除暴之仁長子帥師載繹



執言之義兵革本非得已奸凶在所必誅維國家奄  
 有輿圖光臨率土顧此頌廣之地亦在封域之中自端  
 國公以勳戚重臣奉先聖祖委方州重用循龍不曾  
 經累世無事百有餘年奈茲天意降災遭此權  
 臣專制彼張山相者斗筭小器鬼域邪心夤緣閭闔  
 之親叨竊樞機之任案信奸慝陷害忠良離舊聞  
 新專爲植堯之計招權納賄自營肥己之謀枉殺立

則肘腋而豺狼逞淫穢則冠裳而禽犢重民稅而  
 殫爾膏血減軍糧而削爾介牙政急燃眉刑深剔  
 目自招民怨翻激亂階致西山氓隸之徒蜂屯蟻聚  
 占廣南膏腴之地承哭狼奔煽賊勢之滔天委邊  
 民於塗地兵十出而九敗鋒鏑橫羅民十室而九空徂科  
 愈急滋火熱水深之虐成土崩魚爛之形嗟先公基積  
 勤勞爲此日權臣敗壞惟我王上仁弘睦族志切救辰甫



酌邊書漢推戎轂救焚極溺載馳六月之師禦侮  
 同仇用急春秋之義老夫仰遵德意曾達簡書開心  
 見誠具道恤災之意勸兵脩備將爲靖難之謀詎意  
 罔念惟狂不忠所事本意欲通于國戚被凶狂復以已  
 書既玩寇於門庭浩無勝算尚飾辭於干羽圖阻擾撥  
 師恨彼巨奸誤人大計義未容絕懇懇再達由衷昏  
 不可開專意仍然故態堅執狐疑之性敢爲狙詐之



辭廣南之境土尚淪漫說八九分已復偽岳之憑凌  
 故却云一二僅遺來書只用含糊語意一無誠寔罪既  
 彰於致寇惡又稔於欺天祇令幫汙外家思稱九  
 重之委寄不即早除元惡曷寧二處之紛攘出疆之責  
 奚辭誅亂之師可亟是用因後蘇之眾驅生力之兵  
 艦舳滿江風連連誓清之楫旌旗蔽野霜嚴直指之  
 戈先去疆臣次平黠賊涂殘去累杆杆國威于多艱續



絕固存延先公之世紀赴難寔由義舉乘危非有貪  
 心二處官員豪目等率是王臣率且為民望目爾家之  
 急難當思定亂持危觀我旅之前來須要輸誠效  
 順轉相告戒咸自激昂致玄黃漿食以迎師率部曲  
 賓朋而從事勇者獻力智者獻謀左袒輸忠用殄  
 城狐之惡孽同袍應義載清海鯁之妖氛會朝早  
 奏膚功格外定蒙尊賞凡百君子尚一乃心倘或坐



昧先幾終迷異議附張氏疆梁之態怒阮家鼎印之  
 危堅守孤城敢當義旅卽係不恭之党定干無赦之  
 誅請觀安危成敗之機早知禍福吉凶之路其年十月  
 阮福淳謹奏皇上萬萬歲去秋西山起劫未格干階仰  
 蒙皇上軫及勲臣餘裔特差聲援茲已稍平稍復  
 亦由伏聖明之德群公之力也謹具菲禮聊以拜謝上  
 答天覆地載之仁春育海涵之量冰兢在念萬望



准納臣誠惶誠恐不勝感激之至謹奏上進十鏐三千  
 笏啓文曰順化廣南等處邊臣既福淳謹啓王上聰明  
 玉覽臣遭家不覓赤子弄兵多蒙王上顧及戚屬差  
 兵聲援茲廣南既復劫黨稍息亦賴王上拯濟扶持  
 之力敢賞薄禮庶表微忱以答含弘厚載之恩尚祈  
 收納臣不勝翹望之至謹啓恭進鏐二十笏又與駐  
 公書云順化廣南等處忝國戚既福淳肅呈上國上





將軍國老臺前電炤自昔先公受封八鎮以至六七世代  
 龍衣旣莅事幾二百餘年各安境土不言軍旅之事亦  
 由仰荷皇上軫及勲臣苗裔不忍苛責色茅西復載  
 之仁與天罔極王上顧及同尊戚族不忍相視彫荆舍  
 弘之德與天難名以故順廣之民各安耕鑿無事干戈  
 是南土之蒼生亦賴上國之周旋也今茲忝旣以襁褓  
 用事凡兵政得失民間疾苦未嘗經歷凜乎如朽索



之馭六馬以張達本是勲戚耆年且爲保傅二事務  
 付托無疑不意張達一箇小人旣輕忝戚爲幼冲多  
 方壅蔽又魚群佐爲手下任已縱橫吮盡人膏立視  
 人之死耗盡人<sup>軍</sup>力圖肥家之謀與言及此噬臍何及至  
 于蔡生起身科甲竟臣屬張達保舉官至戶部誰  
 知斯人斯疾名教罪人宜其解納軍門碎屍萬段  
 以雪軍民之恨而蔡生在獄竟以悶死茲國老委差



相武侯具報如云提兵八境先去張達蠱賊次除十岳  
 猖狂以蘇蒼赤是天假國老之手以安順廣之民若  
 是英雄燕山宜勒且天下大勢合久必分分久必合如  
 以先祖而論則先祖有先祖之事忝戚無與古謂君  
 子不宥尚其諒焉又云可差一二親望請納船艘象  
 鏡踏平梁壘并所封識張達財物凡珠玉金銀器  
 四錢粟及象馬船鏡等項並應迎將交納如二處之



等件項尚當分差討平劫党未可二詳計姑待後  
 究竟寔數百寫簿轉奏本啓本投納存張達財物  
 封識如故究竟再調若他錢粟先民准發軍民以  
 慰彼等平素膏脂至如公族各員諸將各員亦一  
 心効順望謝可期是畏天之威以救順廣二處生靈  
 之命脉尚祈降鑒昭此肺腑謹書

甲午十一月睦公次愛子江登昌縣老書生陳惟忠遠道迎

師獻詩云臨風整整整向南旗闔境旄倪慰所思八世  
厭聞秦法令百年復覩漢威儀窮泉凍蟄聞雷  
後滿地槁苗得雨辰願指富春催進發兵機貴速  
不宜遲且言于嗟公日旣兵不閑步馱獨水師爲長  
技大軍遠來願勿爭其所長嗟公善其言留之  
軍中許爲句稽丙申二年月僕奉鎮撫八順化道經  
定安社有書生黎日貞獻詩小引云忝以家世本儒

才疎學淺不爲故國所<sub>用</sub> 悔迹富春教授爲業  
 春秋冉冉已邁五旬自甲午年陽月望見王師臨  
 境反步故鄉正欲偷閒以沐新化奈何歲運饑歉  
 計<sub>汝</sub>步<sub>汝</sub>常生正是心關桂玉天難曉運落風波夢亦  
 驚常欲向富春管俯陳管見一二事所患壯士無  
 顏難爲行計今伏覩輶車赴任經過地方不覺  
 忘其固陋寫成拙詩三律以寓獻曝食芹之微念



也倘蒙采菲不棄荒言則雖青萍結綠亦願長價於薛  
 十之門矣其一久厭雲霧霧霧曠天仰今尺日觀高懸秋  
 毫有禁三軍肅春脚無私一境全符佛潛軍平蔡後  
 顏頑遣將下唐年化州既是歸王化條律應教一休  
 傳其二南北欣貼已混同忍教泉貨不流通新型若  
 鑄商王幣舊器應銷阮氏銅物價自無騰踊患民  
 生庶樂太平風救災願衆良醫手急處先從病處攻



其三廣南原屬舊山河財賦無如此處多度外頑苗  
 休置彼釜中逋叛莫容他軍糧不患轉漕費民食何  
 憂饑饉嗟今日養成精銳氣來秋願速指天戈曰  
 貞年五十三頗有文學於世務亦通曉又有枚世嗣者  
 香茶陽春人賀文亦可觀其詞曰伏以北闕天高荷  
 龍光之重托南河地遠嘶鳳詔以來宣造谷生春士  
 林動色竊惟世道屯遭必建侯而康濟天造草昧惟





君子以經綸易象既明前龜可鑑龔太守得便宜  
 行事理渤海之亂繩虞將軍以平賊爲功解朝歌  
 之錯節卽試觀自古可見于今後我后其來蘇順化之  
 黔黎莫定望慈母以就哺廣南之赤子猶噐噐惟能治  
 其未治而平所未平必待賢謂大賢而任斯大任恭  
 惟長官閣下唐科早占虞陞高陞山斗望隆合羽裳  
 中之拭目海河量廣契野外之歡心世續箕裘家傳



閱閱童開出使播上國之英名秘閣講書荷鴻恩  
 之異眷此在朝既重於治郡何難益明君以一方蕩  
 定之餘獸走未安於雁宅故長官任千里生民之寄  
 牛刀暫試于烏州朱幡方到富春紫陌咸字慶賀  
 小生智漸蠡測才匪鵬搏雖探觚自愧淺能然  
 遠泮未忘素業前程俯襲文蔭仰承蒙舊朝  
 許以官員准錢稅得其免半怎奈仕途窘塞為鬼



道之柳榆家計菁條歎壯士之顏色自此離群歸里  
 孺索居四十六之春秋未成一事幾餘年之燈火空  
 途更遭兵革之餘屢切饑寒之苦不圖今日復見漢  
 官敢竭寅悰冒干丙鑿伏願化民成俗為政得人偏  
 方之末習詭託布嚴條而禁戢里巷之遺黎通播  
 施寬政以漸摩但見既抗武功誕敷文德奸雄革  
 愜然革面頓消牧馬之叛邊僞岳徒蠢爾來降



永絕三苗之負固舟車共道南北同風小生不勝踴  
 躍屏名之至謹奉詞以賀



## 物

## 撫邊雜錄 卷六

奉差順化廣南等道參視參贊軍機順化處協鎮  
 撫右勝奇入侍陪從戶部左侍郎穎城侯黎貴傳祺  
 產之美多出南方順化北布政州七十五社村坊所  
 出人參燕巢白蜜黃躡犀角硝磺絳香沉香  
 速香鐵藤龍藤烏木鉄林木花檫花菟虜虜木  
 布政州源頭有屹木亦名油木色白而膩久則漸



黃屈之不折可為弩臂

北布政州桑椹蜜膏亦清熱其木非桑也樹似粘子

核葉似金鳳 核夢 稀 其寔正月熟弥滿林叢麓生食

頗甘土人煎蜜浸貯可耐久

人參出布政州芙蓉先禮等社花紫色植沙盆中

亦活蒸酒合法形狀不異其味清甘服之能滋益氣

力人多用之



自入安之石河奇花至北布政多鐵木棲紫黑而堅潤  
大小皆良亦有棋木尤堅有數類赤者黑者花紋者  
並上好以作室屋勝於缺林其有花油膩花紋而  
稍輕者玃作器皿

康祿縣源湛源柵二處山林多出良木有名棲木堅  
黑如缺方民以作屋柱有名棋木花紋堅黑以作架  
有名多名笈菜大而色白以作壁板有名厨梯大而色赤



有名僑木大而色黃以作板滓有名花木赤而有紋  
 歲每八月商人槎筏販下梘市木條水槎摘以千百計大小  
 隨用如作五間屋材上好者不過三十貫間用雜木  
 十七八貫俗呼大柱為檣媽小柱為檣俚至如船  
 材並用檣木最長大濶厚倍常色赤而輕與棋  
 木檣木工俗尚之謂缺林太重不中用其鋸匠唯  
 德社最諳其舟匠則洞海梁渠河人慣造大船



康祿麗水各社皆有匠能造小船販賣載渡

度度木理細潤堅硬耐久以柱<sup>作</sup>下地深數尺百年不

朽廣東商客云即書所稱楠木有香者乃香

楠色黃者乃黃楠白者乃白楠南布政州康祿廣

田富榮等縣源頭皆有之阮氏堂屋樓閣船舶

並用度度木

杪木最高倍於度度木有二類名杪杪色白欠好

CCXIII



阮

名杪撐色黃最好堅而厚可作船板出於富春  
 富榮香茶左右深源者質重性輕入水常浮土  
 人每作商船漁舟不過十年出於平康嘉定者最  
 良耐久作舟可十六年但性重不浮虜虜木性直  
 而硬不負爰風浪只堪作江舟惟杪木耐浪堪作海船  
 氏有所營造多取木於歸仁廣義嘉定等府庚  
 申年作陽春府興儀門令廣南公堂官差舍人



人傳該場取木樁於歸仁府一跡六百九十五株大  
 柱長二十二尺澗水長三十二尺中梁支几二十四尺與  
 川蛇各項一跡八百十三株長大如之並令罾樣該  
 社取長船船載納二十四隻不過載得一百八十株

平康延慶二府納常稅外又別納花藤四百枝高葉五  
 百表花藤出平康府黑白相間大者花節短蜜小者  
 花節遙棕竹出歸仁府三屬頗堅好蛇杵出歸仁軟



而不折可作稍該圖家官常令該營公堂官送取  
 或千餘株或五百株付各商客隨差餘團迤商葉  
 出平康營白而細軟該圖家官常令伊府記錄差  
 買縫作二十幅迤納以付匠人作帽一二土物並送取  
 於各社村坊有不取有私寄催督之煩運載之勞  
 民不堪命矣

嘉定府多生好木查該簿阮科驗計福隆縣金門源



與光化守二處有杪木側木油木絳香榧木新平縣  
巴干源側木絳香木

阮氏富春營官居軍房數萬家自乙未年正月官軍  
屯駐將士與從役兵丁何止三萬餘人行意取薪日  
久撤毀民間因而盜取亦無限禁積年燒焚莫辨  
虜虜木杪木至有積滿一間側木絳香木而為薪  
者丙申年春開鑄錢場又取為炭立鎮守營再



順

取作奇隊房屋用之有餘至五月始令諸軍採採凡  
 噉山柴薪禁不得撤數舊軍房然錢場燒炭一撤至  
 四五十間未止也凡石磚甃以億萬計不足數矣  
 廣二處稱木之上好者曰花梨俗曰側密文細理潤  
 有香味如炙甘蔗其色始赤久黑性堅不害蟲人多  
 以作箱函卓子轎楨及諸器皿有名曰拜細軟色  
 白如象牙屈不可折可作靴鞘之柄與制長棍



紅木俗名山色赤黃如油漆堅寔細軟絳香膠木色紫

黃性極堅花紋圓卷有如螺髻玳瑁作器四鋸作箱

箱函皆好

油漆木出明靈縣拜丕總人家植樹其木似番桃葉

似桑而厚有三枝尖銳其寔實似柿皮粗有四核春初

採剥取核搗細蒸過成油色黃而光虫鼠不敢食有

飭器物再蒸如膏八陳黃成金聲八銀珠成朱色



## 油

合石灰與細刮嫩竹皮搗之成膏以敵錫片混搽塞  
 船罅漏處其堅如石虫不敢穿前阮氏置置油膝二隊  
 合六十人取各縣社填充免其差餘脚米搜役各錢  
 許代納二百五十六量四鉢七分量似升而稍高一量  
 准除錢七百償價一量錢三貫

瀨出登昌縣甘露市處之源頭樹大數圍葉似簪  
 木五六月間斫樹成孔道燒過令來氣以器承之油



脂溢注器中三日一取歲取一面三歲而止待樹皮完全  
 復斫別孔取之其油色白而粘可以點燈歸仁富安  
 二府亦產此木其油黑而稠勝於甘露八鉛粉可以飭  
 物前阮氏有取河渠社福安村稅例據人數一平歲  
 油七十鉢免其搜另各役

蔥  
 勞竹出廣南濰川縣忠祿社安農縣絳羅社歲各  
 納一百二十束大次八十束每束五十株小次四十束每束



胡

一百株

椒出明靈拜丞總各坊與枚舍社樹植滿林蔓附眾  
 木而生九月有花十一月結寔五月採之六月全收初  
 植者摘舊椒蔓之正月出直上者第一芘鬱次大  
 樹下深二尺蔣之遮蔽風日培燒肥土五年而後成  
 寔昔端郡公嘗差人依價買載及魚翅燕巢賣  
 與商人易取貨物遂為例阮氏以歲五月上旬差





以六十葉為犖十犖價銅錢二十文商客每販八富  
春及出康祿布政橫柳亦賤十巨果只錢三文其已  
羅密樹植年久皆成巨材色黃文細明灵登昌各  
縣民每以作屋柱有濶至一尺一寸者又取板片作屋壁  
順化香茶縣各社與富春城上下村市樹木高大甚多  
蒼羅巴密優曇之類皆數十圍官軍恣意斫伐  
取板取薪一年不盡古稱故國喬木信然



順化俗呼薏苡為通麻子為鰯果黃為果貧果那

為莽椽巴羅軟者呼為椽濕不軟者為椽燥蒼  
四維大者為吹鴉小者為吹紺中者為沐椽

順化檳榔四辰皆有軟嫩而甘價最賤十果總二文

廣平俗一榔樹下植一菴藤蔓附而上或以附植一胡  
椒藤園林鬱然溢雲山脚為廣南坊落坊這坊  
西等處檳榔成林果老皮爛土人取核堆積孔漕

販回廣東人喫食代茶羹

### 芭

蕉各類皆有之名稱殊於四鎮撥亭為撥猱括

最甘香撥齧呼為撥使有名娑香菴似撥蕉味頗

酸有名撥青蕉者似撥聰猫又頗長有名撥佳

似撥亭而小心黃味甘香有名撥棹者出河仙鎮皮

薄心黃味甘

順化多芋有名芋排糖煮微黃軟膩如蠟有名芋



拜

頭餘處處皆植之四月植十一月採根大如盂煮食  
 與京北東畬芋味同有名芋姜子叢生如姜色白  
 而軟膩有石芋椰子叢生最多其莖可茹

社總與枚舍社皆植菜油木榨賣為生麗水縣每  
 社亦賣油子寔榨販各縣各戶每坊例納漆油稅  
 歲四十埕免其搜另橋道捍墨府庫草象市渡開  
 港磚瓦排表賞標及各外禮諸務



香茶扶宅織蒲席亦以作帆其席亦如京北廣覽席

麗水大福綏祿二社織草菅席

奠<sup>南</sup>舟府新福縣花山社納花席替<sup>禮</sup>另係歲正旦一

前廣東<sup>南</sup>營收軟席三十五雙軟小席四雙擢瑜席

八雙板長一雙板短一雙稔小席四雙白連席置

文廟一雙擢瑜繼玄纁一雙共五十雙又白席各項

發在伊處公堂府及廟寺七十五雙然花席亦





有辰令廣南各官買或以置於廟寺五十二雙或置  
營府至三百六十雙

歸仁府符離縣鴉翻社有擢瑜席象隊歲納三十雙

富安府亦有此隊歲納廣席五十雙連席一雙狹

席一雙

藤席出順化各縣漁頭並無稅惟海陵圓嶠延歲

納藤席二雙廣南花席例長五尺四寸橫四尺軟席

丁巳年記

撫邊雜錄 卷六

第一百十四張



長七尺八寸七分橫一尺八寸八分佳文席出扎罽潔  
 白輕軟可卷置衣箱花藤席亦出扎罽有赤黑  
 文道縱橫相間

順化笠制俸與各處較異富榮朝山三甲上織笠甚  
 為細薄

香茶寫初社作中小紙舊有稅例流到富安中紙村  
 亦歲稅大二千五百中三萬二千

寫初社中小紙與永昌社方色紙並用楮皮鹿水縣大

福祿綏二社大紙用商陸木皮

印模  
藥譜

亦覺堅厚與清

在令一紙不異

香茶縣魚網坊例稅土雞瓦三十口

康祿縣潘舍黃江二柯善鑄鏡阮氏取潘舍六十人置

為左右鏡匠二隊正司官十二人給寓祿人田一畝歲

錢十貫另四十人軍人歲糧十箕錢五貫以外左外



右分管後再增每隊二十人應作器械其鑄柱鏡  
 每口例鐵十五塊炭錢三貫五百鋼十斤油一量  
 鑄挾鏡每十口例發缺三十塊炭錢十貫鋼三  
 十斤又取黃江四十人置爲內鏡匠司內首合一人歲  
 二十貫司官一人歲三十貫軍人歲糧十斛錢五貫  
 所作同前其鏡釘冶匠作鴛槓銀匠作耳的耳  
 匠作榜木匠作二隊兵准鑄成鏡內心而已

順化有鑄匠司二隊各三十人有鑄坊在富春河南岸

皆雜居僑寓亦能鑄銅鏡其鼎鑊錫鎗燈檠蝕  
 臺諸物其木炭水隊永慶己酉年始立額一百人  
 免差餘錢米并搜役屬知圖家歲納色米木炭  
 稅在鑄場漸漸加至一百九十五人

富榮網池以冶作鑄鉞斧斨爲業茂材社善作鋤  
 線缺線安畱社善磨器械野梨社善作船蓬轆



蓬及晝幅

阮氏有內錫匠司另十人其匠頗巧錫價亦賤所作

芙蓉盒刻畫花彩二件共古錢四陌但色欠光耳

前阮氏每年生日禮各匠司本部錢一貫大唾甕鉢

一口中唾甕鉢一口燈柱鉢每船一株鑄匠司京人

錢五陌大唾甕鉢一口中唾甕鉢一口燈柱中鉢一株

廣南會安庸銅鍋銅盤洋船敗到平辰以千萬計

北客又販回清河庸每得一倍之利

大明宣德辰器四最精工銅香炉有刻宣德年製字

者皆光滑瑩潤絕無纖滓順化人多以古銅炉相尚

磁器碗碟杯瓶有花道似製裂衣不裂者謂之窑变

亦宣德辰樣西洋銅壺名自鳴鐘形狀不一苗天文

內院慈心伯育阮氏所付修治一座其制如侯亭狀

高可一尺前面銅片一幅中圈环刻十二時辰午上

丁巳年記

撫邊雜錄

卷六

第二百七張



子下卯東酉西特間分八干四維方位自丁起一數  
 刻一直蚤未二數坤三數順行以至子十二數又自  
 癸起一數丑二數左旋以至午十二數廿四時每時四刻  
 外圍共蚤九十二刻幅之正中置二針內金針一以  
 指時刻大而短內金針一以指分刻小而長後面鉄  
 片一幅左右面各銅片一幅一以爲遮蔽其中四角銅  
 柱四件內銅柱五件大小銅輪十五件內大輪三件





一軸橫貫其輪外皆作鋸齒形轉連之辰互相磨  
 湯上有大鐘一顆小鐘六顆銅樞一以打大鐘六以打  
 六小鐘其下為架高五尺置一銅壺於上以銅繩三  
 道穿大軸上間三輪中而垂下中繩稍短二邊繩  
 稍長繩之兩端一端繫大鉛丸重六斤一端繫小鉛  
 丸重一兩七錢以轉其輪而運行焉其法每見大鉛丸重  
 垂將隔地一尺即輕托之而曳上使小鉛丸垂下不爾則



不行矣銅輪後又有長更銅顆懸而垂下以節其運  
 行不爾則一向轉運不依時刻矣係銅輪行到丁時初  
 一刻則小鐘打一合初二刻打二合三刻打三合四刻打  
 四合即止丁時其大鐘打一聲又行到未時正一刻其小  
 鐘打一合正二刻打二合三刻打三合四刻打四合即未時  
 其大鐘打二聲其餘各時因比推之坤時三聲申時四  
 聲以至庚五酉六辛七戌八乾九亥十壬十一子十二癸時



又如丁時打一聲丑時打二聲良時三聲寅時四聲  
 以至申五卯六乙七辰八英九巳十丙十一午十二按時而  
 動每月無差銅壺之上又爲架架上爲蓮葉形以蔽  
 之右後二面小晶片幅爲之蔽左前二面則爲門片  
 令可開閉以便看視慈心伯因循累年不假丙申  
 年五月有瑪瑙客名財副言伊曉此喚問之伊稱  
 年老不能爲人有稱前阮氏鏡匠首谷昭才男阮文



綉之能者合依法修理十日而完文綉復有所造中  
 次銅壺並依前式內減五輪與小鍾六顆及線繩一  
 道則無打刻而只按時打鍾以測影驗之無有差  
 謬文綉登昌之大豪社人少學和蘭國居二年傳  
 其藝能造自鳴鍾各項又能作千里鏡甚工巧  
 年七十四眼力如少辰弟文詩子文維壻文勇一門  
 並曉習文綉又有修一銅壺亦如前阮氏所付之



自

器其內近前面加二銅輪竅通於外正當針之左右  
 左六十銅片刻自甲子至癸亥右三十銅片刻初一日  
 至三十日係值某日兩邊透現字週而復始真為妙絕  
 自鳴鐘又有一樣寔是自西洋帶來高一尺五寸濶一尺上  
 作仙人騎象形左右作二龍朝天形下四足為象點  
 地形銅精而刻晝工巧中空則圓卷形前面磁片圓  
 制其外層刻西洋字中層刻二十四時鐘聲之數子



午同一位在上刻十二爻癸丁同一位一爻在西南順行  
 而左旋丑未同二位二爻艮坤同一位三爻寅申同一位  
 四爻甲庚同一位五爻在西北卯酉同一位在下六爻乙  
 辛同一位七爻在東北辰戌同一位八爻庚乾同一位  
 九爻己亥同一位十爻丙壬同一位十一爻在東南復  
 至於子午每磁片中心內針外針如前制內針行到  
 某時大鐘依聲數而打壬至子子至癸之中間並



有花點內針行至鐘亦打一聲以辨時之首尾十二時  
 皆然磁片之外一水晶片銅卷色之其左為樞以便  
 開閉銅壺之中心懸圓扁銅板內外三層皆針為  
 一內大輪二小輪十橫直小柱鋸齒相八輪板相間又  
 有鉄橫軸上磁片穿孔於鉄軸有辰不行鉄輪不  
 插入輕轉之而自行其工妙難以形狀上大鐘一以打  
 時刻後有長更銅顆轉運不停以節銅輪之運行

後面一銅片左樞右輪亦以開閉焉意古之璣衡不  
 過如此文綉亦能修之無有穿牙繩但此器置置平則  
 行少不平則不行

順化有鶴頂玉似象牙而黃微有赤点細膩光潤製

為香蠟盒及念珠帶之能避蛇虺此自洋船販  
 到非土產也按武備志三伏齊國一名首港產鶴頂  
 鳥大於鴨腦骨厚寸餘外黃內黑鮮麗可愛浮



濤沅國亦有之

順化有名環玃玉自和蘭商船帶來青白二色爲多  
淡黃紅赤絕少大者如玉蜀黍小者似綠豆以飭指  
環及帽頂暗中有光瑩瑩然近目視之五色光彩青  
紅閃爍入火不焦一粒價至銀百兩其次爲水鏤火  
鏤金剛諸玉

西洋國人慈心伯爲前阮氏天文內院居富春坊已三十



順

年所携書首數十卷蓋西洋字人不能試園堂旣正潔  
 以賣藥爲業其貯藥丸散酒湯並用水晶玻璃器  
 四伊云蛇目石簌指環者只有淡黃純黃二色別色  
 皆假也環照玉入火不焦碎者爲真焦碎者乃水晶  
 化以葉磨琥珀顆光圓咀鬱金汁噴之然後以紫栳  
 木浸酒蒸過將琥珀串浸染片時淡者皆成赤色  
 次日取少油擦之瑩澤如真珀紫栳木中國無之出於



琿

暹羅諸國番舶酒煎水浸深紅可染洗之色不退  
 琿出廣南苗無常稅有用製服飾其該國家官令  
 伊處公堂官傳下各社村坊採買逾納或四千五百  
 斤順化處人多以飾方盤圓盒中箱劔軼占城高  
 綿盤盒飾琿琿則多簌水晶小方片青珀石燦然  
 玄伯出可仙鎮其塊似銅塊色黑如鉄人云能辟風旋  
 作念珠串琦璫出廣南處平康延慶二府各社山



頭為第一出於富安歸仁為第二其香乃是楮樹  
 心結成楮有三類牛舌楮朗楮為苦沈泉楮為沉  
 香楸楮為琦瑯香人見樹老葉黃軟削之卷者  
 名黃蠟沉難得浮者名棧香沉名煎香雞骨  
 香圓沉而心堅並不堪用竊意琦瑯香上好者  
 乃黃蠟沉次者乃黃沉之類

香  
 茶縣有綵雲坊居富春江東南府柑之後間山田

## 廣

陽春萬春三社地分分爲三邑每邑十家每家織  
二十五人其遠祖原升在府廣南常人學織於北  
容世傳其藝絲紗綾錦紬諸花樣巧妙

南稅絹只取於升莫二府至如富春府有織匠曰  
紗絲隊例納差餘絹稅三十六尺十三寸替錢  
二百十八貫六百四十二文廣義莫在縣龍鳳社例  
絹二尺七寸五分八分替錢十一貫二百卅八文升在



歲絹一千五百四十五疋奠舟名富洲歲絹二千三百五十八疋昔端國公以供貢賦者濶一尺七寸長三寸尺其厚如線紀

升在府在洲屬歲納絹八百九疋禮絹十一疋貯十七函遞納蓋稅以上供禮鎮官亦古意也

順化育錦絲匠不過十餘人召人數出四幅小差隊收八庫方錦絲價錢九陌厚錦召價錢六陌薄錦



絲價錢五百亦有年令代納錢

順化每年正旦知簿艘禮紅縐一疋替納錢十貫白團花綾一疋

每年生日禮同該簿艘只有生日禮真金銀一疋替銀十七

貫紅方絲一疋替錢五貫白方絲一疋替五貫

廣南營有光綾匠歲納替差餘嘗新節料稅光綾

四十六疋廣義慕莊縣清好社歲替搜另白布一千

一百七十疋

丁未日記反

撫邊雜錄 卷六

第三百五張



富榮縣同黃揚弩軍魯等社出細布安留社黃絹白絹  
富榮繡線匠最工花樣疎密殊彩同麗婦人多好  
繡於衣履及繡芙蓉

香茶廣川社人善織馬尾帽能作龍鳳之彩萬壽三  
山六宝諸花樣製衣爲道中望之霏微如玄紗人多以  
琥珀顆嵌作帽頂

康祿一縣皆織布不織者二社耳麗水之平舍武舍





並織絹爲業景興五年甲子暎國公因大安人傳言  
讖云八世還中都以自端國公至已適當八代乃稱王號  
取三才圖繪中冠服体制衣爲体式合武自掌營至該  
隊文自管部至占候訓導各依衫樣衣皆用絲緞  
貴者用蟒袍木波其帽飾以金銀又令二處男女改  
用北國衣裳帶裙以示變易至使婦女皆窄袖短衣  
如男裝則北國所無也三十餘年人皆慣習忘其本



俗王師八境登昌人陳惟忠獻詩有八代厭者秦法  
 令百年復觀漢威儀之句而富春設鎮撫衙門七  
 月始曉以本國衣服自有制度本地方從以前亦維遵  
 用國俗茲恭奉上德寧輯邊方中外混同政俗所  
 當齊一諸見存常服客樣衣裙應改從國俗體制  
 其更製者仍依國俗體制其有更製者仍依國俗  
 通行布帛惟有官職者方許間用紗羅紬緞其餘



順

錦繡及諸龍鳳彩色一槩不得徂舊僭用常服男  
 婦直領短袖衣其袖口或潤或狹隨意所使其衣  
 自兩腋以下並須合縫不許開折雖男人或欲着圓  
 領狹袖衣以便作事亦咱禮服用直領長袖衣或  
 青吉布或緇布或白布隨宜其緣領結褶等級  
 並遵依上年曉體制製用

化承平日久公私富贍服用鮮花又經曉王豪縱之



餘相效成風大小官員無非雕琢室屋磚石墻屋紗  
 緞帷幄銅鑰器皿側柱椅桌花磁杯盤金銀鞍轡  
 錦綵衣服花藤單席富貴風流互相誇艷民間  
 色目亦穿入絲花緞與紗涼地衣爲出入常服以布  
 素爲恥兵士皆坐藤席倚彩隱囊擁炉香烹好  
 茗銀磁杯而唾鑰壺飲食磁碟無非托貨一殮三  
 亡鉢婦女皆服紗羅紵絲衣繡花彩於圓領視金



銀如沙粟米如泥侈靡極矣

阮氏苗參謀黎公平言阮福淳向妄信者一國傳張福

好貨見利爭先家積金銀財帛無數尚不厭足又

仁二伯一掌水奇阮暖好酒終日酣醉世事全無知

識一右中奇阮曠好色娶妾一百二十人後房滿珠翠

仁用如此安得不亡

阮福淳於己丑年令各縣立遊春伴每伴五十人稅



錢人一貫放縱如此

暎王有子十五人長子福昊稱德媒早卒次掌瑀次掌

文其沆福淳年差少以其母同堂兄妹故陰養後

宮不立為嗣德媒有子福煬稱姊賜暎王亦不之

立欲立掌瑀以內右懿德侯保養之乙酉年五月

暎王薨其太監褚德侯與內左真敬侯詐傳遺

命於外左張福恣以福淳為嗣遂捕囚掌瑀為

而殺懿德侯曉王弟常郡公名掌鎮為福密所忌  
 令人告其謀反按之無跡以私銳一口為証囚之獄數  
 年疽發背卒癸巳年西山賊阮文岳即秦德起偽書參  
 謀佐并偽作福密詞謂陰使作亂參謀佐以報掌  
 文言於阮福淳令阮族諸將同查福密力言較點跡  
 非寔不之罪福密疑參謀佐所作召回打拷不招殺  
 之再潛令人告掌文與其徒通西山下之獄數月掌



文逃出生布政州林中為人所告阮福淳語福恠差  
 人捕捉詞至三江沉於湖中其慘刻如此福恠專  
 柄三十餘年貪殘誅殺甚眾所食寓祿洒涼秋  
 盆涼茶雲涼同香涼歲八四五萬又該艘舟鴉官  
 中象奇管戶部及諸雜事所入又三四萬金銀珠  
 玉重寶錦絲田園室屋奴僕牛馬不知其數所管  
 兵歲令納改貫朽錢藤索五重担嘗遇秋漲晒





黃金於日中藤席上一庭爛然每日三飧只發厨人  
 四陌出市抑買人不敢爭食物滿盤總說少一味即  
 厨人四出專買街市喧然但不能多食惟啖少白  
 臠與茶羹甲午冬王師臨胡舍移書數其罪阮  
 族乘機言於福淳執送軍前順化軍民譴呼破  
 掠其家爭唾罵之其子合遺恧公裨校名造桐金  
 三十鎰鎰求周全乙未春恧公入富春付監於內營



丁巳年正月

左又托洵壽侯納黃金三十鎰銀二百鎰乞贖罪其私

遺金銀寶玩動以千計丙寅春奉傳送京師又私

緩行賂仆黃金二鎰役日銀五鎰却不受問爾金

尚多曰顧責田園耳

順化無甚化貨寶皆取於廣南蓋廣南一處為天下肥

饒第一升奠之人能織布絹綵緞綾四維花彩巧

麗不減廣東田野廣濶稻梁美好沉速香味屏



象金銀玳瑁珠貝錦花黃蠟糖蜜油漆栴柳胡椒  
魚鹽材木皆出於此

歸仁廣義嘉定三府穀粟不知其數札客販買慣

燕稱之嘖嘖并奠之凡冷秋盆坊西等處產象如

牛馬民家各有畜牧歸仁廣義亦有之歸仁之椹顛

几墜出馬馬出生山谷千百為群有高二尺五寸及三尺

以上土人教馴載馱諸貨往富安府以至商販婦人



遊市遠行皆騎馬以為常

廣南營該徵新安庫田租場每年三月各官屬有堂

新禮該簿記錄人米一色乾椰四十斤酒蜜各四十担

替錢二十四貫該案知簿人米七色錢二十貫勾稽

每人米五色錢十六貫該合以下無蜜人米三色錢

八貫首人米十色錢四貫司札共札三色錢六貫此

一禮亦得米一百八十二色錢四百六十二貫至六月期



有嘗新禮記錄禮二十色乾柳一百圩酒蜜各二百埕各替  
 錢二十貫將臣吏司勾稽各米十色各禮替錢三十三貫  
 該合各禮米十色乾柳酒替錢十六貫首合各禮米三色  
 乾柳酒替錢六貫司吏共米十色酒五十埕替錢十貫  
 此一禮亦得米二百五十四色錢七百三十九貫其吏部該  
 徵亦有禮乾柳酒蜜替錢三十貫至如廣義記錄禮  
 不過米二色酒蜜各十埕芙蓉錢二貫奠身府柳蜜



禮數亦同之歸仁府亦然止有記錄提督二禮其餘則  
 無各府縣田祖湯亦無之至如每年禮節亦惟廣南  
 營官吏爲多正旦禮銀二十五笏五兩八錢八厘替錢  
 五百八十八貫三百三十六文笑錢十貫生日禮銀二十  
 五笏三兩一錢三分三厘替錢五百八十二貫三百三  
 文笑錢十貫既氏先世諱日有禮七笏三兩六錢六分  
 一厘有禮十六笏二兩五錢六分五厘有禮十八笏七

# 順

分一厘有禮三十筭三兩一錢三分一厘亦皆替錢銀每兩替錢二貫貝三百笑

錢每禮各十貫至舍差司亦納迺年正旦生日并諱日各

禮銀三筭二兩八錢替錢七十五貫四百二十四文

化每年十二月各營諸將有進臘禮方餅一盤替錢

八貫猪肉一盤替錢五貫順化有猪膏稅已丑年摩

封府各縣社村坊細各市猪膏稅在記府一百六十

四垵其餘亦有代納每垵錢三百廣南處亦有猪膏

丁卯年歲反

撫邊雜錄 卷六 第二百四十四張



稅一切代納每垵替錢五百

順

化庚寅年正旦其公族該奇二員只賀笑錢二貫該

隊十一員各猪一口替錢十貫其笑錢有十貫有五貫

該隊十員止有笑錢各二貫該隊二十八員如公族各

隊祀文班五貫止笑錢各二貫至如各奇隊船則其

中候奇船或八貫或三貫或二貫其餘一管二十五奇

三十隊隊長每名一貫其奇每船錢一貫中候內水



加納其錢或三貫或五貫屬堅十二船則隊長內船與船  
 兵同一貫各象奇止左象奇官楮芙蓉錢如該隊禮右  
 前後奇官只各芙蓉錢一貫五象奇兵各錢五貫錄此  
 以見前阮氏苗辰官軍之大槩

順化富榮縣驪溪知禮二社善造各次餅茂材社能造

胡餅廣田縣蕪菜社業燒酒買麵於越洋坊三十  
 六文得十餅煮之味醇而甘糯粒皆佳扶賴社亦好富



榮之西城民自造麴其酒頗淡

廣

南處廣義府慕花縣清好社歲納令史司酒五埕

富安府金戶奈油二屬例酒五埕同春綏和二縣例

酒二十埕

登

昌縣愛子社香茶縣龍湖社新館社美川坊並能

煮石糖黑糖

普登糖出奠磐府浮輕軟白一斤沈氏嘗令廣



<p>二社歲五十四婁明靈之春媚社歲二百六十八婁祀五十婁</p>	<p>順化鹽田稅者香茶之慶巽坊歲二十婁富榮之鹽場奉政</p>	<p>百五十三哩替田祖七百三十四哩餘給該場官二十哩</p>	<p>紅蜜出彰義縣義立村歲納差餘錢脚節搜另二千七</p>	<p>糖沙糖歲納各項共四萬八千三百二十斤替差餘錢</p>	<p>百民以供急腊發每斤三十四文無稅例三洲社能造冰</p>	<p>南記錄官買於春園洲東雷社有期三百民有期八</p>
---------------------------------	--------------------------------	-------------------------------	------------------------------	------------------------------	-------------------------------	-----------------------------



彌綸社歲六十婁祀五婁康祿渠河社三陽臨田湯歲  
 八十婁十三升平福場歲七十七婁二十七升鎮寧場歲八十二  
 婁十五升又祀十六婁鹽丁稅者香茶之河清社己丑年九  
 百八十婁祀十婁繼登坊是年一千五十婁祀十婁

順

化始附之餘方民未得得常業鹽廬廢壞富春左右  
 側村市之人多以船往海口載鹹水滿數十甕而歸  
 八大鑄者煮干沸取其乾結成鹽徒費薪炭色暗



味苦勉強而食而申春設鎮衙門始行開曉許各依  
 舊生理禁戢撓擾豁免征稅差徭許得通行販  
 賣於是傍洶社村漸同戶灶沙田鹵地以次墾治其  
 鹽甘而白不異各處春初一小碗為錢三十文秋初價  
 只六文香茶之鹽場奉政明靈之明媚弥綸各數百戶  
 並昭阮氏苗例受稅細鹽南布政州潯頭坊東高社  
 開煮已得八十戶渠河社奈村得五十戶未補稅例其



販鹽各社苗有計丁稅三妻四妻亦有補稅民得寬  
 養生理人愈增物價賤而國課裕可以不煩運載清  
 人之鹽而官軍隨處取足矣

順化江魚有名鮆誓身小頭扁俗以作鮆海魚有名籜  
 漸最小似魃腰門海鰕大於東南俗名鮆槍

富春江多鯉俗名爲鮓有一類魚似鯉而扁金色味甘  
 美如鯽呼鮆鮆亦似海陽鱖昧肥而大鯽魚大者

呼為斬整小者呼為斬隻諸江亦有之不如出潭池者之為肥

富榮福安坊大潭名潭菜菱多鱖魚蚶子其外景湯

海口則無之河中火潭魚稅歲千餘貫有名杯魚甚

肥美而多膏又蟬佑呼蝓塲舊有獻例

人安海口與北布政海門苗無甜自賢郡公阮克埒鎮

守遣船三隻往廣安夾境欽州採之役於彌綸海

丁巳年

撫邊雜錄

卷六

第二百六張



順

門至今此地有甜然其味尤劣

化處多夏田少秋田夏禾呼為正務秋禾呼為債務  
 肇豐府各縣糯粟之種有名糯暹有名糯麒麟味  
 香性軟九月秋十一月種四月穫有名糯暹有名糯暹  
 檳榔九月被十一月種四月穫有深田者種於十二月  
 有名糯香顆粒大味甘香有名糯翁老亦曰糯和頗  
 香軟並五月種九月穫杭粟之種有名為說粒赤十





明

一月種四月穫有名種粒粗而赤十月種三月穫有名  
 種宜高田粒有白赤二種有名沖粒微赤宜深田並十  
 一月種四月穫有名種宜高田粒小而長頗香十月半  
 種三月半穫有名種宜高田粒小色青白味甘有名  
 種亦曰種浩漫宜深田粒大十二月種四月穫

靈縣夏務糯粟之種有名種補粟黃米白大而香  
 軟有名種勃十一月種四月穫有名種兔粟米皆白



粒小而硬十一月種二月熟有名粳老有名粳鬚漢粟  
白米有芒圓大而香軟十一月種四月熟杭粟之種有  
名皮拖粟赤皮白薄粒圓米黃不蠹蟲可積作飯軟  
十一月種三月熟有名粳稔米赤香軟最早成十一月  
種二月熟下濕地則種皮拖鹹水亦然乾枯地則種  
粳稔有名浩漫粟米皆赤宜鹹水浩紅處十一月種  
三月熟作飯硬其祔務糯米之種有名粳白卵粟

香茶富磔廣田諸縣秋田多有禾獲於八月有七月初

粟白粒長米白宜下湿地五月種九月穫杭粟之種有名  
 針泊宜下湿地粟黃米白有名針賒有名針唵粟米皆  
 黃五月端陽後種八月熟有名秣宜枯燥地不宜水耕  
 過播種又勸過便生粟赤米白而軟五六月播九月熟

五月已見新稻者海陵以外則皆九月十月種明雷種明雷

冬總與畝舍社杭種有名魯烤魯鎮十一月種三月



粒小而長白味甘有名糴茹粟有有芒粒稍大而白有名  
 糴糝粟赤粒青有名糴薙粒小而白五月糴十一月蒸  
 並甘香有名餅薙粒小而白五月糴十月蒸軟而不香  
 其糯糴有名馱香粒圓白名糶勃粟赤米白火十  
 一月糴三月蒸有名饌麟圓大有鬚頂粟赤米白五  
 月糴十月蒸亦並甘香皆以供內廚者又有糶白印粒  
 白四月糴九月蒸不種田只播澠仙與谷阜姑地而粘



粟

生五月播十月熟有糲向平粟赤米白糲昆鶻又名糲

多多粟赤米白糲邦粟赤長米白頰鹹軟香糲

蒙粟黑米赤糲蠟粟赤米白諸種飯並宜枯硬

唯糲蒙頗軟問之士人云秔稻磚鑛茹糲雜五種

唯此總地為宜其外地不肥美種不不成實

水縣村居聯絡皆泥土沙田其下近湖一帶廣濶厥

田唯年汎一年兩稻夏務秔種有名檀通粟白米皆白

丁巳年歲反

撫邊雜錄

卷六

第二百四十一張



粒小宜沙田十一月種四月熟有名浩漫粟白米赤	粒大宜深田正月種五月熟糯種有名糯芒粟赤	米白名糯曷桿粟赤米白宜深田十二月種四月熟	秋務稅種有名針唵粟赤粒小沉沙皆宜飯軟	三月插秧五六月種八月熟糯種有名糯白昂粟米	皆白粒圓硬宜沙田六月種十月熟有名糯歌香花白	粟皮有毛米白而圓大飯軟味淡宜沙田與近人居
----------------------	---------------------	----------------------	--------------------	----------------------	-----------------------	----------------------



### 康

有冀壤處六月種十月熟有名粳針花白粟赤有  
 鬚米白而圓大飯香軟微鹹宜沅田亦六月種十月熟  
 祿縣杭稻多臄通種沙田泥田皆宜又多浩漫種  
 各糯稻皆與麗水縣同惟無歛香粳針二種

### 明

靈拜寺總與牧舍社地皆官田茲期人有借耕田者  
 一畝至鉛錢五六十貫當銅錢十七八二十貫一年畢務  
 即還地田其枯土耕過而勑皆播種隨即三日未生

丁巳年記

無邊雜錄

卷六

第二頁

張



者亦貴土俗民有牡牛則耕止一牝牛則二牛並耕茲辰  
 價貴大牛至鉛錢二百二十貫當銅錢四十貫小者亦八十  
 貫當銅錢二十七貫各縣皆然香茶爲貴

馬水康祿公田苗辰借耕一畝一務不過三四貫茲乃至鉛  
 錢二十貫當銅錢六貫三百亦罕有許者蓋人多田少  
 以分項給每人不過五六高總是食力以至多願爲兵  
 欲增三分之給耳



嘉定府同統地自芹除柴拉大小各海門全是林莽或千  
 餘里前阮氏與高綿相攻取得之始招募廣南奠磐  
 廣義歸仁諸民有物力者徙居於此伐剪闢闢盡  
 爲平坦水土肥沃任民自占植椰園結屋舍又收源頭  
 諸徭人男女賣之使爲奴婢自相配匹產育成人力田  
 作業以是致粟甚多各地方富人或四五十家或二三十  
 家每家田奴或至五六十人牛牢或至三四百餘耕種稼

獲汲汲不暇歲十二月十二月常春成米賣取錢爲節  
 臘自正月後即無餘土春作平辰賣入富春以易北船  
 絲綾紬緞衣服鮮花罕有布素其地多溪洫水道如  
 織不便步行高人有載大艦必帶小艦以通諸港自海  
 門上至源頭行六七日盡皆田野極目無際其平曠如此  
 其地最宜稻糯秔皆白軟秔種有名默撒粒小而長  
 白如錦文最香有名茹東粒大而白有名蒙西粒圓白

得飯多而堅實糯種又名稊蒞粒大而長白香軟有  
 名稊籩粒長大軟膩有名稊炭粒小黑軟膩有名  
 稊柘粒小如竹花香軟又名稊躡粟赤粒大白而香  
 軟各種春三月種秋七月下種十二月熟收穫至正月  
 方果二月作粟  
 定最多月柳諺云粟一柳二方民常不服收令自老摘核  
 下售以客

丁巳年

無邊雜錄 卷六

第二百四張



一  
二  
三  
四  
五  
六  
七  
八  
九  
十

--	--	--	--	--	--	--



撫邊雜錄跋

順化為國家南邊中興初阮氏以勳戚當軍賦之寄其後浸  
 不克修職貢累朝亦以度外置之羅河以南遂作殊域二  
 百年來斷布政為兩屬一葦為限南河之方皆茫然無  
 知也仕少年閱烏州近錄考疆域於紙上粗得大槩又  
 為雕刻之文字晦蝕之甲午冬奉 聖上銳意蕩平自  
 將出師一鼓而克其城奄收淪壤復為一統丙申春我桂

丁亥年歲反

撫邊雜錄 卷一

第二百零五張



堂相公以協鎮撫視師其秋回朝以是書見示書中具  
 載二處山河兵額稅例人才物產與阮氏傳襲征伐沿  
 革之末本粲然如指諸掌客見其書者以相公之淵源  
 博洽對任嘖嘖稱美是亦淺乎知相公矣我相公以文  
 章冠世三元及第名重兩國卓然為斯文領袖其學  
 問何待贅談曩相公在相府弼謨咸勤兵民財賦  
 燠然一新之講畫無一物累其胸中天下無賢不肖皆



為其所色容此又越人之度若夫記問著述乃我相公  
英花之餘緒耳廟堂之手段而求之几案之夫豈足  
以窺其涯涘也哉惟國之四陲順廣居極南環抱于  
暹藩散羅演南陸寔為重鎮今平定之始國則新造  
民如敝頑反政革俗勝殘去殺皆邊幹所重一番注  
措亦須有所考證是書其事博其義精其大旨又  
皆施政立治之要筭壽畫於朝廷之上而措於千里之外



丁酉陽春本

皆可於此書未又此又我相公之過人交匪直尋常之記載已也其真

學究首末為相公著書甚多自任所得見者皆於通商以洵其言于  
殿蹟以附其臣于不朽

不朽而文思苦澁曾未一就丁酉冬奉往諒山公務尋

是書奉還畧述數言于卷後云

日京興三十六年<sup>1777</sup>十月朔旦

賜丙戌科正進士奉若諒山處督鎮翰林校理青威

于舉吳任世祿拜手謹跋








撫  
邊  
雜  
錄

PHÙ QUỐC-VỤ-KHANH ĐẶC-TRÁCH VĂN-HÓA  
XUẤT BẢN 1973

TỦ SÁCH CỔ VĂN  
ỦY BAN DỊCH THUẬT

 Tim Sách

Giá :



1.100 đ.